PHẠM - VĂN - SƠN

VIỆT-SỬ TÂNBIÊN

VIỆT-NAM KHÁNG PHÁP SỬ

(TẬP THƯỢNG)

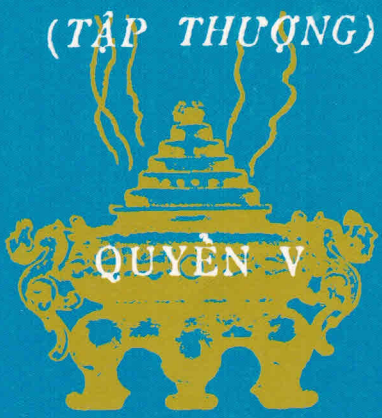

QUYỂN V

TỦ SÁCH SỬ - HỌC VIỆT - NAM

LA, August 17, 2017

Phạm-văn-Sơn

VIỆT-SỬ TÂN-BIÊN

QUYỂN V

(Việt-Nam kháng Pháp sử)

(tập thượng)

SAIGON
1962
TÁC GIẢ GIỮ BẢN QUYỀN

Phần chính - yếu

PHẦN THỨ NHẤT : Âm-mưu lật đổ ngai vàng của Tự-Đức: Vụ Hồng-Bảo, Vụ giặc chày vôi.

Xã-hội Việt-Nam dưới thời Tự-Đức.

Thái-độ của Tự-Đức đối với Công-giáo.

PHẦN THỨ HAI : Nước Pháp đánh chiếm Nam-Kỳ.

Hòa-ước năm Nhâm-Tuất (1862).

PHẦN THỨ BA : Các biến-cố ngoài Bắc-Kỳ.

Hòa-ước năm Giáp-Tuất (1874).

PHẦN THỨ TƯ : Tàn-cục của phong kiến Việt-Nam.

Cuộc bảo-hộ của nước Pháp.

Hòa-ước năm Giáp-thân (1884).

PHẦN THỨ NĂM : Các phong-trào cách-mạng chống Pháp

Tựa

VIỆT-NAM do hai Hòa-ước 1862 và 1884 đã mất dần đất đai vào tay Đế-quốc Pháp. Bắt đầu là Nam-Kỳ, vùng này đã được con dân Việt-Nam đổ bao nhiêu mồ-hôi nước mắt không riêng từ Gia-Long khi còn là Đại Nguyên súy nhiếp quốc chính. Các tiên chúa trước Cao-Hoàng nhà Nguyễn và các đồng bào nông dân trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh đã âm-thầm trút rất nhiều xương máu, đã hao tốn rất nhiều trí-lực mới đặt chân được vào miền Đồng-nai, biến nơi đầy muỗi mòng, rừng rậm, lam chướng này ra giải đất phì-nhiêu chan hòa sinh-khí.

Nhưng sau những tiếng đại-bác đầu tiên dội vào Đà-Nẵng của Trung-tá hải quân Pháp Rigault de Genouilly, mùa thu năm Đinh-Vị (1847, Thiệu-Trị thứ 7) Phong-kiến Việt-Nam đã tỏ ra quá yếu hèn. Vì vậy đầu năm 1859, tức là 12 năm sau cũng viên chỉ huy trên đây nay thăng Trung-tướng dẫn các chiến thuyền và súng đồng ồ-ạt đánh phá cửa Cần-giờ, theo thủy đạo tiến vào Gia-Định, thế mạnh như trúc chẻ ngói tan làm cho đồn lũy của ta hai bên dọc sông rơi rụng như sung chín. Võ-duy-Ninh với chức vụ Hộ-đốc bại trận thắt cổ mà chết. Trương-văn-Uyển, Tổng-đốc Long-Tường đến tiếp viện cũng chạy dài. Sau này những đại-tướng như Nguyễn-tri-Phương, Phạm-thế Hiển, Tôn-thất-Cáp v. v . . . cũng không tránh khỏi được cái nhục mất đất, dâng thành. Qua những kinh-nghiệm từ Cửa-Hàn vào Gia-định, quân đội viễn chinh Pháp đã biết rõ khả-năng của Việt-Nam quá ít ỏi và bao nhiêu danh tướng của Tự-Đức đã xuất đầu lộ diện. Liên tiếp năm mươi năm sau Pháp bày đủ trò để gây sự và xách nhiễu rồi chiếm luôn Trung-Bắc lưỡng-kỳ. Với hơn

một trăm lính vừa da đen, da trắng, Francis Garnier và sau là Henri Rivière lấy ngon thành Thăng-Long trong khi Nguyễn-tri-Phương, Hoàng-Diệu có thừa mười ngàn quân-sĩ. Đánh Nam-Định, Ninh-Bình, Hải-Dương Chuẩn úy Perrin và Thiếu-úy Hautefeuille chỉ xử dụng năm, bảy tên lính. Binh thuyền của họ chỉ là vài chiếc pháo-hạm nhỏ đi sông hay một số thuyền buồm. Phụ cập vào đám quân viễn chinh lơ thơ ấy là một số lính tập bản xứ tuyển luyện vội vã tại chỗ.

Phong-kiến Việt-Nam luôn luôn đầu hàng.

Rồi nước Việt thay trò đổi cảnh.

Thời cuộc Việt-Nam biến chuyển mau lẹ như trong một giấc mơ. Như thế là thế nào ?

Nền tảng xã hội Việt-Nam bồng bềnh thảm hại như mây chiều trước gió ? Cái hùng khí phạt Tống, diệt Thát, đuổi Thanh của con dân Hồng Lạc mấy thế kỷ trước đâu ?

Trên hai trăm năm nội tranh khi ào - ạt khi hòa-hoãn, dân-tộc Việt-Nam hao mòn không ít, vậy mà với một Nguyễn-Huệ, tinh thần dân tộc quật khởi làm cho Đế-Quốc Trung-Hoa dưới đời Thanh phải kiêng nể, giật mình.

Một trăm năm sau thời Bắc-thuộc, Lý-thường-Kiệt, Tôn-Đản đã ung dung xua quân vào Ung-Châu, diệt cái mộng xâm lăng của Vương-an-Thạch vị tể-tướng đời Tống khi còn trong trứng nước.

Do hai sự-kiện này, có nên nói rằng hưng-quốc hay táng-quốc là ở giai-cấp lãnh-đạo? Phong kiến Lý, Trần Lê hôm xưa thế nào, Phong kiến Nguyễn-thị cận đại ra sao ? Lịch-sử đã trả lời rõ rệt.

Từ thế-kỷ XVI Liệt-cường Tây-Phương thừa sinh lực về quân-sự và kinh-tế lần sang Á-Châu đua chiếm thị trường, đất đai ; giáo-sĩ, thương nhân của họ qua lại nước ta khá nhiều hết năm này qua năm nọ.

Bồ-đào-Nha, Tây-ban-Nha, Anh, Pháp, Hòa-Lan v.v... lần lần đến làm chủ nhiều dân tộc từ Đại-tây-Dương, Ấn-độ-Dương qua Thái-bình-Dương. Trò Đế-quốc xâm-lăng, Thực dân giảo-quyệt diễn liên tiếp mấy thế-kỷ liền quanh ta vẫn chưa mở được mắt đám vua quan da vàng chỉ biết có cầu an hưởng lạc.

Nha-phiến chiến-tranh bùng nổ năm 1839 trên đất Tàu, rồi Bát quốc liên-quân chia xẻ Nam-Kinh. Thượng-hải làm nhiều tô-giới chưa đủ là hồi chuông cảnh tỉnh Phong-kiến nhà Nguyễn từ ông cha đến con cháu, từ vua chúa đến giai tầng nho sĩ mà sở-học chỉ là mấy pho Tứ-kinh, Ngũ-thư, Nam-Bắc chư sử.

Dầu sao thì Việt-Nam cũng đã mất, sử Việt-Nam đã phải ghi ngót một trăm năm Tây-thuộc, sau nhiều Hòa-ước táng quyền nhục quốc. Nói lắm thêm buồn. Tác-giả quyển sách nhỏ này chỉ mong bằng những sử-liệu ít-ỏi, bằng những ý-kiến thô thiển nêu ra vấn đề trách-nhiệm của sĩ-phu Việt-Nam cận-đại, nguyên-nhân việc hưng quốc vong quốc của ta và thiên hạ.

May thay cuối năm 1945, nhờ truyền-thống anh dũng ngàn đời của tổ tiên, toàn dân chúng ta già, trẻ, gái, trai vùng lên tranh đấu. Máu đào xương trắng trút ra không biết bao nhiêu đã xóa cái nhục làm tôi ngoại quốc.

Giờ phút này dân tộc chúng ta đã độc lập, đã thâu lại được quốc-quyền, đã có tên có tuổi trên vũ-đài quốc-tế. Nhưng giành được nước chưa là xong, giữ được nước còn là khó. Nếu các nhà lãnh-đạo quốc-gia không khôn ngoan, sáng suốt, không hết lòng thương giống, xót nòi thì với tình thế Thế-giới đầy chông gai cạm bẫy ngày nay, chuyện dịch chủ tái nô chẳng phải là việc xa xôi nghìn dặm.

Chúng tôi mạn phép trình bầy nỗi thắc-mắc này, không ngoài cái tâm-trạng kinh cung chi điểu hay sự e ngại của những người mất bảo-vật đã tìm thấy bảo-vật.

PHẠM - VĂN - SƠN

(Saigon, ngày 5 tháng 3 năm 1962)

« Người Pháp đến đây không phải là đến một nhà vô « chủ. Bằng khí-giới rất đơn-sơ, dân-tộc Việt-Nam chống cự « lâu bền với súng lớn của ta một cách oanh liệt và đầy tinh « thần hy-sinh dũng-cảm. Những kẻ bị ta bắt được tại trận, « đem ra xử bắn hay chém đầu, đều thản nhiên chịu chết không « lộ vẻ gì nhu nhược, sợ hãi. Ta đánh chác nhọc nhằn suốt « 30 năm mới tạm yên. Phải biết dân-tộc Việt-Nam có nghị « lực cang cường lắm lắm mới đủ sức trì chí dai dẳng đến « thế ».

Đại-úy GOSSELIN

(L'Empire d'Annam)

PHẦN THỨ NHẤT

CHƯƠNG I

Triều Tự-Đức

(1847 - 1883)

NHỮNG ÂM MƯU LẬT ĐỔ NGAI VÀNG CỦA VUA TỰ-ĐỨC

Vụ Hồng-Bảo. — Sau khi vua Thiệu-Trị chút hơi thở cuối cùng, đệ-nhị hoàng-tử là Phước-tuy-công Hồng-Nhậm năm ấy mới 19 tuổi lên kế vị tức là vua Dực-tông, lấy năm Mậu-Thân (1848) làm Tự-Đức nguyên-niên.

Dực-tông được nhà Thanh tấn phong tại Huế ngày 10-9-1849.

Thiệu-Trị phế trưởng lập thứ bởi nhà vua cho rằng đệ nhất hoàng tử An-phong-công Hồng-Bảo học hành kém cỏi, hạnh kiểm xấu-xa hơn thế nữa, hoàng-tử lại là con một vị thứ-phi tuy bà này là con gái Kinh-môn quận-công Nguyễn-văn-Nhân cũng dự hàng quí tộc đời bấy giờ. Vua Tự-Đức là con bà Phạm-thị-Hàng con gái của công-thần Phạm-đăng-Hưng quê quán ở Gò-Công, huyện Tân-Hòa, tỉnh Gia-Định (1).

Vì chuyện thay bực đổi ngôi này trên lịch sử của các quốc-gia phong-kiến thường xảy ra những vụ sát phạt ghê gớm giữa những kẻ cùng một huyết mạch, họ Nguyễn cũng không tránh khỏi được cái thảm cảnh đó nhiều phen. Rồi âm-mưu đảo-chánh của Hồng-Bảo đã diễn ra như sau theo lời trần thuật của một số người ngoại-quốc có

mặt tại chỗ (Huế) bấy giờ là Giám - mục Retord, Pellerin, Giáo-sĩ Galy v.v... và đáng tin hơn cả là Giám-mục Pellerin nói : « An - phong - công Hồng-Bảo con trưởng của vua Thiệu - Trị không được lập làm vua theo như tục lệ cổ truyền ở Á - Đông, đã họp một số đảng viên hầu hết là những kẻ bất đắc chí, những kẻ có nhiều tham-vọng âm mưu gây cuộc đảo chánh ở kinh thành Huế.

Họ đã uống máu ăn thề với nhau Đó là một thông-lệ ở xứ này khi người ta lập những hội kín (thường để làm chánh-trị). Trong dịp này người ta cam kết sống chết cùng nhau và không bao giờ phản bội nhau, ngoài ra kẻ nào trái với lời cam kết sẽ bị tử hình.

Người ta thường giết một con lợn lấy huyết đổ đầy chén mỗi người uống một hớp. Ở những việc trọng đại hơn, người ta còn lấy dao rạch vào tay hòa máu vào huyết lợn mà uống... Lễ cử hành xong các đảng viên của Hồng-Bảo chia tay nhau, một nhóm đi ra ngoại quốc mở cuộc vận động. Một người đã do con đường Tiêm-La và Cao-Mên trở về đem theo một nhà sư đã tuyển mộ được. Vì không được đối đãi chu đáo ở dọc đường nhà sư liền đi tố cáo với nhân viên chánh-quyền Huế rồi đồng-chí của Hồng-Bảo bị bắt liền giữa một giấc ngủ đang ngon lành. Y bị trói bỏ cũi đem về kinh như một con thú dữ, bị tra tấn đau quá phải khai hết sự thật. Quả vậy vào khoảng đầu tháng ba năm

---

CHÚ-THÍCH — Vua Tự-Đức được tấn phong tại Huế ngày 10-9-1949. Việc tiếp đón sứ Tàu cũng như với triều-triều rất là long trọng tuy rằng lúc này Triều Thanh đã xuống giốc mà chánh quyền Việt-Nam nhường không hay... Triều đình tốn phí rất nhiều trong việc xây dựng các nhà trạm ở dọc đường hoặc theo thủy-đạo để đón sứ. Nhiều thuyền trang hoàng rực rỡ đi theo phòng khi sứ giả chán đường bộ sẽ xuống đi đường thủy. Số người phục dịch rất đông đảo. Trên quan-lộ dân phải lo việc chuyên chở sứ-bộ bằng võng ; người ta phải chở cả đồ đạc của sứ thần và kỳ nhất là phải khiêng theo cả những bao đất để nằm hay ngồi sứ vẫn ngửi được cả phong-vị của quê hương. Được đón tiếp trọng thể như vậy mà sứ bộ vẫn có bộ mặt khinh khỉnh đối với người Việt. Họ quên rằng chính họ đã phải ký nhiều hiệp-ước tăng quyền nhục quốc cách đó không lâu (1842) với Liệt-cường Tây-phương.

(1) Sau khi vua Thiệu-trị mất đi bà được tấn phong Từ-Dụ thái hậu.

ấy (1853), người ta thấy một chiếc tàu Tây (1) nhỏ không rõ quốc tịch nào đến đậu ở cửa bể trước kinh thành. Tàu này ắt hẳn là một tàu chiến. Trên tàu có khá đông người nào là Xiêm, Trung-quốc, Nam-Kỳ. Người ta bảo có thấy cả bóng người Âu-Châu nữa. Đoàn người này đợi mãi không thấy động tỉnh gì ở trong thành liền nhổ neo chạy ra ngoài khơi. Nhưng vì sự hiện diện của tàu này mà dân chúng trong thành rất xúc-động ; họ cho rằng chiến tranh sắp xảy ra, người giầu vội chôn của, kẻ nghèo rang gạo nắm cơm đem theo lên núi. Cơn khủng hoảng qua, các nhà cầm quyền phải ra lệnh ai gây hoang mang sẽ bị xử tử hình mới yên.

Rồi Hồng-Bảo bị bắt. Đình nghị kết án lăng-trì, nhưng vua Tự-Đức không nỡ tận pháp đối với anh ruột của mình nên đổi án xử tử ra án chung thân cấm cố. Người ta tính đưa Hồng-Bảo đến một nhà giam mới nhưng ông ta không chịu rồi nhân lúc vắng người ông dùng mảnh vải trắng trải giường thắt cổ chết... » Việc âm mưu đảo chánh này xảy ra cuối tháng giêng 1851. Giám-mục Pellerin không quên ghi rằng trong khi Hồng-Bảo gây bè kết đảng, ông đã có vận động cả những người công-giáo ở Huế giúp mình, hứa sẽ cho Thiên-chúa-giáo được hoàn toàn tự do và nhường nhiều quyền lợi khác nữa, nếu ông lên được ngôi báu. Các tín-đồ có hỏi ý kiến của Giám mục thì người trả lời rằng Công-Giáo không dự vào việc chánh-trị, Giáo-hội triệt-để cấm việc truất bỏ ngôi vua. Nếu Hồng-Bảo thành công, người công giáo cũng sẽ trung thành với ông. Thất vọng, Hồng-Bảo phải xoay sang hướng khác. Rồi việc đảo-chánh thất bại, ông đang sửa soạn trốn đi thì bị bắt...

Theo giáo sĩ Galy, chiếc tàu đậu ở cửa bể, gần kinh thành, là chiếc tàu Tây và một chiếc tàu khác sẽ chở ông qua Tân-Gia-Ba cũng hạ neo gần đấy. Tàu và ghe thuyền bị tịch thu. Người ta thấy có khí-giới và các đồ tích trữ quả rất đáng ngờ. Nếu việc này xảy ra dưới đời Minh-Mạng thì Hồng-Bảo đã phải xử vào tội lăng-trì nhưng vua Dực-Tông khoan hồng hơn nên thủ-phạm chỉ bị canh chừng thôi.

---

(1) Theo bức thư đề ngày 26-11-1848 in trong *Annales de la propagation de la foi* Giám-Mục Pellerin có nói đến sự uất ức của Hoàng-Bảo sau khi bị phế truất và cuộc vận động Công-giáo giúp mình gây cuộc đảo-chính.

Giữa khi mưu cơ bị bại lộ, Hồng-Bảo đã toan tự-vận, nhưng người ta kịp ngăn chặn. Rồi ông mặc áo chế, tóc để bù, tay ẵm đứa con sáu, bảy tuổi vào Đại-nội khóc thảm thiết với vua Dực-Tông. Ông nói quả có trốn khỏi kinh-thành nhưng không phải đi mưu loạn như người ta đã tố cáo. Trái lại ông buồn về thế-tình mà phẫn trí vì bây giờ ông nghèo khó, bè bạn tôi tớ ngày một xa lánh, ông không còn mặt mũi nào để ở trong nước nên nay ông chỉ có nguyện vọng độc nhất là sang sống bên Pháp như một kẻ thường dân. Vua Dực-Tông cảm động vì thấy anh quì ở dưới chân, an-ủi rằng nhà vua không bao giờ tin những lời vu-khống và cho phép Hồng-Bảo tố cáo lại những kẻ mưu hại ông để nhà vua trả thù cho. Ngài lại khuyên Hồng-Bảo đừng đi xa nữa, vua dùm bọc thì ông sẽ chẳng thiếu gì và quyết định nuôi con Hồng-Bảo làm con nuôi. Ngoài ra nhà vua còn cho Hồng-Bảo một số vàng bạc...

Rồi Galy viết cả lời khen vua Dực-Tông về điểm rất quảng đại này đối với Hồng-Bảo, nhưng lại tiết lộ rằng trong vụ nhà vua ưu đãi kẻ tội phạm một người đã bất mãn đó là ông Quế tức cố-mạng lương-thần Trương-đăng-Quế. Ông này đã mưu mô thay bậc đổi ngôi để Hồng-Bảo phải sống trong nghịch cảnh rồi làm liều đi đến chỗ thảm bại. Galy còn cho rằng chính ông Quế đã đặt cạm bẫy cho Hồng-Bảo rơi vào hầu có cớ thủ-tiêu ông. Người ta lại nhớ Hồng Bảo đã có lần nói rằng « ông bị cướp ngôi, ông chẳng buồn vì ngôi vua về tay em ông còn hơn sang tay kẻ khác. Nhưng ông muốn có dịp moi gan móc mắt ông Quế... ».

Về phần giám-mục Retord trong một bức thư đăng trên tạp chí

CHÚ THÍCH — Bài này viết theo tài liệu của Bửu-Kế đã đăng trong Nguyệt-san Đại học số 6 và 8 tháng 11-1958 và tháng 3-1959 nhan đề « *Từ việc Hồng-Bảo bị truất đến việc phản-nghịch Kinh thành* ».

Trong *Thực lục chánh biên* đệ tứ kỷ tuy chép bản án của Hồng-Bảo nhưng cũng không rõ hơn là bao nhiêu. Sách này ghi : An-phong-công Hồng-Bảo mưu nghịch rồi thắt cổ chết trong nhà giam. Con trai, con gái đều dự vào mưu phản nghịch ấy. Đồng lõa có Tôn-thất Bật đã chết, nay xóa bỏ họ Tôn-thất, Đào-trí-Phú trước đây bị cách, xử lăng-trì, gia-sản thân-thuộc bị tịch-thu. Hồng-Bảo vì bị truất-phế lén giao thông với Tây (?) bị bại lộ đã tha cho, vậy mà năm ngoái

Annales de la propagation de la foi có nhắc sự việc đại khái như trên lập theo lời của Pellerin nhưng nói rõ thêm rằng Hồng-Bảo lần đầu kiếm cách trốn đi không thoát. Người ta cho rằng ông định xuất ngoại để cầu một ngoại bang (1) Lần thứ hai ông đi thoát. Vua ngờ rằng có người công giáo đã giúp ông *(nên từ đó nhà vua gay gắt thêm trong việc cấm đạo).*

Vụ giặc chày vôi *(Cuộc đảo chánh thứ hai)*— Một trong những vụ rối loạn đời bấy giờ được đặc biệt chú ý là vụ giặc chày vôi do ảnh hưởng và liên-hệ của vụ đảo chánh hụt của An-phong-công Hồng-Bảo 13 năm trước. Người bàng quan tưởng rằng Hồng-Bảo chết đi rồi thì từ đó vua Dục-Tông được ăn ngon ngủ yên, ngờ đâu đến năm Bính-dần (1886) là năm Tự-Đức thứ 19 việc xây Vạn-niên-cơ tức là Khiêm-lăng lại làm nảy ra một vụ bạo-động thứ hai bên sông Hương núi Ngự suýt làm nguy đến tánh mạng cả vua Dực-Tông và có mục đích đem Ưng-Đạo con Hồng-Bảo trở lại ngôi báu.

(Nói cho đúng hơn, trước vụ Đoàn-Trưng còn xảy ra vụ mưu loạn của Hồng-Tập vụ này cũng thất bại và Hồng-Tập cùng toàn gia bị tử hình). Điều khiển và tham gia cuộc đảo chính này có chừng mươi người và vai chủ-động bọn anh em Đoàn-Trưng, Đoàn-hữu-Ái và Đoàn-tư-Trực v.v...

Trưng sinh quán ở xã An-truyền, huyện Phú-vang, tỉnh Thừa-thiên, vốn thông minh hay chữ, tuy chưa đỗ đạt gì nhưng có nhiều triển-vọng về tương lai. Tùng-thiện-Vương (Chú vua Tự-Đức) hẳn mến yêu một vài điểm trong các khả-năng của Trưng nên đã gả con gái là Thề-Cúc cho Trưng. Bấy giờ Trưng độ 20 tuổi.

(1853) lén cho người nhà trong phủ là Trần-tuấn-Đức qua liên lạc với Cao-Mên hầu gây việc phiến-động. Kinh.Lược Nguyễn-tri-Phương bắt được có giải về kinh tra xét thì việc bạo-nghịch có thật.

Nay Hồng-Bảo đã tự-vẫn trong nhà giam, con cháu phạt cải qua họ Đinh. Bật cải qua họ Phan tức là họ mẹ...

Về việc đảo chánh của Hồng-Bảo sử nhà Nguyễn như *Việt-Nam sử lược Quốc-triều lược biên toát yếu* quyển 5, *Liệt chuyện chánh biên* quyển 24 chép rất sơ sài và vẫn có thiên lệch ít nhiều, ngoài ra dường như người ta muốn làm quên một việc chẳng đẹp gì...

Buổi đầu Trưng ở rể tại Ký-thưởng-viên trong phủ của nhạc-gia sau dọn ra ngoài. Lý-do Trưng không ở trong phủ không phải là vì anh chàng quen thói rượu sớm trà trưa, phóng đãng kiêu căng mà Ưng-Trình, tác-giả quyển Tùng-thiện-Vương, cháu của Vương, đã đề ra là điều bố vợ không ưa, nhưng có nhìn vào hành động sau này của Trưng mới thấy Trưng ra ở riêng mới tiện họp bạn bè mưu toan đại-sự. Nếu ở trong phủ có bố vợ, các giới chánh quyền qua lại, tránh sao hết được những con mắt tò mò ? Hoặc giả chính Vương cũng biết chàng rể muốn làm một chuyện nghiêng trời lệch đất mà để ở trong phủ nủi thất bại thì ăn nói làm sao sau này ? Ra ở bên ngoài họ Đoàn lập *Sơn-đông thi-tửu-hội* với tất cả hình thức một nơi uống rượu ngâm thơ để che đậy các hoạt động chánh trị bên trong. Còn *Sơn-Đông thi tửu-hội* có đúng là một tửu hội hay không, chưa dễ nhà thơ « thất thịnh Đường » đã không rõ.

Còn nói cuộc đảo chính của anh em họ Đoàn có được sự tán thành của dân chúng hay không, ta có thể nghĩ rằng rất có thể có một số sĩ dân bất mãn đối với việc truất phế Hồng-Bảo của vua Thiệu-Trị bởi họ cho việc bỏ con cả lập con thứ có nhiều hậu-quả tai hại không riêng cho chốn cung đình hoặc là những người có cảm tình riêng với Hồng-Bảo về liên hệ tình cảm hay danh lợi. Dĩ nhiên anh em Đoàn-Trưng ở trong đám người này và sốt sắng bậc nhất nên mới tính chuyện thay đổi thời cuộc. Huống hồ con người anh em Đoàn-Trưng vốn hay chữ, lãng mạn cũng là một động-lực nó xui họ Đoàn bắt tay vào một việc phi thường cho đời biết mặt, biết tên hoặc để mưu đồ phú quí nữa... (1)

Rồi nhờ vào thế lực của Tùng-thiện-vương, vị hoàng-thúc có uy tín bấy giờ, anh em Đoàn-Trưng lôi cuốn được một số võ quan binh sĩ và dân chúng trong số đó có Tôn-thất-Cúc, Lê-chí-Trực, Bùi-văn-Liệu, Nguyễn-văn-Đệ, Hồ-văn-Sự, Trương-trọng-Hòa, Phạm-lương-Thành,

---

(1) Khi bí thầm vấn, Đoàn-Trưng khai : Vì thấy Đinh-Đạo tướng mạo hùng vĩ nên nghĩ rằng Đinh-Đạo có thể lên ngôi nên họp nhau phù lập để mưu đồ phú quí .. Bửu-Kế tác giả « *Hồng-Bảo bị truất* » trong Đại-Học số 8 nói vụ bạo-động này có ý *báo thù cho Hồng-Bảo và gây thanh thế cho nhạc-phụ*. Theo ý chúng tôi hai yếu-tố này không vững-chắc lắm.

hai nhà sư Nguyễn-văn-Quý, Nguyễn-văn-Viên, Nguyễn-văn-Võ và một người lính võ-lâm tên là Lê-văn-Tề.

Sơn-đông thi-tửu-hội đã mở cuộc tuyên truyền như thế nào ? Họ lấy danh nghĩa tôn phù Đinh-Đạo để kêu gọi nhân-dân hưởng ứng ; một nhân vật quan trọng đang giữ một phần binh quyền tại kinh thành hồi bấy giờ là Hữu quân Tôn-thất-Cúc cũng gia-nhập đám loạn quân này.

Bùi-hữu-Ái cạo trọc đầu, giả làm sư để đi lại với nhà sư trụ-trì chùa Long-quang tên là Nguyễn-văn-Quí. Họ dùng chùa Pháp-vân làm nơi tụ họp, chiêu mộ đồ đảng và chế tạo vũ-khí (chùa này do sư Quí lập ra, như một cơ-nghiệp riêng).

Rồi bọn Trưng lợi dụng vụ xây dựng Vạn-niên-cơ tức Khiêm-lăng (lăng của vua Tự-Đức) đã làm cho một số lính-tráng cực nhọc để gây cuộc bạo-động. Bấy giờ trong dân chúng có câu ca dao dưới đây :

Vạn-niên là Vạn-niên nào ?
Thành xây xương lính hào trào máu dân

Hai câu này có ý khích động lòng công-phẫn của nhân-dân chưa dễ là của nhân-dân mà có thể là do phe đảo-chính tung ra.

Nó là một ngoa ngôn vì sự thật Khiêm-lăng đâu có đồ-sộ lớn lao gì như Vạn-lý-trường-thành của Tần-thủy-hoàng mà bảo xương lính chất như thành, máu dân tràn mặt đất ! Chỉ nên nói rằng Khiêm-lăng ở một chỗ cũng hơi xa, viên đốc-biện trông coi việc xây dựng là Nguyễn-văn-Chất và Đồng-lý Nguyễn-văn-Xa có tính khắc nghiệt khiến lính tráng ta thán. Sự thực chỉ có như vậy.

Tại chùa Pháp-vân nhóm *Sơn-đông thi-tửu-hội* làm chay suốt 3 ngày để các đoàn viên ra vào tự nhiên hầu tránh tai mắt của chánh quyền. Việc tập-họp và bố-trí xong suôi, Trưng báo tin ngày giờ khởi sự cho Tô-thất-Cúc biết.

Ngày mồng tám tháng chín (năm Bính-dần 1886) vào canh ba, đoàn quân phiến loạn nhóm ở chùa Pháp-Vân xong liền kéo lên Khiêm-lăng (1). Trưng đi võng mạo xưng là quan Tham-tri bộ-Công đến thanh

(1) Cuộc dấy động của Đoàn-Trưng khởi đúng vào ngày mồng 8 rạng mồng 9 là ngày Cức trực trong Đại-Nội.

tra việc xây dựng ở Khiêm-lăng. Ý định của Trưng là bắt Nguyễn-văn-Chất để hạ-sát và gây sự phấn khởi cho mọi người. Nhưng Chất may hôm đó không có mặt ở đây nên chỉ có Thống-chế Nguyễn-văn-Xa đang giữ chức đốc-biện. Xa bị trói lại. Rồi đứng trước mọi người Trưng dõng dạc tuyên bố : Ta phụng sắc bãi ngay công tác xây dựng Khiêm-lăng và mọi người phải theo ta về thành để lập Đinh-Đạo. Ai trái lệnh sẽ bị xử-tử ngay tức khắc. Vừa được nghỉ lại bị hăm dọa, lính-tráng thợ-thuyền theo ngay. Họ được chia vũ khí, người không có thì cầm gậy guộc và chày (chày dùng đâm vôi (1) để xây Khiêm-lăng), nhân số có độ trên một ngàn người chia thành ba đạo : Đoàn-tư-Trực và Nguyễn-văn-Võ dẫn tiền đạo, Đoàn-Trưng, Đoàn-hữu-Ái, Phạm-Lương dẫn trung-đạo, Trương-văn-Hòa, Nguyễn-văn-Quí, dẫn hậu đạo.

Tảng sáng cửa Đại-nội mới mở sau khi có tiếng súng nổ theo thường-lệ Đạo tiền và trung mới do của chánh-nam kéo vào Ngọ-môn rồi rẽ qua hai bên đến các kho Cầm-y và Kim-Ngô để đoạt vũ-khí.

Nguyễn - văn - Hựu chiếm được thanh gươm bạc nên binh lính trong Đại nội phải răm rắp tuân lệnh, lúc này bọn Trưng được Tôn-thất-Cúc từ Đại-cung-Môn bước ra hiệp lực cùng tiến sang cửa Tả-dịch. Nghe tiếng huyên-náo, Phó Vệ-Úy Hùng chạy ra ngó, Tôn-thất-Cúc phải lẩn mặt. Phạm-viết-Trang chỉ huy sứ vội cho đóng chặt các cửa để cầm-cự. Quân của Trưng xô cửa tiến vào và đánh lui được quân trong Nội Nhưng đến cửa Duyệt-thị chỉ còn cách điện Càn - thành nơi vua Tự - Đức nghỉ có một bức tường, bọn Trưng vấp phải sự chống đánh hăng hái của Hồ-Oai là Chưởng-vệ quyền chưởng Long Võ-dinh. Đoàn-tư-Trực chém Oai mất đứt một tai. Quân trong Nội nghe tiếng gọi của Hồ-Oai chạy đến trợ chiến tới tấp và loạn quân bắt đầu núng thế. Lúc này họ còn chừng năm sáu trăm Đoàn-Trưng hét :

— Đội loan-giá đâu ! Hãy đem kiệu rước xa-giá Hoàng-tôn lên ngôi hoàng-đế.

---

(1) Vì quân khởi loạn cầm chày đâm vôi nên có tên « Giặc chày vôi ».

Kiệu mới đi được một quãng thì bị Hồ-Oai đuổi kịp. Oai quát mắng quân nghịch khiến một phần bỏ chạy, sau chỉ còn vài chục ở lại. Oai và Cai-đội Cát-văn-Sum thừa thắng nắm được Đoàn-Trưng và Đoàn-tư-Trực, riêng Đoàn-tư-Ái thấy đại-sự tan vỡ chạy vào chỗ nhà bếp của đội hộ-vệ-quân tự-vẫn. Nguyễn-văn-Võ lao mình xuống hồ Thái-dịch bị cử nhân võ Nguyễn-văn-Thích kéo lên được.

Bấy giờ hậu-quân của Đoàn mới đến bên sông Hương, Sư Quí nghe tin bại trận liền rút lui ngay về chùa. Bọn Trương-trọng-Hòa và Hiệp-quản Võ-Giác chưa rõ tình-thế vẫn nổi trống lấy vũ-khí và tiến vào Nội gặp bọn Nguyễn-Hùng. Lê-Binh, Lê-Sĩ ở Châu-Đức kéo ra. Bọn Hòa bị bắt liền. Ngay lúc này một đội quân ở Đại-Nội được lệnh đi ngay lên chùa Pháp-Vân. Sau đó, sư Quí cũng bị bắt nốt.

Thế là việc của *Sơn-đông-thi-tửu-hội* tan vỡ thảm thương. Sự kiện này không đáng lạ. Quân phiến động do thiếu tổ chức chặt chẽ, thiếu tuyên-truyền sâu rộng, thiếu cả kế-hoạch hành động và tiến lui. Một nhóm binh sĩ và dân chúng theo họ Đoàn bấy giờ chỉ có tính-cách tạm-bợ nên sau tiếng quát mắng của Hồ-Oai, họ rời ngay hàng-ngũ. Ví thử bọn Đoàn-Trưng có thành-công cũng chỉ được nhất-thời mà thôi. Nắm được kinh-thành Huế đâu phải là đã nắm được toàn-quốc. Lực-lượng của vua Tự-Đức còn ở nhiều võ-tướng đại thần trung thành đang hành-quân trong Nam ngoài Bắc dưới sự điều-khiển của các nhân vật có kinh nghiệm có uy tín như Nguyễn Tri-Phương, Ông-Ích-Khiêm, Phan Thanh-Giản, Võ Trọng-Bình thì gã thanh-niên Đoàn-Trưng giữ đâu nổi mãi ưu-thế, trừ phi được sự liên-kết và cộng-tác của một ngoại-bang hùng-mạnh có quân đội tiếp ứng ngay lúc đó.

Bảo rằng Trưng dựa vào uy-tín của Hồng-Bảo và của Tùng-thiện Vương và lòng công-phẫn của dân-chúng tại Huế đối với việc xây-dựng Khiêm-lăng, là đủ sức mạnh để lôi-cuốn nhân-tâm cả ba kỳ thì thật quá nông cạn. Tóm lại, cuộc bạo-động của Đoàn-Trưng chỉ là một ngọn lửa rơm chưa kịp sáng đã tàn hay chỉ là một cuồng-vọng sôi nổi của những tâm hồn lãng-mạn.

Sau vụ phiến động này, vua Tự-Đức có ra một cáo-thị biện-hộ cho mình về việc xây-dựng Khiêm-lăng, đại khái nhà vua nói rằng :

« Việc xây lăng là một việc làm theo thường - lệ mỗi khi

một vị vua bắt đầu lên ngôi. Nhà vua (Tự-Đức) hay đau yếu nên phải lo liệu trước. Ngài đã hiểu-thị quân dân nhiều lần rồi mới khởi công, còn ngay các vườn ngự-uyển hay cung điện đến nay có nhiều nơi hư hỏng cũng vẫn chưa tu sửa chỉ vì ngại phí tiền bạc và làm nhọc binh-sĩ...

« Về kiến trúc của Khiêm-Lăng cũng hết sức giản-dị. Đáng lẽ chỉ xây có lăng mà thôi thì sau này lại phải xây điện thờ vậy, nay làm hai việc luôn một lúc cho khỏi phiền về tương lai. Khiêm-lăng tiếng là mới, kỳ thực chỉ có 2 cái điện trước và sau, một cái lầu, hai cái viện và các ngôi nhà nhỏ bằng gỗ mới, còn thì dùng toàn các thứ triệt hạ ở các nơi khác đem về dùng.

« Đối với lính và thợ, vua luôn để ý và thường có ban thưởng và mong công-việc chóng xong để mọi người được nghỉ-ngơi. Việc bị kéo dài là do thiếu vật-liệu và mưa gió lụt lội... »

Cáo-thị này dài tới 2.300 chữ thân oan cho nhà vua tỏ rằng ngài không phải là một nhà độc-tài, bởi các nhà độc tài có cần thanh minh công việc của mình bao giờ.

Còn hình phạt dành cho các kẻ cầm đầu vụ phiến-biến ? Anh em họ Đoàn, các dư-đảng và gia-đình Đinh-Đạo đều bị xử tử (riêng Tùng thiện Vương chỉ bị phạt bổng một năm, còn vợ con Đoàn-Trưng được tha). Thảm hơn nữa là đứa con nhỏ của Đinh-Đạo tưởng đã thoát khỏi, về sau cũng lại bị bắt nốt tại nhà phò-mã Nguyễn-văn-Tứ. Đối với dư luận giới trí-thức đời bấy giờ bọn Đoàn-Trưng mượn tiếng phò lập Đinh-Đạo thì có thể Đinh-Đạo không có liên lạc gì với họ trên thực tế, huống hồ Đinh-Đạo lúc này đang bị giam cầm. Rồi Đinh-Đạo bị giết cả nhà thì đây chỉ là vụ Cao-bá-Nhạ thứ hai. Nhưng cũng không xa-xôi là bao nhiêu : khoảng năm 1833 Lê-văn-Khôi chống lại triều Minh-Mạng cũng lấy tiếng tôn phù Hoàng-tôn Đán tức ông hoàng An-

---

CHÚ THÍCH — Lúc này Đinh-Đạo còn đang bị giam ở ngục Thừa-Thiên nhân vụ án của Võ-Tập tức công-tử Hồng-Tập cùng mưu-đồ lật đổ Tự-Đức. Việc này xảy ra vào năm 1864 Tự-Đức thứ 17. Cả bọn của Tập bị bắt và bị hành hình. Xét ra dưới Tự-Đức có tới ba vụ âm mưu đảo chánh.

Hòa con Đông-cung Cảnh. Minh-Mạng giết luôn cả chị dâu và các cháu, như vậy sự tàn ác bất công ở nhà vua hay ở chế-độ ?

Trong Văn-hóa nguyệt-san loại mới số 67 năm Nhâm Dần, Ô. Bùi quang-Tung có tìm ra được một tài liệu chép tay chưa hề khai thác là **Bồn triều bạn nghịch liệt truyện**, *viết bằng chữ Hán (có một đoạn từ trang 38 đến 43). Tài liệu này thuộc trường Viễn-Đông Bác-Cổ tàng trữ và số hiệu là A. 977. Xin độc giả coi bản dịch dưới đây của ông Bùi quang-Tung để thâu-tập thêm một tiếng chuông ngoài sự ghi chép của sử-thần đời Nguyễn.*

Bản dịch dựa theo nguyên văn chữ Hán :

Vụ án Đoàn - Trưng

Tự-Đức năm 19 tháng 8 (Bính-dần 1866), ở phủ Thừa - Thiên, huyện Phú-Vinh. xã An-Truyền tục danh (Làng Chuồng), có tên Đoàn-Trưng cùng bốn em là Trực, Ái, Hòa, Thi tổng cộng 5 tên, tụ-tập đồ-đảng, lập mưu xua bọn công binh của sở Vạn-niên-Cơ kéo vào Hoàng-thành mượn tiếng sách lập Hoàng-Tôn lên ngôi (Hoàng-Tôn tức là Đinh-Đạo, con trai của An-phong-công Hồng-Bảo).

Nhắc lại khi trước, lúc Dực-tông tức-vị, Hồng-Bảo thấy mình là trưởng mà không được lập, cho nên khi lễ tuyên-đọc di-chiếu chưa xong, vì phẫn uất nên đã thổ ra hơn một chậu huyết rồi ngã vật ngay trước nơi điện đình, nhờ có người xúm lại đỡ dậy nên mới hoàn-thành được cuộc lễ đăng quang.

Cách đó ít lâu, ông định đáp tàu sang Tây. Nhưng công việc bị phát giác, ông bị bắt về. Tam-ban triều điền buộc ông uống thuốc độc quyên-sinh, lấy đá lấp lên mặt ván. Năm người con đầu bị nhốt vào trong khám đường. Đinh-Đạo là con trưởng thời bắt theo họ mẹ.

Mấy năm sau vua Dực-Tông nghĩ đến tình cốt nhục trong lòng cảm thấy bất nhẫn bèn hạ dụ cải táng An-phong-công để cho hồn người được mát mẻ. Khi mở nắp áo-quan ra, thấy những tảng đá chặn bên trên đều lọt cả xuống dưới, và hài-cốt biến thành sắc vàng rượi tựa hồ như mả đang kết. Nhưng vì đã phụng chỉ nên những

người phụ trách không dám tâu đi tâu lại, sợ phiền-phức, đành đem đi nơi khác cũng gần nơi cũ để táng. Lại có dụ phóng-thích anh em Đinh-Đạo, và cho vào Quốc-Tử-Giám học tập, nhưng lúc nào cũng có người theo sát để dò xét hành-động chứ không hoàn-toàn tự-do.

Đinh-Đạo sẵn tính thông-minh, học rất tiến-bộ, các môn nhâm-độn, kỳ-thư, môn nào cũng thông hiểu. Vẻ người lại đĩnh-đạc, khiến ai cũng ưa nhìn. Đến năm Tự-Đức 17 (1864) nhân vì phát giác ra vụ án của tên nghịch Võ-Tập nên lại phải giam vào ngục tối ở phủ Thừa-Thiên. Đinh-Đạo giam riêng một nơi ; bốn anh em giam chung một sở, và không được đi lại với nhau.

Bỗng một hôm Đinh-Đạo bảo lính hầu rằng : « Ta sắp gặp tai-nạn đây ! » rồi đem cho hết khăn áo. Lính hầu chẳng hiểu ra sao, cho là ông nói đùa. Quả nhiên cách vài hôm, công việc phản nghịch của Đoàn-Trưng bị phát giác, vì cớ là Hoàng-tôn có dính líu nên Đạo cũng bị giảo-quyết (thắt cổ).

Năm ấy Đạo mới ngoài 20 tuổi. Ông có đứa con trai lên ba tuổi ; khi mới đẻ ra, Hội-Đồng xét nghiệm thấy thân thể đứa bé hùng tráng. Hôm ấy đứa nhỏ cũng bị chịu tội như cha ; nhưng thắt cổ hai lần nó vẫn không chết hẳn ; khi ấn xác vào quan-tài nó vẫn còn khóc oe oe ! Có lời đồn rằng khi ấy có người đem xác đứa nhỏ khác vào thay thế rồi đưa nó đi ; thiết tưởng cũng chỉ là lời đồn nhảm, không thể tin được.

Nguyên lúc đầu khi bàn định việc xây cất Vạn-niên-cơ (tức Khiêm lăng bây giờ) hoàng-thượng dụ rằng công-việc phải hoàn tất trong vòng sáu năm. Viên Biện-lý công-bộ Phạm-Chất cùng với Thống-chế Xa (không có chép rõ họ gì) và hai người Đốc-biện việc kiến-trúc đặt lệ cho binh sĩ phục dịch cứ sáu tháng thay phiên một lần để nghỉ ngơi dưỡng sức. Vì muốn làm cấp tốc họ chẳng cho binh sĩ nghỉ-ngơi, thay phiên đổi lượt gì cả, nên chúng oán hận và đến đâu người ta cũng nghe thấy lời ta thán. Lúc ấy có ca-dao rằng :

« *Thế gian Đặng-Trợ là đầu (1)*

---

(1) Đặng-huy-Trợ làm quan có tính khẳng-khái và có chí lớn chưa mang ra thực hành được, đến phải ôm chí đó xuống cửu-tuyền khiến cho bao thức-giả phải lấy làm tiếc.

Chiếc thuyền thương-mãi qua Tàu sang Tây,
Một thằng Biện Chất nên ghê,
Xem quân như cỏ chẳng hề xót thương ».

Nhân cơ-hội này, bọn Trưng liền bày mưu kế với mẹ và vợ Đinh Đạo... Lại vừa gặp đúng lúc Hoàng-thượng nghĩ lại, nên khi bọn chúng xin lập đàn giải oan cho An-phong-công Hồng-bảo. vua thương tình cho phép ngay.

Ở gần Vạn-niên-cơ có một ngôi chùa, gọi là chùa Khoai. Bọn chúng lập ngay đàn chay ở chùa đó để tiện bề tụ-tập đồng-đảng. Các chư tăng kéo về dự lễ hơn một trăm người. Viên trụ-trì là Quí tự xưng là quân-sư. Viên Phủ-doãn phủ Thừa-Thiên là Nguyễn-văn-Tường đã từng phái nhân-viên đến thám thính nhưng không khám phá được âm-mưu của chúng, có lẽ cũng vì thấy thượng-dụ nên không dám tra hỏi cặn-kẽ.

Vào khoảng canh tư đêm ấy, giữa lúc dân phu đang tề tựu nơi công-trường, bọn Trưng áo mũ đàng hoàng, nghi vệ nghiêm chỉnh, kéo vào công-sở mạo xưng vâng lời dụ đến bắt viên Đốc-biện công sở là Thống-chế Xa cùng Biện-lý Chất giải về kinh để thẩm-xét. Còn các binh phu, hễ ai đang cầm chày giã vôi trong tay, thời được đổi phiên về nghỉ. Dân phu nghe nói cả mừng đổ xô vào bắt Thống-chế Xa trói lại, rồi vác chày vôi theo Trưng, (vì thế nên bọn chúng mới có tục-danh gọi là Giặc chày vôi).

Đi đầu một lá cờ to, trên thêu bốn chữ « *Ngũ đại hoàng tôn* » vì tự Cao-Hoàng truyền đến Ưng-Đạo vừa đúng năm đời. Theo sau lá cờ để tiến vào hoàng-thành có tới hàng vạn dân binh chày vôi tua tủa chẳng khác gì một rừng gươm giáo vậy !

Đêm hôm ấy Biện-lý Chất ngẫu nhiên lại lên về thành, nên thoát nạn. Thống chế Xa tuy là con nhà võ, nhưng thoạt đầu cũng tưởng có chỉ-dụ thực-sự nên không kháng cự. Khi đi được nửa đường trụ-trì Quí bấm độn lục nhâm đoán biết là sự sẽ không thành vội cởi bỏ nhung-y ra, chỉ cầm thanh kiếm, rồi rẽ sang lối khác để trở về chùa. Bọn Trưng cũng để mặc, không hỏi tới và tiến vào thành. Khi đến thành, trời đã tảng sáng, cửa thành đã mở, Trưng, Trực, Ái ngồi trên võng che hai chiếc lọng hai tay cầm hai thanh kiếm, do

cửa Ngọ-Môn tiến thẳng vào Nội-điện, toán thứ nhì do cửa Hiền-Nhân tiến vào Duyệt-thị-đường, quân-sĩ canh phòng cửa thành đều thảng thốt, ngạc-nhiên, lầm tưởng là Hoàng-tử thân-công nên không dám ngăn cản. Tên Ái vào tới điện Thái-Hòa, lên ngồi trên ghế Long-tọa, truyền gọi xe loan, quân-sĩ dạ theo răm rắp ! Còn tên Trưng và tên Trực cùng đồng đảng lọt vào tới điện Cần-chánh, lại không biết cửa nào là Tấu-Môn (cửa vào tâu). Đang phân vân thì chợt thấy viên Chưởng-vệ Long-võ-Quân tên là Hồ-Oai đi qua, chúng quát hỏi : « Mi giữ chức gì ? » Oai đáp : « Mỗ là Quản-xuất », vừa đáp vừa chạy Đoàn-Trưng chém luôn một phát đứt mất vành tai trên của Oai, nhưng may thay Oai cũng chạy được thoát, lúc ấy viên Cẩm-y chính điện là Nguyễn-Thịnh thấy bọn họ đã lọt vào Duyệt-thị-đường, bèn hô to lên « Có giặc ! » rồi đóng cửa trong lại cố thủ. Sức lực của Thịnh rất khỏe, bọn Trưng ở ngoài không sao ẩy tung được cánh cửa ra, chúng bèn thò gươm vào khe cửa, lia đứt ngón tay trỏ bên tay phải của Thịnh, máu chảy đầm đìa, nhưng Thịnh vẫn không chịu bỏ chỗ. Rồi phó Vệ-úy Hùng đem mười tên lính cẩm-y đến điện Thái-Hòa, thấy Ái đương ngồi ở đó truyền gọi xe loan, bèn thét lớn « Giặc đó ! giặc đó ! » Quân sĩ thấy vậy xô nhau nhảy tới bên Long-ỷ (ghế tựa của vua) đâm Ái gần chết, xong tiến vào phía trong gặp Trưng và Trực ở ngoài Tấu-môn, hai bên đánh nhau một hồi rút cục bọn Trưng đều bị bắt sống.

Hai tên Hòa và Thi lúc ấy đang ở cửa Long-Đức, Thống-chế Xa bị chúng trói từ Vạn-niên-cung giải về tới đây mới biết là giặc. Xa bèn quát to lên rằng : « Chúng là giặc đấy ; quân-sĩ chớ lầm ! » Các binh địch thấy vậy đều ném cả chầy vôi để chạy trốn.

Quan quân bắt sống được anh em Trưng.

Hoàng thượng vừa thức giấc gọi thị vệ vào hỏi. Nguyễn-Thịnh vì bị thương còn nằm trong trại Cẩm-Y, duy chỉ có Hồ Oai bị đau xoàng, theo vào tấu đối nên được ban khen.

Cuộc nổi loạn đã được ổn-định, nhưng các cửa thành vẫn còn đóng kín để tiện lùng bắt kẻ gian Một mặt lại phái quân đến bao vây ngôi chùa bên cạnh Vạn-niên-Cơ. Khi quan quân đến trong chùa vắn im phăng phắc, ngoài sáu pho tượng Phật người ta chỉ thấy có mình trụ-trì Quí hãy còn đương ngủ. Phái binh không nghi ngờ toan kéo nhau ra về,

thì bỗng thấy một chú tiểu trong chùa giữa lúc mơ màng chợt tỉnh, nghe thấy tiếng người huyên náo, hoảng hốt cầm gươm chạy ra. Quân sĩ thấy vậy sinh nghi bắt lại tra hỏi, chú tiểu thú thực hết cả sự tình. Quân sĩ lại quay vào trong khám xét, thấy bộ nhung-y trắng và thanh gươm còn dấu ở trong thuyền phòng. Họ trói ngay chú tiểu cùng trụ-trì Quí giải về giao cho Hình-bộ tra xét.

Khi mở cuộc tra hỏi, tên nghịch Ái, vì bị Hùng đâm trọng thương, nên phải nằm khai cung. Y khai rằng : « Việc này tự tôi gây nên, chớ không hề bị ai sai khiến », khai xong y liền cấu cổ tự-tử. Vua sai chém xác bêu đầu. Lúc bấy giờ cửa thành mới được lệnh mở, thì đã đúng ba ngày.

Rồi tra đến bọn Trưng, chúng khai rằng : « Việc thành thì làm vua thiên hạ, chẳng thành thì làm quỉ dưới đất, hà tất phải tra hỏi làm chi ! » Quan Hình bộ thượng thư là Lê-bá-Thận, sai đem kìm sắt kìm kẹp. Lúc kẹp thì chúng nhắm nghiền mắt lại, nhưng sau khi xong chúng lại cười nói như thường, đến nỗi cả hai vế đùi chỉ còn trơ trọi có xương không.

Riêng có trụ-trì Quí, xưa nay nấp bóng quan-âm Phật tổ, chưa hề được nếm phong vị ở điện Diêm-La, nên mới bị cực hình đã chịu không nổi, hễ hỏi là khai, nói rằng Đề-đốc kinh thành có dính líu trong vụ này. Y nói là khi vào trong Hoàng-thành thì thấy công việc đã xếp đặt sẵn cả rồi. Hình quan hỏi : « Hoàng-tôn ở trong ngục tối thì thoát ra bằng cách nào để cho các người tôn lập ? » Quý đáp : « Vì đã thông mưu với quan Đề đốc kinh thành, vậy cứ hỏi Đề-đốc thì rõ ».

Hình quan lại hỏi : « Vậy việc thông mưu ấy có ai biết không ? » Đáp : « Lúc ấy Đề-đốc đương hút thuốc, chỉ có một mình mà thôi, chứ không có ai biết chi cả ! » Bá-Nghi nghe xong bèn quay sang bọn Trưng để hỏi thêm về việc đó, Trưng đáp : « Đại-trượng phu lẽ đâu lại để cho kẻ khác sai-khiến ? Việc này dẫu có mười Đề-Đốc cũng chẳng có làm được ; và nếu muốn hỏi đến cùng thì chính cả Thượng-thư cũng có dự vào mưu đó ». Thận nghe xong không dám cật vấn Trưng nữa nhưng quay sang tên Quí lựa lời tra hỏi và chỉ lối cho Quý cung khai. Còn Hoàng-tôn Đinh-Đạo chỉ vì bốn

chữ thêu trong lá cờ nên không tránh thoát được tai nạn. Hữu-quân Tôn-thất-Cúc, Vệ-úy Tôn-thất-Giác người thì phải uống thuốc độc, người thì bị chém đầu. Ngoài ra lại còn một số lớn bị xử giảo (thắt cổ) và hành quyết. Đến khi vụ án đã hoàn thành rồi mà người bị tố-cáo làm phản vẫn còn mãi.

Giữa lúc ấy thì quan Kinh-lược Nguyễn-tri-Phương và quan Tổng-đốc là Võ-trọng-Bình đương ở Bắc-Kỳ, tiếp được chỉ dụ triệu về kinh-sư, nhận thấy tình thế rối ren như vậy bèn tâu xin cho kết thúc vụ án này để chấm dứt mọi liên lụy v.v... Bởi thế thời đó mới có câu rằng :

Thanh liêm có Võ-trọng-Bình,
Thành nghiêng muốn chống một mình sao xong.
Nguyễn-tri-Phương bạch đầu ông,
Sống không được mấy gỡ xong nạn đời.

Viên Kinh-doãn Nguyễn-văn-Tường và viên Phủ-thừa Vũ-khắc-Bôn đều bị cách chức, nhưng cho lập công để chuộc tội. Đề-Đốc Nguyễn-Hữu vì mới nhận chức, nên bị giáng bốn cấp đổi nơi khác. Riêng có Hoàng-tử thứ mười một là Tùng-thiện-công Miên-Thẩm vì xưa có gả con gái cho tên nghịch Trưng, nhưng không tôn kính mẹ chồng nên đã bị đuổi về nhà chồng từ trước ngày nay lại nhân vụ án được kết liễu mau lẹ, nên được miễn nghị. Lúc ấy thì Tùng-thiện-Công đang phủ-phục ở ngoài cửa Đông-Ba suốt ba ngày đêm để chịu tội sau mới được dụ cho Công tạm về tư-thất đợi chờ vì thế trong *Thương-Sơn thi tập* mới có những câu : « Việc xảy ra bất ngờ, xa gần kinh ngạc, và có 162 vần thơ thuật hoài đều nói việc ấy vậy ».

CHƯƠNG II

XÃ-HỘI VIỆT-NAM DƯỚI ĐỜI TỰ ĐỨC

Hoạt động của Tây Phương ở Á-Đông.

Như ta biết từ thế-kỷ thứ XIX Tây-Phương nhờ sự phát-triển mãnh liệt về công-kỹ-nghệ mà thành những nước tư-bản giàu mạnh. Họ đua nhau đi khắp nơi trên thế-giới để chinh phục thị trường, giành nhau đất đai để chiếm các nguyên liệu và nhân công. Á-đông là một vùng nằm dưới chế-độ Phong kiến từ ngàn đời còn đang lạc-hậu, văn minh cớ-giới như không biết đến. Đất rộng người nhiều lại sống theo kinh-tế nông nghiệp, dĩ-nhiên Á-đông là một thị-trường lý-tưởng trước con mắt của các nhà tư-bản Âu-Châu. Do đó năm 1599, Anh lập công-ty Ấn-Độ và sau nửa thế-kỷ (1656) Anh chiếm cả Ấn-Độ. Năm 1660 Hà-Lan thôn tính Nam-Dương ; năm 1840 - 42 Liệt-cường Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Nga, Nhật cũng đưa dân Hoa-tộc lên bàn mổ ; năm 1885 Anh lấy Miến-điện, năm 1898 Mỹ chiếm Phi-luật-Tân v.v ..

Ngay từ thế-kỷ XVII nhiều nước tư-bản trên đây đã qua lại nước ta, vào giao thiệp buôn bán với các vua chúa. Năm 1614, người Bồ-đào-Nha đến cửa Hội-An ; năm 1637 Hà-Lan lập thương-cục ở Phố-Hiến. Qua hậu-bán thế-kỷ sau nhiều thương nhân Pháp luôn luôn qua lại nước ta, đã bí-mật tâu với Pháp-hoàng Lu-y XV thôn tính nước Việc-Nam làm vị trí kinh-tế và chính-trị ở bên nầy bán-cầu. Rồi từ Lu-y XV đến Nã-phá-luân đệ tam kế lại tới thời Cộng hòa trở đi bọn tư-bản và thực dân Pháp cũng luôn luôn đưa ra những đề nghị tương tự. Suốt hai thế kỷ Pháp chưa đặt tay vào miếng mồi Việt-Nam chỉ vì thực lực tranh cạnh với Liệt-cường nói chung, với Anh nói riêng, còn mong manh, lại thêm lúng túng trong nội bộ do các biến cố chính-trị nên cái mộng « *Pháp-Việt một nhà* » của chúa Nguyễn-võ-vương 108

năm sau mới thực hiện được với ông vua hay chữ nhất của họ Nguyễn (Tự-Đức).

Quả vậy, cuối thế-kỷ XVIII sau cuộc cách mạng tư sản dân-quyền Pháp đang bành trướng kinh tế thương mại ra hải ngoại thì tư-bản Anh đã giật mất Ấn-độ và Ca-na-đa đưa Pháp vào một hoàn cảnh lúng túng. Đến khi Gia-Long lên ngôi, Pháp không biết trơ-trẽn còn sai sứ-thần qua đòi Thế-tổ nhà Nguyễn thi hành hiệp ước Versailles (28-11-1787), một Hiệp-ước chính Pháp ký rồi lại chính Pháp bỏ rơi luôn. Nhưng việc này tỏ rằng Pháp đói thị trường, đói thuộc địa, trong giai đoạn này Liệt-cường tiến mạnh về Viễn-Đông (Trung-Hoa, Nhật-Bản) thực-dân, tư bản Pháp không còn xông vào dễ dàng hơn là vào Việt-Nam, lấy nước ta làm bàn đạp để tiến theo liệt-cường ở khắp Viễn-Đông. Không làm thế, Pháp không còn cách gì để gỡ mình ra khỏi vấn cờ bí, cuộc khủng-hoảng kinh-tế, tài-chính, và sản-xuất ?

Giữa lúc này Việt-Nam cũng như nhiều lân-quốc nằm trong kế-hoạch xâm-lược của các nước da trắng. Thế-giới biến-chuyển mạnh từ Đại-tây-dương sang Thái-bình-dương mà vua chúa của các nước da vàng vẫn bình chân như vại, nhất là Phong-kiến Việt Nam đã từ hai thế-kỷ thành mục-tiêu cho mũi dùi của đế quốc Pháp. Từ đời Minh-Mạng vua tôi của ta đã bị xúc động mãnh liệt về vấn đề trên đây nên đã cử phái đoàn Tôn-thất-Thường, Trần-viết-Xương qua Ba-lê và Luân-đôn thăm dò thái-độ và tình-thế của Tây-phương như đã nói trong *Việt sử tân-biên* quyển IV. Đáng lẽ Tự-Đức và các bề-tôi phải mở rộng tầm con mắt để nhìn thiên hạ hầu tìm phương kế sửa đổi chính-sự từ trong ra đến ngoài cho kịp thời đối phó với thời-cuộc thì trái lại vua quan không dám nhìn vào sự thực hoặc quá mù quáng nên cái nạn xâm lăng của nước Pháp tiến đến sát nách mà vẫn yên nhiên tự tại. Triều đình bàn việc nước thì coi nhẹ hay gần như bỏ quên các vấn đề phú quốc cường binh là những vấn đề sinh tử cho quốc gia xưa cũng như nay. Trái lại hằng ngày họ chỉ mải mê uốn nắn mấy vần thơ, ngâm hoa vịnh nguyệt để tôi khen vua, vua khen tôi như coi trên thế-giới chỉ có một mình giữa lúc ngoại

bang đua nhau mài nanh rũa vuốt (1). Thảng-hoặc có ai nhắc nhở đến các việc cướp nước, cướp dân của các đế-quốc và thực dân da trắng thì người ta gạt bỏ đi liền cho rằng Tây-dương là bọn man-di mọi rợ không đáng sợ, hơn thế nữa, nếu cần ta sẽ nhờ thiên triều Trung-quốc can thiệp đủ đuổi bọn xâm-lăng ra khỏi bờ cõi. Vậy mà chính lúc Nha-phiến chiến tranh xảy ra trên đất Tàu đem lại cho vua quan nhà Thanh bao nhiêu sự nhục nhã, vấn đề đối ngoại vẫn không được bọn hủ nho bên vua Tự-Đức đào sau khơi rộng cho tới khi mất lục-tỉnh Nam-Kỳ mới mở được mắt thì đã muộn.

Nguyên nhân của mọi sự suy bại

Nhà Tây-Sơn bại trận, Nguyễn-thị lên làm chúa-tể nước Việt-Nam. Sức quật cường của dân tộc chúng ta vừa vươn lên được dưới đời Quang Trung để phát triển về mọi mặt thì Phong-kiến nhà Nguyễn, để củng cố cái ngai vàng vừa giật được đã bóp nghẹt luôn sau nhưng giờ phút chiến thắng của họ. Gia-Long lên ngôi xong đã làm được những gì cho nhân dân sau thời chiến loạn ?

Các hầm mỏ ở các vùng thượng-du xứ Bắc có thể giúp sinh kế cho hàng vạn dân nghèo, triều đình vẫn để cho người Tàu nắm giữ làm mưa làm nắng đến nỗi sau này bọn nhân công Trung quốc đã nhúng tay vào nhiều mối loạn. Đáng lẽ vua quan triều Nguyễn phải nghiên cứu đến các việc khai thác hầm mỏ để tránh sự gian-lận, để phòng ngừa mối loạn, để có việc cho dân nghèo, để tăng cường tài nguyên, họ chỉ khoanh tay ngồi yên cầu an hưởng lạc, thật là vô trách-nhiệm. Một đôi khi có ít nơi do chính quan lại quản lý hoặc họ bắt dân chúng địa phương khai thác thì cũng chỉ làm cho tắc trách. Cũng có nơi họ cho các thổ-ty hoặc tư-nhân làm thì thuế đánh rất nặng khiến việc khai thác trở ngại và không đem lại nguồn lợi tức nào tốt đẹp cho Nhà nước hết.

Dân ta ngoài việc sống bằng nông nghiệp, còn có thủ công nghiệp để kiếm thêm tiền sinh-sống phòng những năm mất mùa do nước lụt hay hạn hán thì Nhà nước cũng không có kế hoạch gì để nâng đỡ hay khuyến khích phát-triển. Đã vậy dân nghèo luôn luôn bị bắt lính bắt phu đắp

(1) Vua Tự-Đức có hai câu thơ đề cao triều đại mình là :
Văn như Siêu, Quát vô tiền Hán
Thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh Đường

đường, dựng cầu, xây dinh-thự, lăng tẩm quanh năm không còn mở mắt ra được.

Đáng lẽ các quan triều Nguyễn phải có một kế-hoạch thiết-thực, hữu-hiệu giải quyết các vấn đề dân sinh, quốc-kế, thì quan lại buổi đầu nhà Nguyễn hầu hết chỉ là đám quân nhân thắng trận kiêu ngạo coi dân trước sau như những kẻ thù thuở nào. Các quan to như Nguyễn-văn-Thành, Lê-văn-Duyệt, Đặng-trần-Thường v.v... sau này còn bị cáo tham nhũng, gian lận cả việc đầm ao, thuế má, công-nhu để làm giàu hàng vạn thì đủ hiểu giới quan lại từ Thế-tổ Cao-hoàng đến đời Tự-Đức tư cách thế nào, trong lúc đó các danh gia tử-đệ của tiền triều bị nhận chìm xuống đất đen không còn ngóc đầu lên nổi. Tóm lại, với bộ luật phản dân chủ của Nguyễn-văn-Thành, Nguyễn-triều thẳng tay đàn áp nhân dân, với chính sách độc-đoán của Minh-Mạng, các tầng lớp xã-hội nghẹt thở nên đã phải phát động bao nhiêu cuộc chống đối từ Bắc vào Nam luôn từ thời Thánh-tổ đến thời vua Dực-Tông.

Thương nghiệp Việt-Nam dưới đời Nguyễn thế nào ?

Việt-Nam cũng như nhiều nước Á-Đông chỉ trọng có kẻ-sĩ (Sĩ, Nông, Công, Thương), nghề buôn là nghề bị coi rẻ một cách trắng-trợn.

« Chẳng tham ruộng cả ao liền,
« Chỉ tham cái bút cái nghiên anh đồ.

Mặc dầu từ cuối đời Lê, người ngoại-quốc ra vào nước ta cũng như nhiều nước láng giềng mua bán rất sầm-uất, vua quan của ta thâu hoạch được rất nhiều lợi-tức từ Hội-An ra ngoài phố Hiến và Kinh-kỳ, ta vẫn chưa ly-khai được với thành-kiến khinh miệt ngành thương mại. Đến vua quan nhà Nguyễn, ta cũng thấy không có gì biến-cải trong quan-niệm đối với kinh-tế và thương-mại ? Nhà-nước độc quyền đồng, thiếc, chì, kẽm, lưu-hoàng, diêm-tiêu là những nguyên-liệu công-nghiệp vì sợ nhân dân chế tạo vũ-khí để gây loạn. Sự kiện này đủ là một nhát búa nặng-nề vào nền thủ-công-nghiệp Việt-Nam khiến dân chúng thiệt-thòi trông thấy về phương-diện mưu-sinh, lại đến chính-sách thuế khóa cũng là một đòn chí tử đối với việc buôn bán ngũ cốc. Ví-dụ gạo từ Nam-Định chở vào tới Nghệ-An phải nộp tới 9 lần thuế, chẳng vậy trong thương-ước ký kết phụ vào Hòa-ước Giáp-Tuất (1874) Thiếu-tướng Pháp là Krantz đã buộc Nguyễn-văn-

Tường và Nguyễn-tăng-Doãn xác-định thuế-lệ chỉ được thâu một lần dù hàng phải luân chuyển đi nhiều tỉnh *(khoản 2)*. Tình trạng thương-mại, kinh-tế đã khốn đốn đến như vậy lại thêm các biến-cố chánh-trị xảy ra khiến chánh quyền đời Nguyễn tăng-cường thêm biện pháp bóp nghẹt thương mại. Nguyên từ 1834, Bắc-Kỳ luôn luôn có những cuộc nổi dậy ở hầu khắp các tỉnh Trung-Châu lên đến mạn ngược, chợ búa bị cấm họp e dân tụ năm tóm ba rủ nhau đi làm loạn.

Chánh sách đối với ngoại-thương, triều Nguyễn cũng không chịu mở rộng. Thuở Gia-Long còn sống đã có sự hạn-chế thuyền bè ngoại quốc lai vãng vào các cửa bể Việt-Nam. Vì nể một số người Pháp đã có công giúp đỡ mình lúc hoạn nạn và tham gia việc đánh đổ nhà Tây-Sơn, buổi đầu Gia-Long còn cho một số tàu buôn Pháp qua lại, ngoài ra triều đình Huế khước-từ mọi việc giao thương với các nước ngoại-dương, chủ trương đóng cửa khóa nước bắt dầu dần. Hàng nhập cảng chỉ được đem vào những thứ triều đình cần dùng như sắt, chì, gang, lưu-hoàng để làm súng đạn. Hàng xuất-cảng thì cấm nhà buôn ngoại quốc mua tơ lụa, gạo, thóc khiến việc thương mại mỗi ngày một suy sụp nếu ta căn-cứ vào lời tâu của Bộ Hộ lên vua Tự-Đức năm 1851 (*Quốc triều chánh biên*) rằng « *về thuế quan trước có 60 sở nay phải bãi đi 39 sở* ». Triều đình còn bắt dân chúng nộp thuế bằng hiện-vật đối với các thổ sản quý giá như yến sào, quế, tơ, sâm v.v... thay vào tiền, không ngoài ý lạm dụng, bởi bắt dân nộp thuế bằng tiền cho các sản vật này nhiều quá thì không tiện. Do những sự kiện trên đây ta không lạ gì nền kinh-tế tiền tệ dưới đời Nguyễn rất là thảm hại cho dân chúng.

Với nông-nghiệp là căn bản sinh-hoạt của dân tộc ta cũng không tìm ra điểm lạc-quan nào, không nói gì đến kỹ-thuật canh tác phải đổi mới, điều vượt quá sức của các nhà trí-thức thuở ấy, việc điều hòa và phân phối ruộng đất sau bao nhiêu thế-hệ ly-loạn cũng không chấn-chỉnh được chút nào đáng kể. Ruộng đất phần nhiều vẫn lọt vào tay các quan-liêu, phú-hào tuy triều đình có lệnh « *quân cấp* » ruộng đất. Năm 1851, Hiệp-biện Đặng-văn-Thiêm sau khi đi kinh lý vùng Bình-Định đã tâu vua Tự-Đức : « Trước kia trong việc quân cấp cứ 10 mẫu ruộng thì một nửa chia làm công điền, một nửa làm tư điền. Nhưng về ruộng công chỗ nào mầu mỡ thì cường hào giành hết còn thì bọn hương lý bao-chiếm. Dân nghèo chỉ được những chỗ xương xẩu . . . »,

Do tình trạng này, triều đình không còn cách gì hơn là thúc đẩy việc lập đồn-điền ở các miền xa-xôi độc-địa và đắp đê ngăn nước mặn lấy đất duyên-hải biến thành ruộng bãi hầu cứu vãn tình thế. Việc này giao cho Nguyễn-công-Trứ, Doanh-điền-sứ đem tội nhân họp với dân chúng khai-khẩn hai vùng Kim-Sơn và Tiền-Hải thuộc hai tỉnh Ninh-Bình và Thái-Bình. (Năm 1841, Thiệu-Trị cũng khuyến-khích các việc di-dân lập ấp và thưởng cho người nào chiêu mộ được 5 xuất-đinh và khai-khẩn được từ 10 mẫu trở lên 20 quan tiền). Tóm lại, chánh quyền đời Nguyễn không dám thẳng tay với bọn quan tham lại nhũng, cường-hào ác-bá. Nếu dân đói thì cho họ bới đất nhặt cỏ lấy mà ăn. Những bất công và lạm chiếm về điền địa vẫn không được trừ tiệt từ cội rễ.

Vì chính sách doanh điền không đem lại đầy đủ kết quả mong muốn, nhân dân trong những vụ mất mùa đã phải tha phương cầu thực hoặc bán vợ đợ con rất là thương tâm Mà những vụ mất mùa như lụt lội hạn-hán đâu có ít ! Đê Văn-Giang vỡ luôn 18 năm liền đủ rõ các quan Hà-đê chánh phó-sứ lương-tâm thế nào. Miền Hưng-Yên, Khoái-Châu bao nhiêu năm nằm dưới làn nước trắng (1). Lại thêm nạn sâu cắn lúa, châu chấu phá mùa thì khó gì mà chẳng nảy ra bao nhiêu vụ loạn bởi người dân không thể cam tâm khoanh tay chờ chết đói. Theo *Thực-lục chính-biên* từ 1802 đến 1806 « tại Hải-Dương, Sơn-Tây, Bắc-Ninh, Thái-Nguyên, Hưng-Hóa, và Trung-châu Bắc-Kỳ, hộ-khẩu trên 370 thôn siêu bạt » ; năm 1826 mười ba huyện thuộc trấn Hải-Dương đã mất đi 108 xã, thôn vì không còn dân. Rồi mặc dầu luật Gia-Long cay nghiệt tột bực, *Luận ngữ diễn ca* của Tự-Đức rất hay, 10 điều dụ của Minh-Mạng rất đúng, nước vẫn loạn, dân vẫn tàn, phong tục vẫn đồi bại, đạo đức vẫn suy-vi. Thậm chí chánh quyền đời Nguyễn đã cấm dân đọc binh-thư và cho cấm cả cuốn *Chinh-phụ ngâm, sấm Trạng-Trình*. Vua Tự-Đức toan sửa cả một ít câu văn trong *Kim-vân-Kiều* đã ca ngợi những kẻ có chí quấy nước trọc trời. Thì ra người ta sợ kẻ quân nhân chán nghề chinh-

(1) Dân Khoái-Châu đói quá phải đi ăn xin khắp Bắc-kỳ, kêu la thảm thiết nên có câu :

Oai-oái như phủ Khoái xin cơm,

bỉ đất thay !

chiến và làm công-cụ cho bộ máy đàn-áp của Phong-kiến ; người ta sợ đám bần dân nảy ra những ý-tưởng khuynh đảo triều đình hòng tìm lối thoát...

Triều-đình Tự-Đức trước việc canh tân quốc-gia

Xem chương-trình khoa-cử và học-chế của một quốc-gia ta có thể hiểu trình-độ học-thức và dân-trí của một quốc-gia đó. Nền-tảng văn-học của ta phỏng theo của Hán-tộc chỉ vụ vào văn-chương đạo-đức, nhưng môn học về thực-tế là những học-thuật làm cho nước giàu dân mạnh, quân-sự được hùng cường, việc thương công kế lợi được mở mang thì gần như bị coi là không quan-trọng. Trong *Việt-sử tân biên* quyển II và IV đã nhận về cái học phù-phiếm của hầu hết các nước Á-đông ta có thể chia ra làm hai khối : khối Ấn-Hồi chỉ ham việc tôn-giáo, xây dựng đền-đài, tụng kinh niệm Phật ; khối Hoa-tộc và các nước phụ-thuộc chỉ đua đạo đức văn-chương, tóm lại là chỉ gây nổi một nền văn-minh tinh-thần, nêu cao đạo hạnh, trong khi Tây phương ào-ạt tiến về công-kỹ-nghệ, phát triển nhiều về thương-mại, kinh-tế và có một bộ máy quân-sự rất mạnh để bảo vệ quyền lợi quốc-gia trong nước và ngoài nước. Một số người xuất ngoại trở về trình bày sự tiến bộ của các nước Tây phương thường bị sỉ-vả đi xa về lập dị do sự tự ái của các vị lão thần danh cao vọng cả.

Vua Tự-Đức thực ra cũng muốn canh tân Quốc-gia, nhưng mọi vấn đề tuy có được đem ra bàn cãi nhưng vẫn bị những người bảo thủ mạnh thế hơn kiếm cách này cách khác gạt bỏ. Một số người thấy cái họa Tây-phương sát nách có nhiều nhiệt-huyết đi xa cầu học như Nguyễn-đức-Hậu, Nguyễn-Điều, Nguyễn-trường-Tộ, gốc gác ở Nghệ An năm Tự-Đức thứ 19 tức năm Bính-Dần (1866) có đệ lên vua nhiều bản điều-trần xin cải-cách mọi việc hầu tránh cái họa vong quốc. Tự-Đức cho đình thần cứu xét. Các cụ mũ cao áo dài đều cho là ngụy biện (1) hoặc chưa hợp thời, hoặc thiếu phương-tiện...

---

(1) Xin coi bản điều trần của Nguyễn-trường-Tộ trong chương Phụ-Lục

Năm Mậu-Thìn (1868) tức là năm Tự-Đức 21, Đinh-văn-Điền quê ở huyện Yên-Mô tỉnh Ninh-Bình dâng sớ xin mở các doanh điền, khai mỏ vàng bạc, làm tàu hỏa, mở thương cảng cho ngoại quốc ra vào buôn bán, huấn luyện quân-đội, nâng cao mức sống của sĩ, tốt, bỏ lệnh cấm đọc binh-thư, binh-pháp, thăng thưởng đứng đắn, giảm sưu dịch cho dân chúng, lính tráng v.v...

Năm Kỷ-Mão (1897) Tự-Đức thứ 32, Nguyễn-Hiệp đi sứ Tiêm-La về trình rằng các nước : Anh, Pháp, Phổ, Ý, Mỹ v.v... vào thông thương với Tiêm-La đều được chấp thuận ngay và được ký kết luôn các điều ước và đặt lãnh-sự-quán, nhờ có sự giao-hảo này không nước nào gây sự với Tiêm và đôi bên phát triển được nhiều mối lợi.

Năm Tân-Tỵ (1881) tức là năm Tự-Đức 34, Lê-Đĩnh đi sứ Hương-Cảng trở về cũng nêu ra một nhận xét : các nước Tây Phương phú-cường là do công-kỹ-nghệ và việc giao thương di các nước trên Thế-giới. Họ tổ chức binh-đội mạnh mẽ để bảo vệ thương-mại và nguồn lợi thương-mại được dùng một phần để tăng cường quân-sự, vì thế nước nào cũng trở nên thịnh đạt. Gần đây người Nhật, người Trung-Quốc cũng quan-niệm như trên và đã tăng gia việc ngoại-thương của họ hơn bao giờ hết. Tác-giả của điều nhận xét này kết luận rằng người Việt ta so với thiên hạ không kém khôn ngoan và các sản-vật trong nước cũng không thiếu gì thứ quý có thể bắt chước thiên hạ mà mưu sự phú cường, nhiên hậu mới gìn giữ được độc-lập.

Cũng năm ấy có Phan Liêm Hàn-lâm-viện tu-soạn đệ lên một đề-nghị mở hội buôn và cho người đi nghiên cứu nghề khai mỏ.

Bùi-Viện người ở Thái-Bình đậu cử-nhân cũng dâng sớ xin mở việc thương-mại với ngoại-quốc. Ông được cử sang Tàu để nghiên cứu việc này. Tại Hương-Cảng ông được kết giao với lãnh-sự Hoa-Kỳ rồi do sự giới-thiệu của ông này ông Bùi được qua Hoa-thạnh-Đốn yết kiến Tổng-Thống Hợp-chúng-quốc sau một năm vận-động chờ đợi. Tổng-Thống Hoa-Kỳ hứa giúp nước ta để giải quyết các việc khó khăn với nước Pháp. Nhưng cuộc gặp gỡ này vì thiếu quốc-thư nên không hợp thức, do đó ông Bùi phải trở về nước nhà làm quốc-thư. Khi ông trở lại nước này thì chánh-tình ở đây đã đổi thay, vấn-đề Việt-Nam không được Hợp-chủng quốc chú ý nhiều nữa.

Nhưng thức thời hơn cả là Nguyễn-trường-Tộ, người Nghệ-An, tín-đồ Thiên-chúa-giáo. Ông theo giao-sĩ ngoại-quốc từ thuở nhỏ được qua du-học ở Ba-lê nên am hiểu nhiều các môn học thực-dụng của Tây-phương (khai mỏ, đào sông, kiến-trúc v.v...). Trở về nước ông nhiều lần dâng lên vua Tự-Đức những bản điều-trần rất tỉ-mỉ và đề nghị chỉnh đốn chánh-trị, kinh-tế, quân-sự, học thuật, cải lương nông-chính, khuyến-khích kỹ-nghệ, thương-mại, khai mỏ, mở rộng ngoại-giao với các nước Tây-phương ngoài nước Pháp v.v...

Những đề-nghị cùng sáng-kiến trên đấy thường đều bị bác bỏ, lấy lẽ là không thích thời hoặc là thiếu nhiều điều-kiện cần thiết, hoặc có thi hành thì cũng chỉ là cải cách được ít nhiều việc lặt-vặt như sau :

Năm Giáp-Tý (1864) Tự-Đức 17, Triều-đình thúc đẩy việc học tiếng Pháp bằng cách thưởng tiền cho ai thông thạo và đánh đòn những ai biếng nhác kém cỏi vì bấy giờ ta đã thấy việc giao-dịch với Pháp bắt đầu có thể trở nên quan-trọng. Linh-mục Nguyễn-Hoàng được Cơ-mật-viện đòi đến kinh-đô dịch sách Tây và dạy học-trò. Giám-mục Gauthier, Nguyễn-trường-Tộ và hai vị đại-thần sang Pháp kiếm giáo-sư và chuyên-viên về lập một trường học theo lối Tây-phương. Năm Mậu-Thìn (1868) bọn này trở và mang ba giáo-sĩ tình nguyện, một kỹ-thuật-gia, nhiều sách và dụng-cụ dạy cách-trí, nhưng bấy giờ ta vừa mất thêm ba tỉnh miền Tây, triều-đình đang bối-rối, việc này lại bị bỏ. Để lập thủy-sư và sở võ-khố phải cử 8 người khoẻ mạnh thông-minh đi học máy móc tàu bè. Năm Bính-dần (1866 Tự-Đức 19) hai tỉnh Vĩnh-Long và An-Giang được lệnh lựa thuộc viên công-tượng hoặc học-trò khéo chân tay chừng 20 người đi học các nghề công-xảo tại Gia-định bấy giờ đã thuộc quyền người Pháp. Những người học-trò này được chu cấp lương-bổng hậu-hĩ. Cùng năm ấy triều-đình chấp-thuận đề-nghị của Tả-lý bộ Hộ Đặng-huy-Trợ lập Bình-chuẩn-ty để trông nom việc ngoại-thương.

Năm Mậu-Thìn (1868) tức Tự-Đức 21, triều-đình cử Lê-văn-Hiến vào Gia-định học chữ Pháp thụ huấn ông Trương-vĩnh-Ký, xúc tiến việc canh-nông, thủy-lợi và tập-luyện cùng nghiên-cứu binh-thư thao-lược. Lúc này Nam-kỳ đã thuộc Pháp.

Năm Kỷ-Tị (1869) triều-đình định lệ sát hạch người học chữ Pháp chia hạng để thưởng và phạt. Cũng năm ấy triều-đình kêu gọi

nhân tài biết chế-tạo các trái phá, lựu đạn để Bộ-binh thâu nạp và thưởng phẩm hàm và tìm người biết rõ máy móc (máy tàu hỏa, máy cưa), biết nấu đồng, đúc súng, không nệ nội ngoại tịch-dân để vào làm trong sở Đốc-công.

Năm Quí-Dậu (1873 Tự-Đức 26) thế nước ta nguy ngập quá rồi, Bắc-Kỳ sắp rơi vào tay Thực-dân Pháp, triều-đình lại cho các đại-thần trong ngoài kiếm nhân-tài trí-thức hiểu biết thời-vụ, thông thạo tiếng ngoại-quốc để trọng-dụng.

Năm Mậu-Dần (1878 Tự-Đức 31) nước nhà đã ký nhận chánh lược ngoại-giao do Pháp ấn-định và chịu để Pháp khai thương các cửa biển Trung-Bắc lưỡng kỳ, triều-đình cho con cháu nhà quan 20 tuổi qua du học ở Hương-cảng, Pháp thì chiếu-lệ cấp lộ-phí và cấp tiền ăn ở 5 năm thì về. Ai học được một tiếng ngoại quốc, biết được một nghề như đóng tàu, đúc súng, chế vũ-khí, khai mỏ, tập quân thì chiếu lệ « *tú-tài hạch đậu* » bổ cửu-phẩm, học được chữ tiếng của hai nước, biết hai nghề thì chiếu-lệ « *cử-nhân không phân số* » mà bổ, học mà biết được ba tiếng và ba nghề thì chiếu lệ « *cử-nhân có phân-số* » mà cho ra làm quan ngay.

Năm Kỷ-Mão (1879 Tự-Đức 32) Nguyễn-thành-Ý được cử qua Pháp dự cuộc đấu-xảo và đem học trò qua học cơ-khí ở quân-cảng Toulon. Các địa-phương được xét mộ những người ưng học tập chữ và kỹ-nghệ của nước Pháp để tâu về triều. Cuối năm ấy nhân có sứ-bộ Tây-ban-Nha qua Huế ta gửi 20 thiếu-nhi sang Âu-châu học công-nghệ nhưng bọn này tới Saigon thì Pháp cản lại. Năm Tân-Tỵ (1881 tức Tự-Đức 34) Lễ-bộ thị-lang Phạm-Bỉnh được lệnh mang 12 học-trò sang Hương-Cảng học các trường Anh. Việc này đến tai Pháp, Pháp cũng phản-đối cho rằng ta đã vi-phạm điều ước ngoại-giao định rằng nếu ta giao-thiệp với nước ngoài phải có sự thỏa-thuận của Pháp trước đã. Tóm lại, mọi việc cải cách duy-tân bấy giờ đều muộn hết, không có gì đáng kể là trọng-đại, kế-hoạch đã không có, xét hoàn-cảnh thì có nhiều trở ngại do nơi Pháp bởi khi chủ quyền còn trọn vẹn trong tay đã chẳng làm, đến lúc Pháp ào tới nước ta chiếm gần hết chủ quyền mới lo chuyện cựa quạy thì cựa quạy làm sao được nữa.

Vua Dực-Tông là một ông vua thông-minh thấy các lời tâu bầy

có nhiều sự hợp-lý cũng mong canh-tân, cải-cách để nước nhà tiến-bộ như nước người, nhưng đình-thần là bọn bất tài bất lực nên cũng đành bó tay. Xin nhắc rằng thời Minh-Mạng còn sống, nhà vua đòi cải-cách học-chế, đám quan-lại cũng chỉ ậm-ừ cho xong chuyện bởi chẳng một kẻ nào tìm nổi được một phương-pháp tốt-đẹp nào để mở-mang sửa đổi các ngành học-thuật cho dân ta cả.

Xét ra giai-cấp lãnh-đạo đời Nguyễn cũng như đời Lê mạt do cái học từ chương khoa-cử chật-hẹp nhồi-sọ từ thế-hệ này qua thế-hệ khác chỉ đáng là một bọn thư-lại tầm-thường, túi cơm giá áo chớ không phải là nhà lãnh đạo hay kinh-bang tế-thế theo ý-niệm mà quốc-dân trông cậy ở họ.

Bàn về trí thức và tư-tưởng của giai cấp lãnh đạo cận-đại của nước ta, tác-giả « *Xã-hội Việt-nam* » trong trang 320, Lương-đức-Thiệp viết : *... nước Việt-Nam ngàn năm văn-hiến mà không sản-xuất nổi một học thuyết mới lạ nào, một trào-lưu tư-tưởng hoặc nghệ thuật mạnh mẽ nào... đẳng-cấp nho-sĩ Việt-Nam bị trí-thức-hệ Nho-giáo bảo-thủ, lung-lạc, bị ngụy thuyết của bọn Tống-nho đưa lạc nẻo, bị chế-độ thi cử chi-phối không còn một chút hoạt-lực nào, không có được một tính cách cấp tiến nào nữa... (1) ta mất nước sau này là do bọn hủ-nho trước và sau đời Tự-Đức...*»

Quần chúng Việt-Nam

Ngoài giai-cấp lãnh-đạo quốc-gia Việt-Nam là giai-cấp phong-kiến và nho-sĩ nắm giữ nhân-dân Việt-Nam trên mọi lãnh vực chánh-trị kinh-tế, văn-hóa, xã-hội Việt-Nam dưới đời Tự-Đức còn gồm mấy từng lớp nhân-dân khác nằm dưới hệ thống kẻ trên là nông-dân, công nhân và thương nhân. Cho tới ngày nay dân tộc ta đã bước sang chế-độ Dân chủ và Cộng-hòa căn bản của xã-hội Việt-Nam vẫn là nông dân vì 95% dân chúng Việt-Nam sống bằng nông-nghiệp, vì công kỹ-nghệ còn rất sơ-khoáng. Đời sống của dân chúng Việt-Nam thuở đó chẳng được no đủ mặc dầu từ

(1) Nên nói rằng : Đẳng cấp nho-sĩ Việt-Nam bị chế-độ phong kiến hay chế độ khoa cử dưới đời Phong kiến chi-phối nên mất hết sáng-kiến, hùng-khí thì phải hơn. Trái lại Nho-giáo có nhiều điểm rất cấp tiến, rất cách mạng nên đã chống Phong-kiến rất mạnh, chẳng qua học trò kém đã làm mang tiếng cho thầy đó thôi. Xin coi chương bàn về Không-giáo trong V.S.T.B. quyển I.

Gia-Long đến Tự-Đức chánh quyền vẫn hô hào cải thiện nếp sinh hoạt của họ, nhưng vào thực-tế đám « dân chi phụ mẫu » chỉ làm câu chuyện hò voi bắn súng sậy. Việc cai-trị vẫn bị nhiều tham quan lại nhũng làm hư hỏng, an ninh trật-tự chỉ có tạm ở vài thị-trấn, để đều vẫn không tránh được lụt lội, nạn hạn hán và hoàng trùng thường xảy ra. Việc học vấn không phổ thông nên « *con vua thì vẫn làm vua, con ông sãi chùa lại quét lá đa* », giặc cướp là tai nạn thường xuyên ở các vùng quê, dân chúng quanh năm mất ăn mất ngủ. Việc giao-thông chỉ nhờ thuyền-bè, thủy đạo, còn đường bộ không có xe cộ gì đáng kể ngoài ngựa là một phương-tiện chuyên-chở hầu dành riêng cho những người giầu hay các quan liêu (1). Chế-độ hành-chính ở hương thôn vẫn lấy làng, xã làm căn-bản, có một hội đồng kỳ-mục đứng đầu làm gạch nối giữa nhân dân với tỉnh đường. Nhưng hội đồng này đáng lẽ là một cơ-quan thi-hành chính-quyền và nêu cao phong-hóa thì trái lại nó thường là nơi đẻ ra các đảng phái chia rẽ các dòng họ, các giai-cấp xã-hội. Nó thoát thai ở chế-độ phong-kiến nên nó thành một bộ máy để đàn áp nhân-dân qua các việc bắt lính, bắt phu, bắt thuế và trăm nghìn thứ tạp dịch. Quyền lợi chẳng tương đồng, nhiệm-vụ phân phối chẳng hợp lý, trên thì được ưu-đãi, dưới thì chịu sự bất công, vậy hương thôn là nền tảng của xã-hội vì khảng-tảng nên đã bấp bênh như chiếc nhà không móng hoặc xây trên bãi cát thì xã-hội Việt-Nam đứng vững sao được trước các cao trào Thực-dân, Đế-quốc sau này ? Ngay giữa các dòng họ đàn anh trong hương thôn, họ cũng tranh giành nhau địa-vị, ưu-thế nên có những mối thù nối tiếp nhau đời này qua đời khác. Đến việc ma chay hiếu hỉ, kẻ giầu có khi còn lệch nghiệp, kẻ nghèo cũng đua đòi nhiều khi phải bán ruộng bán đất mà trở nên khốn nạn không sao kể xiết. Các tệ-đoan này là do óc hiếu danh và vì hiếu danh dân quê còn vong gia thất thổ bởi các nạn *nhiêu mua xã bán* chạy chọt các chức tổng lý, vận động phẩm hàm. Thi-sĩ Tản-Đà sau này có câu :

Một miếng giữa làng danh phận ấy
Ngã ba đường cái vợ con ai ?

---

(1) Sau này Phan-thanh-Giản đề nghị lấy trâu kéo xe làm phương-tiện chuyên chở nhưng hình như phương tiện này chỉ thích dụng ở các nơi kẻ-chợ có đường xá rộng rãi mà thôi.

Ngoài ra nạn rượu chè, cờ bạc, nạn ưa kiện cáo vì tự ái sẵng, hách dịch hão, nạn đồng bóng quàng xiên cũng từng đưa người dân của chúng ta xuống hang sâu vực thẳm. Nếu như giới lãnh đạo Việt-Nam biết sửa đổi phong-tục, chấn chỉnh phong hóa thì cái tiềm-lực kiến-thiết và tranh-đấu của dân ta đâu đến nỗi hao hụt quá nhiều. Một câu hỏi đáng được đặt ra : Đời Nguyễn-sơ đã đem lại những ơn ích gì thực sự cho nhân-dân ?

Việc thuế má đời Nguyễn-sơ đến Tự-Đức cũng đáng kể là bi-đát. Các bộ sử của ta không dám tố cáo điều này nhưng sử Pháp do các ông P. Cultru, Maybon, Schreiner, J. Chesneaux v.v... đều ghi chép thuế má là gánh nặng cho dân chúng. Nhà vua và các quan không tìm ra được phương-pháp nào khả-dĩ làm nảy nở ra tiền bạc để mở mang việc nước, nhất là từ khi Liên-quân Pháp-Tây đánh chiếm mấy tỉnh Nam-Kỳ đòi bồi khoản 3 triệu nguyên. Triều đình phải cho một người Tàu là Hầu-lợi-Trinh thầu độc quyền việc bán nha-phiến từ Quảng ra Bắc-kỳ mà cũng chỉ thâu vào được 302.200 quan tiền ; để đối phó với sự quẫn bách tài chính này, triều-đình còn bắt chước mấy triều-đại trước là bán phẩm-hàm, quan-tước. Ai quyên cho Nhà-nước 1.000 quan tiền thì được hàm cửu phẩm, 10.000 quan tiền được hàm lục phẩm v.v...

Nói đến học-chế và binh-chế đời Tự-Đức người ta không thấy Dực-Tông cùng các đình-thần có sáng-kiến gì đặc-biệt tuy rằng nhà vua chăm chỉ, hiếu học và thông minh. Sử đời Nguyễn-sơ ghi rằng có mở Nhã-sĩ-khoa và Cát-sĩ-khoa là hai kỳ thi lấy người ra làm quan. Nhà vua lập ra Tập-hiền-viện và Khai-kinh-diên (1) là nơi vua tôi tập họp nhau bàn luận chuyện chánh-trị cổ kim và ngâm thi-phú. Vua Dực-Tông nổi tiếng trong việc sùng thượng thi ca (2) nên đẳng cấp nho-sĩ bấy giờ rất được trọng đãi. Riêng nhà vua cùng

---

(1) Khai-Kinh-diên là nơi vua nghe giảng sách. Đời Tự-Đức vì Phan-thanh-Giản là một nhà đại khoa nên vua mời ông vào đọc và giảng sách cho vua nghe.

(2) Vua Tự-Đức làm được tập thi-ca : *Ngự-chế thi văn*, đã in thành bản, *Thập điều tự học diễn ca* là sách chữ nôm để dạy dân cho dễ hiểu và *Luận ngữ diễn ca* v.v...

hai ông chú ruột là Túy-lý-Vương và Tùng-thiện-Vương đã thành ba cột trụ vĩ-đại cho cái tao-đàn đời bấy giờ bên cạnh sông Hương núi Ngự do đó đã có hai câu ca ngợi nhau :

Văn như Siêu, Quát vô tiền Hán
Thi đáo Tùng, Tuy thất thịnh Đường (1)

Một điều đáng kể là Tự-Đức cũng cho nối tiếp việc chép sử đã bắt đầu từ Gia-Long nhưng qua ba vị tiên-đế đến nhà vua mới nhặt đủ sử-liệu và biên soạn được bộ *Khâm-định Việt-sử* gồm các sử sự từ đời thượng cổ đến hết đời Hậu-Lê. Nội dung bộ sử này cũng không tiến bộ hơn các bộ sử của các tiền-triều.

Vua Tự-Đức làm vua được 14 năm, đến năm Tân-Mão (1861) mới truyền cho các Tỉnh-đường tuyển lựa các người khỏe mạnh làm lính võ-sinh. Tới năm Ất-Sửu triều đình mới mở khoa thi võ-tiến-sĩ. Kể từ Minh-Mạng qua Thiệu-Trị đến Tự-Đức dân-sự đói khổ, giặc cướp nổi lên như ong, lại thêm quân đội thực-dân mấy phen đánh phá Đà Nẵng, Cần-giờ là hai cửa bể chính của Việt-Nam mà bấy giờ mới lập các khoa thi võ thì thật là đùa với thời-cuộc. Đã thế vũ-bị lại không được canh tân. Trong khi người ta chế các vũ-khí mới thuận tiện hơn là súng nạp đạn đằng sau, bắn mau lẹ, trái phá là thứ đạn lớn tung ra trận tuyến sức nổ rất mạnh và xa thì mình vẫn loanh quanh với một số súng bắn đá (pierrier), một số súng điểu-thương cổ-điển (2) đạn phải nhồi và không có hạt nổ, mỗi khi bắn phải châm ngòi rất mất công và tầm bắn không quá hai ba trăm bước. Đó là không kể có khi đá không bắt lửa cho đạn nổ. Mỗi đội lính 50 người lại chỉ có 5 người có súng, ngoài ra chúng ta chỉ có gươm đao giáo mác như xưa mà thôi. Việc tập tành cũng sao nhãng, mỗi binh-sĩ chỉ có mặt ở trường bắn mỗi năm có một lần và mỗi lần chỉ được bắn có 6 phát, ai cao hứng bắn quá số

(1) Văn chương thịnh mà dân tình suy-bại, vũ-bị sơ khoáng thì ngâm thơ ắt được tiếng đại-bác của giặc chăng ?

(2) Trong trận đánh Đà-nẵng vào năm 1858, theo tờ trình của Rigault de Genouilly về Pháp, triều-đình Tự-Đức cũng có một số đại bác có xe kéo kiểu mới và tiện hơn của nhà Thanh. Nhưng so với vũ-khí của Pháp thì những súng mua của Tây-phương từ đời Gia-Long đến bây giờ thì kém bề thuận tiện rõ-rệt. Đã thế tinh-thần chiến đấu lại quá thấp nên trăm người của ta không địch nổi một người của Pháp. Xin coi chiến-sự Việt-Pháp ở các chương sau sẽ rõ.

ấn định thì phải bồi thường (V.S.T.B. quyển IV đã nói) (1). Người lính đời bấy giờ đội chiếc nón hình khối chóp bằng trúc sơn quang dầu (mầu cánh rán), áo giáp thì cộc tay ngắn vạt, ngoài bọc gia đỏ hoặc vải đỏ rất dày gọi là áo chiến. Hai chân quấn chiếc sà-cạp tức là miếng vải xanh dài ngang độ sáu bầy mươi phân tây quấn chặt lấy cổ chân xuống đến chỗ mắt cá. Tay cầm gươm, giáo hay mã tấu, tay trái cầm khiên để đỡ mũi gươm hay giáo của địch. Khiên thì giống cái nón lớn đan bằng mây; mộc thì bằng gỗ hình bầu dục, như cái thuyền.

Xét như trên, binh lính ở trong tình trạng đồi bại và lạc-hậu như thế chỉ đáng dùng vào việc canh gác các hoàng thành, dinh thự và hầu hạ các nhà quan không hơn không kém; về quân-số mỗi đội có 50 người thì 30 người được về nhà làm ăn, chỉ lưu dụng có 20 tên tại ngũ (2). Tới khi lâm sự, ngọn cờ ngơ ngác, trống canh trễ tràng, binh tướng lúng túng như cho tay vào bị thì làm gì chẳng tan rả như cành khô cỏ mục trước một lực lượng quân sự có tổ chức, có kỷ luật và đầy sinh khí như lực-lượng Tây Phương.

(1) Theo Phan-Khoang trong *Việt-Nam Pháp thuộc sử* trang 128, số lính dưới đời Tự-Đức trong sổ thì nhiều mà thực-số thì ít, như vậy ắt có sự gian-lận về lương và tiền. Các hạng lính bấy giờ cộng ước hơn 119.000 người, trừ số thiếu ước 31.700 còn ước hơn 80,800 người. Ở kinh, các thứ lính cộng lại được ước 21.790 nhưng trừ lính hạ-ban và các khoản khác, còn số đương-ban là 9540 (theo tờ trình ngày tháng 2 năm Tự-Đức 27 của Phạm-phú-Thứ thượng-thư bộ Hộ trong Chá-viện toàn-tập) các tỉnh thì tỉnh lớn có ước 4500, tỉnh nhỏ cũng trên dưới một ngàn.

Khi Pháp đánh Hànội và Gia-định, số lính chiến đấu chỉ có từ 7000 đến 12.000 để giữ hai nơi thủ-phủ Bắc-Nam. Mỗi khi bại trận, triều đình phải hô hào các quan tuyển mộ hoặc bắt lính gấp để bổ sung quân số, do đó quân lính lấy vội vã và thiếu tập tành cũng đủ nguy hại rồi, còn kể gì những lý do khác quan trọng hơn.

(2) Trên nguyên tắc binh sĩ luân phiên ra phục vụ, nhưng kẻ yếu thế ít tiền thường bị lưu-ngũ liên-miên nên khi hữu sự họ chẳng thiết tha đến việc chiến đấu. Rồi khi giặc tiến đến quân đội chỉ có nước chạy dài mà thôi.

CHƯƠNG III

VÀI NÉT VỀ THỰC-LỰC QUÂN-ĐỘI VIỆT-NAM ĐỜI TỰ-ĐỨC

Những cuộc thao-luyện tượng-binh dưới triều Nguyễn

Dưới triều Gia-Long, trong nước tương-đối đã có nhiều an-ninh, việc thao-luyện tượng-binh (voi trận) mỗi năm có ba lần vào tháng giêng, tháng tư và tháng bảy. Tới đời Minh-Mạng loạn-ly nhiều nên việc tập trận tăng lên sau đó cứ hai tháng có một lần. Tuy vậy sau việc thao luyện lại rút xuống như trước do sự thiếu hụt của công-quỹ.

Năm 1778 một thương-gia Anh là Chapman tới Huế, năm 1818 Crawford đại-diện ngoại-giao Anh cũng có mặt tại Saigon đã được chứng-kiến việc tập voi như sau :

Cuộc tập voi diễn ra trên một khoảng đất rộng và bằng phẳng ở phía Nam thành phố, nay là đường Paul Bert rẽ ra đường Khổng-tử. Tại đây những thân hình đen sì và to lớn đang chuyển động giữa đám bụi mù và khói thuốc súng. Số voi đem ra luyện tập có chừng vài chục con, trong đó có ba bốn con thật to. Một con chắc là hung tợn nhất nên người ta phải buộc vào chân nó một giây xích sắt thật lớn.

Trên lưng voi, có người lính cầm cờ và giáo mác, sau voi mấy người lính khác chạy theo để thúc voi cất bước. Voi sắp hàng hai tiến vào phá các thành lũy bằng tre trước sau có những hình nộm to lớn cầm súng gỗ, giáo mác ra bộ chống giữ. Ngoài ra còn có một số hình nộm khác giả lính đốt pháo và bắn súng chỉ thiên. Voi sấn vào, súng bắn, pháo nổ, chiến trường có vẻ xung-sát, lính kéo nhau chạy rất lẹ vì voi tiến vào cũng rất lẹ. Bước chân voi

nặng nề làm rung chuyển cả mặt đất rồi voi hung hăng vùng vẫy, xông-xáo, đạp phá. Các mảnh thành lũy đổ xuống, voi chà-đạp các hình nộm hoặc tung các hình nộm lên trên không giữa đám bụi mù xặc mùi thuốc súng. Tiếng pháo cứ nổ, tiếng hò hét vang lên, tiếng thanh-la khua ầm lên kèm theo tiếng voi rống tạo nên những tiếng ồn-ào kinh khủng như ở ngoài trận địa thật sự, Cuộc tập trận chấm dứt sau khi phá xong ba thành lũy. Rồi người ta bầy ra một buổi lễ để khao thưởng...

Cuộc tập trận ở Kinh-thành dĩ-nhiên long trọng và to tát hơn vì thường có vua đến chứng-kiến ; một vài khi nhà vua không ra thì đã có một vị đại thần chủ tọa.

Điều khiển cuộc tập trận là những ông Quản vệ, dưới quyền có 150 người lính trong đội kinh-tượng và một số lính các đội Võ-lâm : Thần-cơ, Tiền-phong, Long-Võ. Số vũ-khí người ta thấy trong dịp này là 350 khẩu súng trường, 60 cái đuốc, 10 khẩu đại bác, hàng trăm phong pháo và có cả hỏa vũ-pháo tung ra như mưa...

Cuộc thao dượt được lựa vào buổi sáng tinh sương. Trên bãi người ta đã dựng sẵn ba cái đồn : tiền, trung, hậu bằng tre cao 1th 60 tây có hai cửa ra vào. Trong đồn và quanh đồn có lính đứng lốn nhốn, chạy ra chạy vô, tay cầm vũ-khí. Một ông Quản-vệ đứng cách đồn về phía ngoài độ một thước để điều-khiển. Người ta bầy ra một số lính giả tay cầm gươm, giáo cùng một ít hình sư-tử. Voi tiến vào đồn, trên lưng có hai người nài phất cờ làm hiệu lệnh, sau voi có quân lính mang khí-giới để giữ voi khỏi chạy loạn và thúc đẩy voi xông vào phá đồn.

Một viên Lãnh-binh phất cờ, quân lính trong đồn xông ra khiêu chiến. Trong đồn nổi lên 3 tiếng trống, lính liền nhảy lên lưng voi phất cờ giáp chiến. Quân trong đồn giả làm địch hò hét rầm trời. Pháo nổ, súng bắn, chiêng trống vang lừng, nhưng lính trong đồn vừa chiến đấu vừa tháo lui. Voi vượt theo, lính cầm giáo đâm vào hông dục voi bước mau đuổi quân địch theo hiệu-lệnh của Quản-tượng. Voi tung vòi quắp lấy các hình nộm quăng lên rồi lấy chân đạp nát đoạn hung hăng tiến thẳng vào đồn gạt đổ thành lũy ngổn ngang. Quân trong đồn vờ chống giữ, bắn súng chỉ thiên và đốt pháo nhưng rồi bỏ chạy luôn. Voi phá lần lượt đồn ngoài vào đồn giữa và đến

đồn hậu là xong cuộc tập trận. Kỹ-thuật trong cuộc tập voi là dụ vào thế chủ-động chiến-trường, nghe quen tiếng súng, tiếng pháo và không sợ sư-tử... Nguyên-do thời Lê, bọn tướng Minh đã cho ngựa khoác lốt sư-tử rồi đào hầm tiến vào Thành Đa-bang của nhà Hồ. Ngựa đeo lốt sư-tử đã làm cho voi của nước ta hoảng sợ lui bước rồi chạy thẳng.

(Bài này viết theo tài liệu của Dutreuil de Rhins).

Để cho voi thiện-chiến thêm và có nhiều can-đảm người ta còn cho voi tập đấu với cọp.

Năm 1748 Poivre là vị giáo-sĩ đã từng sống ở Huế cũng đã được chứng kiến một cuộc đấu sức đua tài giữa voi và cọp như sau (Năm 1821 Crawford cũng được xem một cuộc tập dượt voi với cọp tương tự tại Saigon) :

Ở Huế lính Vọng-thành và dân làng Thủy-Ba vốn chuyên nghề bắt cọp. Khi bắt được cọp họ nhốt vào một cái cũi và mang sang một cái cồn có cỏ cây um tùm. Người ta buộc cọp bằng cái giây thật chắc và dài để cọp có thể chạy nhảy tiến thoái dễ dàng nhưng người ta phải cắt các móng nhọn của cọp. Ba mặt có lính vây quanh tức là mặt trước để trống cho có đường voi tiến vào gặp cọp:

Chiếc thuyền rồng đưa nhà vua và các quan đến cồn. Chính nhà vua cầm hai thanh tre để gõ vào với nhau ra lệnh cho cuộc đấu bắt đầu. Tức khắc lính thúc voi tiến đến trước cọp rồi cuộc xô-xát xảy ra. Cọp luôn luôn bị thua, có ngày chết tới 18 con (Xin nhắc cọp thiệt thòi một phần vì bị cắt hết móng nhọn cũng là một thứ vũ-khí đáng kể là lợi hại). Tuy vậy nhiều con voi cũng sợ cọp và như vậy người quản-tượng sẽ bị phạt roi hay phạt bổng (phạt vào tiền lương).

Năm 1821, trước mắt Crawford tại Saigon đã diễn ra một vụ đấu voi với cọp dưới đây :

« Voi dẫn đến đấu-trường vừa thấy cọp đã hoảng hốt bỏ chạy. Nó rống lên ầm-ĩ và nhất định không trở lại để chiến đấu. Một lát sau, một người bị trói do hai võ quan dẫn đến trước mặt quan Tổng-trấn để lãnh luôn một trăm roi tại chỗ. Người đó là quản-tượng của con voi thiếu can-đảm ».

Ở Huế, dưới triều Gia-Long, có một con cọp rất dữ. Đã hai ba

người chết vì nó khi mới bắt được nó. Khi đưa nó ra đấu trường, nó đã dứt được giây rồi nhảy lên lưng voi tát người nài rớt ngay xuống đất. Dân chúng sợ quá bỏ chạy, kẻ nọ dẫm lên người kia. Có kẻ bị thương mà chết. Vua giận lắm ra lệnh hạ sát con cọp dữ đó, nếu không quan quân sẽ bị nghiêm trị. Sau mấy tiếng đồng hồ hết sức vất vả gian nguy người ta mới hạ được nó.

Từ ngày thành lập Hồ-quyền voi cọp không quần nhau ở ngoài nữa. Hồ-quyền hình lòng chảo. Cọp nằm sẵn trong hang Hồ-quyền. Voi dẫn vào đứng giữa sân rồi cọp được thả ra để đánh nhau.

Cuộc đấu sức cuối cùng giữa voi và cọp diễn ra vào triều Thành-Thái (1904). Người ta kể chuyện rằng có một con voi can đảm lắm. Voi được gặp cọp không tỏ sợ hãi như nhiều con khác. Nó đi lại trước mặt cọp như thường. Nhưng bỗng chốc, cọp nhảy vọt lên lưng voi, voi hất cọp xuống. Cọp lại nhảy lên phen nữa. Voi giận điên lên, rống một tiếng lớn rồi dùng sức lấy đầu ép cọp vào thành của Hồ-quyền. Khi voi bước ra, cọp rớt xuống, voi liền lấy chân dẫm lên cho cọp chết. Sau vụ này, cuộc đấu voi cọp được bãi bỏ hẳn. Nhưng cũng nên nhắc rằng từ đời Tự-Đức do không còn có các cuộc tập dượt voi trận hàng năm nữa nên tượng-binh khiếp-nhược và không giúp ích được nhiều cho quân đội như xưa nữa.

Việc phòng thủ duyên-hải dưới đời Tự-Đức

Dưới đời Nguyễn-sơ ta đã từng thấy triều-đình ban nhiều sắc-dụ để khích-lệ việc rèn cán chỉnh quân. Trong vấn đề này việc thao diễn thủy quân rất được lưu ý vì các nhà đương-cục đời bấy giờ cũng hiểu rằng nước ta nhiều sông ngòi và quay lưng ra đại dương, nếu thủy quân không mạnh thì không sao giữ vững được thế nước.

Ngoài ra nhiều việc xảy ra trước mắt vua quan nên không sao làm ngơ được. Một bè giặc Tàu Ô cướp bóc thuyền buôn ngoài biển, giết người đoạt của như cơm bữa ; một bè tàu chiến của Pháp bắn phá Đà-nẵng từ năm Đinh-vị (1847) đến năm Tự-Đức thứ 7 hai phen, làm các hải đài của ta tan tành ra tro bụi. quan quân chỉ có kiếm đường chạy dài không xong. Ngoài ra tàu Pháp đã luôn luôn xông xáo vào các cửa Phúc - Thắng (Biên - hòa), ghé đảo La - Dứ

(Quảng-Bình), cửa Ba-Lạt (Nam-Định) không biết kiêng nể chánh quyền ta một chút nào.

Người ta đề ra một chương trình phòng thủ và không quên nhắc lời dụ của vua Minh-Mạng năm thứ 8 trong có đoạn phê bình như sau : « *Trừ ba đội quân do Nội-thủy là thành thạo, còn binh sĩ các vệ phái đến kỹ-thuật kém cỏi lại chưa có tinh thần kỷ-luật, thậm chí có kẻ vì không biết lội rớt xuống nước thì chìm, ngồi trên thuyền thì cứng đờ như tượng gỗ. Lỗi đó do các Thống-chế, Lãnh binh không hết lòng rèn luyện* ...

Nay ta hãy coi đời Nguyễn thao luyện thủy quân thế nào.

Thao luyện trên sông.— Người ta đóng từng hàng cọc, kết chèo vào và mỗi lần có hàng trăm người dự. Quang cảnh rõ như ngày bơi trải trong những dịp có khánh-tiết cách đây ba mươi năm (bơi trải là cuộc đua thuyền. Thuyền nhỏ dài bằng gỗ, hình thoi, to thì vài chục tay chèo, nhỏ thì cũng phải có mươi người. Thuyền lướt trên nước rất nhanh, ai tới đích trước thì thắng cuộc).

Tại Huế, sông Hương là nơi thao diễn. Người ta dựng nêu ở đầu sông, giữa sông và khoảng cuối sông. Trên mỗi cây nêu có một cờ xí. Cuộc đua thường khai diễn vào sáng hay chiều. Các thuyền lấy khởi-điểm từ cây nêu giữa rồi tiến lên phía đầu sông sau đó quay về phía cuối sông, gập nêu phải chèo quanh một vòng gọi là lộn vè. Mỗi lần đua phải đi ba vòng sau đó mới định hơn kém, thắng bại. Theo lệ, chiếc về trước phải hơn chiếc về sau ít nhất một thước mới hợp-thức, còn nếu cách nhau ít chút thì coi là đồng hạng.

Sau mỗi chuyến đua, thủy thủ phải đổi ghe cho nhau để có sự công bằng. Nếu chuyến đầu thua, chuyến sau đổi ghe mà thắng thì chuyến bại được coi là tại ghe xấu và không bị trách-phạt. Còn đổi ghe mà vẫn về sau thì không còn cái vào đâu được. Việc thưởng phạt cũng được phân hạng : Người cầm lái, cầm mũi được coi là vai quan-yếu, còn thủy-đoàn là thứ-yếu. Phạt từ 10 roi đến 50 roi, thưởng từ 3 đến 5 quan tiền và nếu thắng luôn luôn viên suất-đội có thể được thưởng đồng tiền Phi-long bằng bạc.

Thao luyện ngoài biển.— Việc thao luyện ngoài biển cố-nhiên

quan-trọng hơn. Mỗi năm chỉ có một lần và tổ chức vào ngày mồng một tháng năm, ngoại trừ có lệnh của nhà vua rời vào ngày khác.

Cửa bể Thừa-Thiên, Tư-Hiền, Qui-Nhơn, Nam-Định, Hải-Dương là nơi thao diễn, có năm tổ-chức lớn, có năm tổ chức nhỏ, lớn thì có nhiều thuyền bè tham dự. Trung-bình mỗi cuộc thao-diễn phải huy động : 10 chiếc cự-hải-đạo — 10 chiếc tiểu-hải-đạo — 2 chiếc lê-thuyền — 1 chiếc hỏa-thuyền — 1 chiếc lõa-đồng-thuyền.

Mỗi thuyền đều được trang-bị vũ-khí tùy theo thuyền lớn, nhỏ. Thuyền Cự-hải có 1 đại bác cỡ lớn, 4 đại bác cỡ nhỏ, 20 súng tay, 9 ống đồng phun lửa, một số pháo thăng thiên và một thiên lý-kính, Thủy-đoàn trên có 1 quan Vệ, 2 suất đội, 20 lính Cẩm-y, Kim-ngô, 20 lính Thần-cơ, 40 lính Long thuyền, Thủy-sư.

Các thuyền đều có treo cờ màu sắc khác nhau để dễ nhận ; hoặc cờ nền đỏ viền xanh, hoặc nền lục viền vàng hay nền xanh viền đỏ v.v... Giữa nền có viết chữ lớn. Tỉ dụ năm chiếc thuyền của đạo quân hướng Đông thì đề Đông I đến Đông V...

Thuyền vua đến quan sát, các thuyền phải sắp hàng chữ nhất và kéo cờ Long-phan lên nghênh giá. (Cờ Long-phan thêu rồng). Thuyền ngự cũng kéo cờ chào lại. Xong việc nghênh giá, cờ Long-phan được kéo xuống. Thuyền ngự lại kéo lên một lá đại kỳ màu đỏ. Đó là hiệu mở cuộc thao diễn. Trên một chiếc tàu của Trung-ương, viên Tổng duyệt đại thần điều khiển cuộc tập trận. Tàu thuyền chia ra 5 đạo : Tiền, hậu, tả, hữu và trung-ương. Trong các cuộc tập trận lớn số tàu thuyền tham-dự đông-đảo phải chia ra tới 10 đội.

Ba hồi trống nổi. Các ghe thuyền liền nhất tề chạy theo hướng đã định trước. Đạo thuyền Nam chạy về hướng Nam ; đạo thuyền Bắc chạy về hướng Bắc v.v... Như thấy cờ đỏ kéo lên thì thuyền đạo vụt chạy, cờ xanh cờ trắng kéo lên thì đoàn thuyền tả hữu lại chạy. Nhưng nếu có cờ Tứ-định đại-kỳ rút lên thì các tàu thuyền phải giảm ngay tốc-độ, trái lại gặp khi Ngũ-hành đại kỳ xuất hiện thì phải chạy cho mau. Bên các hiệu lệnh bằng cờ, người ta còn được nghe tiếng trống hoặc chầm chậm, hoặc rồn-rập. Còn khi thấy có cờ hắc, bạch vân thì phải hiểu ngay rằng đội chiến thuyền tiền phong

đang bị tấn công, các thuyền đi sau phải bắn đại-bác để giải-cứu và yểm-trợ. Nếu nghe thấy tàu trung-ương bắn một phát súng đồng, đó là hiệu báo nguy, súng tay phải nhất loạt bắn ra đồng thời với các đại-bác và bắn cả súng phun lửa.

Cuộc thao-diễn bế-mạc, người ta rút lá cờ có chữ THỐNG ở tàu trung-ương lên, thuyền ngự cũng kéo một lá cờ như thế để đáp lại. sau đó các thuyền bè kéo cờ khánh hỷ mừng cuộc thao diễn kết liễu.

Việc tuần phòng trên mặt biển.— Gìn giữ trật-tự ngoài biển là công việc của các quan tỉnh (địa-phương), nhưng công việc này còn được trung-ương (triều đình) giúp sức. Mỗi khi có giặc xuất hiện ngoài khơi lập tức có sự cấp báo đến quan tỉnh rồi quan tỉnh tâu ngay về kinh. Dĩ-nhiên quan phụ trách việc tuần phòng duyên hải phải trù-biện phản-ứng, ngay về phần mình đã cho kịp nếu ở gần kinh-thành, còn các tỉnh xa có lẽ phải tự túc nếu quá gấp. Rồi tùy theo giặc có nhiều thuyền hay ít quan phái thủy quân ra rượt bắt. Nếu gặp trường-hợp nghiêm-trọng, nhà vua phái cả đạo thủy quân của Kinh-thành ra hợp sức với thủy quân địa-phương. Tỉ-dụ năm 21 đời Minh-Mạng có hai thuyền giặc, mỗi thuyền có khoảng 40 tên đến đánh cướp đảo Hấp-Dứ thuộc tỉnh Quảng-Bình.

Nhà vua được tin liền phái Long-vũ Tả-vệ Phó Vệ-úy Nguyễn Đức-Trường, Thủy-quân Hữu thủy-vệ Vệ-úy Nguyễn văn-Cần mang hai chiến thuyền Thanh-hải và Định-lăng theo sau có hai chiếc ô-thuyền ra hợp sức với lực-lượng sở-tại. Trên các thuyền này có đại-bác, ống phun lửa, súng trường, súng điểu-thương, pháo thăng thiên, ống thiên lý kính v.v... Hai vị chỉ-huy trên đây được hạn trong một ngày phải tìm ra tung tích của quân giặc. Xét ra các thuyền do Kinh phái bao giờ cũng được trang bị đầy đủ hơn.

Việc tuần tiễu được thi-hành từ tháng hai đến tháng tám vì trong 6 tháng đó gió êm biển lặng. Đoàn quân phòng thủ trên mặt biển gồm nhiều đạo, mỗi đạo phụ trách vài tỉnh.

Mỗi khi gặp giặc cướp vào ban ngày thì bắn ba phát đại bác, ban đêm cũng vậy nhưng bắn thêm 5 cái pháo thăng thiên làm hiệu để các ghe họp nhau đuổi theo thuyền cướp.

Nếu bắt được thuyền lớn của cướp, thì được thưởng 1.000 quan, bắt được hạng nhỏ thì được thưởng 500 quan, bắt sống được một tên cướp được thưởng 30 quan, chém chết được một tên đem đầu về nộp được thưởng 20 quan.

Ở mỗi tỉnh có một đoàn thuyền chỉ lưu-động riêng trong vùng biển thuộc về tỉnh ấy mà thôi. Giữa hai tỉnh có dựng trụ biển để phân ranh-giới, do đó tỉnh nào chịu trách nhiệm riêng về tỉnh ấy. Trong khi đi tuần nếu thấy ở xa có chiếc thuyền nào tức thì thuyền quan kéo lên một lá cờ vàng (thuyền lớn thì kéo cờ ở sau lái, thuyền nhỏ thì kéo cờ ở cột buồm). Nếu chiếc thuyền lạ không kéo cờ thì biết ngay là thuyền của quân gian-phi, thuyền quan liền đuổi bắt. Đêm tối thì đôi bên dùng đèn để hỏi và trả lời nhau.

Về việc giữ gìn an-ninh ngoài khơi, các nhà cầm quyền còn sử dụng cả lực-lượng quần chúng, do đó mỗi tỉnh tùy theo số thuyền buôn của tỉnh mình mà trù liệu vũ-khí. Rồi khi có thuyền nào ra biển thì lý-trưởng làm giấy chứng nhận, quan cấp cho thuyền-chủ một số vũ-khí để tự-vệ, khi trở về phải trả lại.

Ở những làng duyên-hải có tổ-chức như sau : mỗi ấp chia làm 10 đội, phải đóng một chiếc thuyền lớn và 2 chiếc thuyền nhỏ, được quan cấp khí-giới và hoàn lại tiền đóng thuyền, vì thế mỗi khi có giặc biển hoành-hành và được tin cấp báo thuyền dân và thuyền quan phải họp nhau đi rượt bắt.

Xét như trên, việc phòng thủ các sông ngòi và các hải-phận tương-đối có tổ-chức và đầy đủ phương-tiện nếu chỉ để đối phó với lũ giặc « *Tàu Ô* ». Nhưng đối với các chiến thuyền của Tây-phương bấy giờ thì bất cập, vì thủy-quân mà vua Gia-Long mang đánh nhà Tây-sơn nếu so với thủy-quân của Pháp nửa thế-kỷ sau (trong tay của Rigault de Genouilly) thì kém xa quá rồi, nghĩa là lỗi thời, lạc-hậu và ít hữu-hiệu. Cần thiết nhất là tinh thần chiến-đấu thì quân quân đời Nguyễn có ít quá nên ngay chống nhau với quân hải-phỉ nhiều khi còn không xong huống hồ đời Tự-Đức thủy-quân Việt-Nam phải cầm-cự với các hạm-đội của nước Pháp là nước đang văn minh, hùng cường vào bậc nhất ở Âu-Châu. Xin đan cử một tỉ-dụ đáng kể rất đau đớn cho vua Tự-Đức về thủy quân của ta như sau :

Ngày 18 tháng 6 năm Tự-Đức thứ tư (16-7-1851) chiếc tàu

Bằng-Đoàn của Kinh phái đang đậu ở bến Thị-Nại thì được tin có ba chiếc tàu khả nghi hạ neo ở đảo Chiêm-Dứ thuộc hải-phận tỉnh Quảng-Ngãi. Tàu này do Lang-trung Tôn-thất-Thiều và Suất-đội Phạm-Xích điều khiển đang đi tuần-tiễu từ Thừa-Thiên vào tới Bình-Định.

Chiếc Bằng-Đoàn ra tới nơi quả có ba chiếc tàu Trung-hoa thật, xả đại-bác bắn luôn, ba chiếc sợ quá bỏ chạy liền về hướng Đông không dám kháng cự. Hai hôm sau thì tàu Bằng-Đoàn lại gặp một trong ba chiếc đã trốn thoát. Chiếc tàu này bị hư nặng, hạ buồm xin hàng.

Thủy thủ của tàu Bằng-Đoàn bắc loa ra lệnh cho hành khách sang tàu quan để khám. Ba mươi ba người Trung-quốc kéo sang liền với bộ điệu khúm núm, sợ sệt. Họ xuất trình thuyền-bài và nói họ là các nhà buôn ở ngay Thừa-Thiên và Quảng-Ngãi nay về xứ *(Hải-Nam)* chớ không phải là giặc biển. Họ còn khai có biết quan Lang-Trung...

Nhưng quan Lang-Trung và Suất-đội họ Phạm lờ đi. Người ta khám phá chiếc tàu kia quả chỉ có hàng hóa mà thôi, không có thứ vũ-khí nào hết. Mặc dầu biết họ là người lương thiện, Hiệp-quản Dương-Cù vẫn được lệnh của Tôn-thất-Thiều trói 47 hành khách còn lại ở trên tàu và giết hết quẳng xuống nước vào quãng canh hai. Những người đã bước qua tàu Bằng-Đoàn cũng không thoát chết. Tất cả là 107 nạn-nhân, may một kẻ nấp dưới khoang thuyền nhảy xuống biển trốn được. Bao nhiêu của cải bên tàu của người Trung-hoa đều bị tịch thu sạch, rồi chiếc tàu của nạn nhân được sơn đen để hóa ra tàu của giặc bể, và bị lôi về bến nêu cao thành-tích.

Ngày 27 tháng 6 năm ấy mấy tên « *giặc quan* » còn dâng phiến lên vua Tự-Đức miêu tả chiến công oanh-liệt của mình. Nhưng vua Tự-Đức lấy làm nghi vì từ trước tới nay chưa bao giờ thủy-quân Việt-Nam tỏ ra có tài năng chống giữ quân gian ngoài biển cả. Ngày ngài ngự giá về Thuận-An qua chiếc thiên-lý-kính chính mắt ngài đã trông thấy cái bất lực của quan quân khiến ngài đã phải hạ những câu thơ rất châm biếm, chua chát mà chúng ta sẽ thấy dưới đây.

Rồi vua Tự-Đức cho Bộ Hình mở cuộc điều tra, chất vấn quân lính của tàu Bằng-Đoàn, xét nét tình trạng của tàu, mối gian dối đã bị phanh phui dần ra, sau đó viên Đội-trưởng Trần-văn-Hựu bồng hối hận về thảm cảnh của chiếc tàu khách đã khai hết sự thực với Bộ Hình. Vụ án được kết-liễu bằng hai vụ lăng-trì (trường-hợp Tôn-thất-Thiều

và Phạm-Xích), năm vụ trảm quyết và vài kẻ bị phạt trượng và đầy 3.000 dặm, một số quan lại bị giáng chức. Tài-sản của các thủ-phạm bị tịch-biên để đền bù cho các nạn-nhân. Số hàng hóa bị thâu-đoạt cũng được trả lại cho quyến-thuộc những người xấu số.

Xin thêm vào đây vài cảnh thương-tâm về thủy-quân Việt-Nam dưới đời Tự-Đức và chính nhà vua được chứng-kiến :

Năm Ất-Dậu (1873) ngày 13, 14 và 15 tháng 4 vua Tự-Đức ngự giá ra cửa Thuận-An để duyệt lại các đồn lũy và xem binh sĩ tập bắn. Các hoàng thân, các quan văn võ đều theo hầu. Trong dịp này Đức Từ-Dũ cũng có mặt trong ngự-đạo để đi hóng gió. Riêng Nguyễn-tư-Giản Thượng-thư Bộ Lại có nhiệm-vụ ở lại gìn giữ Kinh thành trong khi vua đi vắng.

Chức Phòng-luyện Tham-biện được chỉ cho biết trước việc này đã lâu nên đã báo cho các võ quan Thần-cơ Trú-phòng Tôn-thất-Dánh, Huấn-luyện suất-đội Tôn thất-Tụy và Đội-Trưởng Nguyễn-Thưởng chuẩn-bị mọi việc.

Tại Thuận-hóa bấy giờ có 40 khẩu đại-bác phân phối đi các đồn lũy, từ ngày đúc đến giờ chưa được bắn thử lần nào, trừ ba khẩu cũ là Phá-địch, Kích-viễn và Khóa-hải. Hai binh sĩ một chính một phụ trông nom một khẩu, người nào chưa bắn lần nào mới được phép bắn cho quen tay mà thôi và cứ mỗi khẩu bắn ba phát (1).

Súng đặt thành hàng tại bên tả và bên hữu Trấn-hải-đài, 10 khẩu tại lũy bên tả, 10 khẩu tại lũy bên hữu.

Ngoài những bác-thủ (lính bắn súng đại bác) ở Huế, còn có 11 bác-thủ từ Hanoi và Hà-tịnh được gọi vào tham-dự. Bọn này đến trình diện bộ Binh vào ngày 12 để ra cửa Thuận cho kịp, đến lúc điểm danh thì thiếu mất viên suất-đội Nguyễn-văn-Sĩ tuy có tới nhưng đi thăm bà con rồi biến mất !

Theo chương-trình đã định, sáng ngày 13 những khẩu đại bác đặt bên tả Trấn-hải-đài đã bắn, xong chiều sẽ đến lượt các khẩu bên hữu. Thượng-thư bộ Binh Trần-tiễn-Thành đến kiểm-soát thì thấy

(1) Mỗi khẩu bắn ba phát, và bắn ba phát đâu đã quen tay ! Tập tành như vậy rõ ràng chỉ có tính cách chiếu lệ.

thiếu 6 khẩu. Bọn võ quan Thần-cơ khai rằng những khẩu đại bác ấy. đang đặt ở các lũy xa chưa kịp mang về. Họ Trần sợ mang tội khi quân phải làm phiến trình vua Tự-Đức có đoạn nói rằng :

« Thần xét việc bắn súng này có mục-đích thử những khẩu súng mới đúc xem sức mạnh và tính chất ra sao vì thế hoàng-thượng mới ngự-duyệt cuộc tập bắn. Vậy mà các viên ấy dám dối trá, thật là không thể tha thứ được. Vậy xin giao cho Bộ Binh nghiêm xét... ».

Kết quả việc tập bắn trong ba ngày được một hội đồng ghi chép rồi dâng lên vua Tự-Đức. Nhìn vào tờ trình, ta thấy có khẩu đại bác bắn vượt quá đích, có những viên đạn chưa tới đích, có viên lệch sang tả, có viên lệch sang hữu ; viên tới gần nhất cách đích là 5 trượng 2 tấc tức là 18 thước. Có viên bắn lệch qua bên tả tới 27 trượng nghĩa là gần 100 thước. Xin nhắc đích đặt cách súng đại bác từ 120 đến 200 trượng, tùy theo đại bác cỡ lớn hay nhỏ.

Trước sự thảm hại này, vua Tự-Đức đã phê : « *Sai quá nhiều* ! »

Để chê kẻ bắn dở, ở Huế đã có câu nói đùa : « *Bắn con dê trên thành* » nghĩa là bia dựng dưới đất, dê ăn cỏ trên mặt thành mà bị chú lính ngắm cách nào đến nỗi trúng vào dê rồi dê rớt xuống chết tốt. Nói thế cũng tội nghiệp cho người lính ; họ có bao giờ được bắn nhiều lần đâu, mỗi năm chỉ được bắn có vài phát bảo cho quen tay mà thôi, sự thực làm gì có đủ thuốc đạn mà bắn cho quen tay được. Do sự tập tành tắc-trách như vậy, nhà vua mới được chứng kiến một sự thực cười ra nước mắt dưới đây :

Ngày 19 là ngày cuối cùng của cuộc tập bắn. Vào giờ Mùi (hơn 10 giờ sáng) vua Tự-Đức đang ngồi tại Hành-cung bỗng nghe ngoài khơi có tiếng súng nổ. Thì ra thuyền vận tải của ta bị hai chiếc Tàu Ô đánh cướp. Thuyền của ta tuy đông mà vẫn thua, thậm chí trong hai chiếc tàu của giặc, có một chiếc dám cả gan xông vào tận bờ bất kể vua quan của ta đang tụ tập cả ở Cửa Thuận.

Tức thì lực-lượng hải-quân của ta được lệnh ra tiếp cứu đoàn thuyền bị nạn, nhưng súng có bắn ra mà chẳng viên đạn nào trúng tàu của giặc hết. Rút cuộc giặc Tàu Ô bắt mất hai chiếc quan thuyền trước mắt của vua Tự-Đức. Dĩ-nhiên việc này đã làm nhà vua xúc-động đến cực-điểm vì thật mục sở thị.

Trở về triều, Trần-tiễn-Thành dâng sớ xin chịu tội tự cáo không lo đầy đủ việc phòng thủ bờ biển. Các nhân viên cùng binh sĩ liên-hệ đến việc này cũng phải giao cho Bộ Binh nghị xử.

Vì quá xúc-động, nhà vua mới làm ra một bài thơ in ra 140 bản gửi đi các tỉnh, các bộ, các nha để trách quở các quan phụ trách về thủy quân như sau :

Rằng năm Quí-dậu tháng tư,
Ngửa vâng hoàng thượng, thánh từ sắc ban,
Mười hai giá ngự Thuận-An,
Hiệp đoàn văn võ quân quan hộ tùng,
Tưng bừng cờ phất trống rung,
Chèo hai mái nhẹ, thuyền rồng như bay.
Vẳng nghe tiếng trống vang dầy,
Xa xa mấy bức buồm bay nhẹ nhàng.
Cảnh này trông thấy vẻ vang,
Đủ khoe gác tía lầu vàng xinh thay !
Càng nhìn càng đẹp càng say,
Dẫu mà trăm cảnh, đâu tầy Thuận-An.
Ai ngờ một phút tự nhiên,
Bỗng đâu chín chiếc tải thuyền chạy ra.
Ngọn buồm nhác thấy xa xa,
Ngoài khơi nghe tiếng súng ra đùng đùng.
Tàu ô áp đến hành hung,
Đều ran tiếng súng gầm cùng to gan.
Trương buồm chạy dọc chạy ngang,
Căm hờn mấy lũ, mấy đoàn tàu ô.
Trầm-trồ bố mẹ xi-xô,
Đứa đâm đứa chém, đứa xô xuống tàu ,
Các quan khi ấy liền tâu,
Ngửa trông hoàng thượng trên lầu nhìn ra.
Lệnh truyền hộ vệ thần cơ,
Nào ai bắn trúng tàu ô nó rày !

Quyền ban lộc thưởng nó đầy !
Sắc vừa ban xuống, nạp ngay súng liền.
Bắn thì phát vẹo phát xiên,
Bắn ra chẳng trúng vào thuyền tàu ô.
Hở thì nó chạy nó vô,
Giắt đi hai chiếc, ai mô chẳng tường.
Thế mà nửa giận, nửa thương.
Giận thay chúng nó, thương đường quân ta.
Người thì bị thuốc cháy da,
Kẻ thì bị đạn, máu ra đầy mình.
Làm cho chúng nó dễ khinh,
Gẫm lại tự mình chẳng biết cứu nhau
Phải chi diệu vợi nơi đâu
Đã toan lập lượng chước màu tâu vô
Chẳng qua sự đã sờ-sờ
Ai ai cũng lặng như tờ nín hơi.
Nghĩ đời mà ngán cho đời,
Làm quan ăn uổng lộc trời lắm ru !
Nghênh ngang võng võng, dù dù,
Bảng vàng hia mão xuân thu phát đầu.
Gẫm ra tài cán gì đâu,
Rồi ra múa mỏ vênh râu chốm chè !
Phen này mắt thấy tai nghe,
Tham sinh úy tử một bè như nhau.
Ăn thì giành trước, giành sau.
Đến khi có giặc rút đầu rút đuôi.
Cũng xưng là đấng làm tôi,
Cớ sao chẳng biết hổ ngươi trong mình ?

Ngoài bài thơ nôm trên đây, Tự-Đức còn có bài thơ Hán ví bọn hải phỉ như đàn cá mập, cá xà ngoài bể, như lũ hổ báo trên rừng với ước muốn tận diệt chúng cho dân đỡ hại, nhà vua lại làm thêm một bài văn xuôi đòi hỏi bộ Binh, bộ Công phải trù liệu việc thuyền bè,

súng ống, nhắc lại vụ tàu ô cướp thuyền buôn, chúng có 2 cái mà thuyền quan 9 cái không chống nổi còn bị chúng vào bờ dắt đi mất hai cái. Tự-Đức nhắc cả việc thuyền đồng của ta tuy lớn hơn thuyền giặc mà vô ích, vì nặng nề, binh sĩ gặp giặc thì ngơ ngác, lúng túng, súng bắn thì trật hết ra ngoài. Súng trên đồn là đại bác hạng dài bắn để trợ chiến 100 phát không trúng một... thuyền bì cốt kề thì nhiều nhưng nằm nhàn trong xưởng, còn phái đi công tác thì ít, hàng năm tính tiền tu bổ không biết bao nhiêu. Nhà vua thống trách bộ Công, bộ Binh cùng các quan ở Thủy-sư, Hải-phòng đã thiếu tinh thần trách-nhiệm. Sau cùng Tự-Đức chỉ thị việc đóng tàu tuần dương và việc đặt súng đại bác sao cho có sự thích-ứng, binh sĩ phải được tập bắn cho thạo, ngoài ra phải có tàu túc trực tại các cửa biển chờ sử-dụng tới cho linh-diệu...

Đó là tờ chiếu ban hành ngày 21 tháng 4 năm T.Đ. thứ 26 sau khi nhà vua hết lời sỉ-vả quan quân bằng thơ Nôm, thơ Hán, có đoạn nói ta nhiều lính mà cam tâm thua giặc, chỉ quen nghề dối trên lừa dưới, có tội lỗi thì tìm cách che đậy, không lập được công mà dám xưng công, quyền dân lợi nước thì coi thường... Như trên, ta đã thấy việc khi quân táo bạo của bọn Phạm-Xích, Tôn-thất-Thiều đang tay một lúc giết 107 kẻ lương thiện đổi qua thành-tích hòng được thưởng thì tâm-thuật của đa số văn thần võ tướng đời Nguyễn-sơ lưu manh đến mức nào.

Thêm một tỉ-dụ nữa về chỗ bất tài bất lực của các quan kinh, quan tỉnh đời Tự-Đức 22 năm trước cũng vẫn thuộc việc tuần phòng ngoài biển.

Ngày 19 tháng 4 năm Tự-Đức thứ tư (1851) vào giờ Thìn (từ 7 đến 9 giờ sáng) Suất-đội Võ-Ốc đang đi tuần thì trông thấy một thuyền buôn đi ngang qua cửa bể Nha-phù gần phía *Mũi Cây Sung*. Bỗng từ phía Đông một chiếc thuyền giặc có vài chục tên Thanh-phỉ ào tới để ăn cướp. Trong lúc này có một chiếc tuần-dương của tỉnh phái tới do Phó lãnh-binh Phạm-phúc-Trung dẫn đầu, sau đó là chiếc binh thuyền của Suất-đội Đỗ-Hữu cách thuyền của Võ-Ốc chừng vài bốn trăm trượng.

Cho rằng thuyền của mình không đến nỗi cô-lập, Võ-Ốc liền tiến lên cứu thuyền buôn và bắt giặc. Bọn Thanh-phỉ liền bỏ thuyền buôn

ra nghênh chiến. Đôi bên xô xát khá lâu mà đám thuyền tỉnh phái vẫn không đến tiếp cứu. Đã thế giặc lại được thêm một chiếc thuyền thứ hai có tới 50 tên lại hợp sức với chiếc thuyền thứ nhất vây đánh Võ-Ốc. Thuyền quan có ít lính đã bị giết mất 4 người, lại thiếu thuốc đạn nên bị giặc đốt cháy. Năm tên lính hoảng quá nhảy xuống biển mất tích. Võ-Ốc cùng thơ lại Đỗ văn-Hy và vài người lính khác thả thuyền con xuống biển bỏ chạ. Thuyền này cũng bị chìm may có thuyền chài đồ ra cứu được.

Việc đáng trách hơn cả là đêm trước (18-4) chiếc thương thuyền bị nạn nói trên của Lê-tấn-Bảo đã có phi báo 2 chiếc thuyền giặc đang lảng vảng ngoài khơi. Phó lãnh-binh Trung lại vừa được liên lạc với chiếc tuần dương của kinh phái do Phó-Vệ-Úy Nguyễn-Học điều-khiển rồi hai bên cùng hợp sức kéo đi bắt giặc. Nhưng đến gần thuyền giặc khoảng vài trăm trượng thì thấy thuyền Võ-Ốc với thuyền giặc đang đánh nhau kịch-liệt nhưng không dám lên tiếp cứu. Bởi thế-lực quá đơn chiếc Suất-đội Võ-Ốc phải thua giặc một cách thảm hại..

Sau vụ này bị điều tra bọn Phó Vệ-úy Nguyễn-Học cùng Phó lãnh-binh Phạm-phúc-Trung đều khai vì sóng to gió lớn, thuyền đồng nặng nề không tiến lên được và không thấy giặc cùng Võ-Ốc đánh nhau. Viên Tấn thủ Nguyễn-Mâu phụ trách hải phận cũng chối dài rằng không hay biết có quân Tàu ô đến ăn cướp.

Tóm lại, dưới đời Nguyễn-sơ võ quan thì tinh thần khiếp-nhược, mà văn thần đa số vô trách-nhiệm, chỉ quen nghề nịnh sằng hót nhảm để leo cao trên cái thang danh vọng, nhà vua không bao giờ bước ra thỏi vùng Hương-giang, Ngự-Bình, sau này mấy vị lão nho như Phan-khanh-Giản, Nguyễn-Tri-Phương, Hoàng-Diệu v.v... tuy trung thành. Tận tâm nhưng tài bất cập chí khiến dân tộc chúng ta phải mất nước.

CHÚ THÍCH. — Đáng chú ý : Vua Tự-Đức ngự duyệt các đồn lũy và cuộc tập bắn, vậy mà Suất-đội Nguyễn-văn-*Sĩ* từ Hà nội vào Huế bỏ đi chơi, không đến trình diện lúc điểm danh tới khi có cuộc thao diễn cùng vắng mặt nốt.

Tại kinh, Lưu kinh đại thần Nguyễn-tư-Giản đi kiểm soát các cửa thành cùng trong Đại-Nội, nhiều quan văn võ và binh sĩ không có mặt ở phiên trực, việc tàu ô giao chiến với tàu ta không ai báo lên nhà vua, chỉ tự nhà vua trông thấy, nghe thấy mà thôi. Tác-giả bài *Cửa bể Thuận-An* đăng trong Bách khoa số 100 ngày 1-3-1961, ông Bửu-Kế một nhân vật của Hoàng phái, có ý nói rằng nếu vua

Tự-Đức hung ác như nhiều người lầm tưởng thì đã không có những việc bê-bối kể trên. Ngay các quan cận-thần cũng tự tiện bỏ cả việc theo chầu trong chuyến ngự-giá đi Thuận-An nữa, tỉ-dụ Hộ bộ Thị-lang Nguyễn-Phiên, Hình-bộ Biện-lý Phạm hy Lượng, Lại-bộ Biện lý Đoàn văn Xứng, Chưởng-vệ Lê-Thập khiến Đô Sát phải dâng phiến đề hạch tội... Ông còn nghĩ rằng : « *Tự-Đức chỉ là một ông vua thi-sĩ ; việc nước thì rắc rối khó khăn như ngôi nhà đã bệ rạc chỉ chờ ngày sụp đổ, các quan thì nệ-cổ không đủ tài đảm đang để làm cho Việt-Nam trở thành một cường quốc được. Đó là những lý-do khiến chúng ta mất nước.* »

CHƯƠNG IV

THÁI-ĐỘ VUA TỰ-ĐỨC ĐỐI VỚI THIÊN-CHÚA GIÁO

Những chỉ dụ cấm đạo, giết đạo

Cho tới đời Tự-Đức chúng ta chưa dứt bỏ được cái thành-kiến riêng Trung-quốc và ta là văn-hiến chi-bang còn người Tây-Phương là man-di mọi-rợ. Nếu có điều gì đáng học hỏi thì từ vua đến quan của ta đều nhìn sang phía Trung-quốc. Sự-kiện này tỏ rằng chúng ta đã mang nặng ảnh-hưởng của văn-minh Hoa-tộc. Nói đến chính-sự đạo-đức thì ta mê Nghiêu, Thuấn, Văn-vương, Chu-công ; nói đến thi-phú thì ta mờ mắt vì Hán, Đường. Ta lại có thói ngoan-cố đến nỗi không chịu tin rằng ngoài thiên-hạ còn những dân-tộc khác cũng văn-minh, cường thịnh và trái lại, chúng ta không ngờ rằng nước Tàu cũng như nhiều lân-quốc Á-Châu khác giờ đó đang suy-tàn. Tàu lớn tàu nhỏ của Tây-Phương đi lại như mắc cửi trên các đại-dương, súng đồng của họ khạc ầm ầm từ Ấn-Độ-dương qua Thái-bình-dương, cướp phá tung hoành ở nhiều quốc-gia, như vậy mà ta vẫn không nghĩ nổi cách đối phó, rồi như con đà-điểu quen dấu đầu vào cánh, ta lãng bỏ luôn và không dám nhìn vào sự thật.

Triều đình của Tự-Đức, từ bà Từ-dũ thái-hậu đến nhà vua, các bề tôi như Nguyễn-tri-Phương, Nguyễn-đăng-Giai, Trương-đăng-Quế, Võ-trọng-Bình v.v... đều là những người có óc bảo thủ và ít thực-tế. Chính sách đối nội là phú-quốc, cường-binh đã không xây dựng được, chánh sách đối ngoại là chế-ngự ngoại-địch cũng không có nốt. Tuy một số quan lại đi xa về đã báo cáo đầy đủ mọi việc mới lạ đang tiến triển vượt bực bên ngoài Thế-giới mà vua quan vẫn cứ miệt mài văn chương thi-phú coi như mình với dân nước đang sống yên ngoài vũ-

trụ. Tóm lại có thể nói rằng: từ Gia-Long đến con cháu ai nấy đã biết trước cái họa da trắng từ khi Ấn-độ rơi vào tay Anh, Pháp, Bồ, Java Sumatra thuộc Hòa-Lan, Phi-luật-Tân mất về Tây-ban-nha, Trung-quốc bị ký nhiều điều-ước bất bình-đẳng. Nhất là vào những năm cuối đời Minh-Mạng và mùa thu năm Đinh-Vị (1847) chính ta đã từng bị Rigault de Genouilly uy hiếp ở cửa Hàn khi y còn là một hải-quân Trung-tá.

Trước mối nguy cơ đó, triều đình Tự-Đức không làm được việc gì đáng kể, thời gian cứ chảy trôi một cách đáng tiếc. Một vấn-đề đã được đề ra, đó là vấn đề đạo Thiên-chúa. Khi lên cầm quyền, theo gương các tiền triều, vua Tự-Đức đã ký nhiều lần chiếu chỉ cấm và giết đạo mặc dầu ông và cả lũ bề tôi biết rằng hành động này có thể là nguồn gốc cho sự gây hấn của Tây-Phương chỉ một sớm một muộn. Tuy nhiên nhiều khi nhà vua cũng có nới tay với các giáo-sĩ và giáo-đồ, nhưng có khi lại quá thẳng tay bởi thấy nhiều quốc-gia Á-Đông như Nhật, Tàu đã cấm thì mình cũng cấm theo. Nhà vua không theo rõi thời cuộc bởi sau Nha-phiến chiến-tranh (1839), Tàu đã triệt bỏ việc cấm đạo và Minh-Trị Thiên-hoàng của Nhật-bản sau đó ít lâu cũng chuyển-hướng tức là thôi việc bài ngoại và lại thân Tây-Phương để mở cuộc canh-tân quốc-gia. Xét ra thời cuộc đổi thay ào-ạt hằng ngày ở các lân-bang mà triều Tự-Đức vẫn có những hành động bất nhất và luôn luôn lỗi thời. Nguy hại hơn nữa, mỗi khi xúc-tiếp với người Pháp gặp việc bất mãn thì nhà vua chỉ biết ra lệnh gắt gao chém giết giáo-dân, giáo sĩ để thỏa hờn chớ không có chánh sách gì khác thích-đáng hơn.

Năm Mậu-Thân là Tự-Đức nguyên-niên (1848), có hai đạo dụ được ban hành, một ân-xá các tín-đồ Thiên-chúa-giáo nhưng một nói giáo-sĩ ngoại quốc vào truyền đạo sẽ bị tử-hình, đạo-trưởng người Nam không bỏ đạo thì bị khắc vào má hai chữ « *tả-đạo* » rồi đày đi các vùng nước độc, thường dân vì ngu tối hoặc bị mua chuộc bằng tiền bạc thì các quan phải dạy dỗ và đừng có giết hại v.v... Khi ông hoàng Hồng-Bảo mưu « đảo chánh », Tự-Đức nghi có sự tư-thông với Giám-mục Pellerin và giáo dân, việc cấm đạo lại trở nên ráo-riết do Dụ ngày 21-3-1851 (năm Tự-Đức thứ tư). Trong dịp này Thừa-sai Schoeffer bị chém ngày 1-5-1851 ở Sơn-Tây và Jean Louis Bonnard bị xử-tử tại Bối-Xuyên (Nam-Định) ngày 21-3 cùng nhiều tín-hữu.

Tự-Đức lại ban hành một Dụ mới sửa đổi các Dụ trước và khiển trách quan dân nặng nề, đại khái là :

« Các quan ở trong triều được hạn là một tháng, các quan ở các tỉnh 3 tháng để xuất giáo. Nếu biết thú hết tội lỗi thì được tha bằng không sẽ mất hết chức tước, địa-vị và trở thành bạch-đinh, ngoài ra còn bị trừng-trị theo luật định.

« Dân chúng và binh sĩ được gia-hạn 6 tháng để bỏ đạo. Nếu chịu theo lệnh của triều-đình thì được mọi sự bình yên, nếu bất tuân và không thờ phụng thần phật tức là chưa dứt với tà-đạo sẽ bị trừng-phạt.

« Người Công-giáo hay chữ đến đâu cũng không được dự các việc thi cử, giữ các chức phận ngoài xã-hội. Nếu bất tuân sẽ bị trừng phạt.

« Những kẻ làm chài lưới ở gần biển vì ngu xuẩn thường giả vờ đánh cá để đưa các Tây-dương đạo-trưởng vào nước ; những đạo-trưởng thường do các tàu buôn đưa lên vào nước, chúng làm nhà ở các nơi hẻo lánh hoặc trú ẩn trong các hầm hố, chúng được báo tin để tẩu thoát do các trạm canh gác đặt ở các nẻo đường mỗi khi quan quân đi kiểm soát ; nhiều kẻ bị bắt quả tang thông tin tức cho Tây-dương đạo-trưởng, đối với các kẻ đó sẽ có sự trừng-trị như sau : đạo-trưởng sẽ bị chém, đầu bêu tại chỗ công cộng trong ba ngày rồi sẽ quăng xuống biển cùng với xác ; các chủng sinh (học trò) của các linh-mục bản quốc cũng sẽ bị chém. Các giáo dân nếu không chịu quá-khóa (bỏ đạo, bước qua cây thánh giá) cũng phải chịu tử-hình... Nếu có tàu của bọn Mọi đến, quan ở các hải-cảnh phải theo dõi đúng điều Đức Minh-Mạng đã dạy... Ai cũng biết bọn theo đạo Gia-tô là bọn bất lương, côn đồ, thế mà các quan không chịu lo-lắng để dân lầm lạc theo tà đạo. Ta truyền lệnh cho các quan lớn nhỏ phải kiểm soát ráo riết địa-hạt mình, khuyên dân chúng trở về với đạo cao cả của Đức tiên-đế, phải đốt các nhà thờ, nhà xứ, hãy khám xét các hầm hố và các hang, cấm bọn giáo-dân tập-trung, tóm lại dùng đủ cách để ngăn trở và tiêu diệt đạo này...» (theo Louvet trong « *La Cochinchine religieuse* »).

Sắc dụ này vẫn không đem lại những kết quả mong muốn ; tín-đồ đạo Công giáo đa số vẫn tích cực theo đạo, họ lẩn trốn và phân tán đi nhiều nơi, việc giảng đạo vẫn không ngừng, dĩ-nhiên mọi hoạt động của họ phải

rút hết vào bí-mật, hoặc họ hối-lộ tiền bạc cho quan lại, tổng lý để cho thân, nên năm 1857, Tự-Đức lại đưa ra một Dụ nữa gay-gắt hơn.

Qua năm Ất-Mão (1855) năm Đinh-Vị lại có Thừa-sai Tây-ban-nha là Diaz và Garcia tử-đạo. Phong trào bài đạo ở Việt-Nam nếu so-sánh thì không kém phần bạo liệt như ở Nhật-Bản vào thế kỷ XVII. Trong lúc này các tàu của Tây-phương, nhất là tàu của Pháp vẫn qua lại các bờ biển Việt-Nam có cử chỉ thận trọng hơn trước, nghĩa là không gây sự gì với triều đình Huế, nhưng sự hòa-hoãn nầy vẫn không ngăn một cơn giông tố lớn lao sắp ào tới.

CHÚ THÍCH.— Do ba đạo dụ trên đây, các giáo-sĩ Tây-Phương vào truyền đạo ở Việt-Nam là cả một sự mạo hiểm. Riêng ở Bắc-Kỳ, việc kiểm soát đỡ gắt-gao hơn vì xa triều-đình. Các giáo-sĩ phải đi lén vào miền núi và khi trốn tránh phải chui vào cả chỗ rừng rậm nước độc. Năm 1858 Giám-mục Rotord bị chết vì ngã nước do sự-kiện kể trên. Giám mục Colomer, người Tây-ban-nha ẩn 9 tháng ở dưới hầm hai thước chiều cao, hai thước chiều rộng đào dưới một cái quán, mỗi ngày được ném xuống một nắm cơm Khi lính đi khám, có khi họ bước cả lên nắp hầm. Tình trạng của Giáo hội Việt-Nam thuở đó thật vô cùng bi-đát và vì thế không thể tiến-triển được. Giáo-sĩ cũng như giáo-dân phải có một nghị lực phi-thường mới đối phó được với hoàn cảnh, tuy vậy số giáo-dân lúc này tại Bắc-Kỳ cũng được tới 140.000 người.

CHƯƠNG V

PHÁP KHỞI HẤN Ở VIỆT-NAM

Sứ-mạng của Montigny

Trong khi vua Tự-Đức ra công bài trừ đạo Gia-Tô và cương quyết thi hành chánh sách bế quan tỏa cảng thì bên kia trời Âu, Pháp-hoàng Nã-phá-Luân đệ tam vừa thắng xong trận Crimée, uy danh lừng lẫy. Nhà vua có một thái-độ rõ rệt hơn là chánh-phủ tháng bảy (Gouvernement de Juillet) muốn nhân dịp này mở rộng thanh-thế của nước Pháp ra ngoài hải-ngoại. Nhà vua liền mang vấn đề Việt-Nam ra bàn, biết rằng lúc này tiếp tục chánh sách thuộc-địa của Louis Philippe và Bộ-trưởng Guizot (1) (chiếm Algérie) là hợp thời và sẽ được dân chúng ủng-hộ, vừa được thế-giới Công-giáo hoan nghênh nữa. Một hội-đồng được đặt ra : *Ủy-ban nghiên-cứu vấn-đề Việt-Nam* (Commission de Cochinchine. Bấy giờ Pháp chưa biết quốc-hiệu Việt-Nam nên gọi là Cochinchine).

---

(1) *Chánh phủ tháng bảy* là một chánh phủ do Cách mạng Pháp lập ra vào tháng 7-1830 sau thời Phục Hưng, Công tước d'Orléans anh em họ với Charles X được đặt lên ngôi. Người ta còn gọi là Nền quân-chủ tháng 7 (Monarchie de Juillet) vì nó được khởi xuất với Cách-mạng tháng 7-1830. Công tước d'Orléans lên ngôi tức là Louis Philippe, ông vua này với vị Bộ-trưởng cự phách bậc nhất của mình là Guizot rất nặng lòng về việc mở mang thuộc-địa. Lịch sử Pháp đến nay còn ghi sự nghiệp lớn nhất của Louis Philippe là đánh chiếm xứ Algérie và Pháp đã biến xứ này thành một nơi có nhiều đô-thị lớn đẹp như Alger, Oran, Constantine và nhiều đường xá rộng-rãi. Trong khi cuốn sách này ra đời Chánh-phủ de Gaulle, sau nhiều năm đổ máu giữa Pháp và thuộc quốc, đã chịu chính thức trả độc-lập cho Algérie. Nhưng một tướng lãnh Pháp là Đại-tướng Salan cùng với các nhà thực dân Pháp ở Algérie cương quyết võ-trang chống lại việc trả Algérie cho người Algérie, ngày 24 tháng 4-1962 Salan cùng bộ Tham mưu bị bắt gần hết và sẽ ra trước tối cao pháp-viện. Nếu Chánh-quyền của Louis Philippe không bị dân chúng đánh đổ vào năm 1848 có lẽ quân đội viễn chinh Pháp đã sang Việt-Nam sớm hơn.

Ủy ban nghiên cứu vấn-đề Việt-Nam có Nam-tước Brenier làm chủ tịch, Phó Đô-đốc Fo richon và Đại-tá Jaurès làm hội-viên. Ủy ban họp từ 28-4-1857 đến 18-5-1857 mới bế-mạc và đưa ra quyết-định đánh chiếm nước Nam. Ủy ban đòi phải sửa soạn chiến tranh gấp rút và bí-mật để chiếm ba thị-trấn chính của Việt-Nam (Đà-Nẵng, Saigon và Hanoi). Quân-đội sẽ từ Pháp đưa sang, ngoài hạm-đội Pháp đang có mặt ở Trung-Quốc.

Ngày 15-7-1857, hải-quân Trung-tướng Rigault de Genouilly được chỉ định làm Tư-lệnh đoàn quân viễn-chinh.

Trên đây chúng tôi nói chủ-trương xâm-lược các nước nhược-tiểu ở Á-Đông được chào đón niềm nở ở nước Pháp và thành một vấn đề thường-xuyên được nêu ra mỗi khi chánh quyền rảnh tay, vì từ thế-kỷ XVII các nước Âu-Châu đều đua nhau đi kiếm thị-trường và thuộc-địa để giải-quyết mọi nhu-cầu phát-triển kinh-tế, kỹ-nghệ. Chánh-quyền nào hờ hững với vấn-đề này có thể bị coi như là ươn hèn và không tích-cực phục-vụ quyền lợi quốc gia. Như vậy việc đi thôn-tính đất đai hải-ngoại không riêng là chủ-trương của chánh-phủ, rồi sáng-kiến của các tướng lãnh tại chỗ, của tư-nhân về vấn-đề thuộc địa rất có ảnh hưởng đến thái-độ của các nhà đương-đạo Pháp thuở đó.

Những người đề xướng đầu tiên cuộc chinh phục nước ta đa số là sĩ quan hải quân của hạm đội Pháp ở Trung-quốc như Cécille, Rocquemorel, Fourichon, Jaurès, Maison-Neuve, mấy đại-diện ngoại-giao kế tiếp nhau ở tòa Lãnh-sự Pháp ở Macao như Forth Rouen, de Courcy, Bourboulon. Bọn này luôn luôn nhắc nhở chánh-phủ Pháp đem quân can thiệp vào nước ta, nhưng hoạt động hăng hái hơn cả là các giáo-sĩ như Giám-mục Retord, Giám-mục Pellerin, giáo sĩ Huc, giáo sĩ Libois, sau lớp người của thế-kỷ trước là Rothé, Pierre le Poivre, Dupleix, St Phalle. Huc đã từng đề lên Nã-phá-Luân đệ-tam kế-hoạch khai thác và chinh phục các xứ Madagascar, Cao-ly, Đà-Nẵng (Việt-Nam). Năm 1857 Huc có nhắc nhở đến Hiệp-ước Versailles do Giám mục Bá-đa-Lộc đã ký với Pháp-hoàng Louis XVI năm 1787. Trong Ủy ban nghiên-cứu vấn-đề Việt-Nam, Huc đứng lên thuyết trình rất kịch liệt và đã được Nã-phá-Luân đệ-tam vời riêng vào bệ-kiến để thảo-luận. Trong dịp này (vào năm 1855) nhà vua đã ủy Lãnh-sự-quán Pháp ở Tàu thâu thập mọi tài liệu về các hội truyền giáo ở Đông-

Dương để lo bảo-vệ Công-giáo và có chủ trương tranh-giành quyền-lợi với Anh ở bên này bán-cầu. De Courcy là Tham-vụ ngoại-giao Pháp ở Bắc-Bình liền giao-thiệp với các đại-diện Tòa-thánh ở Tiêm-La, Việt-Nam và Cao-Mên thâu-thập mọi tin-tức cần thiết, sau đó ta thấy Pháp-đình quyết-định cử một Đặc-ủy-viên đến các địa-phương này có mục-đích giải-quyết các vấn đề Á-Châu dưới đây :

Đã từ lâu, vua Tiêm-La có lời mời người Pháp đến. Một vị linh-mục năm 1850 đã báo cho viên lãnh-sự Pháp ở Tân-gia-ba là ông Gautier rằng vua Tiêm có ý cùng Pháp mở cuộc giao-thương bằng một Hiệp-ước nhưng bên trong Tiêm muốn dựa vào Pháp để chống lại mọi tham-vọng của người Anh trên xứ-sở mình. Trước đó không lâu người Anh đã can-thiệp vào Miến-điện và đã lập xong nhiều cơ-sở tại Pégou. Pháp thỏa thuận ngay, nhưng rồi ở Pháp luôn luôn xảy ra đảo-chính trong giai-đoạn này khiến việc cử đại-diện ngoại-giao qua Tiêm-La bị chậm lại. Ông Gautier phải viết thư cho quốc vương xứ này nói sẽ có vị Tư-lệnh hạm-đội Pháp ở Ấn-độ và Trung-Quốc qua Băng-cốc để nhà vua khỏi sốt ruột. Năm 1852, Thủy-sư Đô-đốc Laguerre, Tổng-chỉ huy hải-quân Pháp ở Ấn-độ-dương, được ủy toàn-quyền hành động đã giao-thiệp với Tiêm thì Đế-chính ra đời, cái đặc quyền của chánh phủ trước lại mặc-nhiên bị bãi bỏ. Laguerre phải trả lại ủy-nhiệm-thư

CHÚ-THÍCH. — Charles de Montigny trước đây là Lãnh-sự Pháp ở Thượng-Hải và Ninh-Ba bấy giờ đang nghỉ ở Pháp. Ông ta đã phục-vụ quân đội Pháp trong khi Pháp tác-chiến ở Hi-Lạp dưới quyền Đại-tá Fabrier. Có lần ông ta được thay mặt Bộ-trưởng Canh-nông trong công-tác của ông Lagréné. Ông có viết một cuốn sách nói về việc buôn bán ở Trung-quốc và có ý nghiêng về nền văn-minh Đông-phương. Sau đó ông được thăng Phó Lãnh-sự ở Thượng-hải vào năm 1847. Do sự hoạt-động và tài tháo-vát của ông, chánh-phủ Pháp giành được một tô giới ở Thượng-hải. Các phúc-trình của ông gửi về Pháp-đình đã làm cho nhiều công chức bộ Ngoại-giao Pháp phải khó chịu vì họ ít nhiệt-tâm với các cuộc tranh-đấu ngoài hải ngoại. Trái lại de Montigny luôn luôn nghĩ cách bành-trướng nền thương-mại Pháp và gửi các mẫu hàng cho các nhà buôn Trung-quốc. Vào thời bấy giờ ở Ba-Lê người ta muốn ông lo việc ngoại-giao hơn là việc kinh-tế nên đã chẳng khen ông họ lại thường quở trách ông. Có khi họ đã bảo ông bất động là hơn. Trong chiến-dịch năm 1860 của quân đội Pháp ở Tàu ông theo tướng Cousin de Montauban rất được viên tướng lãnh này quý-mến. Rồi do các thành-tích công vụ và sự thông thạo các vấn đề Viễn-Đông, chánh phủ Pháp cử ông qua Siam vào ngày 10-10-1856 để điều-đình một hiệp-ước thương mại và thân thiện ngang hàng với hiệp-ước Anh-Mỹ đã kệ cùng Tiêm trước đó.

về Ba-Lê, quanh-quẩn mãi đến tháng 10-1855 chánh-phủ Pháp mới có vị đại-diện khác đến Băng-cốc.

Người Anh từ lâu đã có mặt ở Ấn-độ để dòm ngó các lân quốc của xứ này. Vào tháng 3-1855 Anh cử John Bowring, Toàn-quyền Anh ở Hương-Cảng qua Băng-cốc ký một hiệp-ước giành cho Anh nhiều quyền-lợi thương mại ngang với người bản-quốc. Hiệp-ước hạn định thuế nhập-cảng hàng Anh vào đất Tiêm không cao quá 3%, thuận cho đặt Lãnh-sự quán Anh ở đây, cho kiều-dân Anh quyền mua bán bất-động-sản và được xử đối như một tối-huệ-quốc.

Huê-kỳ cũng cho ông Townsend Harris đến Tiêm và cũng được ký một hiệp-ước tương-tự với hiệp-ước Anh đã lập với Tiêm. Trước vấn-đề này de Montigny qua Cao-Mên cũng để điều-đình một hiệp-ước như của Anh-Mỹ lại xin Mên nhượng cả đảo Phú-Quốc nữa. Vua Mên (An-Dương) tính đến Kampot là nơi bí mật để gặp de Montigny, thì người Tiêm được biết liền lập mưu ngăn-trở không cho nhà vua đi. Nhưng rồi Montigny vì thời tiết phải gấp rút lên đường còn vua Cao-Mên bị người Tiêm dọa-nạt nên hai bên không thể gặp được nhau. Giám-mục Miche liền đem một dự-thảo hiệp-ước đến cho vua Mên. Nhà vua thoái-thác lấy cớ sứ thần Pháp không vào kinh-đô nên không thể nói chuyện gì cả, tuy vẫn gửi cho Hoàng-đế Pháp một bức thư yêu-cầu Pháp che chở cho Mên khỏi sự lấn-áp của Việt-Nam. Thế là sứ-mạng của de Montigny có thể coi như thất-bại. Một câu hỏi đáng nêu ra ở đây : tại sao de Montigny không lên Nam-Vang là kinh-đô của Mên để gặp quốc-vương ? Xin trả lời : de Montigny biết Mên vừa là chư hầu của Việt-Nam vừa là thần-tử của Tiêm. Nếu ông ta đến Nam-Vang để lập hiệp-ước đàng hoàng, có thể Tiêm sẽ gây sự và còn kéo Anh làm khó nữa. Bề khác de Montigny còn muốn nuôi tình bạn với Tiêm, đó là một lý-do nữa chỉ nên bí-mật ký hiệp-ước với Mên mà thôi. Nếu không xong thì thà chờ cơ hội khác. Trung-gian của de Montigny và vua An-Dương là Giám-mục Miche.

Trước đó vào tháng 8 năm 1856 là năm Tự-Đức thứ 9, Pháp-hoàng cử Thiếu-tá Le Lieur de Ville sur Arc (1) mang chiến thuyền

(1) Hồi Pháp bắn phá cửa Hàn năm Đinh-Vị (1867) Le Lieur đã có mặt ở đây và rất rõ tình hình quân đội ta.

Catinat và một quốc-thư đến triều đình Huế xin mở cuộc giao-hiếu và xin bãi bỏ việc cấm đạo (1).

Ngày 16-9-1856 chiến thuyền Catinat cập bến cửa HÀN. Các quan của ta tính ra khám tàu thì thuyền-trưởng Le Lieur cho hay rằng y có mang một bức thư của Đặc-sứ Pháp đệ lên triều-đình, chỉ ít hôm tới Đặc-sứ sẽ đến nơi. Quan ta không nhận thư, Le Lieur liền dong thuyền lên cửa Thuận. Quan coi cửa biển này cũng không nhận nốt, Le Lieur đành bỏ bức thư ở trên bờ sông rồi trở lại Đà-nẵng nói y chờ sứ-thần tới. Đó là luận-điệu của sử ta (V. N. P. T. S), nhưng theo C. B. Maybon thì ít hôm sau bức thư đó được trả về và vấn đề nguyên vẹn nghĩa là chưa có mở, rồi bức thư đó được đặt ngoài bãi biển để trả lại. Le Lieur giận lắm tuyên bố luôn rằng hành-động như vậy tức là triều đình nước Nam đã xỉ-mạ đại diện của Hoàng-đế Pháp. Y coi việc này là việc khai-chiến của các nhà đương-cục Việt-Nam. Mùa thu năm Đinh-vị (1847) thuộc năm cuối cùng của Thiệu-Trị, Le Lieur đã có mặt ở Đà-nẵng trong khi những viên đạn đại bác đầu tiên của Pháp dội vào hải-thành này. Lúc này y thấy trong đồn ngay từ khi tàu Catinat đến có sự tăng cường phòng thủ rất là rộn-rịp. Ngày 26-9 y cho đổ bộ xuống 50 tên lính, sấn vào đồn khóa các ổ súng đại-bác lại và pháo-kích vào đồn chính. Đội quân đổ bộ bắn tung cửa đồn, binh sĩ của ta bên trong đã trốn hết bỏ lại 40 phạm nhân đang bị giam ở đây. Quân Pháp vào đồn còn thấy 34 khẩu đại-bác và một số lớn thuốc súng. Họ quẳng luôn các hòm thuốc súng xuống biển.

Ngày hôm sau quan ta đến xin điều đình, Le Lieur nói phải chờ Đặc-sứ đến, chỉ Đặc-sứ mới có quyền nói chuyện với vua quan Việt-Nam. Ngày 24 tháng 10 một tàu chiến khác của Pháp cũng cập bến Đà-nẵng, tàu *La Capricieuse*. Thuyền trưởng là Collier còn de Montigny thì đi chiếc *Marceau* từ Kampot tới sau. Tổng-Đốc Quảng-Nam gửi cho Collier một bức thư phản kháng vụ Le Lieur

(1) Theo *Việt Nam sử lược* Pháp có ý trách triều-đình Việt-Nam về việc cấm đạo, giết đạo. Bức thư này ngoài để gửi cho « *Thủ Tướng* » nước Nam. Có lẽ Pháp bấy giờ không biết triều đình Việt-Nam tổ chức như thế nào nên mới để như vậy. Le Lieur còn nhiệm vụ báo cho vua Tự-Đức rằng sứ-thần Pháp đến sau.

làm dữ vừa đây. Collier trả lời rằng quan ta đã có sự ngờ vực làm tổn thương thể-diện người Pháp nên Le Lieur mới có cử chỉ bạo-động đáp lại. Ông ta chỉ có đi trước một cuộc tấn công lớn của ta mà thôi và cho khóa các đại b.c chớ không có phá hủy vì nếu để nguyên vẹn các vũ-khí đôi bên sẽ đánh nhau to thì không sao giữ được tình thân thiện... »

Đây là sự ghi chép của C.B. Maybon, còn theo P. Cultru, lá thư của Pháp bấy giờ vẫn chưa có mở ra được Tự-Đức giao cho quan Đà-Nẵng trả lại cho Pháp vì « *sở hành vô lễ* » nên ta không nhận. Le Lieur lại nài xin triều-đình coi bức thư này, ta hạch về việc đánh phá đồn lũy vừa qua. Y xin lỗi nói y chỉ là thuyền-trưởng, việc giao-dịch đã có chánh, phó sứ tới sau và xin sửa lại đồn lũy trả ta. Ta vẫn một mực từ chối.

Rồi ngày 24-10-1856 chiếc tàu chiến *Capricieuse* của Pháp cũng vào cửa Hàn, thuyền-trưởng Collier đã đề de Montigny đi bằng chiếc *Marceau* tới sau. Thấy tình thế gay go, thuyền-trưởng Collier phải sửa bức thư cho có lễ-độ hơn, quan trấn-thủ Quảng-Nam mới chịu nhận...» Trong dịp này Giám-mục Pellerin lên xuống tàu gặp Collier và kể hết mọi việc về tình-hình Công-giáo và nước Nam. Viên thuyền-trưởng khuyên Giám-mục về Pháp trình lên chánh-phủ. (Sau về Pháp, cuối tháng 9-1856 Pellerin vào bệ-kiến Pháp-hoàng Nã-phá-Luân đệ tam tại Biarritz. Giám-mục kể hết mọi điều về nước ta cho Pháp-hoàng và triều-đình rõ nhất là các vụ ngược-đãi Công-giáo từ thời Minh-Mạng. Giám-mục nhắc lại các đề-nghị của mình gửi về Pháp trong năm 1851 và 1855 và kể lể rằng 25 năm cuối đời Minh-Mạng 7 vị Giám-Mục trong đó có 1 vị người Pháp còn 6 vị người Tây-ban-Nha 15 vị Linh-mục trong đó có 12 vị người Pháp 1 vị người Ý và 2 người Tây-ban-Nha bị tử đạo. Các lời trần-thuật này được các người có quyền thế trong triều ủng-hộ như Giáo-chủ thành Rouen (Giám-mục Bonnechose) bà Hoàng-hậu Eugénie bấy giờ là người rất sùng đạo v.v. . .).

Thất bại với các quan ta ở Đà-Nẵng Le Lieur bỏ đi với chiếc *La Capricieuse* qua Hương-Cảng vào tháng Chạp 1856. Ngày 23-1-1857 de Montigny tới Đà-nẵng. Việc de Montigny đề-nghị giao-hảo được tâu về Huế, Tự-Đức giao cho Đào-Trí trù-biện không cần phái quan

vào Đà-Nẵng. Tỉnh-thần Quảng-Nam cùng ông ta nói chuyện trong 15 hôm nhưng rồi Đặc-phái-viên của Tự-Đức ở Huế vẫn được gởi vào, có thái-độ bất nhã nên cuộc thương thuyết bị gián đoạn. Theo ý de Montigny chỉ có cách dùng vũ-lực uy hiếp vua quan Việt-Nam mới có kết quả nhưng ông ta đã được lệnh trên cấm bạo-động. Nay ta hãy coi de Montigny đòi hỏi gì ?

Xin nhắc ông ta đề-nghị đặt một Lãnh-sự Pháp ở Huế, được phép mở một thương-điếm ở Đà-Nẵng, tự do giảng đạo Thiên-chúa cho các Giáo-sĩ Pháp. Nhưng ít ngày sau vua Tự-Đức cho trả lời không chấp thuận các đề nghị đó... de Montigny đành lên đường nhưng dọa nếu chánh quyền Việt-Nam còn tiếp tục cấm-đạo, giết đạo, ngược đãi người Pháp là kiều-dân của một cường quốc thì nước Pháp sẽ thẳng tay đối phó bằng võ lực một ngày không xa. Ông ta nói rằng Hiệp ước mà nước Pháp đưa ra có những căn bản và theo thủ tục chánh thức được các nước trong thế-giới văn minh tôn trọng. Cách đối xử của vua quan Việt-Nam là một sự nhục-mạ nước Pháp, nếu có điều gì chẳng lành chánh quyền Việt-Nam phải gánh hết trách nhiệm.

Lời đe dọa này chỉ là chuyện vô-ích vì Tự-Đức đã trả lời ngay bằng nhiều sự đàn áp các người Công-giáo khốc liệt hơn bao giờ hết.

Ngày 25-5-1857 Tự-Đức lại ban hành một sắc-dụ khuyến khích việc bắt bớ, tố cáo Giáo-sĩ, giáo dân bằng cách vừa thưởng tiền vừa thưởng phẩm hàm, sau đó các khám đường đều chật ních người Công giáo, các chủng-viện bị phân tán, các Giáo-sĩ chạy trốn vô cùng lao-đao, các nhà thờ và các làng Công giáo thiêu hủy, khắp nơi máu người Công giáo chảy như suối trên toàn quốc và ở Bắc-Kỳ một Giám-mục Tây ban-nha bị bắt và xử-tử vào ngày 20-7 năm ấy.

CHÚ THÍCH : Theo *Việt Nam Pháp thuộc sử* trang 107 Le Lieur de Ville sur Arc ngày 16-9-1856, đến Đà-Nẵng trước, de Montigny có gởi triều đình Huế ở đây bức thư của de Montigny, nhưng quan chức của ta không nhận. Chiếc chiến thuyền *Catinat* liền ra Huế đến cửa Thuận đưa bức thư cho quan coi cửa bể ở đây cũng bị khước từ. Y đành bỏ bức thư xuống bãi cát rồi trở lại Đà-Nẵng nhờ bên ta giải quyết. Y ngỏ ý rằng nếu ta không chấp thuận cuộc giao-hảo, y coi rằng như thế là hai bên sẽ đưa nhau vào tình thế chiến tranh. Pháp sẽ liên kết với Hồng-Mao (Anh) để đối phó với ta. việc ấy tâu lên, vua Tự-Đức hạ chỉ cho tỉnh thần Quảng-Nam tăng cường mọi biện pháp phòng thủ.

Tại Ba-Lê vấn đề can thiệp bằng quân đội được gào thét ở các cơ-quan chánh-quyền. Giáo-sĩ Huc và Giám-mục Pellerin lại được dịp thả sức thuyết trình về việc người Công-giáo đổ máu ở Việt-Nam. Rồi tại bộ ngoại giao người ta lập một hội nghị để thảo luận vấn đề này.

Về phía Việt-Nam biết rằng sớm muộn sẽ xảy ra những việc lôi thôi bởi mình vẫn cương quyết giữ vững chánh-sách bế-quan tỏa cảng (Tự-Đức không chịu rút kinh nghiệm về chánh sách này của triều Thanh sau Nha-phiến chiến-tranh-1839) Tự-Đức khiến bọn Đào-Trí bố-phòng Quảng-Nam kỹ càng. Đào-trí cùng tỉnh-thần ở đây lập hội đồng nghiên cứu sau đó đề nghị :

1) Xin đặt thêm đồn ở đỉnh núi Trà-Sơn và đặt 20 đại-bác chĩa xuống biển.

2) Dựng một cái lũy từ thanh An-Hải đến chân núi Trà-sơn, từ Điện-Hải đến cửa Thanh-Khê (lũy này bằng cát và có trồng cây gai).

3) Xin bãi bỏ đồn I và đồn II.

Vua cho quan Hộ-bộ là Tôn-thất-Cáp đến tận nơi xét lại. Cáp về tâu xin để nguyên cả bốn đồn. Xin dựng một pháo-đài ở phía Bắc thành Điện-Hải ngoài lũy cát đến giữa vùng để tấn công địch nếu chiến hạm địch tiến vào. Công tác này đem duyệt lại được chấp thuận duy việc dựng pháo đài ở chỗ cát bồi thì công trình nặng-nề quá vì ở chung quanh có nước không thực hiện được. Cáp còn xin dựng một pháo-đài tiếp với Điện-Hải để yểm-trợ cho nhau. Vua cho là phải. Sau triều đình quay về phía Công-giáo lại cho thi-hành việc cấm đạo nghiệt-ngã hơn bao giờ hết.

Rồi sau vụ Le Lieur bà đồ bộ cùng 50 tên lính bắn phá đồn Sơn-Trà triều đình cho quân xuống giữ cửa ải Hải-Vân (phòng binh Pháp kéo lên Huế theo đường bộ) Đào-Trí chưởng-vệ doanh Vũ-lâm được cử đến tăng cường hai thành An-Hải và Điện-Hải. Trần-Hoàng làm Thương-biện tỉnh-vụ Quảng-Nam, Nguyễn-Duy làm Trấn-dương tỉnh này, đòi Trần-đình-Túc nguyên Quản-đạo Phú-Yên tới giúp Nguyễn-Duy làm Trấn-tướng. Các tỉnh-thần Quảng-Nam thì bị giáng chức vì việc phòng thủ thiếu chu-đáo.

CHƯƠNG VI

LIÊN-QUÂN PHÁP-TÂY SANG ĐÁNH VIỆT - NAM

Cửa Hàn chính - thức bị đánh lần thứ nhất (1858-1859)

Trước vụ Rigault de Genouilly đánh phá cửa Hàn 1-9-1858) Pháp gây chiến ở Trung-quốc bên Anh để giành giật nhiều quyền lợi trên nước Tàu.

Năm 1856 Anh, Mỹ, Pháp thấy các hiệp-ước sau Nha-phiến chiến-tranh (1842) ký kết với Trung-quốc vẫn chưa đủ thỏa lòng tham của mình liền vận-động với Tổng-Đốc Quảng-Đông để sửa đổi. Họ cho rằng hiệp-ước đã gồm nhiều khoản chật hẹp, đã vậy khi thực hành các quan-lại Tàu lại có ý làm khó dễ nữa. Viên Tổng-đốc này trả lời triều đình không thỏa thuận và không nêu ra lý-do gì cả. Anh giận lắm. Trong dịp này một giáo-sĩ Pháp tên là Chappedelaine bị giết ở Quảng-Tây vào ngày 29-2-1856, đó là điều vi-phạm hiệp-ước Wham-Poa (về việc cho Pháp tự do giảng đạo trên đất Tàu). Quyền lãnh-sự Pháp de Courcy lên tiếng khiếu nại cũng chẳng được kết quả chi hết. Lúc này lại xảy ra một vụ thứ ba, đó là việc chiếc thuyền có treo cờ Anh-Quốc bị các nhà đương-cuộc Trung-quốc tịch-thu đã thành cớ cho Henry Bowring can-thiệp bằng võ lực. Ông ta gửi cho Tổng-đốc Quảng Tây một tối-hậu-thư đòi Trung-quốc hồi-âm sau 24 tiếng đồng hồ. Rồi không được trả lời, hạm-đội Anh liền tiến vào Quảng-Đông bằng đường sông và bắn phá tan tành các vị-trí quân-sự của Tàu ngay tại chung quanh thành-phố.

Quân dân Trung-Quốc liền phát-động phong-trào bài ngoại đụng chạm cả tới người Mỹ do đó đến lượt Mỹ nhảy vào chiến-cuộc rồi chiếm nhiều đồn ải hai bên dọc sông của Tàu. Dân chúng nổi lên đốt

phá các cơ sở buôn bán và cư-trú của người Âu-châu, giết chóc cả các dì Phước và viên Lãnh-sự Pháp.

Sau những biến-cố này Thủy sư Đô-đốc Hamelin bấy giờ là Hải-quân Bộ-trưởng quyết-định tăng-cường Hạm-đội Pháp ở Thái-bình-Dương và gửi qua Đông Phương các chiến thuyền *Phlégéton*, *Primauguet*, các pháo-hạm hạng nhất là *La Dragonne*, *l'Avalanche*, *la Fusée*, và *la Mitraille*, hai tàu vận tải : *la Durance* và *la Meurthe* cùng chiếc chiến hạm *Némésis* có thượng cờ Phó-thủy-sư Đô-đốc thủy-quân lục chiến và một phân-đội trọng-pháo cũng được lên đường với hạm-đội trong dịp này vào tháng Chạp 1856. Ngày 25-12 ngoại-tướng Pháp là Walewshi viết thư cho Bá-tước Gros, Đặc-ủy-viên Pháp ở Trung-Quốc rằng sau vụ đánh Quảng-Đông thì phải đưa ngay hạm-đội Pháp về Việt-Nam. Cùng một lúc các nhà đương-cục Pháp điều đình với chánh-phủ Madrid (Tây ban Nha) cùng gửi quân đội viễn-chinh sang Việt-Nam và hai nước liên kết với nhau. Người ta nêu ra việc nhiều giáo-sĩ Tây-ban-nha cũng bị ngược đãi như các giáo-sĩ Pháp. Do đó cuối năm 1856 Pháp-Tây quyết định nói chuyện với triều-đình Tự-Đức bằng súng đạn. Và về phía Tây-ban-Nha, Đại-tá Lanzarote mang một số quân người Âu-châu và một số là lính da đen lấy ở Phi-luật-tân sang, tất cả được 850 người. Pháp-quân có trên 2000, cộng lại tất cả số quân của hai nước là 3000 người.

Pháp có tất cả là 14 chiến-thuyền là : *Némesis*, *Phlégéton*, *Marne*, *Primauguet*, *l'Alarme v.v...* Tây-ban-nha có chiếc *Jorgo Juan*. Ngày 31-8-1858 hạm-đội này đã có mặt ở Đà-Nẵng, cuộc khởi hấn xảy ra vào ngày hôm sau (1-9-1858).

Rigault de Genouilly gửi tối-hậu-thư đòi quan tỉnh Quảng-Nam ra hàng và nộp đồn. Vì không được triều đình Huế trả lời, y cho phá lũy và pháo-kích vào thành. Bên Việt-Nam chống trả rất yếu ớt. Sau nửa giờ quân ta rút lui và quân Pháp-Tây đổ bộ vào chiếm đóng hai thành An-Hải (thành phía Đông) và luôn hai hôm sau quân Pháp chiếm nốt cả Tôn-Hải (thành phía Tây). « Nếu như thừa dịp thắng trận này quân viễn-chinh tiến thẳng lên Huế có lẽ họ thâu lượm được nhiều thắng lợi, may thay lúc đó họ bị hoang-mang vì chưa nắm vững được tình hình quân dân ta, thêm vào là lúc này gió mùa (ngoài biển) không thuận cho cuộc hành quân theo hải-đạo hướng Bắc. Trước hỏa-lực mạnh

như vũ bão của Liên-quân, ta rút ra ngoài xa đợi đêm tối cho ít thuyền chiến đột-kích vào tàu của Pháp cách bờ khoảng hai hải-lý. Ta đánh cầm chừng vừa nghe ngóng vừa chờ lệnh của triều đình. Phản-ứng của triều-đình Tự-Đức trong lúc này ra sao ? Được tin Liên-quân đánh phá cửa Hàn và tình-trạng ở đây đang rất nguy-ngập, vua Tự-Đức ra lệnh cho Đặc-phái-viên là Đào-Trí đem hai ngàn quân hợp-tác với Tổng-đốc Nam-Ngãi là Trần-Hoằng trong việc tiễu-ngự, nhưng hai người ra đến nơi thì Hải-đồn đã lọt vào tay địch. Triều Đình liền cử thêm Đô-thống Lê-đình-Lý làm Tổng-thống, Tham-tri bộ Hộ Phan-Khắc-Thận làm Tham-Tán đem 2000 cấm binh ra Đà-Nẵng khôi phục lại tình thế. Liên-quân đổ bộ tiến vào làng Mỹ-thị phá núi đất hủy hàng rào bao ngoài đồn, Lý cầm cự kịch-liệt ở Cẩm-Lệ, quân sĩ bỏ chạy hết. Lý bị đạn mấy hôm sau thì mất. Chức Phòng-triệt đồn Hóa-Quê là Hồ-đắc-Tư đáng lẽ phải đem quân cứu viện đã án binh bất động. Tự-Đức cho quan Tham-tri đem cờ biển vào bắt Tứ và cho Tổng-phúc-Minh thay Lý làm Đề-đốc. Sau Tự-Đức lại cho Nguyễn-tri-Phương đang làm kinh-lược-sứ ở Nam-Kỳ ra sung chức Tổng-thống Tổng-đốc Định-biên, Phan-thế-Hiền làm Tham-Tán, cách chức Tổng-Đốc Trần-Hoàng và cho Đào-Trí quyền Tổng-đốc.

Tháng 10 Liên-quân theo đường sông Hàn và sông Nại-Hiền tiến vào bị Đào-Trí và Nguyễn-Duy đẩy lui được. Tháng 11, quân Tây xuất kỳ bất ý tấn công hai đồn của ta là Hóa-Quê và Nại-Hiền. Hiệp-quản Nguyễn-Triều và Nguyễn-An là tướng giữ đồn kháng cự rất mạnh và tử trận vì quân của Phước-Minh cứu viện không kịp. Do việc này Phước Minh và các thủ túc bị giáng phạt cả. Nguyễn-tri-Phương lập lại các công-sự, sửa lại các đồn, đặt lại các vọng-lâu, xích-hậu để cứu ứng cho mau. Trong một thời gian Liên quân bị cầm chân ở Nại-Hiền, Hóa-Quê, Thạch-Giản vì sức kháng-địch của ta, Nguyễn-tri-Phương gửi đề-nghị về triều bầy tỏ sức của ta chỉ giữ được thế-thủ để cự chiến mà thôi, xét địch có ưu-thế nhiều quá. Như vậy ta phải đắp thêm đồn lũy rồi tùy cơ mà tung ra những cuộc tấn công. Nhưng triều-đình cho rằng đồn thủ cố-định là làm bia đỡ đạn cho địch mà khó lòng giữ được lâu dài do 6 điều sở-đoản sau đây :

1°) mọi cử động của ta không giữ được cần mật.

2°) vũ-khí của ta ít hiệu-năng (1).

3°) tình báo của ta ít xác-thực.

4°) đồn ải của ta không đủ sức chống giữ.

5°) quân thế không vững, tướng lệnh không nghiêm.

6°) chia quân ra nhiều nơi thì bị yếu thế.

Tháng chạp năm ấy, Liên-Quân vẫn không thắng, vua Tự-Đức ban cho Nguyễn-tri-Phương một thanh ngự-kiếm và sâm quế để khen thưởng. Phương và Hiền lập đồn Liên-Trì và cho đắp lũy dài từ Hải-Châu đến Phước-Ninh, Thạch-Giảa và đào hầm theo hình chữ phẩm, dưới có cắm chông, trên phủ cỏ và cát và các chướng-ngại-vật lại đặt phục-binh sát tới thành Điện-Hải dài trên ba cây số, nhất là bên hữu-ngạn sông vào thành, binh sĩ của ta nấp sau chướng-ngại-vật bắn ra rất trúng. Ta sử-dụng ở đây nhiều đại-bác 18 và 24 livres (livres chỉ sức nặng của đạn bắn ra) nên phòng-tuyến của ta được khá vững bền.

Liên-quân tung ra ba đạo, nhiều kẻ bị sa xuống hầm bị bắn dữ phải rút về căn-cứ. Tự-Đức cho xuất 100 quan tiền sắm trâu, bò, rượu khao đãi quân dội.

Năm Kỷ-Vị (1859 Tự-Đức 12) Hải-Châu bị quân địch bao vây, Tống-phước-Minh phải bỏ đồn này rút về Phước-Ninh, Nguyễn-Duy tiếp cứu tuy cũng có khi đẩy lui được địch nhưng bị tổn thất khá nhiều.

Trong khi còn đồn-trú ở Đà-Nẵng Liên-quân sống rất cực khổ. Trừ một vài cuộc phục-kích vô hiệu-quả của chiến thuyền Việt-Nam

---

(1) Theo tờ trình của Rigault de Genouilly sau việc chiếm thành Đà-Nẵng đa số đại-bác ở các đồn của ta đều được tối-tân-hóa, có hiệu lực hơn cơ-giới của Trung-quốc. Ta lại có trọng-pháo lưu-động ngoài chiến-trường do bánh xe lớn di-chuyển rất thuận tiện ; các súng tay thì do Pháp hay Bỉ chế tạo, đạn được mua của Anh tại Hương-Cảng và Tân-gia-ba.

Xin nhắc rằng vào năm 1822 sứ-thần Anh, Jean Crawford Tổng-đốc Tân-gia-Ba có lần đã làm quà 500 súng điểu-thương và một đôi đèn pha-lê cho vua Minh-Mạng để xin thông thương nhưng nhà vua vì không chấp nhận ngoại-giao với Tây-Phương nên đã từ chối các món tặng-phẩm nói trên. Tóm lại về đời Tự-Đức ta kém về vũ-khí thì ít mà kém về tinh-thần chiến đấu thì nhiều.

cách bờ hai hải-lý có thể nói không có chiến tranh, tuy vậy Pháp vẫn khốn đốn. Việt-quân dần-dần rút ra xa, quân Pháp phải căng lều mà ở vì nhà cửa của cư-dân sát chiến-trường bị đốt phá sạch quang. sau họ phải vào các làng nhặt từng mảnh gỗ để dựng lên một ít nhà tạm. Họ lại còn phải lấp các hầm hố để phòng đối phó với Việt-quân vì tháng 10 mưa đổ xuống như thác. Liên-quân vì bất phục thủy thổ mà sinh bệnh. nhiều người bị bệnh dịch-tả, kiết-lỵ cùng sốt rét ngã nước. (Bệnh tả thì do đoàn quân viễn-chinh từ Trung-quốc mang lại).

Từ ngày mùng một đến 20 tháng 6-1859 Liên-quân chết về bệnh thổ-tả tới 200 người. Một tiểu-đoàn thuộc Trung-đoàn thứ ba tới cửa Hàn vào 29-4 mất hơn một phần ba quân-số. Rồi quân dụng, quân-nhu như, đạn-dược áo quần, giầy, thịt, rượu, tiền bạc cũng thiếu. Rigault de Genouilly cáu lắm tính đánh thẳng lên Huế theo ý kiến của giám-mục Pellerin nhưng không có thuyền nhỏ để tiến vào Kinh-đô của Tự-Đức, ông ta đành phải bó tay.

Còn muốn liên-lạc với dân-chúng thì chánh-quyền Việt-Nam đã hạ lệnh triệt-để tản-cư tất cả mọi làng mạc thuộc vùng lân-cận Pháp. Vì những cuộc giết đạo gay-gắt quá nên các giáo-dân cao chạy xa bay hết, dầu các giáo-sĩ có muốn tận tình giúp đỡ. Đánh lên Huế còn khó thêm vì lý-do nữa bởi ta thấy vào năm 1858 chung quanh kinh thành đều có doanh-trại của Việt-quân san-sát. Liên-quân có tiến đánh cũng khó có dân Công-giáo nổi lên hưởng-ứng. Rút cục họ chỉ được các giáo-sĩ gửi cho một số gián-điệp và thông-ngôn mà thôi. Về vấn đề này Rigault de Genouilly quy hết trách-nhiệm vào Pellerin. trách Giám-mục đưa ra những ý kiến vu-vơ, hoang-đường làm hỏng hết mọi kế-hoạch. Giám-mục bấy giờ có mặt trên chiếc *Némésis* với vai trò cố-vấn hay tham-mưu (Giám-mục đã cùng quân đội viễn-chinh từ Pháp qua Việt-Nam). Đôi bên rằn-vặt nhau đến nước Rigault de Genouilly định đuổi Pellerin về Hương-Cảng. Sau đó ta thấy Pellerin bỏ qua chủng-viện Pinang, uất hận không kém. Thất vọng vì không đánh được đòn quyết-liệt vào thủ-đô nhà Nguyễn do không có lối tiến lên dễ dàng, quân số lại mong manh, các trận đánh lẻ tẻ chẳng đem lại thiệt-hại cho quân Việt bao nhiêu, viên Trung-tướng Pháp liền nghĩ ra việc hành quân ở nơi khác cho có lợi hơn.

Còn nói chuyện đánh ra Bắc-Kỳ, vì dân-chúng ở đây vẫn nhớ

nhà Lê và ít có cảm tình với nhà Nguyễn sẽ nổi lên làm hậu-thuẫn ? Lại nữa, các giáo-sĩ Pháp và Tây-ban-Nha có một số giáo-đồ tới 400 000 ngàn người có thể đem lại nhiều kết-quả chắc-chắn. Hão cả ! Năm 1857 tàu *Catinat* và 1858 chiến hạm *Primauguet* đã trưng cờ Pháp lảng vảng tới vùng Trung-Châu Bắc-Kỳ. Tàu *Prégent* hồi tháng chạp đã trở về với một số Giáo-sĩ Tây-ban-Nha, nhưng tuyệt nhiên không có cuộc nổi dậy nào cả. Sử-gia P. Cultru nói : « một chiến-hạm tự nhiên xuất hiện như chớp nhoáng thì làm sao có thể gây được một cuộc nổi dậy trong một xứ chưa có tổ-chức gì hết về phản-loạn ? Thêm vào đó trong năm 1859 không có gì chứng tỏ rằng chúng ta có thể thắng và ở lại xứ này dầu Rigault de Gonouilly có một hậu-thuẫn nào ở một số người phù Lê . . . » Suy nghĩ chán rồi viên Trung - tướng hải-quân liền quyết định đánh Nam-Kỳ. Y viết cho Bộ-trưởng hải-quân như sau : « Saigon có một con sông ra biển rất dễ cho các tàu chiến của ta ra vào. Quân đội của ta có thể đổ bộ thẳng tới mục-tiêu. Saigon là một kho gạo hằng tiếp-tế cho Huế, cho quân đội và cho Bắc-Kỳ. Ta sẽ chặn đường không cho gạo xuất ngoại. Nay đánh vào Saigon ta còn chứng tỏ cho chánh phủ của ta rõ rằng ta có đủ lực-lượng vừa giữ được cửa Hàn vừa hành-quân được ra ngoài các địa-phương khác. Ta có thể làm mất mặt triều-đình Việt-Nam trước con mắt của lấn quốc Tiêm-la và Cao-Mên vốn không ưa họ ». Sau đó Rigault de Genouilly nêu ra những khó khăn nữa của y về việc tấn công Huế, cho rằng lúc này thực lực còn mong manh, tiến đánh thủ-đô nhà Nguyễn là gây một cuộc xúc-động cho toàn quốc, cuộc tranh đấu ắt sẽ gay go và lâu dài. Tình thế bây giờ chưa thuận lợi, việc thắng trận ở Quảng Nam chỉ nên coi là một chiến cuộc thăm dò sự thể của đối-phương về mọi phương-diện mà thôi. Y còn nói nhiều giáo-sĩ đã phúc-trình sai về sức mạnh của Tự-Đức nên các nhà cầm quyền bên Pháp bị hiểu lầm hết (*On ne se faisait pas une idée juste en France de la puissance militaire de Tự-Đức, les rapports des missionnaires étant inexacts)* ngoài ra quân đội Pháp không thể trông cậy vào cảm-tình của nhân dân Việt-Nam vì mỗi khi gần họ, họ lẩn tránh hết. Quân đội của nhà vua (Tự-Đức) đông-đảo và được tổ chức đàng-hoàng. Khí-hậu rất xấu đối với người Âu-Châu, đường giao thông rất khó khăn và có nhiều ruộng bãi ở đồng bằng khiến việc hành quân vô cùng trở ngại... »

Về việc không đánh Bắc-Kỳ, Rigault de Genouilly có lý-do như

sau : gió mùa từ phương Bắc thổi vào, thuyền buồm của Pháp không tiến ra được và còn bị đẩy theo hướng Nam-Kỳ là đằng khác. Ngoài ra Bắc-Kỳ lúc này còn đang loạn lạc, quân Pháp có ra cũng khó làm chủ tình-hình. Do những điều phiền phức kể trên Rigault de Genouilly xét hành quân vào Nam-Kỳ là hợp-lý hơn cả. Y còn tính, nếu quân Pháp đánh Gia-Định thì được nhiều sự dễ-dàng và xứ Đồng-Nai có nhiều nguồn lợi về của, về người, về thực-phẩm và cũng nhân dịp này dân Cao-Mên sẽ lấy Pháp làm thế ỷ-dốc để lật đổ ách thống-trị của người Việt. Sau đó Mên sẽ lọt vào tay Pháp, chẳng là tiện lợi đôi đàng sao ?

Rồi y kêu về Pháp-đình xin thêm viện-binh và nghiên-cứu một chương-trình hoạt-động hầu xây-dựng một căn-cứ cho quân đội viễn-chinh ở Việt-Nam. Y nói rằng lúc nầy thực-lực của Liên-quân còn đơn-chiếc cần phải áp-dụng một kế-hoạch trường-kỳ, như vết dầu loang, lấy người, lấy của tại địa-phương để nuôi chiến-tranh, bên trong chánh phủ khỏi tốn nhiều tiền bạc, bên ngoài không gây những xúc-động tâm lý lớn lao đối với Liệt-cường... ý-kiến này xét ra rất thích hợp với hoàn-cảnh của nước Pháp thuở ấy. Rồi ngày 2-2-1859 sau khi sửa sang doanh trại, hào lũy ở Quảng-Nam y để lại một phần ba quân số có đầy đủ vũ-khí, quân-nhu đặt dưới quyền chỉ-huy của Đại-tá Toyon rồi kéo hạm-đội và 2000 quân lên đường vào Saigon nhất quyết chiếm cho được miền Nam nước Việt.

CHÚ THÍCH.— Phải nên nhận rằng triều đình Huế đã biết sẽ có chiến-tranh với Pháp từ 1856. Vua Tự-Đức và các bề tôi cũng thấy các biến-cố trên đất Tàu và việc thất bại của de Montigny sớm muộn sẽ có ảnh hưởng cho thời-cuộc Việt-Nam. Rồi trong khi Việt, Pháp xung đột. Pháp bắt được một tờ mật-sớ của một đại-thần Việt-Nam thảo ra ngày 25 tháng 5-1857 đã tiên liệu cuộc xung-đột này và khuyên nhà vua chuẩn-bị đối-phó. Kế-hoạch nêu ra là gấp rút tản-cư dân chúng chung quanh nơi Pháp sẽ đánh chiếm và đồ bộ, cô-lập-hóa họ về mọi phương-diện sao cho quân Pháp không thể vào sâu trong nội-địa của ta rồi áp-dụng chiến-lược cố thủ. Pháp sẽ không tiến được rồi chán ắt phải rút đi. Quả nhiên sau này (1-9-1859) triều đình Huế hành-động theo kế-hoạch này.

Về việc bài-quân Trung-tướng Rigault de Genouilly mang ba ngàn quân sang đánh Việt-Nam, sử-gia P. Cultru đã có nhiều lý-luận mâu-thuẫn. Một bề ta thấy qua cuốn *Histoire de la Cochinchine Franaise des origines à 1883* Ông này nói Nã-phá-Luân đệ-tam sau trận Crimée đã có ý thi-hành chính-sách của các vị tiền-bối mình là Louis Phillipe và Bộ-trưởng Guizot là chiếm một chỗ đứng cho

nước Pháp ở Viễn-Đông giữa lúc Pháp đang có uy-thế ở Âu-Châu. Một bè sử-gia P. Cultru lại nói Pháp bấy giờ chỉ có ý làm một cuộc thị-uy quân-sự tại bờ biển Việt-Nam mà thôi. Với một số quân 3000 người quá yếu ớt bộ đội viễn chinh đâu có thể tính chiếm cứ một nước cách Pháp tới 6000 hải-lý... Trái lại chúng tôi nghĩ rằng thị-uy gì mà lại đòi các quan ta ở cửa Hàn phải nộp thành. Sau đó Rigault de Genouilly đánh phá và chiếm cứ nơi hẻo hoi. Tại cửa Hàn, triều đình Huế ra lệnh tản cư, Pháp bị cô-lập lại thêm khí hậu tiền bạc quân nhu mỗi ngày một thiếu hụt thêm, Rigault de Genouilly mới đành chịu kéo một phần quân đội về Nam-Kỳ, thôn-tính vùng này làm vị-trí vinh cửu để tùy thời ứng biến sau. Kế hoạch của Rigault de Genouilly đáng kể là hợp-lý và khôn ngoan...

Để khỏi kinh-động quần-chúng trong nước cũng như ngoài nước (ở Âu-Châu) ngày 25-1-1858, tờ *Moniteur*, trong khi loan tin quân đội viễn-chinh lên đường sang Đông-Phương, nói cuộc hành binh này có mục-đích đòi bồi thường về vụ Việt-Nam giết hại các giáo-sĩ Pháp.

Ngày quân Pháp hạ được thành Đà-Nẵng (13-11-1858) báo này cũng nhắc cả lời Nữ hoàng Tây-ban-nha rằng : « vì các giáo-sĩ của ta bị giết nhiều nên ta phải cho quân đội ta qua Việt-Nam... » Dụng-tâm của báo này là hợp-lý-hóa việc Pháp cất quân ra hải-ngoại bấy giờ biết rằng nhân dân vốn không tán thành chiến-tranh ở những xứ xa-xôi, khí-hậu độc-địa.

CHƯƠNG VII

RIGAULT DE GENOUILLY ĐÁNH GIA-ĐỊNH

Thảm-cảnh từ Vũng-tàu vào Saigon

Ngày 9-2-1859, Thủy-quân của Rigault de Genouilly tiến vào cửa Cần-giờ (Nam-Kỳ) bắn phá các đồn Phước-Quyền, Lương-thiện (Biên-Hòa), Phước-Vĩnh, Ông-nghĩa (Gia-định) rồi theo thủy-đạo đánh thẳng vào thành Saigon (1). Ở đây triều-đình Huế đã cho xây cất một pháo-đài từ lâu biết rằng tất có ngày hữu sự. Trong đồn bắn ra khi chiến-thuyền Pháp từ ngoài biển xông vào với một hoả-lực quá mạnh nên sự chống trả của ta yếu dần rồi các đồn Tả-thịnh, Tam-Kỳ, Bình-Khánh, Phú-Mỹ bị phá hủy tan tành, quân ta rút lui sau nhiều tổn thất.

Tiền-đạo của Pháp thắng trận và ngày 15-2 tiến dần vào sông Saigon rồi ngừng lại trước Bến-Thành (Saigon ngày nay) để trực-tiếp mở cuộc tấn công căn-cứ trọng-yếu này. Theo César de Bazancourt thành Saigon bấy giờ chỉ cách bờ sông có 800 thước, bốn mặt đều có ổ trọng-pháo. Mỗi mặt giài 475 thước và đằng trước có rừng, có vườn cây rậm rạp, nhà cửa phố-phường của dân chúng dựng lên san-sát. Được tin mấy ngày trước Pháp-quân đã đem một lực-lượng hùng-hậu đánh phá xong Vũng-tàu và cửa Cần-giờ, Võ-duy-Ninh một mặt báo cáo về Huế sự việc đã xảy ra, một mặt thông tư đi các tỉnh lấy thêm

---

(1) *Theo Việt-Nam-Pháp Thuộc sử* trang 136 Phan-Khoang viết: ngày 10-2-1859 sau khi bắn pháo-đài Phước-Quyền (Biên-Hòa), các đồn Lương-thiện (Biên-hòa), Phước-vĩnh, Ông-nghĩa (Gia-định) rồi vào cửa Cần-giờ chân Phù-giang (Biên-Hòa) v.v... Theo ý chúng tôi Cần-giờ là một địa-điểm quân sự chống thủy-quân địch ở sát biển (gần Vũng-tàu) thì Pháp đã vượt Cần-giờ rồi theo sông Nhà-bè tiến vào Saigon qua Biên-Hòa mới đúng. Nói như Phan-Khoang Cần-giờ ở bên trong Biên-Hòa thì sai về phương-diện địa-dư.

quân tăng cường cho Gia-định, nhưng quân đội ở các tỉnh chưa về kịp để đối phó với cuộc tấn công của Pháp (1).

Chiến thuyền *Avalanche* đi thám thính kỹ khắp nơi, sau đó Bộ Tham-mưu của Rigault de Genouilly quyết định ăn thua với ta vào ngày hôm sau :

« Ngày 18-2 Bộ chỉ-huy hành-quân của Pháp cắt cử mỗi pháo thuyền một nhiệm-vụ chiến-đấu ở mỗi nơi riêng biệt vào lúc mặt trời vừa ló dạng. Hôm ấy trời quang mây tạnh, chiến-hạm *Phlégéton* thượng cờ Đô-Đốc tới đậu ngay trước cổng thành là chốn duy-nhất người ta đứng ngoài để có thể ngó vào bên trong thành. Chiếc *Alarme* đi dẫn đầu hai chiến-hạm *Primauguet* và *Avalanche* vượt qua chiếc *Phlégéton*. Đằng sau chiếc *Phlégéton* có các pháo-thuyền *La Dragonne, l'El Cano, Prégent*. Các tàu này có phận sự hậu-tập và tiếp-viện cho đoàn tiền-đạo. Công việc của đoàn tiền-đạo là đổ bộ binh-sĩ xuống bến.

Phân-phối xong các công-tác, chiến-hạm nào cũng có một phương-hướng rõ rệt thì quân Pháp kéo cờ lên đỉnh cột buồm của tàu *Phlégéton* làm hiệu tấn công. Hỏa-lực của Pháp tung ra và bắn rất trúng đích vì Pháp đóng vai chủ-động chiến-trường bởi bên trong thành, quân Việt-Nam không nổ súng trước để cản trở. Họ tha hồ ngắm kỹ các mục-tiêu.

Rồi quân ta cũng có bắn trả lại, nhưng phần nhiều rớt cả ra ngoài địch. Hỏa-lực của Pháp mỗi lúc một mạnh thêm thì trái lại bên ta mỗi phút yếu dần, xét ra đạn của địch đã phá hủy trúng được rất nhiều cơ-sở quan-trọng của ta ở trong thành. Chẳng được bao lâu súng trong thành im-bặt, riêng pháo-đài phía Nam còn tiếp-tục. Tuy vậy trọn một ngày đầu giao-chiến, quân Pháp vẫn chưa hiểu lực-lượng của ta ra sao nên chưa dám hãm thành. Nhưng ngày hôm sau nhờ sự do thám của Jauréguiberry và sự chỉ dẫn của Thừa-sai Lefèbvre quân Pháp nắm vững được tình-thế của Gia-định.

---

(1) Ta thấy ở đây quân chủ-lực của triều đình không vững tin tưởng ở nơi mình ngay từ buổi đầu. Bấy giờ Nam-Kỳ chia làm 6 tỉnh ; Gia-định, Vĩnh-long, An-giang (Châu-đốc), Tiên-hòa, Định-tường (Mỹ-tho) và Hà-tiên.

Rạng ngày 19-2, Pháp để một số quân trừ-bị giữ tàu còn bao nhiêu cho đồ bộ hết. Cùng một lúc các súng đồng trên tàu *Phlégéton*, *Primauguet*, *El Cano* khạc đạn ầm-ầm. Thành Gia-Định mù-mịt dưới lằn mưa đạn, nhiều chỗ bị sụp đổ.

Một tiểu-đội cảm-tử-quân của Thiếu-tá de Pallières liền kéo đến pháo-đài và bắn vào đây dữ-dội. Quân Pháp nhân những chỗ thành bị phá đổ đặt thang leo lên. Họ vượt được mặt thành hò reo ầm-ĩ : *Hoàng-đế vạn tuế* (1)

Võ-duy-Ninh đứng trên thành đích thân chỉ huy cuộc kháng-chiến, hò hét ba quân một cách tuyệt-vọng.

Trong lúc này bên kia rạch Thị-nghè một ngàn lính Việt đang chiến đấu với quân viễn-chinh bị Đại-tá Luiz de Lanzarotte dẫn quân Tây-ban-nha đến đánh tập-hậu. Thủy-quân lục-chiến của Pháp mở được cửa thành, theo lệnh của Thiếu-tá Breschin, đoàn này liên-lạc với đạo quân tiền-phong tiến vào hồi 10 giờ sáng. Đại-quân Pháp-Tây đã vào lọt bên trong và làm chủ tình-thế. Các pháo-binh của Đại-úy Lacour đã thiết-lập xong các căn-cứ để phòng thủ với mục-đích không cho quân ta trở lại.

Vào buổi trưa binh sĩ đồ bộ đều trở về Tổng-hành-dinh của Pháp đóng tại xưởng thủy-quân trong thành. Các đạo bộ-binh Pháp-Tây chiếm giữ các doanh - trại của ta và chia nhau gác bốn mặt thành sẵn sàng dùng hỏa-lực để đẩy lui mọi cuộc phản-công. Tính ra cuộc hành quân chiếm thành Saigon kéo dài không quá 6 tiếng đồng hồ và ngoài việc thắng trận Pháp và Tây-ban-Nha còn đoạt được của ta 200 khẩu đại-bác bằng đồng, 86.000 ký thuốc súng, 20.000 giáo, mác và súng tay và chừng 180.000 phật tăng cả tiền lẫn bạc và thóc gạo thì nhiều không sao kể xiết. Pháp cho đốt hết.

Còn về phần ta, sau ba ngày giao-tranh, quân ta thua lớn, kết-quả là Bố-chánh Võ-Thực, Lãnh-binh Tôn-Thất-Năng chạy về đồn Tây-Tần, thuộc huyện Bình-Long. Hộ-Đốc Võ-duy-Ninh rút đến thôn Phước-Lý (Bên kia Cát-lái cách Saigon 20 cây-số), huyện Phước-Lộc thắt cổ tự-vẫn ; Án-sát Lê-Từ cũng tuẫn-tiết, riêng Tổng-đốc

(1) Bấy giờ Pháp còn dưới chế-độ quân-chủ.

Long-Tường là Trương văn Uyển đến cứu viện thấy địch vây thành quá ngặt liền gấp triệt thoái binh thuyền về Vĩnh-Long. Tôn-thất Hiệp rút quân qua Biên-Hòa. Một số tàn quân rút về đồn Cây Mai và đồn Kiềng-Phước (Chợ-Lớn).

Về phía triều-đình Huế được tin Gia-định đang bị vây đánh hiểm nghèo liền ra lệnh cho sĩ-phu lập nghĩa-đoàn (để lấy quân nghĩa-dũng) và cử Tôn-thất Cáp, Hộ bộ thượng-thư, xung chức Thống-đốc quân vụ, Phan-Tịnh, Quảng-Ngãi Bố-Chánh làm Tham-tán đem quân vào Nam-Kỳ. Tới nơi thì thành Gia-Định đã lọt vào tay giặc nên hai ông phải qua Biên-Hòa đóng Đại-bản-doanh và tại đây hai ông cho mộ thêm quân ở các tỉnh miền Nam-Trung-Kỳ là Bình-Định, Khánh-Hòa, Bình-Thuận. Sợ quân Pháp tràn xuống các tỉnh Hậu-giang hai ông thỏa-hiệp với Tổng-Đốc Long-Tường Trương văn Uyển và Án-sát Lê-đình Đức đem quân Vĩnh-Long, Định-Tường hợp-sức với bọn Hộ-Đốc Trần-Trí mang quân lên Gia-định tính mở cuộc phản công. Lực-lượng Long-Tường vừa tới lũy Lão-Sầm, chùa Mai-sơn (Gia-Định) thì nghỉ lại. Pháp quân biết tin liền bất thình lình đến tập-kích, quân ta tan vỡ. Trương văn Uyển bị thương cùng Lê-đình Đức mang một ít tàn quân rút về Vĩnh-Long. Liên quân đánh luôn cả đồn Phú-Thọ. Phan-Tịnh cố cầm cự sau bị đạn cũng rút. Đồn này bị chiếm. Riêng Tôn-thất-Cáp với đạo kinh-binh (binh ở kinh thành Huế đem vào) bắn giết được nhiều quân địch khiến họ phải đốt đồn rồi lui về căn-cứ. Nếu xét mục-đích của viện-quân ta là giải-cứu thành Gia-định thì vẫn phải coi là thất bại : ta chưa đẩy lui được chủ-lực của Liên-quân ra khỏi Gia-định. Đạo quân Hậu-giang và kinh-binh mới tới bên ngoài đã bị Pháp đánh lui rồi cùng triệt-thoái hết.

Bàn về việc đánh Sàigon của Rigault de Genouilly và việc bố-phòng thủ-phủ Nam-kỳ đời bấy giờ, César de Bézancourt đặt câu hỏi dưới đây :

« Thành trì của Minh-Mạng xây dựng, phòng-thủ thế nào, vũ khí đạn-dược rất nhiều mà sao chống đỡ yếu ớt đến thế ? Đành rằng hỏa-lực của các chiến-hạm do Rigault de Genouilly điều khiển mạnh hơn của ta nhưng chắc chắn là vị Tổng-chỉ-huy Việt-Nam bấy giờ là Tôn-thất-Hiệp quá kém cỏi. Chắc chắn hơn nữa là điểm tâm-lý : Đây là lần đầu tiên quân Việt phải giao phong với một binh-lực Âu-châu

có những chiến-thuật, chiến-lược khác hẳn với mọi kỹ-thuật chiến tranh Á-đông, đã trội hẳn ở chỗ hỏa-lực rất mạnh lại hành quân rất mau lẹ khiến họ bỡ ngỡ vô cùng. Nhưng sau này họ chỉnh-đốn lại hàng ngũ, đổi lại chiến-pháp ở các trận đánh tại Tân-kiềng. Chí-Hòa họ mở những trận đánh ráp lá cà tỏ ra rất can-đảm khiến quân Pháp-Tây phải kiêng nể, kính phục một phần nào.

Ngày 28 tháng 2/1859, tức là sau cuộc tấn công thành Saigon được hai hôm, Rigault de Genouilly đánh điện về Pháp bày tỏ lý-do đã phá hủy thành Saigon do Minh-Mạng xây dựng. Theo ông ta thành này quá rộng, 3000 quân viễn-chinh vừa Pháp vừa Tây-ban-Nha từ Âu-châu sang, một phần chia đóng ở Đà-Nẵng, một phần chết trận và bịnh hoạn còn lại đem hết vào tấn công Saigon thì không đủ để chiếm đóng. Nếu chiếm đóng lâu dài và thật sự còn phải nhiều đại-bác và thêm quân số, điều này ta không cung cấp nổi, nhất là, tuy chiếm được thành Liên-quân còn phải phái các chiến-hạm đi tuần-tiễu liên-miên ngoài khu-vực. Sau đó họ phải tuyển thêm nhiều lính Việt-Nam (gọi là lính tập) để bổ sung và tăng cường quân-số.

Ngày 8-3-1859, Pháp dời hết vũ-khí của mình ra ngoài và đặt 32 ồ mìn phá các đồn trại. Mìn nổ làm rung động kinh-khủng như chuyển cả lòng đất, khói bốc lên ngùn ngụt. Những khối đá rất lớn tung cả lên rồi rớt xuống làm lún sâu cả đất. Lửa cháy hàng mấy tháng mới hết.

(Chu-vi thành này là 1900 thước. Theo ước lượng của Pháp, phải 3800 lính mới đủ giữ, nếu đem lính Đà-Nẵng nhập vào số quân đang có mặt ở Saigon bấy giờ để bảo vệ thành này cũng không xuể. Rigault de Genouilly thấy cần phá thành Minh-Mạng là để tập trung lực-lượng của mình vào một địa-điểm nhỏ thì chống giữ được mạnh mẽ hơn và ít phải lo cuộc tổng-phản-công của Việt-Nam.

Số lúa gạo Pháp đốt đi có thể nuôi bảy tám ngàn quân sĩ suốt một năm. Nhiều sách chép rằng các kho lúa gạo này cháy đến hai năm cũng còn ngút khói. *(Theo A. Schreiner)*

Liên-quân đánh Đà-nẵng lần thứ hai

Ngày 20-4-1859 Genouilly giao Gia-định cho đại-tá Jauréguiberry ở lại cầm-cự với binh đội của Tôn-thất Cáp. Trong khi quân Pháp mang hầu hết quân chủ

lực vào đánh chiếm Saigon thì tại Đà-nẵng trong các cuộc đụng-độ với quân của Đại-tá Toyon, ta giành được ưu-thế một vài phen. Khoảng tháng hai, Pháp-quân đánh đồn Thạc-giản, quân nghĩa-dũng dưới quyền Phó Vệ-Uý Phan gia-Vịnh đẩy lui được. Chúng bức đồn Hải-châu cũng bị Đào-Trí và Tôn-thất Hàn cũng không thắng lợi. Vị Tổng chỉ-huy lúc này ở cửa Hàn là Nguyễn tri-Phương. Đại-tá hải-quân Toyon phải báo nguy về Gia-định. Trung tuần tháng 4 năm 1859, Rigault de Genouilly để cho Jauréguiberry giữ đồn phía Nam (Fort du Sud) và đại-tá D'Ariès cai quản binh sĩ để gấp trở ra Đà-Nẵng vào ngày 20-4.

Ra tới cửa Hàn, Rigault de Genouilly cho đánh luôn vào cửa Tây đồn Phúc-Ninh và tấn công cả đồn Thạc-giản mà họ đã phá tan hoang từ tháng 9 năm trước. Y cho đặt một dàn trọng-pháo 5 khẩu 30 livres. Ngày 8-5, quân Pháp-Tây đánh khắp mọi mặt bằng hỏa-lực cả trên bộ lẫn dưới nước từ ngoài cửa sông bắn vào. Họ chia quân làm ba đạo. Viên đại-uý Faucon chỉ-huy hữu-dực với ba đại-đội thủy-quân lục-chiến. Một đội Tây-ban-Nha có nhiệm-vụ chiếm đồ-cửa Đông. Đạo trung-quân có đại-tá Lanzarotte chỉ-huy, có thủy-binh và một số lính da đen (Phi-Châu). Tiểu-đoàn trưởng Dupré-Deroulède giữ một lực-lượng tiếp-viện và hai đạo quân khác đặt dưới quyền của Trung-tá Reybaud và thiếu-tá Delaveau. Một đội thủy-quân của trung-đoàn 3 đóng ngoài bãi-biển để ứng-trực phòng tiếp-viện cho đạo tả-dực.

Cuộc hành binh hôm ấy vào lúc trời nóng gay gắt nhưng quân Pháp-Tây rất hăng hái. Họ cũng gặp rất nhiều sự khó khăn vì Việt-quân đã biết đào nhiều hầm hố rất lợi hại. Ở đây chông gai đặt đầy, sa xuống là què chân gẫy cẳng như chơi. Cuộc tấn công cũng như cuộc cầm cự rất kịch-liệt. Liên-quân hãm đồn Du-Xuyên, Hiệp-Quản Phan hữu-Điềm ra sức chống lại bị tử trận. Trong ngày hôm ấy Việt-quân mất dần 20 cứ-điểm (đồn) lớn nhỏ và 54 khẩu đại-bác rồi chưa tới chiều đã phải vội vã tháo lui về giữ đồn Nại-Hiền, Hải-châu và đồn Liên-trì và rút dần về Huế men theo đường núi. Trước chiến-cuộc ta có 10.000 quân nhưng ở lại chống trả vào giờ phút chót chỉ còn độ 700. Liên-quân chỉ chết có 10 người và bị thương 40 người. Lúc này tàu *Chayla* và *Didon* mang viện-quân tới. Liên-quân tuy thắng trận nhưng lại bị thiệt hại vì bịnh dịch-tả. Một số binh sĩ và hai sĩ quan đã bị tử-thần lượm trong hai tháng 6 và 7. Bấy giờ người Pháp và

triều Thanh lại có chuyện bất hòa với nhau khiến Rigault de Genouilly có ý muốn mở cuộc giảng hòa để rút quân. Đề-nghị giảng hòa của ông ta đưa ra ngày 20-6-1859 là vấn đề tự-do truyền bá đạo Thiên-chúa, tự-do thương mại và xin nhường một chỗ đất làm Sứ-quán để bảo-đảm việc thi-hành hiệp-ước.

Triều-đình Tự-Đức họp bàn, chia làm hai phe, bên chủ hòa bên chủ chiến. Phe chủ hòa có Cơ-mật đại thần Trương đăng-Quế, Phan thanh-Giản, Lưu-Lượng đưa ra kế sách gồm hai giai-đoạn, giai-đoạn đầu là cố giữ, giai-đoạn sau là nghị hòa. Các ông này cho rằng làm thế mới giữ được tinh-thần quân dân và có « *thủ* » được thì rồi sẽ tùy tình thế mà nói chiến hay hòa, còn không « *thủ* » được thì chiến cũng không ổn mà hòa cũng không xong, ngoài ra họ cũng công nhận thủy-quân và vũ-khí cùng chiến thuật, chiến lược của người Tây-phương rất là lợi hại. Họ cũng nhắc cả việc chiến bại của nhà Thanh trước đó ngót 20 năm đối với Liệt-cường Tây-phương...

Đình thần có Trần văn Trung, Trương quốc-Dụng, Tống phước-Minh, Lâm-duy-Hiệp, Phan-huy-Vinh, Phạm-chí-Hương, Nguyễn xuân-Hận, Lê Đức, Võ xuân-Xáng, cùng lên tiếng tán thành đề-nghị của phe chủ hòa, bàn thêm rằng Liên-quân thắng mà vẫn nghị hòa là bởi họ ở xa đến chỉ cần được thi hành mấy vấn-đề kể trên chứ không có ý thôn tính nước ta (!) Vậy nên lấy tình khách chủ mà đối đãi rồi sau sẽ tùy cơ ứng biến. Vua Tự-Đức cũng đồng ý.

Trái lại phe chủ chiến có các nha-quan là Tô-Linh, Phạm hữu-Nghi, Trần văn Vi, Lê hiếu-Hữu, Nguyễn đăng-Điều, Hồ sĩ-Thuần phản đối rằng : « Sông ngòi ở Quảng-Nam chật hẹp, thuyền địch vào ta vây đánh dễ dàng, ở Gia-định thì địch có ít chiến thuyền, chiến thuyền lại đậu ở ngoài biển xa, họ hành quân vào nội địa rất khó khăn (!) Nay xin sức cho tỉnh-thần Quảng-Nam chờ giặc vào sâu và đồ bộ mà đánh, còn như hòa thì phải bỏ lệnh cấm đạo, nhận giao-thương, cho lập nhà thờ, phố-phường rồi nhiều việc nguy hiểm sẽ xảy ra do chánh sách hòa-bình đó... »

Võ đức-Nhu nêu ra ý kiến cho tỉnh-thần Quảng-Nam giao-thiệp

---

(1) Bọn này không hiểu gì về chủ trương chiến tranh của Thực dân Pháp nên mới có ý-kiến trên đây. Làm việc nước mà tối tăm như vậy thì mất nước là phải.

với họ bằng văn-thư lấy nghĩa lý trách họ xem họ đối đáp ra sao. Nếu họ chỉ xin giao-thương và bỏ việc cấm đạo thì cũng không đáng ngại. còn họ yêu sách nhiều điều nữa thì cứ giữ thế thủ mà thôi. Phạm Thanh, Nguyễn khắc-Cần, Phạm xuân-Quế chủ trương công thủ nhưng không nói công thủ ra sao. Tự-Đức không tán thành.

Lê chí-Tín, Đoàn Thọ, Tôn-thất Thường, Tôn-thất Diêu, Nguyễn Hào phụ họa với phe chủ hòa : « Địch lúc này vẫn thảnh thơi, quân ta thì mỏi mệt, công thủ đều khó cả, hòa tuy là hạ-sách nhưng không thể không quyền nghi, nếu chậm-trễ e có nhiều điều khó khăn hơn ».

Tự-Đức nói : « Chiến, thủ đều khó cả, nhưng hòa lại khó hơn ».

Bùi-Quí vừa công-cán ở Bắc-Kỳ về bàn : « Việc đối phó lúc này cần phải gấp rút, nay triều-đình nhiều ý kiến dị-đồng càng thêm phiền-phức. *Xin Hoàng-thượng quyết-định lấy là hơn* ».

Tự-Đức khen Quí là người cương-trực, dạy các quan nên lấy làm răn (!).

Tháng 6, quân Pháp sai người đến cùng ta thảo-luận các vấn-đề đã nêu ra. Ta cử Nguyễn tri-Phương. Cuộc hội-nghị kéo dài vì Pháp đòi hỏi quá nhiều. Rút cuộc hội-nghị không có kết-quả. Đã vậy thuyền Pháp gặp thuyền ta ở ngoài khơi lại bắn phá tai hại chẳng kể quan-thuyền hay thương-thuyền. Thêm vào đó tại Khánh-Hòa cũng như ở Quảng-Nam xảy ra nhiều việc đốt phá. Tự-Đức giận lắm truyền cho bộ binh chuyền lời trách-cứ : « *Nước Pháp sai người đến nghị hòa mà vẫn quấy phá thì giải hòa sao được ?* ».

Tháng 7, Nguyễn-tư-Giản dâng mật-sớ tâu xin đừng hòa với Pháp. Tự-Đức bàn với các Cơ-mật Phan-thanh-Giản và Trương-đăng-Quế. Các ông này nói : « trong ba điều (xin nhường đất, xin thông thương, xin truyền giáo) Pháp đã xin chỉ có điều xin nhường đất là rất không nên, còn hai điều kia họ đã từng đặt ra với các tiền triều, duy việc cấm đạo quá gắt thì nên bỏ cho quân dân được nghỉ ngơi là hơn... ».

Trong khi vua tôi triều-đình Huế lúng-túng và kéo quá dài cuộc thương thuyết, Rigault de Genouilly lại tiếp tục chiến tranh. Nhường

như việc nghị-hòa của y có một phần là thăm dò thái-độ vua tôi nhà Nguyễn chớ thật tâm chủ hòa thì họ đâu có làm việc đánh phá trên bộ và ngoài khơi. Ta thua ở Phước-trì và Liên-trì. Hai tướng giữ hai căn-cứ này là Phạm-thế-Hiền và Nguyễn-Hiên. Liên-quân lại đánh Nại-Hiền, Suất-đội Hồ-văn-Đa, Đội-Trưởng Lê-văn-Nghĩa và Đoàn-văn-Thức bỏ chạy. Thực-lực của ta bấy giờ hầu tan rã hết và tinh-thần chiến đấu cũng sút kém quá nhiều nên vị chỉ-huy tối cao là Nguyễn-tri-Phương cùng hai cộng-sự-viên là Phạm-thế-Hiền và Nguyễn-Hiên phải dâng sớ xin chịu tội.

Tự-Đức phái Phan-thanh-Giản đem cờ biển vào Quảng-Nam tập hợp binh-sĩ và tuyên chỉ xử chém Hồ-văn-Đa, Lê-văn-Nghĩa và Đoàn-văn-Thức, cấp tử-tuất cho những chiến-sĩ bỏ mình vì nước, còn bọn Nguyễn-tri-Phương phải cách lưu. Đồng thời nhà vua dụ quan viên từ tri-huyện trở lên ai có kế-sách gì hay quân-sĩ, thứ dân có tài năng xuất đầu lộ diện sẽ được trọng-dụng. Tuy có một số người hưởng-ứng nhưng kế-sách đưa ra không có gì đặc-biệt hoặc thiếu thực-tế, ngoài ra lại còn có kẻ đề-nghị tận sát tín-đồ Thiên-chúa-giáo vì một số đã làm nội-công cho địch. Nhà vua không đồng ý.

Tháng 10, Nguyễn-tri-Phương, để bào chữa cho mình tâu hai lực lượng thủy bộ của Tây-phương liên lạc với nhau, tiếp-ứng cho nhau rất là lợi hại, súng ống của họ đã tinh mà họ lại thiện chiến, ta không sao chống nổi. Huống chi ta chỉ có 3.200 binh sĩ, giữ các điểm trọng-yếu từ An-sơn tới Nại-Hiền còn chưa vững thì nói chi đến việc tung người ra khắp mặt trận (1). Đối với Pháp giờ đây chỉ nên cố thủ ở các căn-cứ rồi tùy cơ hội sẽ hoạt động mà thôi.

Vua Tự-Đức không bằng lòng dạy : « bọn Nguyễn-tri-Phương đã tạm phải cách lưu (1) đáng lẽ giao đình nghị. Nay liệu trong 3 kế chiến, thủ, hòa, kế nào thắng được giặc thì dùng. Đừng nói triều-đình thiếu người rồi ngồi mà chịu chết ».

Trong lúc này các nhà đương-cuộc được lệnh cấm dân chúng mua bán với địch (e có sự ám-thông) sa-thải lính già, gấp bổ-sung quân-số cho đủ bốn năm ngàn rồi tùy tình thế mà đánh, mà giữ cho khỏi bị khinh khi.

---

(1) Cách lưu có nghĩa là cách chức nhưng lưu dụng, cho lập công chuộc tội.

Trước việc giảng hòa, triều-đình Huế cứ luần-quần mãi không quyết định được nên tình thế giữa đôi bên cứ nhùng-nhằng mãi cho tới khi Rigault de Genouilly bị đau xin về Pháp dưỡng bịnh.

Trong khoảng thời gian này về phía Liên quân cũng có sự khó khăn, binh sĩ nhiều kẻ đau ốm vì không được ăn ở đàng hoàng. Rigault de Genouilly sửa soạn lên đường.

Thiếu tướng Page sang thay đến Đà-Nẵng ngày 19-10-1859 lại tiếp tục việc thương-thuyết của Rigault de Genouilly, đại-đề việc giảng hòa cũng vẫn nêu ra mấy vấn đề : xin đừng cấm đạo, xin đặt Lĩnh-sự để trông nom việc buôn bán ở ba cửa bể, xin đặt sứ-thần ở Huế, yêu cầu bồi thường chiến-phí (*không đòi nhường đất nữa*).

Xét ra các điều nghị hòa này đã được nêu ra từ thời de Montigny và nước Tàu đã ưng thuận vào 1842-47. Triều-đình Huế không có kẻ giỏi chính-trị nắm lấy cơ hội này trì hoãn mối nguy do đó mà nền độc lập của Việt-Nam càng sớm mất. Ngoài ra lúc này ta lại bỏ lỡ một dịp may khác nữa là trong khi có chiến-sự giữa ta và Liên-quân ở Đà-Nẵng và Gia-định thì quân Anh và quân Pháp cũng đang đánh nước Tàu ở Hoàng-Hải (Mer jaune). Pháp phải lấy gần hết quân ở Việt-Nam sang tiếp. Page cùng Trung-tướng Charner liền thi-hành mệnh-lệnh này do đó quân Pháp ở Đà-Nẵng đốt cả doanh trại ở Trà-sơn rồi rút về Gia-định. Tại đây một ít quân ở lại giữ thành với Đại-tá d'Ariès còn đa số đi lên miền Bắc để hợp sức với quân Anh đánh nhà Thanh. (1)

Triều-đình Huế thấy Pháp rút khỏi Đà-Nẵng liền phái Nguyễn-tri-Phương vào Nam-Kỳ họp cùng Tôn-thất-Hiệp lo giải-cứu Gia-định. Tháng 7 năm Canh-Thân (1860). Nguyễn-tri-Phương lên đường, Đà-Nẵng được triều-đình giao cho Phan-thanh-Giản, và Nguyễn-bá-Nghi theo đề-nghị của Nguyễn-tri-Phương.

---

(1) Số quân để lại cho Trung tá d'Ariès là 800 người, số tàu là 7 chiếc nhỏ và mấy chiếc ghe chiến. Quân Mauille về Phi-luật-Tân gần hết, nhưng vẫn còn một ít do Đại tá Palanca Gultierez điều khiển : Thực lực của Liên-quân mong manh như vậy mà Thống-đốc quân vụ Tôn-thất-Cáp có 12.000 binh sĩ trong tay lại có ý hòa đáng lẽ phải mở một cuộc tổng phản công. Vua Tự-Đức thấy Cáp bất động liền cho Huỳnh-văn-Tuyên vào điều tra, sau giáng cấp xuống Thị-Lang, Tán-lý Nguyễn-Duy xuống Lang-Trung. Tháng 7 năm ấy. Nguyễn-tri-Phương vào lãnh chức Nguyên-suý tại Nam-Kỳ thì Tôn-thất-Cáp đổi qua chức Tham-vụ.

Trước khi Nguyễn-tri-Phương lên đường, Tự-Đức hỏi kế-sách sẽ thi-hành ở Nam-Kỳ. Ông tâu xin vừa đánh vừa giữ và nói việc kháng Pháp bây giờ khó gấp năm, gấp mười hồi trước, nguyên-lực quốc-gia lại mỗi ngày một hao-mòn, sút kém. Nguyễn-tri-Phương còn tâu mấy việc như sau : *xin an ủi xứ Bắc-Kỳ*, xin phái thêm Phạm-thế-Hiển vào giúp, xin chăm việc binh tài, xin giao-hảo với Tiêm-La v.v...

Qua các đề-nghị và lời mật-tấu của Nguyễn-tri-Phương, chúng ta thấy rõ trong triều, ngoài nội đời bấy giờ không còn chút căn-bản gì hết để chống giặc. Xứ Bắc-Kỳ cũng đang chịu nhiều sự đói khổ, ly-loạn, chánh quyền nhà Nguyễn mất hết lòng dân vì vậy có vấn đề Nguyễn-Tri-Phương xin Tự-Đức *an ủi xứ Bắc Kỳ* (1). Sau này, do mất dân mới dễ mất thành, Nguyễn-tri-Phương, Hoàng Diệu phải tuẫn tiết ở Bắc-Hà đâu là điều đáng lạ. Xưa kia qua thời Lý, Trần, Lê hàng trăm ngàn quân Bắc phải táng bại thê thảm thì đâu có phải sĩ-dân Việt-Nam kém cỏi ! Dưới triều Nguyễn hùng-khí của dân ta bị tiêu tan chẳng qua là vì đẳng cấp phong-kiến và giai-cấp sĩ-phu đã bất tài, bất lực trên nhiều phương-diện.

Sử ta đã bỏ sót vài hoạt-động đáng kể của Page như sau : Tới Đà-Nẵng Page nối tiếp công chuyện nghị-hòa của Rigault de Genouilly không xong. Sau y cho quân phá hết mọi công-sự của ta, hai bên đường đi về Huế có mục-đích chống nhau với Hải-quân Pháp ở dọc biển. Các cơ-cấu-phòng-thủ ở Đà-Nẵng của ta cũng bị Page cho hủy diệt hết. Ngày 18-11, vào hồi 4 giờ sáng hạm-đội của Liên-Quân khạc đạn vào các chỗ có quân của ta đóng mặc dầu trên một ngọn đồi ta có một ổ trọng-pháo bắn xuống rất mạnh để bảo-vệ các lực-lượng ở dưới đất. Tàu « *Némésis* » thượng cờ Đề đốc đã thành một điểm ngắm cho hỏa-lực của Việt Nam nên bị trúng đạn nhiều lần.

Quanh Thiếu tướng Page, một số bị tử-thương kể cả Tiểu-đoàn trưởng Dupré Déroulède bị đứt đôi người do một mảnh đạn đại-bác của ta. Rồi khi hỏa-lực của Liên-quân đã quét sạch các địa-điểm của ta, Tham-Mưu-Trưởng Saulx hô quân xông vào chiếm đồn với 300 tên lính. Cuộc tấn công mãnh-liệt quá nên trong chốc lát ta mất đồn tuy kháng-cự cũng rất hăng-hái và có thiết-lập nhiều chướng-ngại-

(1) Nguyễn-tri-Phương đã nhận xét rất đúng sự bất mãn của nhân dân.

vật. Các kho thuốc súng bị cháy và nổ hết, quân đội trong đồn đều rút lên miền núi hết. Tuy thắng về quân sự nhưng Liên quân cũng thiệt hại khá nhiều và cũng không đạt được mục-đích về chánh-trị. Sau đó họ đã phải rút khỏi Đà-Nẵng để vào tập-trung tại Gia-định trước khi mang quân đi Tàu vào ngày 23-3-1860.

Trong khi quân Pháp có mặt ở Nam-Kỳ, Thiếu tướng Page lại đưa ra một lần chót một bản đề-nghị giải-hòa gồm 11 khoản. Tám khoản trên không có gì khó khăn cho triều đình, duy 3 khoản dưới là : 1°/ Lập hòa-ước cả với nước Tây-ban-Nha. 2°/ Cho giác-sĩ Tây-phương giảng đạo. 3°/ Đặt sứ-quán để trông coi việc giao-thương, triều-đình ta lấy làm khó-khăn và có ý do-dự.

Và nếu không thỏa-mãn yêu-sách của Pháp tất-nhiên lại có việc đánh nhau. Vua Tự-Đức hỏi ý-kiến Trương-đăng-Quế. Quế tâu : Nay người Tây nghị-hòa, triều thần kẻ thì ưng theo đạo thường mà không ngó đến sự thực, người thì muốn tùng quyền trong lúc gấp rút, xin hoàng-thượng đoán-định thế nào cho thích-đáng. Nay đã không có cái thế dẹp yên lại không có cái cơ đánh đuổi, vậy nên chước lượng những điều họ xin cho êm... còn nói không nên hòa, vậy chiến bằng cách nào, thủ bằng cách nào, điều-lý cách nào cho binh dân được yên nghỉ ?... Chúng tôi bất tài không tìm ra được phương thế thư được mối lo của bệ-hạ, tội thiệt lớn lắm v.v... »

Liên-quân không thấy bên ta động tĩnh liền được lệnh đến chiếm đóng ở Mai-Sơn, làng Phú-giáo.

Tự Đức mật-dụ các thứ-thần Gia định phải sửa sang thành lũy để phòng 6 tỉnh Nam Kỳ và từ Quảng-Nghĩa đến Bình-Thuận các quan phải vỗ-về quân dân, luyện tập sĩ-tốt, hào-mục Nam-Kỳ phải tuyển mộ hương-dũng phòng khi dùng đến).

Vào tháng Chạp ta năm ấy Tự Đức cho lập đồn phòng-bị ở phía đèo Hải Vân do đó Nguyễn Hiệp và Trấn đình Túc đã đem một số binh sĩ đến lập đồn Cu-Dê, Hóa-Ô đánh mở đường Chơn Sảng, Hải Vân có ý ngăn địch tiến lên kinh-đô bấy giờ.

Tuy chiếm xong Gia-Định, như ta thấy trên đây, quân-số của Pháp không đủ để mở rộng khu ảnh-hưởng. Rồi biết rõ tình-trạng này Việt quân mở cuộc bao vây họ ở đồn phía Nam (Fort du Sud) từ

tháng tư năm 1859 cho tới khi hải-quân Trung-tướng Charner ở Trung-quốc trở về. Các cuốn sử Việt-Nam không thấy chép đến việc ta phong tỏa Pháp ở Gia-Định trong giai-đoạn này nhưng nhiều sử gia Pháp có kể ra sự khốn quẫn của bọn Jauréguiberry, d'Ariès. Palu de la Barrière viết : Tại Saigon quân Pháp và Tây-ban-Nha bị vây lúc đó (1860) Paulin Vial nói « Họ (quân Pháp) bị 12 000 quân Việt bao vây và dựng lên chung quanh thành một cái đồn rất lớn án ngữ tiền tuyến của chúng ta. Quân Pháp bị 6 tháng không ra được tới ngoài. Giáo-sĩ Louvet cũng nói như trên và cho rằng tình-trạng quân đội Pháp như bị giam cầm. Buinas và Paulus nói thêm : « Trong 6 tháng chúng ta không được tin tức gì ở bên ngoài và chỉ được hai lần viện-binh mà thôi. Ban đầu một đội thủy-quân ở Quảng-Châu sang (Quân này đến Gia-Định hồi tháng 7-1860, sau một toán nữa do tàu Woser đổ bộ. Các tài-liệu khác cho biết nhiều lúc hải-quân Trung-tá Jauuéguiberry và Đại tá d'Ariès phải dẫn tiểu đội Pháp-Tây lui về cố thủ trong một cái đồn tức là đồn hữu đối diện đồn cá Trê trên sông Saigon (Đồn này ở phía Khánh-Hội bây giờ),

Tóm lại, do sự-kiện trên đây, ta biết quân đội viễn-chinh thuở đó của Pháp ở Viễn-Đông chỉ có vài ngàn người và một hạm-đội gồm 70 chiếc tàu cả lớn lẫn nhỏ. Phần lớn bấy giờ mang sang Tàu hợp sức với quân Anh để uy hiếp nhà Thanh xây dựng thị-trường còn ở Gia-định Pháp chỉ có ngót 1000 quân cầm cự chờ thời. Rồi khi Charner thắng trận ở Tàu về thì y được lệnh dốc toàn-lực vào Nam-Kỳ từ nay là mục-tiêu số một của quân xâm-lăng. Xét ra vốn liếng của Pháp trong công cuộc đi thực-dân-hóa Á-Đông bấy giờ không có là bao nhiêu, nếu ta hiểu như vậy và biết lợi-dụng thời cơ chiến-đấu anh dũng thì cũng không khó gì việc đẩy lui quân Đế-quốc.

PHỤ - LỤC

TÌNH-TRẠNG TÀU NHẬT ĐỐI CHIẾU VỚI THỜI TỰ-ĐỨC

Nha - phiến chiến-tranh *Nha-phiến chiến-tranh và Hòa ước Thiên-Tân đối với thời-cuộc Việt-Nam vào hậu-bán thế-kỷ XIX có một ảnh-hưởng vô cùng lớn-lao. Nó còn bầy tỏ trước mắt người Á-Đông sự lụn bại của nền văn-minh cũ, sự thoái hóa của chế-độ phong-kiến và trái lại nó phô bầy rất rõ ràng sự hùng cường của nền văn-minh cơ-giới âu-châu ;... cuộc chiến tranh xảy ra trên đất Tàu hai mươi năm trước khi Pháp xâm chiếm lục tỉnh Nam-kỳ, tiếc thay cuộc chiến-tranh này là một tiếng còi báo-động vang dậy khắp nơi vậy mà luôn hai mươi năm ròng triều đình Tự-Đức không tìm nổi kế-sách cứu-quốc. Tội lỗi tày trời đó đối với Quốc dân và lịch-sử, ai là kẻ phải chịu ?*

Cuối thế-kỷ thứ XVIII người Á-châu đã thông thương với Trung-Quốc rất là sầm-uất. Lúc này nhà Thanh đang có uy-thế mạnh mẽ, các nước Tây-Phương phải vận-động khó khăn mới được giải cấm hải cảng.

Vào buôn bán họ phải nộp thuế, họ còn bị quan lại Trung-Quốc khinh miệt, hà-hiếp có khi lại bị sung-công hàng hóa nếu bất tuân về quan-thuế nhất là nếu họ không chịu nộp « thuế tư » cho các nhân viên có nhiệm-vụ kiểm-soát.

Năm 1833, Quốc-hội Anh thủ-tiêu độc quyền của Công-ty Đông-Ấn ở Trung-quốc vào tháng 9 năm 1834 Giám-đốc thương-vụ William John Lord Napier được Chánh-phủ Anh phái qua Quảng-

Châu lo ký kết một vài điều-ước thương mại với Chánh-phủ Trung-Hoa. Napier bị nhà đương-cục Quảng-Châu vâng lệnh thượng cấp trục xuất phải lên đường gấp.

Thật là một sự kiêu-ngạo về phần Thanh-đình không thể tưởng tượng được! Nguyên-nhân trước vụ trục-xuất Napier, người Anh đã du nhập vào nước Tàu món nha-phiến là một chất ma-túy rất nguy hiểm, lợi hại về chánh-trị thế nào không cần phải nói, nó lại còn lợi hại cả về kinh-tế, tài-chính nước Tàu nữa.

Năm 1800 người Anh đem vào 2000 thùng, mỗi thùng 60 cân Tây. Năm 1824 hóa-phẩm này lên tới 12.639 thùng, rồi 10 năm sau tức là năm Đạo-Quang thứ 14 lại vượt lên 21785 thùng, Năm 1836 á-phiện tiến tới 55% tổng số tiền hàng bán tại Trung-Quốc trị giá tới 18 triệu Anh-kim. Năm 1837, số á-phiện chở vào đất Tàu lên tới 39.000 thùng trị giá trung-bình là 100 triệu Anh kim. Thật là một tốc-độ đáng sợ và Đế-quốc Anh đã thành công là tại sao ?

Vì Trung-Quốc tới giờ phút đó chỉ có bán hàng cho Anh-quốc và không ưa chuộng một thứ sản-phẩm nào của Âu-châu cho nên tiền của Anh chỉ có vào túi người Trung-Quốc còn Anh không thâu được thứ gì trở lại. Công-Ty Đông Ấn giật mình sau đó họ đưa Á-phiện tới đất Tàu.

Thấy á-phiện là một mối nguy, Thanh triều hạ lệnh cấm nhập cảng sản-phẩm này, đồng thời cấm cả sự tiêu-thụ trong dân chúng. Lòng tự-ái của người Anh bị xúc-động mạnh. Sau đó một chiến-hạm Anh ghé vào bờ sông Châu-giang. Nhân viên quan thuế của nhà Thanh lại hỏi thì dưới Tàu trả lời :

— Đây không phải Tàu buôn mà là tàu của Hoàng-Đế Anh phái sang bảo-vệ việc buôn bán của dân Anh. Nghe nói đến tàu binh, nhân viên thương-chánh Tàu khiếp-đảm lật-đật cho đậu tại bến Châu-giang.

Vài tháng sau một quân-hạm khác của Anh cũng tới. Nhân viên Thương chính tưởng tàu buôn cũng lại hỏi.

— Bán hàng hóa gì ? Có phép-tắc không ?

— *Hàng-hóa là đạn! Phép-tắc là súng;*

Lệnh cấm của Thanh-đình cứ nối tiếp nhau đi đến chỗ vô-hiệu quả. Bề khác quan lại Thanh cưỡi tàu biển chặn đón tàu buôn á-phiện để thương lượng tiền « trà nước », người Anh lại mua chuộc các kẻ thế-lực ở Quảng-Châu nên việc buôn của họ vẫn không bị ngưng trệ mà chỉ phải lén-lút mà thôi.

Năm 1836 tại Bắc-Kinh vấn đề á-phiện được đem ra bàn giữa triều đình một cách sôi nổi. Có người bàn cho họ buôn bán hợp-pháp, tuy có hại cho dân nhưng lại lợi to cho công-quỹ, « chỉ nên cấm người Mãn-Châu, còn mặc á-phiện với dân Hán (Xin nhớ vua chúa nhà Thanh là giống Mãn).

Vua Đạo-quang khăng khăng giữ lệnh cấm rồi phái viên Tổng-Đốc tỉnh Hồ-Quảng là Lâm-tắc-Từ lấy tư-cách là Binh-bộ Thượng thư kiêm Khâm-sai đại thần, quyền Lưỡng-Quảng Tổng-Đốc, hối hả lên đường xuống Quảng-Đông áp-dụng mọi phương-pháp tiêu-trừ á-phiện. Bấy giờ là đầu tháng 3 năm 1839. Đến Quảng-Châu Lâm liền hội-nghị với nguyên Tổng-Đốc Lưỡng-Quảng là Đặng-đình-Trinh rồi tuyên bố cương quyết chấm dứt vấn đề á phiện trong thời hạn nửa năm, sau đó ai còn bán á-phiện sẽ phải chém đầu, ai hút sẽ phải tội thắt cổ.

Ngày 18-3-1839 họ Lâm yêu cầu các nhà buôn Ân-châu tại chỗ (khoảng 300 người) nộp số á-phiện còn đọng lại và khuyên đừng tiếp tục việc buôn bán này nữa. Lâm lại cảnh cáo ;

— *Nếu người ngoại-quốc nào không nghe thì Trung-quốc sẽ cắt dứt tất cả mọi sự liên-lạc với họ.*

Tổng Giám-Đốc thương-vụ Anh ở Quảng-Châu là George Elliot không ngừng việc thương-mại á-phiện còn cãi rằng :

— *Nước Anh không có Nha-phiến ;*

Nhưng thấy tình hình gay go quá và e có chuyện bất ngờ, y báo cho các nhà buôn Anh dốc hết á-phiện xuống tàu rồi đưa tàu ra đậu gần đảo Linh-đinh. Elliot còn vờ xin các nhà đương-cục Trung-Quốc cấp giấy tờ cho toàn thể nhà buôn Anh tiện bề ra khỏi Quảng-Châu. Dĩ-nhiên Lâm không chịu rồi Lâm thi-hành mọi biện

pháp quân-sự, ở trên bộ và dưới nước cũng đặt đồn canh gác nơi hiểm-yếu. Ngày 23-3 ông thông-trí cho các tàu ngoại-quốc phải đem nộp tất cả số á-phiện đang giữ. Các phòng kinh-lý ngoại-quốc (Lãnh-sự quán) lúc này cũng bị bao vây. Elliot được hiểu-cáo rằng : nếu chưa chịu nộp số thuốc đang chứa chấp thì không người Anh nào được rời khỏi đất Tàu và mọi việc buôn bán với Anh đều đình-chỉ hết. Ngay lúc này cuộc bài Anh nổi lên : không ai làm ăn giao dịch và buôn bán lương thực với người Anh. Mọi tin tức giữa người Anh và người Âu-châu ở các nơi kế cận cũng bị gián-đoạn.

Elliot đành phải nhượng bộ, sau Lâm-tắc-Từ xuống tàu cùng Đặng-đình-Trinh chạy tới Hồ-Môn hạ lệnh cho Đề-trấn thống lĩnh thủy quân, giàn thuyền chiến khắp ngoài cửa bể. Rồi tàu Anh, ngoài đảo Linh đinh chạy vào dâng nộp á-phiện. Tất cả được 20 291 thùng trị-giá 250 triệu, vua Thanh giáng chỉ-dụ cho đốt hết số thuốc trên đây tại cửa Hồ-Môn trước con mắt của người ngoại quốc và dân chúng.

Việc hạ-sát Phù-dung tiên-tử rất là long-trọng. Các quan văn võ binh sĩ Trung quốc tề-tựu đông đủ ở Hồ-Môn. Một cái hầm thật to đã được đào ra, thuốc phiện hơn hai mươi ngàn thùng trút cả xuống hầm : Vôi muối cũng đốc theo. Chỉ trong giây phút thuốc phiện sôi sùng-sục rồi cháy hết, trước sự đầy căm hờn của bọn con buôn Anh quốc. Sau vụ này, việc buôn lậu tưởng dứt nhưng chỉ êm đi ít lâu rồi đâu lại vào đấy. Thuốc càng khan, việc buôn bán lén càng lời và Elliot vẫn chưa chịu thua. Y cổ động về Anh triều đưa binh hùng, tướng mạnh qua Viễn-đông thiết-lập chủ-quyền Anh-quốc để khai thác các quyền lợi kinh-tế. Đề-nghị của y được thực hiện vì phong trào tranh giành thị-trường của các nước Tây-phương ở Á-châu bấy giờ đang bành-trướng.

Cuộc chiến tranh sau đó đã xảy ra giữa Anh và xứ « con trời » *Trong năm 1839, niên hiệu Đạo-Quang 19 triều Mãn-Thanh, Hạm-đội Anh gồm 35 chiến thuyền và 2.000 chiến-sĩ do Hải-quân Đô-đốc Sir Henry Pettingve chỉ huy đùng đùng kéo đến-tới Quảng-Châu và Hạ-Môn (cửa bể trong tỉnh Phúc-Kiến) tiến đánh Chiết-Giang, Định-Hải và Ninh-Ba sau công phá hải-cảng Đại-Cô thuộc Hoa-Bắc. Quân Thanh chống trả cũng rất kịch liệt, nhưng vẫn không lại*

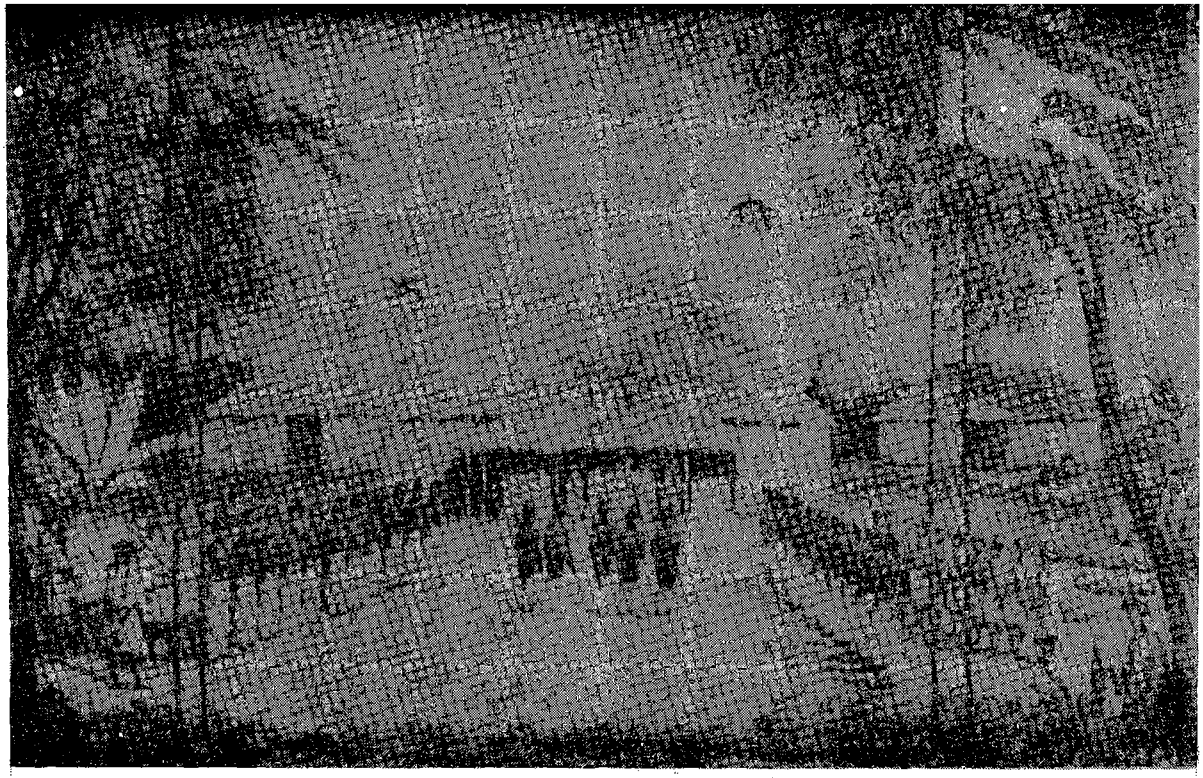

Buổi tiếp đón các sĩ-quan Pháp do tàu La Favorite đưa đến, năm 1831 ở cửa Hàn

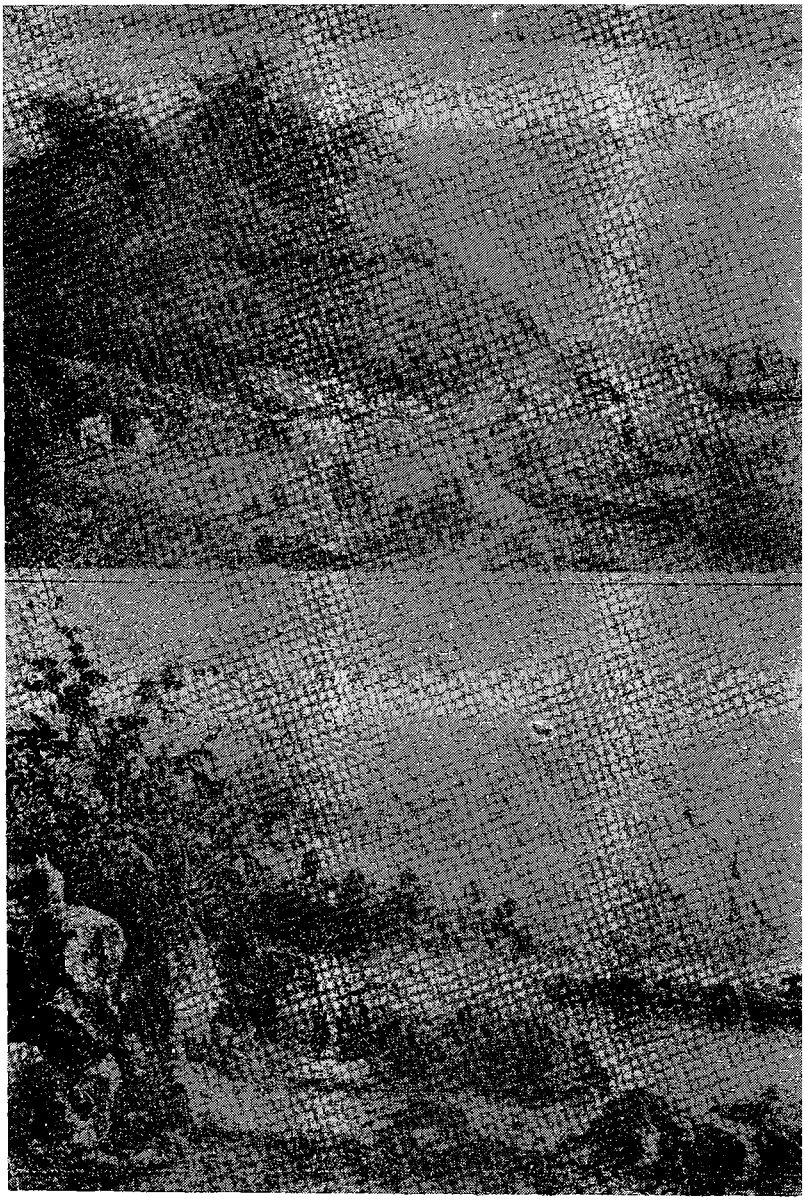

Phong cảnh Cửa Hàn

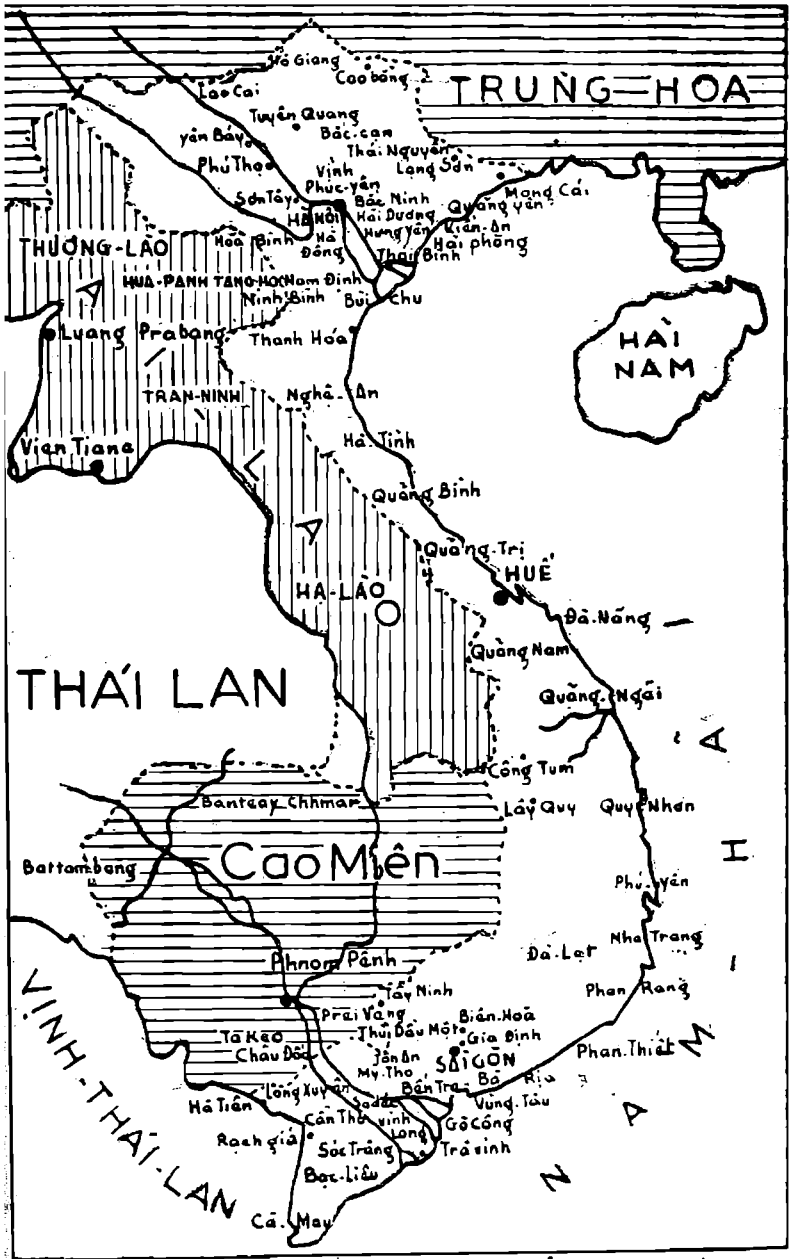

Bản đồ chánh trị của bán đảo Đông dương

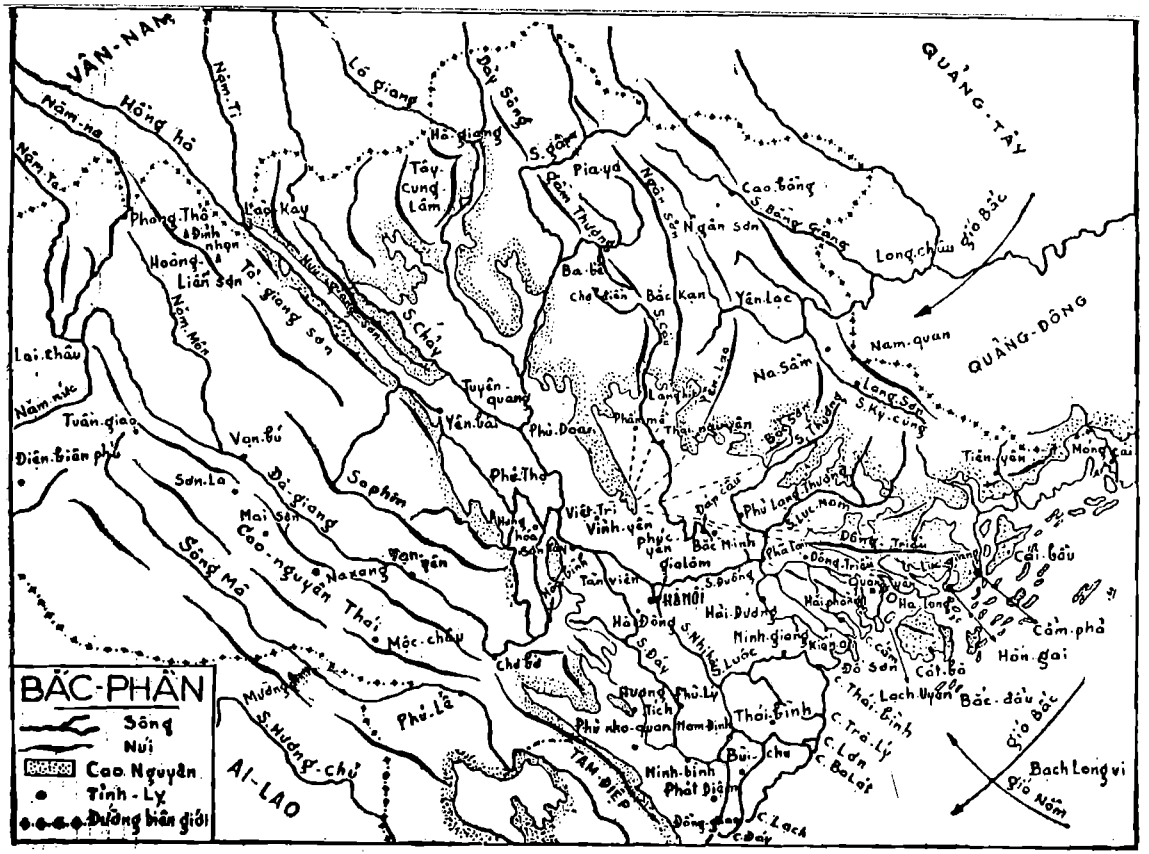

Bản-đồ chính-trị Bắc-việt

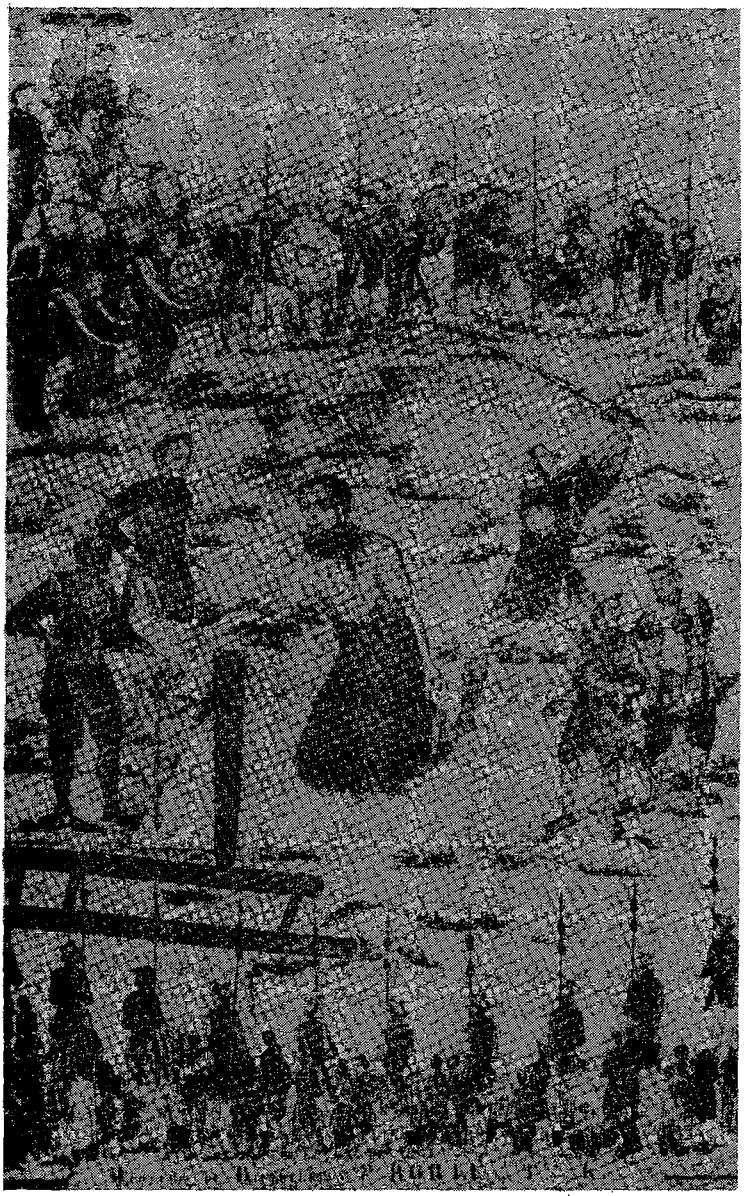

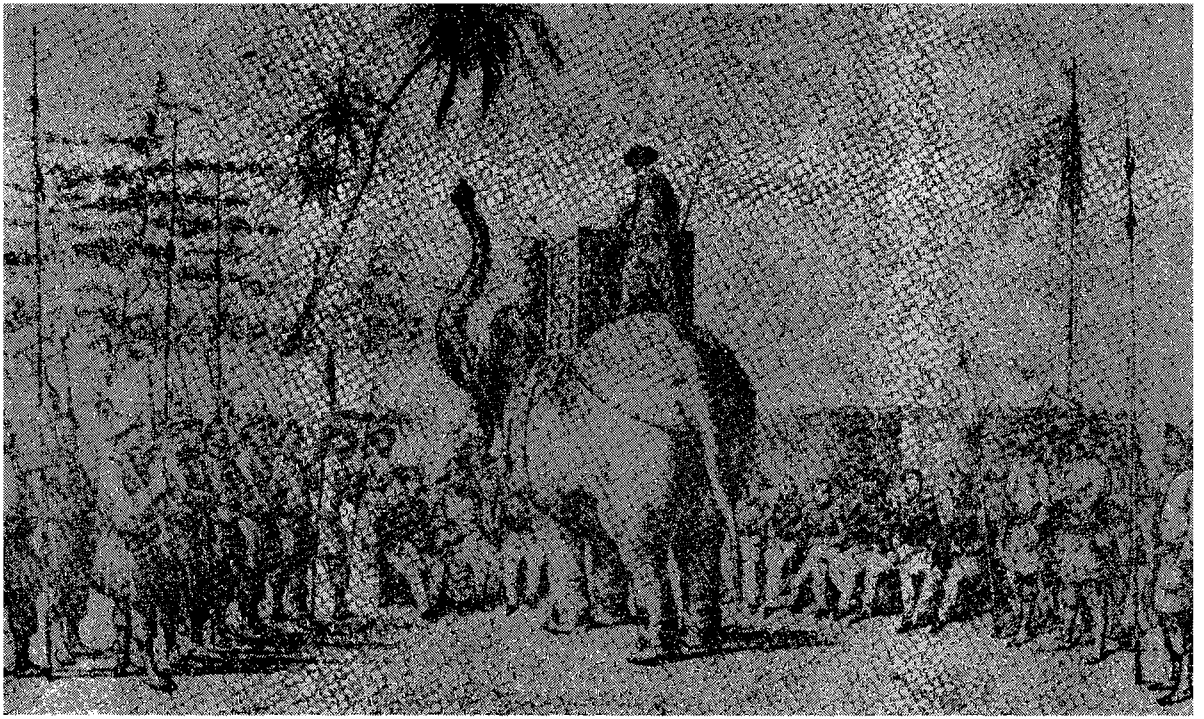

Cuộc tiếp-đón các sĩ-quan Pháp do tàu La Thétis đưa đến, năm 1825 ở cửa Hàn

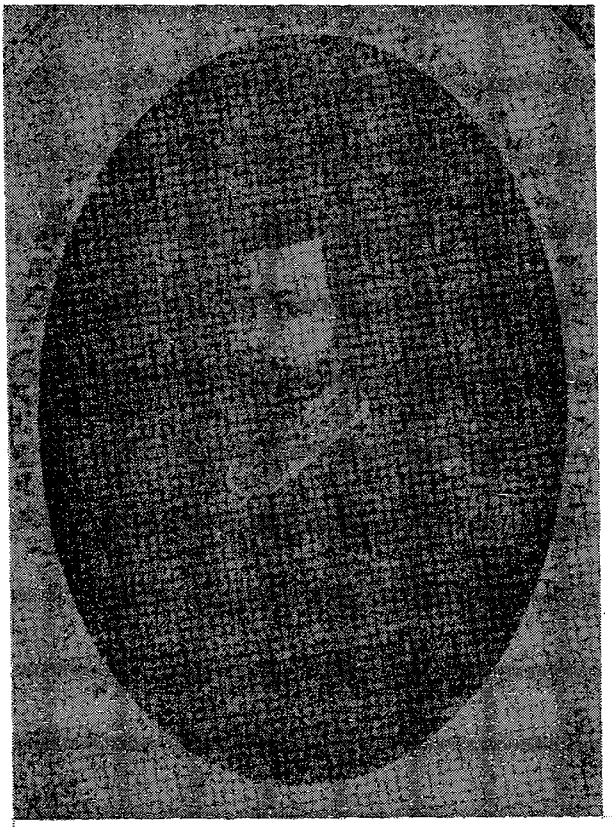

Trung-tướng Hải-quân Rigault de Genouilly

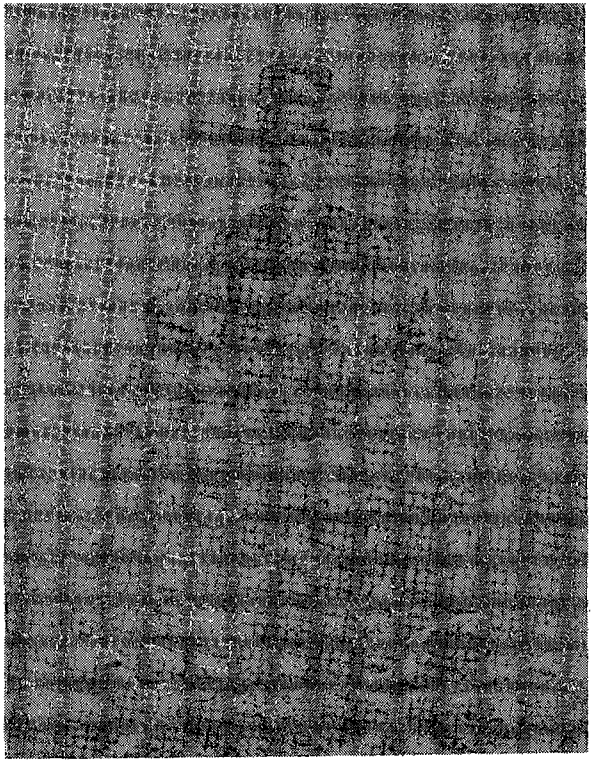

Phan thanh-Giản

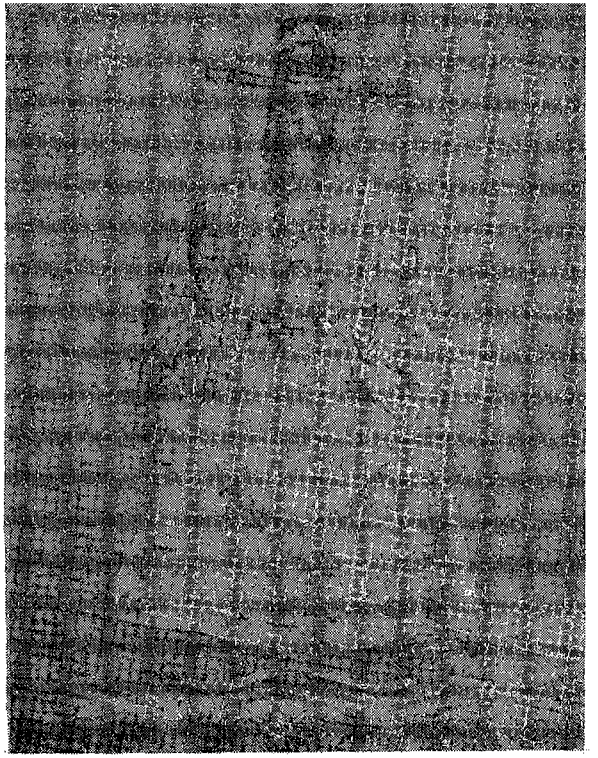

Ngụy Khắc-Đản

Hai người cầm đầu sứ-bộ Việt-Nam sang Pháp điều-đình chuộc ba tỉnh miền Đông

được với cơ-giới Tây-phương. Chiến-tranh kéo dài ba năm. Đến 19-6-1842, Anh vào được Thượng-Hải sau khi thắng trận Lãnh-Giang trên sông Dương-tử.

Triều-đình Mãn-Thanh vẫn kêu gọi binh sĩ nổ lực giết « Hồng-Mao dị tặc », *nhưng vì kém kỹ thuật, ít huấn-luyện, vũ-khí lại cổ xưa nên quân Thanh thua khắp mặt trận. Vua Đại Quang đành xin đình chiến và cử Trần-kỳ-Thiện làm Khâm-sai lo việc giảng hòa.*

Anh đưa ra 6 khoản yêu-sách và buộc Trung-Hoa nhượng đứt Hương-Cảng không điều-kiện. Đề-nghị này khó quá đối với triều Thanh nên chiến-sự lại tái diễn. Lần này Ngô-Tùng, Trấn-Giang bị Anh chiếm mất, rồi đến lượt Nam-Kinh bị uy-hiếp. Rồi Trung-Hoa nhượng bộ và ký Nam-Kinh điều-ước *ngày 29-8-1842 phải tiếp nạp hai khoản quan trọng nhất sau đây :*

— Anh được đặt tại Quảng-Châu một đại-diện thương-mại để giao thiệp với nhà cầm quyền Trung-Hoa một cách bình đẳng.

— Người Anh lại có quyền lưu-trú và đặt Lãnh-sự ở các nơi có làm ăn buôn bán và mở-mang doanh-nghiệp.

— Thuế thương-chính đánh vào hàng-hóa Anh không quá 5% giá hàng, thuế xuất-cảng chỉ được 10 %.

1) Trung-quốc phải bồi thường cho Anh về chiến-phí trong ba năm xảy ra cuộc binh lửa (1840-42) một số tiền là 210 triệu đồng Livres sterling.

2) Các cửa bể, các thị-trường Quảng-Châu (Hạ môn), Phước-Châu, Ninh-Ba, Thượng-Hải cho người Anh ra vào buôn bán.

Năm 1843, một phụ-ước ra đời theo đó người Anh được giữ quyền lĩnh-sự tài-phán (ngoại-trị pháp-quyền) *để giải quyết mọi việc tranh-chấp giữa người Anh và người bản-xứ. Anh còn được Thanh-đình nhượng Hồng Kông làm căn cứ thương-mại trong thời hạn 99 năm nữa. (Thời hạn này đã qua. Nay tuy chánh-phủ Trung-Cộng lên cầm quyền vẫn chưa đả động đến).*

Nam-kinh điều-ước vừa ráo mực làm cho Liệt cường Tây-Phương vô cùng xúc-động. Họ cảm thấy cần nhảy vào giành phần

bởi họ cho rằng không lợi-dụng tình thế suy nhược của triều Mãn sau này cũng dại. Rồi họ vận-động với nhà Thanh lập với họ hai năm sau tức là năm 1844 Trung-Pháp *điều ước ra đời vào ngày 23-10-1844,* Trung-Mỹ *điều-ước ký vào ngày 3-7-1844 nhìn nhận hai nước này có quyền tự-do truyền-bá đạo Thiên chúa trên đất Trung-hoa và quyền lãnh-sự tài phán v.v... Được đằng chân lân đằng đầu sau này họ còn hợp sức với nhau ăn hiếp Trung-Quốc nhiều phen nữa để xâu-xé nhiều nơi ở các thị-trấn lớn nhất của Trung-Quốc làm Tô-giới, làm cơ-sở cho việc khai thác mọi quyền lợi quí báu ở xứ này. Có điều đặc-biệt là Mỹ, Pháp không tốn một viên đạn, một giọt máu mà cũng được chia phần sôi thịt. Cũng nên lưu ý nữa là sau khi Anh thắng trận trên đất Tàu, Pháp mới mang binh hùng tướng mạnh vào hải-phận Trung-Quốc và ngoài việc giao-thương với dân Tàu Pháp không quên đòi gởi gấm một số giáo-sĩ. Xin nhắc rằng vào hậu bán Thế kỷ XVIII chủ-trương của Pháp-đình có phải là mang binh lực ra hải ngoại để phát-triển đạo Thiên-chúa đâu !*

Ngoài ra Nam-kinh *điều-ước tuy đã thành hình (1842), nhưng nhà Mãn-Thanh vẫn không thi hành triệt-để. Nhân dân Trung-Quốc cũng hậm-hực vì đó là một việc nhục-nhã cho họ. Họ bí-mật lập các đoàn thể võ-trang để bài ngoại khiến người Anh, Mỹ, Pháp, dân chính hay quân đội đều ở vào tình-trạng bất an. Các tín-đồ đạo Thiên-chúa cũng như một số giáo-sĩ bị chém giết. Tất nhiên đây là một dịp cho Liệt-cường họp nhau lập ra Liên-quân để đối phó với Tàu. Rồi năm 1856 Phòng thương mại Anh ở Thượng-Hải yêu cầu Chánh-phủ của họ dùng võ lực mở thêm hải-cảng cùng bảo vệ các giáo-sĩ và kiều-dân (1) ; Thêm vào đó, lúc này chánh-sách bành-trướng của Nga-Hoàng ở phía Bắc khiến cho người Anh lo ngại. Anh thấy phải liên-kết với Pháp để vừa xử-trí với Nga nếu cần và vừa đối phó với Tàu. Đang có nhiều việc rắc rối thì vừa may cho hai nước xảy ra mấy vụ dưới đây nên họ có cơ hội để sinh sự.*

---

(1) Xét yêu-sách của Thực-dân ở đâu cũng chỉ có thế và đây là cái kế chung để gây sự đánh chiếm.

Tàu Arrow là chiếc tàu Trung-Hoa kéo cờ Anh đi buôn bán bị nhà đương-cục Trung-hoa bắt ngừng giữa bể để tìm bắt một tội nhân bản-quốc Anh cực-lực phản-kháng.

Tháng giêng 1857, Liên-quân Anh-Pháp dưới quyền chỉ-huy của Thủy-sư Đề-đốc Sir Seymour và Rigault de Genouilly, kéo 8660 quân vào Hương-Cảng, đầu tháng hai họ pháo-kích cửa bể Quảng-Châu, tiến vào Quảng-Đông đánh tan 40 ngàn quân Tàu, bắt Tổng Đốc Diệp-danh-Thâm đầy sang Calcutta. Sau trận này Liên-quân tiến lên Hoa-Bắc, bắn phá cửa bể Đại-cô, tấn công vịnh Trực-lệ do đường thủy tiến vào Thiên-tân buộc triều Mãn ký thêm một hiệp ước nữa là Hiệp-ước Thiên-tân *ra đời ngày 28-6-1858 như sau :*

— Trung-quốc phải bồi-thường chiến tranh cho Anh 30 triệu livres sterling, cho Pháp 15 triệu.

— Các tàu buôn Anh, Pháp được tự-do xuất nhập sông Dương-Tử lên đến Hán-khẩu.

— Anh, Pháp được quyền xin giấy thông-hành đi lại trong nội-địa Trung-quốc.

— Trung-hoa không có quyền xét-xử kiều-dân Anh, Pháp về hình cũng như về hộ...

Hiệp-ước này phải ký cả với Nga và Mỹ đang có mặt ở Tàu lúc đó. Thực là tức cười có dính máu mới được ăn phần, đằng này Nga Mỹ chỉ ùa theo kẻ mạnh mà được hưởng đủ mới là lạ.

Năm sau (1859) sứ-thần các nước bắt đầu lo thi hành Điều ước thì bị quân Tàu công-kích, phong trào bài ngoại lại nổi lên. Chỗ nào có hình bóng người Tây-phương là có đổ máu Quân dân Anh, Pháp chết khá nhiều. Thêm một lần nữa Anh huy động 12 000 lại quân trong đó 4.800 người Ấn. Pháp góp 7.500 đặt dưới quyền Hope Grant và Cousin Montauban lại đánh chiếm Thiên-Tân, Bắc-Kinh. Vua Hàm-phong phải rời Bắc-Kinh và triều đình Mãn-thanh lại xin hòa. Lại một hòa-ước « thành hạ chi-minh *» (1) nữa ra chào đời vào ngày 25-5-1860 :* Bắc-Kinh điều-ước *Còn* Thiên-Tân điều-ước *thì được phê chuẩn để thi hành. Thế là từ* Thiên-Tân điều-ước *đến*

(1) Ký giấy xin hàng một cách nhục-nhã dưới chân thành.

Bắc-Kinh điều-ước *Anh, Pháp chiếm được nhiều nhượng-địa trên đất Tàu làm tô-giới. Nhưng dân Hán-Mãn đã hết đâu những điều tủi nhục !*

Năm 1868-1874 hai phái-bộ kinh-tế Anh do đường sông Irraouddi vào Vân-Nam. Năm 1874 xảy ra vị đại-úy Browe bị phục kích. Anh mượn cớ này buộc Trung-Hoa ký Hiệp-ước Tchefou *mở thêm đất ở Thượng Hải và thêm cơ-sở doanh-nghiệp trên sông Dương-Tử. Anh lại lưu ý đến vùng Sikkim thuộc Tây-tạng khi đó là nước chư-hầu của Trung-Quốc. Năm 1890 Anh đem binh đến chiếm địa-phương này, đặt nền bảo-hộ với sự ưng thuận miễn-cưỡng của Trung Quốc. Anh chiếm Sikkim vì cần có đường từ Ấn-độ qua Tây-Tạng.*

Trên đại-lục Trung quốc lúc này, việc buôn bán của Anh rất là thịnh đạt. Tơ lụa của Anh chạy rất nhiều. Dân Anh kéo nhau lại đây buôn bán mỗi ngày một đông. Năm 1894 họ chiếm nửa phần tổng số người Âu-châu trên đất Tàu, có tới 400 công-ty Anh xuất hiện với một số vốn rất lớn. Tại Hồng-kông, một hạm-đội Anh túc trực để đề phòng sự bất chắc.

Vì quyền lợi của mình to quá, Anh phải lo cách duy trì. Duy-trì bằng phương-diện nào ?

Từ năm 1898, nhiều nước cũng bành trướng trên đất Trung Hoa liền nghĩ tới chước chia xẻ Trung-quốc (Break up of China) *để gây thế trường-cửu. Địch-thủ đáng lo ngại nhất là Nga và Đức.*

Nga có nhiều thế-lực ở Mãn-Châu. Ngày 8-9-1896 Trung-Quốc ký với Nga một hợp-đồng tại Bắc-kinh thiết-lập đường xe lửa Trung-Đông. Đức chiếm Giao-Châu năm 1897 lấy cớ một cố-đạo Đức bị ám-sát ở Sơn-Đông. Trung quốc phải ký Hiệp-ước 8-3-1898 nhượng Giao-Châu cho Đức trong 99 năm : chế-độ tô-giới này do Đức nghĩ ra từ 1875 đến 1898 mới thực-hiện được.

Nga thấy Đức nắm được Giao-Châu liền xua thủy quân chiếm Lữ-Thuận, Cùng một nhịp, Pháp bắt Trung-Hoa nhường Quảng-châu-Loan.

Trước thế-lực cạnh-tranh của ba cường-quốc kể trên Anh ngại nhất Nga, Đức vì nhượng-địa của họ gần gụi khu vực ảnh-hưởng của mình. Anh liền dỗ Trung-quốc nhượng cho mình Uy-hải-Vệ (Wei-hai-wei) đối diện với cửa bể Lữ-Thuận. Anh còn đòi Trung-hoa cho

mình đặt đường xe-lửa Thượng hải — Nam-kinh, đường Hán-khẩu, Tô Châu — Ninh-Ba nữa.

Về việc chia nhau miếng mồi ngon Anh thấy Quảng-châu-Loan không đụng chạm đến quyền lợi của mình, song ở Hoa-Bắc, Anh còn cần phải nói chuyện với Đức, Anh liền phân-định như sau :

— Vùng ảnh-hưởng của Đức là Sơn-Đông và miền Đông sông Hoàng-Hà.

— Vùng ảnh-hưởng của Anh chạy theo dọc sông Dương-Tử gồm có các tỉnh phía Nam, tỉnh Sơn-Tây, miền Nam tỉnh Sơn-Tây, miền Nam Hoàng-Hà.

Đối với Nga, ngày 28-4-1899 Anh ký bản tuyên ngôn tôn trọng ảnh hưởng của Nga ở miền Bắc Vạn-lý-trường-thành và Nga cũng cam kết để Anh làm ăn yên-ổn ở miền Bắc sông Dương-Tử.

Còn Mỹ ?

Mỹ đi sau hơn hết. Sau cuộc chiến-tranh với Tây-ban-Nha, Mỹ chiếm được Phi-luật-tân và Hạ-uy-Di vào năm 1898. Năm sau ngoại-tướng Mỹ là J. Hay gửi thông-điệp cho Ngũ-cường (Anh, Nga, Đức, Nhật, Pháp yêu-cầu nhận hai khoản này :

— Bảy nước đều đồng quyền tổ-chức kinh-tế và thiết-lập kỹ-nghệ trên lục-địa Trung-Quốc.

— Trọng nguyên-tắc tự-chủ và độc-lập của Trung-Quốc. Năm sau (1900) phong trào Nghĩa-hòa là một phong trào bài ngoại nổi lên bị Liên-quân Tây-Phương đàn-áp ngay được Lại thêm một dịp cho

---

CHÚ-THÍCH : Anh thao-túng thị-trường Trung-quốc đến nay vừa đúng một thế-kỷ. Trung-quốc nhờ cuộc Thế-chiến thứ hai mà họ góp phần xương máu chống Nhật thủ-tiêu được các hiệp-ước bất-bình-đẳng kể trên. Nay Anh chỉ còn giữ được Hồng-Kông, nhưng từ 1950 các nơi khác của Anh đều mất cả vì cuộc thắng trận của Mao-trạch-Đông trên lục-địa. Cuộc khủng-khoảng kinh-tế của Anh do tình trạng này mà trở nên trầm-trọng. Nhưng người Anh vốn rất thực-tế, nên thế nào họ cũng có thể gỡ mình ra khỏi sự khó khăn. Vì chính-trị của Anh, như lời nhà ngoại giao Anh Palmerston nói : « *Anh không có bạn mà cũng không có kẻ thù vĩnh viễn, chỉ có quyền lợi bất-di bất-dịch mà thôi.* » Ngày nay ta thấy lời này rất đúng, ai mà không thấy rằng lúc này chỉ có Anh ở lại buôn bán ngon lành với Trung-hoa lục-địa mà thôi ?

Trung hoa cúi đầu ký với Liệt cường vài Điều-ước nữa bằng máu và nước mắt.

Tình-thế Nhật - Bản giữa thế-kỷ thứ XIX. *Trên đây chúng ta thấy phong-trào Thực-dân của Tây-phương rất bành trướng từ thượng-bán thế-kỷ thứ XIX tại Ấn-độ, Tiêm-La, Phi-luật Tân và Trung-Hoa... Những biến-cố xảy ra ở mỗi nước đều tương-tự và phát-nguyên ở chỗ người da trắng đòi vào giảng đạo và buôn-bán bị các nước Á-đông bị cự-tuyệt. Ở đâu người da trắng cũng thấy đủ mặt Hòa-lan Bồ-đào-Nha, Anh, Pháp, Nga, Mỹ, Đức v.v .. nhất là trên đất Trung Hoa. Rồi họ cùng nhau chia khu-vực ảnh-hưởng. Việc thi-đua xâm chiếm thị-trường rất náo-nhiệt và đều nhịp, kẻ trước người sau cách nhau không mấy.*

Đây tình-trạng Nhật-Bản giữa lúc các lân-quốc Á-đông chịu cảnh mưa sầu gió thảm với Tây-phương ! Nhật-Bản là một quần-đảo ở lẻ-loi ngoài biển cả ở giữa, gồm có cù-lao Nippon, ở miền Nam 2 cù-lao Sekokf, Kiousou và quần-đảo Lieou Kieou và ở miền Bắc cù-lao Kokkaido và Kouriles. Trên bản-đồ ta thấy các cù-lao này sắp thành một đường cong nhòm vào lục-địa Trung-quốc mà mũi dưới gần đụng vào bán-đảo Cao-ly, mũi trên không bao xa cù-lao Parzakai và cửa sông Amour.

Nhật-Bản đầu thế-kỷ trước có chừng 36 hay 37 triệu dân tính-tình hiền-lành, vui vẻ, khôn-ngoan. Sản-vật có rất nhiều gạo, bắp, trà, tơ, lụa, gỗ, giấy, sơn, the, đồ sứ, đồ đồng, đồ ngà, đồi-mồi, đồ mây, đồ bằng da v.v...

Nhà vua gọi là Mikado, và triều-đình đóng tại thủ-đô Kyoto. Quyền-hành thì ở trong tay một vị Lãnh chúa gọi là Shogun. Từ thế kỷ thứ XII, quyền hành của vị lãnh-chúa đã trở nên cha truyền con nối.

Địa-vị của Lãnh chúa chẳng khác gì địa-vị của các Chúa Trịnh đời nhà Lê ở nước Việt-Nam chúng ta. Các vị Shogun sống ở thành Yédo, họ đứng đầu giới quý-tộc Daimios. Mỗi một vị Daimio làm chủ một lãnh-thổ rộng rãi, có binh đội riêng, làm chủ nhiều thành lũy lâu đài và bao - dung một số hiệp-sĩ gọi là Samourai.

Các hiệp-sĩ Samourai cũng thuộc giới quý-phái nhưng vì nghèo nàn nên phải theo hầu các vị Daimio. Họ được ngày đêm đeo hai thanh kiếm bên lưng, họ rất can đảm, coi cái chết nhẹ như lông hồng. Khi nào thua trận hay phạm lỗi gì hay tự sát bằng cách lấy dao mổ bụng «Harakiri». *Tôn-giáo của họ là Thần đạo hay là Phật-đạo.*

Người Nhật-bản không ưa gì mấy người ngoại-quốc. Trong thế-kỷ thứ XVI, người Bồ-đào-Nha được phép vào nước buôn bán với dân bản-xứ, nhưng năm 1637, sau khi các người Nhật theo đạo Thiên-chúa bị giết, bao nhiêu người ngoại quốc bị đuổi ra khỏi nước cả, trừ kiều-dân Hòa-Lan, tuy vậy họ chỉ được đi lại trên cù-lao Deshi ma, gần Nagasaki mà thôi.

Năm 1853, nước Hoa-kỳ gửi một hạm-đội, dưới quyền chỉ-huy của Thiếu-tá Perry, đến cảng Ouraga, gần Kanagawa.

Sau khi bắn vài phát súng đồng thị oại, Thiếu-tá Perry bắt buộc Thiên-hoàng Nhật-Bản phải cho phép người Hoa-Kỳ vào nước tự-do buôn bán. Nhật-Bản thấy mình còn yếu chẳng chống nổi một đại cường - quốc đành chịu mở cửa hai hải-cảng Simoda và Hakodadi cho người Mỹ vào. Nước Anh và nước Hòa-Lan cũng nhầy

---

CHÚ THÍCH : Hiệp-ước Vọng-hạ ký tháng 7 năm 1845 giữa Mỹ và Trung-hoa nhận người Mỹ ngang quyền với người Anh trong Điều-ước Nam-Kinh : Phụ-ước cho người Mỹ có quyền mua sách ở Trung-hoa và thuê giáo-sư dề giảy.

Hiệp-ước Hoàng-phố ký tháng 10 năm 1844 mà Trung-hoa lập với Pháp cũng giống như Điều-ước Nam-Kinh chỉ có thêm vào quyền tự-do truyền-đạo Thiên-chúa. Và tháng chạp năm 1854 nhà Mãn-Thanh ra sắc-lệnh dung nạp cả đạo Thiên-chúa trên đất Trung-hoa.

— Qua các Điều-ước trên đây ta thấy nhà Thanh đã nhìn nhận với các cường-quốc, quyền-lợi của họ được ngang nhau cũng là điều hay vì có thể mới hãm bớt được sự thao-túng của Anh và khỏi một mình đối chọi với nước này xét mình quá yếu.

— Sau trận Nha-phiến chiến-tranh, vua Hàm-phong (lên ngôi năm 1851) để mua chuộc lòng dân đã áp-dụng trở lại chính-sách bài-ngoại và không trọng-dụng các đại-thần đã được chỉ-định ký các hiệp-ước kể trên. Chánh-sách này xét ra chỉ có cái hại mà thôi.

— Đối với nhà Mãn-Thanh, giặc *Thái-bình* là một cuộc nổi loạn nhưng sau cuộc Cách-mạng 1911 của Tôn Văn, các nhà sử-học Trung-quốc cho đó là cuộc

vào theo đòi cho dân họ được quyền buôn-bán ở hải-cảng Nagasaki và Hakodadi.

5 năm sau (1858), thấy các nhà cầm quyền Nhật-Bản luôn luôn nhượng-bộ, các Đế-quốc Hoa-Kỳ, Nga-la-Tư, Anh-cát-Lợi và dĩ-nhiên cả nước Pháp nữa cũng bắt Nhật-bản ký kết một hiệp-ước khác, cho họ những đặc-quyền sau đây :

1) Quyền ra vào tự do các thương-cảng Kanagawa, Kobé ở cù-lao Nippon, Hakodadi ở cù-lao Yéso, Nagasaki ở cù-lao Kieou Sieou.

2) Quyền cho dân họ sinh sống ở các thành phố nói trên và từ năm 1862 trở đi, cả ở hai thành phố Yéso và Osaka.

3) Quyền gửi đến thủ-đô Nhật-Bản một Đại-sứ và nhiều Lãnh-sự.

4) Quyền tự do truyền-bá đạo Thiên-Chúa.

5) Quyền nhập-cảng tiền-tệ ngoại-quốc.

6) Quyền buôn bán tự do, thuế xuất-cảng định là 5 phần-100 giá hàng hóa.

Không bao lâu, các cường quốc lại đòi thêm quyền mở gần cảng

Cách-mạng đầu tiên của người Trung-hoa chống Mãn-thanh. Đến nay (theo tác-giả *Đông-Á trên trường chánh-trị quốc-tế* (1840—1950) chưa ai có thể trả lời về chỗ Hồng-tú-Toàn, lãnh-tụ đảng *Thái bình thiên quốc* vì dân hay vì tư-lợi trong mưu toan lật đổ Triều Thanh...

Đối với hoạt-động của *Nghĩa-hòa-đoàn* lấy khẩu-hiệu « *Phò Thanh diệt Dương* », nhiều sử-gia cho rằng nhà Mãn-Thanh muốn thừa cơ-hội có phong-trào bài ngoại sau này để thâu hồi lại chủ-quyền nên đã không ra tay dẹp loạn, lại còn nhìn nhận chính-thức và sát-nhập *Nghĩa-hòa-đoàn* vào lực-lượng quân sự của triều đình là đằng khác. Do sự-kiện này các cường quốc liên-kết chặt chẽ với nhau và ra công đàn-áp chánh quyền Trung-hoa. Sử-gia *Quốc dân đảng* sau đó cho rằng *Nghĩa-hòa-đoàn* buổi đầu do nhà Thanh bí-mật tổ chức rồi công-khai nhìn nhận, việc này có tính-cách cực-kỳ phản-động, đáng lẽ nhà Mãn-Thanh phải thi-hành mọi kế-hoạch canh tân xứ-sở mới là phương-pháp hữu lý và hữu-ích. Kết-quả của việc bài-ngoại chỉ là đưa Trung-hoa vào tử-lộ. Sử-gia Nga Potemkine trong *Histoire de la diplomatie* giải-thích *Nghĩa-hòa-đoàn* là một cuộc bạo-động của quần-chúng nổi lên chống Đế-quốc, Xin nhắc thêm rằng trong các cường-quốc xâu-xé Trung-hoa có cả Nga và bấy giờ khu-vực ảnh-hưởng của Nga là Mãn-châu và Hoa-bắc sau khi chiếm được cửa Lữ-Thuận nên khi xảy ra vụ bài ngoại Nga với Nhật lên tiếng can thiệp trước nhất...

Kanagawa một thương-điểm ngoại-quốc. Người Anh khởi sự cất các cửa hàng và các kho chứa hàng ở một nơi gần bãi biển : nơi ấy sau nầy trở thành thương-cảng Yokohama. Liệt-cường nhập cảng rất nhiều hàng-hóa riêng Anh xuất-cảng tơ lụa, trà, quạt tày v.v...

Các nhà quí-tộc bản-xứ rất bất bình, nhiều khi ám-sát các thương-gia ngoại-quốc. Các hạm-đội Tây-phương lại chĩa súng đồng, bắn vào những thành lũy của các ông Daimios. *Nhưng chúa* Shogun li-Naosouké *lại có thái-độ ôn-hòa vì theo ý kiến của ông cần mềm-mỏng để cho xứ-sở khỏi mang họa.*

Dư-luận trong nước chia ra hai phe chống nhau dữ dội : phe tán thành thái-độ của Lãnh chúa Ii-Naosouké và chịu cho ngoại-quốc tự do buôn bán.

Phe chống lại chánh sách của Lãnh-chúa, nhứt định bài-ngoại và yêu cầu trục-xuất người ngoại-quốc ra khỏi lãnh thổ.

Phe nầy muốn dựa vào uy-tín của nhà vua để đi đến mục-đích Lãnh-chúa thấy thế sợ cho địa-vị của mình, liền ra lịnh bỏ tù những nhà lãnh-tụ hăng-hái nhất của phe bài-ngoại. Lệnh ấy làm cho dân chúng uất-ức vô cùng. Một ngày nọ Lãnh chúa Ii-Naosouké bị ám-sát : ấy cũng là ngày chế-độ Shogunat (1) sắp điêu-tàn. Đa số nhân dân đòi bãi bỏ chế-độ ấy và yêu cầu nhà vua tự cai trị xứ-sở.

Lúc ấy là lúc vua Minh-Trị lên ngôi. Theo ý muốn của nhân dân và cậy vào sự giúp đỡ tận tâm, tận lực của các hiệp sĩ Samourais, nhà vua yêu cầu vị tân lãnh chúa giao hết quyền hành cho triều đình.

Thế là sau 270 năm bị các vị lãnh-chúa đẩy lui ra xa sân khấu chánh trị, nhà vua trở lại địa-vị cũ và cương-quyết đòi quyền đảm đương chánh-sự và dìu-dắt nhân dân.

Dĩ-nhiên là vị tân lãnh chúa không chịu.

Họ căn-cứ vào chỗ từ đầu thế-kỷ thứ XVIII nhiều quốc-gia Á-châu đã thành thực-dân-địa của Tây-phương. Một bằng-cớ kinh khủng không ai chối cãi được là chánh-sách của Liệt-cường không nhắm vào việc thương-mại một cách lương thiện để chỉ có những hoạt động thuần túy thương mại mà thôi. Trái lại họ chuyên dùng các kỹ-thuật xảo-trá, ngụy hiểm như áp-dụng chính-sách ngu-dân, xui dân

(1) Shogunat : Mạc-phủ là nơi thể-hiện uy-quyền tuyệt-đối phong-kiến Nhật từ thế-kỷ XVII.

dấy loạn để lật đổ chánh-quyền rồi tiếp tay cho quân đội xâm-lăng của họ. Ở Trung-quốc chẳng hạn, người Anh mang thuốc phiện vào đầu-độc dân chúng hầu moi tiền của giống Hán. Triều-đình của vua Đạo-Quang phản-ứng kịch-liệt thì Liệt-cường liên kết với nhau lấy võ-lực ăn hiếp nhà Thanh khiến từ 1839 đến 1864 chánh-quyền Trung-quốc ký bao nhiêu Hiệp-ước từ Nam-kinh lên Thiên-Tân để Anh, Mỹ, Pháp, Đức v.v... tha hồ chia xẻ mọi quyền-lợi và đất-đai, lại còn đòi chiến-phí tới 30 triệu đồng vàng. Họ còn sỉ nhục người Tàu bằng việc bắt Tổng-đốc Lưỡng-Quảng đem sang giam bên Calcutta (Ấn-Độ). Họ tàn phá cung điện tại Bắc-Bình. Và gian-ngoan hơn nữa chính họ đã giúp súng đạn cho đảng Thái-Bình thiên-quốc *để quấy rối triều Thanh luôn 7 năm (1853) rồi tới 1860 cũng lại họ giúp triều Thanh diệt Hồng-tú-Toàn và đồng bọn đến nỗi Hồng lúc cùng đường phải tự-sát (1) và 10.000 đồng chí phải mất đầu dưới lưỡi gươm của Từ-hi Thái-hậu. Hết vụ* Thái-Bình thiên-quốc *lại đến vụ dân theo đạo Hồi-Hồi tại Thiểm-Tây cũng do những bàn tay bí-mật mà nổi lên, khiến triều-đình phải tổn hại nhiều tiền của và sinh-mạng mới vãn-hồi được trật-tự. Nhờ có tình-trạng này các cường-quốc mới củng-cố được địa-vị của họ trên lãnh-thổ Trung-quốc.*

Ở Nhật-bản, nhân dân lấy thế mà lo cho tương-lai của Tổ quốc, nếu chánh-sách của Lãnh-chúa cứ tiếp-tục, nghĩa là nếu cứ để cho ngoại-kiều vào nước mỗi ngày một đông.

Vì thế mà phe bài ngoại được nhân dân ủng-hộ nhiệt-liệt.

Ngày mồng 3 tháng giêng năm 1868, Hoàng thân Satsuma được ba hoàng-thân Choshin, Tosa và Hizen hợp-tác giúp Thiên-hoàng thắng được quân đội của Lãnh-chúa, người đã nhất định không giao quyền hành cho nhà vua và nhất định bênh vực chánh sách mở rộng cửa đón ngoại quốc.

Họ vào được thành Kyoto, Lãnh-chúa phải chạy trốn. Sau hai cuộc đại thắng khác ở Fujuni và Yodo quân đội nhà vua lại chiếm được thành Osaka và thành Yedo : Lãnh chúa phải bỏ ngôi và chịu làm thường dân từ đấy.

Vậy chỉ bởi không hiểu công việc đã xảy ra ở nước láng giềng

---

(1) Hồng-tú-Toàn tự sát ngày 30 tháng 6-1864.

Trung-hoa. không lo xa cho tương-lai Tổ-quốc, lại quá tin cậy vào những lời hứa hẹn đầy gian-ý của ngoại quốc mà Lãnh-chúa (1) mất địa vị vô cùng cao quý của tổ tiên để lại từ ngót ba thế-kỷ. (Vị Lãnh-chúa nói đây là Tướng quân Khánh-Hỷ của dòng họ Đức-Xuyên đã tiêu tan sự-nghiệp vào năm 1869 sau nhiều vụ đổ máu. Thực ra từ 1867 Khánh-Hỷ đã chịu nhượng bộ để trao hết quyền hành cho Minh-Trị thiên-hoàng, tiếc thay bọn tùy-thuộc ngoan-cố, do đó nước Nhật phải chúng-kiến nhiều cuộc nội-tranh bi-thảm.)

Nhưng sau thời-kỳ lộn-xộn kể trên, giai-cấp lãnh-đạo Phù-Tang thấy không thể áp-dụng chánh-ách bế quan tỏa cảng *; trái lại họ quan-niệm phải thi hành các mưu-thuật ngoại-giao và chính-trị mới giải-quyết được mọi sự khó-khăn rồi vua tôi đồng tâm nhất trí : bên trong thống-nhất được quốc-gia đã đủ tạo nên một sức mạnh để đối phó với thời-cuộc, bên ngoài dụ dỗ được các cường quốc làm vây cánh nhờ vậy mà trở nên một đại cường quốc thế-giới. Họ đã không mất nước như ta, trái lại họ còn trở nên một dân tộc đàn anh bên nầy bán-cầu kể từ đầu thế kỷ thứ XX. Khảo về bước* « nhảy vọt » *của Nhật-Bản, Lê-văn-Sáu tác giả cuốn* « Đông-Á trên trường chánh-trị Quốc-tế » *có bài dưới đây trình bày cuộc cách-mạng và canh-tân quốc-gia của Nhật-Bản như sau :*

« *Ngày mùng 6 tháng 4 năm 1868 sĩ-dân Phù-tang đã dựng được một Hiến-chương gồm 5 điều căn-bản như sau :*

— *Một Quốc-dân đại-hội sẽ thành lập và mọi quyết-định đều do dân chúng biểu quyết ;*

— *Nguyên-tắc của chánh-sách xã-hội và chánh-trị đều do các giai-cấp khảo-cứu kỹ-càng ;*

— *Nhân-viên của các đoàn-thể chính-trị và xã-hội phải hành động theo phương-pháp thực-hành điều công-ích.*

— *Những cổ-tục vô lý đều bị bãi bỏ ; và từ đây mọi hành-động phải đặt trên nền tảng bất thiên-vị và công-bình theo luật thiên-nhiên.*

— *Từ đây những sự hiểu biết và các năng-lực trên hoàn cầu đều được trọng-dụng để gây một nền tảng bất di-dịch cho quốc-gia.*

Một giáo-sư Nhật đã viết rằng : « *Sự quan-trọng thật sự của*

bản Hiến-chương nầy là nó đã đánh một tiếng chuông cảnh-tỉnh đầu tiên cho các nhà chánh-trị trong thời ấy, để tiến vào con đường cải-tổ quốc-gia và áp dụng gấp rút mọi phương-pháp căn-bản của văn-minh Âu-Tây; có thể mới cứu-vãn được nền độc-lập và tránh khỏi sự xâm lược của ngoại quốc ».

« Với một chánh-thể của nước Nhật như đã nói trên, muốn cải cách theo Âu-Tây, không những phải thay đổi cả bộ máy cai-trị, mà lại còn phải thực-hành một cuộc cách-mạng xã-hội nữa rộng lớn.

1.— CÁCH - MẠNG XÃ - HỘI.— *« Tuy quyền hành đã giao trả cho nhà vua, nhưng còn phải bãi bỏ các giai-cấp, phải tập-trung quyền-hành và các thái-ấp vào tay vua. Nghị-định ngày 29 tháng tám năm 1871 thực-hành việc ấy một cách tuyệt-đối. Nghị-định nầy không những bãi-bỏ thái-ấp, mà lại còn bỏ cả giai-cấp phong-kiến. Điền-thổ của các vị chúa đều thuộc quyền sở-hữu của vua. Ngoài 17 vị chúa tình-nguyện bỏ đặc-quyền của mình, 199 vị kia đều bị ép-buộc thi hành huấn-lịnh, số tiền bồi-thường tính theo huê-lợi mỗi năm là 10%.*

« Đồng thời giai-cấp nô-lệ được giải-thoát và được làm chủ các đất mà họ làm từ xưa cho các vị chúa, nhưng nay họ phải trả thuế cho nhà vua ; số võ-tướng có độ 400.000 người vì thế mà công-nhu của Nhật-hoàng phải tốn rất nhiều. Đến năm 1873 nhà vua phải đem công-điền và công-thổ ra bán, và chánh-phủ nhất định trả chung cả số bổng-lộc trong một thời-gian là sáu năm. Năm 1876, có nghị-định ra buộc các người được lãnh bổng-lộc phải lãnh tiền bằng phiếu quốc-gia lời có 5,5 đến 7%. Theo thí-dụ của sử-gia P. Renouvin, một người trước kia lãnh độ 100 ngàn hoa-viên mỗi năm, nay được một số phiếu tổng quát à 500 ngàn, nếu hạn-định trả trong năm năm, và chỉ lãnh mỗi năm 270.500 tiền lời. Như thế nhẹ bớt chi phí công-nhu hàng năm ; kể tiền sụt giá, các người hưởng lộc bán phiếu lại cho chánh-phủ. Nhờ thế mà Thiên-hoàng lần lần giải-tán được giai-cấp quân binh.

« Cuộc cách-mạng xã-hội rất có hiệu-quả. Các giai-cấp phong-kiến lần lần tiêu diệt nhưng sau lại nổi lên giai-cấp tư-bản do kỹ-nghệ và thương-mại tạo nên. Tuy vậy tinh-thần quân-phiệt vẫn còn.

Sau khi bác bỏ quyền-lợi của các vị chúa, Nhật-hoàng cầm cả quyền hành trong tay, không khác điều ta thấy trong Pháp-sử vào thời Giáo-chủ Richelieu hay Mazarin đã thâu hết quyền-chánh về tay Pháp-hoàng.

Tại làm sao các vị chúa không phản-đối cuộc cách-mạng nầy ? Nhiều sử-gia cho đó là do tinh-thần trọng trật-tự của người Nhật mà ta có thể so-sánh với tinh-thần trọng trật-tự của Đức. Nhưng nếu ta nhớ đến sự phẫn-uất sâu-xa của người Nhật đối với những hiệp-ước bất-bình-đẳng mà người ngoại-quốc đã buộc họ ký kết, ta có thể hiểu rằng quí-phái Nhật cũng như người thường-dân Nhật luôn luôn có một lòng ái-quốc không bờ bến, nên chỉ đã nhận định rõ rệt nước Nhật cần phải duy tân mới mong mưu-đồ chống lại cuộc lấn-áp của ngoại quốc.

Vậy cuộc cách-mạng xã-hội ở nước Nhật thời ấy sở-dĩ thành-công trong vòng hoà-bình và trật-tự là nhờ sự đoàn kết chặt-chẽ của tầng lớp dân-chúng trước hiểm-họa ngoại-xâm, và lòng yêu nước chân-chánh của giới quí-phái, biết nhịn nhục, hy-sinh tất cả quyền lợi riêng hầu dồi theo một mục-đích duy nhứt, là bảo-tồn giang-san, lãnh-thổ nước nhà.

2.— CÁCH-MẠNG CHÍNH-TRỊ.— *Đồng thời với cuộc cách-mạng xã-hội, những người giúp vua Minh-Trị cũng lo đến sự tổ-chức lại nền hành-chính. Bản hiến-chương năm 1868 có nói đến một Quốc-dân hội-nghị. Vào năm 1869, một số nhân-viên họp bàn các vấn-đề nhưng không được bao nhiêu kết-quả rồi bị đình-chỉ luôn. Riêng về vấn-đề bãi bỏ tục tự-sát bằng cách tự mổ bụng,* (Harakiri) *trong số hội-viên có 300 người chống, 3 người thuận, 6 người bỏ thăm trắng.*

Vấn-đề cải-tổ hành-chánh có 3 người giữ vai chánh là : Okoubo (Đại-cửu-Bảo), Kido (Mộc-Hộ) và Goyo (Hậu-Đằng).

Nước Nhật chia ra làm 47 châu, mỗi châu có một vị Tri-châu cầm đầu do Thiên-Hoàng bổ-nhiệm. Các tòa án cũng có sự sửa đổi. Năm 1873, chánh-phủ tổ chức phòng lý-tài và lập thuế điền, lấy 3% số huê-lợi phỏng-định hằng năm.

Đạo-luật 1872 định rõ việc cưỡng-bách-giáo-dục. Năm 1874 có một phần tư người Nhật đúng tuổi đi học. Báo-chí được khuyến khích : năm 1871 Nhật chỉ có một tờ nhật báo nhưng bốn năm sau Nhật có 100 tờ vừa nhật báo vừa tạp-chí.

Năm 1871 Nhật lại khuyến-khích cuộc xuất-dương du-học. Nhưng trong cuộc duy-tân, điểm quan-trọng nhất, có lẽ là việc ban hành hiến-pháp năm 1889.

HIẾN-PHÁP NHẬT NĂM 1889.— *Hiến-Pháp Nhật theo thuyết phân-quyền, nhưng quyền hành pháp không được quân-bình. Thiên-Hoàng nắm cả quyền cai-trị.*

Quyền hành-chánh về Thiên-hoàng, là vị có thiên-mạng cai-trị nước Nhật. Các Bộ-trưởng đều do Thiên-Hoàng tuyển bổ ; và các vị này chịu trách nhiệm đối với nhà vua mà thôi. Các đề-nghị quan-trọng đều do Hội-đồng tư-vấn đưa ra. Hội-đồng tư-vấn gồm có nhiều Bộ-trưởng và một số người do nhà vua chọn ; số nghị-viên này cao hơn số Bộ-trưởng, nên thực ra thì các quyết-nghị quan-trọng đều do những người tâm-phúc của Thiên-Hoàng sửa soạn ra cả.

Quyền lập-pháp thuộc về Hội-nghị quốc-gia gồm có hai nghị-viện : Hạ-nghị-viện gồm có 300 nghị-viên được bầu cử trong 4 năm theo cách hạn-chế đầu phiếu. Chỉ có công dân nam-phái đóng cho nhà vua từ 15 hoa-viên thuế trực thu trở lên mới có quyền bỏ thăm ; vậy trong 42 triệu dân, có độ 450.000 cử-tri mà thôi.

Thượng-nghị-viện gồm 368 nhân-viên chia ra từng hạng như sau : Hạ-nghị-viện đương-nhiên, như các vì vương, các nhà quí phái... năm 1884, quí-phái được thành lập trở lại) ; hạng do vua tuyển-chọn và hạng do nhân dân công-cử. Viện nầy không khác Thượng-nghị-viện nước Anh là bao nhiêu.

Theo điều 8, Thiên-hoàng có quyền, tùy theo tình-thế trong nước, ra Sắc-lịnh để giữ-gìn trật-tự, hay phòng khi có việc gấp phải đối phó với thời-cuộc. Thiên-hoàng lại có quyền giải-tán Hội-nghị (thật-sự Hội-nghị giải-tán nhiều lần từ năm 1890 đến năm 1894) ; có quyền tuyên chiến với các nước ngoài, lập lại hòa-bình và ký hiệp-ước. Ngoài ra vua lại có quyền sửa đổi ngân-sách.

Các Bộ-trưởng do Thiên-hoàng tuyển-bổ không có trách-nhiệm

đối với Hội-nghị, nên Hội-nghị không thể dùng cách bỏ thăm bất-tín-nhiệm để lật đổ Nội-các được ; và theo điều thứ 67 Hội-nghị không được quyền bớt số tiền chi-phí của Chánh-phủ đưa ra, Vậy chế-độ nầy chưa có thể coi là chế-độ đại-nghị.

Hiến-Pháp không nói đến Thủ-tướng nên Thủ-tướng không có quyền-hành chi cả. Vào năm 1894, có một Sắc-lịnh được ban-hành mục-đích làm vừa lòng phái quân-nhân, buộc giao Bộ chiến-tranh cho một Đại-tướng đương-chức, và Bộ hải-quân cho một Thủy-sư Đề-đốc, hai vị này chỉ có trách-nhiệm đối với Thiên-hoàng mà thôi.

Thiên-hoàng nắm lấy hết quyền hành, nhưng thường hỏi ý-kiến những người tay chân và nhất là khi lựa Thủ-tướng ở vài vị lão-thần có công lớn trong cuộc duy-tân nước Nhật, thâm hiểu luật-học chiến-lược, và binh-thơ, thường được gọi chung là Nguyên-lão nghị-viên.

Hiến-Pháp Nhật năm 1898 có thể tóm tắt như sau đây :

QUYỀN LẬP-PHÁP

thuộc Quốc dân gồm :

A) Hạ-nghị-viện

Năm 1889 có 300 Hội-viên.
Việc đầu phiếu có tính-cách hạn chế.
Năm 1889 có 460 ngàn cử-tri trong số 42 triệu dân.

B) Thượng nghị-viện có 360 hội-viên do Vương, Quí-phái đương-nhiên gia-nhập và do nhà vua tuyển chọn, ngoài ra có 45 ghế do nhân-dân công-cử :

QUYỀN HÀNH-CHÁNH

thuộc Thiên-hoàng

Có quyền giải tán Hạ-nghị-viện

Mỗi khi cần nhà vua hỏi ý-kiến Nguyên-lão nghị-viên gồm bốn hay năm người có công trận, thường ở trong giai-cấp quân-nhân. Dưới Thiên-hoàng có Thủ-tướng và một số Bộ-trưởng. (Từ năm 1884, Bộ chiến-tranh phải giao cho một Đại-tướng và Bộ hải-quân cho một Thủy-sư đề-đốc).

Trong quyển sách để giải thích hiến-pháp Nhật, Y-Đằng là người có công lớn trong việc thảo ra hiến-pháp có nói rằng chánh-sách phân-quyền về chánh-trị là một chánh-sách rất sai lầm ; quyền hành

phải để trọn cho Thiên-hoàng chớ không nên chia xẻ, và Hội-nghị nên chỉ được quyền bàn cãi về việc lập-pháp chớ không nên giành quyền quyết-định.

Hiến-pháp Nhật có nói đến vấn đề tự-do, nhưng vì những lẽ trên ta không thể cho đó là hiến-pháp của một nước dân-chủ được.

2.— CUỘC CÁCH MẠNG KINH-TẾ.— *Đồng thời với cuộc Cách-mạng xã-hội và chánh-trị, người Nhật khởi công cuộc cách-mạng kinh-tế, bằng cách tổ-chức kỹ-nghệ và tăng gia sản-xuất. Năm 1872 có độ 300 người ngoại-quốc lo đặt xưởng kỹ-nghệ kiểu-mẫu các nơi cho dân-chúng bắt chước. Người Nhật lại dùng các nhà chuyên-môn của những nước có tiếng giỏi nhất trên Thế-giới về các ngành kỹ-nghệ ; như dệt vải thì dùng người Anh, khai mỏ thì dùng người Anh và Mỹ, tơ lụa người Pháp và Ý ; th p sắt thì dùng người Anh và Đức. Họ lại dùng người Áo để lập xưởng làm giấy và người Thụy-điển để làm diêm quẹt*

Xưởng đúc sắt của Thiên-hoàng được thành-lập tại Yatawa (Bát-phan).

Nhật cố tránh sự có mặt vĩnh viễn của người ngoại-quốc trong các xí-nghiệp, nên khi công việc tiến hành và người Nhật có thể chỉ-huy được thì họ đưa người ngoại-quốc lần lần về nước, về kỹ-nghệ dệt vải các nhà chuyên môn chỉ ở Nhật có 3 năm. Vào khoảng các năm 1872-1875, có độ 500 nhà kỹ-thuật chuyên-môn ngoại-quốc ở Nhật ; vào năm 1890 chỉ còn độ 200. Với chánh-sách ấy, người Nhật nhờ khoa-học của các nước lần lần lập nên kỹ nghệ. Nền kinh-tế phát-triển mau chóng và có ảnh-hưởng rất nhiều đến chánh-sách đế-quốc của Nhật sau này.

Đồng thời với chánh-sách ngăn ngừa người ngoại-quốc xen vào kỹ-nghệ của họ, Nhật ra điều-luật cấm người ngoại-quốc mua đất hoặc hầm mỏ trong nước, chỉ cho phép người ngoại-quốc hùn-vốn trong các công-ty, nhưng buộc họ phải theo các đạo-luật bản-xứ. Phần nhiều là chánh-phủ Nhật đi vay tiền ở ngoài để lập nền kỹ-nghệ trong nước, và lần-lần trả xong các số nợ.

Nhờ thế mà các nhà Tư-bản ngoại-quốc không đặt tay được

vào nền kinh-tế Nhật và chánh-phủ nắm hết được các xí-nghiệp to-tát trong tay.

4.— «VỚI CÁC HIỆP-ƯỚC BẤT BÌNH ĐẲNG».— *Cùng với cuộc cách-mạng xã-hội chính-trị và kinh-tế, người Nhật còn khôn-khéo tìm cách bãi bỏ những hiệp-ước đã ký kết với ngoại-quốc. Vấn-đề danh-dự và vấn-đề quốc-gia đi đôi. Bao nhiêu câu chuyện xảy ra làm cho tinh thần quốc-gia nổi lên trong nước : hiện-trạng thấp hèn của người Nhật đối với ngoại quốc, do các hiệp-ước đã ký-kết, buộc nhà cầm quyền Nhật lúc nào cũng nghĩ đến việc đặt quốc-gia trên nền tảng bình-đẳng đối với các cường quốc. Năm 1897, một chiếc tàu Đức không đếm xỉa gì đến lịnh của nhà cầm quyền Nhật, bị buộc không cho hành khách đổ bộ, nhưng người Nhật không thể truy tố viên cai tàu trên tòa-án Nhật về tội trái lịnh của nhà cầm quyền được. Lòng phẫn-uất của Nhật còn thêm khi tòa-án lãnh-sự tha một kiều dân Anh mà người Nhật biết chắc là đã phạm tội mua bán Nha-phiến lậu trong xứ.*

Theo các hiệp-ước đã ký-kết từ năm 1872 trở về sau, người Nhật có thể xin sửa đổi các điều-khoản lại được. Vì vậy mà nhà cầm quyền Nhật chú trọng vào đó để cố tìm phương-thế sửa đổi các hiệp-ước, vì luật-lệ ban hành ở Nhật khác hẳn luật-lệ của Tây-âu. Sự thực là các cường-quốc không bao giờ chịu bỏ một cách dễ dàng những quyền lợi mà họ đã đoạt được. Vì thế nên nhiều cuộc hội-đàm giữa người Nhật và các cường-quốc chỉ kéo dài, không đem lại kết-quả nào cả. Kế Nhật thay đổi chánh-thể.

Năm 1880, chánh-phủ Nhật ban hành bộ hình-luật và bộ hình-sự tố-tụng-pháp do nhà luật-học Pháp Boissade khảo-cứu.

Đồng-thời chánh-phủ vận-động ráo-riết để thay đổi các hiệp-ước. Cuộc thảo luận rất gay go, nhiều Nội-các phải từ chức chỉ vì nhượng bộ các nước. Năm 1890, nhà cầm quyền liên-tiếp ban-hành mấy bộ luật về quyền sở-hữu, nhân-pháp và thương-mại, cả thảy đều theo kiểu-mẫu Tây-âu.

Cách-mạng xã-hội, chánh-trị, kinh-tế làm cho nước Nhật trở nên một nước mới, khác hẳn nước Nhật năm mươi năm về trước.

Cuộc duy-tân thành công, nước Anh mới bắt đầu nới rộng những giây trói buộc Nhật, một phần cũng do tình hình chánh-trị ở Âu-châu và sự gay cấn giữa Anh và Nga về vấn-đề Ba-nhĩ-cán cùng ở Tây-Á. Anh ký với Nhật ngày 16 tháng bảy năm 1894 một hiệp-ước dự-định bỏ quyền lãnh-sự tài phán sau thời-hạn 5 năm và qui-định các thứ thuế hàng-hóa từ 10 đến 15 phần trăm, bắt đầu từ năm 1899. Nhật phải hứa cho kiều-dân Anh quyền lưu-trú và thương-mãi. Lần lần chánh-phủ Nhật ký được với các nước khác nhiều hiệp-ước tương-tự: Ngày 1 tháng mười hai năm 1894 ký với Hiệp-chủng-quốc, ngày 4 tháng tư năm 1895 ký với Đức, ngày 8 tháng sáu năm 1895 với Nga, và sau rốt ký với Pháp ngày 4 tháng tám năm 1896. Mãi đến năm 1911, Nhật mới được hoàn toàn tự-do về việc đánh thuế hàng hóa nhập-cảng.

Nhờ thâu hồi được tất cả quyền lợi kinh-tế, nước Nhật đứng ngang hàng với các cường-quốc, được dự các việc ngoại-giao quốc-tế một cách thực-sự và cùng với các đế-quốc chia-xẻ Đông-Á...»

Nhìn vào Hiến-pháp 1889 của Nhật và xét ý-kiến của Y- Đằng Bác-Văn, tác-giả của Hiến-pháp này, quả Hiến-pháp 1889 còn rất nhẹ về tinh-thần dân chủ. Nhìn vào liên-hệ giữa các Bộ-trưởng với quốc dân, quốc dân và Thiên-hoàng, lại cả thẩm-quyền của Hội-nghị trước Thiên-hoàng ta thấy chế-độ chánh-trị của nước Mặt Trời mọc *chưa tới mức của một chế-độ đại-nghị. Sự-kiện này đã do nhiều lẽ đặc-biệt: một là các dân tộc Á-Đông cuối thế-kỷ XIX còn bị thề chế phong-kiến đè nặng chưa ý-thức rộng rãi về dân chủ mặc dầu những cuộc cách-mạng dân chủ, dân quyền bên Tây-Âu đã phát-triển mạnh và đang có ít nhiều vang bóng qua Á-châu. Bề khác dân Nhật còn ấu-trĩ về chánh-trị cũng chưa có thể nắm ngay nhiều quyền-hành trong một giai-đoạn lịch-sử đang rất đặc-biệt, huống hồ dòng họ của Thiên-hoàng cho tới thời Minh-Trị là thời Liệt-cường bước chân vào đất Phù-Tang vẫn được nhiều sự chìu-mến của dân chúng. Lịch-sử phong-kiến Phù-tang chưa hề tố cáo những gì tham tàn, ích kỷ về phía nhà vua, âu đấy cũng là một lý-do khiến người dân Nhật không đòi hay không nghĩ tới việc tranh đấu với nhà vua mà đến nay họ còn coi là dòng-dõi của Thần-minh (Thái-dương thần-nữ). Với các ông chúa, dĩ-nhiên là trái lại. Ngay vừa đây (1945) các cường-quốc chiến thắng Nhật sau Thế-chiến đệ-nhị muốn «* hạ bệ *» Thiên-hoàng*

bằng những phát đại bác dân chủ mà uy-thế cho Thiên-hoàng vẫn vững vàng như bàn thạch. Con trai Nhật-hoàng cách đây ba năm đã lấy một cô gái bình dân làm vợ lại càng thêm uy-thế cho hoàng-gia khiến người dân Nhật không thể coi hoàng-gia là đối-tượng tranh đấu của họ tuy một hai đảng chánh-trị muốn tiêu-diệt hoàng-gia mà ai cũng phải nhận là một lực-lượng tinh thần đáng kể trên đất Nhật ngày nay.

Sự-trạng này đã đập tan khối đối-lập với chủ-trương trao trả hết quyền hành cho nhà vua về phía hàng trăm ông chúa còn nặng đầu óc lợi nhà trên ích-nước. Nhờ có thế nước Nhật mới mau ra khỏi cái ngỏ bí và đã đối phó nổi với Thực-dân, Đế-quốc. Có nhìn vào điểm này mới biết chính dân Nhật đã làm lấy lịch-sử của họ. Chính họ rõ-rệt là sức mạnh duy-nhất để bảo vệ đất nước và hướng-dẫn chánh tình của nước họ.

Tóm lại một nước nhiều chúa như Nhật-Bản, tưởng trong tình thế này sẽ vô cùng chia rẽ, tan nát ; nếu nhà vua không được dân chúng ủng-hộ mà đột-nhiên giành được ưu-thế tuyệt-đối trên sân khấu chánh-trị Đông-kinh chẳng là một sự kỳ-dị lắm sao ?

Trái lại ở nước ta giai-cấp phong-kiến cấu-kết chặt chẽ. không có vấn đề giành nhau quyền lợi tại nội-bộ như Nhật-bản thuở đó mà không giải quyết nổi vấn đề xâm-lăng. Là vì sao ? Theo chúng tôi phong-kiến nhà Nguyễn đã thất nhân tâm (nên Nguyễn tri-Phương trước khi lên đường vào tiếp cứu Gia-định bị quân đội của Rigault de Genouil , đánh chiếm năm 1860 đã khuyến cáo Tự-Đức phải áp-dụng chánh sách an-ủi xứ Bắc-Kỳ) nên không còn lực-lượng căn-bản để chống ngoại-địch. Ta lại còn có thể nói rằng trong-đoạn này do hàng trăm cuộc nổi dậy bùng nổ từ Quảng-Nam ra Bắc-kỳ, xã-hội Việt-Nam đang đi tới chỗ phân hóa và chuyển-hóa. Chính nhờ có sự hiện-diện của quân xâm-lăng phong-kiến nhà Nguyễn mới tồn tại thêm được ít lâu nữa. Nói cách khác Phong-kiến nhà Nguyễn đáng lẽ phải cáo chung sớm hơn do sự mâu-thuẫn giữa nhân dân với các nhà cầm-quyền những vì cần chống xâm-lăng, dân đã hòa-hoãn với phong-kiến, nhưng ta cũng không thể quên rằng một chánh-sách vì dân thương dân, gần dân đã thiếu sót ngay từ đời Gia-long, rồi chánh sự cứ mỗi ngày một suy bại nên xã-hội Việt-Nam rã-rời như cơm nguội, cát khô dần dần tiêu mòn hết sinh-lực còn cầm cự sao nổi trước cao trào Thực-dân, Đế quốc!

Vua Tự-Đức một hiếu-tử

Vua Tự-Đức là một ông vua triều Nguyễn nổi danh ở hai điểm : 1) Vua là một người hay chữ nhất so với các vua trước và sau của dòng họ Nguyễn. Thú vui mạnh nhất của nhà vua là làm thơ nên trong thời của ngài Nho-học rất thịnh và triều đình của ngài đã nhiều khi biến thành một thi-đàn, đáng lẽ nơi này phải là một nơi hội-trường nghiên cứu ráo riết về chính-trị, quân-sự, kinh-tế hầu kịp thời đối phó với xâm-lăng Tây-phương.

2) Vua là một người con rất có hiếu.

Tổng-đốc Thân-trọng-Huề đã tả hình dáng người như sau : « Ngài hình dung như một nho-sĩ, không cao không thấp, trạc người bực trung, không gầy không béo, có phần hơi gầy một chút thì đúng hơn, da không trắng không đen, mặt hơi dài, cằm hơi nhỏ, trán rộng mà thẳng, mũi cao mà tròn, hai con mắt tinh mà lành. Ngài hay chít cái khăn vàng nhỏ, và mặc áo vàng, khi ngài có tuổi thì hay mặc quần vàng đi giầy hàng vàng của nội-vụ đóng. Ngài không ưa trang sức mà cũng không cho các bà nội-cung đeo đồ nữ-trang, chỉ cốt lấy sự ăn mặc sạch sẽ làm đẹp. Tính ngài thật là hiền lành. Những người được hầu gần kể rằng : Một hôm ngài ngự triều tại điện Văn-Minh ngài cầm cái hoa mai sắp hút thuốc, tên thái-giám đứng quạt hầu vô ý quạt mạnh, lửa hoa-mai bay vào tay ngài. Tên thái-giám sợ xanh mặt lại mà ngài chỉ xoa tay chớ không nói gì cả.

Ngài thờ đức Từ-Dụ rất có hiếu. Lệ thường cứ ngày chẵn thì chầu cung, ngày lẻ thì ngự triều : trong một tháng chầu cung 15 lần (1), ngự triều 15 lần trừ khi đi vắng và se yếu. Trong ba mươi lăm năm trường vẫn như thế không sai chút nào.

« Khi ngài chầu cung thì ngài tâu chuyện này chuyện kia, việc nước, việc nhà, việc xưa, việc nay. Đức Từ-Dụ thuộc sử sách đã nhiều mà biết việc cũng rộng. Khi đức Từ-Dụ ban câu chỉ thì ngài biên ngay vào một quyển giấy gọi là Từ-huấn-lục.

Một hôm rảnh việc nước, ngài ngự bắn tại rừng Thuận-trực gặp phải khi nước lụt, còn hai ngày nữa thì có kị đức Hiếu-Tổ mà ngài chưa ngự về ; Đức Từ-Dụ nóng ruột sai quan đại-thần là Nguyễn-

(1) Chầu cung tức là chầu thái-hậu Từ-Dụ.

trí Phương đi trước. Nguyễn-trí-Phương đi được nửa đường vừa gặp thuyền ngự đang chèo lên mà nước thì chảy mạnh ; thuyền không đi mau được. Gần tối thuyền ngự mới tới bến. Khi ấy trời đang mưa ngài vội vàng lên kiệu trần đi thẳng sang cung lạy xin chịu tội. Đức Từ-Dụ ngồi xoay mặt vào màn chẳng nói chẳng rằng chi cả. Ngài lấy một cái roi mây, dâng lên để trên ghế trát kỉ, rồi ngài nằm xuống xin chịu đòn. Cách một hồi lâu đức Từ-Dụ xoay mặt ra, lấy tay hất cái roi mà rằng :

« Thôi tha cho ! Để cho quan quân cực khổ thì phải ban thưởng cho người ta rồi sớm đi hầu kỉ ».

Ngài lạy tạ lui về, nội đêm đó ngài liền phê thưởng cho các quan quân đi hầu ngự. Quan thì mỗi người được một đồng tiền bạc, lớn nhỏ tùy theo phẩm trật, còn lính thì mỗi tên được một quan tiền kẽm. Đến sáng ngài ra ngự điện Long-An lạy kỉ. Xem cách ngài thờ mẹ như thế từ xưa đến nay ít có.

(Bài này trích ở trong Việt-Nam Sử-lược trang 471-72)

Một buổi chầu vua dưới đời Tự-đức

Vua Tự Đức có tính siêng năng, cần-mẫn. Nhà vua thường dạy rất sớm để ra thị-triều. Các quan vào triều giữa lúc còn tối trời, thường phải thắp đèn mà đi sau khi đã dùng cháo điểm tâm. Giờ họp vào khoảng 6 giờ.

Vua ngự ở điện Văn-minh ở bên tả điện Cần-Chánh. Các quan đến sớm thì ngồi chực ở hai bên Tả-vu và Hữu-du. Tả-vu là dãy nhà chạy dọc bên tả, Hữu-vu ở bên hữu. Quan văn ngồi bên Tả-vu, quan võ ngồi Hữu-vu. Kiến trúc cung điện của nhà vua ngày nay còn di tích ở kinh thành Huế là những ngôi nhà ngói rộng 5 gian như các ngôi đình cổ nền cao khoảng một thước xây gạch và lợp ngói bên trong các cột lớn cao và được đánh bóng. Các cửa và các đầu sớ được chạm trổ rồng phượng rất tinh vi và sơn son thiếp vàng. Mái đền cong về phía góc cũng đắp lưỡng long chầu nguyệt rất linh-hoạt. Hai bên đầu hồi là những miếng đất nhỏ trồng cây có trái xum-xuê (cây doi). Đằng trước thềm bước xuống nhiều bậc đá sân chầu, một cái sân lớn dài rộng khoảng năm sáu chục thước tây lát gạch đỏ chia làm hai bên để văn võ bá quan quỳ nhìn vào trong điện. Có những tấm gỗ sơn

ghi cấp bực các quan sắp thành hàng kề từ tứ trụ đại thần trở xuống để trước mặt mỗi vị.

Vua ra ngự. Quan Thái-giám lên tiếng triệu các quan vào chầu. Các quan đều mặt áo thụng xanh, ngực đeo thẻ bạt. Quan văn bên hữu, quan võ bên tả. Bộ nào có việc gì tâu lên thì đến chỗ tấu sự quỳ đọc bài điện-tấu gần chỗ ngự-tọa. Bên cạnh quan tấu sự có một ông quan Nội-các và một quan Ngự-sử. Vua nghe xong liền hạ lời phê phán. Quan Nội-các chép lời vua để cho thi-hành. Quan Ngự-sử nếu thấy điều gì phạm pháp hay vô lý thì lên tiếng ngay sau có việc tấu-sự hoặc tự mình nêu lên vấn-đề.

Khi có một vài ông quan mới được bổ nhậm hay thăng thuyên thì Quan bộ lại hay quan Binh lại tâu vua cho vào bái-mạng. Các ông này phải chực ở ngoài đợi quan bộ Binh gọi mới được vào. Lúc bái mạng (lạy vua để tạ ơn) các quan phải mặc đại-trào tức là mặc y phục đại-lễ. Xong việc bái-mạng có tánh cách đặc-biệt mới đến các việc tấu-sự thường nhật.

Vua Dực-Tông rất chăm việc. Có khi chín mười giờ sáng ngài mới xét xong mọi việc để ngự vào Nội. Nơi làm việc riêng của vua là chái Đông điện Cần-Chánh. Chái này lát ván đánh bóng có cửa kính. Tại đây người ta kê chiếc sập trải chiếu cạp vàng trên có để cái bàn con chân quì và nghiên bút. Bên cạnh nhà vua có cái gối dựa để vua tựa trong khi xem sớ tấu hay văn án. Cách một khoảng có cái đầu hồ với thẻ. Ngài làm việc mỏi thì đứng dạy để đi tản bộ. Hầu quanh nhà vua có vài thị-nữ mài son, thắp thuốc hay truyền việc. Thường các giấy tờ của các nơi gởi đến thì nơi tập trung là Nội-Các không hơn không kém là văn phòng của nhà vua. Nội-Các xếp vào tráp trao hàng ngày cho Nội-Giám. Nội-giám chuyền đến nữ-quan để dâng lên vua. Vua xem xong có châu điểm, châu phê rồi trao trả cho Nội-Các. Nội-Các giữ lấy bản chính rồi phó bản cho các Nha. Người ta thấy lời phê của vua Tự-Đức rất rộng rãi có khi lời của ngài nhiều hơn à tấu của các cơ-quan. Đ ều này tỏ nhà vua rất thuộc việc và xét việc rất tỉ-mỉ cùng cho chỉ-thị rất kỹ càng. Ngoài ý kiến rất phong phú, lời văn lại trải-chuốt. chữ viết rất tốt.; ai được coi bản châu phê đều phải kính-phục. duy có một điều người ta cho là đại bất hạnh đối với ngài cũng như đối với đất

nước, đó là ông vua thi-sĩ này sinh chẳng phùng thời : đáng lẽ ngoài phải có mặt vào một đời thái-bình thịnh-trị như đời Hồng Đức thì cái tài văn-chương uẩn-xúc có lẽ ích lợi nhiều, trái lại ngài đã trị vì trong một giai-đoạn quốc-gia đa nạn, cái sở-trường văn tự ấy trái lại chỉ gây thêm cho ngài nhiều sở-đoản không khỏi tai hại cho xứ-sở. Đến cả tấm lòng hiếu của ngài vốn là điều đáng khen nhưng tình nhà là chuyện nhỏ, mà nghĩa nước là việc lớn do đó khi Lục tỉnh Nam-kỳ lâm vào khói lửa, văn thư ngoài biên cáo cấp ầm-ĩ, ngài đã phê vào sớ tấu : « Sáng đòi đánh, chiều đòi đánh, các người muốn mẹ con ta đi đâu bây giờ ? ». *Thấy rõ tinh thần của đấng tối cao trước thời cuộc như thế, sau này mỗi khi bàn đến* « Hòa » *hay* « Chiến » *các triều thần chỉ còn biết trình lên :* « Sự-thế là như vậy xin tùy thánh ý quyết định ». . .

Pháp đánh Vũng-Tàu và cửa Cần-Giờ thế nào ?

(Bài dưới đây trích trong Nam-Bộ chiến sử *trang 64-71 của Nguyễn-bảo-Hóa tả cuộc đánh phá đầu tiên của thủy-quân Pháp trên đất Nam-Kỳ rất là linh-động. Tác-giả giới-thiệu bài này với bạn đọc trong khi lần mở trang vong-quốc sử Việt-Nam để cùng cười và cùng khóc trước cuộc thảm-bại của ông cha chúng ta trước đây).*

Ngày 10-2-1859 là năm Tự-Đức 12. Lần thứ nhất một đoàn chiến thuyền Tây-Phương hiện ở ngoài khơi Vũng-Tàu.

Đoàn tàu chuyền máy, mở tốc-độ tiến vào cửa bể, uy hiếp những dẫy pháo-đài trên mấy hòn núi về phía Cần-Giờ.

Mấy trăm thuyền-chiến Việt-Nam kéo dài trên mặt nước như phô trương sức mạnh. Cờ Việt-Nam bay phất-phới.

Ngồi trên pháo-đài, Thống-chế Trần-Đồng, Tổng chỉ-huy binh đội Việt-Nam đặt viễn-kính thấy đoàn tàu lạ-kéo cờ Tây-Phương từ ngoài khơi kéo vào liền ra lệnh cho các chiến-sĩ thủy bộ chuẩn-bị vì trận đánh chiếm cửa bể Đà-Nẵng của Pháp, tướng-sĩ Việt-Nam đều hay cả.

10 giờ sáng chiến-thuyền Pháp đã lọt vô trong cửa Vũng-Tàu và bắt đầu đánh phá đồn lũy phòng-thủ của ta.

Thuyền chiến Việt-Nam chở đầy quân sĩ đổ ra công-kích đoàn

tàu địch. Súng ống của Việt-quân rất yếu và chậm, cả đến đại-bác trên các hải-đài đều tỏ ra bất-lực, không hủy-hoại được chiếc tàu nào của giặc. Trái lại chiến thuyền của ta lần lượt bị bắn chìm, quân sĩ ngã xuống bể chết, ôi vô kể. Trái phá do đại bác của tàu nghịch tung ra ầm ầm, khói lửa bao trùm cả mặt nước. Hàng pháo đài Việt-Nam dựng dài trên mé núi phòng thủ cửa bể dần bị trúng trái phá nghịch đổ vỡ ngã nghiêng, quân sĩ cố thủ pháo đài bị đạn chết nằm ngổn ngang. Lực-lượng của Việt-Nam từ dưới bể đến trên bờ lần lượt bị tan vỡ hết.

Súng đồng, trái phá nghịch xét ra có sức phá hoại rất mạnh, không đầy một ngày thế bại đã rõ rệt về phía quân đội Việt-Nam.

Phút cuối cùng Thống-chế Trần-Đồng tử trận nốt. Mất người chỉ-huy, sức kháng-chiến của Việt-Nam mất hẳn. Thế là sau mấy tiếng đồng hồ quân Pháp đánh tan đại-đội và hủy diệt hoàn toàn công cuộc phòng thủ của ta : dưới bể không còn chiến thuyền nào của quân Việt, trên bờ đoàn quân còn sót lại cũng rút lui cả vào núi.

Chiều ngày 10-2-1859 quân Pháp thắng trận trên toàn-diện cửa bể Vũng-Tàu, chiến-thuyền của Liên-quân Pháp-Tây từ Âu-Châu sang để đánh phá Đà-Nẵng đều dự vào trận đánh này. trong đó có hai chiếc hải-phòng-hạm « Le Phlégéton » *và* « Le Primauguet » *ba chiếc pháo thuyền «L'Avalance »* «La Dragonne *và* l'Alarme» *một chiếc tuần-dương-hạm Tây-ban-Nha* «El. Cano» *ba chiếc vận tải* La Saône, La Meurte *và* La Durance ». *Ngoài ra còn bốn chiếc thương thuyền chở đồ tiếp-tế.*

Chiến thuyền Pháp tính vừa lớn vừa nhỏ là mười bốn chiếc. Một phần lớn đã dự vào cuộc tấn công hải-cảng Đà-Nẵng hồi tháng 8 năm 1858.

Ngày sau tức là 11-2-1859 quân Pháp bắt đầu tiến vào nội-địa Việt-Nam, Họ phải vượt con sông Đồng-Nai và trước khi vào sông Đồng-Nai phải qua cửa bể Cần-Giờ.

Ở đây nhiều dãy pháo-đài án-ngữ ven mặt bể từ Vũng-Tàu trở vào. Việt-quân có mấy ngàn người đang phòng thủ. Muốn vào sông Đồng-Nai, Pháp phải hạ bức rào pháo-đài ấy. Rigault de Genouilly đã dò biết trước. Trên tàu chiến Pháp lại có vài người Việt-

Nam (1) thuộc đường xá làm hướng-đạo nên mỗi chặng có bao nhiêu đồn lũy, Genouilly đã ghi chú hết vào bản-đồ.

Biết rõ vậy, ngày 11-2 súng đồng của Pháp hoạt-động dữ-dội tại cửa Cần-Giờ mấy tiếng liền nhất là đạn trái phá dưới chiến hạm chỉ huy của Genouilly xả lên không ngớt.

Sau bốn tiếng giao chiến, ta lại đại-bại, Pháo-đài sụp đổ tan-tành binh-sĩ tử-trận có cả ngàn người, doanh-trại bị trúng đạn phát hỏa ngùn ngụt. Viên chỉ-huy chết giữa ba quân, đội chiến thuyền trừ-bị cũng chìm gần hết. Quân Pháp không thèm đổ-bộ, họ ngừng lại dò xét tình hình. Thế là chỉ trong có hai ngày công cuộc phòng-thủ của Việt-quân từ Vũng-Tàu qua Cần-Giờ tan ra mây khói. Thật không còn gì thảm bại, nhục-nhã bằng!

Rồi ngày 13-2 đoàn chiến-hạm lại chạy theo các lạch sông hiên ngang tiến vào nội-địa, đi tới đâu thì đồn lũy của ta rơi rụng đến đó, các đồn Bến-Tranh, Ông-nghĩa, Chà-Là, An-thịt, Xóm-Rãy rồi Tam-Kỳ.

Ngày 15-2 hải-quân Pháp đã có mặt ở Nhà Bè. Thuyền chiến của Việt-Nam đã được tin nên tập-trung đại-đội ở đây để nghênh chiến Tiếng súng lại nổ, phần bại-trận tất nhiên lại về phía Việt-quân Lúc này Thừa-Sai Lefèbvre bị truy nã trốn được lên tàu Pháp báo cáo hết thảy đường lối đồn trại của Việt-Nam và tình nguyện làm hướng đạo. Ngày 16-2 ông dẫn chiến-thuyền Pháp hùng hổ tiến lên Tân thuận-Đông vào sông Saigon.

---

(1) Mấy kẻ nầy là người quê quán ở Đà-Nẵng

PHẦN THỨ HAI

Cuộc chống xâm lăng Tây-phương giữa thế-kỷ XIX của ông cha chúng ta là một dũng-cảm phi-thường, là một hy-sinh tuyệt đối. Trong cuộc chiến-đấu này, các tiền-bối của chúng ta không phải là không rõ địch mạnh ta yếu, nhưng vẫn phải chiến đấu : chiến đấu để giữ lấy cái hào-khí dân tộc. Cái hào-khí này còn thì nước còn, nó mất thì nước mất, muôn năm sẽ không ngóc đầu nổi.

Lý-thường-Kiệt phá tan mộng xâm-lăng của nhà Tống, Trần-quốc-Tuấn ba phen đuổi Nguyên, Nguyễn-Huệ diệt Thanh phải đâu không biết mình, biết người, tính bề hơn thiệt. Rồi do tài điều khiển và tổ-chức chiến-tranh, do nghị-lực cương-cường như sắt đá, quân dân trở thành một khối vững chắc như Thái-sơn, bàn thạch, ta thắng địch ngay tại lòng ta.

Đời nguyễn bại trận, mất nước là bởi triều đình không động-viên và khai thác được mọi khả-năng của dân-tộc, chánh sách yên dân hưng quốc không có, giai-cấp lãnh đạo khiếp-nhược, cầu an khiến lòng dân vì thế mà khảng-tảng, thiếu tin-tưởng. Nguyên-nhân vong-quốc và táng-quốc còn phải tìm đâu xa nữa !

PHẠM - VĂN - SƠN

CHƯƠNG I

PHÁP ĐÁNH CHIẾM BA TỈNH MIỀN ĐÔNG NAM-KỲ

Thành Kỳ-hòa thất-thủ Tháng 9 năm Canh-Thân (25-10-1860), chiến-cuộc giữa nhà Thanh và Anh-Pháp chấm dứt, đôi bên ký xong hòa-ước thì Chính-phủ Pháp hạ lệnh cho Trung-tướng Charner lui quân về Việt-Nam để đánh lấy Nam-kỳ.

Lúc này Pháp-đình đang lạc-quan về những thắng-lợi ở Trung-quốc lại hay tin đã chiếm được Gia-định nên Pháp-hoàng Nã-phá-Luân đệ tam chuẩn y ngay việc phái quân tiếp-viện qua Việt-Nam. Bấy giờ phụ-tá cho Thủy-sư Đô-đốc Charner có đô-đốc Vassoigne thống-lĩnh binh-bộ và Đô-đốc Laflonde Ladebat giữ chức Tham-mưu-trưởng.

Lực-lượng của Charner lúc này có 70 chiến thuyền kể cả tàu vận tải, một đạo quân 3 500 người (của tướng Vassoigne) gồm có 17 đại-đội thủy-quân lục-chiến, 2 tiểu-đoàn khinh-binh, một tiểu-đoàn 101 xung-phong, 4 đại-đội lính Tàu và Việt-Nam mộ ở Quảng-đông và Đà-Nẵng, (600 lao công) 12 đại-đội thủy-quân, (900 người) một đại-đội pháo-binh, nửa đại-đội trọng-pháo và một số lính da đen (Phi-châu) Kéo đến Gia-Định vào 7-2-1861. Sau 20 ngày nghỉ ngơi và sắp đặt doanh-trại, các cơ-cấu phòng-thủ, Charner nghiên-cứu kế-hoạch đánh chiếm lấy đồn Kỳ-hòa. Xin nhắc lại hồi tháng 7 năm trước (Canh-Thân 1860) Nguyễn tri-Phương và Phạm thế-Hiển đã được lệnh triều-đình Huế vào Gia-định đánh lấy lại thành này đang bị quân Pháp nắm giữ (1). Sở-dĩ Nguyễn tri-Phương và Phạm thế-Hiển phải vào Nam

---

(1) Nguyễn-tri-Phương trước khi đi có đề nghị cho Phan-thanh-Giản và Nguyễn-bá-Nghi ở lại giữ mặt trận Quảng-Nam, nơi đây đáng kể là cổng ngõ của Huế.

là bởi Tôn-thất-Cáp, Thống đốc quân-vụ ở đây bất-lực chỉ muốn hòa với Pháp. Thấy quân-lực của mình dường như bất động, Tự-Đức phái Tham-biện Các-vụ Huỳnh-văn-Tuyên vào điều-tra tình-hình quân dân ta và đối-phương. Trở về, Tuyên tâu Cáp có tinh thần khiếp nhược, trước sau chỉ muốn hòa, không lập được công-trạng gì hết. Tự-Đức liền giáng Tôn-thất-Cáp xuống Thị-Lang, Tán-lý Nguyễn-Duy xuống Lang-Trung nhưng vẫn phải ở lại Gia-định để chiến-đấu.

Tại đây Nguyễn tri-Phương cho đặt công-sự dài 12.000 thước để bảo-vệ đồn Kỳ-hòa (tức Chí-hòa ngày nay) rất đúng qui-thức. Quân ta và quân của Đại-tá d'Ariès đánh nhau vài trận. Đôi bên cùng bị thiệt hại ; trong tháng 9, địch tiến đánh đồn Phú-quốc bị ta đẩy lui, tháng 11, địch đánh đồn Kỳ-hòa bị chết 132 người do ta bắn lén và mai-phục giết được một số quân binh của họ.

Về chiến-cuộc ở đây *Việt-Nam sử-lược*, nói hai bên có đánh nhau hai ba trận và cùng bị thiệt hại. *Việt-Nam Pháp thuộc-sử* chép ta thắng trận nhưng xét ra Pháp có 800 quân, Nguyễn tri-Phương có 12.000 lính mà bị địch tấn-công nhiều lần thì có thể nghĩ rằng ta nhiều mà yếu, họ ít mà họ tấn công được ta tức là họ mạnh hơn ta rõ rệt. Những căn-cứ của ta đặt ở nhiều nơi rải-rác từ Chợ-lớn qua Gia-định bắt đầu từ đồn Cây-mai, Kiềng-phước, Ô-ma (Camp des mares) chùa Barbet kết thành một phòng-tuyến chạy vòng lại Kỳ-hòa. Pháp để một số quân ở lại giữ trại (Đồn phía Nam) có 200 lính còn bao nhiêu đều dồn hết vào việc xung-kích đồn trại của Việt-quân. Quân đơn tướng ít như vậy mà họ giữ Saigon được gần một năm trường. Người ta kể rằng đêm mồng ba rạng mồng 4 tháng 7, 1860 ta tấn-công Pháp ở đình Tân-kiềng đã bị đại-úy Hernandez và một ít lính Phi-châu đẩy lui rất là oanh liệt. Nhưng bên trong Pháp vẫn nao-núng vì nỗi quân quá ít ỏi và cũng do tình-trạng này ta đã thấy Pháp phải hủy thành Gia-định và cố-thủ ở Đồn phía Nam Gia-định (Fort du Sud) rồi thỉnh-thoảng lại phóng ra một cuộc tấn-công để tỏ ra rằng mình vẫn hùng như thường. Đây là một chiến-lược đáng khen vì hành quân thì cần phải sử-dụng cách áp-đảo tinh-thần của đối-thủ... Không thấy sách nào nói họ xin quân tiếp-viện về Pháp cả, như vậy họ là những kẻ can-đảm và rất thành-thạo về chiến-thuật, chiến-lược.

Về sự tổn-thất của Pháp theo P. Cultru, binh sĩ thiệt mạng độ

300 người và quân Việt đã do sông ngòi và đồng-bãi rút mau lẹ về Biên-hòa tránh được trọng-pháo của địch truy-kích tới Trảng-Bàng. Pháo-thuyền *La Dragonne* của Pháp cũng theo đuổi ta tới Tây-Ninh.

Lúc này quân ta rút về Cây-mai, Kiềng-phước, dưới quyền chỉ-huy của Tôn-thất Hiệp và Phạm thế-Hiển. Triều-đình Huế thấy chiến-sự Nam-kỳ có vẻ nghiêm-trọng liền cử Nguyễn tri-Phương vào Nam với chức Kinh-lược đại-thần để điều khiển mọi việc.

Tới nơi, Nguyễn tri-Phương thấy Cây-mai và Kiềng-phước vừa thất-thủ liền truyền lịnh bắt đóng gông hai tướng bại trận và gấp rút bố-phòng quân-sự để ngăn địch. Tổng-hành-dinh Việt-Nam bấy giờ đặt tại đồn Kỳ-hòa tức Chí-hòa. Quân Pháp liền bố-trí trọng-pháo nhắm vào yếu-điểm này. Thiếu tá Purville và Đại-úy Crouzat được cử tới đây thám thính...

Tướng Charner về đến Saigon lúc này có thể nói là gần như làm một việc giải-cứu bọn d'Ariès ở đây tuy họ vẫn giữ được đồn, được vị-trí nhưng nếu Việt-quân thiện-chiến thì tình-thế của họ vẫn đáng lo ngại. Và Pháp-đình không cho viện-quân tới Saigon trong khoảng thời gian Charner qua Trung-quốc hẳn là bởi cánh quân Pháp ở Sài-Côn xét có thể tự-túc được. Lúc này chánh-phủ Pháp cho Charner quyền quyết định hòa hay chiến với triều đình Huế. Chỉ-thị của Bộ-trưởng thuộc-địa, Hầu-tước Chasseloup Laubat trao cho Charner là củng-cố uy-quyền của Pháp ở Sài-gòn *để có chỗ định-cư và phát-triển thương-mãi.*

Ngày 14-2-1861, Pháp tấn công Kỳ-hòa, dự vào trận này có hai cơ lính tập người Công-giáo. Trời vừa sáng, súng đồng 12 livres đã bắn ầm-ầm dọn đường cho quân lính tiến lên. Họ đi rất chậm để xem bên ta động tĩnh thế nào. Từ đồn Cây-mai tiến lên Chí-hòa, họ phải vượt qua Đồng tập trận tức là vùng trường bắn và vùng trường đua Phú-thọ bây giờ. Trận-tuyến của ta chia làm hai khu : Đồn Hậu là trung-tâm-điểm chỉ-huy cuộc kháng-chiến có Nguyễn tri-Phương trấn đóng. Đồn Trung làm tiền-tuyến cho Đồn-hậu.

Pháp-quân chia làm nhiều đạo : một đạo bộ-binh do Allizé de Matignicourt cai quản, một đạo do Desvaux và Gallimard cầm đầu theo Charner và Vassoigne tiến về phía Đồng-tập-trận. Cuộc gặp gỡ đầu

tiên của đôi bên là Rừng chồi (*Vùng Hòa-Hưng ngày nay*). Hai bên xả súng bắn nhau rất kịch-liệt. Ta dựa vào cây cỏ um tùm nên có thế thuận lợi. Pháp phải dùng đến đại-bác mới đẩy lui được ta. Tới cánh rừng khác, Pháp lại gặp những chướng-ngại vật như trước, nghĩa là đoàn quân tiền phong của Pháp lại bị quân ta núp trong bụi rậm bắn chặn lại. Pháp phải xuất toàn-lực mới giải-tán được toán quân thứ hai của ta để dần dần tiến đến gần Đồn-Trung. Mặc dầu đạn ta bắn ra như mưa rào, Thiếu-tướng Jaurès cùng một đoàn quân Pháp vẫn xông lên. Trong trận này 300 Pháp-quân tử-trận, hai sĩ-quan là Testard và Jouhaneau Larègnère bỏ mạng. Lục-quân thiếu-tướng Vassoigne và Đại-tá Palanca bị thương; Pháp tổn-phí 204 trái phá và 36 thùng đạn.

Qua ngày hôm sau là ngày 25-2-1861 Pháp hạ xong Đồn-Trung rồi tấn công Đồn-hậu do ba mặt Đông, Tây, Nam trừ có mặt Bắc là lối lên Tân-sơn-Nhì, Gò-vấp. Vì quan-niệm trận này là trận quyết định tình thế của đôi bên để chiếm hẳn thủ-phủ miền Nam, Pháp dốc hết lực-lượng vào đây. Ngoài số binh-sĩ, Pháp còn lấy thêm rất nhiều súng đạn dưới hai tàu « *Rhin* » và « *Loire* » mới đủ dùng. Nhiều loạt đại-bác của Pháp khạc vào đồn Kỳ-hòa như sấm nổ vang, khói lửa bốc mù lên yểm-trợ đám quân tiền phong tiến lên hăm trận. Bộ-binh của Pháp lướt lên từng đợt như sóng cồn. Đứng trên vách lũy Đồn-Hậu, Kinh-lược họ Nguyễn hò hét ba quân. Bốn chiếc tàn vàng bay tung trước gió. Người chủ-súy cùng tướng-sĩ tuy biết không cản nổi kẻ thù nhưng vì danh-dự của Tổ-quốc vẫn chống đến phút cuối cùng. Nhiều lớp người đổ xuống, nhiều quãng thành bị đứt. Quân Pháp tràn vào như nước vỡ bờ, cứ nhằm chỗ bốn cái tàn bay mà khạc đạn. Trong nửa ngày ác-chiến, đồn thất-thủ. Nguyễn kinh lược cũng bị thương nơi bắp tay được mấy kẻ thủ-hạ vội đặt lên võng khiêng đi. Quân mất tướng như rắn mất đầu bỏ chạy hết (Theo sách « *Monographie de la province de Gia-Định*).

Cũng trong ngày ấy Tướng Page còn phá thêm được nhiều đồn lũy khác của ta trên sông Sài-gòn, Thị-nghè và Cầu-bông.

Vào đồn Kỳ-hòa Pháp đoạt được 500 cỗ súng đồng lớn, nhỏ, 2000 súng trường hiệu St Etieene và 2000 ký thuốc súng. Thêm vào đó, ta mất hai kiện tướng : Tán-lý Nguyễn Duy (em ruột Nguyễn tri-Phương) Tán-tương Tôn-thất-Chỉ và một số lớn quân-sĩ.

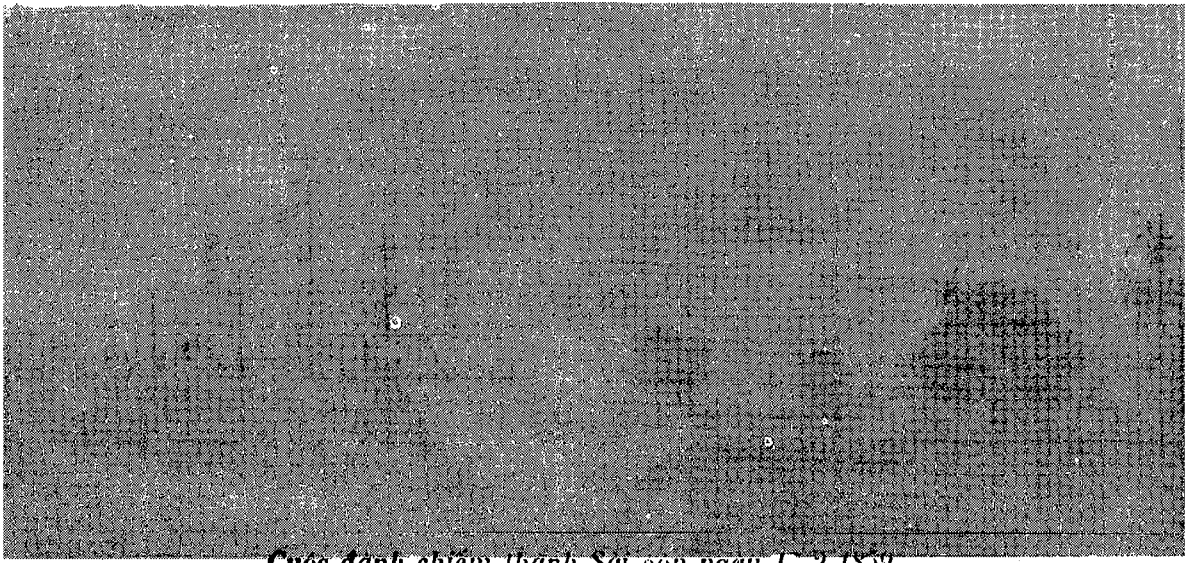

Cuộc đánh chiếm thành Sài-gòn ngày 17-2-1859

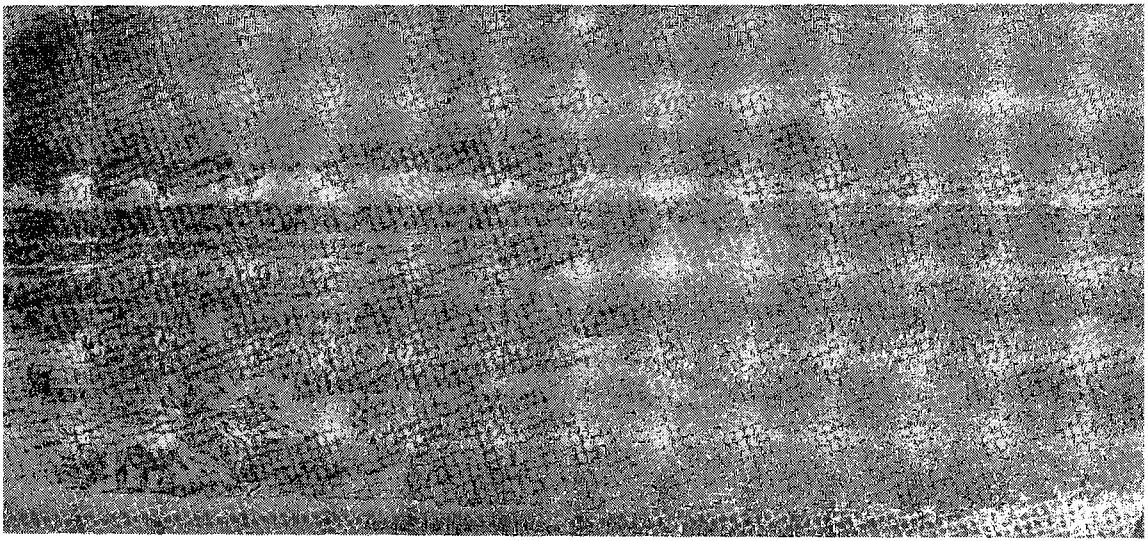

Cuộc đánh chiếm đồn Kỳ-hòa ngày 24-2-1861

Pháp đánh Gò-công năm 1861

Một vị quan lớn đời Nguyễn di-chuyển bằng võng

Jean Dupuis trong y-phục Tàu

Giám-mục Puginier

Đô-đốc Page

Đô-đốc Bonard

Xét ra trận này đáng kể là một cuộc giao-tranh rất quyết-liệt về phần ta cũng như về phần Pháp, do đó mà các tướng tá lớn nhỏ đều xuất trận cả và cùng bị thiệt hại. Hỏa lực của Liên-quân rất mạnh, tinh thần của họ hẳn cũng cao lắm vì họ vừa thắng trận ở bên Tàu về.

Giữ không nổi Sài-gòn, Nguyễn-tri-Phương Tôn-thất-Cáp và Phan thế-Hiền rút về thôn Tân-tạo, phủ Tân-bình. Ta lại bị quân Pháp đuổi đánh phải chạy về Biên-Hòa. Tham-tán Phan thế-Hiền về đến đây được mấy bữa thì chết. Biên-hòa lúc này là trung-tâm kháng chiến của ta do đó khi quân chủ-lực đến đây hạ trại thì các thứ-thần của Gia-định như Tuần-phủ Đỗ-Quang, Bố-chánh Đặng công-Nhượng, Án-sát Phạm-Ý bị Pháp truy-tầm ráo-riết phải lần theo đường thượng-đạo Tây-ninh vòng qua Biên-hòa để tiếp-tục chiến-đấu.

Cuộc bại trận của Nguyễn tri-Phương lúc này làm cho triều đình Huế như điên dại. Tự-Đức tức tốc phái Nguyễn bá-Nghi làm Khâm-sai đại-thần, Tôn-thất Đính làm Đề-đốc mang 4 000 lính vào Biên-hòa tiếp-viện và lập hội-đồng nghị tội những kẻ chiến bại để nghiêm quân-luật. Đồng thời có lệnh xuống cho các tướng địa-phương thu nhặt tàn-quân để bảo-vệ các tỉnh Vĩnh-Long, Định-tường, An-giang, Hà-tiên, Biên-hòa.

Đình nghị chiếu luật « *bất cố hủ* » giải chức Nguyễn tri-Phương, Phạm thế-Hiền, Tôn-thất Cáp và trảm giam-hậu các thuộc-quan dự vào chiến-cuộc và các tỉnh-thần cũng đều bị bãi chức nhưng Tự-Đức cho hưởng trường-hợp giảm-khinh là lấy công chuộc tội vì trước kia họ đã khó nhọc nhiều từ ngày quốc-biến. Rồi chỉ-thị giáng Nguyễn-tri-Phương xuống Tham-tri, Phạm thế-Hiền Lang-trung, Tôn-thất Cáp xuống Viên-ngoại và các liêu-thuộc cũng được ân-giảm theo.

Định-tường thất-thủ

Thắng xong tại Kỳ-Hòa, Pháp thấy cần đánh lấy Biên-hòa và Định-tường là hai tỉnh gần nhất để mở rộng khu-vực hành quân về phía Nam vì quân ta vẫn xuất phát ở hai tỉnh này, đánh phá lẻ tẻ và bố-trí ở nhiều điểm trên các sông Đồng-Nai, Soirap, Tiền-giang, Charner liền quyết định đánh Định-tường trước. Pháp lúc này chưa hiểu rõ địa-hình, địa-vật ở đây lắm. Họ phải xem xét những sông nhánh nối tiếp sông Sài-gòn với sông Cửu-long và các thủy-đạo từ Sài-gòn xuống Mỹ-tho cùng đường lối vào cửa Đại. Đô-Đốc thủy-sư Page chỉ-huy đoàn tàu từ sông Sài-gòn

ra Nhà-bè, ngược sông Đồng-nai lên phía Đồng-váng thuộc tỉnh Biên-hòa. Trung-tá *Bourdais* được lệnh cùng Lespès, Manon, Franquet, Rieunier dẫn các chiếc tàu *Nerzaranry*, *Monge*, *Impératrice Eugénie Mitraille*, *l'Alarme* chở ba đội quân Pháp và Tây-ban-Nha do rạch Bảo-định-Hạ (Arroyo de la poste) xuống, dẫn 3 pháo-hạm, ba đại đội bộ binh và một tiểu-đội lính Tây-ban-Nha tiến xuống Tân-An, Bến-Lức, vừa hành-quân vừa thăm dò tình hình. Bọn này đi từ mồng 1 tháng 4 năm 1861 đến 7-4 phá được hai căn-cứ của ta, hủy diệt được nhiều cảng và san bằng được 6 cái đồn theo dọc bờ sông. Ngày 11 tháng 4 vào buổi sáng Pháp đã đổ bộ về phía Tân-Lương (tàu đậu ở cửa Cù-ốc). Nơi này cách Định-tường vài cây số. Ở đây Việt quân có hai cái đồn, khi thấy cờ Pháp bay phấp-phới đàng xa quân ta bèn rút ra khỏi đồn cùng Pháp giao-chiến rất kịch liệt Pháp ở dưới nước, ta ở trên bờ. Bourdais bị chết do một phát đại-bác của ta bắn xuống chiến hạm số 18. Tuy mất tướng Pháp vẫn đổ bộ để lên đuổi theo quân ta. Đại-úy Quélis (1) lên thay quyền viên Trung-tá hải quân vừa vong mạng. Ngày 13-4 quân Pháp để một ít ở lại giữ tàu còn hết thảy đều tiến về Định-tường và ngày 13-4 mới ra khỏi Tân-lương và kéo đến trước thành Định-tường. Còn cách vài trăm thước họ đã thấy cờ Pháp bay trên mặt thành. Thì ra Đô-đốc Page đã dẫn các chiến-hạm *la Fusée*, *Lily*, *Sham-Rock*, và *la Dragonne* bí-mật vượt sông Cửu-Long ra bể để tiến vào Định-tường từ chiều ngày 11-4. Tướng giữ thành đây là Tổng-đốc Nguyễn-công-Nhân khi được tin Pháp dùng thủy-đạo tiến xuống Mỹ-Tho đã vội gửi giấy qua Vĩnh-Long xin tiếp-viện, bề khác viết thư cho Pháp rằng : « Các ông và các quan tỉnh Gia-định có sự bất hòa, đó là việc riêng giữa Gia-định với các ông. Còn Định-tường với Gia-định không có liên hệ gì với nhau, nay các ông đến đây là để thông hiếu hay gây sự ?... » Pháp chẳng trả lời rồi cho thêm 2 chiếc thuyền nữa đến đậu tại làng Trường-khánh. Buổi trưa hôm ấy quân ta rút ra khỏi thành, Pháp bắn luôn vào thành mấy ngày. Quân ta tan vỡ chạy đến giữ đồn Tịnh-giang, Hai đồn ở bên sông Tây-giang, cũng bị vỡ liên tiếp. Pháp-quân lại đến công-kích đồn Tịnh-giang và đồn Cai Lộc. Phó Đề-đốc Đặng-Đức chạy về trạm Định-Tân hợp với Nguyễn hữu-Thành, Trương-văn-Uyển (Tổng-đốc Vĩnh-Long), Nguyễn-văn-Quang (Án-sát), Tôn-thất-Thoan (Lãnh-binh)

(1) *Việt-Nam Pháp-thuộc sử* chép Trung-tá Devaux lên thay Bourdais

đem 1000 lính đến cứu. Nguyễn-công-Nhân. Pháp cũng đưa đến thêm 900 viện binh, 18 khẩu đại bác và 4 chiến hạm để tăng cường việc hãm thành. Ta dùng gỗ đá lấp sông để cản trở thủy-quân của địch, còn ở trên bờ ta chận đánh Pháp từng chặng nhưng việc chống trả rút cục vẫn thất bại. Địch vẫn bức được tỉnh-thành.

Viện-quân Vĩnh-Long đánh Pháp bên ngoài để yểm-trợ quân trong thành (quân ta trở lại giữ thành) do Nguyễn hữu-Thành và Đặng-Đức chỉ-huy. Nguyễn-công-Nhân dòng 4 chiếc thuyền chất đầy thuốc súng tính thả tới chỗ tàu Pháp để phóng hỏa rồi cho mai-phục trên bờ bắn xuống. Thuyền của ta chưa tới nơi thì gặp tam bản Pháp đi tuần. Ta phóng hỏa, tam-bản của Pháp liền kéo cả 4 chiếc thuyền của ta quăng vào rạch cho cháy. Thế là mưu hỏa-công của ta thất-bại. Án-sát Huỳnh-Mẫn-Đạt và Nguyễn-công-Nhân liền bỏ thành mà chạy. Trong lúc này Pháp bắn vào thành dữ dội, dinh thự và kho đạn đều phát hỏa, lính chạy tán-loạn. Đặng-Đức đốt hành-cung rồi cũng rút khỏi thành. Quân Pháp vào chiếm đóng trong thành ngày 14-4 còn Nguyễn-duy-Quang và Tôn-thất-Thoan kéo quân bản-bộ trở về Vĩnh-Long. Từ Huế, triều-đình theo dõi chiến-cuộc miền Nam biết tình thế nghiêm-trọng tại Cù-Ốc và Tân-Lương. Vua xuống dụ sai quan quân-thứ cấp-tốc vào cứu viện. Dụ đến nửa đường thì thành đã mất. Bọn Hữu-Thành, Công-Nhân kẻ nọ đổ lỗi cho người kia và cùng dâng sớ xin chịu tội. Vua chuẩn cách chức và khiến về nguyên-lỵ chiêu-tập quân-sĩ để báo-phục.

Khi quân Pháp vào tới Mỹ-trang và Bang-lãnh, Thị-độc học-sĩ Trần Xuân-Hòa người tỉnh Quảng-Trị, con Cử-nhân Trần-Tuyên cầm đầu một lực-lượng hậu-bị-quân chống không nổi bị bắt cắn lưỡi chết.

Rồi ngày 14-4 các đạo binh Pháp vào chiếm đóng trong thành. Các kho lúa gạo ở đây đang bốc cháy do Việt-quân đốt trước khi rời khỏi.

Trong cuộc xuất binh này quân-đội Pháp khổ cực vô cùng. Bệnh tả và bệnh lỵ cũng giết hại một số người của họ nhưng ngoài cái thiệt này họ đã lập dần được nhiều căn-cứ quan-trọng để hoàn-thành cuộc chinh-phục vùng đất này của người Việt (1)

---

(1) Sau dịp thắng trận ở Saigon, Gia-định Charner cho viên Trung-úy Lespès qua Cao-Mên đệ lên Quốc-vương Norodom (An-Dương) một bức thư vừa tỏ tình thân-thiện vừa khoe khoang chiến công đã lập được tại Nam-Kỳ. Đây cũng là một cách gián-tiếp áp-đảo tinh-thần của Mên-hoàng.

Sự lúng túng của triều - đình Huế Sau khi đồn Kỳ-Hòa và Định-Tường mất, về phía Việt-Nam vua quan ta rất là lúng túng. Kinh-lược Nguyễn-tri-Phương lui về Phan-Rí băng bó thương-tích. Triều-đình cử Nguyễn-bá-Nghi vào thay và tiếp-tục việc chống Pháp. Nguyễn-bá-Nghi tới Biên-Hòa vừa đúng lúc Định-Tường đổi chủ. Thấy tình-hình không thể sáng-sủa được, Nghi thảo thư nghị-hòa với Charner. Ông Phủ Khả (có sách chép là ông Phủ Văn) là người mang thư của Nghi sang đồn Pháp. Cuộc hội-kiến của ông với Thủy-sư đô-đốc Charner được thiết-lập ở trên tàu *Primauguet*.

Pháp đòi ta tiếp nhận 12 khoản dưới đây làm điều kiện giảng hòa :

1) Đạo Thiên-chúa được truyền-bá tự-do.

2) Thành Gia-Định nhượng đất cho Pháp.

3) Nhượng Định-Tường và các vùng kế-cận.

4) Nhượng Thủ-dầu-Một trong tỉnh Biên-Hòa.

5) Pháp được tự do đi lại trên các kinh rạch hướng Tây.

6) Pháp được tự-do lưu-thông trên khắp nước Việt miễn có sự phục-tùng luật-lệ bản-quốc.

7) Việt-Nam trả các người bị cáo phạm-pháp quốc tịch Pháp cho tòa Lĩnh sự Pháp ở gần đó.

8) Hai bên cùng báo tin cho triều-đình Việt-Nam và Pháp biết để luận bàn các việc.

9) Lập chức Lĩnh-sự để giúp việc thương-mãi của người Pháp được dễ dàng ở các cửa bể Việt-Nam.

10) Phóng thích các phạm-nhân chiến tranh.

11) Bồi thường chiến tranh cho Pháp 4 triệu nguyên bạc.

12) Tây-ban-Nha được quyền dự bản Hòa-ước.

Nội-dung bản hòa-nghị này quá nặng nề, gắt-gao nhất là các khoản 1, 2, 3 và 11, mất đất là điều tai hại nhất lại phải bồi thường 4 triệu nguyên trong lúc dân chúng lầm than, kho tàng khánh-kiệt thì làm sao có thể chấp nhận được ! Triều đình chua-xót mà dân chúng cũng nộ-khí ngất trời. Ngay trong vùng đất Pháp chiếm đóng đã có nhiều người nghĩa-khí nổi lên tự-động chiêu-mộ quân nghĩa-dũng chống đánh người Pháp.

Để hiểu rõ tình-hình nội-bộ của ta chúng tôi xin nêu ra đây bản phúc-trình của Thượng-thư bộ-lại Nguyễn-bá-Nghi kiêm chức Khâm-sai đại-thần thuở ấy ;

« Từ trước đến nay người ta nói tàu Tây đi mau như bay, súng bắn xa mười dặm, bắn gần có thể thủng mấy thước đá, tôi vẫn không tin. Nhưng đến năm Thiệu-trị thứ bảy, tàu Tây đến Đà-Nẵng, chỉ mấy tiếng đồng hồ họ phá tan 5 chiếc thuyền đồng của ta, lúc đó tôi đang quyền chức Bố-chánh Quảng-Nam thật mục sở thị mới tin là đúng. Mấy năm trở về đây quân đội ta chống Pháp đến thế là dũng cảm, súng ống đồn trại của ta thế là mạnh, mà phải thua xa thì quan quân của ta không biết mình biết người cứ nhắm mắt mà đánh (1) nên sự thế ngày nay mới như vậy. Tôi đến Biên-Hòa xem xét tình-thế rõ ràng thấy rằng đánh thì chỉ thua mà thôi nên phái người đến thương thuyết với họ, kỳ thực tôi đã nghĩ rằng đánh, giữ đều không thể được. Vậy không hòa không xong. Trước đây tôi đã tâu : « *Việc nước ta ngày nay trừ chước hòa không có thể có chước nào khác,* hòa thì không tổn rồi trông mong sự khôi-phục về sau này. Người Pháp bị ta bạc đãi nhiều lần nên họ xấu hổ với các lân quốc tuy họ đem binh đến hiếp ta, nhưng trước sau chỉ muốn hòa. Xét địa thế nước ta đường bể quá dài, từ ngày hữu sự thủy-sư, binh thuyền chẳng làm nên cơm cháo gì, như vậy quân đội của ta vô hiệu mất một nửa rồi. Nay chỉ còn súng ống đồn lũy để giữ mặt bộ thì đều khó, như kế hòa của tôi không được triều đình chấp nhận tôi đành chịu tội. Tôi lại xin nhắc xưa kia chỉ có đánh Ngụy-Khôi và xứ Cao-Mên quân đội thủy bộ tiếp ứng cho nhau được dễ dàng, súng lớn từ kinh-đô trở vào, do đường đi mau lẹ, tiền gạo, khí-giới đã có lục-tỉnh Nam-Kỳ cung cấp sẵn sàng, thiếu đâu có đấy, thực-lực xung mãn mà còn đánh dẹp 3 năm ròng mới yên việc Khôi, hai năm mới xong việc Mên. Ngày nay sự việc khó khăn gấp mấy : Gia-định nằm giữa 6 tỉnh Nam-Kỳ, phía Tây giáp Mên, phía Đông giáp biển, địch bao vây trọn vẹn không còn liên-lạc được với Vĩnh-Long. An-Giang, Hà-Tiên. Biên-hòa thì ở sát nách họ, lưng dựa vào đất Mên thế là xung tuyệt. Tuy rằng ba tỉnh có binh thuyền cả mà không dùng được... Nay ta hòa mà họ không chịu trả đất lại thì đành mất và chỉ mất từng ấy thôi. Ta còn các tỉnh khác, đường thủy bộ lưu-thông ta sẽ quật khởi về sau. Nếu sợ mất hai tỉnh mà không hòa họ tiếp tục đánh chiếm thì rồi đây toàn bộ Nam-Kỳ sẽ mất hết, Tóm lại tôi chủ trương hòa lúc này, đánh về sau. Gần

đây tôi không lấy thêm binh lương, sửa đắp thêm đồn lũy e rằng càng phô thêm cái yếu của mình, ngoài ra họ thấy ta vẫn tăng-cường việc quân-sự, họ càng ra công đánh phá ta càng tổn hại thêm. Trong các cuộc giảng hòa, tôi thấy Pháp vẫn kiên-chấp các điều yêu-sách của họ (*nghĩa là không chịu trả các đất đã chiếm được*). Xin Bệ-hạ xét để cứu khổ cho dân Nam-Nghĩa trở vào, Pháp thấy ta không thực lòng chủ Hòa lại đánh đòi thêm đất, bấy giờ *công* chẳng được, *thủ* không xong, mà *hòa* cũng không được nốt, tôi ngu-si không biết xử-trí thế nào nữa v.v...

Vua Tự-đức truyền : « những sự khó khăn ấy ta đã rõ, người có lòng lo việc thì phải gắng lúc này để tỏ gió to nhưng cỏ cứng ».

Tháng 6 năm ấy Nguyễn-bá-Nghi lại tiếp-tục điều-đình và mật-trình 14 khoản của Charner (sau này sẽ thành nội-dung của Hòa-ước Nhâm-Tuất (1862) vua dụ và trách :

« Bá-Nghi trước sau chỉ chủ hòa vì trước đã vụng-về, khinh xuất trong việc hòa giải nên giờ đây thêm khó. Vậy việc Nam Kỳ, Tôn-thất Cáp lỗi lúc đầu. Nguyễn tri-Phương lầm lỡ khúc giữa. Các người sau cũng không làm nên công trạng gì. Vua tôi là nghĩa lớn trong trời đất ; chính lúc này mới là lúc ta cậy đến các ngươi, mà báo đáp ta cũng chỉ vào lúc này. Vậy phải gắng sức, khéo dùng lời cảm hóa kẻ địch để họ kiêng nể mà theo ta (!). Rồi lựa các điểm sông núi hiểm nghèo để cố thủ, chiêu mộ các nghĩa-sĩ cứu vãn được phần nào chăng. Nguyễn-bá-Nghi là người thông-đạt, mẫn-cán, Tôn-thất-Đính, Lê-quang-Tiến đều dũng-cảm, Thân-văn-Nhiếp cương-trực, khảng-khái, Trần-đình-Túc có tài biện-sự khiến ta trông cậy rất nhiều, các ngươi phải ra sức cứu quốc sớm báo-tiệp để ta tưởng còn nếu không tránh được sự thất bại của các thứ-thần trước thì bọn ngươi đều vô dụng, đừng ngó mặt ta nữa (1). . . »

---

(1) Vì vua Tự-Đức còn lưỡng-lự, Nguyễn-bá-Nghi thấy mình tiến thoái khó khăn nên tháng 7 năm ấy Nghi đã xin từ chức Tổng thống quân vụ. Vua Tự-Đức không chấp thuận. Sau Nghi lại cùng Tán-tương Trần-đình-Túc dâng sớ tâu : «Biên-Hòa tình hình rất nguy mà hòa cũng không xong chỉ còn cách cầu viện một cường quốc bên ngoài mà thôi. Vua cho rằng Nghi có ý lẩn trốn trách nhiệm nên truyền dụ quở trách.

Nay nếu chúng ta phân-tích tâm-lý của vua tôi triều Tự-Đức, ta nhận thấy rằng trên, dưới đều hiểu rõ tình- trạng suy - nhược của nước mình trước cuộc xâm-lăng của người Pháp, nói cứ tiếp-tục đánh Pháp, đánh chỉ là lấy cái dũng bên ngoài để che cái nhược bên trong, nói vừa giữ vừa đánh thì chính họ cũng đã kinh nghiệm rằng mỗi khi đụng đầu với Pháp, quân tướng Việt-Nam như gà phải cáo, giữ còn chẳng ổn nữa là vừa giữ vừa đánh ; nói rằng hòa như Bá-Nghi để chờ thời thì cũng là một lối ngụy-biện khéo-léo vì Thực-dân mỗi khi đã làm chủ tình-thế đâu chỉ thôn-tính có Gia-định, Định-tường mà thôi. Ai ai cũng biết Pháp đã nắm vững thế mạnh trong tay như hổ đói gặp dê non há chỉ có đớp một miếng ! Triều-đình kẻ bàn cách này, người nêu kế kia cho có chuyện, thật ra ai ai cũng chỉ tính việc cầu may kể cả vua Tự-Đức. Chủ-trương tạm hòa cũng không nghe được vì cây muốn yên mà gió chẳng ngừng. Đó là cái khổ của kẻ yếu, chỉ còn trông vào cuộc tình cờ, đen đỏ và thời vận. Để kết-luận, võ tướng hữu danh như Nguyễn-tri-Phương, Tôn-thất-Cáp, Phạm-thế-Hiển, mưu thần như Phan-thanh-Giảng, Trương-đăng-Quế, Nguyễn-bá-Nghi rõ rệt là bất tài trong việc chặn làn sóng xâm-lăng của Tây-phương, chỉ khổ đám dân-chúng, hết lớp này lớp khác xả thân nơi chiến-địa làm mồi cho trái-phá, đại-bác do các triều-đình vô trách-nhiệm từ thế-hệ này qua thế-hệ khác.

Có nhà chép sử nói rằng các thứ-thần đời Tự-Đức không biết người biết mình cũng như lời dụ của Tự-Đức : « *Hòa-hảo là quyền nghi mà chiến công là thực vụ* », là một huấn-thị mập mờ, co rận thiết-tưởng thế là lầm. Từ mùa thu năm Đinh-Vị (Thiệu-Trị thứ 7) mấy phen Việt Pháp giao tranh, hàng trăm trận lớn nhỏ đua tài, chiến-thuật chiến-lược thấp cao đều thi thố hết, đến con nít còn thấy rõ sao lại nói rằng chưa biết mình biết người ? Chẳng qua tướng văn, tướng võ đời bấy giờ biết là thua mà vẫn xin đánh chỉ là để khỏi trách-nhiệm với thượng cấp. Ngoài ra họ bàn gì cũng là bàn gượng cả. Nói trắng ra, bấy giờ chỉ có sức mạnh mới nói chuyện được với Pháp, mà yếu thì chỉ có nước chờ chết, chớ còn biện-pháp nào nữa ? Thảm hại hơn là vua tôi triều Tự-Đức không biết lo trước tính sau đến nỗi giờ phút nguy-nan đó Trung-ương thiếu đủ ; binh-sĩ tiền-bạc, lương-thực... phải ra lệnh cho bọn Đỗ-thúc-Tịnh (Biện-Lý) Nguyễn-túc-Trưng (Phủ-thừa), Nguyễn-quốc-Chấn (Bang-biện) v.v... gấp mộ lính mới, lại-dịch và sĩ-thứ từ

Thừa-thiên trở vào. Ngoài ra triều-đình còn sức cho các địa-phương khuyến-quyên tiền, gạo rồi tâu lên để triều-đình trả lại sau. Có bao giờ một chánh quyền lo việc nước mà sơ-sót đến thế? Vậy khen đời Tự-Đức nho học long-thành, phải chăng chỉ có nghĩa là mỉa-mai rằng đời loạn mà trọng văn khinh võ là giết dân hại nước? Thời loạn mà giai-cấp lãnh-đạo không tìm nổi một kế-hoạch định-quốc an-dân, lại trễ biếng võ-bị thì thơ phú mê say bao nhiêu, cái họa vong quốc đến lẹ bấy nhiêu. Bọn hủ nho đời Nguyễn-sơ có thể chối cãi trách-nhiệm cho ai chăng?

Quân Pháp chiếm xong Mỹ-tho liền nghỉ việc binh để lo lập ngay một số nhân-viên hành-chánh bằng những võ quan của mình thay thế cho quan lại của triều-đình Huế giờ phút đó đã bị họ đánh bạt đi hoặc đã bị tử-trận. Họ mở mang đường giao thông, đặt nhà trạm trên bộ dưới nước và đặt ra chức Thống-đốc bản-quốc sự-vụ. Dáriès được cử vào chức này. Ngoài ra còn chức Đêc-lý bản quốc sự-vụ nữa cũng do võ-quan đảm nhận. Buổi đầu uy-quyền của họ chỉ ăn tới xã thôn nằm trong khu vực của quân-đội chiếm hay mấy vùng kế cận mà thôi. Họ mở trường học để đào tạo các người thông-ngôn bản-xứ. Người đầu tiên đến với Pháp bấy giờ là Huỳnh-Tịnh-Trai tức Paulus Của theo đạo Công-Giáo và xuất thân ở trường Poulo-Pénang. Ông này là tác-giả cuốn tự-vị «*Đại-Nam quốc-âm*» còn được dùng gần đây. Sau Ông Của là Nguyễn-trường-Tộ. Cả hai đều giúp việc trong Ty hành chánh của Pháp, nhưng sau ngày ký Hòa-ước 5-6-1862 giữa Pháp và triều-đình Huế, ông Tộ nghỉ việc về sống một cuộc đời thanh-bạch ở quê nhà. Để tiện việc cai-trị, Pháp lấy nhiều sách ở bên Ấn-độ đem qua Nam-Kỳ phát cho nhân dân trong khu họ chiếm đóng. Đáng lưu ý là việc Pháp dịch cuốn *Hoàng-Việt-Luật-Lệ* của nhà Nguyễn để dùng vào mọi việc tố-tụng.

Ngày 29-11-1861 Charner về Pháp trao quyền lại cho Bonard và cũng trao luôn cả nhiệm vụ hoàn-thành việc xâm-lược xứ Nam-Kỳ. Y trình lên chánh-phủ Pháp vào ngày 29-1-1862 rằng việc cai-trị ở Gia-Định đã đều hòa, bộ máy cai-trị ở đây đã thiết-lập xong, nền hành-chánh của Việt-Nam cũng giống nền hành-chánh của Pháp và hai ngành canh-nông, thương-mại đã hoạt-động trở lại và có nhiều triển-vọng tốt đẹp. Trong óc Hoàng-đế Pháp bấy giờ, việc xây dựng căn-cứ Pháp đã ở miền-Nam Việt-Nam như đã hoàn-thành.

Bonard là phó Thủy-sư Đô-đốc. Trong cuộc chiến tranh tại Alger năm 1830 ông ta đã lập nhiều thành-tích. Tại Tahiti, Guyane (1849-1853) ông cũng tỏ ra có tài đàn-áp những cuộc nổi dậy của dân bản-xứ rồi lần-lượt lên chức Đặc-ủy-viên chánh-phủ và Toàn quyền ở xứ này. Con người thông minh hoạt-động ấy lại rất sốt-sắng tìm hiểu về văn-hóa Á-đông, về Trung-quốc và các nước đã thành thuộc-địa của người da trắng ở Viễn-đông Tóm lại, Bonard là một tay thực-dân lành nghề kiêm cả văn lẫn võ mà Pháp đưa qua rất đúng dịp bởi xứ Nam-kỳ còn đang đòi hỏi những tay thợ giỏi đặc biệt cho việc xây dựng và củng-cố nền móng của Đế-quốc.

Theo quan-niệm rất khôn ngoan của Bonard bấy giờ Pháp không nên trực-trị người Việt, trái lại lấy người Việt cai-trị người Việt có lợi hơn. Còn người Pháp chỉ nên lo việc phát triển kinh-tế, mở-mang canh-nông và thiết-lập cơ-sở kỹ-nghệ.

Duy có một điều Bonard cũng như nhiều người Pháp trước đó và cả sau này không ngờ là dân Việt-Nam vào loại trí-thức có một tinh thần quốc-gia và liêm-sỉ rất mạnh, hệ-thống cai-trị ở Việt-Nam tuy nằm dưới chế-độ quân-chủ nhưng xã thôn được quyền bầu ra các chức việc, quan lại đa số xuất thân ở trong dân chúng chỉ cần được tuyển-lựa qua các kỳ thi. Giới quí-tộc cố-định như ở Âu-Châu không có mặt ở đây. Giữa nhân viên chánh-quyền và quần-chúng không có gì cách biệt như giai-cấp này đối với giai-cấp kia mà ta thấy ở các quốc-gia khác. Quan lại rất trung thành với vua nên tuy Pháp thắng trận họ cũng chẳng chạy theo miếng cơm thừa canh cặn của địch ; như vậy lý-thuyết của Bonard tuy khôn khéo vẫn trở thành không-tưởng. Nhưng ông ta cũng cứ dùng một số người Việt vong-bản chạy đến với ông ta để lãnh chức phủ, huyện dưới quyền kiểm-soát của vài viên Thanh-tra hành-chánh Pháp. Rồi vào việc, bọn này chẳng có uy-tín gì hết vì thế chúng chẳng giúp ích cho người Pháp được bao nhiêu. Sự-kiện này xét ra tất-nhiên bởi bấy giờ người Pháp chưa hiểu biết đầy đủ về nhân-sự của ta là mấy hoặc có biết cũng không sao câu nổi những bộ mặt sĩ-phu hồi bấy giờ. Giữa lúc việc cai-trị của người Pháp đang lúng túng thì Huế tái phát cuộc tranh đấu rất là gắt gao.

Việt-quân ở nơi đây do ông Huyện Toại chỉ-huy, Sau này có

ông Trương-Định tức là Quản-Định (1) hay Trương-công-Định (chữ công thêm vào đây để tỏ lòng kính mến của dân chúng đối với vị nghĩa-sĩ họ Trương). Bấy giờ trong hàng ngũ của Pháp tại chốn này cũng như ở nhiều chốn khác đã có những cơ binh người Việt mà Pháp mộ vào theo chủ-trương lấy người Việt diệt người Việt. Bên quân đội Pháp người chỉ-huy ngoài-vùng gia-định là Trung-úy P. Vial. Viên võ quan này bằng tàu Amphitrite đem binh-sĩ đến tấn công Gò-Công. Quân ta vây đánh. Địch bị nội-công, ngoại-kích rất nguy nếu không có thủy-quân tiếp-cứu thì đã bại trông thấy. Vial bị đâm hai mũi giáo và bị hỏa hồ của ta xịt cháy một con mắt. Đại-bác dưới sông bắn lên yểm trợ làm quân ta bạt đi nên Pháp đang ở thế bĩ trở lại thế thắng. Quân ta phải rút ra ngoài đồng ruộng.

Ngày 24-6 viện-quân Pháp kéo đến tăng-cường cho bọn Vial bằng tàu Duchayla dưới quyền điều-khiển của Thiếu-tướng Lebris. Chiến, hạm này cặp bến Rạch-lá rồi tiếp-tục đổ bộ. Đôi bên xô-xát kịch-liệt Việt-quân được ông Trương-Định điều-khiển đánh rất hăng. Tại đây ông Trương ra lệnh truy nã rất gắt những bọn theo Pháp. xin nhắc rằng quân của ông Trương là quân ứng-nghĩa mà đánh vì vậy họ gan dạ hơn quân triều rất nhiều. Cuộc chiến-đấu kéo dài ngày tháng hơn quân triều ở mấy nơi thị-trấn như Gia-Định, Định-Tường, Chí-Hòa v.v...

Đại-Nam-quốc lược-sử viết : cuối tháng 9 năm 1861, Pháp kiểm soát được Gò-Công nhưng ông Trương vẫn còn bám riết vào địa-phương này bằng nhiều cuộc đột-kích, phá đồn và đã có phen khắc-phục được thành này chỉ tiếc rằng quân cô, thế yếu thì tinh thần ái quốc có thừa cũng chỉ gây được những thành-tích có giá-trị tinh thần nhiều hơn.

Tại các miền lân cận như Tân-An, Cần-Giuộc, Cái-Bè, Gia-Thạnh, Trảng-Bàng, Thủ-dầu-Một, Bến-Lức, Rạch-Gầm, Rạch-Cà-Hôn v.v... nghĩa-quân cũng nổi lên lung tung đánh phá các trục giao-thông và đồn trại của địch. Trung-tâm điểm của phong-trào dân chúng tự-vệ thuở ấy xuất phát ở Biên-Hòa về miền Đông và Vĩnh-Long về miền Tây theo tiếng gọi của tờ chỉ-dụ của vua Tự-Đức ban hành vào tháng 11 năm 1861 đại khái :

« *Người Lang-sa đến xứ Gia-Định đã được 3 năm làm rối cho*

trẫm. Chúng triệt hạ thành-trì, bắn phá quân cố-thủ. Trẫm và các trung-thần đều giận quá sức nhất là dân Nam-Kỳ mà trẫm tin rằng hết thảy đều sẵn lòng hợp-tác cùng binh-sĩ trẫm báo thù chung.

« Người Lang-sa không cùng đồng loại với chúng ta, họ hà-khắc chúng ta, hãm hiếp thê tử chúng ta. Mỗi người trung thần nên nghe lời trẫm hãy khuyến khích chỗi dậy tổ-chức binh đội theo điều kiện này. Kẻ nào chiêu tập được 10 người sẽ lãnh chức Bá-hộ. Kẻ nào chiêu tập được 50 người được lãnh chức Chánh-lục-phẩm suất-đội, chiêu tập được 100 người sẽ lãnh chức Phó-vệ, chiêu tập được 200 đến 400 người sẽ tùy theo phẩm-trật, chiêu được 500 người được chức Chánh-quản-Cơ. Ai bắt được một người Lang-sa thì được thưởng hai lạng bạc. Ai giết được một tên dân Việt-Nam theo người Lang-sa sẽ được thưởng một lạng bạc.

Mặt trận Biên-Hòa và các vùng kế-cận...

Vào tháng 6 năm 1861, Pháp tiếp tục chiến sự để chiếm dần các tỉnh khác của Nam-Kỳ. Ngày 22-6 Gò - Công lại lâm vào khói lửa. Charner lại ra lịnh cấm việc trở gạo ra Bắc biết rằng Trung-Kỳ không đủ tự-túc được về vấn đề lương-thực. Tháng 10-1861, Bonard sang thay Charner sau khi thấy cuộc giải-hòa còn là chuyện xa xôi nên đã đích thân mở cuộc hành binh lan tràn qua các tỉnh lân cận Gia-Định rồi Biên-Hòa là cái đích lớn nhất nằm trong kế hoạch phát triển của Pháp bấy giờ. Việc này rất dễ hiểu bởi quân-đội chủ-lực Việt-Nam lúc này đồn trú ngay tại tỉnh này đêm ngày đánh phá các đồn tiền-tuyến của Pháp chung quanh Saigon, Gia-định. Khâm-sai Nguyễn-bá-Nghi vẫn có mặt ở đây để điều-khiển tác-chiến. Về phần Việt-quân chọn Biên-Hòa làm trung-tâm kháng-chiến cũng rất hợp lý bởi theo vị-trí chiến lược của Biên-Hòa, bên tả có xứ Đá-hàn có thể che chở nâng đỡ cho quân đội tiến lui, bên hữu có đường liên-lạc với Phước-Tuy để vận tải lương thực và lấy quân tiếp-viện, do lối Gò-Công qua. Rồi Pháp tiến đến Suối-sâu (thuộc tỉnh Biên-Hòa) bị ta đẩy lui hai lần. Họ đến An-Thạch và Bình-Thuận cũng là hai làng thuộc Biên-Hòa bị Phó-Đề-Đốc Lê-quang-Tiến tập-kích vào đêm tối.

Quân Pháp bao vây các trục giao-thông trên thủy qua Gia-định, Định-Tường, bắn phá Đá-Hàn liên-miên mấy ngày và chiếm lại hai

cửa biển Cần-giờ, Phước-Thắng (trước đây họ chỉ có phá hai vị-trí này rồi tiến quân thẳng vào Sai-gòn, quân ta liền trở lại chốn này) Việt quân không chống nổi lui về Phước-tuy.

Trên các nẻo đường bộ, Việt-quân bấy giờ cũng ra công thiết-lập nhiều cơ-cấu phòng thủ vững chãi để tùy tình-thế đánh giữ mặt bộ cũng như mặt thủy, đồng thời lấy đường tiến lui cho thuận tiện và mau lẹ. Trung tuần tháng 12-1861, quân Pháp chia làm 4 đạo do đường thủy và đường bộ mở cuộc tấn công vào Biên-Hòa. Một đoàn chiến thuyền gồm các tàu : *Renommée*, *Ondine*, *Alarme* ngược sông Saigon lên Đồng-nai phá hủy các đồn trại của ta đặt ở hai bên sông và các chướng-ngại-vật ta đặt ở lòng sông.

Đạo binh thứ nhất có Thiếu-tá Comte chỉ huy gồm pháo-binh và bộ-binh Tây-ban-Nha ngày 14-12-1861 vượt đến Hôn-lộc (Tân-phú -

Đạo thứ nhì có Trung-tá Domenech Diégo dẫn một đại-đội thủy-quân lục-chiến Tây-ban-Nha và một đội kỵ-binh cùng 2 khẩu súng đồng 4 nòng từ Thủ-đức tiến sang Biên-Hòa.

Đạo thứ ba Trung-tướng Lebris cầm đầu là hai đại-đội thủy-quân lục-chiến cũng đổ bộ lên một địa-điểm sát thành.

Đạo thứ tư cũng do đường sông tiến theo ba đạo trên do viên chủ tỉnh Renommée điều-khiển. Và trước khi gây sự, Đô-đốc Bonard gửi cho Nguyễn-bá-Nghi và Nguyễn-đức-Hoan (1) một tối-hậu-thư nêu ra nhiều điều-kiện gắt-gao. Lẽ dĩ-nhiên các nhà cầm quyền của ta không tiếp nạp được.

Sáng sớm 16-12-1861, Pháp tấn-công quân ta cả trên hai mặt đường. Chiến hạm Pháp lợi dụng nước lên. Trung-tá Domenech Diégo được lệnh xung-phong cho quân ào-ạt bức thành, nã đại bác vào trong như trời long đất lở, yểm-trợ cho quân thủy và quân bộ kéo lên. Tuần-vũ Nguyễn-đức-Duy, Án-sát Lê-khắc-Cần chống đỡ suốt ngày xét giữ không xong nhờ đêm tối lui quân về Hồ-nhĩ. Ngày 17-12-1861 Pháp vào trong thành tịch thu của ta 48 khẩu đại-bác (ta không kịp tải đi), 18 chiếc thuyền chiến, nhiều thuốc đạn rồi qua đánh Phước-tuy. Quân ta

(1) Nguyễn-đức-Hoan bấy giờ là Tuần-vũ Biên-Hòa

tử trận rất nhiều. Nguyễn-bá-Nghi lui bộ chỉ-huy vào rừng Long-Kiến, Long-Lập. Bonard nhân thắng trận giao thành Biên-Hòa cho Trung-tá Diégo để truy-kích quân ta tại Bà-rịa rồi, chiếm được khu vực này vào ngày 7-1-1862. Hai ngày hôm sau, ta mất thêm đảo Côn-Lôn vào tay Đại úy Lespès.

Những tin thất trận này được cáo-cấp rồn-rập về Huế gây một cuộc khủng khoảng tinh thần cho Tự-Đức và các đại-thần sau đó có lệnh cách lưu các quan quân thứ, quan tỉnh và cho lập công chuộc tội. Nhận thấy lực lượng quân đội chính-quy không đủ ứng phó với tình thế mỗi ngày một khẩn trương, Tự-Đức xuống dụ : Đỗ Quang phụ-trách Biên-Hòa, Đỗ-thúc-Tịnh phụ-trách Định-Tường, Nguyễn đức Hoan, Lê-khắc-Cẩn phụ trách Biên-Hòa khuyến khích nhân-dân ứng nghĩa. Ai đánh và thu được phủ, huyện nào thì cho lãnh chức phủ, huyện đó. Ai thu được tỉnh thành nào thì được đời đời tập tước, binh dõng có công trạng thì được thưởng phẩm hàm v.v...

Dụ này phổ-biến khắp miền Nam được nhân dân hưởng-ứng, phần bấy giờ lòng dân đang căm phẫn với quân đội Pháp, vì vậy họ phải chống đỡ khắp nơi rất là nhọc-nhằn.

Vua Tự-Đức lại bàn với Trương-đăng-Quế khôi phục lại tỉnh Biên-Hòa. Quế đề-nghị phục chức cho Nguyễn-tri-Phương và Nguyễn-công-Nhân xét Nguyễn-bá-Nghi chỉ chủ hòa nên rất thiếu tinh-thần chống Pháp. Sau cuộc bàn luận này, Nguyễn-tri-Phương được khai-phục hàm Binh-Bộ Thượng-thư, sung Đồng-nhung quân-vụ Biên-Hòa, Tôn-thất-Cáp hàm Binh-bộ Thị-lang sung Phụ-tế, Nguyễn-công-Nhân hàm Quản-cơ sung Thương-biện. Các quan văn, võ của lục-tỉnh Nam-Kỳ đều tùy thuộc quyền điều hành của Đồng-nhung họ Nguyễn. Về việc Bá-Nghi bại trận, Vua giáng xuống Tham-tri sung Phụ-tế Bình-Thuận, Tuần-vũ Nguyễn-đức-Hoan bỏ đồn Hồ-Nhĩ chạy về thôn Thắng-Hải phải cách chức và cho về nguyên-tịch. Tự-Đức còn phòng xa quân Pháp đánh thốc ra miền Trung nên cho Đào-Trí, Tổng-đốc Nam-Ngãi sung Kinh-lược đại-thần thiết lập mọi việc bố-phòng từ Quảng-Nam vào tới Bình-Thuận.

Vĩnh-Long thất thủ

Chiếm xong ba tỉnh Đông làm căn-bản (và mấy thị-trấn nhỏ lân-cận như Gò-công, Tân-an, Thủ-dầu-một, Bà-rịa, Vũng-tàu) Pháp tràn dần xuống miền

Tây. Như vậy sát nách Định-tường, Vĩnh-long phải lâm vào khói lửa trước hết. Thuận theo thủy-đạo, tàu Pháp tiến sang Vĩnh-long dò xét tình-hình và chuẩn-bị việc đánh chiếm. Tại địa-phương này các tỉnh-thần cũng không có can-đảm hơn bọn Hộ-đốc Nguyễn-công-Nhân, Nguyễn-hữu-Thành nhất là trong vụ chống Pháp ở Định-tường. Tổng-đốc Vĩnh-long Trương-văn-Uyển, Án-sát Nguyễn-duy-Quang, Lãnh-binh Tôn-thất-Thoan sang tiếp-viện Định-tường đã chung mùi chiến bại. Trong lúc lúng-túng, tỉnh-thần ở đây cũng theo chước của Nguyễn-công-Nhân gửi thư cho Pháp để hòa-hoãn, một mặt sắp đặt việc phòng thủ. Tàu Pháp tiến lại gần đồn Vĩnh-Tùng rồi có thư đưa cho các quan tỉnh Vĩnh-long nhắc rằng trong việc giảng-hòa trước đây Pháp chỉ yêu cầu đất đai gần hai tỉnh Vĩnh-Tường mà thôi, nhưng việc nghị-hòa chưa được giải-quyết nên Pháp lui tới trên sông Cửu-long là điều tất-nhiên, nghĩa là Pháp chưa bị gò bó trong một điều cam-kết nào cả. Xin đừng lấy làm lạ...

Về phần tỉnh-thần Vĩnh-long cũng lấy lời lẽ êm-đềm phúc đáp.

Tuy vậy tháng 2 năm Nhâm-Tuất (1862) Pháp vẫn khởi sự đánh Vĩnh-long. Thiếu-tướng Bonard đưa tới tỉnh này 11 chiếc pháo-hạm và tuần-dương-hạm cỡ nhỏ, 1000 binh sĩ đến đậu phía trên đồn Vĩnh-tùng. Quân Pháp đồ bộ sát nơi đắp lũy. Trương-văn-Uyển cho các quan văn võ là Lĩnh-binh Tôn-thất-Thoan, quyền Lãnh-binh Nguyễn-Thái, Chánh-quản-Cơ Lê-đình-Cửu giữ Vĩnh-long. Một phần lực-lượng không kém quan-trọng dồn vào Thanh-mỹ là đồn tiền-tuyến để ngăn việc tiến quân của địch. Phụ-trách tiền-đồn này có Lãnh-binh Hồ-Lực, Phó lãnh-binh Ngô-thành-Riêng, họ Trương cùng Bố-chính Ngô-đình-Đức giữ một số binh sĩ làm tiếp ứng cho toàn thể mặt trận.

Luôn hai ngày 21 và 22, Pháp nỗ-lực càn-quét các đồn án-ngữ tại Vĩnh-tùng, Thanh-mỹ. Hai nơi này tuy gắng sức chống cự nhưng hỏa-lực Pháp quá hùng-hậu nên tan vỡ dần. Vượt được phòng-tuyến đầu này, Pháp-quân tiến thẳng đến thành và từ ngoài bến dội hỏa-hồ (trái nổ để phá và đốt) vào trong thành. Việt-quân bị tử-trận và bị thương rất nhiều. Thấy không giữ nổi, Trương Tổng-đốc nhân ban đêm cho đốt doanh-trại và kho-tàng ở đây rồi lui quân bản-bộ về Vĩnh-trị.

Pháp quân đuổi theo. Ta chạy về huyện Duy-ninh. Pháp vào thành còn lượm được nhiều vũ-khí trong có 68 khẩu đại-bác. Như vậy ta rõ việc rút quân ra khỏi Vĩnh-long cũng hết sức vội-vàng nên chưa phá-hủy hết được vũ-khí hoặc vận-tải được vật nặng như các súng đồng đi nơi khác.

Về vấn-đề Vĩnh-long thất-thủ, triều đình Huế tỏ ý thông-cảm cho bọn Trương-văn-Uyển coi là do thế-cô mà thua (không có quân cứu-viện như trường-hợp các tỉnh khác) nhưng khiển-trách đã không tìm các chỗ hiểm-yếu để bố-phòng trước. Lời khiển trách xét ra rất vu-vơ đối với quân-lực Vĩnh-long. Sự thực họ đã có dựng đồn lũy đầy đủ ở các điểm chiến-lược rồi nhưng không giữ nổi bởi vũ-khí ít hiệu-quả, quân đội kém tinh-thần chớ quân Pháp bấy giờ tuy có 1000 tên nhưng vẫn không nhiều đối với quân-số của Trương-văn-Uyển. Trước việc Vĩnh-long thất-thủ cũng như Gia-định xưa kia, câu « *quân quí hồ tinh bất quý hồ đa* » rất đúng vậy.

Bọn Văn-Uyển sau đó cũng bị cách-lưu và được lệnh thâu-thập các tàn-quân hợp với Định-tường khôi phục lại tình-thế. Hai bên gây thế ỷ-dốc để nâng đỡ nhau hầu lập công chuộc tội

Xin nhắc qua các việc đang tiếp tục xảy ra bấy giờ ở Định-Tường cũng như ở các tỉnh miền Đông đã lọt qua tay Pháp : tại Định-Tường, Trung-úy Rieunier chia quân ra nhiều toán mở cuộc hành binh tiễu trừ các tàn quân của Việt-Nam để bình-định xong xuôi các vùng mới đánh chiếm xong. Tại Mỹ-Tho ông Phủ Cao được dân chúng suy-tôn là ông Cọp mộ quân nghĩa-dũng đêm đêm tập-kích vào các đồn Pháp hoặc đánh du-kích những nơi Pháp đang hoạt-động.

Tại Biên-Hòa, Bà-rịa Pháp đã dựng xong những đồn trại vững vàng rồi Bonard cử một viên Tư-Lệnh và hai viên Thanh-tra hành-chánh ra công hoàn-thành cuộc bình-định. Họ thiết-lập một hệ-thống hành-chính Việt-Nam gồm có một số quan phủ, huyện hầu trông nom việc cai-trị các làng và thâu thuế (30-1-1862). Từ Saigon qua Chợ-Lớn, Biên-Hòa, Bà-rịa và Vũng-Tàu Pháp lập xong được đường giây thép để trao đổi tin tức.

Pháp cho thầu cả thuế thuốc phiện để có tài-chính xử-dụng vào việc mở mang thuộc-địa. Lúc này ở Saigon còn nhiều chỗ lam-chướng, sình lầy rải-rác ở nhiều nơi, muỗi mòng như ong khắp chốn. Ngoài ra tiết trời vùng nhiệt-đới rất độc-địa khiến quân Pháp đau

ốm rất nhiều. Họ hay bị sốt rét ngã nước và bị đi kiết-lỵ nên nhiều kẻ đã gởi xác ở đây. Pháp liền nghĩ ra việc ở mỗi tỉnh chiếm được của Nam-Kỳ lập ra một tiểu-đoàn Việt (lính tập) vừa đỡ sinh-mạng cho quân lính Âu-châu vừa đỡ sự tổn phí nhiều về lương-hướng. Ngay thuở ấy Pháp đã có quan-niệm *lấy thuộc-địa nuôi thuộc-địa*... Ở mỗi tỉnh, Pháp lập một nhà-thương, Pháp lại mở cả nhà in, nhà thờ, Tòa-án, khám-đường. Tại Saigon Pháp dựng Tòa hành-chính trung-ương tức Phủ Thống-đốc sau này, tuy chưa có những vật-liệu quý-giá xây cất cho đồ-sộ huy-hoàng ngay lúc đó.

Ngày 1-3-1862, Đô-đốc Bonard cho dẹp các đồn binh ở Gò-Công, Gò-Giao, Gia-Thạnh, Bến-Lức, Cái-Bè v.v...triệu-hồi các quan binh đang cai-trị các huyện Cần-Giuộc, Tân-An, Tân-Hòa để người Việt thay thế. Hệ-thống quan-liêu Việt-Nam mới này sẽ giúp Pháp tin tức hầu kịp thời đối-phó với « *quân phiến loạn* », ngoài việc cai-trị có tánh cách êm-dịu và thông-cảm hơn là với người Pháp. Lại nữa lấy người Việt trị người Việt cũng có thể có nhiều hiệu-lực hơn bởi chỉ có người Việt mới hiểu rõ mọi thủ-đoạn của người Việt. Kế-hoạch này buổi mới bị chắc-chở rất nhiều vì những kẻ đến với Pháp đầu tiên hết thảy thuộc loại Việt-gian bất tài nên không thực-hiện nổi những mưu sâu của các ông chủ Pháp. Vì lẽ này khi quân đội Pháp rút đi thì số dân-chúng theo Pháp và đám lại-thuộc cũng xin lên đường nốt. Tại Gò-công có 600 dân thì 450 người chạy lên Saigon vào giữa năm 1863 tránh sự trừng-phạt của các nhà cách-mạnh Việt-Nam. Ông Quản-Định cho thẳng tay đốt phá nhà cửa của họ và thiết lập Tổng-hành-dinh ở đây. Quân của ông đi đến đâu được dân chúng tiếp đón nồng-hậu tới đấy và việc đóng góp gạo tiền cho nghĩa-quân cũng rất dễ dàng.

CHÚ-THÍNH.— Trên đây có nói đến chùa Barbé. Chùa có tên như vậy là vì Đại-úy Barbé của Pháp bị phục-kích ở đó mà chết vào đêm 6-12-1860, trong thời-gian Nguyễn-tri-Phương chỉ-huy việc giải cứu Gia-định (từ 1859). Vua Minh-Mạng đã sinh ở chùa này vào 1791 khi Nguyễn-Ánh chạy Tây-sơn. Tên thật của chùa là Khải-Tường ở vào số 28 đường Trần-quý-Cáp, tức địa-điểm trường Đại-học y-dược bây giờ.

CHƯƠNG IV

NHỮNG CUỘC NỔI DẬY Ở TRUNG-BẮC LƯỠNG KỲ, TRƯỚC VÀ SAU HÒA-ƯỚC 1862

Vụ Tạ-văn-Phụng

Như ta biết, tháng 9 năm ấy (1860) Anh, Pháp bãi chiến với nhà Thanh, Charner được lệnh đem quân về Nam-Kỳ. Liên-quân đánh chiếm Gia-định sau ít ngày rồi tràn qua các tỉnh lân-cận. Nam-Kỳ luôn luôn có tin cáo cấp về việc ba tỉnh miền Đông lần lượt đổi chủ, sức kháng-chiến của bọn Nguyễn-bá-Nghi rất là yếu-ớt, Vua Tự-Đức và triều-đình rất hoảng hốt. Chiến-sự miền Nam đã thành những mối khó gỡ làm cho chánh-quyền Huế ngày thêm lúng túng thì về phía Thăng-Long (Bắc-Kỳ) cũng trong giai đoạn này trật-tự, an-ninh cũng rất nghèo nàn. Ta có thể nghĩ rằng trong khi Nam-Kỳ đang là cái nhà cháy từ Đông sang Tây, vua tôi Tự-Đức cứu chữa chưa có hiệu-quả một phần nào thì các vụ nổi dậy ở Bắc-Kỳ đã như dầu sôi tưới vào lửa đỏ. Những vụ nổi dậy của sĩ-dân xứ này thực ra đã xảy ra kể từ năm Tự-Đức thứ 4. Không nhà chép sử nào có thể chối rằng đời Tự-Đức không bị rối loạn quá nhiều. *Việt-Nam sử-lược* ghi về Tự-Đức trong trang 500 dòng 17 có câu : không đời nào lắm giặc dã bằng đời ngài làm vua. Chỉ được vài ba năm đầu thì còn hợi yên trị, còn từ năm Tân-hợi 1851 trở đi thì càng ngày càng nhiều giặc...

Đại Nam thực lục chính biên, ghi rằng : đời Minh-Mạng (1821-

CHÚ THÍCH.— Tháng 3 năm Canh-Thân (vào ngày 23-4-1860), hải-quân Thiếu-tướng Page cho đốt các đồn An-Hải Điện-Hải, ở núi Trà-sơn rồi đem hết binh-thuyền vào Gia-Định để hợp với lực-lượng quân-sự của hải-quân Trung-tướng Charner lên miền Bắc tham chiến với Anh trên đất Tàu. Triều-đình Huế coi như mình đã thắng trận sau khi quân Pháp ra khỏi Đà-Nẵng.

1840) có gần 200 vụ cả lớn lẫn nhỏ, đáng kể nhất là vụ Lê-văn-Khôi ở Gia-định ; đời Thiệu-Trị ngắn-ngủi có 7 năm (1841-1847) mà cũng có hơn 50 vụ. Đến đời vua Dực-Tông (1848-1884) có trên 100 cuộc nông dân khởi loạn, hơn 100 vụ cướp Thanh (Trung-hoa) tràn qua và ngót 60 vụ giặc biển ồ-ạt vào cướp phá ngoài hai bọn lớn nhất là bọn Tề-Ngôi và bọn Chà-và từ Nam-Á tiến lên.

Chúng ta hãy theo dõi những vụ dưới đây đáng kể là quan-trọng hơn cả đã khiến triều Tự-Đức phải dốc toàn-lực để đàn-áp bằng binh hùng tướng mạnh. Lệ-duy-Minh, Lê-Phụng tức Tạ-văn-Phụng tự xưng là con cháu nhà Lê nổi lên tại Quảng-Yên từ tháng chạp năm Quí-Dậu (1861). Phụng lấy cố-đạo Trường làm mưu-sĩ vì Phụng là một tín-đồ của đạo Thiên-chúa, trước đây có theo giáo-sĩ Pháp ra nước ngoài sau lại gia-nhập hàng-ngũ của Liên-quân Pháp-Tây tới đánh Quảng-Nam hồi Charner chỉ-huy chiến-cuộc tại địa-phương này. Tạ-văn-Phụng ra Bắc-Kỳ vào tháng chạp liên-kết với bọn giặc biển, giặc khách, giặc ta ở các tỉnh đi đánh phá nhiều nơi rồi cướp được Phủ Hải-Ninh (thuộc tỉnh Quảng-Yên. Có lẽ Phủ này còn tên là Vạn-Ninh hay thuộc địa-hạt Vạn-Ninh mà dân-cư là người Nùng, Thổ nhiều hơn người Việt sinh sống lân-cận vùng Đông biên-giới Hoa-Việt vừa làm rừng, làm ruộng và kiêm cả nghề đánh cá). Xin nhắc rằng Bắc-Kỳ trước các vụ loạn năm Tân-Dậu đã rối ren rất nhiều và lúng túng kể từ năm Tân-Hợi tức Tự-Đức năm thứ 4 trở đi. Như ta thấy sĩ-dân Bắc-Hà vốn không phục tùng triều Nguyễn từ đời Gia-Long có lẽ do ý nghĩa Gia-Long đã cướp ngôi nhà Lê và đã lạm-dụng danh hiệu phù Lê để lừa dối nhân dân toàn quốc, đoạt ngai vàng của con cháu người anh hùng áo vải đất Lam-Sơn. Qua mấy triều-đại sau, với những vua kế nghiệp Gia-Long như Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức (1819-1851) sĩ-nhân Bắc-hà cũng chưa được thấm nhuần ân-đức gì của Nguyễn-triều. Ngoài ra chính-sự của quan lại nhà Nguyễn ở Bắc cũng như ở Nam hoặc do sự tham-nhũng, hoặc do sự bất tài hay biếng-nhác đã khiến dân chúng nghèo nàn, khổ-cực mà vùng dậy, thêm vào đó là các thiên-tai liên-miên xảy ra thì lòng người đã loạn lại càng loạn hơn. Thuở ấy dư-đảng của *Thái-bình thiên-quốc* là một đảng cách-mạng Trung-hoa nổi lên chống người Mãn mười sáu năm sau thì thất bại, một phần bị diệt ngay trong nước, một phần chạy qua nước ta cướp phá các làng xóm tỉnh thành thuộc các

vùng Cao-bằng, Lạng-sơn, Thái-nguyên. Các vụ loạn nhỏ nhất cũng có tới vài trăm người. rồi đê Văn-Giang thuộc tỉnh Hưng-Yên vỡ liền 18 năm biến một phần lớn miền Trung-châu Bắc-hà ra những bãi hoang rậm. Dân sống về nghề nông mà mất ruộng đất, nghề nghiệp khác như các tiểu công-nghệ tuy có lác-đác ở vài địa-phương thì không đủ sống, vậy đói rách cũng là một duyên-cớ để sinh giặc. Năm này qua năm khác đạo-quân cùng-quẫn ấy mỗi ngày một đông, kinh-tế nông-nghiệp không hồi-phục, tình-trạng rối loạn trở nên thường xuyên. Sự-kiện này tỏ rõ hoặc tinh thần vô trách nhiệm hoặc sự bất-lực của một giai-cấp lãnh-đạo quen cầu an hưởng lạc, tựu-trung có một vài vị quan phụ mẫu thanh cần cũng không giải-quyết nổi đại-cực, hoặc thỉnh-thoảng có một hai vị Kinh-lược qua lại khám-xét cũng chẳng canh-cải được gì và cũng chẳng trừng phạt được ai để cởi mở tình-thế.

Có liên-hệ với Tạ-văn-Phụng là Cai-tổng Vàng tức là Nguyễn-văn-Thịnh tự xưng là Nguyên-súy-Thịnh tôn lập Uẩn lên làm minh-chủ và Uẩn cũng mạo xưng là dòng dõi nhà Lê. Uẩn hợp sức với bọn Phụng dấy binh vào tháng ba năm Nhâm-Tuất (1862) đánh phá các vùng Lạng-sơn, Yên-dũng (Bắc-giang) và Bắc-ninh làm tình-thế miền Trung-du một thời rất nguy ngập.

Các quan Bố-chính Hà-nội là Nguyễn-khắc-Thuật, Bố-chính Sơn-tây là Lê-Dụ và Phó-lãnh-binh Sơn-tây là Vũ-Tảo hợp binh lại để giải vây cho tỉnh Bắc-ninh lúc này đang bị sự uy-hiếp của bọn Thịnh. Tại đây quân Triều và quân Thịnh giao phong trên 10 trận quân Thịnh mới tan, nhưng về phía Hải-dương, Phụng cũng bao vây uy-hiếp tỉnh thành khiến tỉnh-thần cáo cấp về triều. Hình-bộ thượng-thư Trương-quốc-Dụng được cử làm Tổng-thống Hải-An (1) quân-vụ cùng Phan-tam-Tỉnh, Đặng-Hạnh, Lê-Xuân đem quân kinh và quân Thanh-Nghệ ra tiến-tiễu. Vua Tự-Đức còn phái thêm hai đại-thần Đào-Trí làm Tham-tán đại-thần, Nguyễn-bá-Nghi làm Sơn-hưng-Tuyên tổng-đốc ra tăng cường cho Trương-quốc-Dụng.

Quân của Thịnh một thời vùng vẫy tới cả Tuyên-quang là vùng thượng du Bắc-Kỳ. Đồng thời ở Thái-nguyên có Nông hùng-Thạc là thổ-hào địa-phương, giặc Tàu ở Cao-bằng có Lý-hợp-Thắng

(1) Hải-An tức là Hải-dương và Quảng-yên

gây rối. Xét ra bấy giờ vùng Đông-Nam và Tây-Bắc Bắc-Kỳ không chỗ nào có an-ninh trật-tự. Vua Tự-Đức lại phái thêm Nguyễn-tri-Phương ra làm Tây-Bắc Tổng-thống quân vụ đại-thần cùng Phan-đình-Tuyển và Tôn-thất-Huệ ra trợ lực cho quân triều ở các tỉnh Bắc-ninh, Thái-nguyên và Tuyên-quang.

Qua năm sau là Quí-Hợi (1863) vào tháng 3, quân triều mới lấy lại được thành Tuyên-Quang, bắt sống được Uẩn đem về trị tội. Tháng sau Nguyễn-tri-Phương làm chủ được tình thế ở Bắc-ninh rồi kéo binh lên Thái-nguyên đánh dẹp quân phiến loạn ở vùng này, phá được sào huyệt của giặc ở núi Ma-hiên thuộc châu Bạch-thông. Đào-Trí và Trương-quốc-Dụng giải vây được thành Hải-Dương nhưng dọc theo miền bể thế của giặc còn mạnh. Nguyễn-tri-Phương được lệnh cùng Trương-quốc-Dụng xuống tiếp tay cho bọn Đào-Trí.

Tạ-văn-Phụng trước năm Quí-Hợi (1863) thấy quân triều dốc toàn lực để đối phó với mình và có cơ ưu-thắng đã có phen cho người qua cầu viện Súy-phủ Saigon xin giúp sức và hẹn nếu lấy được Bắc-Kỳ sẽ để người Pháp đặt nền Bảo-hộ. Không may cho Phụng lúc này Pháp-quân không dồi-dào để chia-xẻ ra Bắc, nghĩa-quân lại quấy phá nhiều nơi nên họ chỉ lo củng-cố các vùng đã chiếm được ở Nam-Kỳ mà thôi, huống hồ Pháp và triều đình Tự-Đức lại sắp hòa-giải với nhau xong nên việc cầu viện của Phụng đã bị bỏ rơi. Ngoài ra theo P. Cultru, bấy giờ Pháp có ý muốn dành cho Tây-ban-Nha xứ Bắc-Kỳ thì cũng có thể là một lý-do cho Pháp khước từ đề-nghị của Phụng. Theo ý chúng tôi, Pháp không có chủ-trương này. Pháp chưa ngó đến Bắc-Kỳ bấy giờ là bởi chưa thanh-toán được hết đất đai ở Nam-Kỳ mà thôi.

Cuối năm Quí-hợi (1863) bọn Phụng thay đổi chiến-lược. Họ tập-hợp toàn-bộ gồm 500 chiến thuyền ở đảo Cát-Bà tại chân núi Đồ-Sơn tỉnh bỏ Bắc-Kỳ và đánh thẳng vào kinh-thành Huế một cách đột-ngột. Phụng cho rằng quân-lực của triều-đình chuyển hết ra ngoài Bắc

CHÚ-THÍCH : Sử-gia tu-sĩ A. Launay than tiếc về việc này như sau : Rất tiếc rằng Đô-đốc Bonard không nhận đề-nghị của Lê-Phụng và giúp ông ta vì nếu thành công ông ta cùng con cháu có thể sẽ là những đồng-minh chắc chắn nhất của Pháp ở Viễn-đông (Il est regrettable que l'Amiral *Bonard n'ait pas accepté les propositions de Lê-Phụng et prêté un secours qui en déterminant son triomphe, eût fait de lui et de ses successeurs les plus sûrs alliés de la France dans l'Extrême-Orient*). Luận-điệu của vị tu-sĩ Pháp như vậy có đáng lạ chăng ?

mà chống lại các danh tướng như Nguyễn-tri-Phương, Đào-Trí, Trương-quốc Dụng đã thấy bất lợi ; nay Huế là kinh- hành bỏ ngỏ, quân đơn tướng ít mà bị đánh úp dễ bị mất như chơi. Và chiếm được kinh-đô, toàn quốc sẽ hứng khởi, bọn họ sẽ thành công. Chẳng may kế-hoạch này chưa kịp thi hành thì binh thuyền của Phụng bị bão tan vỡ gần hết. Tuy vậy khi quân triều nhằm cơ hội này ập tới vẫn bị quân Phụng đánh thốc vào sau lưng nên đại-bại. Đề-đốc Lê-quang-Tiến và Bộ-phủ Bùi-huy Phan phải nhảy xuống biển tự-vẫn.

Tháng 6 năm Giáp-tý (1864) Hiệp-thống Trương-quốc-Dụng, Tán-lý Văn-đức-Khuê, Tán-tướng Trần-huy-Sách, Chưởng-Vệ Hồ-Thiện đem đại-quân đến bao vây quân Phụng tại Quảng-yên lại thua lớn hơn nữa ; toàn thể tướng tá binh sĩ bị giặc giết hết.

Tháng tư năm Ất-sửu (1865) ba trăm chiếc thuyền giặc chia làm ba đạo vào phá tỉnh Hải-dương. Nguyễn-tri-Phương và Nguyễn-văn-Vĩ đón đánh chém giết được khá nhiều. Sau đó giặc và quân triều giao-tranh luôn 10 trận nữa, giặc bại phải lui về Hải-ninh là căn-cứ chính. Dự vào chiến dịch này có Đề-đốc Mai-Thiện, Tán-lý Đặng-trần-Chuyên, Đốc-binh Ông-ích-Khiêm. Tuy vậy thế giặc chưa núng là bao nhiêu, nên Nguyễn-tri-Phương phải cử Đặng-trần-Chuyên và Ông-ích-Khiêm hội với các quan nhà Thanh ở Khâm-châu cùng vây đánh Hải-ninh. Quân Phụng thua to và dùng 70 chiếc thuyền chạy ra bể. Quân triều đuổi theo. Hai loạn tướng Phụng và Ước vào tới Quảng-bình và Quảng-trị; thì quân sĩ của họ bị tan-rã hết. Sau này Phụng và Ước cũng bị bắt đem về Huế xử-tử.

Tính ra Phụng hoạt động từ năm Tân-Dậu (1861) đến năm Ất-sửu (1865) mới bại hẳn khiến vua quan đời Tự-Đức hao tổn tinh-thần và biết bao sinh mạng cùng tiền tài mới dẹp xong.

Nhưng sau vụ Phụng ở Quảng-yên, Cao-bằng lại bị bọn giặc khách là Trương-cận-Bang đánh chiếm. Kinh-lược Võ-trọng-Bình và Tuần-phủ Phạm-chí-Hương phải đem quân lên Lạng-sơn bố-trí các nơi tiến đánh từ tháng 9 năm Ất-sửu (1865) đến tháng 3 năm Bính-dần (1866) giặc mới chịu hàng...

Vụ công-tử Hồng Tập

Trong khi đại-quân của Pháp-Tây-Ban-Nha mỗi ngày nuốt dần lĩnh thổ Nam-Kỳ gây nên một tình-trạng hết sức rối ren ngoài Bắc có tới trăm vụ nổi dậy của nhiều từng lớp sĩ-dân thảy đều

có mục-đích khuynh-đảo chính-quyền của Tự-Đức thì ngay bên cạnh nhà vua cũng xảy ra một cuộc âm-mưu đảo-chính do một nhân-vật thân cận và có tiếng tăm trong hoàng-tộc : công-tử Hồng-Tập.

Hồng-Tập là con trai của Phú-bình-công Miên-Áo, một hoàng-thân không xa lạ ở đất thần-kinh đã tổ chức một vụ bạo-động vào năm Tự-Đức thứ 17, tháng chạp ta tức tháng giêng dương-lịch năm 1865. Theo *Đại-Nam thực-lục chính biên* đệ tứ-kỷ mà ta thấy luận-điệu rất mơ-hồ, lúc này triều-đình vừa mới định xong Hòa-ước với Pháp (Hòa-ước nhượng ba tỉnh miền Đông Nam-Kỳ ký năm nhâm-tuất 1862) bên ngoài dân chúng xôn-xao bàn tán cho rằng chính Toàn quyền đại-thần (Phan-Thanh-Giản) phải chịu trách-nhiệm về việc ký-kết này (1), chớ không phải do ý-kiến của vua Tự-Đức. Trong khoảng thời-gian đó trong quốc-dân hai bên lương, giáo cũng nổi lên nhiều vụ xung-đột. *Đại-Nam thực lục chính biên* đề-kết rằng công-tử Hồng-Tập có ý dấy binh để tiêu-diệt bọn tú-dân (2). Nhà vua được mật-sớ tố-cáo việc này đã không trả lời lại trao bổn sớ ấy cho phụ-thân của Hồng-Tập cho công biết việc cuồng bạo của con mình. Trong lúc này Tập cùng phò-mã Trương-văn-Chất và một người dân là Nguyễn-văn-Viện (*người Bình-Định trước đã vào kinh dâng bản điều-trần nói có kế-sách không cần tới súng đạn cũng đẩy lui được tàu Tây và không cần chém giết tú dân cũng sẽ bỏ đạo*) ngầm lập đảng định giết đại thần Phan-thanh-Giản và Trần-tiễn-Thành cùng chia nhau đi các nơi giết dân theo đạo Thiên-chúa. Nhưng tới ngày hẹn khởi loạn, bọn Tập không dám ra tay. Ngày hẹn đó là đêm mùng 2 tháng 7 (3-8 dương-lịch năm 1864), quân của Hồng-tập chia ra làm 4 đạo, một đạo có nhiệm-vụ vào thành trước bắt sống Phan-thanh-Giản, còn ba đạo kia hoặc đóng ở cầu Kim-Luông, hoặc kéo đến xã An-Truyền hoặc xã An-Vân, An-Hòa là những vùng có nhiều giáo-dân. Họ hẹn nhau hễ nghe thấy tiếng súng đại-bác trong thành bắn lên thì cuộc bạo-động bùng nổ. Nhưng khi đạo quân đi bắt họ Phan kéo vào thành gặp thấy việc canh gác nghiêm-mật nên phải rút lui và cũng không dám nổ súng làm hiệu.

Dầu sao thì việc cũng bại lộ, cả bọn đều bị bắt giam giao cho Tôn nhân-phủ và đình-thần tra xét. Trong các trọng-phạm, đứng đầu

---

(1) Do đó dân chúng có câu : *Phan, Lâm bán nước triều đình khi dân.*

(2) Tú-dân chỉ : giáo-dân, Tú tức là cỏ xấu không có hoa trái, lại làm hại thứ cỏ tốt, ý nói dân theo đạo Da-Tô đã làm hư đại-cuộc quốc-gia..

là Hồng-Tập, thứ là Hồng-Tý con của Vĩnh-tường quận-vương (tức là Miên-Hoàng con thứ năm của vua Minh-Mạng, Lương-trình là con của Kiến-an-Vương (con thứ năm của vua Gia-Long, tên tục là Hạo), tri-huyện Hương-trà là con Tôn-thất-Thanh, Tôn-thất-Thừa, hộ-vệ thân binh, Tôn-thất-Khiêu, và Tôn-thất-Thán. Lập tức bọn này phải đổi qua họ mẹ chờ ngày lĩnh án.

Theo đình nghị : Võ-Tập tuy chưa thực hành, nhưng tội bội phản đã rõ, Nguyễn-văn-Viện thủ mưu đều bị khép án lăng-trì, thân-nhân cũng bị bắt giam và tài sản bị tịch-thâu ; Trường-văn-Chất đóng vai chiêu binh lập đảng phải tội xử trảm bêu đầu ; Trần-Thanh, Trần-Cần là hai kẻ a-lòng, Châu-Thừa, Đặng-Khiêu, Nguyễn-Thân giữ việc bắn súng phải tội chém đầu. Ngoài ra Võ-duy-Cơ, Võ đức-Vĩ bị giam hậu ; Nguyễn-đình-Cán, Cao-Trình, Lê-Ty, Nguyễn-đức-Tuấn, Nguyễn-Quán mỗi kẻ phải 100 trượng và phát lưu ; Nguyễn-văn-Đoan phải tội đồ ; hiệp-quản Lê-Trở, suất-đội Bùi-viết-Tán, Nguyễn-văn-Thịnh, Tú-tài Trương-văn-Quỳnh (cháu của Tổng-đốc Long-Tường Trương-văn-Uyển) Nguyễn-đình-Long (Cán và Long đều là con Nguyễn-đình-Tân) giáo-đường thơ-lại Phạm-Lương đều bị lột chức. Còn các kẻ khác tội nhẹ bị xung-quân hoặc giao về làng chịu tội quản-thúc.

Phú-bình-Công, dạy con không nghiêm bị cách tước Công và phạt trượng đồ.

Nguyễn-đình-Tân biết chuyện mà không tố cáo bị trảm giam-hậu.

Trương-văn-Uyển cũng chịu trách-nhiệm về dạy con không nghiêm bị đuổi về làm dân-thứ.

Bản án này dâng lên vua Tự-Đức được giảm xuống một bậc. Tuy vậy Võ-Tập vẫn bị cáo về tội dựa vào cớ khác để mưu đồ đại sự và Nguyễn-văn-Viên bị cáo là gian-hiểm phải chịu tội Khôi (cầm đầu) chuẩn cho xử trảm bêu đầu. Còn Trương văn-Chất, Trần-Thanh, Đặng-Khiêu, Nguyễn-Thân được hưởng trảm giam hậu (hoãn tội chết chém để xét lại), Trần-Cần được đổi sang án trượng-lưu, Nguyễn-đình-Tân được qua án trượng-đồ nhưng cho chuộc tội để lưu dòng đối công thần. Riêng Trương-văn-Uyển trọng trấn nơi xa (*Nam-Kỳ*) nên không biết hành-động của con được miễn nghị. Miên-Áo được trở về

tôn thất được miễn tội trượng-đồ nhưng mất tước Công, sau này sẽ gia ân nếu biết ăn năn hối quá. Các người khác thì phải y án.

Vua Tự-Đức cho rằng còn nhiều quan quân liên can đến vụ bạo-động của Hồng-Tập, để tránh một cuộc đại náo nhân-tâm nên truyền cho các Nha, Sở khuyến cáo họ hết lòng trung nghĩa, tôn trọng luật pháp để khỏi phạm tội về sau...

Năm sau gặp buổi hạn hán, cầu đảo vô kết quả, Khoa-đạo đại-thần Phan-duy-Kiêm, Trần-gia-Huệ và Biện-Vĩnh dâng sớ xin vua Tự-Đức hoặc tẩy oan, hoặc khoan-giảm đối với bọn Hồng-Tập cho kẻ chết được mát mẻ vong hồn, kẻ sống được hưởng lượng bao-dung hầu khôi phục hòa-khí thiên-nhiên lại.

Ba ông này lấy lý rằng : Võ-Tập trước đây chỉ vì nóng-nảy không am-hiểu lý-do của hòa-nghị giữa triều-đình với Pháp mà phạm tội, đó là nghĩa-phận chớ không chủ-tâm bạn nghịch.

Tự-Đức xem xong tờ sớ này cho hỏi ai là người xướng thuyết tẩy oan cho Hồng-Tập. Bọn ông Kiêm trả lời được nghe tri-huyện Hương-trà là Hoàng-Diệu nhắc lại câu nói cuối cùng của Tập khi bị giải ra pháp-trường : « *Ta chỉ vì phẫn khích về cuộc hòa nghị mà phải sa vào tội lỗi, mong rằng sau này đừng khép ta vào tội phản nghịch...* »

Nhà vua quở trách rằng : « Án này đã được xét đi xét lại đến hai ba lần giữa các đình-thần và viên thần lại còn được ân-giảm mà còn có kẻ bình-luận có quan-hệ đến sự công-nghị... rồi nhà vua cho xét hỏi bọn Kiêm, Diệu và giáng chức họ.

Chiếu theo sự ghi chép của *Đại-Nam thực lục chính-biên* có sự mập-mờ, nhưng nhìn vào nội-dung của bản án thì từ vua Tự-Đức đến các triều-thần đều cho vụ Hồng-Tập là một vụ mưu phản nên mới gia hình nặng nề như vậy. Phải chi Hồng-Tập và đồng đảng chỉ có bất mãn với Toàn quyền đại thần Phan-thanh-Giản và đám tú-dân mà ra tay thì sao có thể kết vào tội nặng nhất trong hình-luật về chính-trị ? Lại nữa việc bạo động chưa có thực hành mà xử như vậy là tận-pháp và xưa nay người ta chỉ tận-pháp cũng như tận-tình với đối-phương chính trị của mình mà thôi.

Vụ án Hồng-Tập này nhắc cho ta thấy nó nặng nếu không hơn

thì cũng không kém cái án Hồng-Bảo trước đây chút nào. Việc giáng chức bọn các ông Kiêm, Diện càng tỏ tâm-trạng của vua Tự-Đức lúc này bực bội đến cực-độ. Và căn-cứ vào nội-dung bản án Hồng-Tập ta rõ bọn Hồng-Tập có ý đánh đổ vua Tự-Đức để lập vua khác và mưu chống lại ngoại-xâm cương quyết và hữu-hiệu hơn chăng ?

Một sự thực không ai chối cãi được là quả Hòa-ước nhâm-tuất (1862) đã gây rất nhiều công phẫn trong các tầng lớp xã-hội Việt-Nam. Hồng-Tập và các đồng đảng chỉ vì phẫn khích với hòa-nghị mà nên tội. Thêm một việc đã xảy ra và chưa từng có từ trước tới giờ là cuộc khủng hoảng chính-trị trên toàn quốc đã làm xúc-động rất mạnh cả đám khóa-sinh thi Hương ở các trường Thừa-thiên, Nghệ-an, Hà-nội, Nam-định. Họ biểu tình tỏ lòng bất mãn đối với Hòa-ước 1862 mấy lần khiến triều đình phải dùng quân đội đến đàn-áp mới yên. Ngay ở Kinh-thành nhiều quan lại và tôn-thất cũng ra mặt phản kháng và muốn lật nhào ngai vàng của vua Dực-Tông hầu mở một lối thoát cho thời-cuộc nước nhà.

Tuy vua Tự-Đức đã cương quyết nhúng tay vào máu của anh em trong nhà để bảo vệ địa-vị chí tôn của mình hơn là do chánh-kiến bất đồng về quốc sự, vậy mà hai năm sau (1866) lại xảy ra vụ đảo-chính hụt thứ ba nữa là vụ *Giặc chầy vội* hay vụ Đoàn-Trưng.

(Vụ này đã được kể tới ngay trong chương đầu)

Chúng tôi nghĩ rằng ta nên thận trọng đối với các sử sách đời Nguyễn liên-hệ đến các vụ bạo-động này, do đó thiết-tưởng chưa nên coi các vụ bạo-động thảy đều có mục-đích mưu-đồ tư lợi như các sử thần đã nói. Có thể có những vụ vì bất mãn với chánh sách *dĩ-hòa vi quý* của triều-đình Tự-Đức mà bùng nổ. Liên-quân ào-ào kéo vào Đà-Nẵng, Gia Định đánh phá tứ tung, vua quan đời Tự-Đức thì bất tài, bất lực luôn luôn có đầu óc thoái-bại, khiếp-nhược rồi nhắm mắt cầu hòa, nội-trị, ngoại-giao thì ù-ù, cạc-cạc... vậy những vụ bạo-động trên đây phải được coi là phản-ảnh của sự bất bình của các tầng lớp dân chúng trước tình thế suy vong của quốc gia. Tại Trung-Kỳ vụ Hồng-Tập đáng được xét đoán rộng rãi như vậy.

Để minh-chứng cho ý-kiến trên đây, ta hãy nhìn vào bức thư của Súy-Phủ Saigon gửi về bộ Ngoại-giao Pháp báo các tình hình chính trị ở Việt-Nam thuở đó như sau :

Saigon ngày 14 tháng 2 d.l. 1863

« *Sau khi chúng ta chiếm đóng ba tỉnh Nam-Kỳ... các dòng họ và nhân-vật có tên tuổi tại triều-đình Huế chia làm hai nhóm : một nhóm gồm có những người dè-dặt, am-hiểu tình-thế cho rằng tiếp-tục chiến tranh với Pháp sẽ đem lại kết-quả không tốt đẹp chẳng những cho Lục tỉnh mà cho tất cả các vùng còn ở dưới quyền cai-trị của triều-đình. Nhóm này do ông Phan-thanh-Giản, một trong những sứ-giả đã ký hòa-ước với ta cầm đầu. Họ nghĩ rằng chẳng thà* « ngăn lửa không cho cháy lan chỗ khác » *để lập lại sự an-ninh và thịnh vượng cho những vùng còn lại của triều-đình.*

« *Một nhóm khác, trong ấy có những người mù quáng vì căm hận người Âu-châu do ông Trương-đăng-Quế, Giám-đốc sở Thương-bạc và chuyên lo việc tiếp xúc với người ngoại-quốc thì có một ý-kiến khác. Họ cho rằng dầu thiệt hại và hy-sinh đến đâu cũng phải tiếp-tục trường kỳ kháng chiến với chúng ta, như vậy mới hi-vọng được chúng ta mỏi-mệt và chán ngán rồi bỏ xứ này mà đi.*

« *Hiện thời nhóm thứ nhì hình như thắng lợi : tính-mạng của ông Phan-thanh-Giản bị đe dọa nặng-nề : tuy ông này đương làm Kinh-lược ba tỉnh miền Tây, ta sẽ không lấy làm lạ nếu ông này bắt buộc phải chạy sang đất ta cai-trị để tỵ-nạn.*

« *Nhóm nghịch với Pháp chia ra nhiều hạng, họ đã bắt đầu phát-biểu rõ rệt xu-hướng của họ bằng sự hành-động và các tờ tuyên bố của họ. Bọn ấy thông-đồng với nhau để đạt cho được mục-đích của họ, ít nhất bắt buộc chúng ta phải rời khỏi xứ Nam-Kỳ.*

Đây một chứng - văn thứ nhì ! (chứng - văn này của Giám-mục Pellerin).

Huế ngày 17 tháng 9 d.l. 1864

« . . . . . *Có một cuộc âm-mưu lớn lao xảy tại đế-đô . . . . . Cuộc âm-mưu này do gần bốn ngàn nho-sĩ đang tụ-họp tại kinh-thành đề-thi hương, gần phần nửa hoàng-thân quốc-thích, một vài quan lại xa vọng và những bọn kiêu-căng, sa-đọa và túng thiếu mà chúng ta thường thấy xung-quanh ta. Họ muốn tiêu-diệt cả người Âu-châu và người theo đạo Da-tô. Nếu công việc của họ thành tựu tại đây*

thì họ sẽ tiếp-tục hành-động ở các tỉnh khác, Còn nếu nhà vua có cản trở họ, thì họ sẽ phế nhà vua và đem một hoàng-thân lên thay-thế. Người ấy có lẽ là công-tử Hồng-Tập, con của Phú-Bình công, một trong ba hoàng-thân có tiếng tăm. Phận sự của mỗi người đều nhất định : người thì lo chiêu tập quân-lính, người thì ra lịnh khởi công, người thì lo mở cửa thành v.v... Khi nhà vua bị hạ rồi thì họ ra tay tiêu-diệt các người theo đạo Da-tô. sau đó họ sẽ đem tất cả lực-lượng quân-đội xuống Nam-Kỳ để đánh đuổi người Lang-sa ra khỏi xứ.

« Đây, dự định của bọn điên cuồng ấy là như vậy đó! Họ không ngừng lại giữa đường đâu. Để cho thành công được chắc-chắn, họ bắt đầu chiêu dụ những tên đầu trộm đuôi cướp trong xứ bằng rượu thịt, tiền bạc và hứa hẹn cho bọn ấy được cướp bóc những tài-sản của người theo đạo Da-tô. Đồng thời thì nhóm nho-sĩ đệ đơn lên nhà vua nói rằng cái tai nạn đã xảy ra trong nước là do các người theo đạo Da-tô và các người ngoại-quốc gây nên. Muốn trừ căn phải tiêu-diệt bọn ấy : tin-tưởng người Âu-châu là một sự điên cuồng, dẫu là giao-thiệp với người Âu-châu được ổn thời cũng không nên, chẳng thà chết còn hơn là chịu đựng những điều ô-nhục mà họ đã gieo cho nhà vua và toàn cả dân-tộc.

« Sau cùng bọn nho-sĩ ấy tố-cáo rằng ba đại-thần đi sang Pháp làm sứ giả và những người đứng thương-thuyết với Trung-tá Aubaret là những người « bán nước » cũng như là những người theo đạo Da-tô vậy. Cuối cùng họ nói rằng nếu không có thay đổi chính-sách triều-đình thì họ không chịu thi-cử bởi vì có nhiều việc đáng làm hơn.

« . . . . Sau đó, nhà vua cho đến tận nhà bắt những tay chánh thủ-phạm về vụ âm-mưu này. Các nho-sĩ bắt buộc phải ra ứng thí ; nếu ai mà đi lang-thang trong các làng mà không có công-cán gì của nhà vua giao phó thì bị bắt và bỏ tù (Xem Annales de la Propagation de la foi năm 1865, trang 318, 19. 20, 24) (3).

CHÚ-THÍCH Năm 1858 sau khi Lục tỉnh Nam-Kỳ mất hết với Pháp, vua Tự-Đức thường quở-trách ông Quế đã có chủ trương trường kỳ chống Pháp. Ông Quế buồn rồi xin về hưu tại quê quán (Quảng-Ngãi).

Trước các sử-liệu trên đây do Bùi-quang-Tung phổ biến cũng chính họ Bùi kết-luận như sau bằng một ức-thuyết : « ... cuộc khởi loạn này (*vụ Hồng-Tập*) có một ý-nghĩa sâu xa chánh-trị là từ kinh-đô cho đến các tỉnh xa xuôi, một phần lớn sĩ-phụ và triều-thần cho đến các hoàng thân đều chán ngán chánh-sách yếu-hèn của Tự-Đức về mặt đối ngoại. Cuộc khởi loạn này đã được sự ủng-hộ của các giới ấy, rất tiếc là không thành công. Nếu thành công biết đâu lịch-sử Việt-Nam chẳng thay đổi phương-hướng, sự suy tàn của triều-đình biến thành một cuộc tái sinh cho tinh thần quốc-gia !... »

Vụ loạn Châu-chấu

Ngược dòng thời-gian và Lịch-sử, ta hãy coi sau Tự-Đức đệ tứ niên còn những vụ nổi dậy nào đáng chú ý trước khi người Pháp chính-thức xâm lăng Việt-Nam.

Bốn năm sau khi Tự-Đức bước lên ngai vàng là năm Tân-hợi (1851) tại tỉnh Thái-nguyên giặc Tam-Đường quấy nhiễu quá tệ. Nguyên bọn giặc này là bọn giặc bên Trung-quốc chạy qua Việt-Nam có ba thủ-lãnh trùng danh : tên thứ nhất là Quảng-nghĩa-Đường, tên thứ hai là Lục-thắng-Đường, tên thứ ba là Đức-thắng-Đường chiếm-cứ các vùng sơn-xuyên làm chỗ ẩn-hiện rồi xuống cướp phá dân-gian ở các làng mạc xa gần, sau uy-hiếp cả các phủ-huyện, tỉnh-thành. Tổng-đốc Bắc-hà Nguyễn-đăng-Giai phải dùng thủ-đoạn chánh-trị khuyến dụ mãi chúng mới yên được một thời. Nhưng cuối năm Giáp-dần (tức năm Tự-Đức thứ bảy 1854) Nguyễn-đăng-Giai mất đi, Bắc- hà lại rối loạn như cũ. Nhưng đáng lưu ý hơn cả là cũng năm Tự-Đức thứ bảy, Lê-duy-Cự, con cháu nhà Lê ở tỉnh Sơn-tây được một số văn thân và tù trưởng Hòa-bình, Thanh-hóa cùng dân chúng suy tôn mưu-đồ đại sự. Một nho-giả hữu danh đương thời là Cao-bá-Quát người làng Phú-Thụy, huyện Gia-Lâm tỉnh Bắc-ninh, cử-nhân xuất thân là một kẻ có tài văn chương uẩn-xúc đã từng giữ chức Hành-tẩu ở Bộ-lễ, sau bị đày ra Bắc làm Giáo-thụ tại tỉnh Sơn-tây. Từ bước chân vào hoạn-lộ, tính-tình hiên ngang của họ Cao đã không thích-hợp với khung cảnh của thử thời, Cao lại thường có những lời ăn tiếng nói khinh-thế ngạo vật nên bị quan trên nhiều kẻ căm ghét và tìm cách đè nén Do sự-kiện này, Cao thành một phần-tử lạc-lõng trong đám quan trường chỉ quen nghề dua-nịnh và ưa được bợ-đỡ là những cố-tật của những con người phong-kiến. Người ta bảo đó là nguyên-nhân Cao từ quan, bỏ chức rồi ra làm

« Quốc sư » cùng với Nguyễn-kính-Thanh, Đinh-công-Mỹ, Bạch-công-Trâm, Nguyễn-văn-Thực tôn Lê-duy-Cự làm minh-chủ và kéo cờ khởi nghĩa ở huyện Mỹ-lương (Sơn-tây). Việc thất bại, Cao bị Phó-Lãnh-binh Lê-Thuận bắt trên đường hoạt động từ Sơn-tây về Hà-nội. Cả họ của Cao cùng bị chém với Cao tại làng, trong đó có Cao-bá-Đạt là anh em song sinh đang làm tri-huyện tại Nông-cống (Thanh-hóa). Trên đường bị giải về Kinh Đạt tự vẫn. Con ông Đạt là Cao-bá-Nhạ trốn thoát được 8 năm tại phủ Mỹ-đức (Hà-đông) sau cũng bị tố-cáo và bị bắt đầy đi vùng nước độc mà chết.

Cuộc bạo-động của Cao gọi là « *Giặc Châu-Chấu* » vì năm ấy tỉnh Sơn-tây có nhiều châu-chấu phá hại mùa màng.

Sự-thực Cao-bá-Quát nhà thơ « vô tiền Hán, thất thịnh Đường » có làm loạn dưới đời Tự-Đức chăng ? Một số văn-thân trí-thức Bắc-hà không tin như vậy. Theo họ, Cao-bá-Quát lúc này đã cao niên-tính tình có bề yếm-thế thì việc tranh bá đồ-vương có lẽ không có. Nhưng các nhà đương-cuộc Bắc-hà đã đưa Quát vào vụ loạn này là bởi một số môn-đệ của Quát có thực tham gia vào đại-sự của Lê-duy-Cự, nhân đó mà người ta buộc cả ông thầy vào nội-vụ để làm tội cho bõ ghét. Nếu các sử gia sau này chỉ căn-cứ vào bút tích của các sử-thần đời Nguyễn hoặc tài-liệu của bộ Hình đời Tự-Đức thì cũng nên coi chừng, việc điên-đảo án từ đời xưa cũng như đời nay chưa dễ là không có... (Vụ loạn « *Châu-Chấu* » *không phải là tới khi Cao-bá-Quát bị bắt và bị giết là hết. Nó còn kéo dài vài năm và kế tiếp nó còn nhiều vụ khác nhưng lớn rộng hơn là vụ Tạ-văn-Phụng và đám giặc khách vùng Thái-nguyên như trên đã nói*).

Do một sự tình cờ hồi 16 tuổi tác giả cuốn sách này đã được gặp một vị Cử-nhân Hán-học người làng Bông tỉnh Hưng Yên là thân sinh ra Ô. Đốc học Phạm xuân Độ. Cụ đã ngẫu nhiên cho biết ý kiến về Cao bá Quát đối với thân sinh của cụ là chỗ bạn văn-mặc rất thân. Tuy ít tuổi nhưng cụ rất lưu ý đến những cuộc đàm-thoại giữa cụ thân và họ Cao khi thì bàn luận thi văn, khi thì trao đổi ý kiến về thời-thế. Họ Cao là người có nhiều tư-tưởng khinh thế, ngạo vật hay yếm-thế nhưng theo cụ, Cao không phải là người có xu-hướng cách-mạng nhất nhất là thuở đó tuổi đã cao. Xem văn thơ của họ Cao ta thấy rõ cái nhân-sinh-quan của vị nho-giả này, mặc dầu trên hoạn-lộ Cao bị nhiều

điều chịu với ở cấp trên nó có thể thành nguyên-nhân thúc đẩy Cao ra làm những chuyện trọc trời, quấy nước. Còn nếu quả Cao có nhúng tay vào Cách mạng thì ta cũng có thể cho là hữu-lý và dĩ-nhiên vì dân chúng từ Nam ra Bắc thuở bấy giờ đa số không tán thành triều Nguyễn khiến đã xảy ra bao nhiêu sự loạn-ly đời này qua đời khác. Nhưng tới đây ta vẫn chưa thể có một bằng cớ cụ-thể nào chứng tỏ rằng Cao có làm cách mạng chống Nguyễn-triều hay không. Chúng tôi chỉ biết kể ra ý kiến của cụ Phủ làng Bông là như vậy. Tóm lại nhân-chứng này cho rằng không nên tin ông Cao có làm quốc-sư cho đảng châu-chấu.

Nhưng còn có thể nêu ra một nhân-chứng nào nữa để minh oan cho họ Cao nữa chăng ?

Một nhân-chứng thứ hai, ông Nguyễn-triệu-Luật, tác giả *Hòm đựng người — Bà chúa chè v.v...* một lịch-sử tiểu-thuyết-gia đầu năm 1946 có nói với chúng tôi rằng ông cũng không tin Cao-bá-Quát có làm loạn. Rồi ông kể một chuyện chưa mấy ai đã biết (chuyện này chúng tôi đã kể trên tạp chí *Bông lúa* cách đây 5 năm dưới tiêu-đề : *Cái án Cao-bá-Quát*) : « Các cụ nhà tôi ngày xưa cũng làm quan trong triều-đình Huế một hôm có nhắc đến vụ ông Quát. Theo các cụ, ô. Quát chết vì tay Nguyễn-bá-Nghi hoặc bè đảng thân tín của ông này và hình như Nguyễn bá-Nghi đã có một thời trọng-nhậm Bắc-hà. Có lần ông ta phạm một lỗi gì không rõ bị triệu về kinh để xét hỏi. Cao bá Quát bấy giờ đang làm chức Hành-tẩu *(tại Bộ Lễ)*. Chức Hành tẩu đại khái ngang với chức chủ-sự văn phòng đời nay mà thôi. Tuy danh phận tầm thường trong làng cân đai, hia hốt những vì có văn tài nên thường được dự vào cái tao đàn của vua Dực-Tông. Vị thượng thư bộ Lại *(không rõ tên)* có lòng hâm-mộ đặc-biệt nên ngoài công vụ vẫn thường mời Cao đến nhà chơi và tiếp đãi vào hạng thượng-tân.

Nguyễn-bá-Nghi sau cuộc thẩm vấn được thanh-thỏa để trở ra Bắc có vào lạy chào Cụ Thượng bộ Lại ở tư dinh. Bấy giờ cụ Thượng cùng họ Cao đang ngồi trên sập chuyện trò tâm-sự. Bá Nghi vào không ngờ gặp Cao, thế chẳng đừng phải bái cụ Thượng. Đáng lẽ theo phép lịch sự, Cao phải lánh ra thì Cao cứ ngồi nguy ên vẹn. Thế là Bá Nghi bái cả cụ Thượng lẫn họ Cao. Mối căm hờn từ đó nảy ra trong lòng vị thượng quan Bắc hà vì dầu sao Cao cũng là dân xứ Bắc và ngay cả về chức tước Cao cũng ở bậc dưới của Bá-Nghi.

Sau này vụ Lê duy Cự bùng nổ ở Sơn tây. Một số người làng Phú-Thụy và một số bà con cùng môn đệ của Cao có tham gia, do đó mà người ta lợi dụng được cơ-hội b uộc luôn cả họ Cao để trả thù báo oán. (Hình như vua Tự-Đức có gia ơn đặc biệt cho Cao nhưng chiếu chỉ đến nơi thì đầu Cao bá Quát đã rụng. *Có thật công văn đến không kịp chăng ? Việc ân-xá có thực chăng ?*)

Dĩ nhiên ngày nay nếu căn-cứ vào văn án tại Bộ Hình của triều Tự Đức thì hồ-sơ của họ Cao đầy đủ pháp-lý đưa Cao vào tử tội, nhưng án ngục đời Phong kiến thường có giá trị không, có đáng cho ta tin chăng ?

Họ Cao bị chu di tam tộc vì « *phản quốc* ». Hàng trăm cái đầu già trẻ, gái trai nhà họ Cao rơi xuống đất đã làm xúc động lòng sĩ-dân Bắc-hà trong một giai-đoạn khá dài. Sự bất mãn của nhân dân ở đây đã lớn nay càng lớn thêm. Rồi nhiều vụ nổi dậy khác đã nối tiếp không phải là không do ảnh-hưởng của cái án họ Cao kể trên.

Một điều đáng chú ý : Bài *Tự tình khúc* của Cao-bá-Nhạ.

Trong khoảng thời-gian bị tù ngục Nhạ có làm bài *Tự tình khúc* kể lể nỗi oan khổ của mình và của dòng họ. Cũng trong bản di-bút này Nhạ tỏ sự phẫn-uất với chế-độ bất công của triều-đình ngoài việc mong mỏi được ân xá để duy-trì nòi giống một vọng-tộc xưa nay vốn lấy trung, hiếu, tiết, nghĩa làm đầu.

Xin coi câu :

. . . Dấu trung ẩn in mầu mây trắng,
Chứ mục dân bóng dựng non vàng.
. . . Cô trung quyết giữ lời thề
Để hồn di thể đi về cho an.

. . . Dẫu đầy kiếp phong trần dám sá,
Giải được lòng khuyển mã là vinh.
Một là mở tấm đan thành
Hai là rửa tiếng nguyệt bình chê bai.

. . . Càng ngày hoạn nạn càng to,
Cha con cùng một chuyến đò bể oan.

Ngày nay ta đọc bản *Tự-tình-khúc* lại càng thấy lòng hoang-mang khiến ta phải đặt câu hỏi : Nếu quả họ Cao đã thực sự đóng vai trò quan trọng trong đám nghĩa quân thời đó, Nhạ còn cần chi phải viết

một bài trường thiên đến hàng trăm câu để minh oan ? Dưới đời phong-kiến, nhất là một thời thế-đạo suy vi, nhà cầm quyền không xứng với nhiệm-vụ trước quốc dân thì « *được là vua, thua là giặc* » há còn phải than van ? Nhưng việc chẳng làm mà tội phải chịu, nhất là phải tuyệt cả ba họ nên mới có những lời chua xót, lâm-ly làm ta có cảm tưởng mỗi câu thơ trong *Tự tình khúc* là một giọt lụy, một đọi máu.

Nay xét qua thi-ca, tâm-sự của bị-cáo họ Cao xem sao. Nếu ai đọc bài « *Cuộc phong trần* », bài *Uống rượu tiêu sầu* và một số thi văn khác của Cao-bá-Quát thì thấy những câu đáng chú ý như sau :

Thôi công đâu chuốc lấy sự đời
Tiêu khiển một vài chung lếu láo...
Đoạn tống nhất sinh duy hữu tửu,
Trăm tư bách kế bất như nhàn

. . . . . .

Kho trời chung mà vô tận của mình riêng,
Cuộc vuông tròn phó mặc khuôn thiêng,
Kẻ thành bại, kẻ vui niềm lâm tẩu...

. . . . . .

Gõ dịp đọc câu Tương tiến tửu
Quân bất kiến Hoàng-hà chi thủy thiên thượng lai...

. . . . . .

Thế sự thăng trầm quân mạc vấn,
Yên ba thâm xứ hữu ngư châu
Vắt tay nằm nghĩ chuyện đâu đâu,
Đem mộng sự đọ với chân thân cũng hệt,

. . . . . .

Nhân sinh thiên-địa gian nhất nghịch lữ
Có bao lăm ba vạn sáu ngàn ngày ?
Như thoi đưa, như bóng sổ, như gang tay...

Như vậy có rõ rệt tâm-sự của Cao là một thứ tâm-sự của con người yếm-thế tự đặt mình ra ngoài vòng danh lợi, lấy thú nhàn bên

phong hoa tuyết nguyệt để quên lãng chuyện đời đầy bỉ-ổi. nhớp-nhơ. Họ Cao còn coi cuộc nhân sinh ba vạn sáu nghìn ngày là một trường mộng-ảo, ngắn ngủi như chớp nhoáng, như bóng câu qua cửa thì lấy thơ lấy rượu, lấy gió lấy trăng làm vui. Tác-giả *Việt-Nam thi văn giảng luận*, Ô. Hà-như-Chi phân-tích Cao-bá-Quát như sau: « *Tâm hồn Cao-bá-Quát lê-thê trong cuộc sống vô-vọng, chỉ muốn đạt đến một thế-giới yên lành, trong trẻo, vĩnh viễn thanh bình. Hơn ai hết « nhàn » đối với ông là một liều thuốc để mà « quên », một phương tiện giải-thoát linh hồn trong cảnh tối-tăm, chật hẹp.*

Con người ấy đã bước ra ngoại-giới rồi, đã đắm mình trong cái vũ-trụ hư-ảo, mông lung, bồng bềnh, không không, có có mà lại trở về thực-tại với những uất-khí xung thiên để tính đảo lộn thời thế, xoay chuyển nhân tình bằng cuộc cách mạng đầy xương máu sao ?

Chúng tôi không tin rằng ở nhà thi-sĩ già nua ấy còn có một chuyển-hướng kỳ lạ vậy giữa những ngày tàn. Với lời thơ sặc mùi rượu, với con mắt mờ vì mây gió, với những ý tưởng luôn luôn đượm mầu yếm-thế, khoáng dật, có khi đến tiêu-cực như bao nhiêu thi-gia Hán, Đường, họ Cao đã tự tiêu rồi, đã chết rồi, chết tâm hồn là chết hết, còn đâu sống được như một con người hùng để tham-gia cách mạng.

Chúng tôi xin kết luận : Cái án họ Cao hay là vụ Giặc châu-chấu đáng kể là một nghi vấn về phía Cao-bá-Quát.

Sau các vụ loạn trên đây ta thấy đến năm Tự-Đức thứ 19 Bắc-Kỳ mới được yên ổn trở lại. Mười lăm năm ròng Bắc-Hà ngập trong máu lửa và nước mắt. Một nền cai-trị tốt đẹp đâu có đẻ ra bao nhiêu bi-kịch như vậy ! Ngoài ra những vụ loạn lớn đều lấy danh nghĩa phù Lê, đa số có tính cách chính-trị trực-tiếp thì càng rõ nhân dân vẫn hướng về Lê hơn về Nguyễn hoặc đều có chủ-trương khuynh đảo chánh-quyền của con cháu Gia-Long Nếu Tự-Đức không có danh-thần, lương-tướng thì cái ngai vàng bên núi Ngự sông Hương không khỏi ngửa nghiêng hay đổ vỡ. bề khác có thể rằng vì có vụ Pháp xâm-lăng Nam-Kỳ mà các phong-trào chống Nguyễn ở Bắc-Kỳ đã trở nên hòa-hoãn một cách tự-động để chỉ chú-mục về các đoàn-quân viễn-chinh của bọn Charner và Bonard chăng ? Đáng chú ý nữa là nhân-tâm sĩ-dân Bắc-hà xưa nay vốn hết sức phức-tạp, không thể lấy uy-vũ mà khuất, lấy danh-lợi mà mua. bởi Nùng sông Nhị vốn sinh ra

nhiều con người hào-hùng chỉ biết có khuất-phục trước chánh-nghĩa, người ta đâu có thể dễ xử như với mấy sóc, trại rải-rác bên dãy Trường-sơn !

Nhưng các vụ loạn này như trên đã nói có một điều vô cùng tai hại là vì nó mà triều đình Tự-Đức phải vội-vã ký hiệp-ước Nhâm-Tuất (1862) với Pháp ở Nam-Kỳ để rảnh tay đối phó với Bắc-Kỳ. Tự-Đức nghĩ rằng có ký với Pháp chăng nữa thì rồi đây lại tìm cơ khôi-phục những tỉnh đã nhượng. Đó là điều dự-định sau này ta sẽ thấy. Còn để Bắc-Kỳ loạn to thì khác chi nhà cháy hai đầu cứu nơi nào nguy hơn trước đã. Bắc-Kỳ bấy giờ có lẽ ở trong một tình trạng khẩn trương hơn Nam-Kỳ bội phần ? Ngoài ra coi việc Tự-Đức điều-động đến Nguyễn-tri-Phương và nhiều đại-tướng của triều đình ra Bắc bấy giờ đủ hiểu.

CHƯƠNG V

HÒA - ƯỚC NHÂM - TUẤT (5-6-1862)

Triều-đình Tự-Đức thảo-luận về Hòa-ước 1862

Cho tới 1863 nghĩa-quân của ông Quản-Định vẫn hoạt-động và khi quân Pháp rút khỏi Gò-Công thì họ Trương trở lại đóng Tổng-hành-doanh như trước. Cuộc vận-động quần-chúng của Trương lại tái diễn ngay trước khi quân Pháp nhổ trại về Saigon — Tháng 4 năm ấy Pháp phải chia quân đánh vào Mỹ-Quí thuộc tỉnh Định-Tường và Pháp luôn luôn mở những cuộc tảo-thanh quanh Gia-Định, Chợ-Lớn. Nghĩa-quân cũng đốt phá các đồn trại của Pháp để trả đủa. Cuối tháng 4 có xảy ra vụ hai người bồi tàu rắc bột nhân-ngôn vào đồ ăn tại một câu-lạc-bộ sĩ-quan hải-quân Pháp. Sử gia P. Cultru nói rằng tuy bề ngoài Pháp làm chủ được nhiều thị-trấn miền Nam nhưng vẫn bị quấy đảo khắp nơi khiến Pháp súy Saigon có phen nghĩ rằng có khi phải làm hại cuộc chinh phục coi vậy họ cũng chưa được thanh-thỏa lắm.

Nhưng một may-mắn đặc-biệt đã tới cho họ. Giữa lúc họ không ngờ nhất thì Thiếu-tá Simon công tác ở ngoài khơi Trung-Kỳ trở về Saigon báo tin vụTự-Đức đề-nghị mở cuộc giảng-hòa. Đô-Đốc Bonard liền cho y trở ra Đà-Nẵng hạn ba ngày cho bên Việt-Nam trình bày đề-nghị nhưng phải nộp trước mười vạn quan tiền để làm tin.

Nguyên vào tháng 4 năm Nhâm-Tuất Đô-Đốc Bonard phái Thiếu tá Simon mang một chiến-hạm và ba chiếc thuyền gỗ có bố-trí đại-bác trên có 200 lính ra ngoài cửa Thuận-An. Tại đây Simon trao cho triều đình Huế bản nghị-hòa gồm mấy điều dưới đây :

1) Yêu cầu Tự-Đức gửi một sứ-thần có thẩm-quuền quyết-định vào Gia-định.

2) Yêu cầu bồi thường chiến-phí.

3) Yêu cầu nạp một số tiền 100.000 Phật-lăng (hay quan tiền ta) để làm tin cho cuộc hòa-giải.

Việc này được đem ra bàn tại triều đình. Phan-thanh-Giản và Trần-tiễn-Thành chủ hòa nên ngỏ ý chấp thuận đề-nghị của Súy-phủ Nam-Kỳ. Trương-đăng-Quế cũng tán thành việc gửi sứ-thần vào nghị-hòa với Súy-phủ Nam-Kỳ, nhưng ý-kiến về bồi-khoản chiến tranh thì có nhiều sự bất đồng rất là sôi-nổi. Một số người muốn ấn-định nộp cho Pháp 5.000 lạng bạc. vài kẻ khác bàn nên tăng lên gấp đôi. Lâm-duy-Hiệp «tán thành» nộp đủ theo lời đề nghị của Saigon. Trương-đăng-Quế cũng hợp ý với Lâm-duy-Hiệp cho rằng trong tình-trạng khó khăn lúc đó, hòa-bình dầu sao cũng hơn chiến tranh. Theo Quế, các điều-kiện Pháp đưa ra cũng là phải chẳng, nếu không lợi-dụng dịp tốt này mà hòa-giải cho xong, sau này cuộc phiêu-lưu chưa biết tới đâu.

Tự-Đức nói: Các quan xét việc đến thế là cẩn thận rồi, nếu chỉ cần chấp thuận có thể để tránh cho dân chúng những đau khổ về chiến tranh thì ta cũng sẵn sàng chuẩn y do không tìm ra được biện-pháp nào khác và tốt hơn. Nhưng có ai dám cho rằng tham-vọng của Pháp chỉ có vậy? Biết đâu ta nhượng-bộ xong chuyến này, Pháp lại gây sự đề đòi các điều khác nữa. Còn nói đến việc cử sứ-thần qua Pháp, vấn đề này cần được nghiên-cứu ráo-riết hơn, bởi nếu Pháp áp-bách sứ ta nhượng-bộ thì rồi thể-thống và sự sống còn của quốc-gia sẽ ra sao? Trái lại nếu sứ ta cương quyết từ chối, Pháp sẽ chẳng để yên, cũng là điều nguy.

Bàn đi tính lại, sau đó mọi người đều cho ý của Lâm-duy-Hiệp là hơn cả. Vua Tự-Đức đành nghe theo. Sau cuộc bàn cãi triều-đình cử Phan-thanh-Giản và Lâm-duy-Hiệp vào Nam nghị-hòa.

Đồng ý xong về vấn đề thương-nghị với Pháp, triều đình mới bàn đến từng điều khoản trong đề-nghị Pháp đã nêu ra:

1) Việc tàu Pháp xin lưu thông trên các sông rạch ở Nam-Kỳ qua các vùng Hậu-giang và miền Tây, triều đình xét không quan ngại lắm thì bằng lòng chấp nhận.

Pháp xin truyền đạo Thiên-chúa ở Việt-Nam và xin cho giáo-dân tự-do theo đạo và giảng-tập. Ta đồng ý nhưng cũng ghi thêm rằng đối

với kẻ không muốn theo đạo hay muốn bỏ đạo này để trở về với tín-ngưỡng cũ cũng được tự-do như vậy.

3) Pháp xin xét xử lấy những kiều-dân Pháp phạm tội trên lĩnh-thổ Việt-Nam, ta cũng có thể cho là hợp lý nhưng phải định thêm rằng kiều-dân của ta ở nước họ cũng phải được trả cho quan ta nếu họ mắc điều gì về luật pháp.

4) Pháp xin tự do đi lại trên nước ta. Triều đình nghĩ rằng các nhà buôn của họ đã có chỗ ăn ở, buôn bán và nếu họ cần đi đâu đã có quan địa-phương lo-liệu giấy thông-hành. Còn những ai không có trú sở nhất-định đến đây không có mục-đích rõ-rệt thì không thể cho ra vào được trừ có lời xin trước.

5) Pháp xin cho các nhà buôn và tàu buôn Pháp được đi lại khắp các thương-cảng của ta, những nơi họ cho là có sự buôn bán thịnh-đạt nhất, triều đình cũng bằng lòng miễn họ chịu nộp quan thuế theo luật-định.

6) Pháp đòi bồi thường cho một số gia-đình Pháp bị dân ta giết trước đây, việc này không quan trọng lắm và Pháp cũng chưa nói rõ chi-tiết (bao nhiêu người, mỗi người xin bồi-thường bao nhiêu) sẽ hỏi lại rồi y cho.

7) Pháp xin miễn việc nạp cống cho Cao-Mên. Triều đình nghĩ rằng Mên là quốc-gia chư-hầu của ta không liên-hệ gì với Pháp, Pháp không có lý-do gì để can-thiệp.

Về bảy khoản trên đây đã có quyết-định rõ ràng, sứ-thần cứ theo đó mà nói với Pháp. Còn nếu Pháp có đưa ra điều nào đặc-biệt nữa thì sứ-thần phải tính toán cẩn thận rồi tùy nghi châm-chước.

Ngoài ra còn 5 điểm :

1) Pháp xin giao toàn hạt Gia-định và Định-tường.

2) Xin lập doanh trại ở Biên-hòa.

3) Di-chuyển thủ-phủ xứ Nam-Kỳ đến tỉnh này và đại-diện Việt-Pháp sẽ có mặt ở đây.

4) Pháp đòi bồi-khoản chiến-tranh 4.000.000 nguyên.

5) Tây-ban-Nha xin mở thương-điếm ở Đồ-sơn và thâu quan-thuế ở huyện Nghiêm-Phong (tỉnh Quảng-Yên) trong thời-hạn 10 năm

sau đó những ty quan-thuế này sẽ trả về cho chánh-phủ Việt-Nam... Về những điểm này, Pháp đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Giờ đây Pháp đã không chịu hoàn lại cho ta các tỉnh đã chiếm được, họ lại còn đòi thêm vài điểm chiến-lược trọng-yếu bậc nhất như Biên-hòa và Vĩnh-long như muốn co rắn với ta để rồi trở lại mực cũ cho êm theo các yêu-sách trước đây. Nếu họ đưa ra những đề-nghị quá đáng ấy triều đình nghĩ nên trả lời họ rằng, một bề họ đã đóng quân ở Gia-định và ở hai huyện Tân-an và Cửu-an, bề khác họ cũng đã có căn-cứ ở Thủ-dầu-một tại Biên-hòa và quanh tỉnh Định-tường thì ta thuận cho họ cứ tiếp tục quản trị các nơi này, còn phải trả lại cho ta tỉnh Vĩnh-long. Nếu như Pháp xin đặt sứ-thần ở Kinh-đô thì trả lời Kinh-đô không phải là nơi buôn bán, không cần phải đặt quan to ở đó bởi các thị-trấn đã có người của họ trông nom cho họ là đủ rồi. Riêng Đà-nẵng gần Kinh-đô, nếu họ cố xin đặt Lãnh-sự thì y cho cũng được. Ngoài ra phải điều-đình khéo léo cách nào để giảm bồi-khoản chiến-tranh xuống hai triệu nguyên mà thôi. Đối với đề-nghị của Tây-ban-Nha, vì cùng tới một lúc với người Pháp, và Pháp đã nhiều lần nói giúp ta chấp thuận cho họ hoặc việc lập sở tuần-ty ở Quảng-Yên hoặc lập thương-điểm ở Đồ-sơn nhưng không thể ưng cho họ tất cả hai việc.

Khoản truyền-bá đạo Thiên-chúa đã có trình lên hoàng-thượng

CHÚ-THÍCH : Sử của ta như *Nam-Bộ chiến-sử*, *Việt-Nam Pháp-thuộc-Sử* và *Notes pour servir à l'histoire de l'établissement du protectorat de la France en Annam* của Lê-thanh-Cảnh nói rằng chính Pháp nghị-hòa trước. Riêng *Việt Nam sử lược* nói : *Nguyên trước Thiếu tướng Bonard có sai Trung tá Simon đem chiếc tàu Forbin vào cửa Thuận-An để đợi xem triều đình Huế có xin hòa không. Nay chiếc tàu ấy đem thuyền của sứ thần Việt-Nam ta về Gia-định.* Xem tình-trạng triều-đình Tự Đức bấy giờ hết sức bối rối vì trong Nam Kỳ ta vừa mất thêm hai tỉnh nữa, ngoài Bắc Kỳ các vụ nội chiến đang lan tràn. Pháp đâu có lạ nông nổi này mà phải hạ mình xin hòa giữa lúc họ đang thắng trên toàn thể mặt trận Nam Kỳ. Như vậy chính vua Tự Đức cầu hòa trước còn Pháp chờ ta xin hòa thì phải hơn. Thêm vào đó nếu Pháp xin hòa trước thì triều đình Huế không phải cử Phan thanh Giản và Lâm duy Hiệp vào Nam lo chuyện điều đình. Kẻ lép vế mới phải tìm đến đất của địch để thương thuyết, lẽ thường là như vậy. Pháp lại còn bắt ta nộp 10 vạn quan tiền để bảo đảm thiện chí cầu hòa của ta mới cho nói chuyện thì càng rõ Pháp lúc này rất trịch thượng thì chắn chắn không phải họ xin nghị hòa, có lẽ sử thần của ta vì lòng tự-ái dân tộc mà xuyên tạc sự thật rồi mấy nhà chép sử đời nay đã làm theo chăng ?

là phải cương-quyết gạt bỏ như xưa. Sự việc này, thiết-tưởng không cần bàn soạn nữa.

Hai tỉnh Gia-định và Định-tường nếu đòi không được thì thương lượng để chuộc lại như trường-hợp tỉnh Quảng-đông với Thanh-triều. Nếu Pháp đòi giá tới trăm triệu thì ta cố giảm được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Còn họ cương quyết lấy ba tỉnh này (ba tỉnh miền Đông) ta sẽ nhất định không chịu. Nhưng trong thái-độ cương quyết của ta vẫn cần có sự mềm-mỏng, khéo-léo và khôn-ngoan cho họ khỏi phật ý. Nguyên-tắc là : « *Phải đi từ bề mặt xuống chiều sâu* ». Ở trường-hợp gay cấn trước những vấn đề quan-trọng nhiều, ta có thể theo chước « *thả con săn-sắt, bắt con cá rô* ». Cuộc điều-đình theo phương-hướng đã vạch ra mà không được Pháp thỏa-hiệp thì hoãn lại chờ một cuộc thương-lượng khác.

Bản phúc-trình này đệ lên Tự-Đức, nhà vua duyệt lại như sau : Không thể cho đạo Thiên-chúa được công hành, cùng lắm thì cho giữ nguyên sự-trạng. Người Pháp vào nước ta phải trình diện quan sở-tại và phải có chỗ cư-trú nhất định. Họ chỉ được ở tỉnh Gia-định (Nam-Kỳ) và Hải-dương (Bắc-Kỳ) mà thôi ; còn đi lại tự do trong toàn quốc thì không được. Về vấn đề Cao-Mên, có thể chuẩn y cho họ nếu họ khăng-khăng đòi hỏi, nhưng nếu sau này Mên có những cử-chỉ hỗn-xược đối với ta thì người Pháp phải chịu trách-nhiệm và ta sẽ đem quân chinh phạt. Đối với ba tỉnh miền Đông, ta chỉ thuận cho họ đến làm ăn buôn bán mà thôi, nếu không thì xin chuộc lại. Mọi điều yêu cầu của Tây-ban-Nha phải từ khước hết.

Rồi trước khi Phan-thanh-Giản và Lâm-duy-Hiệp ra đi, nhà vua thân rót ngự-tửu ban cho và dặn-dò rất là ân-cần.

Ngày 24-4 năm Nhâm-Tuất 16-1-1862) hai họ Phan và Lâm xuống tàu *Hải-Bằng* kéo cờ Việt-Nam từ-giã kinh-đô Huế, ra ngoài khơi cửa Hàn đã có chiếc tàu *Forbin* của Pháp chực sẵn đón dắt về bến Saigon. Ngày 26-5-1862 sứ-bộ Việt-Nam đặt chân lên Bến-Nghé (Saigon).

Cuộc thương-thuyết bắt đầu. Aubaret là hải-quân Đại-tá làm thông-ngôn ra tiếng Việt được lệnh Bonard đưa ra các điều kiện chính yếu rất ngặt nghèo như sau :

— *Đại-Nam phải nhượng cho Pháp 6 tỉnh Nam-Kỳ.*

— Đại-Nam phải chịu 4.000.000 đồng về bồi-khoản chiến-tranh.

— Đại-Nam phải để việc truyền-bá đạo Thiên-chúa được tự-do v.v...

Sau mấy ngày bàn cãi rất gay go, hai ông Phan, Lâm và Bonard đại-diện cho hai nước Việt-Pháp cùng ký-kết với nhau 12 khoản dưới đây vào mồng 9-5 năm Nhâm-Tuất (5-6-1862) trên chiến-hạm Duperré đang đậu tại bến Saigon lúc đó :

1) Từ nay trở đi các nước Pháp-Lan-Tây, Tây-Ban-Nha và Đại-Nam vĩnh-viễn giao-hiếu với nhau như các quốc-gia thân hữu.

2) Người Pháp và Tây-ban-Nha được tự-do đến giảng đạo Thiên-chúa tại Đại-Nam. Dân muốn theo đạo tùy ý không có sự cấm đoán và cũng không có sự gì ép buộc.

3) Đại-Nam (1) nhường đứt cho nước Pháp ba tỉnh Gia-định-Định-tường và Biên-hòa. Thuyền bè của nước Pháp được tự-do đi lại trên sông Cửu-Long và các rạch miền Tây.

Kể từ ngày hiệp-ước ký-kết xong, nếu có nước nào muốn gây sự với Đại-Nam thì nước Nam phải cho nước Pháp biết để liệu sự giúp đỡ. Nếu có việc cắt đất giảng hòa cũng phải có nước Pháp thỏa thuận mới được.

5) Công-dân Pháp, Tây được ra vào buôn bán ở các cửa bể Đà-Nẵng, Ba-lạt, Quảng-yên miễn là có nạp thuế theo lệ-định. Công-dân Đại-Nam cũng được đối đãi như vậy trên đất Pháp, Tây. Nếu người nước khác đến buôn bán, chánh-quyền Đại-Nam không được ưu-đãi họ hơn và nếu người nước này được hưởng điều lợi ích gì về thương mãi thì công-dân Pháp, Tây cũng được như vậy.

6) Nếu có công việc gì khẩn-yếu thì mỗi nước cử một khâm-sai đại-thần để hội-thảo tại kinh đô nước Nam hay tại kinh-đô hai nước Pháp, Tây. Tàu Pháp, Tây đến nước Nam sẽ đậu ở cửa Đà-nẵng rồi quan khâm-sai sẽ do đường bộ tiến lên kinh.

7) Đôi bên cùng trả ngay tức khắc các người đã bị mình bắt và cả tài sản của họ cùng của thân-tộc họ.

---

1) Từ đời Minh-Mạng trở đi ta lấy quốc-hiệu là Đại-Nam.

8) Đại-Nam bồi-thường chiến-tranh cho hai nước Pháp, Tây 4 triệu nguyên hạn trong 10 năm phải trả xong, mỗi năm phải nộp 400.000 cho vị đại-diện Pháp tại Gia-định. Hiện nay nước Pháp đã nhận được 100.000 đồng bạc đến khi nộp sẽ trừ số tiền này đi.

9) Giặc cướp quấy nhiễu ở các đất thuộc Pháp lẩn trốn qua đất Việt cũng như giặc cướp ở các địa-phương của Đại-Nam chạy qua đất Pháp sẽ được đôi bên giải nộp cho các nhà cầm quyền sở-quan.

10) Từ ngày nghị hòa, dân chúng ba tỉnh Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên muốn qua lại đất Nam thuộc Pháp làm ăn phải theo luật lệ của nước Pháp và nước Nam không được chuyên-chở binh lính vũ-khí qua các đất đã nhượng cho Pháp.

11) Nước Pháp sẽ trả lại tỉnh Vĩnh-long cho Đại-Nam nhưng tạm thời còn đóng binh lại đây cho tới khi bình-định xong ba tỉnh Gia-định, Biên-hòa, Định-tường.

12) Hiệp-ước này hạn trong một năm để hoàng đế ba nước duyệt-lãm và phê chuẩn hỗ-giao ở kinh-đô Đại-Nam. (1)

Hiệp-ước Nhâm-Tuất có tính cách thế nào ?

Dĩ-nhiên nó thiếu tính-cách bình-đẳng. Nó là một văn-kiện ngoại-giao trong đó kẻ mạnh ra lệnh, kẻ yếu phải cúi đầu tuân và nhà sử-học có thể viết thêm rằng : Đáng lẽ Hiệp-ước Nhâm-Tuất phải ra chào đời sớm hơn nữa, vì tình-thế nước nhà đã quá suy-nhược ;

Hiệp-ước bất bình-đẳng này còn là hiệp-ước đầu tiên của ta ký với Pháp. Hiệp-ước này mở đầu cho cuốn vong-quốc-sử Việt-Nam. Ngày 14 tháng ấy hai ông Phan, Lâm về kinh tâu bày sự việc,

---

(1) Về việc các đại-diện của Việt-Nam phải ký hiệp-ước trên đây, *Nam bộ chiến sử* của Nguyễn-bảo-Hóa (trang 106) chép : Quan Pháp đã dùng quân sự cưỡng-bách sứ bộ Việt-Nam cũng như Nhật-Bản đã ép Pháp ký hiệp-ước cho mình vào chiếm Đông-dương năm 1939. Điều này có lẽ không đúng vì đối với con người như Phan-thanh-Giản coi cái chết như chơi, có uy vũ nào khuất-phục nổi ? Chẳng qua họ Phan biết rằng cưỡng lại thời-thế vẫn đi đến chỗ thất bại mà tổn hại sinh-linh thì ký cho xong nhất là dã-tâm của thực-dân đã rõ. Quan-niệm của Phan sau này trước vấn đề miền Tây sẽ minh-chứng cho ý kiến này. Qua hai cuộc Đại-chiến thế-giới hai phen nước Pháp vì quá yếu đã lui binh trước quân đội Đức có phải là do chính-sách đầu hàng hay đây là chuyện biết mình biết người vậy ?

vua Tự-Đức vừa than vừa thống trách hai vị sứ-thần coi họ không những có tội với triều đình mà còn có tội với quốc-dân muôn đời nữa.

Cả triều đều bất đồng ý về nội-dung của hòa-ước nhưng đòi sửa đổi ngay thì biết rằng không được nên triều-thần đề-nghị cho Phan Lâm trở lại xứ Nam-Kỳ. Phan thì lãnh chức Tổng-đốc Vĩnh-long, Lâm lãnh chức Tuần-vũ Thuận-Khánh để giao-thiệp với Súy-phủ Saigon mưu việc cứu chuộc những đất đã nhượng theo hòa-ước. Hai ông Phan, Lâm bấy giờ chỉ biết lấy nước mắt mà biện-bạch nỗi khổ-tâm của mình rồi lên đường vô Nam vào tháng 9. Việc mưu chuộc vừa đưa ra đã bị Bonard khước từ rằng hai vị Hoàng-đế Pháp, Tây đã duyệt y hòa-ước rồi và tháng 11 năm ấy sẽ có sứ-thần đến hỗ-giao hòa-ước tại Huế. Được tin này. Tự-Đức phản-đối rằng việc hỗ-giao chưa đúng một năm theo hạn-định vì bên trong nhà vua muốn kéo dài để chờ đợi cơ-hội mặc-dầu tương-lai nước nhà chỉ có mỗi ngày thêm đen tối. Việc trì hoãn trên đây không rõ có phải là ý của hai ông Phan, Lâm sắp đặt hay không chỉ biết Bonard đưa thư ra Huế cương quyết đòi cử hành ngay lễ hỗ-giao hòa-ước vào 16-4 tức là vào tháng hai năm sau là năm Quí-Hợi (1863). Bonard lại đề nghị luôn mọi thể-thức về nghi-lễ.

Ta không sao từ chối được nữa nhất là lúc này nghĩa-quân thất trận khắp nơi, Pháp không còn phải kiêng nể gì hết. Lễ hỗ-giao được ấn định sẽ cử-hành tại Huế trước mặt Tự-Đức và Thiếu-tướng Bonard. Trong thể-thức của buổi lễ này có vài nghi-tiết không ổn, Tự-Đức sai Phạm-phú-Thứ vào Nam hội cùng Phan-thanh-Giản và Lâm-duy-Hiệp thương-nghị lại với Pháp.

Tháng hai Âm-lịch tướng Bonard và Đại-tá Palanca ra Đà-nẵng. Việc tiếp đón, hộ tống tham chước theo như thể-thức đã dùng đối với Sứ-thần Tiêm-la nhưng trọng hơn một bậc. Rồi các đại-diện Tây-phương lên Huế được mời vào nghỉ trong Sứ-quán mới dựng bên

---

Về khoản nhường đất Đại-tá Palanca thấy Bonard không đòi lấy cả Lục-tỉnh Nam-Kỳ nên đã phản-đối, Trong óc Tây-ban-Nha bấy giờ là sẽ đánh xứ Bắc-Kỳ để Tây-ban-Nha làm phần riêng cho mình, còn Pháp chưa đòi hỏi thêm ba tỉnh miền-Tây Nam-Kỳ là bởi chưa có chỉ-thị rõ rệt của Chánh-phủ Pháp. Bonard đã trả lời Palanca như vậy. Rồi sau việc đòi ba tỉnh miền Đông, Bonard đòi chiến-phí để chia cho Tây-ban-Nha, Nhưng khi hòa-ước 5-6-1862 ký xong, Tây-ban-Nha chỉ có nhận binh-phí và quyền giảng đạo Thiên-chúa trên đất Việt-Nam mà thôi. Tây không có tham vọng đất đai như Pháp nữa, cũng là điều đáng lạ vậy

bờ Hương-giang. Nhà này được cất từ tháng 8 năm trước trên nền cũ của sở Thủy-quân.

Các quan văn võ của ta là Phan-thanh-Giản, Phạm-phú-Thứ, Lâm-duy-Hiệp, Trần-tiễn-Thành (Binh-bộ thượng-thư) và Đoàn-Thọ (Trung-quân) bàn như sau : Hai đại-diện Pháp-Tây vào triều-yết thì nhờ quan Hữu-Tư dâng quốc thư và phẩm vật của hai nước lên vua ta. Sau đó ta chuyền giao quốc-thư của ta cho hai đại-diện ngoại quốc tiếp nhận. Phần chủ-yếu chỉ có vậy.

Đến ngày, vua Tự-Đức ngự tại điện Thái-hòa. Hai sứ-thần và 16 tùy-viên tiến vào làm lễ chiêm-cận. Sứ Pháp-Tây đeo gươm, khi vào thì ngả mũ, cúi đầu, trước khi lui gót thì cúi đầu ba lần.

Bonard đọc bài chúc từ đại ý nói rằng : Đức Hoàng-đế Pháp ủy tôi dâng lên Hoàng-đế nước Nam tờ Hòa-ước mà hai nước Pháp-Tây đã duyệt-y. Hoàng-đế Pháp còn mong từ nay hai nước chúng ta sẽ cùng sống với nhau trong hòa-bình và tình thân-thiện vĩnh cửu. Ngài cũng gửi lời chúc Hoàng-đế cùng nước Nam được luôn luôn thịnh vượng... »

Một quan Nội-các của ta được nhà vua cử ra đáp lời : « Các sứ thần từ xa đến đây chịu nhiều sự mệt nhọc, nước Nam lấy làm khen ngợi quý-vị. Hoàng-đế Đại-Nam phiền hai sứ-thần trở về nước chuyền lời của ngài lên các Hoàng-đế của quý quốc rằng việc hòa bình đã định giữa ba nước chúng ta, vậy mọi việc sau này sẽ được trang trải trong tình hữu-nghị và thành-thực để mưu hạnh-phúc cho nhân dân. .)

Sau đó quan Nội-các chuyền cho sứ Pháp một bức thư do thủ bút của Tự-Đức gửi cho Nã-phá-Luân đệ-tam.

Lễ trao đổi Hòa-Ước cử hành xong thì tại sứ-quán ta có mở tiệc để ta khoản đãi hai vị sứ-giả Pháp-Tây. Trong dịp này Tự-Đức cũng gửi tặng-phẩm cho hai vua Pháp-Tây. Các sứ-thần cùng các quan tùy-tùng cũng được quà tặng riêng.

Xin nhắc rằng đây là lần thứ nhất vua Tự-Đức tiếp người ngoại quốc từ Tây-phương tới và tại Huế cũng là lần đầu dân chúng được thấy một sứ-đoàn ngoại-giao Âu-châu sau bốn mươi năm đoạn-tuyệt liên-lạc, kể từ đời Minh-Mạng.

Sứ-đoàn ra về ngày 19-4. Họ không đi đường bộ mà dùng thuyền của ta và chỉ có người của họ hộ-tống lấy. Phan-tha nh-Giản cũng vào Nam trong dịp này để tiếp thâu Vĩnh-long mà Pháp vừa chiếm được ít tháng trước. Tới Đà-nẵng họ lên chiếc pháo-hạm Canada về tới Saigon vào 25-4. Bonard tạm giao quyền hành ở Nam-Kỳ cho Phó-thủy-sư Đô-đốc là Thiếu-tướng de la Grandière ở Pháp qua.

Xin lưu ý việc hòa-hảo Việt-Pháp bề ngoài thì có vẻ tốt đẹp, nhưng bên trong Pháp vẫn nuôi nhiều gian-ý. Sau đó ít lâu ta thấy ngoài vịnh Bắc kỳ giặc biển tung hoành bằng tàu Pháp ; dân Cao-Mên cũng có thái-độ chống báng chánh quyền nước ta. Dĩ-nhiên những vụ này do Pháp bí-mật hoặc gián-tiếp gây ra. Tự-Đức cho Phan-thanh-Giản đến trách hỏi Súy-phủ Nam-kỳ nhưng họ chối dài nên chuyện này chỉ như dao chém nước mà thôi.

Đến khi thực-thi Hòa-ước Nhâm-Tuất Tây-ban-Nha không nhận gì về đất đai, nghĩa là nhượng hết quyền lợi này cho Pháp mà chỉ lãnh bồi-khoản chiến-tranh và giữ quyền truyền-bá đạo Da-Tô mà thôi.

Vì không mưu chuộc được ba tỉnh miền Đông lại phải thi hành Hòa-ước 5-6-62 Tự-Đức giận lắm đã cách-lưu Phan- thanh-Giản, giáng chức Đoàn-Thọ và Trần-tiễn-Thành, truy-đoạt phẩm hàm Lâm-duy-Hiệp lúc đó vừa tạ thế xong.

Công việc của Bonard đối với nước Pháp đáng kể là tốt đẹp. Ông ta tính về Pháp để nghỉ ngơi rồi sẽ trở lại Nam-Kỳ vài tháng sau nhưng tình trạng sức khỏe của ông mỗi ngày một suy kém, vì vậy Thiếu-tướng de la Grandière được thực-thụ lên thay ông làm Thống-đốc vào tháng chạp năm ấy.

Hậu quả của Hòa-ước Nhâm-tuất

Bonard lập xong được Hòa-ước Nhâm-tuất tự coi là đã thành công một cách oanh liệt liền cử viên sĩ-quan tham-mưu trưởng de Lavaissière về Pháp trước để đệ trình văn-kiện ngoại-giao này lên chánh-phủ. De Lavaissière đi từ 15-6-1862 bằng chiếc tàu *L'Écho* nhưng bị nhiều sóng gió cản trở. Sau 70 ngày tàu này mới tới Pháp (ngày 28-8-63) còn de Lavaissière bị chết ở dọc đường khi tàu tới Aden.

Về phía Việt-Nam nhất là sĩ-dân miền Nam rất bất bình vì do hòa-

ước 5-6-1862 chủ quyền Việt-Nam tại Nam-kỳ bị tổn thất quá nhiều (Theo *Nam bộ chiến sử*, nước Pháp không những lấy được ba tỉnh miền Đông còn chiếm thêm đảo Côn-Lôn (1) nữa. Đã vậy ta còn phải bồi thường 4 triệu bạc thì không còn nhục nào hơn. Phan-thanh-Giản Lâm-duy-Hiệp Đoàn-Thọ, Trần-tiễn-Thành một thời mất hết uy-tín đối với triều-đình cũng như với dân chúng. Cầm đầu việc phải-đối hòa-ước Nhâm-Tuất ở Nam-kỳ bấy giờ là ông Quản-Định, người anh hùng dân-tộc này đã chỉ-huy cuộc kháng Pháp ở miền Nam (nhất là ở Gò-công) từ 1861. Ông Quản-Định được dân chúng cử dâng sớ về kinh xin quyết chiến với Pháp. Đó là một điều rất khó khăn vì dù sao triều đình đã ký hòa-ước rồi không thể nhất đán bãi bỏ được. Ngoài ra tình thế Bắc-Kỳ lúc này đang hết sức nghiêm trọng do các việc đánh phá của Lê-Phụng, Nguyễn-văn-Thịnh v.v... Theo *Nam-bộ chiến sử* mấy vụ phiến động này đã có bàn tay bí mật nhúng vào. (trang 107) và theo P.Cultru trong *Histoire de la Cochinchine française des origines à 1883*, nếu Pháp nâng đỡ Phụng thì có thể Tự-Đức đã mất Bắc kỳ rồi Quả vậy, lúc đó Bắc-kỳ nguy-ngập quá nên Tự-Đức gấp hòa với Pháp để dốc toàn lực quân đội ra Bắc nhưng không ngờ việc hòa giải lại đi đến một kết-quả thảm-hại quá sức tưởng-tượng.

Coi thế ta thấy rằng triều đình Tự-Đức dù căm-phẫn thế nào với Pháp nhưng ít nhất lúc này vẫn không thể chiều ý sĩ-dân miền Nam mà tái-chiến với Pháp. Rồi Phan-thanh-Giản được lệnh khuyên Trương-Định hạ khí-giới. Định không chịu. Tự-Đức phải cách chức Trương-Định cho khỏi phiền phức với Pháp.

---

(1) Để hiểu Côn-Lôn thế nào, xin coi bài Phụ-lục ở trang sau.

Xin chú ý !

Bộ **Việt-sử tân biên** *sau quyển V còn ba quyển nữa : Quyển thứ VI và thứ VII vẫn là* Việt-Nam kháng Pháp sử *gồm các tài-liệu về cuộc tranh-đấu của Phong-kiến Việt-Nam (Phong-trào Tiền-văn-Thân và Hậu-văn-Thân — Phong-trào cách-mạng của phái tân học Việt-Nam : Việt-Nam quốc-dân-đảng và các đảng phái quốc-gia khác — Đông-Dương Cộng-sản và Cộng-sản đệ-tứ) Quyển VIII sẽ trình bày chính-sách thuộc-địa của Pháp ở Việt-Nam và mười năm chiến-tranh Việt-Pháp.*

Sau bộ **Việt-sử tân biên** *tác-giả hy-vọng sẽ có thể cống-hiến các bạn đọc một bộ sử khác, đó là bộ* **Thế-giới văn-minh sử** *cũng thuộc loại sách tham-khảo.*

Phạm-văn Sơn

PHỤ-LỤC

CÔN-LÔN NGÀY XƯA VÀ TỈNH CÔN-SƠN NGÀY NAY

TRƯỚC kia dưới thời Thực-Phong người ta gọi Côn-đảo là Côn-lôn, nhưng ngày nay hải-đảo này đã trở thành tỉnh Côn-Sơn gồm 14 đảo lớn nhỏ ở cách Vũng tàu 97 hải-lý về phía Nam và cách sông Cửu-Long độ 45 hải-lý.

Trung-tâm-điểm Côn-Sơn nằm vào Tây-kinh-độ 160°30'10'' và phía Nam vĩ-độ 8° 40'57'' Diện-tích đo được 5.152 mẫu tây. Đi tàu cách Côn-Sơn khoảng chừng hơn 6 hải-lý du-khách thấy xa xa ẩn hiện trong sương mờ những hòn đảo như :. Hòn Lang, Hòn Chắc Lớn, Hòn Chắc Nhỏ, Hòn Tài, Hòn Nghé, Hòn Trọc, Hòn Tre Lớn, Hòn Tre Nhỏ, và Hòn Vọng v.v..

Đảo Côn-Sơn chia làm hai vùng : Côn-Sơn lớn và Côn-Sơn nhỏ liền nhau bởi eo hồ Đam.

Cảnh trí Côn-Sơn rất là phong-phú, có cây cổ thụ có hoa bốn mùa, núi non chiếm-cứ 1/3 diện-tích toàn đảo.

Theo tài-liệu của các nhà khảo cổ, sở-dĩ có đảo Côn-Sơn ngày nay là do những cặn bã trong lòng núi lửa phun ra.

Côn-đảo có rất nhiều nủi đồi và đá rắn. Tuy núi ở đây không cao lắm nhưng lại khó lòng leo lên được tới đỉnh bởi lẽ núi còn đầy dẫy những cây cối âm-u và rậm-rạp. Ngọn núi lớn nhất của hải-đảo cao ước độ 600 thước. Tuy đất cứng trải toàn sỏi gồ-ghề song người ta vẫn thấy hải-đảo có vài nơi bằng phẳng gồm, đất thịt và đất cát có thể thích-hợp với việc trồng cây ăn trái, vãi lúa làm mùa ở những vùng gò Ông giữa hai mùa mưa nắng

lúa trổ đầy bông, dưa nảy đầy trái, sự sống ở đây dễ chịu vì có nước ngọt và cá đồng như cá trê, cá lóc v.v...

Các tài-liệu cho biết rằng nhà thám-hiểm Marco-Polo. người thứ nhất đã tìm ra hải-đảo này và đặt tên là Sundor. Nhưng giữa năm 1285 một đoàn thương-gia Trung-Hoa qua lại đảo Kouen-Louen, nên người Việt do đó đã âm theo hai chữ trên để gọi là đảo Côn-Lộn hay là Côn-Nôn vậy.

Sau này người Pháp lại gọi là Poulo Condore phiên-âm theo tiếng Mã-lai, vì trước đây người Mã-lai đã từng đặt chân lên hải-đảo và gọi là đảo Pulao Kudor.

Những tài-liệu lịch-sử của các nhà truyền-giáo cũng đã để ý đến Côn-Lôn. Tây-phương đều xác-định rằng từ đầu thế-kỷ XVI, các thương-thuyền Âu-châu đã cập bến ở đảo này, rồi thuyền Y-pha-Nho nhiều lần lưu lại Côn-Lôn trong một thời gian khá lâu. Gần đây dân chúng địa-phương đã tìm ra được rất nhiều dấu tích và tiền bạc của người Tây-ban-Nha chôn dấu tại hải-đảo.

Năm 1686 một công-Ty hàng-hải Pháp « Compagnie française des Indes orientales » *đã có ý định lấy Côn-Lôn làm hải-cảng hầu qua lại buôn bán với Ao-Môn và Java. Nhưng ý hai Công-Ty hàng-hải nói trên chưa kịp thực hành, chương-trình này đã bị thương-thuyền người Anh lũng-đoạn mất.*

Ông Allen Cachpole người Anh chủ-trương việc khai-thác rộng lớn hải-đảo với một nhóm người Maccassares phụ giúp. Nhưng nửa chừng công việc khai thác của ông bị tan vỡ nên Côn-Lôn lại trở về với cảnh hoang-vu cũ giữa trời cao bể, rộng.

Tuy người Anh đã thất bại trong công việc khai phá Côn-Lôn nhưng thỉnh-thoảng dân chúng địa-phương vẫn thấy thương-thuyền Anh ghé lại tiếp-tế lương-thực và tạm nghỉ ngơi.

Gần đây người ta lại còn khám phá ra một kho tàng quí báu của các chúa Nguyễn dấu ở đảo.

Năm 1896, sau khi Thực-Phong chiếm cứ hải-đảo để làm nơi lưu đầy các tù-nhân Việt-Nam, một phạm-nhân trong khi làm việc đã đào lên được hai hũ báu-vật. Một hũ đựng đầy tiền vàng mang dấu hiệu Nguyễn-triều và hũ thứ hai gồm nhiều đồ trang sức bằng vàng.

Để chống với Tây-Sơn và xin viện-binh chúa Nguyễn-Ánh đặc phái Giám-mục Bá-đa-Lộc và Thế-tử Cảnh qua Pháp ký với đại-diện của Pháp-hoàng Lu-Y XVI là Montmorin vào ngày 28-11-1787 một hiệp-ước trong đó có khoản nhường Côn-lôn cho Pháp. Nhưng ngay sau đó, Pháp-hoàng bỏ cuộc, hiệp-ước trở nên vô-hiệu, nếu không đảo này đã thuộc Pháp trước ngày Gia-Long dựng nên đế-nghiệp...

Vào thời tướng Bonard giữ chức Thống đốc Nam-Kỳ, chiến hạm Norzagaray, do Thiếu-úy Lespès chỉ-huy đã có lần bỏ neo ở đây để lên đảo thiết lập đồn lũy.

Đảo Côn-lôn dưới thời Thực-Phong như thế nào?

Trước kia vua chúa nhà Nguyễn đã từng gởi ra Côn-đảo những quân đội phòng-vệ gọi là lính Ban đặt dưới quyền thống-lãnh của vị quan-lại triều-đình gọi là quan Chánh và trực-thuộc Tổng-đốc tỉnh Vĩnh-long.

Từ trước triều-đình Huế đã dùng Côn-đảo làm nơi lưu đày các tội-nhân vì thế khi quân đội Pháp đặt chân lên đảo đã gặp phải sức kháng-cự anh dũng của dân-chúng địa-phương, mà người cầm đầu là anh Nguyệt, sau một thời-gian cầm-cự, Nguyệt đã bị thực-dân bắt đem chém đầu tại đảo, còn các anh em đồng chí sống sót đều chạy vô rừng sâu rồi kết bè trốn về đất liền.

Sau khi chiếm-cứ hải-đảo này, người Pháp đã bị người Anh phản-đối kịch-liệt vì trên nguyên-tắc người Anh đã tìm ra hải-đảo trước người Phá .

Viên chủ ngục Côn-lôn đầu tiên là ai?

Viên chủ ngục Côn-lôn đầu tiên à Félix Roussel và Phó chủ ngục là Bizel cùng viên phụ-tá Viaud là những người Pháp đầu tiên sống ở hải-đảo Côn-lôn, nhưng sau đó một trận ôn dịch đã giết mất Bizel và Viaud.

Viên chủ ngục Roussel lúc bấy giờ đã có lần đề-nghị với Thống-đốc Bonard cho lưu đày nữ-tù-nhân ra đây nhưng không được chấp thuận, mãi đến khi ông Lafont lên thay Bonard mới ký nghị-định cho lưu đày nữ-tù-nhân ra Côn-đảo.

CHÚ-THÍCH — Hiệp Versailles không được thực thi vì những tỷ-do nào xin coi V.S.T.B. quyển IV.

Hải-đảo mỗi ngày một đông tù nhân đến nỗi chật quá phải đưa bớt qua đảo Guyanna và Inini do lệnh của ông Guiveresses Bộ trưởng thuộc-địa Pháp thuở ấy.

Một vài nét về đảo Côn-lôn

Cũng như Phú-quốc trong Vịnh Thái-lan đảo Côn-lôn nằm giữa bể Trung-Hoa trước kia thuộc Thủy Chân Lạp.

Nhà quân-sự cho rằng Côn-lôn có thể là một pháo-đài dùng vào thế thủ và là một chiến-hạm không-lồ không thể bị địch đánh chìm phản-công.

Về kinh-tế, Côn-sơn có nhiều nguồn lợi vô tận nào sơn-hào như yến, hải-vị như đồi-mồi và đủ thứ danh-mộc cùng các loại danh-ngư.

Người Việt Nam đầu tiên, theo sử chép, đặt chân lên hải-đảo là Trịnh-Lệ, một danh-sĩ đời vua Lê Nhân-Tôn, lãnh sứ-mạng sang mật hòa với nước Qua-Oa (Java) Thuyền ông bị sóng đánh bạt. Trịnh-Lệ nắm được tấm ván lội vô hòn Cồ-Côt tục gọi là hòn Rắng.

Chúa Nguyễn-Ánh trong những năm thất thời phải trốn tránh Tây-Sơn, đã lấy Côn-Lôn làm nơi xuất phát quân lính.

Cụ Sào-Nam Phan-bội-Châu trong bài ai-điếu cụ Tây-Hồ đã khóc rằng :

... « Đảo Côn-Lôn rực rỡ lửa oán thù, thấy người thương nước, thấy kẻ thương dân, tơ xướng họa gây nên một mối, mưa dầm gió bấc xui khách lưu-ly, bể thảm trời sầu xót ông chìm nổi. Thân, Dậu, Tuất bấy nhiêu tân khổ, khi đào cây khi lượm đá, giữa bể trần gió bụi cũng thung-dung.

Và những câu :

« Đặng (Đặng-tử-Kinh) Huỳnh (Huỳnh-thúc-Kháng) Ngô (Ngô-đức-Kế) ba bốn bác hàn huyên, khi rót rượu khi ngâm thơ, ngoài cửa ngục lầm than mà khẳng-khái...

Và còn những câu của Sào-Nam tiên sinh than-thở sau khi bị bắt về nước :

« Bấm tay kể hơn 70 tuổi rồi, khi ccốc thuê Thượng-Hải khi mua bán Hoành-Tân, phong-lưu đã có phong trần, đường cam khổ ghi vào vòng luân hải. Đương thấy mặt rõ ràng anh em đó, kẻ trích Côn-lôn, người đầy Lao-Bảo, thương chúng-sinh, thương tử giả từ bi xin gởi chốn thiên-đàng.

Nhà chí-sĩ Phan Tây-Hồ trong thời kỳ bị lưu-đầy tại hải-đảo đã có thơ rằng :

Ngồi tù Côn-Lôn

Bể dâu thay đổi mấy thu đông,
Cụm núi Côn-Lôn đứng vững trồng.
Bốn mặt dày vò oai sóng gió,
Một mình che chở tội non sông.
Cỏ hoa đất nầy cây trăm thước,
Rồng cá trời riêng biển một vùng.
Nước biếc non xanh thương chẳng nhẻ,
Có linh xin bộ khách anh hùng.

Đập đá Côn-Lôn

Làm trai đứng giữa đất Côn-lôn
Vùng vẫy làm cho lở núi non.
Xách búa đánh tan năm bẩy đống,
Ra tay đập bể mấy trăm hòn.
Tháng ngày bao quản thân sành sỏi,
Mưa nắng chi sờn gia sắt son,
Những kẻ vá trời khi lỡ bước
Gian nan nào sá sự con con !

Cụ Minh-viên Huỳnh-thúc-Kháng, trước khi bị đày đi Côn-đảo đã có bài thơ từ-giã bạn bè và anh em như sau :

Trăng trên trời có khi tròn khi khuyết,
Người ở đời đâu khỏi lúc gian nan.
Đứng trượng phu tùy ngộ nhi an,
Tô hoạn nạn phải hoành hồ hoạn nạn.
Tiền lộ định tri thiên hữu nhãn,
Thân tiên do hữu mộng hoàn gia.
Bấy nhiêu năm vẫn cũng chưa già,
Non nước ấy còn chờ ta thêu dệt.
Kìa tụ tán chẳng qua là tiễn biệt.
Ngựa Tái-ông họa phước biết về đâu ?
Một mai kia con tạo khéo cơ-cầu,
Dù bốn bể cũng trong bầu trời đất cả.

U bách niên trung tu hữu ngã,
Cho đến lúc đất ngả trời nghiêng.
Biển khô núi lở,
Tấm lòng vàng đá vẫn chưa mòn,
Trăng kia khuyết đó lại tròn.

Trong các nhà cách-mạng bị lưu-đày tại Côn-đảo, có hai người anh hùng : Tiểu-La và anh Nguyễn-an-Ninh là xấu số hơn cả. Hai ông đã bỏ mình trên đảo vì chế-độ lao-tù của Thực-Phong quá ác-độc.

Ngày nay Côn-đảo đã trở thành tỉnh Côn-Sơn, tàn-tích Thực-Phong đã chôn sâu trong dĩ-vãng.

Tỉnh Côn-Sơn lúc này là một đô-thị xinh đẹp, nhà cửa đều xây cất theo lối mới, nào Trung-tâm vô-tuyến truyền thanh, nào Cảnh-sát-cuộc, Nha Hiến-binh quốc-gia, Sở lưới, Tòa Hành-chánh, Ty Thông-tin, Bệnh-viện, Nha Ngân-khố, Câu-lạc-bộ, Hợp-tác-xã v.v.. đang khoe sắc đẹp giữa trời cao biển cả.

Tư-thất của vị Tỉnh-trưởng nằm tại bến tàu bên cạnh công viên đầy hoa tươi cỏ đẹp đem lại cho thành Côn-Sơn một vẻ phong-lịch hồn nhiên.

Với chương-trình chỉnh-trang ngày nay và ngày mai, tỉnh Côn-Sơn còn mở rộng và đẹp hơn lên, không thua kém gì các đô-thị trên đất liền của Việt-Nam Cộng-Hòa. (Bài khảo của Lê-văn-Mỹ)

CHƯƠNG VI

VIỆC XIN CHUỘC LẠI BA TỈNH MIỀN ĐÔNG

Quan-điểm của đám quân-nhân thực-dân đã thắng

Cũng nên nói thêm rằng dưới triều Tự-Đức quan-niệm mất đất và đền tiền là một sự nhục, nhưng trong việc mất đất còn một khía cạnh khác không kém não-nề là vì Gia-định vốn là nơi sinh-quán của Từ-Dũ thái-hậu và là đất khai-tịch của ông cha nhà vua trước khi lập ra triều Nguyễn, ngoài ra xứ này còn là vựa lúa, lương-thực của Bắc, Trung. Rồi từ ngày có hòa-ước Nhâm-tuất, Tự-Đức đã mất ăn mất ngủ nên ngay khi hai sứ-thần Phan. Lâm về Huế báo tin sự-thế, Tự-Đức đã cương quyết giành lại ba tỉnh miền Đông bằng bất cứ giá nào, hoặc bằng lối du kích chiến, hoặc bằng tiền bạc dù ít dù nhiều. Sau mấy lần điều-đình không xong, Tự-Đức liền gửi sứ-thần qua Pháp thương-nghị thẳng với Nã-phá-Luân đệ-tam cho rằng Súy-phủ Saigon không dám tán-thành sáng-kiến của chánh-quyền Huế. Vua tôi liền quyết cử sự vào tháng 5 năm Quí-Hợi.

Bàn đến vấn-đề, đình thần không thể cử ai khác làm Chánh-sứ ngoài Phan-thanh-Giản mà người ta vừa mới cách-lưu ít tháng trước. Dầu họ Phan đã bại trận giặc ngoại-giao vừa đây nhưng, cả hai bên Việt, Pháp vẫn phải coi Phan là một nhân-vật có tài, thông-minh lỗi-lạc đặc-biệt (Sứ-giả P. Cultru viết về Phan-thanh-Giản : *ông thông-minh phi-thường, có cử-chỉ đĩnh đạc, lời nói ôn tồn lịch-thiệp, tỏ ra có tài sắp đặt dung hòa mọi sự việc*... il est d'une intelligence remarquable. Il avait une très grande dignité, un ton calme et courtois, témoignait des dispositions conciliantes...)

Nguyệt-san « *Les Miscellanées* » xuất-bản năm 1889 viết : *Cụ*

Phan-thanh-Giản, hiệu là Lương-Khê thờ vua tận trung, giúp nước hết lòng.

Báo *Courrier de Saigon* ra ngày 5-2-1869 phê bình Cụ khi đang làm Tổng-Đốc Vĩnh-Long: « *Người ta đã không hiểu nổi cụ Phan là một người có đầu óc cấp tiến. Cụ cố gắng rất nhiều để đưa Quốc-gia đang nằm cheo leo trên miệng hố... Kết quả về hành-động của Cụ thế nào đi nữa người ta cũng phải nhận rằng Cụ là một nhà ngoại-giao có tài, biết binh vực khéo léo các quyền lợi của Đế-quốc Việt-Nam...* »

Còn việc triều-đình Huế cử sứ-bộ đi Pháp có một trở-lực là nếu nói rõ chủ-đích với Súy-phủ Saigon, ắt có sự ngăn trở hoặc phá-phách, mà đi bằng tàu riêng thì tàu của ta không thể qua các đại-dương do ta rất kém về kỹ-thuật hàng-hải. Vậy ta phải nhờ đến tàu thuyền của Pháp. Nói cách nào để Súy-phủ Saigon đem sứ bộ Việt-Nam qua Pháp? Ta nói dối rằng ngay năm đó (1862) sứ-thần Pháp có ra tại Huế chúc mừng vua ta, nay vua ta cho sứ qua Pháp đáp lễ. Do mưu này Pháp chịu cho ta mượn chiếc tàu *Européen*, ta chịu các khoản phí-tổn và Saigon lại cho hai sĩ-quan Pháp là Rieunier và Aubaret đi theo hướng dẫn sứ-đoàn Việt-Nam ngoài ba vị thượng-cấp có 62 tùy viên đem theo các đồ thượng-tiến là một cái kiệu sơn son thiếp vàng và 4 cái tàn để làm tặng-phẩm cho hoàng đế Nã-phá-Luân đệ-tam và hoàng hậu Isabelle (Nữ-vương Tây-ban-Nha thuở ấy).

Trước khi sứ-bộ ra đi, vua Tự-Đức còn thắc-mắc hỏi: nếu vua Pháp cứ nhất định giữ ba tỉnh miền Đông thì khanh xử-trí thế nào?

Phan Thanh-Giản đáp:

— Thần sẽ cân nhắc mọi sự lợi hại, tình-thế bây giờ là ở trong tay người Pháp, nếu chẳng đừng được thì cố đòi được gì thì đòi, thần chỉ biết làm hết sức mình mà thôi.

Vua chảy nước mắt nói:

— Đất đai của ta, nhân dân của ta là do tiên-triều mở mang, nhóm họp, nay phải lo liệu làm sao cho khỏi thẹn. Vua còn dặn: « Quốc-thư phải trao tận tay Pháp-hoàng, đừng mượn tay nào khác. Đừng quên rằng sứ-bộ thay mặt cho một nước, phải giữ tư-cách cho đàng hoàng, vào triều-kiến chỉ cúi đầu là đủ, chớ có lạy.

Cuối tháng 6, sứ-bộ từ Đà-nẵng xuống tàu « *Echo* ». Ngày 4-7

đáp tàu «*Européen*» đến Alexandrie rồi qua chiếc «*Labrador*» ngày 10-9-1863 sứ-bộ lên Marseille. Hải-quân Pháp ở đây chào mừng sứ-bộ bằng 17 phát đại-bác. Các thuyền đậu tại bến bấy giờ đều kéo cờ Việt-Nam bên cờ Pháp theo đúng nghi-lễ. Đại diện cho Tổng-trưởng bộ ngoại-giao có ông Mure de Palaume ra chào mừng mời sứ-bộ tới một biệt-thự. Tại đây có nhiều văn võ chức đón. Sứ-bộ tạm nghỉ ở *Marseille* một đêm, qua ngày hôm sau là 11-9 lên Paris. Cuộc tiếp rước tại kinh-thành này rất là long-trọng. Đại-diện Pháp hoàng là ông Feuillet de Couches. Ông đưa sứ-bộ về nghỉ tại lâu đài đường Lord Byron và qua nơi đại-tá Aubaret, sứ-bộ được hay Pháp-hoàng còn đang nghỉ mát ở Barritz vài tuần nữa mới có mặt ở Paris.

Trong khi chờ đợi Phan-thanh-Giản lại gặp Tổng-trưởng bộ ngoại-giao Pháp vừa để chào theo phép lịch-sự vừa dò tình ý của chánh phủ Pháp. Ngoài ra nếu mở cuộc thương-thuyết thì cũng phải nói chuyện trước ít nhiều với bộ ngoại-giao đã. Phan bấy giờ bày tỏ sự vui mừng được đến đất Pháp rồi mang câu chuyện triều-đình Huế muốn chuộc lại ba tỉnh miền Đông. Ít bữa sau nhiều báo-chí ở Paris đã loan tin vua Việt-Nam cử sứ-đoàn sang xin chuộc ba tỉnh miền Đông Nam-Kỳ với giá 85 triệu bạc và nhượng đứt thành phố Saigon cho nước Pháp. Tờ báo Bỉ là «*Indépendance Belge*» đăng một cách quả quyết rằng «Việt-Nam đã đàm phán với ô. Achille Fould để chuộc ba tỉnh Nam-Kỳ vì đôi bên đã có sự thỏa-thuận chỉ còn chờ Pháp-hoàng về để quyết-định (1).

Sự thực có thể sứ-thần Phan-thanh-Giản đã ngỏ ý một phần nào chủ-trương của sứ-đoàn nếu không báo-chí Paris làm sao mà biết được chuyện này, rồi nhân đó họ phóng-đại thêm ra.

Bấy giờ Pháp đang theo đuổi một cuộc chiến tranh bên Mễ-tây-Cơ (*Mexique*). Cuộc chiến-tranh này đã làm cho Pháp kiệt-quệ nên có một phái không tán thành những việc đánh chiếm xa-xôi, vì thế trong thời gian chưa có mặt Pháp-hoàng ở Paris, các nhà đương-cục Pháp và sứ-bộ Việt-Nam đã chỉ bàn đến số tiền chuộc coi như việc cho chuộc

(1) Sử Việt-Nam cho rằng sứ-thần họ Phan rất thận trọng nên khi đó chưa đả-động đến việc chuộc ba tỉnh miền Đông, huống-hồ còn bằng lòng nhường thành phố Saigon cho Pháp. Theo Cụ Huỳnh-thúc-Kháng, sở-dĩ báo chí Pháp đăng tin bày một là để thăm dò dư-luận trước khi Pháp-hoàng hồi loan, hai là người thông-ngôn đã không diễn tả nổi ý kiến của Cụ Phan.

thế nào cũng xong. Ngoài ra người ta còn tính đến cả việc triệt-hồi quân đội viễn-chinh. Rồi nhân việc Chánh-phủ công bố số tiền thiếu hụt trong ngân-sách, người ta phô-trương sẽ lấy 100 triệu tiền chuộc ba tỉnh Nam-Kỳ để lấp những lỗ hổng.

Sứ-bộ ở Ba-lê nhân ngày 7-10 năm đó là ngày lễ Vạn-thọ của vua Tự-Đức liền mở cuộc tiếp-tân, mời các nhà tai mắt ở Paris đến dự đông đủ tại nơi công-quán.

Ngày 5-11-1863 Pháp-hoàng đã về. Sứ-thần Việt-Nam được mời đến điện Tuileries. Cuộc nghênh-tiếp rất là long trọng. Bốn chiếc xe song-mã của Hoàng-đế đến dinh sứ-bộ đón. Sứ-bộ mặc triều-phục. Mỗi xe song-mã đều có các vị quan hầu Pháp tùy-tùng.

Ngoài sân điện có một ngàn lục-quân bồng súng chào và nổi bài quốc-thiều. Các quan Pháp ra tận ngoài thềm đón. Sứ-bộ được họ hướng dẫn. Cụ Phan đi trước, các quan của ta theo thứ-tự đi sau. Vào bên trong Ngự-lâm-Quân Pháp cũng bồng súng, gươm tuốt trần rất oai-nghi, tề-chỉnh.

Hoàng-đế Pháp, Hoàng-hậu và Hoàng-tử cùng ngự trên tam cấp có trải thảm nhung. Sứ-bộ tiến tới trước mặt Pháp-hoàng lần lượt chắp tay ngang trán ba lần cúi đầu. Hoàng-đế và Hoàng-hậu cũng cúi đầu đáp lễ. Cụ Phan dâng bức quốc-thư lên. Pháp-hoàng bước xuống một bước tiếp lấy. Rồi Cụ Phan vẻ mặt ủ-dột, nước mắt dòng dòng bày tỏ mục-đích của sứ-đoàn Việt-Nam. (1) là xin chuộc ba tỉnh miền Đông Nam-Kỳ khiến bà Hoàng-hậu phải mủi lòng mà ứa lụy.

Pháp-hoàng phán rằng : « Nước Pháp bao giờ cũng có hảo tâm với mọi quốc-gia và sẵn sàng bảo vệ các nước yếu nhưng kẻ nào ngăn cản bước đi của nước Pháp thì phải coi chừng. (*La France est bienveillante pour toutes les nations et protectrice des faibles mais ceux qui entravent sa marche ont à craindre sa sévérité*). Vì ông Aubaret không giỏi tiếng Việt như người ta tưởng để phiên-dịch cho rõ nghĩa hơn nên đã giải câu *ont à craindre sa sévérité* ra : phải có sợ... sứ-bộ

(1) Trong lịch-sử ngoại giao từ cổ đến kim, chỉ có Thân-bao-Tư rỏ lệ mà được việc. Nhưng đây là trường hợp xin viện-quân một nước bạn (Tần) để sang cứu nước mình (Sở). Họ Phan khóc với Pháp-hoàng là khóc với kẻ địch, quyền lợi Việt, Pháp xung-khắc thì khóc mà ăn thua gì và chỉ tỏ thêm một lần nữa sự hèn yếu của nước mình mà thôi. Nhà ngoại-giao phải biết cân nhắc câu cười tiếng nói của mình, đó là một điều rất quan-trọng.

đầm thắc-mắc tưởng như cuộc thương-thuyết thất bại nhưng sự thật cuộc thương-thuyết còn phải giao cho đình-nghị. Rồi khi sứ-đoàn rút lui thì mấy hôm sau được mời đến bộ ngoại-giao, để nói chuyện lại. Tổng-trưởng Achille Fould cho biết :

— Cuộc đàm-phán chưa dứt, sứ-bộ Đại-Nam cứ việc bàn lại các vấn-đề, chúng tôi sẽ nghiên-cứu rồi sửa hiệp-ước 1862 sau đó sẽ ký-kết với các ngài một hiệp-ước khác

Cụ Phan trả lời : Sứ đoàn xin chuộc lại ba tỉnh Nam-Kỳ, Đại-Nam sẽ bằng lòng một số tiền bồi thường cho quân Pháp rút khỏi Nam-Kỳ...

Cuộc thương thuyết kéo dài ba ngày, Pháp đình cho biết hai nước sẽ thương thuyết thêm ở Huế một lần nữa. Như vậy về đại-cương sứ-bộ Phan-thanh-Giản như đã thành công, nhưng không có một thông cáo nào nói về vụ này. Vào ngày 12-11-1863 tức là 7 ngày sau khi sứ-bộ vào tiếp kiến Pháp-hoàng tờ « *Moniteur Universel* » công bố rằng :

« Hiệp-ước sẽ sửa đổi, nhất là khoản thứ 3... ». Rồi sứ-bộ Đại-Nam lên đường về nước. Pháp-hoàng cho ông Aubaret mang tặng Cụ Phan-thanh-Giản một bộ chén trà bằng sành Limoge làm kỷ-niệm.

Sứ bộ lại sang Tây-ban-Nha bằng tàu Tercoire đến Madrid (Kinh-đô Tây-ban-Nha) vào triều kiến Nữ-hoàng Isabelle rồi đáp tàu về Việt-Nam. Khi đi qua Địa-trung-Hải, tàu bị bão trôi trở lại Naples. Do việc này có tin về Sai-gon là sứ-đoàn Việt-Nam mất tích trên đường hồi-hương

Tháng hai năm sau (*Giáp-Tý 1864*) sứ-bộ tới Gia-định, Pháp-súy cho tàu *Echo* đưa các sứ-thần về Huế.

Tháng 4-1864 ông Aubaret với danh nghĩa Toàn-quyền đặc-sứ mang sang Việt-Nam một dự-thảo sửa đổi hiệp-ước Nhâm-Tuất (Việc sửa đổi này nêu ra được Pháp-hoàng chấp thuận do ý việc chiến tranh của Pháp ở Mễ-tây-Cơ đang làm cho tài-chánh nước Pháp bị băng huyết thảm hại nên tại đây một phái không ưa những cuộc viễn-chinh xa xôi như Viễn-đông, nhưng phái quân nhân đã qua Á-châu thì quan-niệm không đánh các nước lạc-hậu này cũng hoài).

Tháng 6-1864 Trung-tá Aubaret tới Huế và sau một tháng thảo luận có sự ấn-định như sau giữa hai bên Việt-Pháp (1)

(1) Sự ấn-định này đã cho ra đời bản hiệp-ước 15-7-1864 nhưng sau vì yếu vong nên không được nêu danh. Dầu sao nên cho hiệp-ước một cái tên để nhớ thì phải hơn.

Trong cuộc thương-thuyết lần này Triều-đình Huế cử Phan-thanh-Giản làm Toàn-quyền chánh-sứ, Trần-tiễn-Thành, Phan-huy-Vịnh làm phó-sứ.

Nội-dung hiệp-ước 15-7-1864 có vài khoản quan-trọng trong số 22 khoản sửa đổi hoàn-toàn hiệp-ước 1862. Tỉ-dụ :

Khoản thứ nhất.— *Hoàng-đế Pháp chịu trả lại cho Hoàng-đế Đại-Nam quyền cai-trị ba tỉnh Gia-định, Biên-hòa và Mỹ-tho đã nhượng cho Pháp theo hiệp ước 5-6-1862.*

Khoản thứ nhì.— *Việt-Nam nhường đứt các nơi dưới đây để tiếp tục đặt dưới quyền kiểm-soát và cai trị trực-tiếp của Pháp.*

1) Thành phố Saigon, Chợ-lớn và Thuận-kiều.

2) Đồn Thủ-dầu-Một.

3) Đồn Mỹ-tho.

4) Dòng sông nhà Giây-thép.

5) Bãi Ganh-Rái (Vũng-Tàu).

6) Sông Saigon.

7) Núi Nứa (Baria).

9) Đảo Côn-lôn.

Khoản thứ tư.— *Hoàng-đế Đại-Nam nhìn nhận quyền bảo-hộ của nước Pháp ở Lục-tỉnh Nam-Kỳ. Việc Bảo-hộ này không có nghĩa là thần-thuộc.*

Khoản thứ chín.— *Ba cửa bể Đà-nẵng, Ba-lat và Quảng-yên sẽ mở cho thương-thuyền Pháp ra vào.*

Khoản thứ mười sáu.— *Người Việt-Nam được toàn-quyền tới buôn bán trên các lãnh-thổ Việt-Nam.*

Khoản thứ mười bảy.— *Hai nước Việt-Pháp sẽ trao đổi sứ-thần để binh-vực kiều-dân của mình.*

Khoản thứ mười chín.— *Mỗi năm Đại-Nam phải trả cho nước Pháp 2 triệu đồng quan Pháp (chiến-phí) trong bốn chục năm liên tiếp hoặc bằng tiền hoặc bằng sản-vật có giá-trị tương đương.*

Khoản thứ hai mươi.— *Các điều khoản trong hiệp-ước 5-6-1862 đều hủy bỏ.*

Ký tên :	*Ký tên :*
AUBARET	PHAN-THANH-GIẢN
	TRẦN-TIỄN-THÀNH
	PHAN - HUY - VỊNH

Nước Pháp trả lại ba tỉnh: Gia-Định, Mỹ-tho và Biên-hòa cho nước Việt-Nam chỉ giữ Saigon, Mỹ-tho và Thủ-dầu-Một (ly-sở) để đóng quân và buôn bán. Nước Nam phải để nước Pháp bảo-hộ xứ Nam-Kỳ và chịu mỗi năm là 2.000.000 nguyên tiền bồi thường.

(*Theo Việt-Nam Pháp thuộc sử và Nam-Bộ chiến-sử* sự bảo-hộ đây không có nghĩa là thân-thuộc. Người Pháp được trú ngụ ở Đà-Nẵng, Ba-lạt, và Quảng-Yên và được nhượng 9 cây số đất chung quanh các hải-cảng làm nơi buôn bán. Bồi-khoản chiến-tranh là 80 triệu phật-lăng trả trong 40 năm, mỗi năm 2 triệu. Người Pháp có việc đi vào đất nước Nam thì xin giấy thông hành, xong việc phải trở lại Hải-cảng.

Về đại-cương hiệp-ước 15-7-1864 như vậy kể đã thành tựu, riêng có khoản 19 Đặc-sứ Aubaret chưa ký vì còn phải phúc-trình về Pháp.

Tại Huế vua Tự-Đức và các quan lấy làm vui mừng nhưng dư-luận của một số sĩ-dân vẫn không tán-thành cho rằng lĩnh-thổ Việt-Nam vẫn chưa được giải-tỏa hoàn-toàn mà số tiền bồi thường thì quá nặng, nhân dân Nam-Kỳ giận dữ hơn cho rằng quân đội Pháp vẫn còn tuy chỉ đóng ở các đô-thị thì tình thế vẫn bất chắc như thường.

Về phía người Pháp, việc sửa đổi hiệp-ước của Trung-tá Aubaret không có lợi gì ; theo các điều trên đây Pháp phải thu hẹp phạm-vi chiếm đóng lại, nhưng vẫn phải để quân đội ở lại thì vẫn tốn kém như thường, ngoài ra nếu dân Việt-Nam riêng phản-ứng về mặt kinh-tế Pháp cũng đủ thất-bại. Lý do rất dễ hiểu là người Việt chắc-chắn sẽ bất cộng-tác với Pháp thì còn tính làm ăn buôn bán với ai, Vậy Pháp tốn binh-phí như cũ để giữ mấy nơi thị-trấn xuông chăng ? Việc thứ hai có thể xảy ra nữa là quân đội của triều đình Huế sẽ trở lại phong tỏa các thị-trấn này thì đôi bên Việt, Pháp gần như trở

lại tình-trạng cũ, Pháp sẽ không ngồi yên được, lại phải đẩy lui quân Việt ra, không phải là không chật-vật và cũng lại tốn người hại của thêm một lần nữa Nếu hai bên không gây chiến-cuộc Pháp cũng đã bất lợi rồi do đó trước đây ở bên Paris một phần dư-luận đã nổi lên công kích dự án sửa đổi hòa-ước của Aubaret. Nhiệt-liệt đả-phá việc sửa đổi Hòa-ước Nhâm-tuất là hầu-tước de Chasseloup-Laubat lúc đó đang là Tổng-trưởng Bộ Hải-quân kiêm thuộc-địa nhưng ông này bấy giờ chưa có nhiều người ủng-hộ.

Ngày 9-1-1864 Thống-đốc de la Grandière ở Saigon được Tổng-trưởng ngoại-giao Pháp Drouyn de Lhuys cho hay chánh-phủ Pháp đã quyết-định sửa đổi Hòa-ước 1862 và ra lệnh cho Thống-đốc tiếp xúc với Aubaret để giúp đỡ việc ký kết của đôi bên được dễ dàng.

Riêng tại Súy-phủ Saigon có nhiều quận nhân hùa theo lập-trường của de Chasseloup-Laubat. Vào thượng tuần tháng 4-1864 Aubaret tới Việt-Nam. Người Pháp ở đây tiếp đón ông ta một cách lãnh-đạm.

Rồi trong khi ở Huế ông thảo-luận với Phan-thanh-Giản, Trần-Tiễn-Thành và Phan-huy-Vịnh, ở Ba-Lê, phe tán-thành hiệp-ước Bonard tại nổi lên phản-ứng kịch-liệt. Phe này gồm có nhiều quân-nhân cao-cấp ngạch hải-quân : Thiếu-tướng Rigault de Genouilly, Bonard, hầu-tước Chasseloup-Laubat v.v... Một quyển sách nhan-đề là : Vấn đề Nam-Kỳ xét theo quyền lợi của người Pháp (*La question de la Cochinchine au point de vue des intérêts français*) (1) ký theo biệt-hiệu Abel đệ lên Pháp-hoàng. Nhiều yếu-nhân trong chánh-quyền, nhiều nhà báo, và nhân viên các phòng thương-mãi hưởng-ứng. Hầu-tước de Chasseloup Laubat nhân dịp này, vào tháng 2-1864 lại dâng một bản phúc-trình lên vua Pháp nói thêm mọi sự tai-hại cho Pháp về việc trả lại ba tỉnh Nam-Kỳ. Báo-chí cũng đả-kích việc bỏ Nam-Kỳ lấy cớ rằng cuộc chinh-phục Nam-Kỳ đã tốn nhiều xương máu và tiền của, ngoài ra nước Pháp cần phải có mặt ở Viễn-đông để tranh-đấu với Liệt-cường Tây-phương đang ráo-riết gây nhiều uy-tín và ảnh-hưởng ở bên kia bán-cầu. Tóm lại, họ cương-quyết giữ nguyên vẹn Hòa-ước Bonard (Nhâm-tuất).

---

(1) Sau người ta khám phá ra tác-giả cuốn sách trên đây là Đại-úy Rieunier người đã cầm quân ở Gò-công, Mỹ-tho, Biên-hòa mấy năm trước đó.

Vấn-đề được nêu ra một cách xôi-nổi. Ban đầu Pháp-hoàng và dân chúng ít chú ý sau nó có nhiều tiếng vang từ trong chánh-phủ ra ngoài đại-chúng. De Chasseloup Laubat còn nêu thêm một khoản trong hòa-ước 15-7-1864 nói về việc không trả thù những người đã cộng-tác với Pháp. Ông ta nói rằng: nếu Chính-phủ Pháp trả lại ba tỉnh Nam-kỳ (trong một tờ phúc-trình thứ hai) thì những người cộng-tác với Pháp sẽ sống ở đâu ? Họ đang thiết-tha người Pháp ở lại để bảo vệ sanh-mạng cùng tài-sản của họ v.v... Nếu Pháp bỏ rơi họ thì sau này ai còn dám cộng-tác với người Pháp nữa ?...

Lần này Pháp-hoàng xiêu lòng và ngày 18-7-1864, Aubaret được lệnh bãi bỏ hẳn hiệp-ước vừa mới ráo mực. Lệnh này do Súy-phủ Saigon chuyền cho Aubaret lúc đó đã có mặt tại Tiêm-la để giữ chức sứ-thần từ vài tháng sau khi sửa đổi hiệp-ước 1862 với triều-đình Huế.

Thế là hy-vọng của Việt-Nam tan ra mây khói. Từ đây cuộc kháng chiến của sĩ-dân miền Nam nổi lên mãnh-liệt vì ai nấy đều thất vọng. Tự-Đức và các đại-thần thì lúng-túng trong cái thế dở khóc dở cười bởi lập-trường của đối-phương đã rõ rệt như ban ngày, nghĩa là chỉ có sức mạnh mới nói chuyện được với địch.

CHƯƠNG VII

CUỘC QUẬT KHỞI CỦA SĨ-DÂN MIỀN NAM

Các phong trào cứu quốc

— Sau khi hòa-ước Nhâm-Tuất ra đời và được thực-thi sĩ-dân Nam-Kỳ như ta thấy rất phẫn-uất. Những đồng-bào của chúng ta ở địa-phương này mang trong huyết-quản cái truyền-thống anh-dũng chống xâm-lăng của tổ-tiên không thể chịu được cái nhục quốc phá gia-vong. Vậy phản-ứng của họ đối với Thực-dân Pháp không đáng cho ta ngạc-nhiên chút nào. Để chống lại việc ký-kết Hiệp-ước 1862, một vài nho-giả đã tung ra tại chỗ một số thi-ca đầy thịnh-nộ với vua tôi Tự-Đức mà nay người ta còn nhớ câu :

Phan, Lâm mãi quốc, triều đình khi dân (1)

Cử-nhân Phan-văn-Trị có bài cảm-khái về thời vụ như sau :

Tò le kèn thổi tiếng năm ba,
Nghe lọt vào tai luống xót xa.
Uốn khúc sông rồng mù mịt khói.
Vẳng ve thành phụng ủ-sầu hoa.
Tan nhà cám nỗi câu ly-hận,
Cắt đất thương thay cuộc giảng hòa.
Gió bụi đòi cơn xiêu ngã cỏ,
Ngậm cười hết nói nỗi quan ta.

---

(1) Ông Phan, Lâm bán nước, triều-đình, lừa dối dân.

...Thà thua xuống Láng xuống Bưng (1)
Kéo ra đầu giặc lỗi chưng quân thần...

truyền tụng khắp hang cùng ngõ hẻm, từ thành-thị đến thôn-quê.

Cầm đầu phong-trào kháng Pháp bấy giờ kể từ 1860 trở đi là các ông Trương-Định, Nguyễn-trung-Trực, Nguyễn-hữu-Huân, Võ-duy-Dương và Trần-văn-Thành. Xét ra nghĩa-quân nổi khắp mọi nơi ào-ạt từ trước thời Hiệp-ước chưa ra đời, cổ-võ quần chúng dưới danh nghĩa :

Phong trào cần-vương cứu quốc
Bình Tây sát tả. Dân chúng tự-vệ...

Bên cạnh các vị lĩnh-tụ này còn biết bao đồng-bào nông dân, áo vải đến nay lu mờ tên tuổi nhưng lòng hy-sinh, trí dũng-cảm không kém đã tạo nên một hào-khí chung từng làm cho địch phải nghiêng mình bái-phục.

Nhiều cuộc khởi-nghĩa khác nối-tiếp nhau sau này cũng đáng được chú ý như cuộc khởi nghĩa Ba-rịa, Biên-hòa, của Quản Sư của Trương-Huệ với khẩu hiệu : « *Dân chúng tự-vệ* » cuộc khởi nghĩa Vĩnh-long, Trà-vinh, Bến-tre, Sa-đec của một nhóm quan lại bấy giờ, của anh em Phan-Tôn, Phan-Liêm con cụ Phan-thanh-Giản lấy khẩu hiệu *Cần-vương cứu-quốc*, ở Tây-ninh cuộc khởi nghĩa của mười tám thôn Vườn-Trầu do quản Hớn, cuộc khởi nghĩa Ba-Động (Trà-vinh) do Nguyễn-xuân-Phụng với khẩu hiệu « *Bình-Tây sát-tả* » cuộc khởi nghĩa Mỹ-tho, Tân-an do Thái-văn-Nhíp, cuộc khởi nghĩa An-giang (Châu-đốc) do Trịnh-quang-Nghị v.v... (2)

Tóm lại tất cả các cuộc khởi nghĩa trên đây đều chung một mục-đích đánh là đổ hiệp-ước 5-6-1862, để giải phóng đất nước.

---

(1) Láng : Láng Linh, một cánh đồng rậm, thuộc An-giang, huyện Vĩnh-an tỉnh Tân-thành.

(2) Sau Hòa-ước 1862, vào khoảng tháng 9 một nghĩa-sĩ tên là Trịnh-quang-Nghị cầm đầu một bộ-đội nghĩa quân hoạt động tại An-giang, bắt gặp 44 người Công giáo đang tìm cách liên lạc với người Pháp, ông đã thẳng tay tàn-sát bọ. Phan-thanh-Giản làm sớ tâu về triều xin trừng trị Nghị để khỏi có sự phiền-phức với người Pháp. Tự-Đức ra lệnh tha cho Nghị và phán rằng Nghị chỉ vì yêu nước mà hoạt động và Pháp với ta chưa bằng đã yên, nay giết Nghị tức là tự mình ly-gián

Trương-Định

Từ trước đến nay người ta vẫn gọi vị anh-hùng kháng Pháp này là Trương-công-Định. Sự thực tên họ ông là Trương-Định và đặt thêm chữ *Công* là do lòng kính mến của nhân-dân.

Ông vốn là một công-tử nhà giàu sinh ở Quảng-nghĩa. Cha là lãnh-binh Trương-Cầm vì có công trong việc lập đồn-điền do Nguyễn-tri-Phương phụ trách được thăng Phó Quản-cơ. Sau khi Gia-định mất vào tay Pháp, Trương-Định chiêu-mộ quân nghĩa-dũng, cương quyết chống Pháp, lập được nhiều thành-tích trong trận kháng Pháp đầu tiên của ông tại đồn Kỳ-hòa. Ông được thăng Phó-lãnh-binh. Ngôi sao của ông từ đó sáng chói vì ông được kể thuộc số người chống xâm-lăng trước nhất bởi ông vung gươm chiến-đấu từ 1860.

Đồn Kỳ-Hòa thất-thủ, ông lui quân bản-bộ (quân riêng của ông) về Biên-hòa rồi luôn luôn lui tới đánh phá Chợ-lớn, Tân-An, Gò-công Nhân-dân thấy ông là nhà ái-quốc hăng-hái nên rất tin tưởng vào nơi ông và vào khoảng tháng 8 năm Tân-dậu (1861) số người theo ông có tới một vạn. Ông tung ra khẩu hiệu « *Dân chúng tự vệ* » (do khẩu hiệu này ta có thể hiểu cái thâm-ý của nhà đương-cục và các lính-tụ kháng chiến đời bấy giờ thấy vẫn cần dành một mảnh đất ngoại-giao cho triều-đình nếu không thắng được kẻ địch mà ta đã thấy có nhiều ưu-điểm quân-sự hơn ta. Từ giai-đoạn này trở đi quân triều-đình có khi công-khai, có khi bí-mật chống Pháp. Ti-dụ, khi Hòa-ước Nhâm-tuất ký xong, vai trò chống Pháp phải dành cho nhân dân mới tiện, trong trường-hợp này triều-đình chỉ có thể gián-tiếp ứng-trợ mà thôi, nhưng cũng có giai-đoạn vì quá khiếp-nhược nên triều đình phải thật sự cộng-tác với Pháp do đó dân chúng Nam-Kỳ rất là bất bình.

Tại Gò-công ông huyện Thoại (1) lập được nhiều chiến-công

---

với nhân-dân và bóp nghẹt phong-trào kháng-địch cứu quốc. Hai chữ sát tả trên đây có nghĩa là giết bọn truyền bá tà-đạo cũng như bọn người theo tà đạo (một thứ đạo bất chính).

(1) Ông Đỗ-trình-Thoại tức Huyện Thoại đem 600 quân tấn công Pháp tại Gò-công vào tháng 5 năm Tân-dậu (1861). Đồn-trưởng là Trung-úy Vial bị trọng thương (theo *Việt-Nam Pháp-thuộc sử* chiến-công trên kia là của ông Huyện Thoại chớ không phải là của ông Trương-Định).

anh-dũng khiến Pháp-quân phải kiêng nể, ngày nay người ta còn nhớ rạng ngày 22-6-1861 tàu chiến của Pháp lảng-vảng đến Gò-công với một số người Việt (lính tập) chỉ-huy đám quân này là P. Vial. Quân của Trương đợi quân Pháp ở tàu *Amphitrite* đổ-bộ định vào tấn công. Quân ta liền vây ráo-riết nếu không có người lính-thủy Bodiez cứu kịp do điều khiển được hỏa-lực ở dưới tàu bắn lên, thì tất cả bộ đội của P. Vial có thể bị tiêu-diệt hết. Quân ta không chịu được sự tàn phá quá mạnh của đạn trái phá phải tản ra vùng đồng ruộng. Tuy vậy Vial cũng bị hai mũi giáo và hỏa-hồ Việt-Nam xịt cháy mất một mắt. Ngày 24-6 Thiếu-tướng Lebris kéo viện-binh đến Gò-công bằng tàu Duchayla chạy vào đậu ở Rạch-lá rồi đổ bộ quân-sĩ lên bờ. Sau cuộc xung-đột mãnh-liệt này, Pháp bắt đầu ngại lực-lượng của nghĩa-quân và ông Trương cho hạ sát cùng khủng-bố bọn Việt-Gian đã chỉ đường mách lối cho Pháp. Và sau 1862 Liên-quân Pháp-Tây phải triệt-thoái khỏi Gò-công không ngoài lý-do cần tập-trung quân lực về giữ ly-sở Gia-định, Sai-gon, Chợ-lớn do không đủ sức bảo vệ các mặt trận xa bởi quân nghĩa-dũng đánh phá ào-ạt. Xin nhớ rằng vào khoảng tháng 8 năm Tân-dậu (1861) quân của họ Trương lên tới hàng vạn nên mặc dầu cuối tháng 9 quân Pháp làm chủ được Gò-công ít lâu. Đã có thời Trương được vua Tự-Đức phong Lãnh-binh tỉnh An-giang và bí-mật cất ông lên chức Bình-Tây Đại-nguyên-soái. Do triều-đình đặt hết hy-vọng vào ông nên dân chúng cũng nức lòng theo ông.

Sau Hòa-ước Nhâm-tuất, triều-đình Huế muốn áp dụng biện-pháp hòa bình để giải-quyết cho êm việc thâu-hồi ba tỉnh miền Đông cho rằng vũ-lực sớm muộn cũng vô kết-quả, ngoài ra triều-đình đang lo-lắng về các vụ loạn ở ngoài Bắc-Kỳ nhưng lập-trường của ông Trương và của đồng-bào Nam-Kỳ lại trái ngược hẳn. Triều đình gọi ông ra Phú-yên giao cho ông cai-trị tỉnh này để nhận chìm việc kháng chiến. Bề khác Phan-thanh-Giản được cử vào Nam yêu cầu nhân-dân hạ khí giới hầu yên với Pháp để đối phó với các vụ loạn đang lan rộng ngoài Bắc-Kỳ. Nhân dân không chịu, cử ông Trương dâng sớ về Huế phản đối lời dụ trên đây. Ông Trương bị cất chức. Soái-phủ Sai-gon cũng cử Tôn-thọ-Tường đến điều-đình với ông để giải binh, ông cũng từ chối.

Nghĩa-quân các tỉnh Gia-định, Định-tường và Biên-hòa suy-tôn

ông lên làm lĩnh-tụ. Có thể nói rằng lúc này quân-lực của triều đình ngừng hẳn, thanh-thế chống địch chỉ còn ở nơi họ Trương trên khắp lĩnh-thổ miền Nam. Không về Phú-yên, cung chức mới, ông phải cách chức theo đề-nghị của Phan-thanh Giản cho Pháp khỏi khiếu-nại lôi thôi Bên trong vua Tự-Đức vẫn hài lòng về ông nên có lần nhà vua đã nói với thị-thần rằng : « Lòng dân được như vậy cũng là giúp một phần vào mưu-đồ của ta, có lẽ nào ta lại áp-bức họ ? »

Qua nhiều cuộc đụng-độ hết thảy theo phương pháp du-kích quân nghĩa-dũng đã gây được nhiều tổn thất ở khắp mọi nơi giữa năm 1863. Các trận đánh nhằm vào các đồn tiền-tuyến của địch bấy giờ là Phú-lâm, Bà-hom, Tân-hòa, Bến-lức, Tân-an, Cây-mai. Tại đồn Rạch-tra, Đại-úy Thuronde đã tử-chiến để quân-đội rút lui và tại Thuộc-nhiêu (ở giữa Mỹ-Tho và Cây-Mai) Đại-úy Taboule cùng quân đội trong đồn đã bị công-kích khốn-đốn.

Vì thấy tình-trạng mỗi ngày thêm khẩn-trương, mặt trận của nghĩa quân mỗi ngày một lan rộng và việc dụ-dỗ ông Trương không có kết quả Đô-đốc Bonard phải xin viện-binh của Thiếu-tướng Jaurès đang đóng ở Tàu về Nam-Kỳ, sau đó nửa đại-đội pháo-thủ da đen cùng 800 quân Tây-ban-Nha từ Manille sang tăng-cường cho quân đội Pháp ở Nam-Kỳ.

Nhờ có đám viện-binh kể trên, thành Biên-hòa bớt bị uy-hiếp, đồng thời Pháp mở được con đường xuống Bến-lức để qua đánh Gò-công. Tại đây và trong giai-đoạn này Liên-quân ra sức tiêu diệt quân nghĩa-dũng. Họ tấn-công táo-riết các cơ-cấu phòng-thủ của ta ở quanh vùng Gò-công rồi do đường thủy họ đưa một số pháo-hạm vào dự chiến với bộ-binh. Tháng giêng năm Quý-Hợi (25-2-1863) nghĩa-quân phải rút khỏi vùng này vì không đủ sức chống lại địch bởi lực lượng của họ quá hùng-hậu. Trương mang tàn quân về ẩn náu tại mấy hòn đảo bùn lầy ở Vàm sông Soài-rạp và Đàm-trang (tục gọi là khu Đầm lá tối trời) thuộc tỉnh Biên-hòa. Ở đây nếu cần, nghĩa quân còn có đường chạy ra biển và ra Bình-thuận.

Liên-quân lại tìm đến. Quân Trương lại quay về Tân-an, Chợ-gạo. Cuối năm 1863, Liên-quân nắm giữ được Gò-công mà quân Trương trước sau hai lần chiếm đóng và hai lần phải bỏ chạy. Một năm sau vào ngày 19-8-1864 Gò-công thất-thủ. Trương mang quân về

Kiềng-Phước là lúc ngôi sao của ông bị lu mờ. Một bộ-hạ là Huỳnh-công-Tấn đã làm phản qua đầu hàng Pháp, rồi dẫn Liên-quân đến vây bắt Ông và 28 người tùy-thuộc bị bắn chết. Ông mất giữa năm 44 tuổi trong đêm 19 rạng ngày 20-8-1864. Con ông là Trương-Huệ sau khi cha chết đem quân về Tây-ninh liên kết với một nhà cách-mạng Cao-Mên la Pucambo (cháu vua Cao-Mên) tuy đã đi tu vẫn nổi lên chống Pháp và chống cả vua Narodom đã dâng nước cho Pháp. Lịch-sử chống xâm-lăng của Mên có lẽ chỉ có nhà sư này thôi. Sau Huệ và Pu Cambo cũng thất bại mà chết Cha anh-hùng, con hào-kiệt, toàn gia tử nghĩa do đó phiên-thần Quảng-Ngãi là Trần-quý-Bình tâu việc nầy lên vua Tự-Đức, nhà vua chuẩn cấp 5 mẫu tư-điền để tộc-thuộc họ Trương thờ phượng: Năm Tự-Đức 24, chánh-quyền lập đền thờ tại nơi sinh-quán của cha con ông Trương.

Ông Trương bỏ mình vì nước nhưng các đồng-chí của ông vẫn tiếp-tục sự-nghiệp của ông (1)

Nguyễn-trung-Trực

Ông Nguyễn-trung-Trực tên thật là Nguyễn-văn-Lịch người tỉnh Tân-an vừa làm nghề chài lưới vừa làm ruộng đã phất cao cờ kháng-chiến ở Tân-an, Rạch-giá vào 1860 sau khi nhận xét sách-lược ngoại-giao của triều-đình Huế, chỉ là đi từ cuộc đầu hàng này qua cuộc đầu hàng khác và về phần Pháp chỉ ỷ có sức mạnh mỗi ngày làm tới mà thôi. Quân của ông hoạt động nhiều nhất vào cuối năm 1862 là sau Hòa-ước Nhâm-Thất ít tháng. Như ta thấy, sĩ dân Nam-Kỳ khi được tin triều-đình Huế nhường đất cầu hòa rất lấy làm bất bình. Làn sóng căm hờn cả Pháp lẫn phong-Kiến nhà Nguyễn đã bốc lên như vũ bão vì thế những ai có dòng máu anh-hùng nghĩa-sĩ đều không thể khoanh tay ngồi nhìn cái nạn mất nước.

---

(1) Về vụ tên Việt-gian Huỳnh-công-Tấn sát hại ông Trương xin bạn đọc coi bài trần thuật của một võ-quan Pháp có mặt ở Nam-Kỳ bấy giờ trích in dưới đây:

— Người cộng-tác thứ nhất của Định mà nay là một thuộc-viên rất trung-thành và rất có cảm-tình với ta, là Đội Tấn, Hồi năm 1861 Tấn là một cộng-sự viên rất đắc-lực của Quản Định.

Hắn biền lành, thông-minh và gan dạ vì bị Quản Định lăng-nhục nên mới đầu hàng chúng ta hồi năm 1862. Hắn được ông Guys quan chỉ-huy pháo thuyền Alarme chú-ý đến sự sốt sắng và sự mạo-hiểm của hắn trong trận đánh úp Gò-công. Chỉ có một mình với một cây gươm hắn giành một đầu cầu với một toán quân phiến loạn. Bị đạn nơi đầu gối và vừa quỵ xuống thì có vài người Pháp đến tiếp viện, và chiếm

Thành-tích đầu tiên của ông Nguyễn-trung-Trực là đốt phá chiếc chiến-hạm « *Espérance* » của Pháp tại làng Nhật-tảo, thuộc tỉnh Tân-an. Chiếc tàu này lúc đó do Trung-tướng Parfait chỉ-huy đang đậu bên Vàm (sông) do công-tác đồ-bộ quân lính đi tảo-thanh các vùng quê đang là chỗ ẩn nấp của nghĩa-quân ngày đêm lui tới để đánh phá các vị-trí của Pháp trên bộ cũng như dưới nước.

Một buổi sáng sớm ông cho một chiếc ghe lớn qua sông giả làm thuyền đám cưới. Trên ghe có đủ cô dâu chú rể, họ hàng đôi bên, cờ quạt lễ vật hẳn-hoi. Thuyền cưới tới gần tàu Pháp, một người ngỏ ý lên trình thuyền-bài. Nhân lúc lính Pháp không ngờ, nhanh như chớp Nguyễn-trung-Trực cùng các đồng-chí nhảy lên chiến-hạm đánh chém tứ tung. Lúc này nhiều thuyền rơm, bồi của nghĩa quân cũng ập tới và cập sát tàu Tây. Trong nháy mắt nghĩa quân đốt, rơm cháy ngùn ngụt. Mọi người trong đám cưới đều nhảy xuống sông bơi vào bờ để tẩu tán. Trên tàu lửa đỏ bốc cao tiếng rên la ầm-ĩ, tiếng thùng xăng nổ làm kinh thiên, động địa. Kết quả 17 lính Pháp và Ma-ní. cùng 20 tên lính tập bị giết, tàu bị cháy hoàn-toàn. Sau trận này ông Nguyễn rút quân về Camau (tiếng Mên là Kho-mau có nghĩa là vùng có nước đen trong ruộng cũng như ngoài sông). Quân Pháp sau vụ này tức giận lắm, chuyển quân đi khắp vùng để truy tầm thì nghĩa-quân đã mất dạng.

Ông Nguyễn còn một chiến-công nữa mà dân chúng vùng Rạch-giá nhớ mãi, đó là việc hạ một đồn Pháp ngay tại Rạch-giá. Trong vụ này ông Nguyễn đến vận-động nhân dân và bọn lính Việt đang giữ đồn ; về phía dân chúng đáng chú ý có hai chị em bà Điền và Đỏ thuộc loại phụ-nữ có ăn học lại có cả khí-lực ; hai bà này tiếp tay

---

được dầu cầu này. Lương-y Pháp muốn cắt cái chân bị thương ấy để cứu mạng cho hắn nhưng hắn không chịu, hắn tự săn sóc lấy và hắn bình phục được, thật là một bí-mật và là một điều huyền-diệu lạ lùng, rồi hắn vẫn theo đuổi việc phục thù.

Bởi người Pháp chúng ta biết vị nể những người dũng-cảm ; chúng ta đã buộc hắn vào với chúng ta bằng những sợi giây thân-ái sâu-xa. Nhờ có công nên hắn được thưởng khuê-bài quân-sự. Hắn trợ-giúp rất đắc lực viên Trung-tá Gougeard vì ông này đánh dẹp bọn « phiến loạn » một cách rất hăng-hái trong hai tỉnh Tân-An và Gò-Công.

Đội Tấn đoán rằng Quản Định chỉ ẩn núp chung quanh hạt Gò-Công. Bà con của ông ta ở đó cũng đông lắm và phe đảng của ông ta là ngoại-thích của vua Tự

cho quân cách-mạng bấy giờ từ Camau lên dần đến Rạch-giá để khởi sự. Hai bà trên đây được dùng vào công-tác binh-vận nên có lính tập cùng viên Quản cơ ngầm theo nghĩa-quân hết (sau việc tấn công đồn này Pháp tức lắm không cho người Việt làm chức quản-cơ trong 50 năm kể từ khi họ Nguyễn bị hạ). Rồi một đêm nghĩa-quân bất thình lình tấn công vào đồn, lính Pháp bỏ chạy hết ra ngoài thành (Thành ấy bây giờ còn ở sau ty Hành-chánh mới cất, trước dùng làm nhà hầu) chỗ gần một cái đầm lối đi đến chùa Thập-phương và đi ra Rạch-giồng, Tân-điền bị dân chúng giết hết, sáng hôm sau không còn một người Pháp nào sống sót ở Kiên-giang.

Lấy được Rạch-giá ông Nguyễn lập một hệ-thống đồn trại dài từ Rạch-giá tới núi Sập (50 cây số) đắp đập thả chà, đóng cừ phòng tàu chiến của địch đến đánh. Ngoài ra ông còn đặt một hệ-thống thông tin bằng trống, mõ. Tiếc rằng trong nghĩa-quân bấy giờ có một số vô kỷ-luật đã sách nhiễu gà, vịt để chè chén nên lòng dân một phần nào có ý bất mãn. Sau này tàu Pháp tiến binh vào Rạch-giá tấn công nghĩa-quân, những chướng-ngại-vật của ông Nguyễn đều bị địch phá hết, vì họ có những phương-tiện rất lợi hại. Nghĩa quân chống không lại phải rút đi... Đến chung, cuộc, ông, Paulin Vial, một Trúng-úy thực dân thuật lại rằng :

Về sau ông Nguyễn có đánh một chiếc tàu nữa của Pháp ở sông Tra. Năm 1867, ông ra Bình-thuận (Trung-Việt) được phong làm Lãnh-binh và được sai vào Hà-tiên chỉ-huy quân khởi-nghĩa. Tháng 9 năm 1867, chiếc tàu Groëland chở đội Tấn và 150 tên lính mã-tà ở Gò-công đến đảo Phú-quốc truy-kích bọn ông Nguyễn-t ung-Trực,

---

Đức giàu có và thế lực lớn lắm, những người này đã tiếp tay cho ông ta một-cách trung thành . . . »

Theo tác-giả quyển sách «*Những năm đầu ở Nam-Kỳ*» thì sở-dĩ Quản Định bị bắt là vì chánh-sách khôn khéo của Đô-đốc de La Grandière Thống đốc Nam-Kỳ

Số là năm đó trời hạn-hán, lúa bị cháy hết, nhiều làng bị giặc giả nên quá nghèo-không có tiền mua mạ. Đô-đốc xuất tiền chính-phủ cho dân mượn mà không ăn lời. Sau khi làm mùa rồi họ đều trả lại sòng phẳng.

Nhờ Chính-phủ Phap mới làm được mùa màng, lúa lại bán được cao giá, nhiều ông điền-chủ nghiễm nhiên trở nên giàu có. Nhớ lại những sự sách nhiễu của ông Quản-Định và chỉ biết có sự làm giàu là điều sướng nhất ở đời, bọn điền chủ ấy mới định trả ơn người Pháp.

Sách của người Pháp thuật rằng bọn Trực có trên 300 người thế mà đội Tấn vẫn dám đương-đầu.

Hương-chức và dân trong đảo bị đội Tấn dọa phải theo và phụ lực với hắn để bao vây bọn ông Trực. Sau hai trận ghê gớm bọn ông Trực phải trốn vào trong núi. Đội Tấn rượt theo rồi nghĩa-quân. bị kẹt vào trong một khe núi hẹp nhỏ, bọn ông Trực cùng đường phải ra hàng bởi không còn cách nào thoát thân và chống đỡ.

Ông Nguyễn và tên Tấn vốn quen biết nhau vì trước kia cùng chiến đấu dưới cờ của Nguyên-soái Trương-công-Định. Nghĩ tình cũ. đội Tấn yêu cầu quan Pháp hậu-đãi ông Trực. Pháp bắt ông xuống tàu Groëland. Paulin Vial viết : « Trong khi Đại-tá Piquet. Thanh tra bổn quốc sự vụ chất-vấn ông Trực, ông này tỏ ra rất có khí-phách anh hùng và cương nghị ».

Ông bình tĩnh nói với Piquet rằng : « Số tôi hết rồi, tôi đã không cứu được quê hương tôi thì nay tôi chỉ xin một điều là được chết sớm chừng nào hay chừng nấy » ! Lãnh-binh Tấn (tức đội Tấn lên chức) hết sức can-thiệp với quan Pháp để tha cho ông Nguyễn-trung-Trực mà lúc này hắn vẫn coi là đàn anh hắn. Nhưng Đô-đốc Ohier không chịu, nói rằng không thể tha được « một người đã không coi *luật quốc tế* ra gì, đã hạ một cái đồn của chúng ta và giết 30 người Pháp ! (Dịch nguyên Pháp-văn của Paulin Vial).

Rồi Ohier ra lệnh chở ông Trực về Rạch-giá. Ông đến nợ nước vào ngày 27 tháng 10. Năm ấy ông mới 30 tuổi.

Và Pautin Vial khen ngợi : « Ông Nguyễn-trung-Trực là một người chỉ-huy trẻ tuổi, rất bạo dạn, chống nhau với ta ngót 10 năm trời... »

Một bữa kia họ đến mách Đội Tấn rằng kẻ thù của hắn là Quản-định đã về trú ngụ trong làng Kiêng-Phước thuộc phía hữu-ngạn sông Soài-rạp. Đội Tấn báo cáo lại cho quan Pháp biết và xin một mình đi bắt Quản Định để trả thù, quan Pháp khỏi phải nhọc sức, vả lại đi nhiều thì càng làm cho thêm « *hôi ô* » (1) Thật là dọng Việt-gian 100%.

Hoàn toàn tín-nhiệm nơi Đội Tấn chúng ta đã để cho mình hắn chỉ-huy một đội thân-binh đi tróc nã Bình-Tây nguyên soái Trương-Định.

Đêm 19 rạng ngày 20-8-1864, Đội Tấn và bộ-hạ vây bọc một cái nhà lá trong có Quản Định cùng với 25 người lính tâm-phúc.

Bọn Đội Tấn phải núp trong lau trọn một đêm. Trời vừa rạng đông, hắn

Một nhân-sĩ miền Nam cho rằng ông Nguyễn bị hạ không do trường-hợp trên đây. Theo ông, bấy giờ Pháp treo giải thưởng để bắt ông với điều-kiện sau đây: Ai giúp mưu kế bắt được ông Nguyễn hay ai bắt được ông hoặc sống hoặc chết đều sẽ được lãnh 500 quan. Bấy giờ có kẻ chỉ cho Pháp bắt mẹ ông. Pháp liền đến Hà-tiên bắt được mẹ ông và dọa giết nếu ông không ra hàng.

Người Pháp thi hành đúng theo kế-hoạch này, quả-nhiên ông ra.

Thấy người trung-hiếu, khảng-khái quá, Pháp không nỡ giết và dụ ông qui thuận, hứa nếu ông nhận lời sẽ cho làm chức Phó Soái. Ông nói : « Tụi bay hãy kiếm cho tao cái chức gì giết Tây được thì tao làm, chớ chức Phó Soái tao không màng ! »

Khuyến-dụ hết sức không được, người Pháp buộc lòng phải hạ lệnh trảm quyết ông.

Người đao-phủ là một dân Miên tên Tưa, (dân chúng thường gọi là Bòn Tưa, chém mỗi cái đầu với giá một quan tiền). Trước khi chém, Bòn Tưa bỏ gươm quì xuống đất vừa lạy vừa xin lỗi (chỗ chém ông là miền đất cất sở Bưu-Điện và Công-an bây giờ). Ông nói : « mày có tội gì mà xin lỗi, mày thi hành pháp-luật của Tây mà ! Nhưng nhớ chém tao một nhát thật tốt nếu không tao vặn họng mày à ! « Rồi ông quắc mắt nhìn mấy anh lính Tây bồng súng đứng sắp hàng khiến họ phải run lên (các cụ nói lại rằng tướng-tinh ông mạnh lắm nên khi ngó ai thì người đó phải khiếp vía, vì vậy các bà có mang không dám đi xem).

Ông mất ngày 28 tháng 8 âm lịch năm 1868 dương lịch ! Chém xong, người Pháp ráp đầu, mình lại liệm vào hòm đem chôn rất tử-tế.

Mộ ông chôn trong vòng thành ông Chánh, cách cầu ông Chánh chừng 70 thước, mộ chiếm một khu đất chừng 100 thước vuông, xây

---

đi dầu dẫn cả bọn binh-sĩ áp tới, chận tất cả các nẻo. Lẽ cố-nhiên là phải có cuộc đụng chạm. Đường đường một vị Nguyên Soái, Quản Định đâu lại để bắt trói dễ dàng. Ông cùng bọn bộ-hạ chống cự lại, mà chống bằng cách nào, tôi xin nhường lời cho tác giả đã đơn-cử trên kia:

« Đội Tấn chạm phải một sự chống cự kịch liệt-Quản Định và bộ-hạ tự-vệ như những trang anh-hùng hiệp-sĩ trong khi một số ít liều chết ở lại chặn đường của đối-phương. Phần đông ào ra các nẻo tìm lối thoát Quản Định ở giữa đám đông này. Ông cầm gươm chặt cái nón của một tên lính mã-tà, rồi thức gươm ngược lại trúng tay tên lính khác làm hắn bị rớt súng ; ông chưa bị thương tích chi cả và sắp ra tới phía rừng Đội Tấn ý muốn bắt sống Quản-Định nhưng thấy tình thế

cao lên quá 3 thước, chung quanh có xiềng-xích bằng sắt, nhưng người Pháp trở lại lần thứ hai (1946) cho phá đi bây giờ hãy còn vết-tích.

Dân chúng thờ ông chung một đình với cá-ông.

Đình thờ ông ở Rạch-giá, dân chúng thường lui tới xin xâm, quanh năm ngày tháng.

Thấy ông là người trung nghĩa, ông Nguyễn-giác-Ngộ lấy tên ông đặt tên cho Bộ-đội của mình vào thời chưa có chánh-phủ V.N.C.H.

Gần đây ở Long-xuyên có lập đình và vào Rạch-giá xin tro về thờ.

Trường Trung-học Rạch-giá bây giờ cũng đặt tên là Nguyễn-trung-Trực không ngoài mục-đích kỷ-niệm một vị anh-hùng dân-tộc và nêu cao gương hy-sinh, ái quốc.

Về cái chết của ông Nguyễn do bị Pháp bắn chết hay vì lòng hiếu mà ông vọng thân, có lẽ chỉ đồng-bào Rạch-giá rõ. Chúng tôi mong có sự xác-định để sửa lại bản-khảo trong một ấn-bản cận lai.

Trước giờ hành-hình, ông Nguyễn có một bài thơ tuyệt-mệnh như sau :

Thư kiếm tùng nhung tự thiếu niên,
Yêu giai đảm khí hữu long tuyền.
Anh hùng nhược ngộ vô dung-địa,
Báo hận thâm cừu bất đái thiên.

Dịch :

« Theo việc binh-nhung thuở trẻ trai
« Phong trần hăng hái tuốt gươm mài,
« Anh hùng gặp phải thời không đất,
« Thù hận chan-chan chẳng đội trời,

---

nguy cấp mới hô cả bọn bắn tới tấp : Chính bắn cũng bắn mấy phát. Đạn trúng vào xương sống ông Quản Định...ngã theo Quản Định có một số người nữa rồi ta thâu được tất cả vũ-khí và giấy tờ.

Thây của Quản Định được đem về Gò-công cho dân chúng biết. Tướng mạo của ông rất lịch sự, nước da trắng, dung-quang đẹp-đẽ, khác hẳn đa số đồng bào của ông...»

(Lệ cho dân mượn lúa giống mà làm mùa là điều đã có sẵn của triều-đình ta, nhưng thật ra thì các quan ta chỉ cho mượn một ít lúa giống chớ không có cho mượn tiền, nghĩa là không được rộng rãi như người Pháp lúc ấy đang tìm đủ cách mua chuộc lòng người).

Ông Huỳnh-mẫn-Đạt điếu cụ bằng hai câu :

Anh hùng cường cảnh phương danh thọ,
Tu sát đê đầu vị tử nhân...

Dịch :

« *Anh hùng cứng cỏ danh còn mãi*
« *Thẹn chết bao nhiêu lũ cúi đầu...*

Nguyễn-Hữu Huân (Thủ-Khoa Huân)

Trong năm 1863 là giai-đoạn miền Nam sôi-sục phong-trào chống xâm-lăng tới cao-độ do các hoạt động quân sự và tuyên truyền bài ngoại của ông Trương-Định và Nguyễn-trung-Trực tại các vùng ráp ranh khu-vực chiếm đóng của Pháp : Gia-định, Gò-công, Tân-an, Nhật-tảo, Biên-hòa, Baria v.v... Tại Mỹ-tho ông Nguyễn-hữu-Huân tức Thủ-khoa-Huân cũng nêu cao ngọn cờ cứu quốc dưới danh-hiệu « *Dân chúng tự-vệ* ». Ông người làng Tịnh-Hà tỉnh Mỹ-tho, đỗ thủ khoa dưới triều Tự-Đức.

Năm 1863 ông Nguyễn dấy binh khởi nghĩa thanh thế vang vội khắp Hà-tiên, Châu-đốc, khởi đầu chỉ xuất nhập trong một vùng nhỏ hẹp là Cai-lậy thuộc Mỹ-tho, vậy mà ông đã được lòng dân theo về rất mạnh, bộ-đội của ông nhờ vậy mỗi ngày một đông sau đó phạm-vi tranh đấu của ông mở rộng dần sang các địa phương khác như : Mỹ-quý, Thuộc-nhiêu, Tam-Bình, v.v..

Ông thấy nhiều kẻ vong-bản chạy theo miếng cơm thừa canh cặn của đối-phương nên cũng đã ra tay tiêu diệt, bọn Việt-gian xét ra thời nào cũng đáng kể là nguy-hiểm cho thời-cuộc. Bọn này bấy giờ cũng khá nhiều nên việc cứu quốc của ông rất là khó khăn. Trong trận đánh vào tháng 6 năm 1863 tại Thuộc-nhiêu (Mỹ-tho) ông đại bại chạy sang Châu-đốc. Hồi đó triều đình Huế bất lực đã có lệnh ngừng chiến và phải thi hành điều 7 của Hiệp-ước Nhâm-tuất là khoản dẫn-độ (nộp phạm-nhân của Pháp) để khỏi điều lôi-thôi với Súy-phủ Saigon.

CHÚ THÍCH.— Trong thời kỳ hai ông Trương Định và Nguyễn-trung-Trực hoạt động, các tướng Pháp chỉ-huy ở Tân-An có Avezard, ở Gò-Công có Arfeuille ở Cần-Giuộc có Dumont, vùng Gia-thạnh có Pineau và Robinet, vùng Cái-Bè có Botted và Gonon v. v...

Tổng-Đốc An-giang là Phạm-quang-Thân phải bắt ông về tội không tuân lệnh ngừng chiến và tạm giữ trong ngục. Thực ra người ta chỉ muốn ngăn cản việc đánh Pháp của ông mà thôi.

Pháp được tin này đòi chính-quyền Châu-đốc nộp ông Thủ-khoa-Huân cho họ. Quan ta chối không có bắt được ông. Vì kẻ mật-báo cả quyết rằng ông đang thật sự ở trong tay nhà đương-cục Châu-Đốc nên Đô đốc de la Grandière phái ngay Doudart de Lagrée đem 500 quân và đại-bác từ Ô-đông (Oudon Cao-Mên) qua Châu-đốc uy-hiếp tỉnh-thần ở đây rằng nếu không nộp cho họ ông Huân họ sẽ lập tức đánh phá tan tành lỵ-sở Châu-đốc. Họ hạn hai giờ phải trả lời. Rút cuộc viên Tổng-đốc Châu-đốc cực chẳng đã phải đem ông nộp cho Pháp. Sau vụ này Pháp mang ông đầy qua đảo Réunion. Vào 1864 Pháp nắm vững được tình-thế Nam-Kỳ, họ ân xá cho ông về nước tin rằng chí-khí hiên-ngang của ông đã tắt.

Vào năm Đính-mùi 1867 ba tỉnh miền Tây mất nốt vào tay Pháp triều-đình Tự-Đức sau này phải ký thêm một hiệp-ước vào năm Giáp-tuất (15-5-1874) tai hại gấp mười hòa-ước 1862, ông Nguyễn-hữu-Huân không nén lòng được lại một phen nữa hiên-ngang kéo cờ chống Pháp. Quân ông đánh phá rất hăng ở nhiều địa-điểm tại Mỹ-tho, nhưng rồi châu-chấu đá chẳng nổi xe, địch quá đông quá mạnh, ông bị Việt-gian Đỗ-hữu-Phương vây bắt được nộp cho Pháp. Lần này chúng cố dụ hàng nhưng ông không chịu, họ đành đem ông ra hành-hình tại Mỹ-tho vào ngày 15-4 năm Ất-hợi. Ông mất giữa năm 35 tuổi. Nguyễn-bá-Thế trong bài khảo về 72 nhà chí sĩ chép ông bị giết ở Cồn-rồng thuộc (Mỹ-tho). Khi bắt được ông quân Pháp đóng gông rồi bỏ ông lên mui tàu, cho tàu chạy để dân chúng hai bên bờ sông trông thấy. Trong dịp này ông ung-dung coi thường cái chết, để lại đôi liễn và một bài thơ tuyệt-mạng dưới đây :

Đại sự nan thành, không uổng bách niên chiêu vật nghị
Vi công bất tựu, diệt tương nhất tự báo quân ân.

Hai bên thiên hạ thấy hay không ?
Một gánh cương-thường há phải gông.
Oằn-oại hai vai quân-tử trúc,
Long-lay một cổ trượng-phu tùng.

Sống về đất Bắc danh còn rạng,
Thác ở thành Nam tiếng há không.
Thắng bại dinh du trời khiến chịu,
« Phản thần » đéo quả đứa cười ông !

Nhân-sĩ Việt-Nam ca ngợi trí-khí của ông Thủ-khoa họ Nguyễn trong một bài thơ như sau (chúng tôi tiếc không biết tên vị nhân-sĩ đó và cả vị đã dịch bài thơ này).

Hán mã gian nan vị quốc cừu,
Chi nhân binh bại trí thân hưu.
Anh hùng mạc bả dinh dư luận,
Vũ trụ trường khan tiết nghĩa lưu.
Vô bố dĩ kinh Hồ lỗ phách,
Bất hàng cam đoạn tướng quân đầu.
Đương niên Thọ-thủy ba lưu huyết,
Long đảo thu phong khởi mộ sầu.

bản dịch :

Ruổi dong vó ngựa báo thù chung.
Binh bại cho nên mạng mới cùng.
Tiết nghĩa vẫn lưu cùng vũ trụ,
Hơn thua xá kể với anh hùng.
Nổi xung mất vía quân Hồ-lỗ,
Quyết thác không hàng rạng núi sông.
Thọ thủy ngày rày pha máu đỏ,
Đảo rồng hiu-hắt ngọn thu phong.

Võ-Duy-Dương — Vị lĩnh-tụ kháng Pháp sau hòa-ước 1862 cũng có tên tuổi vang dậy và đã lấy Đồng-tháp-Mười làm cứ-điểm chiến-lược là Võ-duy-Dương tức Thiên-hộ Dương hay Lĩnh-binh Dương. Sinh-quán của ông và ông ra đời năm nào không được rõ chỉ biết rằng. khi Nguyễn-tri-Phương được vua Tự-Đức cử vào Nam-Kỳ mộ quân làm đồn-điền để trường-kỳ kháng-chiến, ông Võ là một nhà hào-phú ở địa-phương. Không ham sống một cuộc đời ích-kỷ tầm thường như nhiều kẻ phú-hào khác, ông mộ quân ứng-nghĩa. Theo ông lúc đó có tới ngàn người. Chiếu theo lệ

đã ban-hành khuyến-khích những ai xung phong kéo cờ chống giặc ông được phong chức Thiên-hộ để được bù đắp vào thiện-chí và sự hy-sinh cả tài-sản để nuôi quân. Người ta kể lại rằng ông rất khỏe, võ nghệ tuyệt luân, cử nồi năm trái linh, hai tay cầm hai trái, hai nách kẹp hai trái, miệng cắn một trái, do đó người ta tặng ông một biệt-danh là Ngũ-linh thiên-hộ (mỗi trái nặng 60 cân). Sau ít lâu ông được thăng chức Lãnh-binh.

Ông Võ-duy-Dương lấy khẩu hiệu Cần-Vương và cũng tung quân đội đánh lối du-kích, tỏa ra công phá các đồn Pháp ở rải-rác các nơi như nhiều đồng-chí kể trên. Ông được đồng-bào các làng lân-cận tiếp-tế quân nhu, lương thực đầy đủ do các thuyền vận tải từ Hà-tiên, Rạch-Giá qua hướng Tây lên tiến vào Đồng-Tháp-Mười (1).

Cuối năm 1862 ông cũng được Phan-kinh-lược khuyến cáo ngừng-chiến để điều-đình với Pháp mưu chuộc lại ba tỉnh miền Đông. Hào-khí của họ Võ cũng không kém của hai họ Trương. Nguyễn do đó không có sự tuân lệnh triều đình rồi ông Võ bị Phan-than-Giản cách hết chức tước và sai ông Quản-cơ Trần-văn-Thành tróc nã. Trong hàng ngũ ông Võ có lính Tagals (cũng như lính Lê dương sau này) và một người Pháp tên là Linguet giúp sức.

Buổi đầu như ta đã rõ, triều-đình phong ông Võ lãnh-binh để chống Pháp và phòng ngự các vùng Cai-Lậy, Mỹ-Trà, An-Hữu... nhưng sau cầu hòa với Pháp, triều đình lại buộc ông giải giáp cho yên với Suý-phủ Saigon như với Trương-Định, Nguyễn-trung-Trực. Phút chót triều đình Huế thấy rõ tham-vọng của bọn de la Grandière

---

CHÚ-THÍCH : (1) Đồng-Tháp mười là một vùng đất-đai rộng lớn bồi đắp bởi phù-sa sông Cửu-long. Vì cánh đồng này quá thấp nên tổng-diện-tích của nó là 930.000 mẫu tây cứ đến mùa mưa là bị ngập dưới làn nước trắng, ngoài ra đây còn là một miền ẩm-thấp thường-xuyên. Tình-trạng ẩm-ướt là do vùng này bao quanh biền nước mênh mông lại có gò cao chắn không có lối cho nước chảy ra ngoài. Nước ở đây lên cao nhất từ tháng năm đến tháng chạp gió Tây-Nam đưa đến những trận mưa dầm dề làm cho mực nước càng dâng cao. Thêm vào đó là những thác lũ từ hai con sông Ba-nam, Vàm-cỏ đổ dồn xuống thành ra hàng năm, vào mùa mưa Đồng Tháp Mười bị ngập lụt kinh-khủng, dân chúng của địa-phương phải lánh lên gò cao như hai gò nay đặt tỉnh Mộc-Hóa và quận Cao-lãnh. Khi nước rút đất thấm chất phèn khiếu hoa mầu không thể tươi tốt. Vì những điều kể trên, Đồng-tháp-mười bấy giờ nổi tiếng là một hiểm-địa ghê gớm thuở ấy. Đã nhiều lần quân Pháp kéo đến đây, để tiêu-diệt nghĩa-quân rồi lại phải thôi. Bốn đại-tướng đã thường-xuyên bảo-vệ vùng này, đó là ; *bùn, đỉa, nắng, muỗi*. Mỗi năm vùng này chìm dưới nước

không riêng chiếm ba tỉnh miền Đông mà thôi nên đề-nghị của ông Võ tạm thời yểm kỳ tức cổ *(dấu cờ im trống)* rồi tùy cơ ứng biến, lại được chấp thuận.

Ngày 22-7-1865 ông Võ-duy-Dương chánh thức đem quân tấn công các đồn của Pháp tại vùng Mỹ-trà (Sadec) bằng một toán quân gồm 100 người với 56 tay súng, hai đại-bác và nhiều gươm đao Nghĩa quân đốt chợ và vài chiếc nhà lá cùng một chiếc tàu nhỏ. Lính trong làng kháng-cự mạnh, quân của ông phải rút, bỏ lại hai thùng đạn và một khẩu đại-bác. Võ tấn-công lại Pháp ở Cái-bè, Mỹ-quý trọc thủng phòng-tuyến của họ và đánh tan nhiều đồn trại của Pháp ở nhiều nơi.

Năm 1866 de la Grandière lại trở qua Nam-Kỳ (de la Grandière về Pháp nghỉ ngày 26-3-1864) thay Đô-đốc Roze. Cuối tháng ba năm ấy ông đóng quân ở ấp Lý, một đội lính thủy và lính tập gồm 250 người đến tấn công. nghĩa-quân phải rút lui và ngày 1 tháng sau chúng lại bao vây nghĩa-quân và bắt được hai người. Ngày 14-4 Pháp lập ra kế-hoạch tấn công Đồng-tháp bằng cách tiến quân ba mặt và đánh thật mau biết rằng đánh lâu sẽ thất bại bởi thế-hiểm của Đồng-tháp. Tướng chỉ-huy chiến-dịch Đồng-tháp là đại-úy Roubé, Paris de la Bollardère, Gally, Passebose và Vigny.

Vị-trí của nghĩa-quân được phác-họa theo một tờ phúc trình của quân-đội Pháp năm 1865 như sau : có ba con đường mòn để tiến vào Tháp-mười : một con đường từ Gò-bắc-chiêng đi xuống, một đường từ rạch Cần-Lố đi lên và một con đường từ Cái-nứa đi lại. Đường thứ nhất đi qua đồn Tả, đường thứ nhì đi qua đồn Hữu và đồn thứ

---

tới 6 tháng và không tháng nào tránh được sự ẩm-thấp. Ngày cuối tháng tư là ngày cuối mùa nắng ở đây trên những đường vào Đồng-Tháp vẫn còn nhiều nơi ngập đến năm tấc hay một thước. Càng đi giầy ống càng khó rút chân Đã vậy trong bùn lại có thứ đỉa trâu khi hút được máu thì nó tròn như ngón chân cái thường chui vào chỗ kín nhất của người ta, rất là nguy hiểm. Nước bùn thì hôi thối xông lên đã làm cho ngạt thở, huống-hồ còn sức nóng ở trên dội xuống, một sức nóng gay gắt của nhiệt-đới, Pháp vốn không quen. Các bụi lau, dầy cỏ lau cao ngập đầu người, nếu có gió thì gió chỉ phảng phất trên ngọn lau sậy mà thôi, người đi vào bên trong vẫn bị bưng bít. Muỗi ban ngày cũng như ban đêm tứa ra bu cả vào mặt mũi người ta không cho mở được mắt. Đêm tới sương lạnh thấu da thấu thịt, lại muỗi đốt như kim châm làm mất ngủ sức người khỏe đến đâu cũng phải kiệt.

ba đi qua đồn Tiền. Ba đồn ấy che chở cho Tổng-hành-Dinh ở Tháp-mười. Đồn nào cũng có lũy đất chung quanh, cao non hai thước rưỡi và dầy khoảng thước rưỡi trong và ngoài lũy là một hàng cừ bằng sao, lũy có đục cửa và nhiều lỗ để nhắm ra ngoài.

Mỗi đồn có chứa 200 tới 300 nghĩa binh, 10 khẩu súng và 4, 5 chục thớt bắn đá (pierrier) với vài khẩu đại-bác 12.

Ngoài ra còn năm, sáu đồn nhỏ ở xa Tổng-hành-dinh, như đồn Gò-bắc-chiêng, đồn Ấp-lý mỗi đồn có khoảng 150 nghĩa-binh và từ 15 tới 35 thớt súng bắn đá.

Vậy tổng cộng số nghĩa-quân có tới trên 1000.

Theo bản đồ 1/127000 của nhà binh vẽ năm 1873 thì còn một con đường nữa từ Cai-lậy đi vào. Chắc đường này mới có sau.

Bên Việt-gian có Trần-bá-Lộc và Huỳnh-công-Tấn. Roubé cho thủy-quân và lính Việt tiến đánh đồn Sa-tiền bằng đường Cần-lố ở đây nghĩa-quân có khoảng 150 người chống-cự rất mạnh làm cho Trung-úy Vigny bị thương nhưng rút cục nghĩa-quân cũng phải vùi khí-giới dưới bùn rồi bỏ đồn, rút lui vào phía trong.

Ngày đó, Thiếu-tá Jérome chiếm được một đồn nhỏ trên đường Cái-nứa đến Đồn tiền. Còn Đại-úy Gally, Passebose thì chiếm được Gò-bắc-chiêng do 100 nghĩa-quân chống giữ với 15 khẩu súng bắn đá. Bên Pháp bị thương và chết không bao nhiêu.

Vậy trong ngày 15-4 ba đồn Tiền, Tả, Hữu của nghĩa quân đều bị đánh hết. Hàng rào thứ nhất bị chọc thủng và chỉ còn một hàng rào nữa là tới Tổng-hành-dinh.

Ngày 17-4 đội quân của Jérome tiến tới đồn Tiền, Quản Huỳnh-công-Tấn hăng-hái nhất, đi tiên-phong, tính lấy ngay đồn để lãnh công đầu, không đợi bộ đội Pháp ở sau tiến tới, y vội vàng mở cuộc tấn công, nhưng một loạt súng trong đồn ria ra làm ngã một phần ba số lính của y, Tấn phải vội-vã rút lui. Jérome lại tấn công Đồn Tiền một lần nữa : còn Gally thì tấn công Đồn Tả do đích thân Thiên-Hộ chống giữ.

Quân Pháp bao vây ba mặt, nhất là mặt đi thẳng về Tháp-mười

để chận đường rút lui của nghĩa quân. Nước chung quanh đồn sâu hơn một thước, muốn tới gần đồn, lính Pháp phải đeo túi đạn vào cổ cho đạn khỏi ướt.

Nghĩa-quân chống trả kịch-liệt và chỉ nhắm vào lính Pháp. Nhờ vậy lính Việt, thừa cơ trèo được vào đồn.

Nghĩa-quân rút quân rất khéo, không ai bị bắt ; còn quân Pháp bị thương trên một phần ba mới vào được đồn, chiếm được ba khẩu đại-bác 12 livres, 17 thớt súng bắn đá và 27 chiếc ghe xuồng.

Ngày hôm sau, đồn tả và đồn tiền cũng thất thủ. Ông Võ phải bỏ đồn ! Đại-úy Gally kể lại rằng đồn vuông vắn mỗi chiều dài chừng 200 thước, đồn rất chắc, súng bắn không thủng. Trong đồn có vài chục nóc nhà, có kho đạn-dược và kho chứa lương-thực. Quân Pháp qua, về và đi vất-vả hai ngày nữa mới tới căn-cứ. Suốt trong tuần lễ, kể từ 14-4, thủy-quân cho tàu chạy dọc theo các sông để bảo-vệ việc rút quân. Ngày 22, trong khi một đoàn tàu trở về Tân-An, một chiếc không hiểu vì lẽ gì đã bị chìm. 11 người chết.

Tính tổng-cộng trong trận Tháp-Mười, bên Pháp vừa chết vừa bị thương không dưới 100 người.

Trận Tháp-Mười là trận thắng đầu tiên của quân Pháp trong một nơi bùn lầy, nước đọng. Họ lấy làm hãnh-diện lắm. Chính Thủy-sư de la Grandière tuyên bố : kết-quả về chính-trị của trận này rất lớn. Người Việt từ nay hết ảo-vọng. Họ không còn có thể nói rằng ta chỉ thắng họ ở đồng-bằng và trong rừng-rú mà thôi.

Rồi 37 binh-sĩ Việt có công-lao trong cuộc hành binh này được khen thưởng, riêng Quản-Tấn và huyện Lộc được Quân-công bội-tinh.

Một toán nghĩa-quân sau khi thua, ẩn núp ở Kiến-Phong (Cái Bè). Huyện Lộc hay tin dắt 35 tên lính lại vây bắt được Linguet và 12 nghĩa-quân.

Quân Pháp tuy đại-thắng nhưng vì quá mỏi mệt, hoặc vì sợ bị truy-kích vội vàng tháo lui, nên các đồn của nghĩa-quân còn nguyên-vẹn. 20 ngày sau Phó Tham-biện Rheinart và huyện Lộc lại trở qua Đồng-Tháp để làm việc phá hủy. thấy còn nhiều lương-thực (gạo,

và triều thần lại chủ-trương tái-chiến. Trần-văn-Thành tại An-Giang cũng dựng cờ đánh Pháp vì Liên-quân Pháp-Tây lại mở rộng khu vực xâm-lăng xuống miền Tây.

Ngày 1 tháng 8 năm Đinh-mão (30-8-1867) sau khi nghe tin Phan-thanh-Giản tuẫn-tiết tại Vĩnh-long, lục tỉnh Nam-Kỳ mất hết vào tay Pháp, ông Trần thiết lập ngay đại-bản-doanh tại Láng-linh là một cánh đồng rộng bao-la, bát-ngát, đế, sậy mọc rậm-rạp không có sông rạch ra vào, Bắc giáp với núi Sam. Đông cặp theo bờ sông Hậu-Giang, Tây dựa vào Thất-sơn, Nam tiếp rừng Bảy-thưa. Địa-thế như vậy có thể coi cũng là hiểm-trở. Ông mở mang đồn trại, tích trữ vũ-khí lương thực và liên lạc với thủ lĩnh Cao-Mên là Pu Cambo (1) cũng đang động-binh đánh Pháp. Lúc này ông Trương-Định đã tử trận ở Kiềng-phước, ngày 20-8-1864, ông Thủ-khoa đã bị đầy qua đảo Réunion ; tháng 4-1866, ông Nguyễn-trung-Trực vẫn náu tại Kiên-giang mặc dầu biết rằng lực-lượng kháng-chiến đã tàn-lụi, đối-phương đã nắm vững tình-thế, Trần-văn-Thành vẫn cố vùng-vẫy. Trong dịp này ông cho người sang vận-động mua súng ở Tiêm-la nhưng thất-bại vì Tiêm vừa ký với Pháp hai hiệp-ước (hiệp-ước 15-6-1862 về các vấn-đề nội-bộ và hiệp-ước 15-7-1868 về việc Cao-Mên). Tiêm không muốn nhúng tay vào việc Nam-Kỳ e mất lòng Pháp.

Cuối năm Mậu-thìn (1868) các phong-trào « *Cần-vương* » và « *Dân-chúng tự-vệ* » tan rã hết. Ông Trần thấy mình lâm vào thế cô. Còn Pháp mỗi ngày giải quân một rộng, chiếm được các vùng hiểm-yếu như Tri-tôn, Tịnh-biên... gây được nhiều sự thiệt hại cho nghĩa-quân và cũng vì Pháp chiếm được các trục giao-thông nên sự liên-lạc với Thất sơn bị gián-đoạn. Sự viện-trợ của triều-đình mỗi ngày một thưa thớt, sao-lãng vì Huế đang phải tập-trung mọi lực-lượng ra Bắc-Kỳ đánh dẹp loạn-quân vừa người Việt vừa người Tàu (loạn Ngô-Côn) tại kinh-thành thì vừa có vụ nổi dậy của anh em Đoàn-Trưng xảy ra (giặc chày vôi). Số quân Láng-linh theo tờ trình của Pháp năm

(1) Pu-Cambo là một nhà sư bấy giờ đã 50 tuổi xưng là cháu Nặc-ông-Chân đã nổi lên đánh vua Norodom. Sứ-phủ Saigon đồ cho quan ta ở Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên giúp đỡ. Pu Cambo thực ra chống chủ-trương dâng nước cho nước Pháp của quốc vương Cao-Mên chứ không phải là một kẻ phiến-loạn tầm thường.

1870 có khoảng 1200 người toàn là tín-đồ phái *Bửu-sơn kỳ hương* ngày ấy đã thành nghĩa-quân dưới quyền họ Trần. Xin nhắc rằng Đức Phật thầy Tây-An lập ra đạo-phái này và họ Trần là một cao-đệ của Đức Phật thầy. Đức Phật thầy mất đi thì họ Trần kế tiếp việc khói hương và truyền đạo. Họ Trần ra kháng chiến, tất-nhiên phải sử-dụng đến lực-lượng này.

Năm Nhâm-thân (1872) phong trào « *Dân-chúng tự vệ* » lại sôi nổi mạnh ở khắp nơi mà theo Pháp thì do triều-đình Huế xui dục : ở 18 thôn Vườn trầu thuộc Hốc-môn, Quản-hớn dấy binh ở Vũng-liêm đã giết được Tham-biện Suliceti ; Vĩnh-long, Cần-thơ, Bến-tre, Long-xuyên cờ khởi nghĩa lại bay phất phới. Hoạt-động của Trần-văn-Thành lúc này chuyển về giữa An-giang và Đông-xuyên bằng những vụ đột-kích liên-miên khiến Pháp rất bực-tức. Rừng Bảy-thưa mù mịt, nghĩa-quân đánh xong lại rút về, quân Pháp không dám xông tới. Sau này quân Pháp nghiên-cứu được địa-thế, bắt đầu từ tháng hai âm-lịch năm Quí-dậu (1873) họ xua quân vào phá Đồn Hờ ở Cái-dầu uy-hiếp đường Gồng-nghệ rồi kéo dần vào rừng. Họ nã đại-bác vào phía trước và cho dân dọn đường sau. Họ cho đốt cả cây cối để khai quang ; quân Bảy-thưa, chống giữ không nổi tuy tinh thần rất cao. Qua 5 ngày chiến đấu quân Bảy-thưa lui dân. Pháp không tiến mau được vì ngột nắng và sợ đỉa. Ngày 20 tháng hai quân Pháp từ Châu-đốc đánh vào đồn Cái-môn chung quanh hào sâu, súng ta bắn không được xa, phát nổ phát không nên chẳng bao lâu Pháp-quân tràn vào được.

Cùng ngày ấy từ phía Vĩnh-thanh, cờ Pháp tiến vào đuổi ta tới ngọn Hang-Tra là nơi Trần-văn-Thành chỉ huy chiến-cuộc. Con thứ tư của ông Trần-văn-Thành là Trần-văn-Chái làm tiên phong ở đây. Đề-đốc Văn tức là Đội Văn giữ bậu-tập. Đến gần tối thì Chái bị thương ở bắp đùi, Văn tử trận.

Xong trận này quân Pháp thu hết các súng nặng, nhẹ của ta cho hủy đi hết kể cả lò đúc dạn-dược, rồi nổi lửa đốt hết doanh-trại của nghĩa-quân ba ngày mới tắt.

Ngoài những lĩnh-tụ kể trong chương này còn nhiều anh hùng nghĩa sĩ khác nữa cũng nặng lòng yêu nước, cũng hoạt-động liên-miên trên khắp lĩnh thổ Nam-Kỳ, những kết-quả không huy-hoàng bằng,

chúng tôi xin miễn kể vì các trang sử trên đây đã đủ để bạn đọc thấy phong-trào ái-quốc, kháng-địch tại Nam Kỳ thuở đó đã tràn ngập khắp mọi tầng lớp nhân dân đến mức nào trên toàn-thể xứ Đồng-nai.

Cho tới Hòa-ước Giáp-tuất ra đời (1874) kháng-chiến quân miền Nam tan rã : hầu hết, sau bao nhiêu cuộc đấu tranh đẫm máu, sau bao nhiêu sự hy-sinh vô cùng vĩ-đại, sĩ dân Nam-Kỳ đã mệt mỏi và tướng tài cũng không còn ai nữa, ông Đỗ-Chiểu làm bài điếu tướng-sĩ Lục-tỉnh có đoạn bi-thảm dưới đây :

« Gần Côn-lôn, xa Đại-hải máu thây trôi nổi ai nhìn ? Hàng Cai đội, Lực Quản cơ, xương thịt rã rời ai cất ? Sống thì chịu tuyết sương trời một góc, khó đem da ngựa hẹn qui kỳ ; thác rồi theo mưa ngút biển muôn trùng, khôn mượn thơ nhàn đem tin tức.

Như vậy thời :

Số dầu theo sáu nẻo luân hồi, khí sao để trăm năm ức-uất.

Trời Gia-định ngày chiều rạng sáng, âm hồn theo bóng ác vật-vờ.

Đất Biên-hòa đêm vắng sao mờ, oan-qui nhóm ngọn đèn thần hiu-hắt.

Quân An-Hà, đương khi bạch trú, gió cây vụt thổi cát bay, con trẻ dậy bên thành.

Sông Trường-giang mỗi lúc huỳnh-hôn, khói nước xộng mù, giữa đồm nháng, binh ma chèo dưới vực.

Ôi !

Nhìn mấy chặng cờ lan trống sấm, mỉa-mai trận nghĩa gởi binh tình ! thăm dò ngàn ngựa gió xe mây, mường-tượng vong linh về chiến luật ? Người lạc phách theo miền giang-hải, cung ngao lần thần, đành một câu thân thế phù trầm. Kẻ du hồn ở cội sơn-lâm, lũ kiến đàn ong, còn bốn chữ âm-dương phưởng-phất (1)...

Cho tới bài này chúng tôi đã được dịp nêu lên ít dòng về sự-

(1) Trong các bài thơ, diếu-văn hay câu đối, vì không sao tìm ra được bản chánh đã thất lạc trong nhiều buổi ly-loạn, có thể có một ít chữ lầm-lỗi, vậy xin cáo lỗi cùng bạn đọc.

nghiệp của một số lĩnh-tụ kháng Pháp hữu danh, nhưng nhà chép sử không phải là chỉ có bổn-phận kỷ-công sự-nghiệp của những ai chiến-đấu cho đất nước. Chúng ta còn phải chỉ tên, vạch mặt những kẻ đã phản-bội quê hương, lấy búa rìu dư-luận mà trừng-trị chúng hầu răn những kẻ hậu sinh không nên vì danh lợi mà bán rẻ lương-tâm. Mấy kẻ Việt-gian nào một thời đã thét ra lửa, mửa ra khói ở xứ này ?

Trần-bá-Lộc

Emmanuel Trần-bá-Lộc sinh tháng hai năm 1839 tại làng Tân-đức thuộc Cù-lao Giềng, tỉnh Long-xuyên (Nam-Kỳ), chết tại Cái-bè, tỉnh Mỹ-tho ngày 20-10-1899, với chức Tổng-đốc Thuận-Khánh hàm. Cha y giòng dõi người Trung-Kỳ làm thầy đồ chữ nho hồi triều-đình cấm đạo gay gắt bị tố cáo và đem giam tại Châu-đốc rồi đầy đi Bình-định. Năm 1861, Trần-bá-Lộc bán cá tại Mỹ-tho cho quân đội Pháp rồi mang gia đình đi theo Cha Marc. Sau đó Lộc đi lính cho Pháp. Y gia nhập bộ đội lính bản-xứ do Đô-đốc Charner lập ra để đỡ tốn người hại của cho quân-đội viễn-chinh.

Được tuyển-dụng làm cai thư-lại tháng hai 1862, thăng đến cấp Đội hạng nhì năm 1863 dưới quyền Đại-úy Philastre. Lộc đã dạy Philastre chữ nho. Tháng 3 năm sau, Lộc bắt được một ít quân cách-mạng tại Rạch Gầm rồi được thăng Đội nhất. Bấy giờ cha Lộc là Trần-bá-Phước nhờ được sự can thiệp của Súy-phủ Nam-Kỳ ra khỏi nhà giam Bình-định và trở vào Nam.

Ngày 19-7-1865, do nhiều công-lao, Lộc được Pháp cho làm Tri-huyện Kiến-phong, Cái-bè và ngày 22 cùng tháng ấy, Lộc đánh dẹp được nghĩa-quân tại chợ Mỹ-trà. Nghĩa-quân có súng trường và có cả hai khẩu đại-bác. Lộc tịch-thu được hai khẩu đại-bác này. Ngày 17-4-1866 dưới quyền chỉ-huy của Đại-úy Passeboc, Lộc đánh chiếm được một đồn nghĩa-quân tại Tháp-mười do Thiên-hộ Võ-duy-Dương dựng lên làm Tổng-hành-dinh chống Pháp. Năm sau Lộc cũng dự vào việc đánh ba tỉnh miền Tây của Đô-đốc de la Grandière và dự cả cuộc hành binh bên Cao-Mên.

Để thưởng thêm về thành-tích phục-vụ mẫu-quốc ngày 1-7-187 Pháp thăng Lộc lên chức Tri-phủ và cho đeo Bắc-đẩu bội-tinh. Ngày 15-8-1868 dưới quyền của Đại-úy hải-quân Ansart, Lộc cùng phủ Phương (Chợ-lớn) đánh lấy lại được Rạch-giá, khi trở về y được

thăng Đốc-phủ-sứ. Ngày 1-7-1886, y được thăng Tổng-đốc Thuận-Khánh hàm và dự vào cuộc bình-định ba tháng hai tỉnh Bình-thuận và Khánh-hòa. Cuộc chống Pháp ở đây do triều-đình Huế bí-mật cầm đầu. Trước đó vào ngày 4-2 Lộc cầm một ngàn lính tập do y mộ ở Nam-Kỳ lại thêm 500 lính thủy-quân lục-chiến của Thiếu-tá Chevreux phụ giúp, đi bình-định Phú-yên. Tại đây Mai-xuân-Thưởng tổ chức nghĩa-quân. Thưởng là một nhà nho giòng dõi Tây-sơn. Các cuộc hành-binh mở ra rất là gay-gắt vào ngày 6-2. Ngày 18. Lộc bắt được một lãnh-tụ nghĩa-quân tên là Lê-thắng-Phụ. Lộc cho chém liền vào ngày hôm sau. Y bắt được Thưởng vào ngày 5-5 và cũng chém Thưởng vào ngày 7-6. Pháp phải nhận rằng cuộc hành-quân này Lộc hết sức tàn bạo vì Lộc đã trổ hết lòng trung-thành khuyển, mã với Nhà-nước Đại-Pháp, y không còn nghĩ gì đến tình đồng-bào, đồng-chủng hay đồng-loại nữa. Bao nhiêu cách dã-man để tra-tấn, để triệt-hạ, để sát hại dân chúng hay các nhà ái-quốc, Lộc đều dùng hết. Pháp phải nhắm mắt, và im miệng cho Lộc phỉ trí tung-hoành.

Sau những giai-đoạn đàn-áp kháng-chiến kinh-khủng, đáng ghê tởm đến tột bực này, trật-tự trở lại trên toàn cõi miền Nam.

Trở về Nam-Kỳ, Lộc sống với đồng ruộng, đào ngòi để lấy nước khai thông Đồng-tháp-mười. Sau y lại được ân-thưởng Bắc-đẩu bội-tinh một lần nữa và được chỉ-định làm Hội-viên của Hội-đồng tối cao Đông-dương vào năm 1898, sau đó có lần y đi tháp-tùng Toàn-quyền P. Doumer qua Băng-cốc. Khi gần chết Lộc có ngỏ ý được chôn cất ở bên sông Cửu-long hay tại nghĩa-địa Cái-bè như để luôn luôn phòng ngừa kẻ địch của y.

Người Pháp ghi về Trần-bá-Lộc như sau : một bộ mặt đáng chú-ý, một tên đầy tớ trung thành và tận tâm với nước Pháp, một chỉ-huy cương-quyết, bạo-dạn và ham chiến đấu.

(Durwal « Trần-bá-Lộc, Tổng-đốc de Thuận-khánh, sa vie et son oeuvre ».) Còn người Việt đã ghi chép gì về Trần-bá-Lộc ?

Con người ta ở đời chỉ có hai điều sau khi nhắm mắt tắt hơi, đó là lưu phương hay lưu xú. Thế-hệ của Trương-Định, Nguyễn-trung-Trực, Nguyễn-hữu-Huân v.v... đã qua rồi. Những vị trên đây đã để tiếng thơm muôn thuở trong sử sách, nhưng còn một số mới nói

đến tên thiên-hạ đã sởn gai rùng mình. Ấy là trường-hợp của Trần-bá-Lộc, Đỗ-hữu-Phương, Huỳnh-quang-Tấn... ở Nam-Kỳ đã thẳng tay giết dân hại nước để lập công với Thực dân Pháp. Đồng bào miền Nam kể lại như sau (trích trong *Saigon năm xưa* của Vương-hồng-Xển trang 162) :

...« *Lộc người khô ráo dông dảy, môi mỏng, cặp mắt đầy sát khí. Ông bắt được địch-thủ, nhất quyết không cầm tù và chỉ chặt đầu y quân-lệnh : chém người như chém chuối, chém không chừa con đỏ. Các ông già bà cả, nay nghe nhắc tên ông thảy đều lắc đầu. Chính Toàn-quyền Paul Doumer đã hạ một câu xác-đáng : « Việc ấy đã biết dư. cố-nhiên là phải vậy ! Nếu muốn (nhân nghĩa) và chớ chỉ còn kế-hoạch nào khác, thì thà đừng sai hắn cầm binh... »* (1)

« *Ngày nay còn nghe nhắc những phương-pháp quá bạo tàn :*

— *Để đối phó với các địch-binh không khứng ra qui thuận và thường ẩn mình nơi thâm sơn cùng cốc, có một cách tuyệt-đối : sai bắt cha mẹ, vợ con của người ấy, đóng gông cầm tù. Một mặt bố cáo trong ngoài kỳ hạn bao nhiêu ngày, phải ra nạp mạng, bằng không thì : Cha mẹ và vợ sẽ bị bêu đầu làm lệnh, trẻ con thì bỏ vào lòng cối giã gạo, sai lính dùng chày lớn quết như quết nem !*

« *Đối với phạm-nhân, tội không đáng chết có khi cũng cho thân-nhân lãnh về. Mà đây là một đau lòng khác nữa : Trò chơi ác độc là bỏ người đàn ông vào nóp lá nóp bàng, mỗi người một nóp bít kín đầu đuôi, chỉ chừa một lỗ để lọt* « bộ đồ kín » *ra ngoài, đàn bà nào nhìn được* « của riêng » *thì lãnh được chồng về ! Néron là bạo quân tàn nhẫn, Lê ngọa-triều cũng là bạo chúa lừng danh còn chưa nghĩ ra việc này...* »

Miền Nam nhớ Trần-bá-Lộc trong các vụ đàn-áp phong-trào *Dân chúng tự vệ, Bình Tây sát tả* ; miền Trung cũng nhớ y trong vụ cộng-tác với Nguyễn-Thân đánh dẹp các nhà ái-quốc mà đứng hàng đầu là Cử-nhân Mai-xuân-Thưởng, chúng tôi sẽ nói nhiều ở một chương cuối sách này.

Sau những vụ tận tình ăn gan uống máu đồng-bào, Trần-bá-Lộc

(1) « Il fallait s'y attendre et ne pas l'envoyer si on voulait et si on pouvait faire autrement (*l'Indochine-Souvenir* par Paul Doumer, chương 60).

được thăng Tổng-đốc và ân thưởng Đệ-tam đẳng Bắc-đẩu bội-tinh *(Commandeur de la Légion d'honneur)* như trên đã nói, nhưng rồi Pháp không tiếp tục trọng-dụng y nữa. Có lẽ Pháp e mất ảnh-hưởng, hoặc giả « *giảo thỏ tử thì cẩu-tẩu phanh, địch quốc diệt, mưu thần vong (1)*. Về già Lộc sống những chuỗi ngày tàn đầy uất-hận với mẫu quốc, lúc chết y trối-trăng cho con cháu chôn « *đứng* », kẻ ra y nên được chôn « *sấp* » để khỏi nhìn trời đất và quê hương thì linh hồn được mát mẻ hơn chăng ?

Đỗ-hữu-Phương

Nhân vật thứ hai đáng được nêu ra mà Pháp từng tuyên-dương công-trạng thuở ấy là Đỗ-hữu-Phương hiện còn được đứng tên cho một con đường giữa thị-tứ Chợ-lớn. Ngày ấy, y « *hiền* » hơn Tổng-đốc Lộc nhưng không phải là không có dự vào các cuộc bình-định đẫm máu của Thực-dân từ 1860 ở nước nhà.

Người y thấp, phốp-pháp, râu mép để ngạnh cá trê, vuốt sáp nhọn hoắt quắp lại như sừng trâu. Chính y đã nuôi Thủ khoa Nguyễn-hữu-Huân, bảo-đảm cho ông nầy rồi cũng chính y giải nộp Nguyễn-hữu-Huân cho Pháp. Nhờ có công trạng nầy gồm với các chiến công bình Đông, bình Tây, y được thăng dần lên chức Tổng-đốc và vợ con được hưởng nhiều ân-sủng của Pháp. Rồi cũng bởi chỗ hết lòng theo đuổi mẫu quốc, năm con trai của y đậu cao làm quan lớn (Đỗ-hữu-Chần được phong Đại-tá, Đỗ-hữu-Vị, Đại-úy không-quân, ba con gái lấy chồng sang, một lấy Tổng-đốc Hoàng-trọng-Phu con cả Quận-công Hoàng-cao-Khải cũng vào loại công thần số một của Đại-Pháp và đứng hàng đầu hệ-thống phong-kiến mới của thời Pháp-thuộc, nay tàn lụi không còn gì nữa, hoặc bị suy-vong hoặc bị Cách-mạng giết, hoặc chạy qua Ba-lê nấp bóng cố-chủ hết ; nhà cửa ruộng đất kiếm-chác hồi xưa con cháu cũng bán hết gần như không còn gì nữa.)

Nói về bất động-sản đồ-sộ bậc nhất nhì ở đây nhất là ngôi nhà nửa Tây nửa ta của Đỗ-hữu-Phương, tác-giả *Saigon năm xưa* viết :

---

(1) Thỏ khôn chết thì chó săn bị giết, nước địch hạ được rồi thì mưu-thần cũng hết sống. Huống-hồ Pháp xưa nay vẫn lên mặt nhân nghĩa. Họ biết rằng nếu tự họ làm những việc tàn ác thì mang tiếng, nên dùng bọn Khuyển-Ưng, Khuyển Phệ làm những việc bất nhân họ sẽ dễ bề ăn nói với dân Việt-Nam.

« Ngôi nhà này nay đã dỡ, đất thì bán cho khách Tàu xây nhà chọc trời làm tửu-quán, cao lâu và rạp xi-nê. Chỉ chừa một khuỷnh để làm nơi thờ phượng Mấy chục năm về trước. cờ bạc còn thịnh hành, vua đồ bác « thầy Sáu Ng. » nhiều tiền mướn đấy làm chỗ hốt me ăn thua ức vạn. Nghĩ cho con cháu rân rát. đỗ đạt thành danh mà từ-đường chứa đầy tiếng thô-tục. nước bọt, đờm xanh, có phải chăng là căn-quả ?...

Lê-phát-Đạt

Lê-phát-Đạt tức Huyện Sĩ, người Cầu-Kho, thuở nhỏ tên là Sĩ, có học tiếng La-tinh ở Cù-lao Pénang sau đổi tên là Đạt vì trùng tên với thầy dạy (Sĩ). Sau Đạt được làm thông-ngôn chữ latin. vì thời đó Pháp chưa kịp có thông-ngôn bằng tiếng Pháp, phải dùng học trò trường Nhà Dòng. Đạt làm việc lâu năm ở tỉnh Tân-An rồi nhờ buổi nhá-nhem trở thành một đại-địa-chủ ở đất Saigon.

Xin nhắc đất này năm xưa vì luôn luôn có chiến-tranh, dân cũ xiêu-bạt. Khi Pháp lập bản-đồ, và sổ sách điền-thổ, nhiều chủ cũ không nhận. Một phần thuở đó còn tranh tối, tranh sáng, nếu họ nhận thì sợ quan ta bắt tội theo Tây, một bề họ còn hi-vọng một ngày kia Pháp sẽ bại trận mà rút lui, chừng đó của ai vẫn trở về với người ấy, hấp tấp e có hậu-họa. Rồi Pháp lập Hội-đồng thành phố, Ủy-ban điền-thổ đưa một số nhân-viên đi xét từng vùng. Một số thân Tây đi theo nhân cơ-hội nầy nhận bừa ruộng đất của đồng bào. Chỗ nào tốt đẹp thì họ *« ủy »*, chỗ nào sình-lầy thì họ « nông », tóm lại chỉ một tiếng *« ủy »*, bọn đầu-cơ nầy sau đó trở nên giầu có lớn. Các quan thầy tuy biết họ lưu-manh cũng lờ đi vì họ chỉ cần những đất tạm thời vô chủ có chủ để hàng năm nộp thuế là ổn. Dư-luận của các vị già cả ngày nay cho rằng họ Lê trở thành đại địa-chủ là do sự may mắn này, riêng tác giả *Saigon năm xưa* nói Lê ăn nên làm ra là nhờ *« phu nhân Trần-thị »* có tài nội trợ đảm-đang nhường muốn nới tay cho họ Lê là chủ nhân cái nhà thờ đồ-sộ đường Bùi-Chu ngày nay. Cái nhà thờ này được dựng lên cho các giáo-dân đến thờ phượng Chúa, phải chăng là do một phút xám-hối ? Cơ nghiệp vĩ-đại của những kẻ tay chân thực-dân có được

---

Chú-thích : Con cháu Huyện Sĩ sau này là Lê-phát-An và Lê-phát-Vĩnh, là cậu của Nam-phương hoàng-hậu, vợ của Bảo-Đại, con gái của Nguyễn-hữu-Hào hiện còn nhiều tài-sản ở thành-phố Saigon ngày nay.

cấu tạo bằng mồ hôi, nước mắt như kẻ dân lành hay dựa vào uy quyền của chủ mới, thiết tưởng ai cũng có thể tự tìm hiểu được. Sau này họ Lê bị một số người Tàu giết bằng cách giả, đem đồ lễ Tết đến biếu « *quan lớn* » vào một ngày cuối năm. Nếu điều này trúng thì ta đã có một lời giải đáp về cái tư-sản và các tiền-tích của họ Lê. Ngày nay thi ca Việt-Nam trên Lịch-sử còn ghi chép những hành-động dã man của bọn bán nước hùa với quân xâm-lăng khiến đọc lên còn thấy lạnh người.

Bài *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn-Trãi có câu :

.. Nướng dân đen trên ngọn lửa hung-tàn, vùi con đỏ dưới hầm tai vạ. Chước dối đủ muôn nghìn khóe, ác chứa ngót hai mươi năm. Bại nhân nghĩa, nát cả càn khôn, nặng khóa-liễm vét không sơn trạch... Kẻ há miệng, đứa nhe răng, máu mỡ bấy no nê chưa chán. Nay xây nhà, mai đắp đất chân tay nào phục dịch cho vừa. ? Nặng nề về những bổi phu phen, bắt bớ mất cả nghề canh cửi...

Trong bài « *Điếu Lục-tỉnh Nam-Kỳ sĩ dân văn* » ông Đồ-Chiểu, tác-giả *Lục-vân-Tiên* viết :

«... Phạt cho đến người hèn kẻ khó, thâu của quay treo ; Tội chẳng tha con nít đàn bà, đốt nhà bắt vật. Kể mười mấy năm trời khốn khó, bị khảo, bị tù, bị đầy, bị giết, trẻ già nào xiết đếm tên. Đem ba tất hơi mỏn bỏ liều, hoặc sông, hoặc biển, hoặc núi, hoặc rừng quen lạ thảy đều rơi nước mắt. Khá thương thay ! Dân sa nước lửa chầy ngày ; Giặc ép mỡ dầu hết sức ..

CHƯƠNG VIII

PHÁP CƯỠNG-CHIẾM BA TỈNH MIỀN TÂY

Keo vật cuối cùng của Pháp với ta ở Nam-Kỳ

Sau khi Pháp thiết-lập xong chủ quyền khắp miền Đông xứ Đồng-Nai, người dân Việt-Nam rất là thấm-thía với cái nhục vong-quốc, cảm thấy rằng rất có thể người Pháp sẽ đi xa hơn hiệp-ước Nhâm-tuất. Truyền-thống anh-dũng và cái đức liêm-sỉ của dân-tộc đã thúc-đẩy họ cầm những võ khí dầu thô sơ xông ra chiến-trường để một mất một còn với đối-phương. Rồi ta thấy từ 1862 trở đi bao nhiêu anh-hùng, nghĩa-sĩ miền Nam đã nổi lên với sự tham-gia của mọi tầng lớp nhân-dân mà lòng hy sinh vô bờ bến đã làm cho kẻ địch đã nhiều phen phải khen ngợi, kiêng nể. Do sự-kiện này Pháp thấy rằng còn phải ra tay nữa, nhưng bên chánh-phủ Pháp thuở đó vẫn còn chia ra hai phe : phe chủ-trương mở rộng thuộc-địa gồm có Rigault de Genouilly, de Chasseloup Laubat, Marchaise đang có nhiều ưu-thế trong chánh quyền. Phe chủ hòa cũng được nhiều Bộ-trưởng gia-nhập, vì vậy Pháp-hoàng còn lưỡng-lự chưa biết tiến theo nẻo nào. Tại đây và bấy giờ nhiều người còn mờ-mịt về vấn-đề Việt-Nam lắm.

Còn triều-đình Tự-Đức biết mình thân cô, thế yếu, một thời đã rất thành-thực trong việc thi-hành hiệp-ước Nhâm-tuất nên đã phái Phan-thanh-Giản vô Nam khuyến-cáo nhân-dân hạ khí-giới để Pháp khỏi mượn cớ gây sự thêm, nhưng bên trong vua Tự-Đức vẫn không tuyệt-đối cắt đứt liên-lạc với Kháng-chiến e rằng bỏ rơi họ thì sau này khó mà khôi-phục được nhân-tâm. Tóm lại, Huế đứng trước ngã ba đường, tiến thoái lưỡng nan. Ngoài ra đã có lần Tự-Đức ngỏ ý với các quan muốn đổi ba tỉnh miền Tây lấy ba tỉnh miền Đông nhưng Trần-tiễn-Thành và Đoàn-Thọ khuyên can rằng miền Tây đất ruộng phì-nhiêu không bỏ được và do thái-độ lưỡng-lự của các nhà cầm

quyền bên bờ sông Hương, miền Nam cứ rối-ren mãi. Còn Súy-phủ Saigon mỗi ngày một thấy cần mở rộng phạm-vi hoạt-động quân sự để có thể ăn ngon ngủ yên và lấy thêm đất đai cho phỉ trí. Thêm vào đó nếu họ không động binh ở miền Tây thì làm sao tàu bè của họ vượt qua các con sông Tiền-giang, Hậu-giang để liên lạc với xứ Chùa Tháp (*Cao-Mên*) từ nay đã lệ-thuộc nước Pháp. Một lý-do nữa, nếu ta nhìn vào bản-đồ Đông-dương ta mới thấy rõ rằng có chiếm hết đất Nam-Kỳ thì mới dễ nhập vào đất Cao-Mên, lấy Cao-Mên hợp vào Nam-Kỳ thì được rõ ràng một vị-trí rất đẹp mắt và lập thành được một thực-dân-địa ngon lành trước khi thanh toán toàn bộ bán-đảo chữ S. Năm 1865 Thiếu-tướng de la Grandière được triệu hồi về Paris chỉ là để hội-kiến với Hải-quân kiêm Thuộc-địa Tổng-trưởng de Chasseloup Laubat về chương-trình thôn-tính Nam-Kỳ. Sau cuộc hội-kiến này de Chasseloup Laubat vận-động ráo-riết với Pháp-hoàng đánh chiếm hết xứ Đồng-nai cho xong. Trong giai-đoạn này tiền bồi thường chiến phí về phần ta chưa nộp xong, triều đình Huế lại cứ đòi chuộc ba tỉnh miền Đông lấy cớ rằng dân chúng luyến tiếc chánh quyền Việt-Nam. Và cũng trong dịp này tại Huế có việc sự sửa soạn quân đội. Pháp lấy làm lo ngại và Thống-đốc de la Grandière xin Pháp-đình tấn công nốt ba tỉnh miền Tây. Hầu-tước de Chasseloup-Laubat vừa thôi chức Tổng-trưởng hải-quân. Đô-đốc Rigault de Genouilly được lên thay ; dĩ-nhiên ông này hết sức ủng-hộ đề-nghị de la Grandière. Nhưng trong triều bấy giờ vẫn có một số người không tán thành Pháp mở rộng chiến-cuộc ở Nam-Kỳ do đó, để hội-đồng Bộ trưởng yên lòng, Rigault de Genouilly mới đề-nghị cử một sĩ-quan tùy viên của Nã-phá-Luân đệ tam là Đại-úy hải-quân des Varannes qua Nam-Kỳ mở cuộc điều-tra rồi phúc trình lên Pháp-hoàng. Dĩ-nhiên đề-nghị hợp-lý này không ai phá bỏ được. Rồi ở Nam-Kỳ về, des Varannes tán thành việc chiếm đánh miền Tây. Sau đó, Súy-phủ Saigon cho sửa-soạn kế-hoạch và quân đội từ tháng 3 đến tháng 6-1866 để tiến xuống Hậu-giang. Thực ra Pháp còn nên làm gì khác nữa khi Nam-Kỳ quả là một xứ rất ngon lành về kinh-tế, thương-mãi và thuận lợi về quân-sự, triều-đình và quân đội Việt-Nam lại rất suy yếu ? Pháp có chiếm vùng này cũng là quá muộn nếu so với cuộc chạy đua của Liệt-cường mà Anh-cát-Lợi dẫn đầu khi này ở Á-châu.

Về phần các nhà đương-cục ở miền Tây hàng ngày chạm trán

với Pháp cũng hiểu hơn bao giờ hết Pháp sẽ tràn qua vùng Hậu-giang. Tổng-đốc Vĩnh-long Trương-văn-Uyển liền mật-tâu vua Tự-Đức như vậy. Vua quan triều Tự-Đức lại cử Phan-thanh-Giản vào Nam phen nữa với chức Kinh-lược tam tỉnh, hàm Hiệp-biện Hộ-Bộ để chèo chống với Pháp, vì họ Phan và Pháp đã gặp nhau nhiều rồi do đó mọi cuộc thương-thuyết sẽ được dễ-dàng hơn là với người đại-diện khác mỗi khi hữu-sự. Hơn bao giờ hết, Huế hiểu rằng chỉ có sức mạnh mới đem lại những kết-quả tốt đẹp cho việc ngoại-giao, nhưng giờ đây mọi người chỉ có khoanh tay ngồi cầu may mà thôi. Khi họ Phan lên đường, Tự-Đức cứ ép-buộc Phan tranh-đấu để đem thắng lợi về cho nước nhà, khuyên đừng quá thụ-động và nhượng-bộ người Pháp. Họ Phan không biết nói sao nên sau này chỉ còn chén thuốc độc để giải tỏ tấm lòng son sắt với vua với nước, tài ngoại-giao của Tô-Tần thiết-tưởng vào trường-hợp của Phan kinh-lược cũng bằng thừa.

Năm sau là năm Bính-Dần (1866 tức Tự-Đức 19) Súy-phủ Saigon cho tàu ra tới cửa Thuận-An đưa thư nói xin triều đình để họ quản-trị nốt ba tỉnh miền Tây vì Chánh-quyền Việt-Nam ở quá xa, việc đánh dẹp phiến-loạn khó khăn nhiều bề không tiện. Họ lại còn tỏ ý rằng quan ta bất lực ở miền Tây là đàng khác. Rồi họ nêu ra ý-kiến rằng hiện nay họ ở gần, việc bình-định sẽ dễ dàng, nếu triều-đình chấp thuận Pháp sẽ không đòi bồi-khoản chiến-tranh theo Hòa-ước 1862 nữa.

Tháng 9 năm ấy Súy-phủ Sai-gon không thấy dư-âm về việc này lại cử P. Vial và cố-đạo Dương ra đòi nhượng ba tỉnh Vĩnh, An, Hòa và hăm dọa gây chiến. Triều-đình Huế nhân có vụ yêu-sách này đề-nghị giao ba tỉnh miền Tây để đổi lấy Biên-Hòa, Định-Tường, bãi bỏ tòa Lãnh-sự Pháp ở Đà-nẵng, Đalạt Quảng-Yên và miễn nộp chiến-phí. Viện Cơ — Mật lại đề-nghị rằng nếu Pháp không chịu thì cứ để họ gây chiến ở miền Hậu-Giang, dân chúng sẽ nổi lên, bấy giờ sẽ tùy cơ ứng-biến.

Rồi đầu năm 1867, phái-bộ des Varannes đến Saigon, sau đó trở về Pháp thì có lịnh cho Thống-đốc de la Grandière xua quân qua miền Tây. Nhưng trước khi ra mặt đánh chiếm Vĩnh, An, Hà thêm

một lần nữa, vào trung tuần tháng 2 (1867) Súy-phủ Saigon sai hải-quân trung-tướng Monet de la Marck ra Huế đòi ta nộp chiến-phí vì ta chưa trả kịp thời và nhắc thêm một lần nữa việc nhượng miền Tây Nam-Kỳ.

Huế tiếp đón đại-diện Pháp một cách lạnh-lùng và cũng lại từ chối đề-nghị của Súy-phủ. Trong lúc này Phan-thanh-Giản ở Nam-Kỳ luôn luôn tiếp-xúc với Súy-phủ để xoa-dịu sự căm hờn của họ cùng thanh minh về vụ Pu-Cambo không có sự dính-líu gì với các quan Việt-Nam ở Hậu-giang (1). Phan thương-nghị với Súy-phủ tất cả các vấn đề đổi chác đất đai mà Huế vừa đề ra, tóm lại ta đã chơi cái trò con chuột nhảy và múa để phỉnh-phờ con mèo đang đói đến cực-độ. Lúc này Rigault de Genouilly, viên Trung tướng đầu tiên nã đại-bác vào lãnh-thổ Việt-Nam, lên làm Hải-quân kiêm Thuộc-địa Tổng-trưởng thay de Chasseloup Laubat. Thế là việc phải đến đã đến. Tình-hình căng thẳng đến cực-điểm vì không còn hy-vọng gì về việc ngoại-giao nữa. Phan-thanh-Giản biết trước sự việc sẽ rất lôi thôi và dâng sớ trần-tấu về vụ Nam-Kỳ cùng xin trả lại mũ áo để về hưu, viện lẽ cụ đã già yếu và không còn đủ tài đảm-đang việc lớn nữa. Vua Tự-Đức không bằng lòng lại còn quở trách và nhất định lưu họ Phan lại.

Về phía Pháp chánh sách « *tiền lễ hậu binh* » được thi hành đầu nay chỉ còn việc xuất quân mà thôi, do đó vào hạ tuần 18-6-1867 các chiến-thuyền *Mitraille*, *Bourdais*, *Alarme Frah*, *Espignole*, *Glaive*, *Fanconneau*, *Hallebarde*, *Arc* kèm theo một đoàn tàu vận tải và một ít « *sà-lúp* » chở 10 0 lính Âu-châu và 400 lính tập võ trang đầy đủ lên đường, có thêm cả viên Đốc-lý và một vài thư-ký hành-chánh để xong việc đánh chiếm sẽ thiết lập ngay bộ máy cai-trị. Bên cạnh đoàn quân chiến đấu kiêu-hùng này còn một bộ Tham-mưu Pháp thành-lập từ lâu tại Mỹ-tho đi theo để giúp ý-kiến về việc tấn-công và bình-định. De la Grandière ngồi chiếc tàu « *Ondine* » là chiếc tàu lớn nhất của Pháp tại Nam-Kỳ đi vòng đường biển tới

(1) Pháp cáo ta cộng-tác với Pu-Cambo đánh vào nhiều đồn của Pháp. Sự thực có thể. Trương-Huệ con ông Trương-Định đã liên-kết với vị lãnh-tụ nghĩa quân Cao-Mên và được triều-đình Huế bí-mật ủng-trợ. Tiếc rằng lúc này lực-lượng kháng-chiến không mạnh rồi cũng tàn lụi dần.

Mỹ-tho vào ngày 19-6 để điều-khiển đoàn quân viễn-chinh. Ngày 20-6 một số pháo-hạm tiến sang Vĩnh-long vào nửa đêm.

Tại đây ta không có sự phòng-thủ gì cả, vì Phan-thanh Giản biết rằng có bố-phòng kỹ-càng như các nơi trước đây cũng vô-ích. Nam-Kỳ bấy giờ hết tướng tài rồi. Quân triều thì quá yếu so với địch, các lãnh-tụ có uy-danh và được dân chúng nhiệt-liệt ủng-hộ như các ông Nguyễn-trung-Trực, Trương-Định. Nguyễn-hữu-Huân v.v.., đã ngã gục cả không còn ai đáng kể nữa Giờ chỉ có miệng lưỡi đi đối-phó với Pháp mà thôi Và miệng lưỡi của họ Phan trong tình thế bây giờ đã đúng như tình thế cừu non trước họng sói (trong bài *Le loup et l'agneau* của La Fontaine). Lại xin nhớ rằng lúc này triều-đình Huế đã ra lệnh cho họ Phan bất đề-kháng nữa.

Ngồi dưới tàu, de la Grandière sai người mời Phan-thanh-Giản xuống nói chuyện, lại đưa thư kể năm ngoái Súy-phủ Saigon đã xin triều-đình giao cho ba tỉnh miền Tây, nhưng triều-đình làm ngơ khiến an-ninh trên toàn hạt Đồng-nai không được ổn-định. Nay họ phải động-binh cũng biết rằng việc này cũng làm thương-tổn đến tình hữu-nghị giữa hai nước...

Phan kinh-lược cùng Án-sát Võ-doãn-Thanh cố sức biện-thuyết nhưng không được. Rồi bất-đắc-dĩ họ Phan phải chịu nộp thành cho Pháp, chỉ yêu-cầu quân đội Pháp đừng tàn hại nhân-dân, trả cho ta tiền lúa trong kho, de la Grandière ưng-thuận. Khi ông Phan, Võ về đến thành thì đã thấy cờ Pháp treo cao trên cổng và quân Pháp đã lọt đầy vào bên trong.

Nam-bộ chiến-sử đưa ra những chi-tiết đặc-biệt dưới đây : trong tuần tháng 6 năm 1867, một đại-đội chiến-thuyền Pháp dưới quyền thống-lĩnh của de la Grandière từ Mỹ-tho hùng-dũng chạy sang Vĩnh-long. Nhờ có sa-mù bao-bọc nên đoàn tàu chiến Pháp vào đậu trước thành Vĩnh-long mà quân dân ta không hay biết chi hết.

Quân sĩ trên tàu đổ bộ và chỉa súng ngay vào thành, đại-bác trên tàu cũng thế. Quá bấy giờ sáng, các quan trong thành mới hay. Thành đã bị vây tuy vậy súng chưa nổ. Quân Pháp muốn gì ? Ai cũng tự hỏi vậy. Bộ Tham mưu Pháp phái giáo-sĩ Legrand de la Liraye vào thành đưa một tối-hậu-thư buộc Việt-Nam phải nhượng

ba tỉnh miền Tây với điều-kiện tiếp-nạp, hay không tiếp-nạp. Tiếp nạp thì phải mở thành đón rước quân đội Pháp và nhận mọi điều kiện của họ. Quá kỳ-hạn hai giờ đồng-hồ, Pháp sẽ hạ lệnh tấn-công Vĩnh-long...

Nhận hay bác bỏ đề-nghị này ?

Nhận lời tức phải dâng thành cho giặc. Trên cụ Phan-thanh-Giản còn có triều-đình. Đáng lẽ điều-kiện này phải chuyển giao cho triều-đình xét định đã, nhưng Pháp đưa ra kỳ hạn có hai tiếng đồng hồ, nếu trễ họ sẽ bắn phá. Chống cự sẽ vô ích, cụ Phan đã rõ hơn ai hết thực-lực của Pháp. Gây chiến chỉ tổ thiệt hại cho nước nhà, dân chúng phải nạn lây, rốt cuộc phần thắng vẫn về tay Pháp. Rồi từ bờ sông trở về cụ Phan đã thấy quân Pháp tràn vào thành. Hôm ấy là 20-6-1867.

Việc Vĩnh-long vừa xong thì có tin An-giang và Hà-tiên cũng đã mất, theo *Việt-Nam Pháp-thuộc-sử*. An-giang mất vào 5 hôm sau (1). Về ngày giờ kể trên, sử ta và sử Pháp chép sai nhau ít nhiều. Phụ-trách đánh chiếm hai tỉnh dưới đây là Trung-tá Galey. Các quan lại ở hai tỉnh này phải đưa về Vĩnh-long đặt dưới quyền định-đoạt của Pháp-súy.

Thanh-toán xong vấn-đề miền Tây, de la Grandière để đại-tá Reboul ở lại Vĩnh-long điều-khiển và tổ-chức việc quản trị cả ba tỉnh rồi sai giáo sĩ Legrand de la Liraye đi tàu ra Thuận-an báo tin cho triều-đình Huế.

Phan-thanh-Giản đem số tiền lúa của ba tỉnh hiện còn lúc đó (trị giá 100 vạn đồng) khấu trừ vào bồi-khoản chiến tranh cho Pháp năm ấy rồi bắt đầu tuyệt-thực. Cụ viết lá sớ gửi về kinh cùng triều phục ấn triện, sắc bằng, ngoảnh về hướng Bắc lạy 5 lạy rồi uống thuốc độc. Trước khi chết cụ còn dặn con cháu về quê làm ruộng mà sống và đừng nhận chức tước gì của ngoại-quốc. Cụ mất năm 71 tuổi vào ngày 7-8-1867 (1867-1796) (2). Cụ là một vị quan thanh-liêm, hết lòng vì vua vì nước. Nhờ những chuyến đi xứ qua Pháp cụ biết được sức mạnh của nền văn minh Tây-phương nên trước sau cụ chỉ chủ hòa

(1) Theo P. Culiru, Châu-đốc mất vào chiều 21-6, Hà-tiên đổi chủ ngày 24-6

(2) P. Culiru nói Phan chết vào ngày 5-7-1867.

trong khi vua Tự-Đức và đa số quần-thần lúng-túng giữa hai chính sách hòa và chiến. Sự thực, thì thời-cuộc biến-chuyển quá gắt gao, cái học từ-chương, khoa-cử đời bấy giờ không đủ tạo nên một số cán-bộ có tài khang-tế để tìm ra những mưu-thuật kỳ-diệu cứu nhà cứu nước. Bảo-vệ tự-do độc-lập của xứ-sở tất nhiên phải có võ-lực hùng-hậu, phải có tướng giỏi, quân tinh, nhưng thực-lực của ta dưới đời Tự-Đức cũng như của Thanh-đình, của Nhật-Bản thuở ấy sánh với Tây-phương chỉ là chuyện trứng chọi vào đá, vậy thì còn trông vào chánh-trị. Nói đến chánh-trị là phải nói đến mưu-thuật. Tô-Tần ngày xưa phải chu-du 6 nước nêu ra kế-hoạch hợp-tung là vì nước mình (Triệu) không đủ chống nhau với kẻ địch (Tần). Nhật-Bản, Tiêm-La biết rằng bế quan tỏa-cảng chỉ tổ nát đám cỏ gà, ngửa nghiêng sông núi nên phải đón chào mọi nước trong Liệt-cường theo cái kế *Dĩ độc trị độc*. Tóm lại hòa không xong, chiến cũng dở, nhưng mình yếu mà có vậy cánh thì yếu hóa mạnh, *(yếu chẻ khỏe nêm)* lấy kẻ mạnh hãn-trở kẻ mạnh, bài học lịch-sử của các dân tộc từ Á qua Âu, từ cổ đến kim đã nêu ra cả ngàn lần. Thật đáng buồn thay khi lâm sự vua tôi bối rối như cho tay vào bị, đình-thần thì chỉ đòi chiến tỏ ra có tinh-thần quả-cảm biết rằng chỉ có chết dân chúng mà thôi .. Qua lời sớ hay qua các cuộc thảo-luận của các đại-thần, đại-tướng như Nguyễn-tri-Phương, Nguyễn-bá-Nghi, Phan-thanh-Giản, nhiều khi như ta thấy chỉ bàn quanh tính quần, sau cùng là xin tùy « *thánh ý quyết định* ». Về phần vua Tự-Đức suốt đời không đi ra khỏi hoàng-cung làm sao mà thấu-triệt được tình dân nỗi nước. Rồi cái bi-trạng này cứ kéo dài thế mãi cho tới ít năm sau ta mất nốt Trung, Bắc lưỡng-kỳ là phải lắm...

Phản-ứng của triều đình Huế sau khi mất ba tỉnh miền Tây ? Vua Tự-Đức và các quan lấy làm giận lắm, viết thư cho Pháp-súy xin trả lại số binh-khí còn lại ở ba tỉnh kể trên và xin họ nhượng lại cho ta tỉnh Biên-hòa và một phần Saigon để bù vào sự tổn thất nặng-nề của ta. Dĩ-nhiên đề nghị lầm-cầm này không được Pháp-súy đếm sỉa và còn làm cho họ buồn cười là đàng khác.

Một việc kỳ-cục khác nữa là khi nghị tội các quan can-dự vào việc mất Nam-Kỳ, Tự-Đức dụ : « Sáu tỉnh Nam-Kỳ trước đây đã vì Nguyễn-tri-Phương, Tôn-thất-Cáp, Phạm-thế-Hiển, Nguyễn-bá-Nghi tiểu phòng không hết sức rồi đến Phan-thanh-Giản, Lâm-duy-

Hiệp nghị hòa khinh-xuất, sau Phan-thanh-Giản, Trương-văn-Uyển, Nguyễn-hữu-Cơ, và Trần-Hoằng nhơn tuần nhớn nhác nên đến nỗi mất cả 6 tỉnh » nay định tội hai ông Phan-thanh-Giản, Lâm-duy-Hiệp phải truy-đoạt chức hàm, đục bia tiến-sĩ, kết án « *trảm giam hậu* » (1) đời đời.

Công bằng mà xét các quan, các tướng kể trên, trước tình thế khó khăn dưới đời Tự-Đức, đã hết lòng phù vua giúp nước, tài của họ bất cập với thời-vụ, nhưng lòng trung ái thì có thừa, vậy mà bị xét công định tội như trên thì quả cái óc vua quan đời phong-kiến hoặc chuyên-chế độc đoán, hoặc ngu tối đến thế là cùng. Truy nguyên đến cỗi rễ việc mất nước đời bấy giờ thì phải quy trách-nhiệm vào Thế-tổ nhà Nguyễn nhiều hơn cả vì Thế-tổ đã rước giặc vào nhà mà không biết để mưu cho con cháu, ấy là còn may một số tướng-tá, đại-thần trên đây thua người ngoại-quốc về chỗ điều-binh, bát-trận, nhưng can-đảm tiết-tháo, ở trường-hợp nào cũng nêu cao được danh-dự của dân-tộc thì cũng đỡ nhục, nếu không viết đến những trang sử về đời Nguyễn-sơ chỉ nên độ cả nghiên mực vào mà thôi.

(1) Mãi tới năm Bính-tuất 1886 vua Đồng-Khánh mới khôi phục nguyên hàm cho hai ông Phan, Lâm.

CHƯƠNG IX

PHÁP GIÀNH XỨ CAO-MÊN SAU HÒA-ƯỚC NHÂM-TUẤT (1862)

Hòa-ước Pháp-Mên

Sau Hòa-ước 1862, Pháp coi rằng trên bán-đảo Đông-Dương, Pháp không có ai đáng là địch thủ. Pháp có một địch thủ mà Pháp ngại nhất, đó là nước Anh. Nhưng lúc này Anh đang lo bành trướng thế-lực ở Trung-Quốc, một miếng mồi ngon nhất ở Viễn-Đông vì người nhiều của lắm, vậy Pháp coi Đông-Dương là miếng đất vô chủ.

Giải quyết việc chiếm hữu Nam-Kỳ xong thì thế-lực của Việt-Nam tự nhiên bị thủ-tiêu ở xứ Chùa Tháp. Còn lại một kẻ cạnh-tranh với Pháp ở đất này chỉ là Tiêm, nhưng thực-lực của Tiêm không đáng kể, bởi chính Tiêm còn bí-mật nhờ Pháp bảo-vệ để khỏi cái nạn Anh-quốc. Nhưng ra mặt đầy Tiêm khỏi đất Cao-Mên sẽ mất mối giao-hảo sau này do đó Pháp chủ-trương thôn-tính Cao-Mên sao cho ngọt. Phương-pháp là phải khi cứng khi mềm với Tiêm cho tới khi lấy được hết đất-đai của vua An-Dương. Dưới đây ta được coi cái trò vừa tiến vừa lui, vừa hằm-hè, vừa cười duyên của đám quân nhân thực-dân dưới quyền của chánh-phủ Ba-lê.

Năm 1859 vua An-Dương mất, con trai cả là Norodom lên thay nhưng bị người em là ông hoàng Sivotha chống lại phải bỏ kinh thành chạy qua Battambang cùng kiếm vàng, ấn ngọc vào 1861. Người Tiêm cho quân đội đưa Norodom trở về Nam-vang năm sau giữa lúc Pháp đã dựng xong mảnh đất dụng võ tại Nam-Kỳ sau hòa-ước 1862. Dĩ-nhiên lúc này Tiêm có nhiều uy-thế đối với chánh-quyền Cao-Mên. Nhưng Pháp vì đã có ý nhòm ngó đất Mên từ 1856 về kinh-tế cũng như chánh-trị, liền đặt liên-lạc với Norodom bởi nếu

họ ngại có điều ngăn trở chỉ là ngại về phía Việt-Nam mà thôi. Nay Việt-Nam đã bị bại trận ở Nam-Kỳ và có cơ mất hết xứ này nay mai, chỉ còn có hình bóng lờ mờ trên đất Mên. Tiêm thì Pháp không ngại lắm nhất là họ đã có một căn-cứ quân-sự liền đất Mên (ba tỉnh miền Đông) thuận-tiện chẳng kém Norodom trong việc thân-thiện với Pháp cũng có ý rũ mình ra khỏi ách của Tiêm. Xứ Chùa Tháp có ngờ đâu gỡ được cái nạn da vàng lại đổi qua cái nạn da trắng, thật là chuyện dịch chủ tái nô vậy. Năm 1862 vào hồi tháng 9, Bonard sang yết-kiến vua Norodom thấy có một vị đại-thần Tiêm bên cạnh Mên-vương. Ông quan này bề ngoài có vẻ nhã-nhặn nhưng bên trong có ý khó chịu khi thấy viên Thống-đốc Pháp qua Nam-vang. Tháng ba năm 1863, Thủy-sư Đô-đốc de la Grandière cử Doudart de Lagrée sang Cao-Mên nhưng không cho chỉ-thị gì rõ rệt cả vì Pháp-đình bấy giờ cũng chưa đưa ra một mệnh-lệnh nào về Cao-Mên. Sau này ta sẽ thấy nếu có chuyện xảy ra ở bên Viễn-đông thường là do bọn quân nhân thuộc-địa bầy ra hết. Trong giới Thực dân ở xứ này, lúc đó Doudart de Lagrée cũng là một nhân-vật đáng kể. Y xuất thân ở trường Bách-khoa Pháp, đã dự trận Crimée rồi vì lý-do sức khỏe (!) y xin sang Viễn-Đông. Y được coi một thông-báo-hạm với nhiệm-vụ dò xét tình hình người Tiêm ở Oudong đối xử với Norodom ra sao và liên-lạc với Giám-mục Miche để bàn mưu tính kế, sau đó viên đại-úy hải-quân này (Doudart de Lagrée) đến rỉ-tai Thiếu-tá d'Ariès đang đóng ở Mỹ-tho khi ấy. Xét ra Doudart de Lagrée không có địa-vị ngoại-giao gì cả, y chỉ là một tên gián-điệp của nước Pháp thực-dân đặt ở Mên để canh chừng Tiêm mà thôi, nhưng ta đừng quên rằng ý-kiến y đưa ra có ảnh-hưởng rất lớn đối với thời-cuộc ở đây. Viên sĩ-quan này ngoài phận-sự kể trên lại có tính ham khảo-cổ nên đã thám-hiểm khắp xứ chùa Tháp, lần mò khắp vùng Biển-hồ, thăm viếng các rừng rậm núi hoang quanh vùng Đế-thiên, Đế-thích, rồi nghiên cứu tỉ-mỉ lịch-sử cùng các cuộc cách mạng đã từng xảy ra ở xứ Mên để hiểu biết người Mên và chánh sách của họ...

Rồi de la Grandrère đến thăm Norodom (tháng 7-1863) do sự trung-gian của Giám-mục Miche. Ông ta dự thảo sẵn một Hiệp-ước bảo-hộ Cao-Mên và Hiệp-ước này được ký luôn vào 11-8 năm ấy, đại khái nội-dụng như sau :

« *Xét rằng vì quyền lợi của hai quốc-gia Pháp, Mên bắt buộc chánh phủ Cao-Mên bao giờ cũng phải thuận hảo với chánh phủ Pháp, Hoàng-đế Nã-phá-Luân đệ-tam bằng lòng đổi quyền thần phục của Cao-Mên đối với Việt-Nam tại các tỉnh Nam-Kỳ và các việc nạp cống từ 1847 ra chế-độ bảo-hộ. Do đó từ nay Hoàng-đế của người Pháp (1) hết lòng che chở vua nước Cao-Mên và đặt bên quốc-vương một vị Khâm-sứ ngang hàng với một vị đại thần của bản quốc. Nhà vua cũng được đặt một đại-diện của mình tại Saigon. Không một đại-diện ngoại-quốc nào khác được có mặt ở Cao-Mên nếu nước Pháp không được biết.*

Quyền thương-mại, quyền mua bán các bất-động-sản, quyền giao thông được chấp thuận cho mọi công dân Pháp miễn có lời khai báo cho vị đại-quan của Cao-Mên.

Viên Khâm-sứ Pháp có quyền can-thiệp một cách lịch-sự trong các sự bất-hòa giữa người Pháp và Mên. Nếu cần phân xử thì lập một tòa án có vị thẩm-phán người Mên tham-dự ; nhưng nếu có chuyện riêng giữa người Pháp và người Âu-châu thì viên Khâm sứ xét định một mình.

Hàng hóa của Pháp vào xứ Mên không phải nộp thuế và hàng hóa của Mên vào Nam-Kỳ cũng được như vậy.

Các người theo đạo Thiên-chúa, các phái đoàn thám sát về khoa-học Pháp phải được sự che-chở của chánh-phủ Cao-Mên.

Nước Pháp hứa bảo-vệ tàu bè của nước Cao-Mên khỏi bị nạn giặc cướp trên sô g hay ngoài khơi.

Hoàng-đế Pháp cam-kết gìn-giữ nước Cao-Mên để nước này được hưởng hòa-bình và trật-tự và giúp nước Cao-Mên đối phó với mọi cuộc tấn công của ngoại quốc...

Hiệp-ước này phải được hỗ-giao trong vòng 6 tháng và để tỏ tình thân-thiện hoàng-đế Pháp tặng vua xứ Cao-Mên một tàu chiến chạy bằng hơi nước, thủy-đoàn từ quan đến lính sẽ được chánh phủ Pháp đài-thọ mọi khoản lương-hướng.

---

(1) Nã-phá-Luân đệ-tam vẫn xưng mình là : l'Empereur des Français.

Tháng 10-1863, de la Grandière viết cho de Lagrée biết những thắc-mắc của chánh-phủ Pháp về việc ký-kết với Cao-Mên. Các nhà chính-trị bên Ba-lê dặn dò bọn quân nhân bên Nam-Kỳ phải khôn-ngoan, phải thận-trọng để cố giữ lấy những quyền lợi mà Pháp đã giành được của Việt-Nam và Tiêm-La trên đất Mên khiến viên Tham-mưu-trưởng của de la Grandière phải buồn cười rằng mấy ông Bộ-trưởng bên kia Đại-tây-dương chẳng hiểu nếp tẻ gì về việc Cao-Mên và Tiêm-La. Theo ý, Pháp phải đi mạnh hơn trên đất Mên là đàng khác.

Về phía Tiêm-La, họ biết Pháp đã thành-công trong việc dụ Mên ký một hiệp-ước Bảo-hộ, nên họ cũng bắt Mên-hoàng ký theo đó một hiệp-ước nghịch lại với hiệp-ước bảo-hộ của Pháp. Hiệp-ước Mên-Tiêm sau đó ra đời và được công-bố vào ngày 20-8-1864 trên một tờ báo Anh ở Tân-gia-ba, báo *Straits Times* ký ngày 1-12-1863 và duyệt-y vào 22-1-1864 do Quốc-trưởng của hai nước.

Theo Hiệp-ước này vua Norodom được chỉ-định làm Phó-vương và Toàn-quyền của xứ Chùa-Tháp. Khoản I nói rằng Mên là một nước chư-hầu của Tiêm nếu xảy ra cuộc nội-tranh, Tiêm sẽ can-thiệp để vãn-hồi trật-tự. Nếu Mên có sự khó-khăn với các ngoại-cường, Tiêm cũng sẽ giúp đỡ.

Vua Tiêm đòi duy-trì quyền tấn-phong và quyền lựa chọn vị nguyên-thủ của Mên theo như cựu-lệ. Một khoản đặc-biệt lập lại việc Mên nhường không hạn chế các tỉnh Battambang, Ankor và Ai-Lao ; lại có sự dặn-dò nhà vua hậu-đãi các người ngoại-quốc có Lãnh-sự ở Bang Cốc và báo trước cho vua Tiêm biết nếu có sự tranh-chấp xảy ra phải để nhà vua tối hậu quyết-định. Việc nạp cống Tiêm vẫn phải tiếp-tục như thường...

CHÚ-THÍCH.— P. Cultru phê-bình rằng de la Grandière đã thực-hiện được bằng sáng-kiến riêng điều mà Montigny đã thất bại. Hiệp-ước trên đây đã được giữ bí-mật trong một thời kỳ ngay cả đối với Doudart de Lagrée và đã ký kết không có lệnh của chánh-phủ Pháp. Đến giờ phút đó chánh-phủ Pháp còn ngại việc đẩy Việt-Nam ra khỏi đất Mên sẽ có sự chẳng lành nhưng sau vua Nã-phá-Luân đệ-tam cũng duyệt-y hiệp-ước và cho Aubaret mang sang Saigon. Lúc này Aubaret được bổ Lãnh-sự Pháp tại Bang-Cốc và cử qua Huế để thảo luận về việc cho chuộc ba tỉnh miền Đông (1864).

Ta có thể nghĩ rằng nếu Tiêm bắt Norodom ký hiệp-ước này chỉ là do sự cạnh-tranh với Pháp trên lĩnh-vực quốc-tế nhiều hơn trên lĩnh-vực quốc-gia. Norodom không dám trái ý Bang-Cốc vì nghĩ rằng chưa rõ về tương-lai Pháp sẽ bền vững hay không, chỉ biết Tiêm thì sát nách mình. *(Nước xa không ngại bằng lửa gần).*

Rồi Pháp và Tiêm đã ra mặt tranh giành nhau trong vụ tấn phong quốc vương dưới đây. Năm 1863 Tiêm đã nhủ Mên-vương làm lễ tức-vị trước một đại-diện của chánh quyền Bang-Cốc. Việc này chưa thi-hành thì Tiêm xui Mên-vương đầy người Pháp ra khỏi xứ nhân một biến-cố ít quan trọng xảy ra : vài thủy binh Pháp vô kỷ-luật đã xông-xáo vào căn nhà thuộc hoàng-cung có gia-đình một vị tôn thất của nhà vua ở. Nhưng theo phong tục của Mên việc này có phần hệ-trọng, rồi mấy tên thủy-binh đó đã bị nghiêm-phạt. De Lagrée còn đến gặp quốc-vương để xin lỗi. Nhưng viên đại-thần Tiêm bấy giờ ở Oudong đòi trục-xuất cả de Lagrée nữa.

Viên sĩ quan Pháp đi kiếm Mên-hoàng và xin lại bức thư ông ta đã gửi đến tạ lỗi nhà vua, nhưng người ta đã căn-cứ vào bức thư này để yêu cầu chánh phủ Pháp triệu-hồi de Lagrée về. Vua Norodom trót trao thư đó cho quan Tiêm. De Lagrée liền đến thẳng nhà viên quan Tiêm lúc này đang đầy lính hộ-vệ để đòi bức thư. Thấy viên đại thần Tiêm định cho lính can-thiệp, y liền rút khẩu súng sáu ra uy hiếp và lấy lại được bức thư.

Vào tháng 5-1864 Pháp, Mên hỗ-giao hiệp-ước. Sau đó Mên-hoàng làm lễ tức vị, De Lagrée đòi Pháp phải có một đại diện chứng-kiến vụ này, rồi de la Grandière liền cử Tham-mưu-trưởng của ông ta là Đại-úy Desmoulins tới. Về phía Tiêm cũng có sự gay-go. Tiêm buộc vua Norodom sang kinh-đô của mình để chịu lễ tấn phong có ý gạt Pháp ra ngoài. Và nếu làm được như vậy chánh quyền Tiêm sẽ cho thiên hạ biết Tiêm vẫn nắm được hoàng-gia Mên trong tay và không ai giành được với Tiêm một chút uy-thế nào.

Doudart de Lagrée liền báo tin cho Thống-đốc Nam-Kỳ để chống lại cuộc vận-động của Tiêm. Súy-phủ Pháp tức-tốc liền báo cho vua Norodom biết sẽ chiếm Oudong nếu nhà vua qua Bang-Cốc.

Ngày 3-5 vua Norodom cùng các quan Tiêm lên đường. De Lagrée liền đổ bộ một đại đội vào thành phố, kéo cờ Pháp lên và bắn

21 phát đại-bác để chào quốc kỳ. Đi chưa được vài dặm, nghe thấy tiếng đại-bác nổ, Norodom sợ Pháp chiếm mất nước nên ngày 17-5 lại quay về. Theo sử-gia P. Cultru hành-động bạo-dạn này của de Lagrée đã cứu được việc bảo-hộ của Pháp trên đất chùa Tháp, tuy-nhiên nếu hỏi ý kiến của Ba-Lê chắc là Pháp-đình không cho xử-sự như vậy bởi Ba-Lê vẫn còn sợ miếng mồi Nam-Kỳ nuốt chưa trôi lại bạo-động thêm ở Cao-Mên thì sẽ xôi hỏng bỏng không chăng.

Sau cùng vào ngày 3-6-1864 người ta đã đi đến chỗ ổn định lễ tức-vị của Mên-hoàng như sau : Sứ-thần Tiêm cầm mũ miện trao cho đại diện Pháp là Desmoulins. Ông này trao lại cho Norodom rồi Norodom tự tay đặt mũ lên đầu mình. Qua việc trên, ta thấy Pháp đã đi tới chỗ ngang quyền với Tiêm trong công cuộc thao-túng chính-sự của Mên nhưng về việc ngoại-giao thì bất lợi. Trong năm 1867 Tiêm và Pháp ký với nhau một hiệp-ước ấn-định vị-trí của mỗi nước trên con sông Cửu-Long. Hộ-trưởng ngoại-giao Pháp de Moustier phải nhường cho Tiêm các tỉnh Battambang và Angkor mà 73 năm sau *(trong thời Nhật-thuộc)* hai tỉnh này mới trở về được với Cao-Mên. Được đất như vậy, Tiêm từ đó không đòi Mên-hoàng nộp cống như xưa. Pháp còn phải hứa thêm rằng sẽ không bao giờ sáp-nhập xứ Mên vào đất Nam-Kỳ.

Sau vụ này de la Grandière phàn nàn rằng : « Nếu ở Pháp người ta hiểu xứ này như chúng ta thì đâu phải giải-quyết vấn đề như vậy. Người ta cứ luôn luôn lo sợ về việc ta bành-trướng quá rộng các căn cứ của ta ở Viễn-Đông ». Và bọn quân-nhân thực-dân có mặt ở Nam-Kỳ thuở đó đã qui hết tội lỗi cho Aubaret, bấy giờ là Lãnh-sự Pháp ở Bang-Cốc, bởi ông này đã chủ-trương rút quân viễn-chinh ra khỏi Nam-Kỳ nên ông cũng quan-niệm sự việc như trên với xứ Cao-Mên ; rồi ông ta đã ngoa-truyền rằng làm mạnh quá ở Mên, Tiêm sẽ kéo Anh vào bè lúc đó sẽ lôi thôi to.

Francis Garnier cũng tỏ ý kiến này trước mặt Nã-phá-Luân đệ-tam và de Moustier rằng nhường Battambang và Angkor cho Tiêm là thất sách. Tuy de Moustier nói rằng hiệp-ước chưa ký nhưng thật ra khi Francis Garnier đề cập đến việc này hiệp-ước đã ráo mực từ ba tháng trước.

CHƯƠNG X

VĂN-THÂN, TRÍ-THỨC MIỀN NAM

Thái-độ của trí-thức Nam-kỳ đối với Pháp

Trên đây chúng ta thấy khi người Pháp xâm-lăng 3 tỉnh miền Đông, nhân dân Nam-Kỳ dủ mọi từng lớp nổi lên chống Pháp. Một số là quan-liêu của triều đình, một số đại-diện cho nông-dân đứng lên tranh đấu dưới các khẩu hiệu « *Cần-Vương cứu quốc* » hay « *Dân-chúng tự-vệ* », « *Bình Tây, sát Tả* ». Họ phản-ứng bằng vũ-lực cho rằng chỉ có vũ-lực mới đuổi được quân xâm-lăng. Nhưng rồi cơ-giới Tây-Phương quá mạnh đã đè bẹp được cả sức mạnh của lòng ái-quốc dầu sao vẫn là một thứ vũ-khí chưa có một hiệu-lực tuyệt-đối. Còn một số nữa phản-ứng một cách ôn-hòa, nghĩa là không cộng-tác với địch. Đại-biểu cho giới này là Tú-tài Nguyễn-đình-Chiểu tức Đồ-Chiểu. Chiểu và Cử-nhân Phan-văn-Trị cũng thuộc thành-phần văn-thân trí-thức xứ Đồng-Nai.

Riêng Tôn-thọ-Tường, Trương-vĩnh-Ký, Phan-hiển-Đạo là những người ra cộng-tác với địch. Họ đã có hành động gì ích nhà lợi nước giữa lúc toàn hạt Đồng-Nai nằm dưới quyền kiểm soát của ngoại-quốc. Chúng ta bằng những chương dưới đây hãy kiểm-điểm tư-tưởng và hành-động của một số người để hiểu ít nhiều về sĩ-phong, sĩ-khí ở đây.

Phan-Thanh-Giản

Viết sử không phải chỉ là việc ghi chép chuyện đời xưa để người đời sau khai thác kinh nghiệm sao cho hậu-sinh khỏi dẫm lên vết xe đổ của các tiền-bối mà còn phải đính-chánh những lầm-lỗi để minh-oan cho người thiên-cổ nếu có điều thiên-lệch, huống-hồ quan niệm về sự việc mỗi đời mỗi khác, nếu không thời dân-chủ hệ gì mà đổ bao nhiêu xương máu để chấm dứt những điều bất công, vô

lý của chế-độ quân-chủ độc tôn, phong-kiến lạc-hậu ? Hôm qua người ta đã hiểu Phan-thanh-Giản một phần nào và ngày nay người ta còn phải hiểu họ Phan nhiều hơn nữa.

Như trên ta thấy, Phan-thanh-Giản, một vị lão thần của đời Nguyễn làm quan dưới ba triều vua (Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức) từ trẻ đến già chỉ biết tận-tụy vì dân, hy-sinh cho nước, không hề từ-chối những công-tác gian-lao nhiều trách nhiệm. Về chung cuộc nước nhà gặp nhiều việc quá khó khăn, văn-minh cơ-giới Tây-Phương quá lợi hại, lại thêm chiến-thuật, chiến-lược tân kỳ thì quả tài năng của các nho thần Đông-Phương bất cập là phải.

Phan-thanh-Giản lấy tự là Tịnh-Bá, hiệu-tự là Đạm-Như, hiệu là Lương-Khê, biệt-hiệu là Mai-Xuyên, tổ tiên thuộc Trung-Quốc, cha là Phan-văn-Ngạn hiệu là Mai-Dã (người ta thường gọi là ông thầy ở Gánh Mù-u), mẹ là Lê-thị-Búp.

Khi nhà Minh mất thì ông bà của tiên sinh thuộc đám dân tị-nạn chánh-trị qua Việt-Nam như họ Mạc ở Hà-Tiên đến trú-ngụ tại phủ Hoài-Nhơn tỉnh Bình-Định. Hồi Tây-Sơn dấy nghiệp, ông nội của Giản di-cư vào Vĩnh-long, phủ Hoằng-trị, huyện Bảo-an, tổng Bảo-trị, xóm Gánh Mù-u (nay thuộc quận Ba-tri, tỉnh Bến-tre).

Năm 1793 cha Giản làm Thủ-bạp tại nhà tơ Vĩnh-long. Giản lên bảy tuổi thì mẹ mất, cha Giản tục huyền. Giản ở nhà với mẹ ghẻ và đến học ông thầy chùa là Nguyễn-văn-Noa. Mỗi tháng mẹ ghẻ phát cho Giản 30 tô gạo và 30 con mắm. Tuy sống trong cảnh nghèo nàn, Giản vẫn chăm học hơn ai hết.

Sau này cha Giản vì ngay thẳng nên không được lòng thượng-cấp. Họ kiếm chuyện rằng cha Giản để dân thiếu thuế bắt giam, ba năm sau bắt giải chức và ở tù thêm một năm. Bấy giờ Giản đã 20 tuổi. Giản hằng ngày vào khám nuôi cha và làm những việc nặng thay cha ngoài công việc gia-đình.

Quan Hiệp-trấn Lương cảm thương Giản là người con hiếu cho học trường tỉnh sau khi cha Giản mãn tù. Một bà tên là Thị-Ân ở Vĩnh-long thấy Giản hiếu nghĩa cấp cho Giản tiền gạo và quần áo để có thể theo đuổi việc đèn sách.

Năm Minh-Mạng thứ 6 (1825) Giản đậu cử-nhân ở Gia-định,

Năm sau là năm Bính-tuất, Giản thi hội đậu Tấn-sĩ tại kinh-đô. Lúc ra đi Giản có bài thơ từ giã vợ như sau :

Từ thuở vương xe mối chỉ hồng
Lòng này ghi tạc có non sông.
Làng mây cười tớ ham rung ruổi,
Trướng liễu thương ai chịu lạnh lùng.
Ơn nước nợ trai đành nỗi bận,
Cha già nhà khó cậy nhau cùng.
Mấy lời dặn nhủ khi lâm biệt,
Rằng nhớ rằng quên lòng hỏi lòng.

Năm ấy tháng 8 Giản được về kinh lĩnh chức Hàn-lâm biên-tu và ba tháng sau ra làm Tri-phủ Quảng-Bình. Lúc ấy cha Giản gởi thư ra nhủ rằng : « làm quan phải thanh cần, ăn rau uống nước cha đủ sống yên, *của phi nghĩa không phải là đồ hiếu-dưỡng* ».

Hai năm sau Giản được lĩnh chức Lang-trung Bộ Hình và năm sau nữa làm Tham-hiệp tỉnh Quảng-Bình Tại đây Giản được nổi tiếng là một ông quan trong sạch. Trong tỉnh gặp phải thời kỳ mưa lụt lớn lắm, Giản dâng sớ xin vua Minh-Mạng trau đức sửa mình. bỏ bớt cung-phi mỹ-nữ. Vua không bằng lòng nhưng vẫn mến phục Giản. Cũng năm này Giản về kinh làm giám-khảo ở Thừa-thiên rồi thăng Phủ-doãn tại Thừa-thiên-phủ.

Năm Minh-Mạng thứ 11 (1830), Giản được thăng Lễ-bộ Tả-thị-lang và được bổ vào Nội-các, những năm Giản đi Quảng-nam làm Hiệp-trấn gặp lúc trong tỉnh có giặc Mọi cướp phá, Giản thất trận. Vua cách hết chức tước và bắt làm lính ở tiền-quân đặng lập công chuộc tội. Giặc yên Giản được đi công cán ở Hạ-châu tức Singapour.

Năm Minh-Mạng thứ 13 (1832) Giản được phục chức Hàn-lâm kiểm-thảo và sung Nội các hành tẩu, thăng Hộ-bộ viên-ngoại-lang rồi thự Thừa-thiên phủ Phủ-thừa, Hồng-lô Tự khanh và đi Phó-sứ qua Tàu. Trong lúc đi sứ, Giản làm được tập thơ nhan đề là *Kim đài thi-tập* được các quan nhà Thanh rất trọng và tặng nhiều sách quý.

Năm Minh-Mạng thứ 15, vào tháng ba, Giản về nước Sau khi tâu bầy các việc đi sứ, Giản dâng lên vua các quý vật mà triều

Thanh đã tặng riêng mình, vua cho lại thứ nào Giản mới lấy thứ ấy. Năm ấy Giản được thăng Đại-lý Tự-khanh kiêm Hình-bộ sự-vụ và sung Cơ-mật viện đại-thần.

Năm Minh-Mạng thứ 16 sau khi quân Việt-Nam đẩy lui được quân Tiêm ra khỏi đất Mên, Quốc-Vương Nặc-ông-Chân mất, không con trai kế tự, tướng Trương-minh-Giảng phải lập nàng Ang-Mey là con gái của nhà vua làm Quận-chúa và đổi xứ chùa Tháp ra Trấn-tây-Thành (1853). Giản được cử qua đây làm kinh-lược, lập ra các phủ, huyện, đặt ra các chức Giáo-thụ, Huấn đạo để dạy tiếng Việt và chữ Nho. Về tới Bình-Thuận nhân có giặc Mọi nổi lên ở đây, Giản phải ở lại đánh dẹp cho xong rồi mới về kinh bái mạng. Vua lại sai Giản ra làm Quảng-Nam Bố-Chánh quyền Tuần-phủ.

Từ Minh-Mạng thứ 17 đến thứ 21 trên biên-hoạn, Giản thăng trầm nhiều lần vì can vua mà bị giáng, có khi vì binh-vực kẻ oan mà bị ngờ, khi thì ủy vào những nhiệm-vụ chánh-trị khó-khăn, khi thì trông coi cả việc thao-dượt binh-lính, tóm lại khi có những công tác gì đặc-biệt là người ta nhớ đến Giản.

Năm Thiệu-Trị nguyên niên (1841) Giản lĩnh chức Binh-Bộ Hữu Tham tri sung vào Cơ-mật-viện. Tháng 9 Giản ra làm Hà-nội-trường chánh-chủ-khảo. Học trò Bắc-Kỳ nói : « Phan-thanh-Giản làm chủ-khảo họ sẽ đỗ nết ». Vào thi họ bị đầu bài khó, ít kẻ làm nổi họ mới phục Giản hay chữ.

Năm Thiệu-Trị thứ 2 cha Giản mất, vua ban vàng bạc và cho về Nam lo việc tống táng. Hằng ngày Giản ngồi nhặt cỏ ở mấy ngôi mộ của tiền nhân, tối về xem sách tới nửa đêm.

Mãn phép Giản lai kinh, vợ nán chồng ở lại, Giản có mấy vần thơ sau đây :

Thương vua mến chúa phải ra đi,
Bịn-rịn làm chi thói nữ-nhi.
Muôn dặm Trường-an mau trở lại,
Vào chầu bệ ngọc kẻo lòng suy.

Xét ra Giản thường suốt đời vắng nhà, vợ con để lại ở miền Nam trông nom cha già cho tới khi chết, đôi khi Giản có về nhưng

chẳng ở lâu, nặng việc nước hơn việc nhà khiến ta liên-tưởng đến Nguyễn-Trãi đời Lê chẳng từng một bữa quên vua. Từ Thiệu-Trị thứ 3 đến Thiệu-Trị thứ 7 Giản lại thay đổi chức-vụ khi làm Tả-phó Độ ngự-sử tại Đô-sát viện, khi làm Thự Lễ Bộ Thượng-thư sau thực-thụ Hình-bộ Thượng-thư.

Qua đời Tự-Đức nước nhà đụng đầu với nước Pháp trong nhiều việc khó-khăn dĩ-nhiên vai-trò của họ Phan trở nên quan-trọng hơn bao giờ hết. Giản làm Lại-bộ Thượng-thư, lãnh chức Kinh diên giảng-quan (đọc sách và giảng nghĩa cho vua nghe). Năm Tự-Đức thứ ba và thứ tư dân chúng từ Bình Định vào Nam-Kỳ xã thôn hoang vắng, đồng bãi tiêu điều, quân Cao-Mên lại dòm hành, vua cử Nguyễn-tri-Phương và Giản vào săn-sóc các địa-phương Trung-Kỳ và Nam-Kỳ với chức vụ Kinh-lược Chánh, Phó-sứ chiêu mộ nhân-dân, xây dựng mở mang đồng ruộng và lập đồn lũy ngăn ngừa giặc Thổ. Trong khi Giản có mặt ở xứ Đồng-nai, mọi việc oan-ức đều được xét xử công bằng, ngoài ra Giản lại khuyên nhủ dân chúng thờ cha mẹ cho tận hiếu, thờ vua cho tận trung, lo làm ăn buôn bán, học hành và không hề nhận đồ lễ của ai hết, thật là thanh-liêm rất mực.

Năm Tự-Đức thứ 6, Giản được gọi về kinh lên chức Hiệp-biện Đại-học-sĩ lĩnh Binh-bộ Thượng-thư sung vào viện Cơ-mật như cũ. Tại đây Giản trình-bày kế-hoạch vỗ-về dân Cao-Mên, lập nhà, trường, lập nhà thương nuôi kẻ bệnh, làm xe trâu để vận-tải, sửa sang phần mộ các công-thần. Mọi đề-nghị của Giản đều được chấp-thuận. Tự-Đức còn ủy Giản coi cả việc biên-soạn bộ *Khâm-định Việt-sử thông giám cương mục.*

Năm Tự-Đức thứ 11-12 (1858-59) Rigault de Genouilly pháo-kích vào cửa Hàn rồi tấn công Sai-gon, Gia-định, Biên-hòa. Vua Tự-Đức họp các quan lại tìm cách đối phó với Pháp. Trương-đăng-Quế chủ chiến, còn Giản thì chủ hòa. Vì ba tỉnh này rất quan-trọng đối với triều-đình, vua Tự-Đức cử Giản và Lâm-duy-Hiệp vào Sai-gon thương thuyết. Thấy mình thân cô thế yếu Giản và Hiệp phải thuận theo đề-nghị của Pháp-súy Bonard. Hai ông về kinh bị khiển-trách rồi phải vào Vĩnh-long tìm cơ-hội điều-đình trở lại hầu lấy công chuộc tội.

Năm Tự-Đức thứ 16 (1863) biết rằng không thể nói chuyện

được với bọn quân nhân thực-dân Pháp ở Sai-gon, triều-đình phải cử Giản lãnh chức chánh-sứ, cùng với Phạm-phú-Thứ và Ngụy-khắc-Đản đi Pháp. Tháp-tùng sứ-bộ có Tôn-thọ-Tường và Trương-vĩnh-Ký. Mục-đích của chuyến đi này như ta đã biết là xin chuộc ba tỉnh miền Đông Nam-Kỳ, tiếc rằng Pháp-đình nặng đầu óc thực-dân và đế-quốc nên sứ-trình buổi đầu không thất-bại mà sau cũng thất-bại.

Về triều Tự-Đức hỏi Giản về tình hình nước Pháp, Giản tâu thực :

Bá quan xảo kế tề thiên địa,
Duy hữu tử sinh tạo-hóa quyền.

(Nghĩa là ; trên trăm nghề khéo léo bằng trời đất, chỉ có nhường tạo-hóa quyền sống chết mà thôi) rồi Giản đề-nghị hòa-hảo với Pháp, cho dân đi học Tây-phương tổ chức nước nhà theo Pháp rồi sau có tính chi mới có thể được. Vua không đồng ý, các quan cũng chẳng ai tán-thành ý kiến nên thất-vọng, Giản phải thốt ra lời thơ sau đây :

Từ ngày đi sứ đến Tây kinh,
Thấy việc Âu-châu phải giật mình.
Kêu rủ đồng bang mau thức dậy,
Hết lời năn-nỉ chẳng ai tin.

Đi Pháp về, Giản thấy việc ngoại-giao ít hy-vọng, sau này việc chuộc ba tỉnh miền Đông vô kết-quả nên than rằng :

Thời trời, đất lợi lại người hòa,
Há để ngồi coi phải nói ra.
Lăn trả ơn vua đền nợ nước.
Đành cam gánh nặng nỗi đường xa.
Lên ghềnh xuống thác thương con trẻ (1)
Vượt biển trèo non cám phận già.
Cũng tưởng một lời an bốn cõi,
Nào hay ba tỉnh lại chầu ba !

(1) *Danh nhân Việt-Nam* của Đào-văn-Hội chép : Vớt chìm, phủi nóng thương đàn trẻ.

Kể từ hiệp-ước Nhâm-tuất (5-6-1862) thành hình, tâm-sự của những người hạ chữ ký vào hiệp-ước vô cùng đau đớn. Phan-thanh-Giản tinh-thần cứng dắn còn cố gắng-gượng để chiến-đấu cho xứ-sở đến phút cuối cùng nhưng Lâm-duy-Hiệp đã mất vào ngày 15-4-1863 không ngoài duyên-cớ kể trên. *(Lê-Tuấn sau này ký Hòa-ước Giáp-tuất (1874) xong liền tự vẫn).*

Vua Tự-Đức chỉ biết ray-rứt Giản về việc chịu mất ba tỉnh miền Đông mà không thông-cảm rằng quân-lực của Pháp quá mạnh, chủ-ý của Pháp là quyết lấy Việt-Nam làm thuộc-địa cho được, thì kẻ bại trận nhất định phải mất đất. Giọt lệ của Phan theo kiểu Thân-bao-tư trước Pháp-Hoàng rút-cục chỉ làm mủi lòng được bà Hoàng-hậu Eugénie mà thôi, mà đã lấy được đất, có bao giờ Pháp lại trả cho ta sau khi hao binh tổn tướng không ít?

Nhà vua và triều-thần bắt Giản trở lại xứ Nam-Kỳ làm Kinh-lược Vĩnh, An, Hà mưu chuộc ba tỉnh kể trên. Lúc này mỡ đã lọt vào miệng mèo rồi, Giản dù có lưỡi Tô-Tần thuở xưa cũng uổng công vô ích. Đã khổ với triều-đình, Giản còn khổ với cả sĩ-dân Nam-Kỳ. Nguyên sứ-mạng chuyến trở lại Nam-Kỳ sau này của Giản theo lệnh của Tự-Đức là phải lập cuộc giao-hảo với Pháp đặng đề-nghị lấy lại ba tỉnh Gia-định, Định-tường và Biên-hòa, như vậy phải khuyên-nhủ nhân-dân hạ khí giới. Nhưng đồng bào Nam-Kỳ do Trương-Định cầm đầu đang sôi dòng máu vì cảnh nhà tan nước mất không chịu tuân lệnh ngưng chiến. Sĩ dân còn lên án rất gắt gao bọn Giản, Lâm đã tạo nên Hòa-ước 5-6 1862 bằng câu: « *Phan, Lâm bán nước, triều-đình khi dân* » như ta thấy.

Mắc kẹt giữa triều đình và dân chúng, còn ai hiểu lòng Giản? Năm Tự-Đức thứ 19 (1866) Giản dâng sớ xin về hưu lấy cớ tuổi đã già lại bịnh hoạn. Tự-Đức không cho biết trong việc ngoại-giao lúc này dù sao cũng không ai bằng Giản. Các đại thần cũng không ai muốn giành sứ-mạng này với Giản vì sợ trách-nhiệm và họ cũng rõ mạnh tâm của Pháp-súy Saigon bấy giờ thế nào rồi. Giản đành cố chịu sự dầy vò của thời-cuộc thêm nữa. Bấy giờ Giản đã 69 tuổi.

Ngày 19 tháng năm (Năm Đinh mão, 1867, tức Tự-Đức thứ 20) Pháp-súy de la Grandière đem binh thuyền đến Vĩnh-long, An-giang và Hà-tiên một buổi sáng mù sương cho người mời Giản xuống điều

đình lấy nố: ba tỉnh miền Tây. Tổng-đốc Trương-văn-Uyển cùng một số quan văn võ xin đánh nhưng Giản không nghe, giải-thích cho họ biết rằng có cố chống Pháp rồi cũng thua mà hao tổn nhân-mạng vô ích. Giản xin chịu hết trách-nhiệm đối với triều đình. Rồi trong khi Giản xuống tầu Pháp nói chuyện quân Pháp đã ùa vào thành ngay khi đó An-giang và Hà-tiên cũng lần-lượt thất-thủ.

Từ ngày mất nốt miền Tây, Giản tuyệt-thực vì thế là tuyệt vọng. Triều đình cố ý không hiểu cho mình, đồng-bào quá bồng bột vì lòng căm-thù kẻ địch cũng kết tội mình, Giản còn sống sao được và Giản cho gói đồ triều-phục, ấn-triện với 23 đạo sắc của vua phong cùng niêm-phong tiền lương khí giới của ba tỉnh giao cho chiếc tàu « *Mẫn-thỏa* » đem về dâng vua. Sau 17 ngày tuyệt cốc không chết, Giản hòa thuốc phiện vào giấm mà uống, dặn con cháu về quê làm ruộng đừng nhận chức tước của Pháp. Trước khi thở hơi cuối cùng, Giản có tờ sớ sau đây : « *Nay gặp thời suy bĩ, việc dữ khởi ở trong cõi, khí xấu hiện ngoài biên-thùy, trách-nhiệm giữ an-nguy ở Nam-Kỳ đến thế này tôi ngăn không nổi, thật đáng tội chết. Nay không dám sống cầu-thả để nhục cho vua, đức Hoàng-Thượng rộng xét xưa nay, hiểu rõ trị loạn, người thân kẻ hiền trong nước cùng lòng giúp đỡ, kính cẩn phép trời, thương người cùng khổ, lo trước tính sau, đồi dây thành bánh, thế còn làm được. Tôi tới lúc tắt nghỉ nghẹn-ngào không biết nói sao, chỉ gạt nước mắt tỏ lòng quyến-luyến trông mong khôn xiết...* » Viết xong Giản ngoảnh về Bắc-phương lạy vua 5 lạy rồi chết. Giờ họ Phan qua đời là giờ Tý ngày mồng 5 tháng 7 năm Đinh-mão (4-8-1867).

Giản bảo con cháu chôn mình tại quê quán là làng Bảo-thạnh bên phần mộ của tổ-tiên, còn tấm minh-sanh (tấm triệu) thì giảm bỏ đi, nếu không thì chỉ đề sơ-sài « *Đại-Nam hải-nhai lão thư-sinh tánh Phan-chí-cửu* ».

Tú-tài Nguyễn-đình-Chiểu ở Ba-tri, làng An-bình-đông (Bến-tre) có bài thơ khóc Phan thanh-Giản như sau :

Non nước tan tành hệ bởi đâu ?
Rầu rầu mây trắng đất Ngao-Châu !
Ba triều công-cán vài hàng sớ,
Sáu tỉnh cương-thường một gánh thâu.

Trạm Bắc ngày chiều tin điệp vắng,
Thành Nam đêm quạnh tiếng quyên sầu ;
Minh sanh chín chữ lòng son tạc
Trời đất từ đây mặc gió thu !

Do việc mất ba tỉnh miền Tây, Tự-Đức và triều-đình tước hết chức vị của Giản, lại dục bỏ tên trên bia Tiến-sĩ. Tới Đồng-Khánh nguyên-niên (1886) tức là 19 năm sau người ta mới khai-phục nguyên chức cho họ Phan là Hiệp-biện Đại-học-sĩ, lãnh Binh-bộ Thượng-thư Nam-Kỳ Kinh-lược Toàn-quyền Đại-Thần và cho chạm lại tên trên bia Tiến-sĩ. Âu cũng là một sự an-ủi cho người chiến-sĩ già suốt đời tận-tụy với vua với nước.

Thi-văn của cụ Lương-Khê gồm một bộ gọi là *Lương-Khê thi-văn tập* chia làm 18 quyển : Thi-thảo 3 quyển, Văn-thảo 1 quyển, Thi-thảo bồ di 1 quyển, và 1 quyển Văn-thảo bồ di — *Như Tây hành trình* Văn-chương của cụ phần nhiều không được óng chuốt vì tác-giả là một nhà chính-trị kiêm ngoại-giao hơn là một thi-sĩ.

Nguyễn-đình-Chiều (1882 - 1888)

Nguyễn-đình-Chiều sinh ngày 13 tháng 5 năm Nhâm-ngọ (1-7-1822) giờ dậu, năm Minh-Mạng thứ 3, tại làng Tân-Khánh huyện Bình-Dương, tỉnh Gia-định. Ông lấy hiệu là Trọng-Phủ, tục gọi là Đồ-Chiều vì ông làm nghề dạy học. Tằng-tổ ông là Thung, có vợ ở Gia-Miêu ngoại-trang (Thanh-Hóa) rồi di-cư vào đây. Thân-sanh ông là Nguyễn-đình-Huy hiệu là Dương-minh-Phủ có vợ ở xã Bồ-điền thuộc Phong-điền huyện, Thừa-thiên tỉnh, được bổ làm thư-lại ở Hàn-Ty tại Tả-quân-dinh.

Ông bà sanh hạ 4 trai 3 gái, Nguyễn-đình-Chiều là trưởng-nam.

Đến năm Quí-Vị (1833) là năm Minh-Mạng thứ 14 triều-đình sai Bạch-xuân-Nguyên vào Nam-Kỳ làm Bố-chánh tra xét và hạch tội Lê-văn-Duyệt lúc này đã từ-trần. Trước thái-độ hỗn-xược của họ Bạch đối với chủ cũ và cha nuôi của mình, Lê-văn-Khôi nổi lên giết Bạch-xuân-Nguyên rồi chiếm luôn thành Gia-định. Ông Nguyễn-đình-Huy cùng bốn, năm bạn không theo Khôi bỏ trốn về kinh suýt nữa bị Minh-Mạng phạt chém may được các quan can-thiệp

nên chỉ bị cách chức mà thôi. Ông Huy lại theo một ghe bầu lén vào Nam mang Chiều ra Huế cho học quan Thái-phó.

Vào khoảng năm 1840, Chiều lại về Nam cũng để học-hành và 3 năm sau đỗ Tú-tài dưới đời Thiệu-Trị năm thứ ba. Đến năm Kỷ-dậu Chiều lại trở ra Huế dùi mài kinh-sử để dự khoa-thi năm Canh-tuất (1850). Chiều học-hành đang tích-cực thì được tin mẹ mất (hồi tháng 11 năm 1848) đành bỏ khoa-danh cùng em trai từ Quảng-nam về thụ tang. Giữa đường Chiều lâm bịnh, hai anh em phải ghé vào nhà ông thầy Trung ở Quảng-nam vốn dòng ngự-y để thuốc thang. Chiều vốn đa cảm lại yếu đuối đã khóc mẹ đến nỗi sưng con mắt rồi đui luôn. Và nhân dưỡng bệnh ở bên ông thầy Trung, Chiều học luôn nghề thuốc và hàng ngày bảo em đọc sách cho nghe.

Năm 1850, cư tang xong, Chiều mở trường học tại Gia-định, học trò ở xa gần đều nghe danh ông Tú Chiều kéo đến học rất đông. Lúc này ông soạn xong cuốn « *Dương-Từ Hà-Mậu* » là một quyển thơ bênh vực Nho-giáo và phản đối các tôn-giáo khác, nhất là Thiên-chúa-Giáo.

Năm Mậu-ngọ (sau khi bắn phá Sơn-trà và chiếm đóng cửa Hàn, Rigault de Genouilly kéo quân vào Nam-Kỳ đánh cửa Cần-giờ vào ngày mồng chín tháng Giêng năm Kỷ-Mùi (11-2-1859) và ngày rằm quân Pháp chiếm được Saigon Gia-đình của Chiều phải chạy giặc về làng Thanh-Ba, huyện Phước-lộc nay thuộc Cần-giuộc (Chợ-lớn) là quê vợ.

Trong bài thơ « *Chạy giặc* » Chiều có hai câu dưới đây để tả nỗi tan-hoang ở vùng Sai-gon.

Bến Nghé của tiền tan bọt nước
Đồng-Nai tranh ngói nhuốm mầu mây.

Mặc dầu chiến-tranh lúc này (14-12-1861) đã lan rộng qua các vùng lân cận tỉnh Gia-định, tràn khắp Cần-giuộc, Gò-công, Tân-an do lệnh Thủy-sư Đô-đốc Bonard, Chiều vẫn tỉnh trí ngồi biên soạn bản « *Lục-vân-Tiên* » (ý chừng Chiều hy vọng mắt đang đui rồi sáng như vai chính trong tác-phẩm của mình chăng ?).

Sau trận đánh trên đây của Pháp, hai ngày sau nghĩa-quân nổi lên ở Cần-giuộc. Paulus Của chép quân ta thiệt mất 15 người còn theo công-văn của Tuần-phủ Gia-định, Đỗ-Quang, ta thiệt 27 người. Cái

chết của các nghĩa sĩ bấy giờ làm xúc-động dân-chúng rất mạnh và ông Đồ Chiểu đã viết bài văn « *Tế nghĩa sĩ Cần-giuộc* », lâm-ly thống thiết được toàn-quốc khen ngợi sau đó được bộ Lễ phổ-biến đi. Và bấy giờ tuy mù mà bè bạn của Chiểu trong phe kháng Pháp vẫn thường gởi người đến hỏi ý-kiến. Lúc này Chiểu đang rời về Ba-tri (Bến-tre) sau khi hòa-ước 5-6-1862 ký xong. Khi ở Cần-giuộc, Chiểu thường đàm-luận với Đốc-binh Là và đáp lời cho ông Lãnh-binh Định (tức Quản Định).

Về Ba-tri Chiểu lại tiếp-tục dạy học, cất nhà sau nhà hội-đồng An-Đức bấy giờ, vừa dạy học vừa soạn quyển « *Ngư, tiều vấn đáp* ». Nhiều phen Phan-văn-Trị tức cử Trị đến chơi bàn kim luận cổ, hai bên tâm đầu ý hiệp bởi cùng có lập-trường xuất-xử như nhau. Một bữa hai người dùng cơm mắm với nhau có nhắc đến Tôn-thọ-Tường, cử Trị trề môi nói : « Thằng Tường làm quan lớn, vì vậy mà thiên-hạ khen, còn tôi vậy, họ nói tôi khùng. Mà anh nghĩ coi khùng thì khùng chớ :

Dĩ, Tề nào khứng giúp Châu
Một mình một núi ai hầu chi ai ?

Thấy Chiểu nổi danh ái-quốc và có uy-tín trong khắp sĩ-dân Nam-Kỳ, chánh tham-biện Ponchon ở Bến-tre có ba lần đến thăm Chiểu vào thượng tuần tháng 11-1883 mang theo Lê-quang-Hiển làm thông ngôn. Chiểu thường giả điếc, Hiển phải nói đi nói lại. Lần thứ nhất Chiểu cáo ốm không tiếp. Ponchon phải vào tận giường cầm tay Chiểu ân-cần hỏi han. Ông ta nói rằng ruộng đất của Chiểu ở tại Tân-khánh chánh-phủ Pháp xét xong xin trả lại, nay mời Chiểu về nhận. Chiểu cười đáp :

— « Cám ơn quan lớn có lòng lo cho tôi. Nước tôi chẳng may phụ-thuộc về quý quốc, nghĩ câu « *thất phu hữu trách* » tôi thấy hổ mình mang kiếp sống thừa. Quan lớn nghĩ coi : nước chung đã mất, đất riêng giữ làm gì ? Tôi không dám nhận, xin tùy ý Nhà-nước xử-dụng ».

Lần thứ nhì Ponchon cho Chiểu hay Súy-phủ Saigon muốn cấp cho Chiểu một số tiền dưỡng lão. Chiểu cũng cố từ. Lần thứ ba

Ponchon đến thăm Chiểu và nói rằng bản « *Lục-vân-Tiên* » (1) in lại chừng có nhiều chỗ không đúng nguyên văn muốn nhờ sửa lại. Chiểu thuận mời.

Cứ theo cử-chỉ của Tham-biện (tức Công-sứ ngoài Trung, Bắc lưỡng kỳ) Ponchon, ta thấy thực dân Pháp bấy giờ đã biết áp-dụng chánh sách thân hiền đãi sĩ nhất là đối với những lĩnh-tụ kháng chiến như Trương-Định, Nguyễn-hữu-Huân đã bắt được mà không giết ngay v. v... bao giờ cũng khuyến dụ ân cần, chừng nào không mua chuộc được hoặc thấy đương-sự có lập-trường cương-quyết bài Pháp đến cùng họ mới thẳng tay (khôn ngoan thay !).

Về sự nghiệp văn chương Nguyễn-đình-Chiểu biên soạn các sách như sau :

1) Lục vân-Tiên. 2) Dương Từ Hà-mậu 3) Văn tế nghĩa-sĩ tử trận ở Cần-giuộc. 4) Văn tế lục tỉnh nghĩa sĩ trận vong. 5) Văn tế nghĩa-sĩ Giồng Gạch 6) Ngư kinh gia-huấn ca. 7) Ngư, tiều vấn đáp ngoài một số thi văn như bài : *Hịch con chuột*, thơ viếng *Phan-thanh-Giản*, thơ nước lụt, thơ ngựa Tiêu-Sương v.v...

Ngày 24 tháng 5 năm Mậu-tý tức Đồng-Khánh thứ ba (3-7-1888) Nguyễn-đình-Chiểu mắc chứng đau bụng nặng từ trần, hưởng thọ 66 tuổi để lại cho đời nhiều áng thi văn đặc-sắc và thứ nhất nêu cao tấm gương liêm-sỉ của sĩ-phu Việt-Nam cuối thế kỷ thứ XIX.

Sự đời muốn khuất đôi tròng mắt,
Lòng đạo xin tròn một tấm gương.

Tôn - thọ - Tường

Tôn-thọ-Tường sinh năm Ất-dậu (1825 Minh-Mạng thứ 6) tại huyện Bình-dương phủ Tân-bình nay thuộc địa-phận Saigon Chợ-lớn, cha là Tôn-thọ-Đức, trước làm Thuận-khánh tuần-phủ (Bình-thuận và Khánh-hòa). Miền Nam một thời đã chú-ý đến ông Tôn rất nhiều và

(1) G. Aubaret có dịch « *Lục-vân-Tiên* » ra tiếng Pháp rồi đăng ở trong tạp chí « Journal asiatique » (1866-1867). Đến năm 1883 Abel des Michels cũng dịch tác-phẩm này và đăng trong Publication de l'école de langues orientales. Chiểu viết sách này có ý phổ-biến thân-thế và tâm-sự của mình cũng như Nguyễn-Du gói ghém sự chán chường, đau khổ của mình trong tác-phẩm Kim-vân-Kiều. Văn chương của Lục-vân-Tiên cũng dễ hiểu, nhẹ nhàng, nên cũng được đi sâu vào trong đại-chúng.

chú-ý đến ông Phan-văn-Trị là người đối-lập về chính-kiến với ông. Từ nhỏ Tường rất thông-minh và lớn lên cũng có tiếng là người hay chữ. Năm 1855 ông có dự kỳ thi Hương nhưng bị rớt.

Căn-cứ vào bốn đời tổ tiên có công-nghiệp với các tiền-triều ông xin tập ấm nhưng không được rồi trong một kỳ thi Hương ông có làm hộ bài cho một sĩ-tử, chẳng may việc bại lộ ông bị bắt giải về kinh để chịu tội. Trên đường ra Huế, buồn cho thân phận hẩm-hiu, cảnh nhà bần-bách phải làm việc bậy, ông đã làm một bài thơ tự-sự có câu : « *Nắng mưa trời có thấu cho mình* » được kể lên vua Tự-Đức, ông được tha tội và còn được ban một số tiền 50 lạng bạc nữa.

Nam-Kỳ bấy giờ đang đi sang chỗ rẽ của lịch sử. Pháp đã chiếm xong ba tỉnh miền Đông trên thực-tế cũng như trên giấy mực. Pháp khôn ngoan liền lớn tiếng kêu gọi sự hợp-tác của văn-thân, trí-thức miền Nam mục-đích lấy người có uy-tín ra trị dân và để lấy danh-lợi dẹp mầm phản-đối.

Bấy giờ sĩ-phu Nam-Kỳ chia làm hai phái : phái chạy theo thời thế, cộng-sự với tân-triều. Đứng đầu phái này có họ Tôn và Phan-hiển-Đạo (1), Đỗ-hữu-Phương v.v... ; phái có lòng tiết-tháo và ái-quốc lấy sự bất hợp-tác làm phương-pháp bài ngoại. Đại-biểu cho phái này là Cử-nhân Phan-văn-Trị, Đồ Chiểu v.v...

Buổi đầu Tôn-thọ-Tường được Pháp cho chức Tri-phủ Tân-bình và cử đi điều-đình với Trương-Định mời ông Trương về với Pháp. Xin nhắc lúc này triều-đình Tự-Đức đã áp-dụng chánh-sách hòa với Pháp, buộc sĩ-dân Nam-Kỳ ngưng chiến, nhưng ông Trương cũng như mọi từng lớp nhân dân xứ Đồng-Nai không chịu tuân lệnh.

Năm 1863, phái đoàn Phan-thanh-Giản sang Pháp mưu chuộc ba tỉnh miền Đông. Pháp cử Tôn-thọ-Tường và Trương-vĩnh-Ký đi theo với danh-nghĩa thuộc-viên vì hai ông thông hiểu tiếng Pháp.

Năm 1868, một số văn-thân chống Pháp bị bắt. Tường và một cộng-tác-viên khác của Pháp là Đỗ-hữu-Phương có can-thiệp với Pháp để tha cho Bùi-hữu-Nghĩa. Sau một thời kỳ làm quan, Tường được chỉ định dạy Hán-văn ở trường hậu-bổ. Vào năm 1871 ông được bổ-nhậm ra Bắc giúp việc Lãnh-sự Kergaradec tại Hà-nội. Hai năm sau vì luôn luôn đi kinh-lý với Pháp ở vùng thượng

du xứ Bắc, ông bị bệnh sốt rét ngã nước rồi chết vào ngày 22 tháng 3 (Đinh-Sửu 1877 Tự-Đức 30).

Linh-cữu của ông được chuyển về Nam và mai-táng ở Phú-nhuận (Gia-định).

Bàn về sự-nghiệp Tôn-thọ-Tường hôm qua cũng như hôm nay có nhiều nguồn dư-luận, tựu-trung khen ít chê nhiều. Bênh-vực ông, một số người nói : « ông không hẳn đáng mang tiếng xu-thời, chạy theo danh-lợi. Có thể ông ra cộng-tác với địch như Thống-chế Pétain của Pháp, Uông-tinh-Vệ của Trung-Hoa quốc-dân-đảng gần đối-phương bởi mong cứu giúp đồng-bào một phần nào giữa buổi giao-thời. »

Điều rõ-rệt là đến nay không ai buộc cho Tường hoàn-toàn là kẻ bán nước hại dân. Ông không hề có hành động của bọn Huỳnh-công-Tấn, Trần-bá-Lộc ở miền Đồng-nai này đã chém đồng-bào như chém chả để lập công với Pháp. Ông không như Hoàng-cao-Khải hay Nguyễn-Thân (1) cũng giết hại hàng ngàn đồng bào để leo cao trên cái thang danh vọng ở hai vùng Trung, Bắc giữa khi toàn dân hy-sinh kháng-chiến. Ông đã có phen can-thiệp cho Bùi-hữu-Nghĩa thì cũng tỏ một phần nào cảm-tình với Cách-mạng...

Nhưng có kẻ chê Tường rằng : ba tỉnh miền Đông tuy có mất tuy vậy đã hết đâu đất đai của toàn quốc ! Tường thuộc loại nhân-sĩ hoạt đầu vì ra cộng-tác với Pháp quá sớm. Hôm qua Tường đi gà bài thi hương để lấy tiền sinh sống đã rõ chỗ Tường quá thực-tế, không *an bần lạc đạo* như bao nhà nho cũng xuất thân cửa Khổng sân Trình. Hôm nay Tây vừa tới, mới chiếm được nửa phần đất Đồng-nai, Tường đã ra bắt tay kẻ địch. Dầu biết rằng sớm muộn nước nhà sẽ mất hết, cử-chỉ của Tường vẫn là vội-vã và không cao đẹp. Nói rằng nhà nho phải trung quân, ái-quốc hoặc trung-quân để ái-quốc thì không sao tha thứ cho Tường ở chỗ thiếu khí-tiết và liêm-sỉ. Còn nói giúp địch để có cơ-hội giúp đỡ dân mình mở đường tiến bộ, cứu vớt sinh-dân, thì ta đã thấy họ Tôn đã làm được những gì đáng kể ? Bọn thực-dân Đế-quốc có mấy khi ngờ-ngệt đến cái độ cho ta mượn dùi của chúng để đập vào lưng chúng. Nếu Tôn muốn vậy trước khi ra với Pháp

(1) Hoàng-cao-Khải đỗ cử-nhân, sinh quán ở Nghệ-tĩnh. Nguyễn-Thân cũng là người Trung-Kỳ, cả hai đều là đại công-thần của Bảo-hộ.

thì quả Tôn đã nuôi quá nhiều ảo-vọng. Thà như họ Phan, họ Nguyễn biết cái thế chẳng xoay ngược được thế cờ thì sống theo Di, Tề cho tấm thân khỏi nhơ nhuốc. Nếu giặc vào nước, kẻ trí-thức chạy theo hết tân-trào thì về tương-lai thế hệ đàn em của chúng ta liệu còn ai nghĩ đến việc lật đổ nền tảng của Đế-quốc thực-dân trên đất nước này nữa ?

Tôn-thọ-Tường đã làm nhiều bài thơ giãi bày tâm-sự u-ẩn, khúc-mắc của con người sống giữa một giai-đoạn lịch-sử đặc-biệt. Đặc-sắc nhứt là 10 bài thơ liên hoàn tựa là « *Tự thuật* » (hay cảm hoài) và những bài thơ như « *Tôn-phu-nhơn qui Thục* » và « *Từ-Thứ qui Tào* ».

Xin trích ra đây để các bạn đọc duyệt lãm bài « Thập thủ liên hoàn » của họ Tôn.

Giang san ba tỉnh hãy còn đây,
Trời đất xui chi đến nỗi này ?
Chớp nhoáng thẳng bon dây thép kéo,
Mây tuôn đen kịt khói tàu bay.
Xăn văn chậm tính thương đời chỗ,
Khấ khởi riêng lo biết những ngày.
Miệng cọp hàm rồng chưa dễ chọc,
Khuyên đàn con trẻ chớ thày-lạy.

II

Thày-lay lại chác lấy danh nhơ,
Ai mượn mình lo việc bá vơ ?
Trẻ dại, giếng sâu lòng chẳng nỡ,
Đường xa ngày tối tuổi khôn chờ.
Áo xiêm đã thấy xăn tay thợ,
Xe ngựa nào toan gỡ nước cờ.
Rủi rủi may may đâu đã chắc,
Miệng lằn lưỡi mối hãy tai ngơ (1)

(1) *Việt-văn diễn-giảng* chép : Nhẹ chì nặng bấc bấy tai ngơ.

III

Tai ngơ mắt lấp buổi tan tành,
Nghĩ việc đời thêm hổ việc mình.
Nghi ngút tro tàn nền đạo-nghĩa,
Lờ mờ bụi đóng cửa trâm-anh.
Hai bên vai gánh ba giềng nặng,
Trăm tạ chuông treo một sợi mành.
Trâu ngựa dầu kêu chi cũng mặc,
Thân còn chẳng kể kể chi danh!

IV

Kể chi danh phận lúc tan hoang,
Biển rộng trời cao nghĩ lại càng...
Lên núi bắt hùm chưa dễ láo,
Vào sông đánh cá há rằng oan.
Người giương mắt ngáo đôi tròng bạc,
Kẻ ứa gan trung bảy lá vàng.
Chíu-chít thương bầy gà mất mẹ,
Cũng là gắng gỏ dám khoe khoang.

V

Khoe khoang sức giỏi cậy tài khôn,
Bán dạng khua môi cũng một phường.
Tơ vấn cánh chuồn kiêng chỉ nhện,
Gió đưa hơi cọp khiếp oai chồn.
Siêng lo há đợi cơm kề miệng,
Chậm tính nào ngờ nước tới trôn.
Hay dở chuyện trò còn rối rắm,
Múa men xin hãy chớ bôn chôn.

VI

Hãy chớ bôn chôn việc cửa nhà,
Sau này còn ngại nỗi đàng xa.

Ma dường cơn ngặt lung hai trẻ,
Trời mỏn lòng thương xót một già.
Lái đã vững vàng cơn sóng lượn.
Thoi toan rằng-rịt buổi mưa sa.
Ở đời há dễ quên đời đặng,
Tình thiệt so hơn cũng gọi là.

VII

Cũng gọi là người ắt phải lo,
Có hay chịu khó mới ra trò.
Bạc mênh mông biển cầu lăm bắc,
Xanh mịt mù trời thước rắp đo.
Nước ngược chồng lên thuyền một chiếc
Gác cao bó lại sách trăm pho.
Lòng này dầu hỏi mà không hổ,
Lặng xét thầm coi đã biết cho.

VIII

Đã biết cho chưa hỡi những người ?
Xin đừng tích hận chớ chê cười !
Ví dầu vật ấy còn rọi dấu.
Bao quản thân này chịu dễ ngươi.
Trăng giữa ba thu mây cũng tỏ,
Hoa trong chín hạ nắng còn tươi.
Khó lòng mình biết lòng mình khó,
Lòn lỏi công trình kể mấy mươi.

IX

Kể mấy mươi năm nước lễ văn,
Rắn dài, heo lớn thề khôn ngăn
Bốn đời chung đột ơn nuôi dạy.
Ba tỉnh riêng lo việc ở ăn.
Hết sức người theo trời chẳng kịp,
Hoài công chim lấp biển khôn bằng.

Phải sao chịu vậy thôi thì chớ,
Nhắm mắt đưa chơn lối đạo hằng.

X

Đạo hằng chi trước thảo cùng ngay.
Lối đạo sao cho đáng mặt thầy.
Đất quét đã đành bia lỗ miệng,
Chén tràn e nỗi trở bàn tay
Nghĩa đen dạy trẻ tranh còn lấp,
Mắt trắng xem trời cánh khó bay,
Chí muốn ngày nào cho được toại
Giang san ba tỉnh hãy còn đây.

Từ Thứ qui Tào

Hiếu đâu dám sánh kẻ cày voi
Muối sát lòng ai nấy mặn mòi.
Giúp Hớn còn nhiều rường cột cả
Về Tào chỉ sá cụm cây còi.
Mảng nghe tin mẹ khôn nâng chén,
Ngùi tưởng ơn vua biếng dở roi.
Đã chẳng khôn Lưu đành dại Ngụy,
Thân này xin gác ngoại vòng thoi.

Tôn phu nhân qui Thục

Cật ngựa thanh gươm vẹn chữ tòng,
Ngàn thu rạng tiết gái Giang-đông,
Lìa Ngô bịn-rịn chòm mây bạc.
Về Hán trau-ria mảnh má hồng.
Son phấn đành cam dày gió bụi,
Đá vàng chi để thẹn non sông.
Ai về nhắn-nhủ Châu-công-Cẩn :
Thà mất lòng anh, đặng bụng chồng.

Phan-văn-Trị sinh trưởng ở Gia-định, (1) đỗ cử nhân khoa Kỷ-dậu (1849) dưới đời Tự-Đức (năm thứ hai). Ông không ra làm quan nên đã rút về nơi quê-hương, bản-quán dạy học kiếm ăn lần hồi. Thuộc vào giới ẩn-sĩ, ông coi thời thế bấy giờ không thích hợp với những tâm hồn tiết tháo. Qua thi văn đóng góp với bạn bè như Thủ-khoa Bùi-hữu-Nghĩa, Đồ Chiểu, ông thường tỏ tâm-sự một Nghiêm-tử-Lăng đời Hán, nghĩa là tuy rút lui vào bóng tối nhưng vẫn tha thiết với núi sông, vẫn mong có cơ-hội ra phụng sự nhân-quần, xã-hội. Đối với những kẻ xu-nịnh tân trào, ham danh vụ-lợi, ông không tiếc lời xỉ-vả qua các bài: *con cào-cào, con rận, hát bội* v.v... Nhất là trong nhiều bài họa vần với Tôn-thọ-Tường, người ra cộng-tác với Pháp và làm đến chức Đốc-phủ-sứ ta thấy tâm sự của ông phơi bầy hết sức rõ-rệt. Họ Tôn là tiêu-biểu cho lớp nhà nho quyền-biến, không câu-nệ khuôn phép cũ, không chủ-trương « *Trung thần bất sự nhị quân* », còn Phan quan-niệm giữ vững đạo-lý, nho phong, sĩ-khí, lấy nghèo làm vinh, lấy nước làm trọng, không uy-vũ nào khuất phục nổi, không phú-quí nào cám dỗ được. Tôn với Phan là hai hướng đi, hai lẽ sống mặc dầu cùng xuất thân ở cửa Khổng sân Trình mà lẽ xuất-sử thì ngược hẳn nhau do đó mỗi khi Tôn có bài thơ nào xướng lên thì Phan họa lại, lời đối lời, ý đối ý như gươm sắc chém mộc cứng rất là lý thú tài tình. Chúng tôi ghi ra đây để đánh dấu một giai-đoạn lịch-sử và giúp các bạn hiểu giữa lúc Đông Tây gặp nhau ở xứ sở chúng ta, trong buổi núi sông Việt-Nam mịt mù khói lửa, tâm hồn sĩ-phu Việt-Nam bị giao-động thế nào.

Ông Phan sống trong cảnh thanh-bạch tới 80 tuổi, mới qua đời nhưng không gây nổi chút gì về sự-nghiệp xoay thời chuyển thế vì thuở ấy Pháp quá mạnh, văn minh Á-Châu vụ nhiều vào đạo-đức, từ-chương nên bất lực, huống hồ lúc này tầng lớp lĩnh đạo Phong-kiến lại suy tàn, đồ đốn. Ông chỉ để lại ít bài thơ đầy lời khảng-khái phản-ảnh được ít nhiều thế-tình, thời-cuộc thuở ấy, nhất là cuộc bút-chiến giữa hai họ Tôn, Phan đã ghi được ít nhiều biến-cố của chánh-tình Việt-Nam trong một giai-đoạn lịch-sử vô cùng đen tối.

Dưới đây là mười bài liên hoàn của Phan-văn-Trị « *trả lời* »

(1) Có sách ghi ông là người Hưng-thạnh, huyện Bảo-an, tỉnh Vĩnh-long.

10 bài liên-hoàn và bài « *Từ-Thứ qui Tào* » của Tôn. Riêng với bài « *Hát-bội* » Phan làm ra để mỉa-mai thời-nhân.

Hơn thua chưa quyết đó cùng đây,
Chẳng đã nên ta phải thế này.
Bến Nghé quản bao cơn lửa cháy,
Cồn Rồng dầu mặc bụi tro bay.
Nuôi muông giết thỏ còn chờ thuở,
Bủa lưới săn nai cũng có ngày.
Đừng mượn hơi hùm rung nhát khỉ,
Lòng ta sắt đá há lung lay.

II

Lung lay lòng sắt đã mang nhơ,
Chẳng xét phận mình khéo nói vơ.
Người chí mảng lo danh chẳng chói,
Đứa ngu luống sợ tuổi không chờ.
Bài hòa đã sẵn in tay thợ,
Việc đánh hơn thua giống cuộc cờ.
Chưa trả thù nhà đền nợ nước,
Dám đâu mắt lấp lại tai ngơ.

III

Tai ngơ sao được lúc tan tành,
Luống trách người sao chẳng trách mình ?
Đến thế còn khoe danh đạo nghĩa,
Như vầy cũng gọi cửa trâm anh.
Khe sâu vụng tính vùng thuyền nhỏ,
Chuông nặng to gan buộc chỉ mành.
Thân có ắt danh tưa phải có,
Khuyên người ái trọng cái thân danh.

IV

Thân danh chẳng kể thiệt thằng hoang,
Đốt sáp nên tro lụy chảy càn

Hai cửa trâm anh xô xấp ngửa,
Một nhà danh giáo xáo tan hoang.
Con buôn khấp khởi chưa từng ngọc,
Người khó xăn văn mới gặp vàng.
Thương kẻ đồng văn nên phải nhắc,
Dễ ta đâu dám tiếng khoe khoang.

V

Khoe khoang việc phải mới rằng khôn,
Kẻ vạy người ngay há một phường ?
Hồng dẫu hư lông đâu sợ sẻ,
Hùm như thất thế dễ thua chồn.
Người Nhan há sợ dao kề cổ,
Họ Khuất nào lo nước đến trôn.
Tháy máy gặp thời ta sẽ động,
Muốn nên việc lớn chớ bôn-chôn.

VI

Bôn chôn cũng bởi bận vì nhà,
Dám trách người xưa chẳng tính xa.
Hăm hở hãy đang hăng súc trẻ,
Chùi lòn e cũng mỏn hơi già.
Mồi thơm cá quí câu không nhạy,
Cung yếu chim cao bắn chẳng sa.
Đáy giếng trông trời giương mắt ếch,
Làm người như vậy cũng rằng là...

VII

Rằng là người chí cũng xa lo,
Nhuần nhã kinh-luân mới phải trò.
Ngay vạy nẻ ra cho biết mực,
Thấp cao trông thấy há rằng đo ?
Xe Châu nào đợi kinh năm bộ,
Niếp Tống vừa đầy sách nửa pho,

Chuốc miệng khen người nên các cớ,
Đạo trời ghét vạy há soi cho!

VII

Soi cho cũng biết đó là người,
Chẳng tiếc thân danh luống sợ cười.
Ba cõi may dầu in lại cũ,
Đôi tròng trông đã thấy không ngươi
Ngọc lành nhiều vết coi không lịch,
Thợ vụng ít mầu nhuộm chẳng tươi
Đứa dại trót đời già cũng dại,
Lựa là tuổi mới một đôi mươi.

IX

Một đôi mươi vòng tính xăn văn,
Đất lở ai mà dễ dám ngăn?
Nong-nả dốc vun nền đạo nghĩa,
Xốn-xang nào tưởng việc làm ăn,
Thương người vì nước ngồi không vững,
Trách kẻ cầm cân kéo chẳng bằng.
Gió xẩng mới hay cây cỏ cứng,
Dôi theo người trước giữ năm hằng.

X

Năm hằng vốn thiệt thảo cùng ngay,
Cuộc ấy ai xui khéo bận thầy!
Gặp lúc chẳng may nên ngậm miệng
Chờ khi thấy máy sẽ ra tay.
Nổi chìm mặc thế tình dày mỏng.
Cao thấp dầu ta sức nhảy bay,
Một trận gió đưa xiêu ngã cỏ
Hơn thua chưa quyết đó càng đây!

Hát Bội

Đứa mắc ghẻ ruồi, đứa lác voi.
Bao nhiêu xiêm áo cũng trơ mòi.

Người trung mặt đỏ đôi tròng bạc,
Đứa nịnh râu đen mấy sợi còi.
Trên chính có nhà còn lợp lọng,
Dưới chân không ngựa lại giơ roi.
Hèn chi chúng nói bội là bạc
Bôi mặt quần nhau đá lại thoi.

Tôn phu-nhân qui Thục
(Bài họa)

Cài trâm sửa áo vẹn câu tòng,
Mặt ngả trời chiều biệt cõi Đông.
Khói tỏa trời Ngô ùn sắc trắng,
Duyên về đất Thục đượm mầu hồng.
Hai vai tơ-tóc bền trời đất,
Một gánh cương-thường nặng núi sông.
Anh hỡi, Tôn-Quyền! Anh có biết?
Trai ngay thờ Chúa, gái thờ chồng!

Tác-giả *Việt-văn bình giảng* Bàng-bá-Lân vừa đầy đã phê bình bài Tôn-phu-nhân qui Thục như sau :

« Trong bài xướng, Tôn-thọ-Tường kín đáo bầy tỏ tâm-sự mình : « ông muốn người xem thơ hiểu rằng ông tuy làm quan với Pháp mà « lòng ông không lúc nào quên Tổ quốc Việt-Nam cũng như Tôn-phu- « nhân về Thục theo chồng mà lòng nhớ Đông-Ngô man-mác. Nhưng « nhớ thương cũng đành dẹp chứ biết làm sao, vì thân không thể xẻ « hai thì tình nghĩa hai đàng phải hy sinh một! Vì muốn ví tâm-sự mình « với tâm-sự Tôn-phu-nhân, nên Tôn-thọ-Tường đã cố ý đề-cao hành- « động của nàng : Lúc lên đường nàng quận-chúa Giang-đông thật là « oanh-liệt rực-rỡ :

Cật ngựa thanh gươm vẹn chữ tòng,
Ngàn thu rạng tiết gái Giang-đông

« Trong bài họa, Phan-văn-Trị chỉ-trích tâm-sự ấy và nói rõ tư « tưởng trung-trực của mình. Theo ông thì Tôn-phu-nhân về Thục « chỉ là làm theo lẽ phải và bổn phận của kẻ làm vợ « *Xuất giá tòng* « *phu* » như tất cả mọi người đàn bà khác, nên lòng nàng không có « gì phải băn-khoăn để dối lừa thiên hạ! Cho nên lúc nàng ra đi « không có gì là đặc-biệt (như Tôn-thọ-Tường đã tưởng-tượng) mà

« chỉ là việc làm thông thường của một cô gái sửa soạn đi theo chồng :

Cài trâm sửa áo vẹn câu tòng

« Vì hành động theo lẽ phải và bổn phận nên dù mây trắng có « *ngút tỏa trời Ngô* », Tôn-phu-nhân cũng vẫn yên lòng vui vẻ với « *duyên về đất Thục* », bởi vì tình « *tóc-tơ* » phải bền cùng trời đất « mà nghĩa « *cang-thường* » xem nặng tựa núi sông ! »

Đáp lại câu kết có vẻ trắng-trợn của Tôn-thọ-Tường :

Ai về nhắn với Châu-công-Cẩn :
Thà mất lòng anh, đặng bụng chồng.

Ông Trị đã không ngần ngại dùng những lời rất cương-trực :

Anh hỡi, Tôn-Quyền anh có biết ?
Trai ngay thờ chúa, gái thờ chồng !

Mượn lời cô gái họ Tôn nhắn về cho anh, tác-giả như mắng thẳng vào mặt Tôn-thọ-Tường vậy.

Lời thơ tuy không được trau-chuốt bằng bài xướng, nhất là chữ (câu tòng) có vẻ gượng ép ; nhưng cũng khá lưu loát, vần điệu trả lại thanh thoát dễ dàng, đáng kể là được...

Huỳnh-mẫn-Đạt, vị tuần-phủ hưu-trí đời bấy giờ và cũng là chỗ quen biết của Tường tuy cao tuổi hơn trong một buổi gặp gỡ (1) ngẫu-nhiên đã không bỏ lỡ dịp mỉa-mai thái-độ của Tường bằng bài thơ dưới đây :

---

(1) Huỳnh-mẫn-Đạt người Rạch-giá đỗ Cử-nhân đời Tự-Đức, chức Tuần-phủ xin hưu-trí vì không muốn dính líu vào thời-cuộc. Một buổi chiều ông lên Sai-gon chơi đến chỗ Bồn kèn nghe lính Tây trồi nhạc. Lúc đó ông đội nón ngựa (thứ nón làm bằng lông chim đội khi cưỡi ngựa). Ông Tường chợt đi xe song mã tới — Ông Đạt vội nghiêng nón và che mặt nấp sau cây hòe có ý tránh Ông Tường. Nhưng ông Tường vẫn chạy lại chào hỏi, do đó ông Đạt có bài thơ trên đây.

Xét ra tâm-sự của ông Tường lúc này cũng rất đau khổ bởi bè bạn xa lánh, quốc-dân khinh rẻ nên ông bực giận thốt ra câu :

Chẳng đặng khôn Lưu đành dại Ngụy,
Thân này nguyện gác ngoại vòng thời

nhưng có khi trầm tĩnh hơn, ông cố nhún-nhặn để bè-bạn, dư-luận nương nhẹ cho ít nhiều :

Ở đâu còn nhiều rường cột cả,
Về Tào chi xá cỏ-cây côi !

Cừu mã năm ba dạo cặp kè,
Duyên sao giải cấu khéo đè-ne.
Đã cam bít mặt cùng trời đất,
Đâu dám nghiêng mày với ngựa xe.
Hớn-hở trẻ dung đường dậm liễu,
Lơ-thơ già núp cột cây hòe.
Sự đời thấy vậy thời hay vậy :
Thà ẩn non cao chẳng biết nghe.

Trương-vĩnh-Ký

Họ Trương là một trí thức Nam-Kỳ nổi danh hơn cả trong giai-đoạn đầu tiên của người Pháp đến chiếm đóng xứ này. Có thể nói cả Pháp lẫn Nam ai ai cũng biết đến họ Trương và nhiều người có cảm tình với Trương bởi Trương là một thiên-tài văn-học của vùng Đồng-nai. Biệt-tự của ông là Sĩ-Tải. Ông sinh ngày 6- 2-1837 (năm Đinh-dậu, Minh-Mạng thứ 18) tại làng Vĩnh-thành tức Cái-mơn, tổng Minh-lý, huyện Tân-minh, phủ Hoằng-an, tỉnh Vĩnh-long (nay thuộc tỉnh Bến-tre).

Ông là con thứ ba của Trương-chánh-Thi và bà Nguyễn-thị-Châu Lên 5 tuổi, ông học chữ nho với ông đồ Học người cùng xóm. Năm ông lên 9 tuổi, cha ông mất tại Nam-vang (Cao-Mên) trong khi giữ một nhiệm-vụ quân-sự tại thành này. Thấy ông thông-minh, một vị linh-mục tên là Long, đem về chủng-viện Cái-Nhum cho học chữ nho và chữ La-tinh. Năm 1848 Trương-vĩnh-Ký được qua Pinhalu (Cao-Mên) để tiếp tục việc học. Ở đây có các chủng-sinh Mên, Lào, Xiêm, Miến, Ấn, Nhật, Trung-quốc. Chỉ do được tiếp-xúc với các bạn người tứ xứ mà Trương lần mò học được nhiều thứ tiếng cả nói lẫn viết, bấy giờ Trương mới lên 11 hay 12 tuổi.

Năm 1851, Trương được sang học bên Chủng-viện Pinang tọa lạc ở hòn-đảo gần Hạ-châu (Tân-gia-Ba). Sáu năm sau nhờ óc hiếu học và ham nghiên-cứu, Trương tỏ ra có biệt tài về văn-chương, khoa-học, triết-lý bằng chữ La tinh. Và cũng ở đây Trương học thêm được nhiều tiếng của Tây-phương như tiếng Hy-Lạp, Anh, Pháp. Bấy giờ Trương mới 21 tuổi. Năm 1853 được tin thân mẫu qua đời, Trương phải trở về Cái-mơn.

Bên nước ta trong khoảng thời gian này, vua Tự-Đức đang cầm quyền và việc giết đạo, cấm đạo Thiên-chúa rất là nghiêm-ngặt Trương từ nhỏ đến lớn sống trong không-khí của đạo Da-tô, lại hấp-thụ văn-chương, luân-lý Tây-âu có nhiều ý-thức khoa-học và thực-tế nên Trương có đầu óc dung hòa, theo đạo nhưng không mê tín, yêu nước nhưng không cực-đoan, quá-khích do đó sau này Trương đã tạo được thế đứng giữa hai triều-đình Việt-Pháp hằng ngày phải giải-quyết nhiều vấn-đề đáng kể là rất gay-go, phức-tạp.

Ngày 20-12-1860, Trương, ra làm thông-ngôn cho Đại-úy Jauréguib rry. Viên sĩ-quan này đang chuẩn-bị đánh Sa'gon. Trương đã có dịp dẫn giải cho Jauréguiberry mọi điều về tính-tình, phong-tục của người Việt ngõ hầu tránh cho nhân dân nhiều điều hiểu lầm có thể rất nguy hại về phía quân-đội viễn-chinh Pháp. Người giới-thiệu Trương là linh-mục Lefèbvre. Lúc này lương của Pháp cấp cho Trương là 20 đồng bạc tuy chẳng hậu-hĩ lắm nhưng Trương không mong gì hơn là được dịp đứng bên cạnh kẻ địch để giúp ích cho đồng-bào phần nào. Triều-đình Huế lúc này đối với người Pháp cũng hay dùng thủ-đoạn, chính-lược ngoại-giao thường không có gì nhất-định như ta đã thấy. Người Pháp thì tính-tình bồng-bột và nhiều khi cũng rất xảo-quyệt. Vai tuồng của họ Trương vì vậy rất khó và thế cờ của Việt Nam thì mỗi ngày một bí. Trương lại không phải là người được đánh cờ. Pháp thì có chủ-định thôn-tính đất Việt, làm thế nào cho họ triệt bỏ bớt tham-vọng thực-dân, đế quốc trong khi thực-lực của ta mỗi ngày một suy bại ? Vấn-đề này thật là thiên nan, vạn nan.

Năm 1862, Trương theo Simon đi tàu Forbin ra cửa Hàn đòi Huế phải thương-thuyết với Sai-gòn và nộp chiến-phí 100.000 quan tiền.

Năm 1863 Trương được Súy-phủ Sai-gon cử làm thông-ngôn trong sứ-bộ Phan-thanh-Giản qua Pháp triều-kiến Nã-phá-Luân đệ-tam. Tại điện Tuileries ngày 5-11-1863 Trương đã dịch rõ ràng bài diễ -văn của Phan sứ-giả. Nã-phá-Luân đệ-tam và triều-thần đã ngạc-nhiên được nghe một người Việt-Nam nói tiếng Pháp rất rành (1). Sau đó thừa dịp này Trương đi thăm các nước Tây-ban-Nha Bồ-đào-Nha, Ý-đại-lợi ngoài nước Pháp. Trương được vào

(1) Trong những người làm thông-ngôn cho phái-đoàn có cả Aubaret nữa.

yết-kiến cả Đức-giáo-hoàng. Thật là một chuyến đi rất bổ-ích cho kiến-văn.

Từ 1866 đến 1868, Trương được bổ làm Giám-đốc và dạy tiếng Đông-phương ở trường thông-ngôn (Collège des interprètes). Năm 1870 một phái-bộ Tây-ban-nha qua Việt-Nam xin ký một thương ước. Trương lại ra làm thông ngôn cho triều-đình Huế vì chỉ riêng Trương bấy giờ nói được tiếng Tây-ban-Nha. Hơn nữa nhân-viên trong phái-bộ đã được quen biết Trương trong dịp ông dự vào phái-đoàn Phan-thanh-Giản 7 năm trước. Ngày 1-1-1872, Trương được bổ Tri-huyện và Giám-đốc trường Sư-phạm, ngày 1-6, cũng năm ấy Trương làm thơ-ký cho hội-đồng quản-trị thành phố Chợ-lớn. Hai năm sau Trương làm giáo-sư Việt văn và chữ nho ở trường Tham-biện hậu-bổ (Collège des stagiaires). Ngày 1-4-1886 Trương giúp việc Toàn-quyền Paul Bert, sung Cơ-mật-viện và làm Giám quan cố vấn cho vua Đồng-Khánh. Tình thế nước ta lúc này rất lộn-xộn. Phong-trào chống Pháp vẫn còn xôi nổi ở khắp nước. Một người như Trương do Pháp đặt bên cạnh vua quan ta sao cho khỏi sự nghi-ngờ ? Huống-hồ Trương lại có ý muốn thay đổi một số nhân-vật chỉ biết có xiềm nịnh của Cơ-mật-viện, đem người tài-cán vào thay cho cuộc giao-thiệp Việt-Pháp đỡ lủng-củng. Đây cũng là ý kiến của Paul Bert nữa. Lúc này Paul Bert có nhiệm-vụ xem xét lại các hòa-ước Việt-Pháp đã ký trước đây. Trương đã đem điều-khoản bất lợi cho Việt-Nam ra thảo-luận với Paul Bert do đó người Pháp cũng có sự ngờ vực Trương hai lòng.

Ngày 11-11-1887 Paul Bert tạ-thế. Trước đó ít lâu. Trương rút về Chợ-quán dạy học, soạn sách. Sách của Trương có nhiều loại : loại dạy người Pháp nói và viết tiếng Việt, tiếng Tàu, sách dạy người Việt học và viết tiếng Pháp. Để duy-trì Hán-học. Trương có dịch sách nho ra quốc-âm và sưu-tập thi văn chữ Nôm chép ra chữ Quốc ngữ rất nhiều. Bộ Tứ thư được Trương dịch trọn. Nhưng in ra có quyển « *Trung-dung* » vào năm 1875, quyển « *Đại học* » vào năm 1877, tập « *Mạnh-tử* » được sắp tới chương thứ 5 còn bao nhiêu mới là dự-thảo cả. Riêng về việc sưu-tầm và phổ-biến văn Nôm, Trương soạn chép ra chữ Quốc-ngữ, giải nghĩa và in được nhiều tập dưới đây :

Kim-vân-kiều của Nguyễn-Du (1875) Trương-Lương tùng Xích-

tùng-tử du phú (1881), Kiếp phong-trần. Huấn nữ ca của Đặng-huỳnh-Trung (1882), Thơ dạy làm dâu (1882), Gia-định phong-cảnh vịnh, Kim Gia-định phong-cảnh vịnh (1882), Trương lưu-hầu phú (1882), Thơ mẹ dạy con (1882), Nữ tắc (1882), Gia-huấn-Ca của Trần-hy-Tăng (1883), Học trò khó phú (1883). Hàn nho phong-vị-phú (1883), Thịnh-suy bĩ-thái phú (1883), Bài hịch con quạ (1883), Ngư tiều trướng điệu (1885), Phú bần truyện (1885), Mắc bệnh cúm từ (1886), Lục súc tranh công (1887), Lục-vân-Tiên (1889), Phan-Trần truyện (1889).

Còn tác-phẩm của riêng tác-giả là :

Chuyện đời xưa (1886), Chuyến đi Bắc-kỳ năm Ất-hợi (1876), Bất cương (1882), Chuyện khôi hài (1882), Cờ bạc, nha-phiến (1885), và tập nguyệt-san tựa « Thông loại khóa-trình *(Miscellanées ou Lectures instructives pour les élèves des écoles primaires communales et cantonales 1888)*. Với nguyệt-san này, ta có thể nói họ Trương là người đầu tiên đã phổ biến văn-hóa Việt-Nam bằng chữ quốc-ngữ tức là chữ Việt La-mã-hóa. Trương còn chủ-trương tờ *Gia-định công báo* xuất bản năm 186 và tờ *Annam politique et social*. Nói về việc làm báo ở nước, ta phải công nhận Trương là nhân vật đứng đầu hàng ở Việt-Nam. Ta cũng không thể quên Trương còn là tác-giả của nhiều cuốn Tự-vị tỏ rằng Trương giỏi cả về Khoa-học, Ngôn ngữ-học đáng được liệt vào hàng bác-học trên Thế-giới thuở đó. Các Tự-vị ông biên-soạn là :

Flore annamite (Bản thảo An-Nam) Grand dictionnaire français annamite (Tự-vị tiếng Pháp dịch ra tiếng Annam (1878 in tới tiếng cheval). Grand dictionnaire Français Annamite 18 4 : Đại tự-điển tiếng Pháp dịch ra tiếng Annam. Dictionnaire biographique annamite ou De viris illustribus regni annamitici (Tự-vị những danh-nhân tuấn-sĩ Annam), Dictionnaire Géographique annamite (Tự-vị chuyên về địa-dư xứ Annam), Dictionnaire chinois-français-annamite (Tự vị chữ Hán dịch ra tiếng Pháp và tiếng Annam).

Nếu xét các sách mà Trương đã viết, đã dịch cũng như đã phổ biến thì ngày nay ta thấy vẫn còn thiếu sót nhiều cho cuộc khai-hóa dân tộc của chúng ta, ta không khỏi nghĩ Trương đã nhận định rằng dân tộc ta đối với Pháp bấy giờ quá lạc-hậu, tranh đấu với họ bằng vũ-lực không có lợi mà chỉ có hại, vậy tốt hơn hết người Việt

phải mở mang trí-tuệ để sau này có một căn-bản văn-hóa giầu mạnh bấy nghĩ đến việc thi tài đọ sức. Trong bối cảnh lịch-sử nước nhà bấy giờ, nhận-định này không phải là không xác-đáng một phần nào giữa khi quân-đội viễn-chinh quá hùng, vũ-lực của vua tôi đời Tự-Đức quá yếu, các cuộc bại trận của ta quá nhiều đã làm tê-liệt một phần lớn tinh-thần tranh-đấu của đồng-bào chúng ta. (Vì cũng quan-niệm như trên mấy chục năm sau một số văn-thân của ta phát động phong-trào Đông-du để xuất-dương cầu học). Để biết một khía cạnh khác trong tâm-sự của Trương giữa hai quyền-lực Việt-Pháp bấy giờ và giữa một tình thế quốc-gia hết sức phức-tạp, xin coi bài di-bút của Trương dưới đây :

Quanh quanh quần quần lối đường quai,
Xô đẩy người vô giữa cõi đời.
Học thức gửi tên con sách nát,
Công danh rút cục cái quan tài.
Dạo hòn lũ kiến men chân bước,
Bò xối con sùng chắc lưỡi hoài.
Cuốn sổ bình sinh công với tội,
Tìm nơi thẩm-phán để thưa khai.

Quan-niệm nhân-sinh của Trương là sống ở thác về, đường đi nước bước vốn ngắn-ngủi, mỗi người sinh ra đời đều phải đóng một vai tuồng vì nhập thế-cuộc bất khả vô danh-vị, đóng xong vai tuồng mới trở vào hậu-trường được. Sống ở đời chỉ là việc tạm. Hoa mới nở mơn mởn hạt sương sa buổi sáng nhưng đến chiều thì cánh tàn nhị rữa. Vạn sự qua mau như chớp nhoáng, vậy phải tùy tài tùy phận mà làm một việc gì...

Chính ở điểm cuối cùng này, ta mới thấy khó và... bất đồng với vị học-giả xứ Đồng-nai bởi dầu sao trước việc xây-dựng và phổ-biến văn-hóa của họ Trương giữa khi người Pháp thiết lập đô-hộ ở Nam-Kỳ ta vẫn có thể đặt câu hỏi : mở mang văn-hóa, học-thuật lúc này ở nơi địch chiếm đóng làm của riêng, có phải là tiếp tay cho địch để hoàn-thành nền bình-trị của họ chăng ? Thiết-tưởng trong giai-đoạn này chỉ nên tung vào đất địch một thứ văn-hóa : văn-hóa cách-mạng đấu-tranh phản-Phong (1) và phản Đế. Các công-tác của Trương chỉ có lý nếu

(1) Xin hiểu đây là đám phong-kiến do Pháp mới cấu-tạo nên.

được thi-hành ở những xứ còn nằm trong ảnh-hưởng của Chánh-quyền Việt-Nam vì các hoạt-động có tính-cách cộng-tác với địch để du ngủ tinh-thần chiến đấu, các hoạt động văn-hóa, xã-hội thuộc một chương trình bình-định chiêu an của địch đều đáng tội cả.

Nhưng nói cho phải, có lẽ Trương là người đã từng Tây-du, trông xa biết rộng, hiểu rõ thế cờ Việt-Pháp thuở ấy, nghĩa là sớm muộn nước nhà cũng mất nên muốn phổ-cập nền văn-hóa mới vào xứ-sở họa may sau này, con cháu có cơ lật ngược được tình thế chăng ? Nhìn vào các sách của họ Trương ta thấy Trương vừa phổ-biến văn-hóa Việt, vừa truyền bá văn hóa Tây phương không ngoài ý giúp cho hai dân-tộc hiểu biết nhau để tránh những sự nguy hại giữa một buổi tranh tối tranh sáng mà nhiều kẻ muốn lợi dụng để thả câu nước đục. Âu đó cũng là một điểm hữu ích nữa đáng kể, còn để rõ nhân phẩm của họ Trương, trong thời-kỳ được trọng-dụng vào địa-vị Giám-quan cố-vấn bên vua Đồng-Khánh, một địa-vị hết sức phức-tạp khiến Pháp cũng ngờ, đủ rõ Trương muốn điều hòa tình thế đôi bên, đó là điều có lợi rõ rệt cho nước nhà, chẳng như nhiều kẻ khác chỉ biết gục đầu thờ Pháp, bới lông tìm vết và xui kẻ mạnh làm bậy, hơn nữa tự chúng cũng ra tay mổ hầu móc ruột đồng-bào để tỏ tình khuyển mã với nước mẹ và để giành giật miếng xôi, miếng thịt của địch. (Xin coi bức thư Tổng-đốc Lộc viết cho toàn quyền Paul Doumer ở phần sau đây).

Trương về già còn mang công mắc nợ, từ thuở bình sanh đến lúc thở hơi tàn, vẫn là một kẻ bần nho. Tác-giả *Saigon năm xưa*, Vương hồng-Xến bàn về ông trong trang 167 đã viết : *Ba ông minh triết bảo thân, gần bùn chẳng nhuốm mùi bùn, không ham « đục nước béo cò » nhỉ ai, chỉ say đạo-lý và học hỏi, sống đất Tào mà lòng giữ Hán, thác không tiếng nhơ, thấy đó mà mừng thầm nước nhà trong cơn ba đào giông tố chưa đến nỗi hết người xứng danh học trò của Khổng.*

PHỤ-LỤC

CHƯƠNG-TRÌNH CANH TÂN QUỐC-GIA CỦA NGUYỄN-TRƯỜNG-TỘ

Vua Gia-Long khi lập xong sự-nghiệp, về mặt ngoại-giao đã có ý dè-dặt với các nước Tây-phương. Nhiều lần các nước da trắng đem phương-vật và quốc-thư vào xin mở cuộc giao-thương với nước ta đều bị từ-chối. Duy đối với nước Pháp, ngài tỏ ý ưu-đãi một phần nào bởi cảm-tình riêng đối với một số người Pháp đã giúp ngài trong việc đánh bại nhà Tây-Sơn.

Qua đời Minh-Mạng, Thiệu-Trị, Tự-Đức, sự giao-thiệp giữa Việt-Nam và nước Pháp phai nhạt dần vì việc truyền đạo của các giáo-sĩ Tây-phương. Nguyên-nhân việc quảng-bá đạo Da-Tô đã gây nên nhiều sự phiền-phức về chánh-trị và văn-hóa. Trên địa-hạt thực-hành đạo Da-Tô đã gián-tiếp nghịch với quân-quyền và đôi khi chống cả phong-tục nước ta; nhiều giáo-sĩ lại ỷ vào sức mạnh của nước họ mà có những thái-độ ương-ngạnh, ngoan-cố trừ một số tu-sĩ dòng. Tên có nhiều sự hiểu biết uyên-thâm về nếp sống của Á-Đông.

Từ cuối thế-kỷ XVIII qua thượng-bán thế-kỷ sau, phong-trào Thực-dân và Đế-quốc của Tây-phương ồ-ạt hơn bao giờ hết ở bên này bán-cầu. Cái Bạch-họa đã rõ-rệt, các nhà cầm quyền Á-đông thời đó nhận thấy và đã tìm phương đối-phó. Minh-Trị Thiên-hoàng ở Nhật mở cửa cho Liệt-cường vào buôn bán. Tiêm-La cũng không thờ-ơ với người ngoại quốc. Trung Hoa ký các điều-ước kinh-tế, thương-mại, riêng có nước ta triều-đình không có chính-sách nào khác là « bế-quan tỏa-cảng » và chính-sách này đã được áp-dụng một cách tuyệt-đối — Rồi từ Hòa-ước 1862 đến Hòa-ước 1884 toàn cõi

Việt-Nam lọt vào tay người Pháp. Cái kết-quả bi-đát đó đã do bên trong ta không có chính sách duy-tân tự cường, bên ngoài ta không có kế-hoạch ngoại-giao hữu-hiệu, hoặc không có nhân-tài thích-ứng với tình-thế.

Một số người từng ra nước ngoài hiểu rõ tình-hình Thế-giới trở về có đưa ra những đề-nghị canh-tân quốc-gia về mọi phương-diện nhưng bị các nhà cầm quyền có đầu óc bảo-thủ bác-bỏ. Một người có tư-tưởng cấp-tiến nhất bấy giờ là ông Nguyễn-trường-Tộ.

Nguyễn-trường-Tộ sinh năm 1827 tại thôn Bùi-chu, huyện Hưng-nguyên, tỉnh Nghệ-an vốn hay chữ từ thuở nhỏ và có tài thi văn. Ông có khuynh-hướng về lối học thực-dụng, nên bỏ từ-chương và cử-nghiệp. Vì là người Công-giáo lại tinh thông Hán-học, ông được nhà dòng ở Tân-ấp mời đến dạy chữ Nho nhân đó ông được gặp Giám-mục Gauthier. Giám-mục giúp ông học-hỏi tiếng Pháp và các khoa-học phổ-thông. Hai năm sau ông theo Giám-mục qua Ý rồi sang Pháp.

Ông được vào bệ-kiến Giáo-hoàng Pie IX và được tặng 100 cuốn sách về tân-học. Ý hẳn, Giáo-hoàng thấy ông có hoài-bão giúp nhà, giúp nước để tiến-bộ như Tây-phương nên đã làm quà cho ông số sách quý.

Ở Âu-châu ba năm, tuy thời-gian không được dài lắm, ông cũng có dịp khảo-sát văn-minh Tây-phương qua các tác-phẩm nghiên-cứu về chính-trị, binh-bị, kiến-thiết, triết-lý v.v... Ngoài việc đọc sách ông đi thăm các cơ-sở kỹ-nghệ, các nhà máy, ghi chép mọi điều những mong về nước có dịp cải-tổ lại mọi vấn đề quốc-kế, dân sinh của xã-hội mình.

Trên đường hồi-hương, ông có ghé vào Quảng-châu, Hương-cảng. Ông được làm quen với một số nhân-vật chính-trị, tri-thức ở đây và có mặt ở Việt-Nam vào năm 1863 là năm triều-đình Tự-Đức đã chính-thức nhường ba tỉnh miền Đông cho Pháp. Lúc này nước ta rối-ren từ Nam ra Bắc. Các đảng chống Pháp ở Nam-Kỳ hoạt-động khắp nơi. Ở Bắc liên tiếp có nhiều phong-trào chống nhà Nguyễn và giặc Tàu, giặc biển tràn vào nội-địa. Ngay bên cạnh Tự-Đức, anh em nhà vua cũng mấy phen âm-mưu đảo-chính.

Trước tình-thế bi-đát này, có lần ông đã viết ra những lời tâm quyết dưới đây trong nhật-ký : « Lòng tôi hoàn-toàn mong mỏi được phụng-sự Tổ-quốc. Tôi không thể dửng-dưng trước sự rối loạn của xứ-sở và nỗi thống-khổ của đồng-bào. Dù tôi ở địa-vị thấp hèn, tôi cũng gắng dâng lên nhà vua chút tài học thô-thiển của tôi...

Hăng-hái hơn bao giờ hết vì mới ở xa về và còn nhiều tin tưởng được mang sở-học ra áp-dụng để giúp ích cho đời, ông viết một bức thư dài gửi lên Phạm-phú-Thứ là một quan đại thần đã từng phen xuất ngoại thuở bấy giờ. Trong bức thư này ông đưa ra nhiều đề-nghị duy-tân nước nhà cho kịp các dân tộc văn-minh ở Tây-phương. Sau đó ông dự-thảo những chương-trình cải-cách đệ lên vua Tự-Đức.

Trong giai-đoạn này đã có phen ông vào làm việc từ-hàn cho Súy-phủ Nam-Kỳ, nhưng không lâu. Chủ-tâm của ông là giúp hai nước Việt-Pháp thông-cảm để đi tới hòa-bình, nhưng hy-vọng này không đạt được vì chủ-trương của Huế và Saigon chống nhau như nước với lửa. Có lẽ vì thế mà ông chán ngán, bỏ về quê thu hoài-bão trong một phạm-vi nhỏ, hẹp : giúp đồng bào khẩn đất, lập-ấp và kiến-thiết hương-thôn, đồng thời ông tiếp-tục nghiên-cứu các đề-nghị xin triều-đình sửa đổi ngoại-giao và nội-chính.

Năm Tự-Đức thứ 19 (1866), ông được cử đi tìm mỏ ở vùng Nghệ-an, Hà-tĩnh. Tháng sáu dương-lịch năm ấy, ông được Tổng-đốc An-Tĩnh là Hoàng-kế-Viêm giao cho việc cầm cọc để đào kinh Thiết-cảng (kinh Sắt). Qua tháng chín, ông cùng Giám-mục Gauthier và Nguyễn-Điều sung phái-bộ sang Pháp mướn thợ chuyên-môn và mua máy móc.

Nhưng vì cuộc giao-thiệp giữa Nam-triều với Soái-phủ Nam-Kỳ đương gay cấn (tháng 6 năm 1867, Thiếu tướng de la Grandière lấy nốt 3 tỉnh phía tây Nam-Kỳ), trong lúc ông đang lo tiến hành công việc ở Pháp thì được lệnh đình lại.

Năm 1868, lại có chỉ phái ông sang công-cán bên Pháp nhưng bị đau, ông không đi được.

Ngày nay, ta coi các bản điều-trần của ông ta mới thấy ông muốn xây-dựng lại quốc-gia Việt Nam theo kiểu Tây-phương. Ngoài ra ông

còn có những ý-niệm chính-trị sâu-sắc để tránh cho nước nhà mọi sự phiền-phức với các Đế quốc. Tiếc thay những điều trông xa thấy rộng này được nêu ra hơi muộn, lại thiếu hoàn-cảnh thuận-tiện và sự thông-cảm.

Từ năm 1863 đến năm 1871 là năm ông từ trần, ông có tới 14 bản điều-trần đệ lên vua Tự-Đức trong số có những bản sau đây là quan-trọng hơn cả :

A) **Ngoại-giao**— *1) Ông chủ-trương giảng hòa với người Pháp vì người Pháp mạnh hơn mình, chống Pháp chỉ thua và thiệt-hại. Kết-giao với Pháp thì bên ngoài có thể chống lại với các cường quốc khác muốn dòm ngó nước ta, bên trong được bình yên để lo việc cải cách và xúc-tiến việc quốc-kế dân sinh.*

2. Phải giao thiệp với các cường-quốc, Đặt sứ-thần hay Lĩnh sự ở các nước ấy để giữ việc giao-hiếu với họ và xem xét tình-thế Quốc-tế. Mở cuộc thanh-thương với họ để trao đổi quyền lợi và nhân đó họ sẽ kiềm-chế nhau thì không nước nào xâm chiếm nước ta được.

B) *1.*— **Cai-trị**. *a) Giảm bớt số tỉnh, phủ, huyện để bớt số quan-lại xét thừa, tăng lương cho số còn lại để tránh việc tệ-nhũng.*

b) Biệt-lập quyền thẩm-phán đối với quyền cai-trị để việc kiện tụng được công-bằng và tránh sự lạm-quyền.

2.— **Vũ-Bị**. *a) Hậu-đãi các quân-nhân, trọng nghề võ thì việc bảo-vệ bờ cõi mới có kẻ hy-sinh.*

b) Mở trường võ bị, đón các chuyên-viên và kỹ-thuật-gia ngoại quốc về luyện tập cho binh-sĩ theo phương pháp mới.

c) Tổ-chức lại binh đội, lựa chọn người khoẻ mạnh, trai trẻ phải thận-trọng về việc bổ-dụng các võ-quan.

3.— **Học-chính** *a) Cải-cách việc học. việc khoa cử, xin dạy các khoa-học thực-dụng: canh-nông, cơ-khí, luật-pháp, thiên-văn (chương trình phải gồm các khoa-học hợp thời ngoài khoa văn-chương).*

b) Triệt-để áp-dụng quốc-văn vào các việc học-hành, làm sách, giấy tờ hành-chính.

c) Phái thanh-niên du-học ngoại-quốc (đi Âu-châu).

d) Phiên-dịch sách ngoại-quốc (nhất là các sách về máy-móc) rồi phổ-biến các sách này ra ngoài dân-chúng, soạn sách có ích và nhật-trình để dân được hiểu biết luật-lệ và công việc của Nhà-nước.

4.— **Tài-chánh** *a) Mọi người công-dân đều phải đóng thuế, bỏ lệ miễn sưu cho các khóa-sinh không xứng-đáng với đặc-ân này.*

b) Đặt thứ thuế đánh vào nhà giầu vì họ có nhiều quyền-lợi.

c) Điều tra dân số để đánh thuế..

d) Đạc điền để rõ diện-tích điền-thổ và đặt lại thuế-ngạch cho công bằng và truy-tầm việc ẩn.lậu.

e) Đánh các thứ thuế về các việc ăn chơi, xa-xỉ (cờ-bạc, rượu, thuốc lá, thuốc phiện) để khuyến-khích sự tiết-kiệm.

f) Tăng thuế các hàng nhập-cảng, thứ nhứt là các xa-xỉ-phẩm và các hàng trong nước đã có (chè tàu, tơ lụa Tàu) để khuyến-khích nội-hóa và công-nghệ trong nước.

5.— **Kinh-tế.** *a) Mở sở địa-dư và vẽ địa-đồ cho biết hình-thế và thổ-sản trong nước, sau đó mở mang đường xá, cầu cống, máng nước để dẫn nước vào ruộng và xây đắp đê điều.*

b) Chấn-hưng nông-nghiệp, đặt quan nông-chánh (lấy các người đã đạt từ Tú-tài và Cử-nhân vào việc này) để cải-cách nông-nghiệp và khẩn-hoang.

c) Chấn-hưng công-nghiệp các ngành, khuyến-khích việc sáng chế các đồ nhật-dụng hoặc tìm cách chế-hóa các đồ ăn uống cho có thêm hương-vị và để dành được lâu.

d) Chấn-hưng thương-mại, khuyến-khích và ban thưởng cho những ai mở mang được các hội buôn, đóng và mua các tàu biển để thông thương được với các nước.

e) **Khai các mỏ** *(ông đề-nghị rất tường tận về việc này). Lúc đầu nên cộng-tác với công-ty khai mỏ của người Pháp vì họ biết khoáng-mạch, huấn-luyện các thợ chuyên-môn và điều-khiển việc khai mỏ. Sau này biết được khoa-học này, ta sẽ làm lấy, ông lại xin nghiên-cứu hợp-đồng với các công-ty để có lợi và tránh sự xung-đột về sau.*

Tiếc rằng triều-thần bấy giờ phần nhiều không hiểu thời-cuộc, chỉ một mực thủ-cựu, không ai tán-thành các việc ông xin, còn tìm cách bài-bác, công-kích nên nhà vua không có sự quả-quyết.

Bởi vậy chương trình của ông đã tốn bao tâm-lực mới dự thảo nên mà phần chính-yếu lại không được thi-hành thì thật là một sự rất đáng tiếc vô cùng vậy.

Năm 1871, Nguyễn-trường-Tộ từ trần, hưởng thọ 44 tuổi.

Đến ngày nay được chúng ta hoan nghênh Nguyễn-trường-Tộ là một tri thức rất tiến-bộ cuối thế-kỷ 19. Chương trình canh-tân quốc-gia của ông rất được ngợi khen và dư-luận đến nay cho rằng nếu Tự-đức và đám triều-thần không hủ-bại thì nước Việt-nam đâu đến nỗi mất vào tay Pháp. Có người nghĩ rằng: Các bản điều-trần của họ Nguyễn ra đời đã quá muộn. Có người lại nhìn họ Nguyễn bằng con mắt cay-nghiệt hơn, vậy ta hãy tìm hiểu chủ-trương của Nguyễn-trương-Tộ có tính cách thế nào, qua một vài khía cạnh.

Trong đám văn thân trí thức nước ta dưới đời Tự-Đức nếu đem so sánh thì Nguyễn-trường-Tộ đáng được kể là một «sĩ phu khai minh» nhất của giai-cấp phong-kiến. Ông có tài cao học rộng, thực tâm yêu nước, thiết-tha giống nòi. Nhưng theo dư luận của một số người năng đầu óc cách-mạng quá khích: «Ông vẫn là một sĩ-phu rất xa vời nguyện-vọng của quần chúng, và thua cả một số sĩ-phu khác ít học hơn ông tuy không được đi ra ngoài như ông, nhưng chính vì lăn-lộn sống gần nhân dân nên đã giữ được vị-trí hàng đầu của cuộc đấu-tranh oanh-liệt của dân-tộc ta chống xâm-lăng cho nên những đề-nghị cải-cách của Nguyễn-trường-Tộ, dù có những mặt tích-cực, xuất-phát từ một động-cơ tốt song căn-bản không thích-hợp với thực-tế tình-hình nước ta. Chính những mặt hạn-chế, thiếu sót đó đã thành nguyên-nhơn chủ-yếu đưa các đề-nghị duy-tân của ông đến chỗ thất-bại.»

Tóm lại, nguyên-nhơn thất-bại của Nguyễn-trường-Tộ nếu nói là do vua tôi triều Tự-Đức quá thủ-cựu thì dễ dàng quá, phải nhận rằng tự nó đã không căn-bản nên đã bị khước-từ. Nó tích-cực tiến-bộ ở những việc không căn-bản còn ở việc căn-bản thì lạc-hậu và còn có khía cạnh phản-động nữa vì thế mà không có tiếng vang trong quảng-đại quần chúng ngõ hầu thành một áp-lực đối với triều-đình bấy giờ. Rồi những đề nghị của họ Nguyễn cũng không được đa số sĩ-phu hưởng ứng nữa...»

Người đưa ra ý-kiến này muốn nói rằng kế-hoạch chống xâm-lăng bây giờ phải có căn-bản như vậy là phải giải-quyết ngay vấn-đề kinh-tế và nói đến kinh-tế nước ta khi ấy là nói đến nông-nghiệp suy đồi, nạn kiêm-tính ruộng đất trắng trợn, nạn tô cao, tức nặng đã thành

nguồn gốc đói khổ của nông dân. Như vậy triều Tự-Đức phải làm một cuộc cách mạng ruộng đất để dân được no đủ mới mong đánh đuổi được quân giặc ra khỏi xứ-sở. Vấn-đề này là vấn-đề gốc, vậy mà Nguyễn-trường-Tộ không đề-cập đến mà chỉ nói việc chấn hưng kinh-tế, thương-nghiệp trong khi thương-nghiệp ở nước ta mới ở trong tình-trạng manh-nha, lại nữa kinh-tế thương-nghiệp chỉ có thể phát-triển trên cơ sở nông-nghiệp tiến-bộ. Vậy chú trọng đến đề điều, phát-triển thủy nông, mở triển-lãm nông-nghiệp để khuyến-khích sản-xuất chỉ là công-tác thơ-yếu mà thôi trong khi người dân chưa là chủ miếng đất mình hằng rỏ mồ hôi nước mắt, nạn sưu cao thuế nặng chưa được tỉnh-giảm.

Chúng ta có thể đồng ý với tác-giả của lập-luận trên đây trên phương diện lý-thuyết vì chính hiện nay các nhà cầm quyền ở các nước Á-Đông ạc-hậu cũng đang lo thi-hành việc cải-cách và quân phân điền-địa bởi đa số quốc-gia Á-đông đều sống về nông-nghiệp. Nhưng ta thử hỏi vào thuở quân xâm-lăng đã đứng sát nách, đại bác của Rigault de Genouilly, Charner nổ ầm-ầm từ Đà-nẵng vào Bến-nghé, vua Tự-Đức có thể thực-hành đề-nghị của Nguyễn-trường-Tộ được chăng ? Có khỏi quá muộn chăng ? Theo chúng tôi, việc cải-cách điền-địa, giải-phóng nông dân phải làm ngay từ thời Gia-Long mới kịp đối-phó với hiểm-họa xâm-lăng nửa thế-kỷ sau. Và giải-quyết vấn-đề nông-dân mà thôi vẫn chưa phải là xây dựng được một kế hoạch cứu-quốc đủ hiệu-lực đối với thực tế tình-hình nước ta từ đầu thế kỷ XIX. Ngoài ra vào cuối thế kỷ XIX, vấn-đề dân-sinh, dân-quyền chưa được phổ-biến như ngày nay, tư tưởng phản Phong và phản Đế hãy còn mù-mịt thì mấy ai đã nghĩ ra liều thuốc cứu chữa và gột rửa cái đầu óc ích-kỷ của đám người phong-kiến và địa-chủ ? Huống-hồ tác-giả ý kiến trên đây còn muốn đánh đổ triều-đình Tự-Đức coi là điều kiện để chống xâm-lăng thì thiếu hẳn thực-tế ngay trên lý-thuyết và nguyên-tắc. Vì sao ? Vì giặc đã vào trong nhà mà trong nhà có nội-tranh thì giặc chỉ cần đứng yên cũng thủ thắng được rồi. Nói cách khác, nội-tranh là tiếp tay cho giặc, nối giáo cho giặc. *Hoàng-Nam tác-giả ý-kiến trên đây trong bài* « Đánh giá vai trò Nguyễn-trường-Tộ trong Lịch-sử cận-đại Việt-Nam (tập san « Nghiên cứu lịch-sử » trang 36 số 29) *còn nói : « thời-đại Nguyễn-trường-Tộ là thời-đại biến-chuyển, phức-tạp của những mâu-thuẫn cơ-bản của xã-hội ta. Từ*

năm 1862 đến 1871 (năm Nguyễn-trường-Tộ mất) đứng trong phạm-vi cả nước mà nói thì mâu-thuẫn chủ-yếu vẫn là mâu-thuẫn giữa toàn-thể dân-tộc và đế-quốc Pháp, nhưng nói riêng Trung-Bắc thì mâu-thuẫn giữa nhân dân và chế-độ phong-kiến nhà Nguyễn đặt lên hàng đầu. Yêu-cầu của toàn-thể dân-tộc ta lúc này là giải-phóng 3 tỉnh miền Đông, đánh lui xâm-lược của thực dân Pháp và muốn đủ lực-lượng đánh lui âm-mưu xâm-lược thì trong tình thế hòa-hoãn tạm-thời ở những nơi nào nguy-cơ xâm lược chưa phải là nguy-cơ trực tiếp như ở Trung-Bắc vì ở đó yêu cầu trước mặt là lật đổ chế-độ thống-trị hiện-tại, giải-phóng sức sản-xuất tạo nên khí-thế chống xâm-lược mạnh-mẽ. Đó là một bài học rút được trong cuộc chiến thắng chống xâm-lược Xiêm ở Nam và quân Thanh ở Bắc thời Tây-sơn. Đứng trên ý nghĩa đó mà xét thì mọi ý kiến chủ-trương đề nghị nhằm làm yếu thế-lực phong-kiến phản-động mở đường cho lực-lượng sản-xuất phát triển, tạo ra những tiền-đề cho một cuộc thay đổi chế-độ lúc đó là hòa hợp với tình-thế, có lợi cho nhân-dân, thích hợp với quy-luật phát-triển khách quan của lịch-sử, Ngược lại mọi chủ-trương, đề nghị nào nhằm tăng cường cho chế-độ phong-kiến đương thời đều là phản-động đi ngược với yêu-cầu phát-triển của lịch-sử, chống lại nguyện-vọng của nhân dân và dĩ-nhiên không được nhân dân ủng-hộ...»

Ta ngừng lại đây để kiểm điểm. Hoàng-Nam cho rằng phải đánh đổ phong-kiến nhà Nguyễn ở Bắc-kỳ để tăng-cường lực-lượng chống xâm-lăng ở Nam-kỳ nhất là ở nơi nguy cơ xâm-lược chưa phải là nguy-cơ trực-tiếp, tức là ở Trung-Bắc lưỡng kỳ. Ta có thể trả lời riêng ở Bắc-kỳ nhân dân đã nổi lên chống chánh quyền nhà Nguyễn và có cả một số giáo-dân giả mạo của Súy-phủ Nam-kỳ đưa ra hợp-tác với bọn Tạ-quang-Phụng. Tại Trung-kỳ vụ « Giặc chày vôi » *chẳng là vụ đảo-chánh thứ ba sau vụ âm mưu cướp ngôi của Hồng-bảo, Hồng-Tập trên 10 năm trước sao ? Nhưng sau đó các phong trào này tan rã và như chúng tôi đã nói ở phần thứ nhất của sách này, nhân dân thấy đánh đổ chánh quyền là làm lợi cho địch chăng ?*

Theo chủ trương của chúng tôi bấy giờ nhân dân và triều-đình hãy đoàn kết chống xâm-lăng Thời Tây-sơn gây được chiến-công đuổi Tiêm trong Nam, bại được Thanh ngoài Bắc là do có vua Quang-

Trung gồm nhiều tài-đức và biết điều-khiển quần-chúng mới làm nên sự-nghiệp vĩ-đại kể trên ; Thuở quân Pháp vào Việt-Nam ta làm gì có những nhân vật lỗi-lạc như Quang-Trung ? Ngoài ra quân-lực của Tiêm đâu có mạnh được bằng Liên-quân Pháp-Tây sau này. Vậy mỗi thời mỗi khác, ta phải hiểu như vậy. Ngoài ra Hoàng-Nam cho rằng các đề-nghị cải-tổ quân-sự, tăng cường kinh-tế, văn-hóa, nông-nghiệp, mở rộng ngoại-giao ra ngoài quốc-tế, liên minh với Cam-bốt, Thái-Lan, v.v... lập kỹ nghệ sản xuất mọi ngành, lợi dụng mâu-thuẫn giữa các nước tư-bản Tây-phương v.v... đều có mục-đích tăng cường Phong-kiến nhà Nguyễn là phản-động. Ý-kiến này là cả một sự phi-lý, cũng như ông nghĩ có một thiếu sót khá căn-bản là Nguyễn-trường-Tộ không bao giờ đề-cập đến phong-trào kháng-chiến của nhân-dân đang xôi nổi ở các tỉnh miền Nam lúc bấy giờ Ông cho rằng trong quan-niệm của Nguyễn-trường-Tộ lúc bấy giờ những phong-trào Trương-công-Định, Nguyễn-trung-Trực v.v... là những đám giặc cỏ không đáng đếm xỉa tới... vì giữa lúc phong-trào nhân-dân tự-động kháng-chiến đang lan rộng khắp lục-tỉnh Nam-Kỳ ông Nguyễn đã viết thư cho Nguyễn-bá-Nghi đề-nghị nên « giảng hòa » với Pháp cũng như sau này trong một bản điều-trần khác, chủ-trương « hòa » của Nguyễn-trường-Tộ tuy là để « dưỡng uy xúc nhuệ » nhưng trong căn bản vẫn là một thái-độ sợ địch, sợ vũ-khí tối-tân của địch và không trù tính lực-lượng của quần-chúng... »

Xem đến đây ta có cảm tưởng Hoàng-Nam đã đứng trên mây để biện-luận một sự-kiện lịch-sử đời Tự-Đức. Nguyễn-trường-Tộ quả đã chủ-hòa, triều Tự-Đức cũng đã xin hòa với Pháp, còn nhân dân đánh Pháp cũng đã có rồi, rút-cục ở trường-hợp nào ta cũng thua địch ; như vậy nếu Nguyễn-trường-Tộ không thể đề-cao Kháng-chiến thì cũng là vì họ Nguyễn đã thấy rõ nhưng ưu-khuyết-điểm của nó thế nào rồi ? Ngoài ra các lân-quốc Á-châu như Ấn-Độ, Miến-Điện, Trung-Quốc, Nhật-Bản cũng chống Tây-phương ra trò chớ có nhất đáng chịu đầu hàng ngay đâu ! Thế thì chủ-trương hòa của Nguyễn-trường-Tộ ít nhất cũng thích đáng được một phần. Chúng tôi muốn nói chủ-trương hòa đúng một phần bởi không hòa là chiến mà chiến với kẻ địch quá mạnh tất phải thua, thua thì vẫn phải đi đến chỗ hòa nếu không muốn tuyệt chủng. Tuy nhiên chúng ta cũng nhận rằng giặc vào nhà mà không đánh là không có tinh thần phản-ứng, đấu-tranh

thì sẽ mất nước vĩnh-viễn. Vậy phải tích-cực đánh, tổ-chức hàng ngũ cho chặt-chẽ, đánh có phương-pháp, tập-trung và khai-thác mọi năng lực, nắm đủ điều-kiện trên đây mà không thắng nổi địch thì phải hòa gấp, trái lại kéo dài chiến-tranh là tự-diệt một cách ngu-xuẩn. Chủ-trương đánh, dầu thua cũng đánh chỉ có ý nghĩa là đánh để biết mình biết người, để khai-thác kinh-nghiệm cho tương-lai ; Bại trận thì máu chảy, máu chảy đến đâu thù sâu đến đấy, đó là cách nuôi dưỡng tinh-thần đấu-tranh chờ cơ-hội sau này thuận-tiện sẽ quật-khởi. Còn trong giai-đoạn đấu-tranh mà vận-động được Liên-minh chống địch thì quý vô cùng nếu riêng mình không đủ sức đủ tài. Dưới đời Tự-Đức theo chúng tôi hòa hay chiến một cách tuyệt-đối đều không được cả. Sau này do nhân-dân ta nhất-trí, biết tổ-chức đấu-tranh, khi ôn-hòa khi sôi-nổi dưới nhiều hình-thức khác nhau nên 80 năm sau Đế quốc Pháp mới tiêu-tan sự-nghiệp ở xứ này. Như vậy nhân-dân ta đã đóng vai-trò lịch-sử của mình rất là trọn vẹn, biết dung-hòa với tình-thế, biết tiến thoái kịp thời, biết nuôi dưỡng tiềm-lực đấu-tranh và biết lợi-dụng những cơ hội thuận-tiện nhất.

CHƯƠNG THỨ XI

NHỮNG SỰ THAY ĐỔI ĐẦU TIÊN CỦA NAM-KỲ THUỘC PHÁP

Các tổ chức chánh-trị và Kinh-tế

Từ 1859 chiến tranh đã bùng nổ giữa ta và Pháp. Pháp chiếm Sai-gon trước tiên để xây dựng nền móng cho Đế-quốc. Người Việt bại trận, quân dân rút dần ra khỏi thủ-phủ miền Nam. Một số người đến náu mình bên quân đội viễn-chinh, trước nhất là ba ngàn giáo-dân Việt-Nam ở Đà-nẵng và quanh vùng Sai-gon bị quan lại ta nghi-ngờ ám-trợ cho Thực-dân Pháp. Vậy họ là những công-dân đầu tiên của chế-độ mới. Năm 1859 Thiếu-tướng Page bắt đầu thiết-lập các cơ-cấu cho việc cai-trị, đặt luật-lệ cảnh sát và quan-thuế. Cuối năm ấy Pháp vạch con đường thứ nhất do thủy binh tàu Catinat nên từ đó đường này mang tên là Catinat (nay đổi ra Tự do) Page lại cho mở hải-cảng để các tàu bè của Pháp và ngoại-quốc ra vào mua bán. Các tàu này được sự che-chở của Pháp từ Ô-cấp đến bến sông Sài-gòn.

Trung-tướng Charner đánh xong Gia-định lập ra chức Tổng-giám-đốc hành chính bản-xứ (*Directeur supérieur de l'Administration indigène*) và một ngạch thuộc-viên trực-tiếp cho vị Tổng Giám-đốc đó, tức là ngạch *Giám-đốc bản xứ sự vụ*. Những người này có nhiệm-vụ thay thế các viên phủ, huyện cũ, cai trị dân-chúng, đánh dẹp trộm cướp, xem xét phong-tục và luật-lệ của người Việt.

Đến Thiếu-tướng Bonard, ông này quan-niệm về mặt tinh thần, hành-chính, nếp sống cũ của người Việt cần phải để nguyên-vẹn và tôn trọng. Ông coi rằng những truyền-thống, những phong tục và luật-pháp cũ của người Việt đã kết-hợp nên một nền tảng vững-vàng, nếu phá bỏ thì là làm một cuộc xáo-trộn rất tai-hại do đó ông chỉ sửa

đồi có tính-cách bồ-khuyết mà thôi. Rồi các chức phủ, huyện lại được sắp đặt trở lại và để liên-lạc với các cấp hành-chính này, ông cho ra đời một số Thanh-tra bản-xứ sự-vụ (*Inspeeteurs des affaires indigènes*).

Một nhóm người dưới đây đã đi sâu vào đời sống tinh-thần. Việt-Nam bằng đọc sách và giao dịch với các nhà trí-thức của ta cũng tán thành quan-niệm của Bonard nên đã tích-cực giúp ông này duy-trì và hoàn-thiện chế-độ cũ : Luro, Philastre, Aubaret, giáo-sĩ Legrand de la Liraye. Nhưng Pháp đã gặp một sự khó khăn như trên đã nói là buổi đầu chưa mộ được những cộng-sự-viên có giá-trị và có tư-cách xứng đáng để bổ làm phủ, huyện.

Đến Thiếu-tướng de la Grandière sang thay Bonard, ông này cũng gặp sự trở-ngại như vị tiền-bối của mình nên buộc lòng ông ta phải áp-dụng cách cai-trị trực-tiếp của Charner và lề lối đó được duy-trì mãi tới sau này. Số Thanh-tra bản-xứ sự-vụ được tăng lên và thay bằng các sĩ-quan hải-quân vào chỗ các phủ, huyện người Việt ra cộng-tác năm 1864. Mà cũng vì chế-độ cai-trị này de la Grandière phải lập một cơ-quan để kiểm-soát các viên Thanh-tra kể trên :

Nha Thanh-tra bản-xứ nội-vụ được gọi tắt là *Nha Nội vụ*. Đồng thời ông mở nhiều trường để dạy tiếng Quốc-ngữ ở những vùng có nhiều dân chúng, định các ngạch thuế và ngân-sách cho Thuộc-địa.

Năm 1864 Pháp ban bố Sắc-lệnh về Tài-phán hộ-vụ và lập các Tòa án Pháp. Năm 1866 Pháp mở một cuộc đấu xảo về nông-phẩm và sản-phẩm kỹ-nghệ tại Saigon, cùng lập một Hội-đồng tư vấn để giúp ý-kiến cho mọi việc canh-cải chế-độ cai-trị ở xứ này.

Làm Thống-đốc ở đây buổi đầu (1863) có các Thủy sư Đô-đốc và các Đề-Đốc cùng phó Đề-Đốc. Người thực-thụ chức Toàn-quyền đầu tiên ở Nam-Kỳ là Đô-đốc de la Grandière và tới 1879 chánh-phủ Pháp mới đặt các văn quan vào nhiệm-vụ nguyên-thủ này. Xét ra Pháp phải áp-dụng chánh-sách quân-sự-hóa nền cai-trị ở đây luôn 10 năm liền vì nhu-cầu bình-định. Sự thay đổi này được thi hành vào thời Hải-quân Trung-tướng Jauréguiberry làm Bộ-trưởng Hải-quân và Thuộc-địa. Rồi viên văn-quan được bổ-nhậm Thống-đốc Nam-Kỳ đầu tiên là Le Myre de Vilers.

Le Myre de Vilers nhận chức từ ngày 7-7-1879 tới ngày 12-1-1883. Trong khoảng thời gian này ông ta có về nghỉ ở Pháp từ 4-3 đến 1-11-1881 và đã làm được những việc dưới đây ở nhượng-địa Nam-Kỳ (những việc quan-trọng nhất) :

Thành-lập Hội-đồng thuộc-địa (do Sắc-lệnh ngày 8-2-1880). Hội-đồng này có 12 hội viên, nửa là người Pháp, nửa là người Việt.

Thành-lập các Hội-đồng hàng Quận (do Sắc-lệnh ngày 15-5-1882).

Thành lập Hội-đồng thành-phố Chợ-lớn, tổ-chức Tư-Pháp ; biệt-lập quyền Tư-pháp khỏi quyền hành-chính, lập Tòa kháng-án giao cho Tòa Thượng-thẩm Saigon phụ-trách ; lập các Tòa-án sơ cấp, lập chương-trình khuyếch-trương các hệ-thống kiều-lộ trên bộ dưới nước. Cải-cách thuế-khóa ; định thuế thổ-trạch và thuế thân ; bãi bỏ các sưu-dịch v.v...

Ngoài ra viên Thống-đốc này còn chú ý đến việc thâu-nạp dân bản-xứ vào các cơ-quan hành chính, cải-thiện đời sống vật-chất và tinh-thần của dân chúng, bằng xây dựng nhiều trường-học để mở mang việc học.

(Nếu so sánh với các Thống-đốc sau Le Myre de Vilers thì ông này trong 4 năm đã làm được nhiều việc hơn cả (P. Cultru).

Sáu năm sau với Ch. Thomson Filippini, Pháp lập được đường xe lửa Sai-gon — My-tho. Đến năm 1887. Pháp hoàn-thành được việc chiếm-hữu toàn bộ Việt-Nam và Mên-Lào, do Sắc lệnh-ngày 17 tháng 10 Tổng-thống Pháp đặt bán-đảo Đông-Dương dưới quyền thống-trị của một vị Toàn-quyền và dưới viên Toàn-quyền mỗi xứ của Đông-Dương có một viên Thống-sứ.

Thay mặt viên Toàn-quyền, riêng ở Trung-kỳ vị đại-diện này được gọi là Khâm-xứ cho có sự trịnh-trọng hơn nhưng cấp bậc thực ra cũng ngang với các Thống sứ mà thôi. Viên Toàn-quyền đầu tiên ở Đông-Dương là Constans.

Dầu muốn, dầu không, chế-độ Việt-Nam độc-lập đã nhường chỗ cho chế-độ Pháp-thuộc, bộ mặt của Việt-Nam trên mọi khía cạnh vẫn phải thay đổi để đồng-hóa với bọn người xâm-lược ở những nơi chiếm-đóng. Riêng đối với xứ Nam-Kỳ, nếu nói về tình-trạng cũ mới hay các biến-chuyển thì phải nói vùng này từ ba thế

kỷ trước đã trải nhiều sự thay đổi. rồi : Khi còn là Thủy-chân-lập, xứ này hoàn-toàn nằm dưới quyền của người Mên. Chánh quyền xứ chùa Tháp không có mở mang gì đáng kể nên đâu đâu cũng là bùn lầy nước đọng, rừng-rú hoang-vu, ma thiêng nước độc cho tới khi quân dân Việt-Nam di-cư vào Mô-Xoài khai phá dần dần, xứ này trở nên quang-đãng nhất là từ khi chánh-quyền Việt-Nam được thiết-lập đầy-đủ và hoàn-toàn ở đây. Người Việt. Tàu, Khơ-me, Chàm gặp nhau ở địa-phương này, sống chung với nhau, lăn-lộn với nhau. hợp-chủng với nhau. Rồi vì hiện-tượng nói trên. mỗi thành phần dân tộc chịu một phần nào sự đồng-hóa với nhau. Vai trò đồng-hóa các thành-phần khác mạnh nhất thuộc đám người Tàu tị-nạn chánh-trị (con cháu Mạc-Cửu) vì họ có một trình-độ văn-hóa cao-hơn. Điều đó không đáng lạ nếu xét đến đám đồng-bào của ta thuở đầu tiên bước chân vào miền Nam phần nhiều là quân nhân hoặc những người nghèo, những kẻ ít học hay vô học, còn đa số là các dân tù-đồ mà vua Chúa miền Bắc mỗi khi Nam-tiến lại phái thêm vào để khẩn hoang các khu vực đã chiếm được.

Còn kể gì khi văn-hóa Tây-phương theo gót đoàn quân viễn-chinh qua xứ này ! Văn-hóa này đang tràn đầy sinh-lực, lẽ tất-nhiên nó lôi cuốn tất cả cái gì nó gặp trên bước đường đi của nó và cũng dĩ-nhiên những thành-phần chủng-tộc nào kém hèn nhất thì bị lôi cuốn trước nhất. Rồi trên ngã ba đường, giữa cuộc tiếp-xúc Đông-Tây, sau khi trật-tự của Nguyễn-triều sụp đổ ta đã thấy diễn ra nhiều chuyện lố-lăng đáng cười mà cũng đáng tủi.

Những nhân vật mới của Nam-Kỳ thuộc Pháp

Để có người giúp việc trong các phòng, sở thuộc phủ Thống-đốc hay các cơ-quan Hành - chánh địa-phương, Pháp lựa một số học-trò lớp nhất của các trường tỉnh đem về rèn luyện tại trường d'Adran (tức trường Taberd bây giờ) cấp giầy mũ quần áo kiểu Tây và ít nhiều phụ-cấp để tiêu vặt vì bọn học-trò này đã được ăn ở ngay tại học-xá. Do sợ chánh-quyền Việt-Nam có thể trở lại nhiều thanh-niên nhà giàu phải mướn người đi học thay mình nên sau này người đi học mướn có dịp làm phủ, huyện. Ra khỏi trường trên đây, nếu ai muốn được lương nhiều (6 đồng bạc con ó : piastres en argent décorées de l'aigle mexicain) thì đi làm thầy giáo, nếu làm

thông-ngôn thì lương ít hơn, tuy vậy làm thông-ngôn thì có bổng ngoại do những món tiền « lo lót » ở cổng sau. Đã thế thầy thông-ngôn nếu được lòng quan Tây dễ được cất nhắc sau ít năm vào các địa-vị hành-chính từ phủ, huyện, chủ-quận đến Đốc-phủ-sứ (qua một kỳ thi chiếu lệ). Nhiều thầy thông-ngôn đã thét ra lửa, mửa ra khói bên cạnh các quan Chánh tham-biện Pháp. Đồng-bào ở đây đã phê bình thái-độ của lớp quan-lại mới của Nam-Kỳ thuộc Pháp là « *oai như giặc, oai thấu trời, oai hơn ông ghẹ* » thì đủ rõ bọn tay sai của Pháp thuở đó đã khủng-bố nhân dân ghê gớm tới mức nào.

Vợ các ông quan « *bạch ốc phát công khanh* » ấy được gọi là cô Thông, cô Huyện cũng hay mượn thế chồng tác yêu, tác quái với bà con không kém.

Buổi đầu Pháp chia loại thư-lại này ra làm hai hạng : hạng thư-ký soái-phủ (Secrétaire du Gouvernement) tức là thư-ký chánh-ngạch lãnh lương quản-hạt và hạng thư-ký địa-hạt (Secrétaire régional) lãnh lương địa-phương. Loại này kém vế hơn bọn thông-ngôn, buổi đầu gồm các học trò lớp nhất, chưa đỗ-đạt nhưng sức học đủ dùng để phục-vụ các quan Tây trong các guồng máy thuộc-địa. Dân gọi vợ các thầy thư-ký này là « *thím* » để phân-biệt với tiếng « *cô* » hách hơn. Sau này chức thông-ngôn chỉ đặc-biệt dùng gọi các thông-dịch-viên bên Tòa-án còn thảy đều liệt hết vào ngạch thư-ký. Vì chức Tham-biện người Pháp bấy giờ chưa sõi tiếng Việt, số phận dân đen khốn nạn nhiều ít đều tùy ở từng lời từng chữ của thầy thông-ngôn. Người dân sợ thầy thông hơn sợ quan Tây râu sồm và thường phải chạy tiền chạy bạc trước khi ra hầu tòa, nếu không thì việc thua kiện là điều cầm chắc. Rồi cũng có khi vì thầy thông-ngôn bất tài mà dân mất cồ mất đầu hay tù tội như chơi không ít.

Đồng-bào đã có mấy câu vè về các thầy thông như sau :

Các ông Tham-biện đương-đàng,
Tiếng Nam người biết, điếm đàng khó qua ;
Ông nao chẳng biết tiếng ta,
Ở ngoa-ư-bố[1] nói ra nói vào,
Quê mùa làng xóm chú nào,
Tới dinh hầu việc đã nao hết hồn.

(1) Mấy chữ này là tiếng lóng của Thiều-châu. Tác-giả « *Sai-gon năm xưa* » cũng không tìm ra nghĩa.

Nên hư nhờ tiếng thông-ngôn,
Đưa lên cũng phải lấp chôn bao nài,

Với các thầy thông dân đã mệt, có khi dân còn phải luồn lọt đám vợ Tây, me Tây cũng hết sức tủi nhục :

Lâm cơn nhờ có « cô Hai »
Đưa vào liệu việc, bẩm ngài mới an,
Xem qua chẳng có hứ ngang (1)
Làm lơ chẳng bẩm cho làng được ơn,
Đáng vì thúc bá lâm cơn,
Mầy tao, quát nạt, quẳng đơn vội vàng.

Trong lớp người làm phách, oai như trời, hách như giặc còn cái chú lính tập và lính mã-tà;

Nhiều khi khó nói long-đong.
Ở gần lính tập hết trông ăn làm.
Đi đâu có lũ có đàn,
Rượt gà, bắt vịt, phá hoang bí bầu,
Bán buôn chúng đã lắc đầu.
Mười tiền trả bảy, ai hầu dám kêu !
. . . . . .
Đời ôi, nhiều nỗi bợn nhơ.
Ma-tà có chú hay quơ, hay quào.
Giận ai gươm súng phao vào,
Báo quan nhà nghịch, vây rào x.t coi.
Quan bèn tưởng thật dấu noi,
Phú sai đi bắt xét lòi súng ra.
Đặng tang rồi mặc ý ta,
Quơ đồ ráo cạo đoạn già (2) dẫn đi...

Dân chúng bất mãn với bọn bồi Tây hay dọn bàn cũng để lại những câu sau đây :

Đáng thương mấy chú dọn bàn,
Nhiễu điều, giầy vớ, xênh-xang với đời.
Đứa nghèo bắt chước làm hơi,

1) Tiền làm lễ «*vi-thiềng*»
2) Đoạn già dẫn đi là đóng gông dẫn đi. Đoạn là rồi; Già là cái gông.

Tuy người quân tử sánh chơi không bằng,
Ra vào làm bộ hung-hăng,
Xét ra mới biết là thằng dọn cơm.
Kìa bày thúi địt còn thơm (1) !!!

và dân-chúng cũng không quên vạch mặt, chỉ tên lũ gái điếm cũng dựa hơi bọn ngoại-quốc mà lên mặt lên chân.

Một đêm chẳng biết mấy chồng
Chà-và, Ma-ní cũng đồng «lội» qua!
Ngày thì hớn-hở vào ra
Ai xa xem thấy : Chị Ba ngoắt vào,
Đẹp lòng tạm bạn liễu đào,
Cửa quyền thông-thả chú nào bầm thưa,
Coi ai thất thế thơ-mơ,
Thấy không cung kính vào thưa vội-vàng,
Để tao nói với ông quan,
Mày là kẻ nghịch, khám đường chung thân.
Ai mà chẳng nghĩ thiệt hơn,
Muốn chi đặng nấy, chẳng đơn từ gì.

Saigon bấy giờ còn một lớp người nữa để khủng-bố dân-chúng. Đó là bọn « *Bồn-kèn* ». Danh-từ kỳ-cục này chỉ bọn du-côn ở nơi lính Pháp thổi kèn. Bọn « *Bồn-kèn* » gồm bọn bồi bếp của các quan Tây mà dân gọi là « *Lang-sa* ». Họ hay cậy thế chủ ăn hiếp bà con hàng phố, nhất là quen tranh hùng, tranh bá với các tay du-côn khác ở các vùng Paul-Bert cũ, xóm Khánh-hội (anh chị bến tàu), xóm Mạc-má-hồng *(đường Mac Mahon)* hay Lăng-xi-Bê *(đường Blancsubé)* Bấy giờ họ chưa có súng sáu *(tục gọi là chó lửa)*, họ dùng bàn tay sắt, củ chì, roi gân bò hoặc dao tu để vạch mặt đối-phương cho thành thẹo (*sẹo*).

Danh-từ du-côn có lẽ phát-xuất ở chỗ chúng thường dùng những chiếc gậy ngắn *(đoản-côn)* bằng đồng, bằng sắt hay bằng gỗ. Một thời chúng quá lộng rồi bị bắt bị tù, muốn dễ chạy án chúng bỏ thứ vũ-khí kề trên mà dùng chiếc ống tiêu bằng đồng khi hứu sự cũng dủ xài, và khi cơm no rượu say lại mượn chiếc ống tiêu đó để kề thơ « thầy

1) Xin phép chép nguyên-văn để độc-giả rõ phản-ứng của dân chúng.

sáu Trọng », thơ « Thầy Thông Chánh bắn Biện-lý tây ở Trà-vinh » hoặc « thơ Cậu Hai Miên » con của Lãnh-binh Huỳnh-công-Tấn...

Cách ăn mặc, nhà cửa, phố-phường ở xứ Đồng-Nai cũng lần lần thay đổi, dĩ-nhiên là lố-lăng trước con mắt của con người chế-độ cũ. Cho tới cuộc Âu-Châu đại chiến thứ nhất (1914-18) một số thầy thông, thầy ký trong vùng thuộc Pháp còn có ít nhiều đầu óc thủ cựu thì mặc áo xuyến đen dài, khăn đóng «suối đàn» giầy Hạ-châu để lót lông ngựa (giày này của Tàu. Người Quảng-đông gọi là giày mạ-mị tức là giày mã-vĩ) hoặc giày hàm ếch cườm chữ-ngẫu đặt tại Gò-công. Một số đã «*Âu-hóa*» thì mặc áo bố trắng cổ đứng. nút tra chuỗi hồ phách, đầu đội mũ «*casque secrétaire*» của hiệu Paul Canavaggio, chân dận giày Tây (gọi là ăn-phón (1) tay sách ô lục-soạn đen cán sừng trâu. Khi nào được chụp hình đứng bên quan Chánh thì thắt thêm chiếc «cà-ra-oạch» (cravate). Cái áo «*bành-tô*» (paletot) kề trên đây của mấy Thầy và chiếc áo thun (của mấy anh bồi, bếp) đã làm nảy ra câu vè chua-chát dưới đây :

Bành-tô đánh chết xử huề,
Áo thun chạy lại đứng kề bành-tô,

Mấy anh bồi, bếp của các quan Tây thì nịt dây, nịt nỉ chống một gang tay, tám nút đen chạy thành hàng dọc từ ngực chạy xuống, quần lục-soạn trắng. Họ quấn khăn nhiễu trắng quanh đầu, giắt lược đồi-mồi khác mấy thầy nhiều chữ nghĩa chít khăn lụa xanh (thuở ấy mấy ông bà già gần đất xa trời quấn khăn lụa đỏ).

Mấy dì Thiều-Châu ở Chợ-lớn thì đầu hớt tóc thả bánh lái « *ba vòng một ngọn* » nhai trầu toe-toét, móng tay để dài, mỗi lần xỉa thuốc thì cố-ý vểnh ngón tay cho thiên-hạ loé mắt vì cà-rá hột soàn. Có dì đeo nhẫn vàng quấn kiểu « *cửu khúc liên hoàn* », vai vắt chiếc khăn rằn-ri Nam-vang để lau trầu, khác mấy cô me Tây quấn hạt vàng gần như gãy cổ, tay đeo suyến vàng chạm kiểu « *nhất thi nhất họa* » Áo mặc thì mớ bảy, mớ ba, tóc xức dầu cô Ba thơm nực.

Thú ăn chơi thuở đó là chiều chiều ngồi xe song mã đi hứng gió ở «*Lăng-Tô*» (Lăng-Thọ nói theo dọng Tây) hoặc ngồi xe cao-xu bánh

1) Ăn-phón : en France

đặc ra nhớn-nhơ ngoài bến tàu. Ngoài ra còn cái thú xem hát bội và đánh bài, bạc.

Hai hạng người cũng thuộc giới ăn chơi và thuộc th nh-phần ưu-đãi của Nam-kỳ thuộc Pháp bấy giờ là mấy chú kép hát bội (nhờ các dì, các thím bao bọc) mấy chú thợ bạc nên cũng nghênh-ngang chẳng kém ai.

Thông ngôn, ký lục, bạc chục không màng
Lấy chồng thợ bạc đeo vàng đỏ tay!

Và ngứa mắt về cử-chỉ của mấy chú kép hát, người ta đã có bài thơ như sau (1) :

Nhỏ mà không học lớn làm ngang,
Trống đánh ba hồi đã thấy quan!
Ra rạp ngồi trên ba đứa hiệu,
Vô buồng đứng với mấy ông Làng.
Mượn mầu son phấn ông kia nọ.
Cỡi lớp cân đai chú điếm đàng.
Tuy chẳng ra chi nhưng cũng sướng :
Đã từng trợn mắt lại phùng mang!.

Saigon cũ và Saigon mới

Các bạn coi chương này đã thấy những nhân-vật mới của Nam-Kỳ thuộc Pháp nói chung. Saigon nói riêng trong giai-đoạn đầu, khi xứ-sở Việt-Nam chịu cái nạn thay trò đổi cảnh. Hiện-trạng này nên coi là một sự-kiện tất-nhiên bởi khi một trật-tự cũ đổ sụp, một trật-tự mới vừa dựng lên bao giờ cũng có một đám người ham danh lợi, bọn đàng-điếm, lưu-manh ùa ra để đầu cơ tình thế.

Hanôi, Thủ-đô miền Bắc sau 1947, khi Pháp trở lại cũng còn diễn ra hiện-trạng trên đây nên đã có câu :

Ba que, sỏ lá đầy sông Nhị
Mật thám, ma-cô chật núi Nùng.

Về nhân-vật thì có sự thay đổi như vậy, về thành-phố đường xá,

(1) Bài thơ này của ông Tú-Quì nhưng nó còn có ý nói móc bọn quan « *nhảy dù* » thuở ấy, nhưng thời nào mà chẳng có loại «*bạch ốc phát công khánh!*».

nhà cửa cũng có sự biến-di rộng lớn. Quả vậy Saigon khi còn thuộc địa-phận hay vùng lân cận của cái thành mà vua Minh-Mạng dựng lên thay cho cái thành làm theo kiểu Vauban của Victor Olivier de Puimanuel đã không còn như xưa nữa. Quân-đội viễn-chinh đã san phẳng thành này sau khi Nguyễn-tri-Phương với 12.000 binh sĩ của ông đã thảm bại ở trận-tuyến Kỳ-Hòa.

Chánh-danh vùng Saigon gọi là Bến-nghé (Ngưu-tân) (1). Nó còn tên cũ nữa là Tân-bình-giang chạy dài từ khu Chợ-quán tới đền Hiền-trung (Pháp dịch là *Temple de la Fidèlité*) và xưởng Thủy-quân (*Arsenal*) đền Hiền-trung do Thế-tổ nhà Nguyễn (*Gia-Long*) dựng lên để kỷ-công sự-nghiệp bọn người đã hy-sinh cho vương-nghiệp của mình sau khi đã nhất-thống được nước nhà từ Nam ra Bắc. Trong đền này có cả bài-vị của người thủy binh Pháp là Mạn-Hòe (*Manuel*) và đền ở vào khu thành Ô-Ma (Camp des mares) nay là Trụ-sở của nha Tổng Giám-đốc Cảnh-sát Công-an và Ủy-hội Quốc-tế.

Sai-gon ngày nay gồm ba vùng xưa kia là : vùng Miên (*Phú-lâm*) vùng Tàu (*Đề-ngạn*) và vùng Việt (Bến-nghé) liên-lạc với nhau bằng các sông, ngòi nhiều hơn là bằng đường đất. Ngày nay các thủy-đạo bị lấp hầu hết.

Trong thành cũ đại-khái có những nơi và cơ-quan sau đây : a) hành chính có Dinh ông Thượng, Trường thi, Trường tiền (*chỗ đúc tiền*) Hoàng-cung, Pháp-trường. b) Quân-sự có Cơ xưởng, Thủy-trại (*arsenal*), Trường diêm (có phải kho đạn là dinh Tân-xá cũ chăng ?) Cơ dinh, Mô súng (*Đồng tập-trận*), khu lương-thực (*Cầu kho*). Các cơ-quan dưới đây ở vùng phụ-cận khu Hành-chính là khu cao ráo nhất. c) Phố xá của dân-chúng ở san-sát hai bên bờ kinh, rạch nước đen sì, hôi-hám vô cùng. d) Phía xa là khu Chợ-lớn. Theo cuốn

(1) Bến-nghé có sự-tích như sau : Ngày xưa vào đời Miên-triều Sai-gon còn ở trong tình-trạng hoang rậm trâu rừng hay len-lỏi đến đây... Nửa đêm có đàn nghé lạc mẹ kêu gọi rầm-rĩ.

Trâu mẹ đi tìm con nóng ruột vì tình mẫu-tử hợp với đàn trâu có ruồng phá lung-tung. Rạng đông con rạch được khai thông nên người ta lấy chuyện này đặt ra tên « *Kompong Krabei* » sau ta dịch là Vàm Bến-nghé. (*Theo Gia-định thống chí* do Trịnh-hoài-Đức).

CHÚ-THÍCH : Khi quân Pháp chính-thức chiếm Nam-Kỳ làm thuộc-địa đền Hiền-Trung bị phá tan nay không còn vết tích gì nữa.

« *Annuaire de la Cochinchine* » vào năm 1865 tức là hồi Tây mới đặt chân vào xứ Đồng-nai, Sai-gon có độ 40 làng ở dài theo dọc sông Bến-nghé.

Đó là các làng: Hòa-Mỹ, Tân-Khai, Long-Điền, Trường-Hòa, Mỹ-Hội, Nam-Chân, Long-Hưng, Cầu-Kho, Chợ-Quán, Tân-Kiềng, An-Bình, Hòa-Nghĩa (Trường-thi) v.v...

Đi từ Rạch Thị-Nghè (Avalanche) tên chữ là Bình-trị-Giang đến kinh Bến-nghé *(Arroyo chinois)* ta thấy cả thảy là 4 ấp:

1) Xóm Hòa-Mỹ tức Xóm thủy trại (Arsenal)

2) Xóm Tân-Khai

3) Xóm Long-Điền

4) Xóm Trường-Hòa (giáp đường Công-lý ngày nay)

Thành phố Sài-gòn thuộc vùng thôn Mỹ-Hội, kề từ mé kinh cây cám chạy tới ranh làng Tân-khai. Làng này tục gọi là chợ Sỏi hoặc vàm Bến-nghé giáp-giới với đường Tràng-tiền (mé sông lối Cầu Mống). Trước đây theo dọc mé sông, cư-dân ở sát lề đường và cả trên nước như ta thấy ở vùng Chợ-lớn ngày nay (hiện nay còn giãy nhà làm theo kiểu nhà sàn dựng trên những cọc đóng sát bờ sông làm cho sông hẹp đi).

Xóm Hàng đinh *(bán đinh)* ở vào lối vườn hoa trên đường Tự-do bây giờ. Ở đây đường đi chật hẹp, nhà cửa lụp-sụp từ bờ sông vào đến dinh ông Thượng, lơ-thơ mấy chòm cây cau.

Năm 1860 gần đường Nguyễn-văn-Thinh cũ (*d'Ormay cũ*) người ta thấy một ngôi chùa cổ mái cong cạnh một quán uống rượu của bọn lính Tây, ban ngày có căng một tấm màn trắng phau.

Trước tòa Đô-chính bây giờ, thuở ấy có một con kinh nhỏ trên có xây một cái cống gọi là «*Cống cầu dầu*» vì xóm này bán dầu lạc (*phọng*) để thắp đèn, con kinh này sau bị lấp và ngày nay thành đường Nguyễn-Huệ (*Charner*) hồi đó gọi là đường « *Kinh lấp* ». Trên con đường kinh lấp có một ngã tư đụng với con kinh khác sau thành đại-lộ Bonard (*nay là Lê-Lợi*) vào thời Pháp vẫn là một khu lịch-sự hơn cả. Ngay đầu ngã tư này nay có bồn nước trước tòa Đô-chính, người Pháp có xây một cái bệ cao hình bát-giác vào khoảng năm 1920. Lính

Pháp đến đây mỗi chiều thứ bảy để trổi nhạc Tây, đồng-bào ta kéo tới nghe rất đông đúc và vui-vẻ. Nơi này có tục danh là «*Bồn-kèn*» từ đó.

Cuối đường Tự-do, tại bến đò qua chợ Thủ-thiêm xưa có Thủy-các và Lương-tạ là nhà tắm của vua cất trên bè tre. Dân-chúng của ta gọi là Bến-ngự, dân Miên gọi là Kompong-luong, sau người Việt phiên-âm ra Tầm-phong-long trong các sớ tấu.

Ở bên Thủ-thiêm xưa ta có một thủy trại (đối chiếu với xưởng thủy-quân) là nơi ta đóng tàu chiến và thuyền chiến của ta cũng gần ngay đó. Dân quen gọi là «*Xóm-thủy*» hay «*Xóm Tàu-ô*». Một bọn người Tàu thật ra là hải-phỉ đã qui thuận chúa Nguyễn và được giao nhiệm-vụ đi tuần ngoài khơi cho chánh quyền. Thuyền của bọn này trương buồm đen nên người ta kêu là Tàu-ô. Tuy vậy bọn này nhiều khi vẫn còn giữ tính nết cũ hoặc vẫn làm việc cướp-bóc, hoặc làm phách, làm tàng, nên dân-chúng ít ưa chúng.

Ngang với Thủ-thiêm, bên này bờ sông là cơ-xưởng «*Ba-son*» có lẽ do danh-từ Pháp là «*Mare aux poissons*» gọi tắt đi thành tiếng «*Ba son*» để Việt-Nam-hóa cho dễ nói. Xưa nơi này có nhiều chỗ hầm hố như hồ ao, người Pháp phải bỏ ra 7 triệu quan để lấp rồi dựng lên một cái ụ tàu «bassin de radoub» để sửa chữa tàu bè khỏi phải đem về bên chính-quốc.

Năm 1864 Pháp xây xong dinh Thượng-Thư, gọi thay danh-từ «dinh Đồng-lý nội-vụ» (Direction de l'Intérieur) dần dần thành «dinh Thủ-hiến Nam-Việt» rồi đổi qua «Tòa đại-biểu Nam-phần» nay là trụ sở của Bộ kinh-tế Việt-Nam Cộng-hòa.

Năm 1864 Pháp lập vườn Bách thảo — do một nhà Thực-vật-học, ông Pierre trông nom từ 1865 đến 1877.

Sông Thị-nghè giáp với rạch Bến Nghé. Ở chỗ hai sông ráp nhau có một miếng đất ăn ra ngoài. Pháp dựng ở đây một cái cột cờ tên gọi là «*Cột cờ Thủ-ngữ*» (mat des signaux). Ở đây phong cảnh đẹp lại có gió mát về Ô-cấp thổi về quanh năm Người ta lập một cái quán rượu để đón tiếp các khách đi hóng mát rồi đặt tên cho nơi này là «*mũi đất của bọn tán dốc*» (pointe des blagueurs).

Buổi đầu Pháp mới có mặt ở Saigon, vào đời Thủy-sư Jauréguiberry, Pháp thiết-lập một số cơ-sở gần vùng nhà thương Đồn-đất có

tính cách tạm bợ như dinh Đề-đốc, Quân-y-viện, Thánh-đường, nhà in v. v... chỗ Thư-viện quốc-gia bây giờ thì có sở Kho-bạc và nhà Bưu-điện còn một trại binh-sỉ nữa ở vào chỗ Trường-thi.

Ngang Thủ-thiêm, gần xóm thủy-trại có một cầu tàu gọi là Cầu-Gọ hay Cầu-Quan bởi trong xóm có nhiều nhà của quan viên. Trước khi đi đến kho đạn cũ chạy theo bờ thành gần cửa Đông «*Phan-yên-môn*» có một con kinh nhỏ chạy dài tức là Kinh Cây Cám, chạy đến đường Lê-thánh-Tông đi ngay sở pháo thủ (Pyrotechnie) qua sở công-binh (Genie) là hết. Con kinh này, khúc nối dài tới Chợ Cũ thì gọi là «*Kinh chợ Vải*» (vì đây bán vải). Chỗ ngang nhà hàng Charner có một cái giếng gọi là «*Giếng chợ Vải*». Kinh chợ Vải chạy tới mặt tiền tòa Độ-chính. LA, August 17, 2017

Những con đường như Bonard, Charner, de la Somme, Pellerin xưa kia xét ra đều có kinh, rạch chằng-chịt sau lấp đi dần, kể cả chợ mới Saigon (lính Pháp gọi là Marais Boresse), cả chỗ khám đường cũ. Thường thường ở mấy vùng này thuở đó cũng đào sâu xuống vài thước là thấy bùn non, làm nhà cho chắc thì tốn công, tốn của, mới dựng nổi móng.

Tại chỗ Tòa-án hòa-giải hiện nay, trước kia có ngôi Thánh-đường thờ «*Đức Mẹ vô-nhiễm*» hoàn thành vào năm 1863. Cũng nơi đây xưa là pháp-trường.

Dinh Tổng-Thống, dinh Cựu Phó-Soái, Tòa pháp-đình đường Công-lý xưa đều do lính công binh Pháp xây cất. Riêng với phủ Tổng Thống, Pháp tốn đến 4 triệu đồng, đáng kể là một số tiền lớn bấy giờ. Cái nhà cao nhất bấy giờ là Sở Trước-bạ trên dưới là ba tầng, còn kiên-cố nhất là Nhà thờ Đức Bà, nhà dòng tu-sĩ (*Presbytère*). Nhà Phước thánh nhi (*Sainte Enfance*), nhà dòng Saint Paul de Chartres tương truyền do ông Nguyễn-trường-Tộ vẽ kiểu và trông coi việc xây dựng.

Trường dạy các quan cai-trị (*Tham-biện*) gọi là Collège des Interprètes xưa ở chỗ Sở cọp sau này mở rộng trở nên trường Sư-phạm (Ecole Normale des Instituteurs nay là trường Trung-học Võ-trường-Toản).

Công trường kỷ-niệm chiến-sĩ trận vong cũng có từ 1878 duy sở nấu thuốc phiện trên đường Hai Bà Trưng, cầu Mống qua Khánh-hội,

cầu Quây qua bến Nhà Rồng không rõ có từ bao giờ, nhưng chắc cũng đã khá xưa rồi.

Con đường từ mé sông chạy vào Chợ-lớn xưa gọi là đường dưới. Pháp gọi là đường thấp (*Route basse*) vì nó ở chỗ thấp so với đường Gia-long ngày nay. Cứ coi đường Lê-Lợi bây giờ chạy tuốt dọc theo đường xe lửa đi Mỹ-tho thì rõ.

Con rạch đi theo đường nay là rạch Bến-nghé. Do người Minh-hương ở đây đông đảo, Pháp đặt cho cái tên là « *Arroyo chinois* ». Nơi sầm-uất hơn cả là khoảng từ Cột cờ Thủ-Ngữ chạy đến Cầu-Mống, nhà cửa có tiếng là sang hơn cả. Sự thực chỉ có khác là cột thì bằng gỗ tốt thay cho cây tràm, vách gỗ thay cho vách đất, mái ngói thay cho mái tranh.

Từ Cầu-Mống đến chợ Cầu-ông-Lãnh là địa-phận làng Long-hưng-thôn chạy từ Rạch Cầu-Kho đến đại lộ Nguyễn-thái-Học.

Con đường Boresse nay là đường Bác-sĩ Yersin trước kia, hai bên có chòi lá lụp-xụp, ẩm thấp có đủ mặt dân Chàm, Mên, Lèo xưa bị bán làm nô-lệ sau được Pháp giải-phóng Rồi đây là nơi tụ họp của bọn gái mãi-dâm làm ăn công khai từ chiều tối đến đêm khuya để kiếm năm cắc hay đồng bạc là quý lắm rồi. Nhưng Saigon bấy giờ còn một số đĩ Quốc-tế từ Âu-châu qua : Hy-Lạp, Lỗ-ma-ni, Ba-nhĩ-Cán v.v... không thích trà-trộn với gái Boresse nên đã thiết-lập tổng hành-dinh ở đường Fillipini, Lê-Lợi và Mac-Mahon. Gái Nhật-Bản thì làm ăn ở vùng bót cảnh-sát quận 2 đến chợ Cầu-ông-Lãnh.

Khỏi Cầu-ông-Lãnh thì đến Cầu-Muối (vì ghe chở muối đến bến này). Khỏi Cầu-Muối đến Cầu-Kho (vì có kho thóc dân nạp cho nhà vua theo thuế-lệ) rồi đến Cầu Bà-Đô, Cầu-Hộc (Cầu-Hộc là nơi giao-dịch với các thuyền từ miền Trung vào Hộc là cái đấu vuông để đong lúa. Cầu có tên này là vì có cái giếng miệng xây vuông như cái hộc). Từ cầu Hộc trở vào chút nữa là đến Dưỡng đường Chợ-Quán thuộc làng Tân-Kiềng tục danh là Xóm Lò Rèn, Thợ Vắp. Nhà thương Chợ-Quán cất trên đất xưa thuộc Phú-hội-thôn. Khỏi đường Chợ-Quán một quãng có một cái cầu dùng làm biên giới cho làng Đức-lập và Tân-châu tục danh là Xóm Cầu-xa. thêm một quãng nữa là An-bình-thôn tục danh là Xóm dầu (bán dầu lạc) Từ Xóm dầu chạy vào tới nhà máy xay cũng còn là làng An-bình. Đối diện bên

kia là làng An-hòa. Tại đây có con rạch tên là Rạch bà Tịnh chạy ra tới đường Võ-Tánh hiện nay.

Bên kia rạch Bến-nghé : Chạy theo dọc Bến-nghé là làng Khánh-hội, Tân-vĩnh, Vĩnh-khánh, Bình-xuyên và Tứ-xuân. Giáp Tứ-xuân là Rạch Ông Bé, tục danh là Xóm Te (Te là giỏi để đánh cá) làng An-thành, làng Bình-hòa tục danh là Xóm Rớ (Rớ là thứ lưới cất lên cất xuống), làng An-hòa-đông, Hưng-phú (Xóm than) rồi tới Chợ-lớn. Từ xóm này trở vô, nhà sàn hai bên mé sông mọc san-sát, ghe thuyền Lục-tỉnh lên đông vô vàn, quà bánh bán đến khuya, tiếng gái rao hàng lanh-lảnh lẫn với tiếng hò không ngớt đủ rõ vùng này sầm-uất và nhiều sinh khí.

Dọc theo kinh Chợ-lớn người ta phải ngạc-nhiên vì thấy nhiều cầu cao cẳng. Đó là một điểm rất đặc-biệt của khu này. Những cầu này dựng lên để dân hai bên bờ kinh đi lại khỏi phải dùng đò và cầu phải bắc cao thì ghe thuyền lớn qua lại khỏi bị cản trở. Do nhu-cầu kể trên ta thấy khá nhiều cầu : Cầu Xóm Chỉ (ngay con đường Tản-Đà), Cầu Chợ-lớn (trở vào Chợ-lớn cũ), Cầu Chà-Và (vì xưa có người Chà bán vải ở đây) Cầu Xóm Củi, Cầu Ông-lớn (xưa dân không dám gọi tên Đỗ hữu-Phương), Cầu Bóp Bình-tây qua Bình-đông, cầu Ba-cẳng (trổ ra đường Cambodge và Vân-Nam. Cầu có bực thang đi về phía Gò-công v.v...

Trong vùng Chợ-lớn có rất nhiều rạch chạy đi khắp nẻo như Rạch Chợ-lớn nối liền với Rạch Sa-giang, Rạch Bến-nghé do Kinh Ruột ngựa và Rạch Lò-Gốm. Tại ngã ba rạch Chợ-lớn và rạch Lò-Gốm có rạch kinh Vòng-thành (*Canal de ceinture*). Hồi Bonard chiếm xong Sai-gon liền cho đào kinh nối rạch Chợ-lớn đến rạch Cầu-kiệu làm thành một cái hào chạy quanh khiến vùng Sai-gon - Chợ-lớn biến thành một cù-lao có lợi về mặt phòng-thủ. Bốn ngàn nhân-công đã được huy-động vào công-tác này nhưng nửa chừng việc này lại bãi bỏ. Từ rạch Chợ-lớn từ Cầu sắt tới Lò-gốm trước kia có rạch Phố-xếp đào năm 1778 sau bị lấp đi thành Đại-lộ Tổng-đốc Phương.

Con đường kinh thủy thứ nhì là kinh Tàu-hủ (*Arroyo chinois*) đã mang lại sự thịnh-vượng cho vùng Chợ-lớn. Đó là đường thủy-vận nối thủ-đô Saigon với các sông ngòi chạy tuốt xuống hậu-giang. Các ghe thương hồ, các ghe chài chở lúa gạo từ Bạc-liêu, Bãi-xâu,

Sóc-trăng đều ngược xuôi bằng kinh Tàu-hũ để ăn hàng. Con kinh này còn là một thủy đạo chiến-lược để Pháp đưa tàu binh nhỏ vào đánh chiếm Đồn Cây-mai, sau đó Pháp lấp bỏ, kinh Tàu-hũ đã chứng kiến hai biến-cố lịch-sử đau thương nhất :

1) Thời chúa Nguyễn-Ánh bại trận ở Nam-Việt, Hoa-kiều đã giúp đỡ họ Nguyễn nên quân Tây-sơn đã trả thù, giết rất nhiều người Tàu và quăng xác xuống kinh này khiến luôn ba tháng không ai dám rớ miếng cá, miếng tôm.

2) Thời Pháp đánh Sai-gon, khinh-pháo-hạm Jaccaréo vào đậu tại đầu đường Tản-đà, còn một chiếc khác đậu tại Rạch Cát để bao vây đồn Cây-mai của Nguyễn-tri-Phương...

Các xóm trong Chợ-lớn có xóm than, xóm Củi, xóm Dầu, xóm Bầu Sen (gần đồn Cây-mai), xóm Giá (gần cầu Cây-Gõ), xóm Lò bún (gần giếng Hộ-tùng, trên đồn Cây-mai về phía Saigòn), xóm Rẫy Cải (ở hai bên lộ đường Lục-tỉnh) xóm Ụ ghe (Chợ-lớn mới), xóm Cây-Cui (Bình-đông). Chạy vô Chợ-lớn là con đường Trên (Route haute) nối liền Sai-gon vào Chợ-lớn. Xưa có hai đường xe lửa dùng vào việc giao thông giữa hai thị trấn: 1) Đường mé sông xe lửa chạy bằng than vận tải hàng và trái cây miệt Lái-thiêu đậu trước chợ Bến thành. 2) Đường gọi là đường xe lửa giữa sau chạy bằng điện bắt đầu từ chợ cũ Saigon đổ ra chợ mới Bến thành rồi chạy cặp với đường tàu hỏa Saigon — Mỹ-tho chạy dọc đường thủy-binh bọc theo đường Tổng-đốc-Phương ; sau xe lửa được thay bằng tàu điện (chạy thẳng vào Chợ-lớn) từ chợ Bến-thành qua đường Trần-hưng-Đạo và Đồng-khánh. Đường xe điện này được gỡ bỏ vào khoảng 1955. Vài bốn chục năm trước hai bên đường xe lửa có trồng mít, xoài xum-xê rồi dần dần các cây này bị triệt-hạ để mở rộng lối lưu thông, chỉ còn lại ngày nay những danh từ Vườn xoài. Vườn bà-lớn v. v... Đáng chú ý: cho tới năm 1913 chưa có đường bộ đi Lục-tỉnh, việc giao-thông đều do thủy đạo hết,

Đường Trên từ Chợ-lớn ra vào 1885 có Chợ Cũ ở vào xóm nhà thương Chợ-rẫy nay đã dẹp đi. Ngay cạnh đó có xóm Minh-hương ở vào khoảng con kinh lấp này thành Đại lộ Tổng-đốc-Phương tiến lên đến đường Cháo-muối (Đồng-Khánh). Cạnh Đại-lộ Đồng-Khánh ngày

nay còn một ngôi đình nguy-nga gọi là đình «*Minh-hương Gia thạnh*» (1) trong có bài-vị mấy người Minh-hương làm đại thần triều Nguyễn: Trịnh-hoài-Đức, Ngô-nhơn-Tịnh, Trần-thắng-Tài, Vương-hữu-Quang

Cạnh đường Lục tỉnh, khoảng giữa Lò Siêu và nhà thờ Cha Tam ngày nay có Đồn Cây mai ở trên có một chùa cổ tên chữ *Thiên-lãnh-tự* nguyên xây cất trên một nền chùa cổ Cao-Mên chung quanh có ao rộng và sâu sau này thành một đồn binh của Việt-Nam như ta đã rõ. (Chùa Cây-Mai (2) còn được gọi là Mai-sơn-tự). Gần Mai-sơn còn một ngôi chùa khác gọi là *Phụng-sơn-tự* tục danh là « Chùa Gò » vì cất cất trên một cái gò nổi, nước bao quanh.

Tòa Hành-chánh Chợ-lớn xưa thuộc về huyện Tân-long. Con đường chạy bên ngoài có chùa Chà-Và của người Hồi-giáo mươi năm trước còn mang tên *Rue des Clochetons* vì nó có nhánh chạy vô chùa « Kiểng-phước ». Năm 1860 chùa này được dùng làm một vị-trí kháng-chiến của Việt-Nam.

Vùng Chợ-quán gồm ba làng Tân-kiểng, Nhân-giang và Bình-yên. Nơi này có cái chợ nhóm họp dưới các gốc cây me lớn, có nhiều quán-xá. Từ đường nhà thương đi lên đến một cái ao lớn, đó là làng thợ Đúc năm xưa chuyên nghề chau lư đồng có tiếng.

Gần phủ Tổng-Thống có vài đặc-điểm như sau: Dinh Tả-quân phu-nhân thì ở trong vòng rào dinh Tổng-Thống ngày nay. Xa một quãng có nhà hoa nơi Tả-Quân ra tiêu-khiển. Nhà hát bội, bắn ná cũng ở vùng này. Xóm Lụa (dệt và bán lụa) cũng ở gần đó.

Chợ Cây Vông thì ở lối Nghĩa-địa Đô-thành tiến ra tới Cầu-Bông trước kia gọi là Cầu Cao-Mên. Trên con đường Hai Bà Trưng có một cái cầu Xóm Kiệu nay gọi tắt là Cầu Kiệu. Qua Cầu Kiệu thì tới chợ Phú-Nhuận tục danh là Chợ Xã-Tài xưa phong túc lắm vì có tới 72 cảnh chùa.

Chúng tôi tạm ngừng bút ở nơi đây để bạn đọc trầm lặng một

---

(1) Nói là Chùa Minh-hương Gia-thạnh thiết tưởng không đúng vì chùa là nơi riêng thờ Phật mới đúng.

(2) Tại Mai-sơn-tự ngày nay còn một cây Mai lớn cao tới 6 thước mọc trên đỉnh đồi, có hoa trắng, nhưng thân cây thô sơ như cây bàng, không thanh lịch như cây mai trong tranh Tàu. Riêng hoa thì ngát, cánh dày và cúp gần giống hoa bưởi.

vài phút tưởng-tượng đến Saigon năm xưa qua những lời trần-thuật trên đây. (Nếu muốn hiểu kỹ hơn về những việc biến đổi ở nơi thủ-phủ này do sự có mặt của người Pháp vào hậu-bán thế-kỷ XIX xin coi tác-phẩm « *Sai-gon năm xưa* » của Vương-hồng-Sển mới xuất-bản năm 1960)

Cho tới ngày nay nhà cửa phố-phường của Saigon đã khác xa rất nhiều và đang còn thay đổi nữa, các kiến-trúc cũ mai-một gần hết. Trò hưng vong, cảnh dâu biển diễn biến không ngừng, những ai sống giữa hai thế-kỷ XIX và XX không khỏi ngăn mối cảm-hoài khi dạo bước trên các con đường từ Saigon vào Chợ-lớn và các thị-trấn miền Nam cũng như miền Bắc.

Nặng lòng về cảnh cũ, chuyện xưa khi con sông Vị-hoàng (Nam-Định) bị lấp cũng như bao nhiêu cnộc thay đổi khác trên đất nước, ông Tú Trần-kế-Xương đã có mấy lời thơ dưới đây mà ta đọc lên không khỏi thấy một mối buồn man-mác :

Sông kia ai lấp nên đồng ?
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai.
Đêm nghe tiếng ếch bên tai,
Giật mình lại tưởng tiếng ai gọi đò.
Việc đời ngồi ngẫm mà lo,
Giầu sang có phận đói no có trời.
Ai ơi chơi kẻo già đời...

DANH SÁCH CÁC VIÊN TƯ-LỆNH QUÂN-ĐỘI VIỄN CHINH PHÁP VÀ CÁC THỐNG-ĐỐC QUÂN-NHÂN TỪ 1858-1879

Các Tư-lệnh quân đội viễn chinh Pháp

Hải quân Đề-Đốc Rigault de Genouilly, từ 31-8-1858 đến 1-11-1859.

Hải-quân Phó Đề-Đốc Page, từ 2-11-1859 đến 7-2-1861.

Hải-quân Phó Đề-Đốc Charner, từ 8-2-1861 đến 28-11-1861.

Các Thống-đốc quân-nhân Pháp ở Nam-kỳ

Hải-quân Phó Đề-Đốc Bonard, từ 30-11-1861 đến 22-4-1863.

Hải-quân Phó Đề-Đốc de la Grandière, từ 23-4-1863 đến 28-11-1863.

Hải-quân Phó Đề-Đốc de la Grandière, từ 29-11-1863 đến 28-3-1865 và từ 27-11-1865 đến 4-4-1868.

Hải-quân Phó Đề-Đốc Roze, từ 29-3-1865 đến 26-11-1865.

Hải-quân Phó Đề-Đốc Ohier, từ 5-4-1865 đến 10-12-1869.

Thiếu-tướng Faron từ 11-12-1869 đến 8-1-1870.

Hải-quân Phó Đề-đốc de Cornulier-Lucinière từ 9-1-1870 đến 1-4-1871.

Hải-quân Phó Đề-Đốc Dupré, từ 1-4-1871 đến 7-3-1872 và từ 16-12-1872 đến 16-3-1874.

Thiếu-tướng d'Arbaud từ 8-3-1872 đến 15-12-1872.

Hải-quân Phó Đề-Đốc Krantz từ 17-3-1874 đến 1-12-1874.

Hải-quân Phó Đề-Đốc Duperré từ 1-12-1874 đến 31-1-1876 và từ 7-7-1876 đến 16-10-1877.

Đại-tá Bossaut, từ 1-2-1876 đến 6-7-1876.

Hải-quân Phó Đề-Đốc Lafont, từ 17-10-1877 đến 6-7-1879.

CHÚ THÍCH: Chức Đề-Đốc hải quân ngang hàng với chức Trung-tướng. Chức Phó Đề-Đốc ngang hàng với chức Thiếu-tướng Không-quân và Lục-quân.

PHẦN THỨ BA

CHƯƠNG I

PHÁP GÂY SỰ Ở BẮC-KỲ

Từ việc thám-sát sông Cửu-long đến việc khai-thương sông Hồng-hà

Trước khi bọn người Pháp bước hẳn vào Việt-Nam, như ta biết, họ đã thuộc một cách khá rộng rãi về địa-hình địa-vật, những liên-hệ địa-dư và lịch-sử giữa ta với các lân-quốc. Họ đã vẽ được bản-đồ Đông-dương và các nước Đông-Nam Á-Châu từ thế-kỷ XVII. Sau khi chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam-Kỳ, Pháp nghĩ ngay tới việc thám-sát con sông Cửu-long mục-đích mở cuộc giao-thương vào miền Hoa-hạ (miền Nam Trung-quốc).

Năm 1866 Trung-tá Hải-quân Doudart de Lagrée cùng hai Đại úy Hải-quân là Francis Garnior và Delaporte, hai y-sĩ Hải-quân là Joubert và Thorel de Carne Ủy-viên biệt-phái của bộ Ngoại-giao thành lập một phái-đoàn đi thám-sát con sông Cửu-long trước đây đã được một nhà thám-hiểm là Henri Mouhot nghiên-cứu qua.

Phái-đoàn rời Sai-gon ngày 5-6-1866 và tới biên-giới Trung-quốc vào 16-10-1866, nhưng theo trưởng-phái-đoàn ngày 6-1-1868 viết cho Phó thủy-sư đô-đốc de la Grandière, họ phải bỏ cuộc trên quãng đường còn cách biên-giới Hoa-Việt khá xa (20 độ) vì gặp quá nhiều trở-ngại. Ông ta phải rời con sông Cửu-long rồi thả bộ tới Vân-Nam. Thất-bại với sông Cửu-long, Doudart de Lagrée liền ủy Francis Garnier đi xem xét con sông Hồng-Hà (Nhị-hà). Nhưng ở đây Francis Garnier gặp nhiều sự khó-khăn về phía dân-chúng Việt-Nam nên không tới được chợ Man-hao. Qua Hán-khẩu, Francis Garnier gặp Jean Dupuis trên con sông nhánh của Dương-tử-Giang. Jean Dupuis lúc này là một nhà buôn, trước kia hắn có mặt trong hàng ngũ viễn-chinh Anh-Pháp qua đánh nhà Thanh năm 1860. Khi triều-đình Trung-quốc ký Hòa-ước với Anh-Pháp xong thì Jean Dupuis xin ra

ngoài buôn bán. Năm 1861 Jean Dupuis đã cùng một phái-bộ Anh ngược sông Dương-tử thiết-lập ba thương-cảng trên con sông này để kinh-doanh chiếu theo hòa-ước Tàu đã ký với Anh, Pháp. Ngày 11-3-1861 y tới Hán-khẩu và đặt thương-điểm ở đây. Ngày 18-9-1861, hắn đi Vân-nam-phủ để thương-lượng việc bán vũ-khí với nhà cầm quyền Vân-nam bởi lúc này Vân-nam đang có giặc Hồi-Hồi. Y muốn đổi súng lấy kẽm với chánh-phủ Tàu. Ngày 21-5-1862 hắn trở về Hán-khẩu rồi năm 1867 hắn đi lại trên sông Hồng-hà rồi cùng với quan Tàu ở Vân-nam mưu lấy sông Hồng-hà làm đường khai-thương. Quan Tàu có làm cho y một văn-thư gởi cho qu an ta về vấn-đề này nhưng bấy giờ vụ nổi dậy của Lê-Phụng tuy đã chấm dứt do các cuộc đánh dẹp của Nguyễn-tri-Phương, nhưng các quân Cờ Đen và Cờ Vàng của Lưu-vĩnh-Phúc và Hoàng-sùng-Anh tràn sang Việt-Nam quấy nhiễu nhiều tỉnh Bắc-kỳ. Vua Tự-Đức yêu cầu các nhà đương-cục Tàu mang quân sang tảo-thanh giúp nhưng đến giờ phút đó tình-thế chưa ngã-ngũ ra sao cả. Rồi Francis Garnier và Jean Dupuis đều đồng ý về việc khai-thương con sông Hồng-hà (gọi là Hồng-hà vì sông này ở dưới đáy có cát đỏ nên nước cũng đỏ) là có đường đi lại thuận-tiện nhất và cũng ngắn nhất từ biển vào Vân-nam (biển Nam-hải do vịnh Bắc-kỳ đi vào sông Hồng-hà).

Ngày 12-3-1868, Doudart de Lagrée đau gan chết tại Lãnh-sự quán của Pháp ở Tong-tchnan-fou, bỏ dở công-tác tìm đường khai-thương vào đất Tàu. Francis Garnier được lên thay đã chịu vất-vả rất nhiều mới đi tới Ta-li-fou (230 cây số Tây-bắc Vân-nam-phủ), rồi ngày 26-4-1868 mới đến Thượng-hải. Ngày 29-6-1868 viên sĩ-quan này mới về đến Sai-gon. Thế là việc sử-dụng sông Cửu-long từ đó bỏ hẳn nhưng việc khai-thương con đường thủy từ biển Nam vào Vân-nam trở nên quyết-định hẳn.

Theo Hòa-ước Nhâm-tuất bấy giờ, người Pháp chỉ được đến buôn bán ở ba cửa biển Đà-nẵng, Ba-lạt, Quảng-yên nhưng do sáng-kiến của Jean Dupuis, Đô-đốc Dupré đã hết sức lưu-tâm đến con sông Hồng-hà và công-tác quan Tàu ở Vân-nam trao cho Jean Dupuis. Trước khi ông về Pháp nghỉ, ông phái Trung-tá hải-quân Senez mang chiếc thông-báo-hạm Bourayne ra Bắc nghiên-cứu các vấn-đề kinh-tế, chính-trị ở Bắc-kỳ còn Jean Dupuis năm 1872, không thèm nói chuyện gì với nhà đương-cục Huế, cứ trở về Pháp mua các đồ vũ-

khí cho Vân-nam. Y có đến gặp Tổng-trưởng hải-quân là Pothuau để xin giúp đỡ. Ông này trả lời : « Hiện quân Đức còn có mặt trên đất Pháp, chánh-phủ chưa thể chánh-thức giúp ông được, còn chúng tôi có giúp là giúp riêng mà thôi. Nếu ông hay người của ông bị giết, chúng tôi không chịu trách-nhiệm... ». Qua bức thư gửi cho Súy phủ Nam-kỳ, ông ta cũng ngỏ ý rằng việc giúp Dupuis có nhiều điều bất tiện. Nhưng khi J. Dupuis trở lại Sai-gon, y lại vận-động với Lục-quân thiếu-tướng d'Arbaud vừa thay Dupré thì Thiếu-tướng hứa sẽ hàng tháng có Tàu ra Bắc liên-lạc với y.

Bắc-Kỳ lúc này đang bị rối loạn nhiều nơi. Ngoài biển thì giặc Tàu ô hoành-hành. Trong đất liền thì cũng có nhiều đảng phái nổi lên lấy danh nghĩa nhà Lê lo đánh đổ chánh quyền của Tự-Đức nên Súy-phủ Nam-Kỳ phải cho chiếc tàu Bourayne ra Đà-nẵng và Vịnh Bắc-Kỳ để ủng-hộ việc buôn bán của các thương nhân Pháp.

Năm Nhâm-Thân (1872) tháng 11, J. Dupuis cùng một bạn đồng hành là Millot và người Tàu tên là Lý ngọc-Trì xưng là Tri-phủ và đại-diện của Tổng-đốc Vân-Nam từ Hương-Cảng dẫn ba chiếc tàu chạy bằng hơi nước là Hồng-Giang, Sơn-Tây, Lao-Cai chở 7.000 súng trường, 30 đại-bác, 15 tấn đạn-dược vào cửa Hải-phòng. Khâm-sai Lê-Tuấn không cho họ vào. Đi theo ba chiếc tàu kể trên có 175 tên lính Tàu và 25 quân-nhân người Âu. Lúc này Trung-tá Senez cùng một số quân-sĩ đang ra vào Cửa Cấm, Quảng-yên, Hải-dương, Kẻ-sở, Bắc ninh. (Theo ông này có Legrand de la Liraye là Giám-đốc bản-xứ sự-vụ, vài sĩ-quan hải-quân và 20 thủy-binh). Họ không bị quan ta làm khó dễ gì cả.

Ngày 19-11 Jean Dupuis gặp Trung-tá Senez ở ngoài khơi, trên chiếc thông-báo-hạm Bourayne. Hai bên đã thảo-luận với nhau nhiều vấn-đề rồi họ mời Khâm-sai thị-sự Lê Tuấn xuống dùng cơm dưới tàu. Senez ngỏ ý rằng : « Việt-Nam nên cho họ khai-thương con sông Hồng-hà, việc này sẽ đem lại nhiều điều lợi ích cho cả đôi bên Việt Pháp. Họ sẽ đánh dẹp quân phiến-loạn giúp ta, chánh-quyền Việt Nam sẽ đỡ tốn người hại của, ngoài ra tàu buôn sẽ nộp thuế qua lại thì công-quỹ của Việt-Nam sẽ được dồi-dào tiền bạc... »

Lê Tuấn yêu-cầu họ chờ ông bẩm-mệnh về Huế đã. Jean Dupuis nói trắng rằng y chỉ có thể đợi 15 ngày, nếu quá hạn, y cứ cho tàu của y ngược Vân Nam. Quả như vậy, sau 15 hôm không thấy tin tức

gì, Jean Dupuis liền cứ đưa tàu vào nội-địa Việt-Nam. Tới Ha-noi quan Khâm-mạng Nguyễn tri-Phương cũng giữ họ lại. Dupuis cãi lý : « *Y có giấy của quan Tàu, nước Việt là chư-hầu của nước Tàu thì chính quyền Việt-Nam phải tuân* » Nguyễn tri-Phương nói : « Tổng-đốc Vân-Nam không đủ thẩm-quyền ra lệnh cho chính-quyền Việt-Nam, lại nữa việc người Pháp khai-thương con sông Hồng-hà chưa hề có ghi trong Hòa-ước. Jean Dupuis vẫn không chịu. Quan ta phải nhờ Giám-mục Puginier ở Kẻ-sở lên phân-giải. Kết-cục Jean Dupuis vẫn chở hàng lên Vân-Nam được nhưng không bằng tàu mà bằng thuyền. Chuyến đi này không bị quân Cờ Đen hay Cờ Vàng quấy nhiễu gì.

Nhưng ngày 30-4-1873, y và Millot trở lại Việt-Nam và ra mặt gây sự. Lần này y mộ thêm được một số lính Cờ vàng và đưa ra một bức thư của Tổng-đốc Vân-Nam điều-đình với quan ta đừng làm khó dễ với các thương-gia Pháp. Rồi Dupuis đến đóng tại phố Mới. Cùng đi với bọn Dupuis có hai người Tàu tên là Quan-tá-Đình và Bành-lợi-Ký. Họ mua gạo, muối để tiếp-tế cho Vân-Nam. Thuở ấy nước ta có việc cấm xuất-cảng hai thứ thực-phẩm này nên khi thấy bọn Dupuis mua gạo muối, quan ta có lấy lời ôn-hòa mà khuyên can, nhưng vô-hiệu. Ta lại nhờ Giám-mục Puginier can-thiệp lần nữa cũng không xong. Dupuis còn dọa bắt quan ta nếu thuyền gạo muối của y không đi Vân-Nam chót lọt. Chính trong thư của Súy-phủ Nam-Kỳ gửi cho Lãnh-sự Pháp ở Viễn-Đông ngày 23-6 cũng nhận rằng bọn Jean Dupuis đã hành-động ở Bắc-Kỳ như một thắng-quốc đối với một bại-quốc. Chưa hết ! Jean Dupuis còn làm những việc ngang trái quá đáng hơn nữa dưới đây :

Quan Khâm-mạng Nguyễn tri-Phương làm tờ thông-cáo cấm dân chúng bán gạo muối cho người ngoại-quốc. Một tay sai của Jean Dupuis là Georges Vlaveanos bóc luôn tờ thông-cáo rồi lấy lọng che diễu đi các phố chợi, sau đốt luôn cả tờ thông-cáo lẫn lọng trước mặt dân-chúng : Nhiều cáo-thị khác cũng bị lột và đốt bỏ như vậy.

Tự-Đức cho gửi thơ vào Nam-kỳ yêu cầu Súy-phủ can-thiệp vào vụ Jean Dupuis — Nguyễn tri-Phương Bề khác vua tư sang Tổng-đốc Lưỡng Quảng xin xử-trí vụ Bành lợi-Ký và Quan tá-Đình nhưng không thấy Vân-nam trả lời. Quan ta đành phải bắt hai tên Tàu này về tội chở muối không có giấy phép của nhà cầm quyền Việt Nam

Jean Dupuis phản-ứng liền bằng cách bắt quan Phòng thành Hà-nội đem xuống tàu giam lại. Quan ta mời Jean Dupuis đến Hội quán Quảng-đông và trách y có những hành-động quá ngang-ngược (người được ủy-giao-thiệp với Jean Dupuis lúc này là Bố-chánh Vũ-Đường).

Jean Dupuis nói trắng ra rằng y chỉ cần biết quan Tàu chớ không cần biết luật-lệ của nước Việt Nam. Thật là một sự khiêu khích rồi y cứ cho 12 chiếc thuyền muối ngược sông Hồng hà. Các thuyền này bị quân ta nã súng bắt quay trở về Hà-nội đợi lệnh. Trước việc này mấy hôm Jean Dupuis đã cho Millot vào Saigon xin Súy-phủ can-thiệp.

Phó thủy-sư Đô-đốc Dupré xử-trí ra sao? Viên tướng-lãnh này đã nhìn vào vụ lôi thôi giữa triều đình Huế và Jean Dupuis bằng con mắt thế nào? Xin nhắc rằng vụ lôi thôi này kéo dài 11 tháng rồi.

Ta đã thừa rõ, bọn quân-nhân Pháp nào qua Việt-Nam mà chẳng có đầu óc thực-dân? Dân ta tính thuần-hòa, thổ-sản, nguyên-liệu nhiều, binh-lực yếu-ớt, vua quan lạc-hậu, họ không phải tốn nhiều công của cũng chiếm được nước ta thì tội gì mà chẳng ăn cướp? Đó là ý nghĩ của Dupré và là ý nghĩ chung của mọi người Tây-phương có mặt ở Việt Nam thuở đó nói riêng, qua Á đông nói chung. Vào tháng 4 và 5-1873 Dupré gởi công-điện về Bộ hải-quân cho biết con sông Hồng-hà rất tiện lợi cho việc giao-thương với Tàu. Ông ta nhấn mạnh rằng nếu có một cuộc cách-mạng xảy ra thủ-tiêu được uy quyền của triều-đình Huế ở vùng này và nếu một cường-quốc nào đến đây trước nước Pháp sẽ là điều đáng ngại. Như vậy đây là một vấn-đề tính-tử cho tương-lai của cuộc đô-hộ Pháp ở Viễn đông. Để phòng ngừa mối nguy đó, ông đề-nghị phải đặt gót ngay lên xứ này với tư-cách là đồng-minh của Tự-Đức, rồi thiết-lập chính-quyền và làm tôn trọng chính quyền đó luôn, chước này ngon lành hơn cả. Nghĩa là tránh được những sự phiền-phức với các ngoại bang.

Sau này Dupré lại sửa đổi lại ý-kiến trên đây mà ta thấy còn có một phần nào mềm-rẻo vì một nửa là biện-pháp chánh-trị, một nửa là biện pháp vũ-lực. Ngày 5-6-1873 Dupré lại gửi tiếp bức công-điện khác cho bộ Hải-quân. Lần này Dupré có ý muốn làm gấp và nóng nảy hơn. Ông ta xin dùng vũ-lực để nắm lấy trung-châu sông Hồng-hà

ngay mặc-dầu ở đây đang có nhiều sự rối-ren. Theo ý ông ta, đáng lẽ việc đánh chiếm Bắc-kỳ phải giải-quyết từ lâu. Trong giai-đoạn này giữa Pháp và ta còn có một vấn-đề chưa ổn: tuy Pháp đã chiếm xong ba tỉnh miền Tây, nhưng triều-đình Huế vẫn chưa công-nhận chủ-quyền của Pháp ở đấy. Pháp muốn ta hợp-thức-hóa tình-trạng xứ Nam kỳ thuộc Pháp, và nhân dịp làm một hòa-ước khác đòi hỏi thêm vài khoản nữa có ảnh-hưởng tai hại lớn lao cho ta về hậu lai. Các Thống đốc trước Dupré đã cố gắng vận-động rất nhiều với Huế mà vẫn vô kết-quả vì Huế quan-niệm chủ-quyền của Pháp ở Nam-kỳ chỉ là chuyện nhất thời, nghĩa là trước sau Pháp sẽ phải rút lui vĩnh-viễn hoặc sẽ có những nhượng-bộ quan-trọng cho ta và muốn được vậy, Tự Đức và các bề tôi phải bền bỉ chiến-đấu.

Vụ Jean Dupuis xảy ra, nhiều thư của Huế gửi vào Sai-gon từ tháng Giêng đến tháng 6-1873 yêu-cầu Sai-gon can-thiệp đem lại Sai-gon một cơ-hội tốt để buộc Tự-Đức ký bản hiệp-ước mới với Súy-phủ Nam-kỳ tức là với Pháp-đình vì họ nóng ruột trông chờ từ lâu.

Ngày 23-6-1873 Dupré gửi cho quan Thương-bạc (quan coi về ngoại-giao) của ta hỏi ý-kiến với các chi-tiết về ba tỉnh Vĩnh, An, Hà (miền Tây) Huế lặng im. Ngày 7-7 Dupré lại nhắc việc này lần nữa cũng cũng không có dư-âm trở lại. Nhưng vào ngày 31-8-1873 một phái-bộ Việt-Nam tới Sai-gon ngỏ ý muốn qua Pháp để xin giải-quyết vụ Jean Dupuis. Dupré nói ông ta đủ quyền lo liệu việc này, sứ-bộ không cần phải đi xa. Theo sử-gia Pháp P. Cultru, sứ-bộ có ý muốn vận-động hậu-thuẫn của một cường-quốc vào việc Việt-Nam (nước Anh, Đức hay Tàu) nhưng bị hỏi căn-vặn quá, họ thú rằng họ chỉ có ý nhờ Đô-đốc xét xử vụ Jean Dupuis bởi triều-đình Huế không biết khu xử vụ này ra sao. Dupré nói chỉ cần cử một võ-quan và một ít người ra Bắc rồi giải-quyết việc này tại chỗ. Sứ-bộ liền trở về Huế.

Sự thật mọi hành-động của Jean Dupuis đã có Millot kể hết cho Dupré biết từ ngày 18-7 trước và Dupré đã quyết ý đánh chiếm Bắc kỳ nhân có chuyện lôi-thôi này. Millot đã rỉ tai Dupré rằng Jean Dupuis đã gây sự với các nhà đương-cục Việt-Nam người Việt rất hèn yếu, chỉ cần mang ít quân lính là đánh chiếm được Bắc-kỳ rất dễ dàng Dupré liền viết thư triệu Francis Garnier về Sai-gon. Lúc này y đang rảnh việc

ở Thượng hải (22-8-1878). vì không đi Tây-tạng được bởi vì nước Tàu đang có loạn Hồi-hồi. việc cấp phát giấy thông-hành chậm trễ. Trong khi chờ đợi, y phải tạm thời đi thám hiểm con sông Thanh-giang. Việc thăm Tây-Tạng của Francis Garnier là do mục-đích tìm hiểu ngọn nguồn các con sông lớn của Đông-dương.

Ngày 9-8-1873, Francis Garnier tiếp được thư của Dupré nên vội-vã lên đường. Xin nhắc lại hồi năm ngoái (tháng 11-1872) khi Francis Garnier từ Pháp qua Sài-gòn đã đến gặp Dupré và cùng thảo-luận đến mọi vấn-đề liên-hệ tới miền Bắc. Dupré tỏ ý mến chuộng Garnier nhiều lắm và ngày 29-4 năm sau ông ta đã viết thư cho Tổng-trưởng Hải-quân khen ngợi Francis Garnier có nhiều quan-điểm rất tinh-tế về việc mở mang quyền-lợi của nước Pháp ở Viễn-Đông. Garnier bây giờ mới 34 tuổi.

Trong cuộc tái-ngộ ở Sài-gòn, Dupré bàn mang đại-đội hùng-binh chiếm lấy Bắc-kỳ. Francis Garnier can rằng việc xuất quân lớn lao như vậy sẽ làm kinh-động xứ Bắc. Các Cường-quốc ắt sẽ để ý rồi họ cũng sẽ lợi-dụng sự hèn yếu của quân-đội Việt-Nam mà nhảy vào Bắc-kỳ thì Pháp sẽ bị rắc-rối to. Rút cục hai quân-nhân Pháp quyết định như sau :

— Bỏ việc đem một Tiểu-đoàn thủy-quân lục-chiến ra Bắc.

— Garnier chỉ đem theo ra ngoài ấy một số tùy-tùng là 60 tên lính rồi thỏa-hiệp với chánh-quyền Việt-Nam mở cuộc điều-tra tại chỗ

— Điều-đình với chánh-phủ Bắc-Kinh rút quân-đội Tàu về bên kia biên-giới.

— Điều-đình với Tổng-đốc Vân-nam bảo-đảm cho việc giao-thương bằng sông Hồng-hà rồi thảo-luận về giá thuế thương-chính một cách hợp-lý.

— Giải-thích cho triều-đình Huế biết nếu nhất-định đóng cửa sông Hồng-hà sẽ có nhiều điều tai-hại, trái lại cho tàu thuyền ngoại-quốc qua lại sẽ thâu được nhiều tiền bạc cho công-quỹ và hơn thế Việt-Nam đừng quên còn cần Pháp đứng ra thu-xếp để tránh việc thống-trị của ngoại-quốc (1).

(1) Đây chỉ là một lời hăm dọa hoặc họ ám-chỉ nước Tàu, nhưng rồi họ dầy nước Tàu ra để thay thế nước Tàu thì có gì khác ? Quả vậy, về sau

Sau cuộc thảo-luận này, Francis Garnier tự tay viết ra các chỉ-thị cho mình trước khi ra Bắc như sau :

« Công việc của Francis Garnier là thiết-lập một thương-cảng ở một địa-điểm nào tốt nhất ngõ-hầu còn dùng làm căn-cứ cho những cuộc hành-quân sau này. Mở một cuộc điều-tra về các việc khiếu-nại của quan Việt-Nam và Jean Dupuis, dùng mọi quyền-lực buộc Jean Dupuis rời khỏi xứ Bắc-Kỳ. nếu y từ chối thì thỏa-hiệp với quan Việt-Nam lấy sức mạnh bắt y phải nghe theo ; Cuối cùng là Garnier cứ ở lỳ ngoài Bắc để triều-đình Việt-Nam phải lo sợ họ mà chịu ký hòa-ước mới... »

Trong dịp này Francis Garnier viết thư về nhà khoe rằng y đã được Súy-phủ Sài-gòn cho toàn-quyền hành-động ở Bắc-kỳ và y sẽ làm được nhiều việc rất có lợi cho nước Pháp.

Lực-lượng Francis Garnier đem ra Bắc ngày 12-10 có : 2 chiếc tàu nhỏ. có súng đại-bác và có thể vào các sông con được, tức là chiếc *Arc* và *Espignole*. Trên tàu *Arc* có Trung-úy hải-quân Esmez có thông-ngôn Việt-Nam và 51 thủy-thủ vừa Việt vừa Pháp. Ngoài ra còn có 30 tên Thủy-quân lục-chiến do Trung-úy Edgar de Trentinian chỉ-huy.

Chiếc *Espignole* có Trung-úy hải-quân Balny d'Avricourt làm

---

này do Hòa-ước Thiên-Tân và Fournier (1884) Tàu phải rút ra khỏi đất Việt để nhường Pháp vào làm chủ.

CHÚ-THÍCH.— Về việc đánh chiếm Bắc-Kỳ *Việt-Nam Pháp-thuộc sử* trang 205 có nêu ra chủ-trương thực-dân của bọn quân-nhân ở Saigon như sau :

« Việc Jean Dupuis gây ra ở Bắc-Kỳ, tuy Pháp-soái biết là trái với hòa-ước hiện-hành nhưng thấy đó là một cơ-hội tốt nên nắm lấy ngay. Ngày 17-7-1873 Công-tước Broglie, Bộ-trưởng ngoại giao Pháp điện sang rằng : « *Dù duyên-cớ nào cũng không được đưa nước Pháp vào việc Bắc-Kỳ* ». Nhưng Dupré vẫn quyết làm theo ý mình. Trong công-điện gửi về Bộ, y nói đại ý : « Jean Dupuis đã khai-thông Bắc-Kỳ rồi, điều này có ảnh-hưởng rất lớn cho việc thương-mại, *xin lấy Bắc-Kỳ vì cần-thiết. Nếu chậm thì người Âu-châu hay Trung-quốc sẽ lấy mất xứ này. Pháp sẽ mất con đường giao-thông độc-nhất này, không cần viện binh, chắc sẽ thành công, nếu không xin chịu lỗi...* »

Mặc dầu Dupré kêu nài khẩn-thiết, Bộ cũng không nghe, nhưng rồi gặp Garnier, Dupré lại cương-quyết theo đuổi ý định của mình. Vì thế F. Garnier ra Bắc-Kỳ đã rõ lập-trường của Pháp-súy Nam-Kỳ không còn phải rụt-rè nữa. Nhân chuyện này ta thấy số phận của các nước nhược-tiểu hoàn-toàn do tay bọn quân nhân thực-dân sắp đặt.

thuyền-trưởng, Y-sĩ hải-quân Harmand, Kỹ-sư canh-nông Bouillet và 25 thủy-thủ vừa Việt vừa Pháp theo sau.

Chiếc *Decrès* là tàu chiến phải kéo chiếc *Espignole* và chở 60 thủy-binh do Trung-úy hải-quân Bain de la Coquerie điều-khiển ở đây người ta còn thấy hai Chuẩn-úy Hautefeuille và Perrin cùng một đại-bác 40 ly (40m/m).

Chưa tới Đà-Nẵng chiếc *Arc* chịu không nổi sóng lớn bị vỡ chiếc khoang phụ (remorque) bởi vỏ thuyền mỏng quá. Vì thủy-đoàn đều ở trên chiếc *Estrée* hết nên không ai bị tai nạn.

Ngày 15-10 tàu *Estrée* cập bến Đà-Nẵng. Một vị quan ngoại-giao Việt-Nam đã ra đón thư của Thống-đốc Dupré gửi lên cho vua Tự-Đức. Trong thư này Thống-đốc Dupré báo cho triều-đình của nhà vua biết Đại-úy Francis Garnier ra Hà-nội để bảo J. Dupuis rời Bắc-kỳ, nếu y không chịu sẽ dùng sức mạnh bắt y đi, nhưng Đại-úy phải ở lại Bắc kỳ cho tới bao giờ giải-quyết xong việc khai-thương con sông Hồng-hà và đồng thời xin mở cả thương-cảng Hà-nội cho người Pháp ra vào buôn bán nữa. Dupré còn nói rằng Francis Garnier sẽ nhân dịp này củng-cố chánh-quyền của nhà vua ở Bắc-Kỳ nữa (!) Triều-đình Tự-Đức đồng ý về việc Sai-gon gửi một sĩ-quan người Pháp ra Bắc để thu xếp vụ Dupuis và có phản-đối vài chi-tiết không quan trọng... chỉ có thế mà thôi. Nhưng trong khi quan ta có mặt ở Sài-gòn, Dupré nghi triều-đình Huế bí-mật vận-động với các nhà đương-cục Anh, Đức hay Tây-ban-Nha ở Hồng-Kông can-thiệp vào cuộc thương-thuyết đương khai-diễn ở Việt-Nam, bởi thế Dupré đã viết thư ra Huế như sau : « những cuộc vận-động của quý-quốc với chánh phủ Anh ở Hương-cảng đã làm cho tình-thế giữa chúng tôi và quý-quốc phải thay đổi. Chúng tôi không thể chịu được việc ngoại-bang sẽ xen vào việc chỉ có liên-hệ đến hai nước chúng ta. Chúng tôi sẽ gửi một sĩ-quan ra Hà-nội. Nếu ông này bị cản trở trong khi thi-hành nhiệm-vụ thì trách-nhiệm sẽ về phần quý chánh-phủ... »

Ngày 20-10 Francis Garnier rời Đà-nẵng ra Hà-nội. Ngày 5-11-1873 tức là ngày 9 năm Quý-dậu y ra tới Thăng-long có lính của J. Dupuis đón chào. Garnier đến gặp ngay Nguyễn-tri-Phương và đòi cho quân vào đóng ngay trong thành. Nguyễn-tri-Phương không chịu. Sau đôi bên bàn cãi mãi Garnier mới chịu ra đóng ở Trường thi...

Xin nhắc rằng từ Hải-dương lên tới Ha-noi, Nguyễn-tri-Phương đã cho đón tiếp Francis Garnier rất trọng-thể vì các quan ta yên trí Garnier ra Thăng-long chuyến này là do ý tốt. Trong dịp này ta có hai vị quan Nam-triều cùng theo Garnier ra Bắc. Nguyễn-tri-Phương lúc đầu không để ý đến hai ông, thực ra hai ông chỉ có việc mang mật-lệnh cho Nguyễn-tri-Phương mà thôi. Vào cuộc đàm-thoại Việt-Pháp bất đồng ý-kiến ngay từ căn-bản : Việt chỉ muốn nhờ Pháp đẩy J. Dupuis ra khỏi Bắc-Kỳ, không hơn không kém. Pháp chỉ lo đòi khai-thương con sông Nhị-Hà và nhận chìm việc Dupuis.

Ngày 7-11-1873 Garnier ra cáo-thị (1) cho dân biết rằng Pháp-súy Sài-gòn cử y ra Bắc là do sự yêu-cầu của Nam-triều. Nhiệm-vụ của y là xem xét việc Bắc-kỳ như lo diệt trừ giặc cướp đang hoành-hành ở các bờ biển và trong dân-chúng để mọi người được làm ăn yên ổn và được hưởng thêm phần thịnh-vượng. . .

Garnier giao cho quan ta giấy tờ niêm-yết đó. Quan ta nói chưa có lệnh của triều-đình. Garnier cho lính của mình niêm-yết lấy.

Về phía quan ta ba hôm sau cũng yết-thị rằng công việc của Đại-úy Garnier ra Bắc chỉ là đuổi tên lái súng Jean Dupuis mà thôi.

Garnier đến yêu-cầu nhà đương-cuộc Việt Nam hủy tờ yết-thị kể trên. Ta không chịu. Y đành làm tờ niêm-yết khác cải chữ *đuổi* Jean Dupuis ra chữ *điều-đình* và nhắc cả việc khai-thương sông Hồng-hà.

Ngày 16-11-1873 Garnier làm dữ hơn ; y tuyên-bố luôn bằng yết-thị việc khai-thương sông Hồng-hà qua một dọng hết sức hống-hách như sau :

« *Quan lớn Francis Garnier (le grand mandarin F. Garnier. . .) do quan Đô-đốc Toàn-quyền Nam-kỳ thuộc Pháp phái ra Bắc-kỳ để thỏa-hiệp với các nhà cầm-quyền Việt-Nam về việc khai-thương xứ này. Nay quyết-định để dân-chúng biết :*

---

(1) Sử gia P. Cultru trong *Histoire Militaire de l'Indochine* đã vô tình hay hữu ý không nói rằng ngày 7-11-1873 F. Garnier có tung ra yết-thị này. Vì có yết-thị này hôm 7-11 quan ta mới làm thông-cáo để dân-chúng biết công việc của Garnier. P. Cultru có ý đồ cho quan ta khiêu-khích trước rồi viết :... « Peu de jours après, le 10 Novembre le Vice-roi fait afficher dans Ha-noi une proclamation contre les Français, insultante pour Francis Garnier...

1) Kể từ ngày hôm nay sông Hồng-hà mở cho người Pháp, người Tây-ban-nha và Trung-quốc vào buôn bán từ biển lên tới Vân-nam.

2) Những cửa biển cho tàu thuyền ra vào buôn bán là cửa Hải-phòng, Thái-bình v. v. , .

3) Quan-thuế tính 2°/o của giá hàng xuất-cảng cũng như nhập cảng.

4) Thuế này khai nộp cho nhân-viên ty quan-thuế khi đưa hàng vào hay mang hàng đi.

5) Hàng mang lên Vân-nam chỉ chịu có 1°/o tiền thuế (1)

6) Hàng của Sai-gon đến Ha-noi hay hàng của Ha-noi đến Sai-gon chỉ phải chịu một nửa phần thuế.

7) Bản thuế-lệ này nếu có điều sửa đổi sẽ báo trước 6 tháng.

8) Những thương-nhân Tàu và ngoại-quốc sẽ được nước Pháp bảo-vệ. Họ không phải tùy-thuộc nước Nam về một phương-diện nào.

9) Những người buôn bán của các nước được quyền mua nhà mua đất ở Ha-noi để ở.

10) Những sở thuế-quan Việt-Nam sẽ bãi-bỏ.

Tờ yết-thị này tung ra đã làm cho sĩ-dân Việt-Nam ngạc-nhiên vô-cùng. Theo yết-thị này Bắc-kỳ lại thuộc về Pháp và chánh-quyền Việt-Nam sẽ không tồn tại nữa. Hòa-ước năm Nhâm-tuất trở nên vô hiệu. Pháp đã đi quá xa. Giám-mục Puginier là người làm trung-gian cho đôi bên Việt-Pháp từ trước đến giờ cũng phải hoảng hốt trước những hành-động quá táo-bạo của Francis Garnier. Sau đó 5 chiếc tàu của Pháp chở thêm binh-sĩ từ Sai-gon ra Ha-noi. Quan ta lo sợ và phòng-bị các nơi cần thiết. Không-khí chiến-tranh đã thấy rõ-rệt và rất nặng-nề. Cũng cần nhắc thêm một sự-kiện quan-trọng về thái-độ chủ-chiến của F. Garnier lúc này đã phản-chiếu dã-tâm xâm-lược của y cũng như của Súy-phủ Sai-gon là ra Bắc-kỳ được ít ngày y đã liên-lạc luôn với một đảng-viên tự xưng là con cháu nhà Lê sẵn-sàng hiệp tác với Pháp để đánh đổ chủ-quyền của nhà Nguyễn trên đất Bắc. Trước kia Súy-phủ Sai-gon có đưa một số giáo-dân giả hiệu ra tiếp tay cho Tạ-quang-Cự lĩnh-tụ một đảng Phù-Lê. Tóm lại bọn thực-dân nào cũng biết lợi-dụng mâu-thuẫn giữa nhân-dân và chánh-quyền-

chúng quen bày các trò trai cò giành nhau để đóng vai ngư-ông thủ-lợi ; chúng rất thông-suốt về thái-độ của mỗi tầng-lớp dân-chúng hầu sắp đặt nước cờ. Rồi F. Garnier lại tái-diễn lớp trò cũ. Người đưa ra cái mưu-thâm này là Trung-tá hải-quân Senez. Quả vậy, Senez đã biết rõ tâm-sự hoài Lê của một số khá đông sĩ-dân Bắc-hà muốn mượn tay Pháp khôi-phục lại Lê-triều. Ngày 11-11 Giám-mục Puginier cai-quản toàn thể giáo-dân Bắc-kỳ đã hội-ý riêng với Francis Garnier. Sử-gia P. Cultru nói rằng : « mọi sự lầm cho ta tưởng rằng do lời khuyến-cáo của Giám-mục dự-án khôi-phục nhà Lê sẽ bỏ đi, dự-án này xưa kia do Trung-tá hải-quân Senez thai-nghén. Riêng chúng tôi muốn hỏi P. Cultru : « Có thật Giám-mục khuyên Garnier như vậy hay là trái lại ? »

Francis Garnier đánh thành Hanoi

Francis Garnier bàn với Dupuis đánh thành Ha-noi và trước đó hai ngày (18-11-1873) y gởi một tối-hậu-thư cho Nguyễn-tri-Phương đại-ý nói : « Quan Tổng-đốc Ha-noi thông-cảo cho nhân-dân rằng y ra Bắc-kỳ để đuổi J. Dupuis là không đúng (1). Y đã yêu-cầu bóc thông-cáo đó mà quan ta không chịu, nhà đương-cục Việt-Nam còn cấm giáo-dân và các người buôn bán giao-thiệp với y. Quan Pháp-súy cho y ra Ha-noi để xếp đặt lại các vấn-đề thương mại cho hẳn-hoi hầu tránh những vụ lôi-thôi như vụ J. Dupuis, nhưng triều-đình Huế bất lực không thi-hành nổi uy-quyền của mình ở Bắc-Kỳ thì y phải ở lại để quyết-định lấy mọi vấn-đề miễn sao giúp cho xứ này được thịnh-vượng. Từ nay y sẽ có mặt lâu dài ở Bắc-Kỳ, những người buôn bán sẽ được nước Pháp cho chở, nhân-dân sẽ được tự do đạt lên y mọi nguyện-vọng hay những lời khiếu-nại... y sẽ chấm dứt mọi sự đe dọa và những điều hư-truyền về y... »

Theo sử của P. Cultru, ngày 9-11 Francis Garnier gửi tối-hậu-thư cho Nguyễn-tri-Phương đòi nạp thành Ha-noi trong thời-hạn hai ngày. Cũng ngày hôm ấy tàu *Man-Hao* mà Jean Dupuis cho y mượn được

(1) Trong khi bàn soạn với nhau ở Sai-gon thì Pháp quả có ý ra thu xếp cho êm vụ Dupuis để có dịp ép quan ta công nhận chủ-quyền của họ ở ba tỉnh miền Tây, nhưng khi ra tới Hanoi thấy mình thừa sức mạnh, Garnier không thi hành những điều đã quyết định trước khi rời Sai-gon. Y còn giúp thêm uy-thế cho Dupuis nạt-nộ các quan ta ở Bắc-kỳ trước khi đánh phá thành Ha-noi.

lệnh ra Vịnh Hạ-long gọi quân đồ-bộ của tàu *Decrès*. Ngày 12-11 y gửi thêm một tối-hậu-thư thứ hai và định ngày 18-11 sẽ đánh thành. Ngày ấy Garnier tung ra một bản tuyên-ngôn báo rằng sông Hồng-Hà từ nay mở cho các nước đã ký hòa-ước vào giao-thương với Việt-Nam (Pháp, Tây, Trung-quốc). Ngày 19-11-1873 y đòi Nguyễn-tri-Phương giải-giới và trả lời vào hồi 6 giờ chiều. Nhưng bên ta làm thinh nên Francis Garnier quyết định dùng võ lực để cướp thành.

Ngày 20-11 1873 hồi 6 giờ sáng, viên Tư-lệnh đoàn quân viễn-chinh chia binh-sĩ ra làm hai đạo : đạo thứ nhất do Trung-úy hải-quân Bain de Coquerie chỉ-huy có thêm hai Chuẩn-úy Hautefeuille và Perrin phụ-tá tấn-công vào cửa Tây-Nam thành Ha-noi ; đạo thứ hai do Garnier cầm đầu có Thiếu-úy Trentinian và Trung-úy hải-quân Esmez đánh vào cửa Đông-Nam. Để yểm-trợ đoàn quân xung-phong vào thành bằng hỏa-lực, hai pháo-hạm *Espignole* và *Scorpion* do Trung-úy Balny điều-khiển khạc đạn vào thành. Tên lái buôn J. Dupuis cũng đem quân-lực riêng của y dự trận đánh và chiếm luôn khu phố thương-mại *(sau này là Phố Mới trông ra bờ sông Cái)*.

Ngay khi quân Pháp tấn công, Nguyễn-tri-Phương vội đích thân chỉ-huy binh-đội. Ông cho dương bốn tàn vàng, dứng hò hét ba quân ra công cầm-cự. Địch có Việt-gian chỉ đường mách nẻo nên cứ nhắm vào chỗ có 4 tàn vàng đang bay phấp-phới mà bắn tới-tấp. Họ Nguyễn bị đạn vào bụng và đùi bên phải. Ông còn cố-gắng quất ngựa chạy thì bị một tên thông-ngôn tố-cáo với giặc, giặc vây bắt được. Con ông là Phò-mã Nguyễn-Lâm (lấy bà công-chúa trưởng-nữ của Tự-Đức) vừa ra thăm cha cũng tham-gia chiến-cuộc ở cửa Đông bị tử-trận. Quân địch trong giai-đoạn đầu trèo lên trên mái nhà của dân-chúng quanh thành nhìn thấy rõ mọi hoạt-động của quân ta do đó hỏa lực của chúng dội vào căn-cứ của ta rất trúng. Không quá một giờ, mặc dầu Việt-quân đông gấp bội (7000 người) mà quân địch không tới 200, thành vẫn bị thất-thủ. Pháp chết một người, bị thương 2 người. Quân của Garnier có 90 người hợp với 90 binh-sĩ của Dupuis. Ta chết 80 người, bị thương tới 300. Các quan trong thành như Tổng-đốc Bùi-đức-Kiên, Án-sát Tôn-thất-Thiệp trốn thoát đến ẩn ở một nhà người thư-lại, ở làng Nhân-Mục, huyện Thanh-trì, tỉnh Hà-đông. (Sau ông này bị tên Chánh-tổng Đức tham 100 quan tiền thưởng bắt

nộp cho Tây) Khâm-phái Phan-đình-Bình, Bố-chánh Võ-Dương, Đề-đốc Đặng-Siêu. Lãnh binh Nguyễn-đăng-Nghiêm thảy đều bị bắt làm tù binh đem xuống tàu chở vào Sài-gòn. Riêng Nguyễn-tri-Phương trước cái nhục thành mất, quân bại đã nhịn ăn, xé bỏ các chỗ băng bó mà chết khiến bọn xâm-lược phải nghiêng mình bái phục. (1)

Buổi trưa hôm ấy Francis Garnier cử Bain de Coquerie mang 60 tên lính và một khẩu đại-bác 40 ly, chiếm một địa-điểm ở phủ Hoài-Đức trên con đường đi Sơn-tây rồi chia quân đi đánh chiếm các tỉnh Trung-châu Bắc-kỳ. Có hai vị-trí chiến-lược mà địch quan-tâm hơn cả, là con đường Phủ-Hoài và Gia-lâm bên kia bờ sông Hồng-hà. Quân ta có thể tập-hợp ở đây đánh vào Hà-nội nếu cần. Pháp đặt ở mỗi nơi một đơn-vị để đề-phòng, còn bao nhiêu phân-phối đi các tỉnh. Garnier chỉ cần 50 tên lính cho mỗi nơi. Nhân có sự lộn-xộn này, giặc cướp nổi lên lung-tung, Francis Garnier liền lấy một số Việt-gian theo y đặt vào các phủ, huyện để thay đám quan-lại của Nam-triều đã bỏ trốn hoặc không được Pháp tin dùng đến. Do những cuộc hành-quân của Pháp nhiều tỉnh hoặc chống lại thì cũng thua luôn hoặc hầu thấy bóng quân Pháp đã bỏ thành mà chạy hoặc ra hàng.

Ngày 26-11-1873 (Quí-dậu) Trung-úy Balny d'Avricourt lấy được tỉnh Phủ-lý, một nơi có nhiều quan-hệ về binh-cơ. Quân Pháp tịch-thâu được ở đây được một số tiền giá-trị khoảng 4 vạn phật-lăng và nhiều kho lúa. Chiếm được tỉnh này là công của đám lính tập Garnier đã mộ được tại chỗ bắt-chước trong Nam. (Buổi đầu Pháp chưa tin hẳn đám lính này nên cho xen một vài lính Pháp để dùng thử, sau việc tuyển mộ này đem lại nhiều kết-quả tốt, nghĩa là bọn lính tập ngoài khả-năng chiến-đấu còn có sự hiểu biết về địa-phương trên nhiều phương-diện để giúp bọn Thực-dân. Một võ-quan là Lê-văn-Bá ra hàng và sau này rất được đắc-dụng. Ngày 28-11, Hưng-yên, Bắc-ninh

(1) Trong khi bị cầm tù, ông Nguyễn-tri-Phương không chịu ăn, địch dề cháo và thuốc đều bị ông phun ra hết. Sau một tháng đau khổ tinh-thần hơn vật-chất, ông chết giữa năm 67 tuổi. Xuất thân từ một lại-chức thăng đến Khâm-sai đại-thần, ông đánh Đông giẹp Bắc, vào sinh ra tử có tới trăm trận. Lòng yêu nước và can đảm có thừa nhưng kẻ địch quá mạnh nên toàn-gia cha con, anh em ông đều bị hy-sinh cho xứ-sở. Cũng như Phan-thanh-Giản ông biểu-dương tinh-thần liêm-sỉ của sĩ-phu Việt-nam trong những giờ đen tối nhất của Tổ-quốc.

Thái-nguyên cũng giải-giới. Phụ-trách việc tiếp-thu mấy địa-hạt này là Thiếu-úy Trentinian chỉ-huy 15 bộ-binh cùng Bác-sĩ Harmand đi một chiếc tàu nhỏ xuống Hưng-yên. Tuần-phủ Nguyễn-đức-Đạt. Án-sát Tôn-thất-Phiên không dám kháng-cự và trình-bày với bọn Pháp như sau: Hai cửa ải Mễ-Đằng từ hôm Ha-noi thất-thủ đã bỏ trống, các quan và binh-sĩ đã rút hết, gian-đồ nổi lên quấy phá, còn cừ ở dưới sông cũng đã nhổ lên hơn 10 trượng do quan Khâm-mệnh trước đây đã tư cho biết có thuyền của quý-quốc qua, ngoài ra các điều khoản thông-thương cũng đã có niêm-yết.

Ngày 2-12, bọn Trentinian tiến qua Hải-dương cũng bằng đường sông. Quân Pháp đi đến đâu phá sạch cừ đến đó. Tới tỉnh này họ cho mời quan Tổng-đốc xuống tàu nói chuyện. Quan Tổng-đốc trả lời không thể nộp thành được vì còn phải bẩm mệnh triều-đình. Trentinian quát mắng ầm-ĩ hạn trong hai giờ quan ta không làm theo ý muốn của hắn, hắn sẽ đánh thành. Quan Tổng-đốc vẫn ôn-hòa, nhã-nhặn. Hai giờ qua Trentinian hạ lệnh tấn công. Súng của họ ở dưới sông bắn lên. Súng của ta trên đồn dội xuống Họ mạnh nên chẳng bao lâu họ đổ-bộ được vào thành. quân ta bỏ chạy hết. Các quan Đồng-suất quân-vụ Lê-hữu-Thường, Tổng-đốc Đặng-xuân-Bảng, Bố-chánh Nguyễn-hữu-Chính, Án-sát Nguyễn-Đại rút ra các huyện Gia-lộc và Cẩm-giàng, quân Pháp vào phá kho lấy được 12 vạn phật-lăng bằng tiền đồng, 4 vạn phật-lăng bằng bạc thoi, doanh, trại của Việt-quân bị phá hủy sạch. Sau đó theo lệnh của Francis Garnier, Trentinian được ở lại đây mộ lính tập để phòng giữ, tổ-chức các cơ-quan cai-trị và cho đi đánh dẹp các nơi còn kháng-chiến

Cũng trong khoảng thời-gian này Chuẩn-úy Hautefeuille và 7 tên lính thủy-quân lục-chiến bằng một chiếc sà-lúp đi đánh Ninh-bình. Sau khi phá hết cừ ở dưới sông, y đòi quan ta trả lời về các điều đã thông sức. Y bắn ít phát vào thành rồi đợi. Bấy giờ tối trời, quan ta không dám ra. Sáng hôm sau Hautefeuille lên bộ. Tuần phủ Nguyễn-Thứ đi bốn lọng mở cửa thành ra đón y vào. Y cho trói luôn quan Tuần-phủ và các quan tùy-thuộc rồi bắt Chánh Lãnh-binh đưa đi khám các cơ-cấu quân-sự trong thành.

Quân lính của ta đang túc-trực ứng-chiến trên bờ thành được lệnh hạ khí-giới và quỳ hai bên đường. Hautefeuille vào xét kho lấy

được 79.400 quan tiền, nhiều bạc thoi, kẽm, thau v.v... 6.080 thước khối lúa, 46 khẩu đại-bác và nhiều vũ-khí cổ-điển. Các quan của ta bị giam hết ở một đồn ngoài thành trừ quan Án-sát cởi được trói trốn thoát. Cũng như ở các tỉnh khác, Pháp mộ lính tập, dùng nhiều giáo-dân vào các việc, trao ấn-kiếm mới cho bọn Việt-gian xung-phong ra phục-vụ họ ở các chức phủ, huyện còn quan Tuần-phủ tuy đã ra hàng nhưng bị đau nên được nghỉ. Ngày 9-12 Francis Garnier đến gặp Hautefeuille rồi giao cho y trọng-nhậm tỉnh này. Sau vụ đánh chiếm thành Ninh-Bình, Garnier quyết định tiến sang Nam-định. Tại đây Balny và Harmand đã có mặt. Francis Garnier bằng tàu *Scorpion* đem 60 thủy-thủ lấy ở hai tàu *Decrès Fleurus* và 40 tên bộ-binh cùng tất cả số lính thủy-quân lục-chiến ở Hanoi mang xuống tăng cường cho bọn Balny. Lần theo hai dọc sông Vị-Hoàng pháo-hạm Pháp bắn tan các đồn lũy của ta. Quan Hộ-đốc ở Nam-định liền cho Chánh Lãnh-binh Nguyễn-văn-Lợi, Thương-biện Phạm-văn-Nghị đốc dân-quân chống địch ở đồn Câu-bộ. Quân ta núng thế rút lui. Còn viện-binh của Garnier cùng dự chiến-cuộc lúc này theo kế-hoạch đã định ít ngày trước: Garnier cần có mặt ở đây bởi Nam-định là một tỉnh lớn của Trung-châu Bắc-Kỳ, Pháp cần đánh mạnh để nêu thanh-thế và gây một xúc-động lớn về tâm-lý sau việc hạ thành Hanoi. Ngày 12-12 Garnier tới trước thành Nam-định. Quân ta xả đại-bác bắn vào quân Pháp nhưng chẳng ăn thua gì cả chỉ như nổ súng đón chào đoàn quân viễn-chinh của Pháp mà thôi. Garnier cho Chuẩn-úy Bouxin đồ-bộ với 15 tên lính và một khẩu đại-bác 40 ly giả đánh vào cửa Nam. Còn Kỹ-sư Bouillet với một toán quân khác tiến vào thành (khu thương-mại) Garnier cũng thân dẫn binh-sĩ còn lại tấn công vào cửa Đông. Cuộc xung-đột giữa Việt và Pháp chẳng được bao lâu thì cờ tam tài của Pháp đã phấp-phới bay trên nóc cổng thành. Quân Pháp trèo được vào thành, quân ta hoảng sợ bỏ chạy liền, tuy cũng gây được ít nhiều tổn thất cho đối-phương (một sĩ-quan và nhiều lính bị thương).

Xét ra Francis Garnier hạ được bốn tỉnh lớn ở Bắc-Kỳ từ đồng-bằng ra miền duyên-hải chỉ trong hai chục hôm, tung-hoành ngang dọc như vào chốn không người, bắt tướng-tá, đại-thần của ta dễ dàng như bắt cua bỏ giỏ. Quân ta cầm-cự không có một tinh-thần nào đáng kể, họ chống đỡ cho có hình-thức, cho tắc-trách với triều-đình Nay ta nghĩ đến cái hào-khí của dân-tộc ta thuở nhà Trần ba phen diệt Mông-Cổ, Quan-Trung cả phá hai mươi vạn quân Thanh như xua gà mà ngao-

ngán cho binh-đội đời Nguyễn. Một câu hỏi phải đặt ra : Tại sao quân dân đời Nguyễn có tinh-thần đối-ngoại bạc-nhược đến thế ?

Xong việc Nam-định, Garnier và Harmand cùng 20 thủy-binh ở lại trông coi thành này với Lê-văn-Bá cùng ít lính tập ; y được tin lần ra Hải-dương để giải-quyết vài việc rồi lên Hà-nội. Thành này đang ở trong một tình-thế rất khẩn-trương vì quân nghĩa-dũng ở nhiều nơi tại Trung-châu nổi lên chống Pháp do lời kêu gọi của các chân-hào. Lê-văn-Bá phải ra công đánh giẹp cho tới khi hai bên Việt-Pháp mở cuộc giảng hòa, Pháp và Việt-gian mới rút hết về Hà-nội.

Francis Garnier tử trận Philastre, ra Hà-nội

Lúc này quân Cờ-Đen người Tàu do tướng Lưu-vĩnh-Phúc cầm đầu trước đây đã hoạt-động ở các vùng Trung-du và Thượng-du Bắc-kỳ, sau một thời cướp phá đã về hàng quân ta. Vua Tự-Đức cho thu-dụng và cho chánh-thức chiếm-cứ vùng Lao-Cai và được phép thâu thuế má của địa-phương này mà sống. Quân Cờ-Đen có mặt ở nước ta từ năm Mậu-thìn (1868) trong khi Ngô-Côn một dư-đảng của Hồng-tú-Toàn chạy qua Việt-Nam, Lưu-vĩnh-Phúc là một trong số bộ-tướng của họ Ngô. Triều-đình Huế thấy quân Cờ-Đen thiện-chiến, Lưu-vĩnh-Phúc là một tướng-lĩnh có tài nên trọng-dụng phòng khi dùng đến nhất là thuở ấy các nhà đương-cục của ta đã thấy thấp-thoáng có nhiều hiện-tượng Bắc-xâm của Súy-phủ Nam-kỳ. Thêm quân Cờ-Đen vừa là bớt được một kẻ thù, một lực-lượng phá-hoại và lại thêm được một sức mạnh hữu-ích khi cần đến, do đó giữa lúc Garnier làm mưa nắng ở Bắc-kỳ các nhà quân-sự của ta nhớ luôn đến Lưu-vĩnh-Phúc sau khi đã nhờ Lưu trừ giúp quân Cờ-Vàng của Hoàng-sũng-Anh vừa đây đã hoành-hành ở vùng Hà-giang. Phò-mã và Tam-tuyên Tổng-đốc Hoàng-tá-Viêm đã đi sát với Lưu từ thuở đó. Tuy vậy lúc này Lưu vẫn chưa được phong chức gì lớn.

Xin hãy kể qua phản-ứng của Huế khi thấy Sài-gòn ra mặt xâm-lăng. Hà-thành thất-thủ rồi tiếp, bốn tỉnh Trung-châu theo nhau lọt vào tay quân-đội viễn-chinh khiến Tự-Đức như như ngồi trên đống lửa. Tự-Đức quở trách các bề tôi trong ngoài không ngớt. Các tướng bị hạch về tội thiếu sư quan-phòng các quan Viện, Bạc giữ các việc quốc-gia cơ-yếu đã bị cáo về tội thiếu tinh-thần trách-nhiệm, mưu việc cầu-thả rồi mỗi vị lớn nhỏ đều bị giáng một cấp. Đó là trường-

hợp của các cận-thần trong-kinh. Còn trường-hợp các tỉnh-thần ngoài Bắc : Tuần-phủ Nguyễn-Thứ và đồng bọn dâng thành, tỉnh-thần Nam-định không chuẩn-bị chống xâm-lăng nên bỏ mất thành nay phải cách chức liền. Riêng tỉnh-quan Hải-dương tuy không sơ-suất nhưng cũng phải chịu lỗi để mất thành chỉ bị cách-lưu mà thôi đợi sẽ cứu-nghị. Nhà vua xuống chiếu cho các tỉnh-thần Bắc-kỳ từ nay phải hết sức chiến-đấu hầu chuộc lỗi, hai quan Tổng-Thống và Hiệp-Thống có thể đề-nghị mọi hình phạt nghiêm-ngặt để nêu kỷ-luật.

Sau việc trách-phạt tướng tá và quan-lại kể trên, Tự-Đức mật lệnh cho Tam-Tuyên Thống-Thống. Hoàng-tá-Viêm, Tham-tán Tôn-thất-Thuyết trích một ngàn quân đem tới Từ-sơn (Bắc-ninh) hợp với Võ-huy-Phụng và Tán-tương Trương-quang-Đản tùy tình thế mà xử-trí. Bề khác, Nam-triều cử hai ông Trần-đình-Túc và Nguyễn-trọng-Hợp (1) ra Hà-nội thương-thuyết với Đại-úy Francis Garnier. Hai ông được lĩnh chức-vụ quan-trọng hơn là chức Tiết-chế Bắc-Kỳ quân-vụ của Hoàng-tá-Viêm. Lúc này họ Hoàng đang hợp với Lưu-vĩnh-Phúc bố-trí quân-đội ở các địa-điểm chiến-lược chính-yếu. Số quân ta tới Thanh-hóa thì bị nghẽn vì từ Ninh-bình trở ra Pháp đã đóng giữ hết thầy các trục giao-thông, đến văn thư ra vào cũng bị khó khăn, có khi bị côn-đồ cướp mất giữa đường. Tuy vậy Hoàng-tá-Viêm vẫn *thi hành được mệnh-lệnh của Tự-Đức với số quân ông có sẵn trong tay ở địa-phương ông trọng-nhậm. Phải nhận rằng quân ta lúc này rất sô-bồ, phần nhiều huấn-luyện rất sơ-sài, đa số lại là lính mới, nên việc tác-chiến đành trông vào quân Cờ Đen nhiều hơn cả. Còn riêng Hoàng ta có thể tin rằng ông là một võ-tướng rất yêu nước, hăng hái và can-đảm.* Hoàng và Lưu-vĩnh-Phúc là hai người bạn rất tương đắc. Họ Lưu bấy giờ cũng ghét Pháp đặc-biệt vì Trung-quốc của ông ta bị bọn da trắng dày xéo, xỉ-nhục. Sau này ta cũng không đáng lấy làm lạ nếu quân-đội Cờ Đen đã tích-cực một thời chiến đấu bên cạnh quân-đội Việt-Nam. Về vũ-khí, quân của Lưu lại được trang-bị súng ống mới, bắn rất lẹ. Đây là những súng của Tây-Phương mua được ở Quảng-đông và quân-số của họ cũng có một số đông người Việt chính-thức gia-nhập.

(1) Ông Nguyễn-trọng-Hợp là người, Thổ bấy giờ đang làm Thừa-thiên phủ-doãn ở Huế. Chức này ngang với chức Tổng-đốc và được trọng hơn vì nắm giữ quyền hành tại kinh-đô.

Trong khi tình-hình quân-sự thay đổi quá rồn-rập ở Bắc-Kỳ thì việc chính-trị giữa Huế và Sài-gòn lại tiến-triển rất chậm chạp. Nguyên sau khi được tin Francis Garnier ra Hà-nội gây đại-biến (đánh thành Hà-nội) Tự-Đức sai ngay Lê-Tuấn làm Toàn-quyền Nguyễn-văn-Tường làm phó vào Sài-gòn khiếu-nại (hơn là phản-đối) vụ Francis Garnier đang đánh phá ở Bắc-Kỳ. Pháp-súy nhân dịp này đàm-phán thẳng về việc ba tỉnh miền Tây đã nói trên đậy làm điều-kiện tiên-quyết và họ đã nhiều lần yêu-cầu Huế cho sứ-thần toàn-quyền quyết-định để Hòa-ước chóng thành. Huế bấy giờ đã nhận thấy mục-đích của Sàigòn cho Francis ra Bắc sinh loạn là để buộc ta ký Hòa-ước chính-thức nhượng nốt miền Tây Nam-Kỳ, chịu theo chính-lược ngoại-giao của Pháp và để Pháp đặt nền bảo-hộ cùng ngoại-trị pháp-quyền ở Trung-Bắc lưỡng kỳ. Biết thì biết chớ không còn cách nào đối phó nữa đành phải chịu cho xong nhưng sứ ta có nài Pháp trả lại hai tỉnh Biên-hòa và Gia-định, Pháp không khứng chịu. Rồi tin tức Huế đưa vào Sài-gòn nói Nam-triều bằng lòng làm Hòa-ước mới khiến Súy-phủ rất vui mừng. Sứ-thần của ta đề-nghị hãy ra Bắc thu xếp cho yên vụ Garnier trước đã. Thiếu-tướng Dupré nhận lời và viết thơ bảo Garnier trả thành Hà-nội cho Việt-Nam rồi rút quân về Sài-gòn. Lúc này F. Garnier mới lấy xong thành Hà-nội và chưa động đến các tỉnh nhỏ. Đi với Nguyễn-văn-Tường ra Bắc có Đại-úy hải-quân Philastre, Giám-đốc hình-luật Nam-Kỳ ; ông này thông thạo chữ Hán và tiếng Việt lại được rất nhiều cảm-tình của người Việt Bốn viên văn võ quan của thành Hà-nội bị bắt làm tù binh ít ngày trước đó cũng được trở về Huế trong dịp này. Vai chính để điều-đình với Philastre và Garnier như trên đã nói là hai ông Trần-đình-Túc và Nguyễn-trọng-Hợp. Ông Túc bấy giờ đang đau nhưng cũng gượng giậy làm việc. Có mặt trong phái-đoàn ra Hà-nội mở cuộc Hội-nghị là Giám-mục Bình (Mgr Bohier) và Linh-mục Đăng (Dangelzer) có lẽ để làm thông-ngôn và cố-vấn cho đôi bên Việt-Pháp (Hai vị tu-sĩ này cai-quản địa-phận Công-giáo ở Kim-long cách Huế vài 4 cây số). Bởi Pháp hay có hành-động xảo-trá, Tự-Đức phải luôn luôn đề-phòng nên phái Chưởng-vệ Phan-Đề làm Đề-đốc Hà-nội. Lúc này Pháp cũng vừa đưa ra Bắc năm, sáu chiếc tàu đầy binh-lương, võ-khí (1) Trần-đình-Túc lãnh thêm chức Khâm-phái Hải-dương sau khi ông được cử

(1) Pháp-súy cho tiếp tế binh-lương do lời yêu cầu của F. Garnier.

vào chức mới là Hà-Ninh Tổng-đốc, Nguyễn-trọng-Hợp làm Tán-lý Nguyễn-Phiên làm Biện-lý Hộ-bộ, Bùi-ân-Niên làm Khâm-phái lấy ở kinh và ở Nghệ mỗi nơi 500 lính đem ra Hà-nội rồi chiêu-tập binh dân để chống đánh. Các quan tỉnh ngoài Bắc phải xẻ đường ngăn sông chống địch. Tóm lại đám quan lại của Tự-Đức gửi ra giữ hai nhiệm-vụ vừa quân sự vừa chánh-trị và còn để thay thế đám quan lại bị cách bãi đang nằm đợi tra cứu (1) Riêng việc lấy binh đem ra Bắc thì chưa lấy kịp, bọn Túc, Hợp phải lên đường ngay. Để phòng giữ giặc tiến vào Đàng-trong, Tự-Đức sai Lê-Thăng sung Đề-đốc quân-vụ, Châu-đình-Kế sung Tham-Tán đem 1000 quân ra Ninh-bình Hồ-Oai sung Tổng-Thống, Nguyễn-Chánh sung Hiệp-Thống đem binh đóng núi Tam-Điệp. Giữa lúc này Garnier đánh tràn ra bốn tỉnh Trung-châu Bắc-kỳ. Dân-chúng ở đây hoang-mang vô kể. Chánh-quyền của Nam-triều hầu tan rã, trật-tự bị xáo-trộn. Nơi thì các thổ-hào tụ họp quân nghĩa-dũng nổi lên chống giặc, nơi thì phe đảng con cháu nhà Lê cũng dấy động và cũng nhân dịp này giặc cướp quấy phá lung-tung khắp mọi nơi. Có thể nói rằng Bắc-kỳ đã sống những giờ phút rất bi-đát và đen tối trong những ngày tháng cuối cùng của năm Quí-dậu. Các làng mạc sau những lũy tre xanh như thu nép thân hình dưới làn không-khí sặc mùi máu lửa và khói đạn. (1873)

Bắt đầu từ trang sử này quân Cờ-Đen đã đóng một vai trò khá quan-trọng để người ta quên hẳn hành-động nhiễu hại dân lành xấu xa của họ mấy năm trước (khoảng 1870) Ngày 4-12-1873 quân Cờ-Đen vượt qua sông Đáy (một chi-lưu của sông Nhị-hà) đến uy-hiếp một đồn binh người Việt do Pháp đặt ở Phủ-Hoài, Pháp cũng bị tấn công luôn cả ở Gia-lâm bên kia sông Nhị đối chiếu với Hà-nội. Quân Pháp cũng phải rút (xin nhớ rằng lúc này Pháp mộ được nhiều người Việt làm lính nên-số quân của họ cũng khá đông tuy vậy mỗi đội chỉ có năm ba tên Pháp chỉ-huy). Ngày hôm sau Chuẩn-úy Perrin dùng chiếc pháo-hạm Hồng-giang chở lính của Dupuis qua sông giao-chiến với quân Cờ-Đen đang đóng ở bờ bên kia. Cuộc chiến đấu rất kịch-liệt.

---

(3) Trần-đình-Túc là Hà-Ninh Tổng-đốc, Nguyễn-trọng-Hợp làm Tuần-vũ, Đặng-văn-Huấn làm Bố-chánh. Trương-gia-Hội làm Án-sát Phan-Đề làm Đề đốc Việc đặt người này là một biện-pháp được dự-định thi-hành khi mới được tin quân Pháp chiếm Hà-nội. Nhưng thời cuộc biến chuyển quá mau-lẹ, nhiều dự-định sau này trở nên không thích-hợp nữa.

Pháp phục quân Cờ-Đen rất là can-đảm và lanh lẹ. Perrin bị quân ta hợp sức với quân Cờ-Đen bao vây. Trong dịp này có hai con voi xuất trận. Nhờ có Đại-úy Vlav eanos, thuyền-trưởng của tàu Hồng-giang, Perrin chạy thoát.

Ngày 18-12-1873, Francis Garnier đang ở Nam-Định thì được tin tình-thế Hà-nội có bề khẩn-trương do sự hiện-diện của binh-đội Hoàng-tá-Viêm, Lưu-vĩnh-Phúc ở vài vùng lân-cận vội-vã ra về. Hai hôm sau Sứ-bộ Việt-Nam và Philastre ở Huế đã ra tới Thăng-long sau khi đó tới Sơn-tây gặp Tiết-chế Bắc-Kỳ quân-vụ Hoàng-tá-Viêm.

Sáng ngày 21-12 (Tức mồng 2 tháng 11 năm Quí-dậu), Garnier đang nói chuyện với Trần-đình Túc tại Hành-doanh cũ của Nguyễn-tri-Phương thì một giờ sau được tin báo quân Cờ-Đen từ Phủ Hoài-Đức tiến đánh vào thành Hà-nội. Lá đại-kỳ của họ bay phấp phới ở miền đồng bãi bên ngoài thành, và tiến vào cửa Tây. Francis Garnier cho lệnh mở cửa thành ra giáp-chiến và từ trên mặt thành Pháp xả đại-bác xuống, quân Cờ-Đen bỏ chạy. Riêng Francis Garnier mang 18 tên lính chạy ra ngoài chưa kịp mang khẩu súng lục. Y hẹn tên đầy-tớ mang súng theo y và lúc đó đã có mấy binh-sĩ chạy trước. Bọn này bắn vào quân Cờ-Đen đang nấp sau bụi tre bao quanh một vài làng của ta. Bây giờ Pháp quân có mang ra một khẩu đại-bác 40 ly. Nhưng địch lần lút không biết lối nào mà bắn. Đạn của Cờ-đen vẫn bắn lẻ-tẻ bốn phía như khiêu-khích bọn Pháp. Francis Garnier mở cửa Nam vì thấy quân Cờ-Đen chạy về mạn Phủ-hoài. Cứ theo đường đê quân Pháp đuổi theo. Francis Garnier cho để lại khẩu đại-bác, chia lính ra làm ba toán truy-kích quân Cờ-Đen cả hai bên tả, hữu. Riêng y chỉ có 3 người tùy-tùng đi giữa. Vượt qua khỏi 11 hay 12.000 thước Francis Garnier tiến đến một con đê nhỏ, có quân Cờ-Đen đang nấp ở phía sau. Y bị sa xuống một cái hố gần những bụi tre. Francis Garnier chưa kịp vùng dậy, vài tên lính Cờ-Đen đã xông đến đâm viên tướng Pháp nhiều ngọn giáo chết tươi. Họ chặt lấy đầu và mổ luôn bụng lấy tim làm thi-thể của F. Garnier nát be-bét. Một người

---

CHÚ-THÍCH Khi Sứ-bộ Việt-Nam vào thành, Francis Garnier cho đóng cửa để ta không trao đổi được tin tức gì ra ngoài. Do cử-chỉ này ta thấy người Pháp luôn luôn có những cử-chỉ bá-đạo và lúc nào cũng tìm cách áp-đảo tinh-thần sứ-bộ trong các vụ thương-thuyết.

đội thông-ngôn và một tên lính đi kèm chủ-tướng cũng bị chém chết theo. Trong lúc này Trung-úy Balny d'Avricourt và một thủy-thủ đuổi theo quân Cờ-Đen. (*Việt-Nam Pháp-thuộc sử* nói Balny chết với ba người lính) cũng bị phục-kích mà chết tại đền Voi phục. Rồi những cái xác không đầu được quân Pháp nhặt về để mai-táng. Quân ta thắng trận đã mang đầu các tướng-sĩ Pháp đi bêu ở nhiều tỉnh Bắc-kỳ. Một sự phù-hợp ngẫu nhiên : Francis Garnier vắn số hôm trước thì Nguyễn-tri-Phương thở hơi tàn hôm sau vì những vết thương đánh thành gây ra ít ngày trước đó. Chiến-lược của Cờ-đen trong trận này là lợi-dụng tính chủ-quan khinh địch của quân Pháp rồi dụ địch vào ổ phục-kích mà giết.

Francis Garnier chết đã đem lại cho quân viễn-chinh Pháp ở Bắc-kỳ lúc này một xúc-động tinh-thần rất mạnh, một sự đau đớn đến điên loạn. Họ toan giết luôn ông Trần-đình-Túc để trả thù. Ông Túc bình-tĩnh lấy lời phải trái phân giải với họ sau chỉ phải bị đem giam dưới tàu mà thôi. Đang cơn khủng-hoảng này, ông Nguyễn văn Tường và Philastre ra đến cửa Cấm (Hai-phòng) thì được tin quân Cờ-Đen vừa hạ sát Francis Garnier và Balny d'Avricourt xong (1) Philastre giận lắm, vỗ bàn nói : « Thế này thì hỏng mọi việc rồi còn chi, phải về chờ lệnh Súy-phủ mới được ! Nguyễn văn Tường liền can rằng : Súy phủ bảo việc đánh Hà-nội là không do ý muốn của Súy-phủ, mà quân bản-quốc ở bốn tỉnh Bắc-kỳ cũng không tranh giành gì. Hai bên Việt-Pháp trước sau vẫn hòa-hảo. Nay Đại-úy F. Garnier chết, hoặt bị giặc giết hoặc vì dân nổi loạn, sự-việc thế nào ngài và chúng tôi đều chưa rõ huống chi trả thành để định Hòa-ước cho xong đó là lệnh của Súy-phủ ; mà thu thành rồi mới nghị-hòa, ấy là mệnh của bản-quốc. Còn như

(1) Philastre rời Sài-gòn ngày 10-12-1873 bằng tàu «*Antilope*» với Nguyễn văn-Tường. Cả hai ra Huế trước. Ngày hôm sau Súy-phủ Sài-gòn lại cho chiếc pháo-hạm *Decrès* ra Bắc-kỳ đem Moty là Đại-úy thủy-quân lục-chiến và là quan cai-trị (Tham-biện) cùng 500 tên lính đặt dưới quyền của Trung-tá Godart và một số vũ-khí dạn được cho bọn lính tập của Francis Garnier.

Philastre đã thất bại ở Huế về chỗ xin Tự-Đức cho sứ-bộ Việt-Nam toàn-quyền ký-kết với Pháp-súy, bắt Francis Garnier ngừng đánh phá và trả thành trước, sau đó mới chịu chấp thuận việc ký hòa-ước. Nếu theo luận điệu của Jean Dupuis đã viết ra, trong lúc này Philastre vẫn cứ ra Bắc-kỳ là không đúng ý của Đô-Đốc Dupré. Philastre đổi qua tàu *d'Estrées* ở Đà-nẵng rồi ra tới cửa Cấm vào ngày 25-12 thì nghe tin Francis Garnier bị giết.

việc Hà-nội giết Đại-úy Francis Garnier thì cũng như Đại-úy giết ông Nguyễn-tri-Phương, việc xảy ra đều ngoài ý muốn của hai chúng ta Bây giờ ngài và chúng tôi vừa ra đến đây, mới nghe tin báo đã bỏ về chẳng là uổng công sao ?

Chi bằng ta hãy đưa thư lên Hà-nội lấy tàu, hoặc giả cứ lệnh mà làm hoặc điều-tra cái chết của Đại-úy Francis Garnier rồi sẽ tùy-liệu thì hơn ?

Philastre thấy ông Nguyễn văn Tường nói có bề hợp-lý đành nghe theo. Nên nhắc rằng : Nguyễn văn Tường lúc này không còn là Phó-sứ như trước đã đi với Lê-Tuấn vào Sài-gòn mà là Khâm-phái đại-thần để quyết-định Hòa-ước (khi ông Tường ra Hà-nội thì hai ông Trần đình-Túc và Nguyễn trọng-Hợp lại xuống vai trò phụ).

Philastre có vài cá-tính đặc-biệt khác hẳn bọn thực-dân ở Sài-gòn bấy giờ. Ông ta thâm Nho, trọng đạo lý Đông-phương, hay giao-du với nhóm nho-giả ở Nam-kỳ (đám quan-lại cũ của triều Nguyễn) nên không ưa bọn người đồng-sự với mình và chính bọn đồng-sự của ông ta cũng không có cảm-tình gì với ông ta vì lẽ trên. Trước đây ông ta thường công-kích thái-độ và hành-động của Francis Garnier ở ngoài Bắc. Ông ta phê-bình tên lái súng giang-hồ Dupuis là đồ kẻ cướp. Nhờ có tính công-bằng và chánh-trực này, sau một phút sôi-nổi, ông chịu nghe lý luận của Nguyễn-văn-Tường.

Giữa lúc ấy có tàu « *Decrès* » còn đang có mặt ở Đồ-sơn, Philastre muốn qua tàu này để cho chiếc *d'Estrées* quay về Sài-gòn báo-cáo những biến-cố bất ngờ vừa xảy ra ở Bắc-kỳ. Nguyễn văn Tường cũng can luôn « Tàu của mình vừa tới cửa nay lại bỏ về ngay, dân-chúng họ biết sẽ bắt chước Hà-nội nổi lên làm càn thì ngăn cấm làm sao được. Nếu chẳng may xảy ra việc gì tổn hại thì nói năng làm sao với quí-súy ? tốt hơn hết là ta cho chiếc « *Decrès* » ra biển dẹp tụi Tàu-ô, còn chúng ta bằng chiếc « *d'Estrées* » vào Hải-phòng, lên Hải-dương trả tỉnh này cho bản-triều để lấy lòng tin của sĩ-dân, sau ta lên Hà-nội trả nốt mấy thị-trấn kia rồi xem xét vụ Francis Garnier, nhiên-hậu mới phúc-trình về Súy-phủ được». Philastre cho lời Tường bàn là phải, liền tự mình lãnh trách-nhiệm điều-khiển việc chính-trị, còn Thiếu-tá Testard du Coquérie chỉ-huy tàu *Decrès* phụ-trách các vấn-đề quân-sự thay

thế bọn Esmez và Bain của Francis Garnier. (1)

Tới Hải-dương vào ngày 29-12 Philastre nhất - nhất thi-hành mọi điều đề-nghị của Nguyễn văn Tường. Do Trentinian đang giữ thành này có ý đau xót thấy bọn mình phải cuốn gói lên đường không kèn không trống và đám quan-lại Việt-Nam mà họ tống đi nay lại trở về (2). Họ phải lên Hà-nội với quân-đội để chờ lệnh của Philastre. Esmez cũng phải ra chỉ-thị cho Hautefeuille và Harmand trả Nam-định và Ninh-bình. Về phần Nguyễn văn Tường trong dịp này cũng sức cho tỉnh-thần Bắc-ninh và Hưng-yên lấy hơn 1000 quân và đặt quan cai-trị.

Rồi ra tới Hà-nội vào ngày 5-1-1874, Philastre ký luôn với Nguyễn-văn-Tường Thỏa-ước dưới đây, để triệt thoái hết quân-đội Pháp khỏi Trung-châu Bắc-kỳ. Bọn quân-nhân thực-dân Pháp nhao-nhao phản-đối.

Điều I. — *Từ nay mọi sự hiểu lầm được chấm dứt giữa các nhà chức trách Pháp ở Bắc-kỳ và các nhà đương-cục đại-diện cho Hoàng-đế Việt-Nam. Đôi bên đều mong muốn tỏ cho nhau thấy sự chân-thành và tình hữu-nghị. Quân-đội Pháp đã chiếm đóng hai tỉnh (Ninh-bình vào ngày 8, Nam-định vào ngày 10 tháng 1-1874) với tất cả các vật-dụng có sẵn. Các vị chỉ-huy quân-đội Pháp ở mọi nơi phải thỏa-hiệp với các vị đại-diện Nam-triều ngày giờ, thể-thức và biện-pháp an-ninh trong việc trả thành, đồng-thời phải làm danh-sách, ghi rõ tiền-bạc, thóc lúa, vật-dụng để giao lại. Đại-diện Việt-Nam sẽ làm giấy biên nhận,*

Điều II. — *Về phần triều đình Việt-Nam cam-kết: 1). Chỉ đem vào thành một số lính cần-thiết cho việc cảnh-bị. 2) Không tập-*

---

(1) Sau khi Francis Garnier bị giết, Tự-Đức thấy rằng việc nhờ quân Cờ-Đen chống Pháp không thể giải quyết toàn cuộc nên sức cho quân Lưu-vĩnh-Phúc tạm rút lên Thượng-du. Các ông Hoàng-tá-Viêm và Tôn-thất Thuyết xin nhân dịp F. Garnier chết đánh luôn thành Hà-nội nhưng Trần-đình-Túc xin ngừng chiến để định hòa-ước, Viêm không chịu nói tướng ở ngoài cõi chỉ biết đánh giặc mà thôi, Đình Túc phải ủy Nguyễn trọng-Hợp, Trương gia-Hội đem quân thứ diệu-thương, Tá Viêm mới chịu án-binh bất-động.

(2) Hôm ông Tường đến Hải-dương để thu lại thành này, Ngụy-Tòng đốc Trương do Francis Garnier bổ-nhậm toan ám-hại ông Tường nhưng ông biết nên đã yêu cầu Philastre bắt y đem giam ngay dưới tàu.

trung quân-đội trong tỉnh, không gây trở ngại trên các trục giao-thông thủy hay bộ cho quân-đội Pháp. 3) Tuyên-bố ân-xá hoàn-toàn tất cả mọi nhân-viên trước đây là thần-tử của Hoàng-đế đã được người Pháp dùng tới, tránh cho họ mọi điều sỉ-nhục và cho họ được phục-vụ chính-quyền Việt-Nam trở lại tùy theo khả-năng như họ đã tạm-thời phục-vụ chính-quyền Pháp, không coi cử-chỉ của họ như những hành-động trọng tội vì các chức-quyền Pháp vẫn từng tuyên-bố rõ-rệt và công-khai, là giữ tạm mọi việc, thay thế cho triều-đình Việt-Nam trong khi không có các đại-diện ở hai tỉnh này.

Điều III.— *Ngay sau khi thi-hành Thỏa-ước này, những vị có tên dưới đây đều cùng lo giải-quyết mọi vấn-đề liên-hệ đến thành và toàn hạt Hà-nội.*

Ngày 6-2-1874, Việt-Pháp lại ký một Thỏa-ước và rút quân-đội Pháp khỏi các tỉnh bị Francis Garnier chinh-phục.

« . . . *Quân-đội Pháp sẽ rút khỏi thành Hà-nội để trả lại cho các quan Việt-Nam và chuyển xuống tập-trung ở cửa Cấm thuộc thương-cảng Hải-phòng* »

« . . . *Người Pháp đóng ở Hải-phòng để bảo-vệ Vương-quốc Việt-Nam phòng có quân nghịch thâm-nhập vào nội-địa, trái với luật-pháp của Vương-quốc và bắt buộc tàu bè của tên Dupuis nào đó phải ngưng lại tại chỗ cho tới khi ký xong Hòa-ước có điều khoản cho phép lên Hà-nội để buôn bán . . .* »

« . . . *Chánh-phủ Việt-Nam sẽ nhường một khu đất bên bờ sông Hà-nội để dựng một ngôi nhà cho Công-sứ Pháp và binh-sĩ tùy-tùng.* »

« . . . *Tên Dupuis và những người Tàu đồng bọn phải rời thành phố Hà-nội trước quân-đội Pháp. Họ sẽ tới Hải-phòng do một sĩ-quan Pháp thân dẫn. . .* »

Ngoài ra, nếu Jean Dupuis muốn lên Vân-nam thì cũng cho, nhưng tàu thuyền, súng ống đem theo phải đúng số đã định trong Thỏa-ước, nếu gặp giặc cướp thì phải tự liệu lấy. Dupuis không được trở lại Bắc-kỳ trước khi sông Hồng-hà được khai-thương, còn nếu y đến một nơi nào khác trong nước Nam thì quan Pháp phải đuổi đi (1). »

---

(1) Jean Dupuis cho rằng công việc của mình theo Thỏa-ước này là thất bại Y trở về Sài-gòn kêu với Sứy-phủ đòi Nam-triều bồi thường cho y hơn 1 triệu phật lăng, trong sử không thấy ghi việc này được Nam-Triều và Pháp xử-trí ra sao

Ngày 12-2-1874 (1) bằng chiếc hạm *Espignole* quân Pháp rời khỏi Hà-nội phấn-uất ra mặt. Dân-chúng Việt-Nam tụ-tập hai bên đường hỉ-hả chế-diễu họ. Philastre và Nguyễn văn Tường cũng vào Sài-gòn luôn trong dịp này để sửa-soạn Hòa-ước mới. Riêng Đại-úy Thủy-quân lục-chiến Rheinart ở lại làm quan Trú-sứ với 40 lính. Sau khi bốn tỉnh Bắc-Kỳ được trả lại, hàng trăm làng trước đây theo Pháp bị sĩ-dân đốt phá và giết hại hàng ngàn người. Tháng giêng năm Giáp-Tuất (Tự-Đức 27), Philastre và Nguyễn văn Tường về đến kinh-đô, Tự-Đức cho các quan ra đón và cám ơn Philastre đã thanh-toán một cách tốt đẹp (1) các vụ rối-ren ngoài Bắc. Nhà vua cho ban một đạo sắc-dụ tuyên-dương công khó nhọc của Philastre đối với nước ta (1) Nguyễn văn-Tường được thăng Thượng-thư Hình-bộ, tước Kỳ-vĩ Bá.

Hòa - Ước Giáp - Tuất (1874)

Sau khi đã thu xếp xong vụ Dupuis và Garnier làm lộng ở Bắc-kỳ, hai ông Nguyễn-văn-Tường và Philastre như điều đã định trước phải về gấp Nam-kỳ để sửa soạn Hòa-ước mới sau này được mệnh-danh là Hòa-ước Giáp-tuất (1874) hay Hòa-ước Dupré-Nguyễn văn Tường. Còn Dupré được về Pháp nghỉ. Ông ta muốn hoàn-thành sứ-mạng là chính-thức-hóa việc chiếm-hữu toàn thể miền Nam, đặt nền bảo-hộ ở Bắc-kỳ, khai-thương con sông Hồng-hà và đoạt được cả chủ-quyền ngoại-giao của triều-đình Huế. Dupré với Hòa-ước mới này đã giành được khá nhiều quyền-lợi mà Pháp-đình hồi đó chưa dám mơ-ước vì xét khả-năng cạnh-tranh còn kém Anh nhiều nên từ bao lâu vẫn do-dự. Cho kịp ngày Dupré lên đường, Nguyễn văn Tường và Philastre vội vào Sài-gòn, dĩ-nhiên đại-cương nội-dung của Hòa-ước Giáp-tuất đã được thảo-luận và chấp-thuận sẵn rồi, trước khi hai sứ-giả Việt-Pháp ra Hà-nội bắt Garnier trả thành và trục-xuất tên lái súng Dupuis. Như vậy hai bên không còn gì phải dằng co nữa và Hòa-ước được thành hình mau lẹ. Ngày 27 tháng Giêng năm Giáp-tuất (15-3-1874 Tự-Đức 27), các ông Lê-Tuấn, Nguyễn văn Tường, Thiếu-tướng Dupré ký kết 22 khoản dưới đây và việc ký kết này đã đánh dấu một thắng lợi hết sức lớn lao của Đế-quốc xâm-lược :

---

(2) Sử của P. Cultru chép : ngày 12-2-1874 quân Pháp rút xuống Hải-phòng để về Sài-gòn.

1. — Đại-Nam và Pháp từ nay là hai quốc-gia thân-hữu và giao-hảo với nhau mãi mãi.

2. — Đức Giám-quốc Pháp (1) nhận Đại-Nam là một quốc-gia độc-lập, không phải thần-phục nước nào, hứa giúp Hoàng-đế Đại-Nam nếu cần, bảo-vệ an-ninh trong và ngoài nước, phá tan giặc giã đang quấy nhiễu một phần duyên-hải Đại-Nam.

3. — Để đáp lại sự bảo-hộ ấy, Hoàng-đế Đại-Nam từ nay chịu theo chính-sách ngoại-giao hiện thời của nước Pháp. Sự kiện này không thi-hành đối với các thương-ước nhưng mặc dầu trường-hợp nào Hoàng-đế Đại-Nam cũng không được lập với nước nào một thương-ước trái với thương-ước lập với nước Pháp, hoặc không báo-cáo trước với chánh-phủ Pháp.

Đức Giám-quốc Pháp tặng Hoàng-đế Đại-Nam :

a) 5 chiếc tàu hơi sức mạnh cộng được 500 mã-lực còn toàn hảo được trang-bị đủ máy móc súng ống.

b) Một trăm khẩu súng đại-bác từ 7 đến 16 ly trực-kính, mỗi khẩu được 200 viên đạn.

c) Một nghìn khẩu súng trường và 5000 viên đạn.

4. — Đức Giám-quốc Pháp hứa cho các chuyên-viên sang Đại-Nam giúp việc tổ-chức lại thủy-quân và lục-quân Đại-Nam, cho các kỹ-sư sang dạy làm mọi việc và cho những người giỏi việc tài-chánh sang sắp đặt các việc thuế má và thương-chính v. v... những giáo-sư sang lập một trường Cao-Đẳng tiểu-học ở Huế.

5. — Hoàng-đế Đại-Nam công nhận chủ-quyền hoàn-toàn của của nước Pháp ở 6 tỉnh Nam-kỳ phía Đông giáp biển Trung-hoa và tỉnh Bình-thuận phía Tây giáp vịnh Tiêm-la, phía Nam giáp biển Trung-hoa, phía Bắc giáp Cao-Miên và Đại-Nam (nước Pháp cam-đoan không xâm đến 11 ngôi mộ của họ Phạm ở làng Tân-niên-Đông và Tân-quang-Đông tỉnh Gia-định và 3 ngôi mộ họ Hồ ở làng Linh-chung, làng Tân-mỹ tỉnh Biên-hòa sẽ cấp 100 mẫu đất cho các nơi có các mộ đó để lấy hoa-lợi dùng vào việc tu bổ các ngôi mộ trên và nuôi các gia-đình phụ-trách việc này. Những sở đất này được miễn thuế điền thổ, và các gia-đình ấy khỏi phải chịu thuế thân, khỏi đi lính và tập dịch.

---

(1) Lúc này Đế-chế Pháp đã đổ và được thay thế bằng chế-độ Cộng-hòa.

6.— Tiền bồi-thường chiến-phí nước Đại-Nam còn thiếu của nước Pháp nay được miễn hết.

7.— Tiền bồi-thường chiến-phí nước Việt-Nam phải trả cho nước Tây-ban-Nha còn thiếu là một triệu đồng đô-la (Một đô-la là 0,62 của lượng) sẽ do chánh-phủ Pháp chuyển-giao và lấy ở tiền thuế thương-chánh thu được ở các cửa bể mở cho người ngoại-quốc ra vào buôn bán. Số tiền trả sẽ giao cho Công-khố Sài-gòn để trả cho Tây-ban-Nha có giấy biên nhận gửi lại cho Đại-Nam.

8.— Hai vị Quốc-trưởng, Việt-Pháp ban hành đại-xá và trả lại tài-sản đã tịch-thu của mọi người dân đã giúp việc cho đôi bên trước ngày lập Hòa-ước này.

9.— Hoàng-đế Đại-Nam (1) phải để các giáo-sĩ tự-do giảng đạo Da-tô và cho các thần-dân theo đạo cũng được như vậy. Giáo-dân nước Nam được tự-họp trong các giáo-đường để hành-lễ không bị hạn-chế về nhân-số. Nay bãi bỏ mọi việc kiểm-soát các giáo-dân và bắt buộc họ làm những việc phỉ-báng tôn-giáo. Giáo-dân được dự các kỳ-thi và bổ dụng vào các cơ-quan chánh-quyền trong nước như tín-đồ của mọi tôn-giáo khác.

— Hoàng-đế Đại-Nam chịu hủy bỏ mọi sổ sách phân-tháp giáo-dân đã lập từ 15 năm nay và nói về sự duyệt-tuyển, thuế má cũng đãi giáo-dân như mọi người khác.

— Các Giám-mục, Linh-mục được đi lại tự-do trong nước miễn là họ có giấy thông-hành do Súy-phủ Nam-kỳ cấp và có quan Thượng-thư Bộ-lễ hoặc quan Tỉnh-trưởng chiếu khán là đủ. Khi ở khi đi họ không phải khai báo gì hết với quan Đại-Nam.

— Linh-mục Đại-Nam cũng có quyền giảng-đạo như Linh-mục Âu-châu. Nếu họ vi-phạm luật pháp, tội phạt trượng hay phạt xuy được đổi sang một hình-phạt tương-đương.

— Các Giám-mục, Linh-mục người Nam được quyền mua bán, thuê mượn nhà cửa đất cát để dựng giáo-đường, bệnh viện, trường-học, cô-nhi-viện v. v...

---

(1) Từ đời Minh-Mạng trở đi, triều-đình của ta vẫn dùng quốc-hiệu Đại-Nam như có ý không công-nhận chữ Việt-Nam của đời Gia-Long.

— Của cải của giáo-dân đã bị tịch-thu trước đây sẽ được trả lại

— Giáo-sĩ Tây-ban-Nha cũng được hưởng các điều trên đây như các giáo-sĩ Pháp.

— Chính-phủ Đại-Nam có thể lập ở Sài-gòn một trường Cao-đẳng tiểu-học đặt dưới quyền kiểm-soát của quan Giám-đốc Nha Nội-Vụ. Trường này không được dạy gì trái với luân-lý và sự thi-hành uy-quyền của nước Pháp, Vấn-đề tôn-giáo được hoàn-toàn tự-do. Nếu vi-phạm các điều-lệ ấy giáo-sư có thể bị trục-xuất khỏi xứ và trường sẽ bị đóng cửa.

11. — Chính-phủ Đại-Nam thỏa-thuận mở cửa biển Thị-nại trong tỉnh Bình-định, Ninh-hải trong tỉnh Hải-dương thành phố Hà-nội và sông Hồng-hà từ biển lên tới Vân-nam để người ngoại-quốc ra vào buôn-bán. Sẽ lập một Hòa-ước chính ấn-định các điều-kiện cho việc buôn bán ở đây.

Sau khi Hòa-ước này phê-chuẩn và hỗ-giao, cửa Ninh-hải, Hà-nội và sông Hồng-hà được mở liền, riêng cửa Thị-nại thì mở sau một năm. Các cửa biển và sông ngòi khác có thể sẽ được khai-thương nếu xét có lợi-ích và cần-thiết.

12. — Người Pháp, người Nam có quốc-tịch Pháp và người ngoại-quốc có quyền trú ngụ, có tài-sản và được tự-do buôn bán, làm kỹ-nghệ ở các nơi kể trên miễn là họ tôn-trọng luật-pháp của bản-quốc, đóng góp thuế đầy đủ. Riêng tại các miền duyên-ngạn sông Hồng-hà, từ biển đến Hà-nội và từ Hà-nội đến Vân-nam họ không được mở các việc doanh-thương.

Nhà buôn ngoại-quốc được quyền dùng mại-bản, thông-ngôn, thư-lại, phu-phen, thợ-thuyền và tôi tớ để giúp việc.

13. — Tại các cửa biển đã khai-thương, chánh-phủ Pháp sẽ đặt một Lãnh-sự hay Ủy-viên ngoại-giao có một số lính không quá 200 người để giữ an-ninh cho tới khi nào xét không cần nữa.

14 — Dân Đại-Nam cũng được tự-do du-lịch, cư-trú, có tài-sản, buôn bán ở nước Pháp và các thuộc-địa Pháp miễn chịu tuân theo pháp-luật. Hoàng-đế Đại-Nam có thể đặt các Ủy-viên ngoại-giao ở các thị-trấn và cửa biển do ngài lựa chọn.

15. — Các công-dân Pháp và Âu-châu, người Nam-kỳ hay

người ngoại-quốc nào khác (ngoài người Âu-châu và người Nam-kỳ) muốn đến sinh-sống và làm ăn ở các nơi nói trên phải đến xin phép quan Trú-sứ Pháp. Quan Trú-sứ sẽ báo cho nhà cầm-quyền địa-phương biết. Người Đại-Nam muốn ở đất Pháp cũng phải theo các điều như thế. Người Pháp và người ngoại-quốc muốn đi du-lịch trong nước Đại-Nam cũng phải xin giấy thông-hành ở Sứ-quán Pháp và giấy tờ phải được các nhà cầm-quyền Đại-Nam thỏa-thuận, chiếu khán. Các người đi du-lịch không được buôn bán, nếu không tuân, hàng-hóa sẽ bị tịch-thâu. Hiện thời chưa có sự an-ninh trong nước, chánh-phủ Đại-Nam và Đại-Pháp xét khi nào sự yên tĩnh trở lại người ngoại-quốc mới được hưởng thụ quyền-lợi ấy. Nhưng người Pháp nào đi du-lịch có mục-đích nghiên cứu khoa-học thì không thuộc trường-hợp kể trên. Họ sẽ được phép đi lại, được bảo-vệ và được giúp- đỡ mọi mặt.

16.— Những việc kiện-cáo giữa người Pháp với nhau hay giữa người Pháp với người ngoại quốc hay giữa những người này với người Đại-Nam thì do quan Trú-sứ Pháp xét-xử. Nếu việc xét-xử này có điều không ổn thì quan Trú-sứ Pháp sẽ có quan Thẩm-phán Đại-Nam cộng tác để xét-định theo phép công bằng. Nếu người Đại-Nam kiện người Pháp hay ngoại-quốc thì quan Thẩm-phán Đại-Nam xử ; nếu không thỏa xử thì được tự xin quan Trú-sứ giúp sức rồi cùng xét. Tòa-án sẽ lập ở Sài-gòn và theo lời yêu cầu của quan Trú-sứ Pháp, nhà cầm-quyền bản-xứ phải gắng sức bắt kẻ can-phạm và giao cho quan Trú-sứ Pháp.

17.— Về phần người Đại-Nam phạm pháp trên đất Pháp, quan Lãnh sự Đại-Nam sẽ được nhà cầm-quyền Pháp báo-cáo cho biết và việc xét-xử sẽ đúng theo Pháp-luật.

18.— Các kẻ phạm tội gây loạn hoặc vào cướp bóc trong đất Pháp rồi chạy qua đất Đại-Nam, khi được báo thì các quan Đại-Nam sẽ gắng bắt và trao trả cho nhà cầm-quyền Pháp.

Các kẻ phạm tội với chánh-quyền Đại-Nam lẩn trốn qua đất Pháp cũng sẽ bị xử theo cách này.

19. – Mỗi khi có người Pháp hay ngoại-quốc chết trên đất Đại-Nam hay người Đại Nam chết trên đất Pháp, tài-sản của kẻ quá-cố sẽ được giao cho kẻ thừa-kế ; nếu kẻ thừa-kế vắng mặt, quan Trú-sứ sẽ giao cho kẻ ứng-đắc.

20.— Để thi-hành Hòa-ước này sau ngày ký một năm. Đức Giám-quốc chánh-phủ Cộng-hòa Pháp sẽ bổ một quan Trú-sứ ngang

hàng với chức Thượng-thư bên Hoàng-đế Đại-Nam để gìn-giữ tình thân-thiện giữa hai nước và theo dõi sự thực-thi Hòa-ước.

Hoàng-đế Đại-Nam cũng sẽ đặt quan Trú-sứ ở Paris và Sài-gòn. Những phí-khoản cho quan Trú-sứ của nước nào nước ấy chịu(1)

21.— Hòa-ước này thay thế cho Hòa-ước năm 1862. Chánh phủ Pháp nhận điều-đình với chánh-phủ Tây-ban-Nha để có sự chấp-thuận. Nếu không có sự chấp-thuận của chánh-phủ kể trên thì Hòa-ước này sẽ chỉ có hiệu-lực giữa Việt-Pháp mà thôi, những khoản liên-hệ với quyền-lợi của Chánh-phủ Tây-ban-Nha trong Hòa-ước cũ vẫn còn hiệu-lực. Nếu vậy nước Pháp sẽ nhận trả số bồi-phí chiến-tranh của Đại-Nam cho Tây-ban-Nha, Việt-Pháp sẽ thanh toán lại với nhau vấn-đề này, nghĩa là Pháp sẽ thay Tây-ban-Nha làm trái-chủ của Đại-Nam.

22.— Hòa-ước này có giá-trị vĩnh-viễn (!) sẽ được phê-chuẩn và hỗ-giao tại Huế trong hạn một năm hoặc sớm hơn nếu có thể để công bố và thi-hành.

Lập xong Hòa-ước này với bọn ông Lê-Tuấn, Nguyễn-văn-Tường Thiếu-tướng Dupré xuống Tàu về Pháp. (2) Đến quyền chức Thống-đốc Nam-kỳ bấy giờ là Thiếu-tướng Krantz.

Một vài ý-kiến về Hòa-ước Giáp-Tuất (1874)

Sau khi ta mất nốt ba tỉnh miền Tây, toàn thể đất đai Nam-kỳ lọt cả vào tay Pháp. Nhưng ba tỉnh Vĩnh-an-Hà vẫn chưa được chánh-quyền Việt-Nam công-nhận thuộc Pháp như ba tỉnh miền Đông (đã do Hòa-ước 1862 . Pháp cần chính thức-hóa nốt sự chiếm-hữu mới này bằng một Hòa-ước khác, cho được vững-vàng trên phương-diện pháp-lý giữa ta và họ và cả trước mắt quốc-tế. Xin nhắc rằng từ trước đến nay Pháp vẫn cạnh-tranh với Anh nhưng vì yếu hơn nên làm gì cũng có sự e-ngại. Luôn-luôn họ theo dõi thái-độ của Anh và rất sợ sự phản-ứng của nước này. Chứng cớ là trước đó họ đã bị người Anh đánh bật ra khỏi Ấn-độ và phải

(1) Đáng ngạc-nhiên là không có ai của ta sang làm quan Trú-sứ tại Paris sau khi Hòa-ước Dupré được thực-thi.

(2) Một điều đáng chú-ý : ông Lê-Tuấn đã tự vẫn sau khi ký Hòa-ước Giáp-tuất. Có lẽ ông là người đã cảm thấy trước nhất cái nạn vong-quốc đang mỗi phút một gần dân-tộc chúng ta.

dẹp bỏ Công-ty Đông-ấn Pháp (chúng tôi đã nói qua ở các quyển III và IV) Trong cuộc chạy đua chỉ Pháp với Anh gay gắt với nhau hơn cả nhưng nếu Pháp chiếm được đất đai ở đâu mà có sự ưng-thuận của chánh-quyền bản-địa thì kẻ thù phải kiêng nể ít nhất một phần nào trước dư-luận quốc-tế.

Trước Dupré, Súy-phủ Sài-gòn đã nhiều lần vận-động triều-đình Huế lập Hòa-ước chính-thức nhượng cho Pháp miền Tây, nhưng Tự-Đức và các triều-thần làm lơ. Tuy vậy Sài-gòn vẫn không dám làm dữ Cứ xem công-điện trao đổi sau này giữa Dupré và Bộ ngoại-giao Pháp, dưới quyền Công-tước Broglie thì rõ Pháp-đình cũng rất dè-dặt cho rằng nếu tiếp-tục gây sự với Huế sẽ có hại hơn là có lợi vì vậy mà Dupré phải nấn-ná chờ đợi mọi cơ-hội thuận-tiện. Chiếm Bắc-kỳ cũng như chiếm toàn-bộ Việt-Nam vốn là một dự-định có sẵn từ lâu của nước Pháp thực-dân và đế-quốc. Nhưng việc này rất phiền-phức phải làm sao cho êm ngọt kẻo một cường-quốc nhào theo, Pháp sẽ khó lòng đối phó. Đây là điều thắc-mắc rất hợp-lý vì Pháp đã từng bị đòn của Anh nên đã thành *kính cung chi điểu.*

Đánh Bắc-kỳ có lợi thế nào ?

Người Pháp kém về lịch-sử nhưng không kém về địa-dư, kinh-tế và chính-trị. Họ hiểu rằng nước Việt-Nam (như họ đã ví) là một gánh gạo, Bắc và Nam-kỳ là hai thúng gạo. Trung-Việt nghèo-nàn là cái đòn gánh. Như vậy chiếm được Nam-kỳ xong, sao lại không chiếm Bắc-kỳ ? Nắm được Nam-Bắc-kỳ là nắm được hoàn-toàn nguồn sống của Việt-Nam, Trung-kỳ tự nhiên không đánh cũng được. Cái thâm ý của thực-dân Pháp là thế tuy ta không thấy nói trắng ra trong sử sách. Ngoài ra về phương-diện chiến-lược Nam-Bắc-kỳ mất thì Trung-kỳ cô-lập, dân Trung-kỳ thưa thớt, lương-thảo hiếm hoi, đất đai chật hẹp chỉ vài trận xô đẩy quân-dân vào sâu trong núi rừng của giải Hoành-sơn là có thể nắm chắc hãm họ vào tử-địa. Đó là chưa kể nắm được Bắc-kỳ mới lập được, liên-lạc thương-mại với miền Nam nước Tàu.

Hồi Thống-đốc Bonard chiếm đóng miền Đông Nam-kỳ đã lưu ý đến vấn-đề cấm chở gạo ra miền Trung, như vậy ta không cần phải tìm sử-liệu nào khác để xác-định cái dã-tâm của họ là bao vây kinh-tế để tiêu-hao lực-lượng kháng-chiến của Triều-đình Huế.

Dupré cho Garnier toàn-quyền hành-động ở Bắc-kỳ rõ rệt là để chiếm xứ này rồi biến Bắc-kỳ thành một vị-trí thuận-lợi cho việc giao

thương với Vân-nam nói riêng, Hoa-nam nói chung. Tên lái súng giang-hồ Dupuis đã cho bạn y là Millot vào Sài-gòn kể hết sự tình với Dupré nên bọn quân-nhân thực-dân bấy giờ đã chóa mắt về các mối lợi và họ đã rất phấn-khởi trong việc đánh chiếm Bắc-kỳ. Bản tuyên-ngôn đầu tiên của Francis Garnier đã nói trắng trợn cả một chương-tình xâm-lăng của Sài-gòn không còn úp mở nữa. Việc giải-quyết vụ Dupuis và Nguyễn-tri-Phương mà Huế mong đợi bị chìm hẳn. Xét ra vụ này rõ-rệt đã tạo nên một cơ-hội cho Sài-gòn xua quân ra Bắc không hơn không kém.

Rất buồn cho cái triều-đình bên sông Hương, núi Ngự bạc nhược đến mức luôn luôn chỉ nghĩ đến sự đầu hàng. Họ quên hẳn những bài học đời Xuân-thu chiến-quốc đã có bao nhiêu nhà ngoại-giao phải đi du-thuyết để tránh xâm-lăng khi nước mình hèn, dân mình yếu. Với chánh-sách bế quan tỏa cảng, họ như lũ xên chỉ biết thu vòi rút mình vào vỏ để chờ chết. Lo việc đời, việc nước như vậy thật là tủi cho dân-tộc Việt-Nam xưa kia đã có biết bao nhiêu minh-quân, danh-tướng, lương-tể.

Sớ của Tôn-nhơn và đình-thần ngày 2-9 năm Tự-Đức thứ 26 trong dịp Francis Garnier gây loạn ở Hà-nội đã nêu ra ý: « Pháp-súy cho quân ra đánh phá ngoài Bắc là bởi họ muốn ta công-nhận nốt chủ-quyền của họ ở ba tỉnh miền Tây. Ta lờ đi mãi thì nay nên bằng lòng cho họ khỏi sinh sự . . . » Đó mưu-kế của các nhà lãnh-đạo của ta bấy giờ rõ rệt chỉ đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác cho tới khi toàn-bộ nước nhà mất hết với Pháp.

Sớ ngày mồng 2 tháng 7 năm Tự-Đức thứ 20, tức là bảy năm trước việc Hà-nội thất-thủ, Phạm-phú-Thứ đã tiên báo: « Bắc-kỳ gồm 13 tỉnh có Nam-định, Hải-yên là của lớn, người nhiều của lắm, buôn bán sầm-uất. Pháp đắc-chí ở Nam-kỳ không khỏi sẽ nhòm ngó đến xứ Bắc. . . » Đúng làm sao!

Như vậy việc thôn-tính Bắc-kỳ của Thiếu-tướng Dupré đâu là chuyện bất ngờ, nói rộng ra, biết bao quan-chức, sĩ-dân đi ngoại-quốc về đều hết hơi kêu gọi vấn-đề canh-tân quốc-gia, thay đổi chính-lược ngoại-giao mà triều-đình Tự-Đức vẫn mê-man bất tỉnh.

Cũng nên chú ý đến cái trò xảo-quyệt của Dupré trong vụ F. Garnier đánh phá Bắc-kỳ: Dupré như ta biết đã giao-dịch với Broglie

về việc đánh Bắc-kỳ, nhưng Broglie không tán thành. Buổi đầu y tư ra Bắc bảo Dupuis rời Hà-nội cho êm chuyện. Nhưng khi nghe Millot kể việc đánh chiếm Bắc-kỳ sẽ rất ngon lành, dễ-dàng, quan Tàu sẽ giúp đỡ gây áp-lực với chánh-quyền Việt-Nam, y còn sợ quan Tàu liên-lạc với Dupuis là có ý can-thiệp vào Việt-Nam nên thấy cần phải nhanh chân kẻo mất mồi. Lúc này hai ông Tuấn, Túc và Nguyễn-văn-Tường vào Sài-gòn khiếu-nại về vụ Jean Dupuis, y liền khêu gợi cho sứ-thần Việt tự mình xin Súy-phủ Sài-gòn đưa quân ra Bắc để đuổi Dupuis, như vậy có điều gì bất-lợi xảy ra sau này y cũng đỡ phần trách-nhiệm. Y còn khéo nói với quan ta rằng trên cương-vị của một quan Thống-đốc Nam-kỳ mà viết thư cho một tên lái buôn để điều-đình thì không tiện vì Jean Dupuis đã không tuân lệnh y sau bức thư thứ nhất. Nay chỉ dùng vũ-lực bắt y ra khỏi Hà-nội là dễ hơn cả. Tóm lại Dupré đưa quân ra Bắc một cách êm dịu, Pháp-đình cũng như triều-đình Huế không thể phiền trách vào đâu được. Và trong khi Francis Garnier gây loạn ở ngoài Bắc, Dupré tha hồ yêu sách hai vị sứ-giả của Triều-đình Tự-Đức, ông Lê-Tuấn và Nguyễn-văn-Tường dựng theo ý hắn một Hòa-ước mới. Lớp trò chánh-trị xếp đặt đến thế là khôn khéo hết sức.

Ngoài ra xét các việc đã được bố-trí và đang diễn tiến thuở ấy thì Đại-úy Francis Garnier đóng vai ông ác, Philastre đóng vai ông thiện. Ông ác đánh mạnh, đánh mau, ông thiện có nhiệm-vụ vỗ-về xoa vuốt. Rốt cục cả hai đi đến một mục-đích chung: hoàn thành việc chiếm-hữu đất Nam-kỳ, mở màn cho cuộc bảo-hộ ở xứ Bắc, khai thác mọi nguồn lợi kinh-tế thương-mại từ Bắc-kỳ qua Vân-nam, thủ-tiêu chủ-quyền ngoại-giao của Việt-Nam để trước quốc-tế mọi việc xảy ra hay dở trên toàn cõi Việt-Nam chỉ là việc nhà của Pháp, không nước nào được can dự. Một việc đáng cười ra nước mắt là Hòa-ước Giáp-tuất với nội-dung thảm hại như vậy (vì nó dọn đường cho việc mất nước hoàn toàn) mà vua tôi Tự-Đức còn làm sắc-dụ tuyên-dương công-trạng cho Đại-úy Philastre. Như vậy có khác gì ca ngợi kẻ mang còng xiềng tay, mang xích khóa chân rồi ký cho mình một bản án tử-hình? Còn biết nói thế nào nữa cái khả-năng chánh-trị của mấy ông vua quan và trí-thức đời Nguyễn!

Có người khen rằng ông Nguyễn-văn-Tường và Trần-đình-Túc có tài ngoại-giao nên đã thâu hồi được Hà-nội và bốn tỉnh lớn của

Bắc-kỳ đã lọt qua tay Pháp. Ý-kiến này theo kẻ viết sách này không ổn. Cứ xem 22 khoản đã ký-kết trong Hòa-ước Giáp-Tuất thì với Hòa-ước này nền độc-lập của dân-tộc Việt-Nam bắt đầu hấp-hối rồi. Riêng với khoản 2 nói nước Pháp phụ-trách an-ninh cho nước Việt Nam trong nội-địa cũng như ngoài mặt biển, khoản 8 và 9 nói những kẻ cộng-tác với Pháp được ân-xá và ưu-đãi để trở lại làm việc trong chánh-phủ Việt-Nam, giáo-dân, giáo-sĩ được tự-do hoạt-động, các nơi đặt Lãnh-sự hay Ủy-viên ngoại-giao để trông nom ngoại-kiều được đặt quân-đội để giữ trật-tự cho họ đủ là những lợi-khí để thực-dân tha hồ thi-hành các trò nội-công ngoại-kích và đặt cái lưới gián-điệp khắp nước Việt-Nam rồi còn chi. Tai hại thêm nữa là khoản 3 cắt đứt mọi liên-lạc ngoại-giao của chánh-phủ Việt-Nam khiến Việt-Nam không có thể vận-động nước ngoài can-thiệp vào chánh-tình của mình. Một cái chết của Francis Garnier và vài chục tên lính vừa Pháp vừa bản-xứ mà đổi được từng ấy quyền lợi cho Pháp thì lời quá rồi, vậy mà khen Philastre tử-tế, Tường và Túc có tài biện thuyết như vậy còn ai hiểu nổi quan-niệm về chánh-trị của lớp người hôm xưa và hôm nay. Còn cho rằng việc Pháp trả tỉnh thành cho ta là một sự đền đáp, thiết tưởng trả hay không theo Hòa-ước Giáp-Tuất đã cấu tạo nên các điều khoản kể trên thì Bắc-kỳ tuy còn mà mất, chẳng vậy sau này Pháp cử H. Rivière ra tái diễn cái kịch Francis Garnier mười năm trước, Bắc-kỳ lại thay thầy đổi chủ như thường. Có xét kỹ như vậy mới biết ta quá ngây thơ, ngớ-ngẩn mà địch thì xảo-quyệt, sâu-sắc vô-lường...

Giới thực-dân thuở đó đối với Hiệp-ước Dupré thế nào ?

Theo P. Cultru cho hay bọn quân-nhân ở Việt-Nam rất không bằng lòng, nhất là các đồng-chí của Francis Garnier, nhưng kẻ đã chiến đấu ở Hà-nội và ở các tỉnh miền Trung-châu xứ Bắc. Họ cho rằng các quyền lợi mà Tự-Đức nhường cho Pháp không có giá-trị thiết-thực. Tỉ-dụ Nam-triều có quyền kêu gọi nước Pháp đến giữ trật-tự cho nước Nam, nhưng nước Pháp không có quyền mang quân đến giữ an-ninh ở nước Nam nếu Nam-triều không có lời yêu-cầu. Khoản nói rằng nước Nam độc-lập đối với nước Tàu chỉ là một lời tuyên-bố hoàn-toàn lý-thuyết, lời tuyên-bố thuận theo chính-lược ngoại-giao của Pháp về vấn-đề nội-bộ nước Nam cũng rất mơ-hồ và ta không có cách gì để thi-hành các lý-thuyết đó. Ngay cả việc khai-thương sông Hồng-hà cũng chỉ là một lời hứa hẹn và không có phương-tiện thực-

tế nào để thi-hành. Ngoài ra việc rời bỏ miền trung-châu Bắc-kỳ sẽ tai hại vô cùng cho các kẻ theo Pháp bởi chắc-chắn họ sẽ bị các quan và văn thân nước Nam trừng phạt, nhất là các giáo-dân là những người đã ủng-hộ Francis Garnier trong việc đánh chiếm xứ Bắc vừa đây đã bị xử-trị, rất tàn nhẫn, không như Hiệp-ước đã nói rằng họ sẽ không bị phiền-phức gì hết. Hai chục ngàn người đã bị tàn sát, ba chục làng đã bị đốt, bảy chục ngàn đã bị trục xuất và mất hết tài-sản. Ngay đối với Hòa-ước Nhâm-Tuất (1862), người Nam đã ký như vậy rồi họ trở mặt, mặc dầu Hiệp-ước nói đến tình hữu-nghị sẽ bền chặt giữa hai nước, chúng ta đừng quên rằng người Việt-Nam cũng rất xảo-trá. Vì những cuộc khủng-bố và đàn áp đẫm máu kể trên, một số người Việt do Garnier bồ-nhậm đã vùng dậy chống lại các quan Việt-Nam và xin người Pháp đỡ đầu. Họ đã gửi thư cho ông Hautefeuille xin ông đứng ra chỉ-huy cuộc chống đối. Lời yêu-cầu của họ không được chấp thuận. Họ cứ gây loạn và đã vây thành Hải-dương và thắng nhiều trận, ta lại đem quân đi giải-tán họ, thế mới phiền. Rồi họ phải rút ra đảo Cát-Bà (11-1874) từ đó...

Xét các lời công-phẫn kể trên của bọn quân-nhân thực-dân, ta thấy bọn này có chủ-trương hoàn-toàn, quân-sự nghĩa là cứ đánh cho khoẻ, không điều-đình, vì điều-đình là phải tương-nhượng ít nhiều. Trái lại Súy-phủ Nam-kỳ và chánh-phủ Pháp tuy muốn nuốt chửng nước Nam nhưng sợ kinh-động các nước ngoài nên họ muốn dùng cả biện-pháp chính-trị để dễ có sự êm-thắm và như vậy chiếm dần rồi cũng sẽ được hết Họ có lý! Bấy giờ Pháp mạnh, ta nằm trong gọng kìm đế-quốc còn chạy đâu được? Cái tầm con mắt của mấy kẻ võ-biền thuở đó quả quá ngắn-ngủi.

Sau khi Garnier chết, lũ quan-lại được y tác-thành trước đây đã nghĩ đến việc làm thế nào để tỏ lòng tri-ân với quan thầy và trung-thành với nước mẹ. Họ họp nhau tổ-chức một cuộc tế-lễ rất trọng thể và cố mời cho bằng được một vị văn-thân có danh-vọng lại nổi tiếng là hay chữ (có người nói là cụ Nguyễn-Khuyến) làm cho một bài văn tế để kể công ơn của quan thầy. Chúng lại ép cho bằng được vị văn-thân ấy phải vào dự cuộc tế lễ để tuyên đọc bài điếu-văn cho thêm phần long-trọng.

Hết tuần rượu nọ, đến tuần rượu kia, bọn ngụy-quan dài thì thụp tế-lễ vong hồn quan thầy chúng một cách kính-cẩn nghiêm-trang.

Đến lượt lượt vị văn-thân cũng trịnh-trọng ra quỳ trước hương-án ngâm-nga đọc bài văn tế, nguyên-văn như sau :

Than ôi !
Một phút sa cờ
Ra người thiên cổ.
Nhớ ông xưa :
Cái mắt ông xanh,
Cái da ông đỏ,
Cái tóc ông quăn,
Cái mũi ông lõ,
Đít ông cưỡi lừa,
Miệng ông huýt chó.
Lưng ông đeo súng lục liên,
Chân ông đi giầy có mỏ.
Ông ở bên Tây,
Ông sang đô-hộ.
Đánh giặc Cờ Đen,
Đề yên con đỏ.
Nào ngờ :
Nó bắt được ông,
Nó chặt mất sỏ.
Cái đầu ông đây
Cái mình ông đó.
Khốn nạn thân ông.
Đù cha mẹ nó !
Nay tôi : *Vâng lệnh quan trên,*
Cúng ông một cỗ,
Nầy chuối một buồng
Nầy rượu một hũ,
Nầy xôi một mâm.
Nầy trứng một giỏ,
Ông có khôn thiêng.
Mời ông xơi hộ,
Ăn uống no say
Nằm cho yên chỗ
Ối ông Ngạc-Nhi ôi !
Nói càng thêm khổ.

Phụ-ước của Hòa-ước Giáp-tuất

Tiếp theo Hòa-ước Giáp-tuất, Duprê rời bến Sài-gòn thì bọn ông Nguyễn-văn-Tường, Nguyễn-tăng-Doãn lại ký với Thiếu-tướng Kantz ở Gia-định một phụ-ước thương-mại gồm 29 khoản dưới đây :

1.— Hoàng-đế Đại-Nam mở cửa biển Ninh-hải (Hải-dương), thành-phố Hà-nội, sông Hồng-hà từ biển đến Vân-nam, cửa Thị-nại (Bình-định) cho tàu buôn bất kỳ nước nào tới lui buôn bán.

2.— Ở các cửa khai-thương nói trên, hàng-hóa chở vào phải chịu thuế là 5% giá hàng trước khi đem bán, hàng chở ra ngoài phải chịu 10% giá hàng. Súng đạn hay các đồ quân-khí thì không được chở vào hay chở ra. Riêng nha-phiến sẽ do Đại-Nam định lệ riêng. Gạo nhập-cảng chịu thuế 5%. Gạo xuất cảng chịu 10% và phải có giấy phép của Nam-triều. Tơ, gỗ, lim cũng chịu thuế 5%, cũng được nhập cảng và khi xuất-cảng phải chịu thuế sản-xuất ở xã thôn sở-tại và phải để triều-đình Đại-Nam mua đủ dùng rồi mới buôn đi. Quan Trú-sứ Pháp phải được biết trước mộ tháng nếu hai thứ hàng kể trên được nước Đại-Nam cho xuất-cảng.

Súng-đạn, quân-khí nếu không có triều-đình Đại-Nam cho phép thì không được chở ra. Hàng ngoại-quốc từ Vân-nam chở ra biển hoặc từ biển lên Vân-nam phải chịu quan-thuế và chỉ một lần mà thôi. Nhưng nước Đại-Nam có quyền trù liệu các luật-lệ để phòng việc có hàng cấm chở vào nội-địa. Hàng-hóa đã chịu thuế thì được chở đi tỉnh này qua tỉnh khác và hàng không phải nộp thuế gì khác nữa. Chế-độ quan-thuế áp-dụng cho nước Pháp và cho các nước khác cũng chỉ một mức (nhất luật). Về hàng cấm thuyền buôn Đại-Nam cũng phải theo thể lệ như các nước.

3.— Thuyền buôn ra vào cửa biển hai lần đều có chở hàng thì phải nộp mỗi tấn là 3 tiền thuế vọng đăng (thắp đèn) và đinh-định (cắm neo). Nếu chỉ có hàng một lần thì nộp một tiền rưỡi mỗi tấn. Còn không có hàng thì miễn thuế.

4.— Hàng-hóa từ Gia-định chở đến các cửa biển đã khai-thương hoặc do sông Hồng-hà lên Vân-nam hoặc từ các nơi chở về Gia-định đến chỉ chịu một nửa thuế Gia-định mà thôi. Để phòng việc gian trá thì thuyền của Gia-định khi ra Bắc phải có giấy chứng nhận của quan

chức Pháp coi giữ hải-cảng và quan Lãnh-sự Đại-Nam. Về phần hàng từ cảnh-giới Vân-nam hoặc từ một cửa biển đã khai-thương chở vào Gia-định cũng phải có sự bảo lãnh của viên chức thu thuế để hưởng lệ chước giảm. Nếu việc bảo lãnh có sự nghi ngờ thì thuế lệ hãy nộp đủ chờ bằng cớ xác thực sẽ giao trả lại phần thuế dư.

5.— Hàng hóa qua lại bằng đường bộ ở hai tỉnh Biên-hòa, Bình-thuận, trước đây phải nộp thuế hay không nộp thuế thì cứ giữ tình-trạng cũ không tăng không giảm, hạn một năm sau khi hỗ giao Hòa-ước sẽ định điều lệ.

Riêng các người buôn ngựa ở đất Đại-Nam đến bán ở Biên-hòa sẽ chiếu thể lệ hiện hành, không được đánh nặng thêm.

6.— Để tránh những điều trở ngại cho các nhà buôn ngoại-quốc và quan An-Nam (thuở đó Pháp thường dùng tiếng cũ An-Nam để chỉ người Việt) chánh-phủ Pháp phải chọn lựa nhân-viên giúp việc quan thuế, nhân-viên này sẽ do Bộ Hộ chỉ định. Chánh-phủ Pháp sẽ lo việc tuần phòng ngoài biển để bảo vệ thường dân.

Trước khi thanh-toán xong bồi-khoản với nước Tây-ban-Nha, nước Nam không được mượn một nước Tây-phương nào không thuộc nước Pháp mà chánh-phủ Pháp không hợp ý để giúp việc quan thuế Ngày nào bồi khoản kể trên trả xong, quan An-Nam thông thao việc thuế không phải phiền nước Pháp sẽ có hội nghị thay đổi.

7.— Các viên chức quan thuế ở cửa bể đã khai thương đều thuộc Annam có trụ sở ở Ninh-hải. Một chuyên-viên Pháp giúp quan An-nam cũng cư trú tại đấy. Hai vị này phải hợp ý với nhau để thi hành công vụ. Các viên chức Pháp ở các cửa ải, cửa biển khác đều chịu quyền điều khiển của chuyên viên Pháp tại Ninh-hải.

8.— Quan quản-lý An-Nam và chuyên-viên Pháp nếu có điều gì phải trình vào bộ Hộ thì phải thảo-luận với nhau trước khi lập tờ trình, nếu có việc gì bất đồng bộ Hộ sẽ thẩm xét. Chuyên-viên Pháp còn có bổn phận phúc trình các việc quan thuế cho quan Trú-sứ.

9.— Các sổ sách giấy tờ về quan-thuế phải lập hai bản, một bản do viên coi thuế người Pháp giữ, một bản do viên giữ kho thuế người Nam giữ; các đơn nạp thuế và biên lai chỉ xuất tiền kho hoặc đem để kho khác phải có hai quan Pháp, Nam cùng ký vào, cuối tháng hai bên đem sổ sách đối chiếu.

10.— Các việc chi phí trong năm sẽ được giải-quyết bằng tiền thuế vọng-đăng và đinh-định. Nếu thiếu sẽ lấy tiền thâu được về quan thuế mà tiêu nhưng không được lấy quá phần nửa. Các chi phí ấy là: tiền lương của nhân-viên Pháp, Nam và người nước khác giúp việc, tiền cho các công-tác đào sông, đo nước và hết thảy công việc có ích cho sự thương-mại.

11.— Thương-ước này được thực-thi trong 10 năm kể từ ngày có chữ ký. Trong hạn này, nếu có bên nào yêu cầu sửa đổi thì sau khi đề-nghị một năm, hai nước mới quyết-định cải đổi.

12.— Nếu nhà buôn và nhân-viên quan thuế có sự bất-hòa, quan sở-tại An-Nam và quan lãnh-sự Pháp sẽ họp hội-đồng để phân xử.

13.— Thuyền của Pháp và của các nước đến bến phải thuê người dẫn thủy đưa vào bến để nạp thuế. khi trở ra cũng vậy; muốn làm nghề dẫn thủy phải được ba tàu bổn cấp chứng-chỉ làm nghề ấy rồi phải có cấp-bằng của quan ta và quan Pháp. Tiền thuê mướn người dẫn thủy sẽ do quan giữ cửa biển và Lãnh-sự ấn-định.

14.— Tàu ngoại-quốc vào bến rồi, quan thu thuế liền phái người đến trông giữ cho khỏi trái điều-lệ thương-thuế: người khán thủ do quan thu thuế trả tiền công.

15.— Thuyền buôn ngoại-quốc đến bến trú khi trở ngại bất thường hạn một ngày đầu chủ thuyền hay người đại-diện phải đệ trình đơn hàng, thuyền-bài trình quan Lãnh-sự Pháp. Hạn trong một ngày quan Lãnh-sự chuyển tư quan thu thuế. Để trễ-nải chủ thuyền phải phạt từ 50$ đến 200$. Quan thu thuế được lời tư của quan Lãnh-sự. liền cấp giấy phép để cất hàng lên bến Nếu chưa có giấy phép đã cất hàng lên, chủ thuyền sẽ bị phạt 50$ và hàng-hóa có thể bị tịch-một. Nếu trong thuyền có vũ-khí để tự vệ cũng phải khai trình. Nếu quan Annam thấy cần thì có thể bắt đem gửi quan giữ cửa biển hoặc quan Lãnh-sự, khi nào trở về sẽ được lấy lại v. v..,.

16.— Thuyền ngoại-quốc được tự ý thuê mướn ghe nhỏ chở khách và chở hàng, quan Annam không phải giúp đỡ việc này nếu xảy ra chuyện trộm cắp quan Annam không can dự.

17.— Khi kiểm hàng định thuế, nếu không có sự đồng ý giữa quan thu thuế với nhà buôn thì mỗi bên được nhờ hai ba người ngoài định giá. giá nào cao hơn thì được theo đó mà đánh thuế. Nếu đơn

hàng khai không có sự đồng ý, hàng-hóa sẽ phải cất lên để khám-nghiệm về lượng cũng như về chất.

18.— Thuyền buôn nào vào bến chưa lãnh giấy cất hàng, hạn trong hai ngày đêm phải đi nơi khác.

19.— Thuyền buôn nộp thuế xong, quan thu thuế cấp biên-lai để trình quan Lãnh-sự. Quan Lãnh-sự sẽ trả cho họ thuyền-bài và giấy biên-lai đã nói để họ ra cửa.

20.— Thuyền buôn vào bến nếu ở quá hai ngày đầu và chưa cất hàng thì phải chịu thuế vọng-đăng và đinh-định (theo khoản 3); khi nạp xong thuế này thuyền-chủ được giấy chấp chiếu để sau đến bến khác khỏi phải nộp thuế lần thứ hai.

21.— huyền buôn đến bến chỉ phải chịu thuế các thứ hàng-hóa mình bốc lên bến ấy mà thôi, hàng-hóa chưa cất lên sẽ chịu thuế ở bến sẽ cất v. v. . .

22.— Thuyền buôn đến bến không được tự tiện chuyển hàng qua thuyền khác, nếu gặp trường-hợp bất-lực thì phải báo quan Lãnh-sự Quan thu thuế sẽ cho nhân-viên đi xét rồi mới được làm. Trái lệnh hàng sẽ bị tịch một.

23.— Các nha, thự thu quan-thuế sẽ được bộ Hộ cấp cân và thước. Quan Lãnh-sự cũng được cấp như vậy, mỗi thứ một cái.

24.— Hàng cấm đem vào cửa biển nhiều ít sẽ bị tịch một, thuyền chủ và thương-nhân sẽ bị trục-xuất vĩnh viễn khỏi cửa biển nước Nam tiền phạt và tiền phát mại hàng-hóa sẽ nộp vào kho quan-thuế.

25.— Nước Pháp có thể tùy tiện phái binh thuyền đến các cửa biển đã khai thương để đàn-áp các thủy-thủ các thương thuyền và giúp uy-quyền cho quan Lãnh-sự. . .

26.— Binh thuyền Pháp qua lại vì việc tuần-tiễu, bảo-vệ các thương-thuyền được đối đãi bằng tình thân-hữu, được mua bán các thực-phẩm, nếu bị hư hỏng máy móc thì được sửa chữa. Tàu ngoại quốc gặp nạn hay bị hư hỏng có thể được ghé vào bất cứ bến nào và cũng được đối đãi tử-tế.

27.— Thuyền buôn của nước Nam tới lui nước Pháp hoặc tới Nam-kỳ được theo thuế của tối-hậu quốc.

28.— Y theo Hòa-ước ký ngày 15 tháng 3 năm này (khoản 2)

nước Pháp nguyện hết sức tiễu-trừ giặc biển, cướp bộ làm ngăn-trở việc thương-mại ở các bến khai-thương, nước Pháp còn gắng sức hơn để thương-nhân yên chí làm ăn.

29.— Thương-ước này được đính kèm vào Hòa-ước để được tham-chiếu cùng một lượt và cũng được hỗ-giao đồng-thời với Hòa-ước, nếu có chậm cũng không được quá ngày 15 tháng 3 năm sau thì phải đem thi hành.

Năm sau (Ất-hợi) ngày tháng ba (13-4-1875) đại diện Pháp là Thiếu-tướng Brossard de Corbigny, Regnault de Premesnil đến Huế. Đại-diện của vua Tự-Đức là Nguyễn-văn-Tường, Phạm-Ý, Đôi bên cùng làm lễ hỗ-giao Hòa-ước Giáp-tuất trước cửa Ngọ-môn vào tháng 7 (29-8-1875) Nguyễn-văn-Tường cùng Đặc-phái-viên Rheinart cũng hỗ-giao thương-ước ở Thương-bạc.

CHƯƠNG II

HENRI RIVIÈRE RA ĐÁNH BẮC-KỲ

Những biến-cố sau Hòa-ước Giáp-tuất (1874)

Như trên đã nói, triều-đình Tự-Đức sau khi ký Hòa-ước Giáp-tuất lấy lại được xứ Bắc-kỳ, cho rằng đó là điều thắng lợi nên khi Philastre và Nguyễn-văn-Tường về kinh, Tự-Đức cho quan đến cảm ơn đại-diện Pháp (ông Philastre) đã khó nhọc về việc nước ta và ban một đạo Sắc-dụ thăng Nguyễn-văn-Tường Thượng-thư bộ Hình, tước Kỳ-vĩ-Bá. Nhưng sau này do phản-ứng của sĩ-dân trong nước, Tự-Đức dần biết, với Hòa-ước Dupré nền Bảo-hộ của Pháp ở xứ Bắc đã khai mào và một ngày không xa Bắc-kỳ sẽ đi vào số phận của Nam-kỳ. Do nhận-định này Tự-Đức và triều-thần tính cách xoay lại thế cờ. Và về phía dân-chúng Bắc-kỳ ta cũng thấy một phần nào ảnh-hưởng không tốt do Hòa-ước kể trên nên nhiều vụ rối loạn lại tiếp-tục bùng ra, từ vùng đồng bằng lên đến các miền rừng núi.

Ở Quảng-yên, Hải-dương một số người xưng là con cháu nhà Lê trước đã theo Francis Garnier đánh quân-triều nay quân Pháp rút về Nam-kỳ họ bị sa thải liền về chiếm đóng Đông-triều và kết-hợp với một vài đám quân Tàu của Dupuis mộ vây thành Hải-dương. Các bờ biển sông ngòi hầu hết mất an-ninh. Sơn-tây và một phần Thanh-hóa bị giặc Cờ-Vàng quấy-đảo. Miền Thượng-du Bắc-kỳ mỗi ngày càng thiếu trật-tự. Quan ta phải qua Tàu yêu-cầu quân Thanh sang giúp. Quân Tàu có sang mà vẫn không thanh-toán nổi vụ này.

Rheinart thay Philastre ở Hà-nội trước có 40 tên lính hộ-vệ nhưng thấy số quân này không đủ đề-phòng bất-chắc nên có lấy một số lính và tàu của Dupuis bị giữ trước đó ở Hải-phòng mang lên Hà-nội tăng-cường cho mình. Philastre sợ Rheinart làm trái với Hiệp-ước nên đề-nghị với Súy-phủ sức cho Rheinart rút quân Dupuis đi, và nếu có

e ngại thì xuống Hải-phòng mà ở. Rheinart xuống đóng ở Hải-phòng nhưng ở đây lại không có việc làm nên y giao-quyền cho Thiếu-tá Dujardin mà vào Sài-gòn.

Tháng 8 năm ấy (Giáp-tuất) Nguyễn-tăng-Doãn được phái ra Bắc tìm chỗ đóng đồn trại cho quân Pháp ở Hải-dương và Hà-nội cùng điều-đình với Lục-quân Thiếu-tá Dujardin đánh dẹp hộ. Quân Pháp có dẹp được một vài toán phiến-loạn kể trên.

Còn người Pháp vào dịp này bắt đầu khuếch-trương thương-mại của họ rất mạnh. Triều-đình phải cử Hộ-bộ Thượng-thư Phạm-phú-Thứ ra làm Hải-an Tổng-đốc sung Tổng-lý-Thương chánh đại-thần, để trông nom mọi việc kinh-tế, thương-mại ngoài Bắc.

Năm sau, việc hỗ-giao Hòa-ước xong xuôi, Rheinart (nguyên Đại-úy thủy-quân, Thanh-tra bản-xứ sự-vụ) đến Huế làm Đặc-ủy-viên ngoại-giao, Kergaradec làm Lãnh-sự ở Hà-nội, Turc làm Lãnh-sự ở Hải-phòng, còn quan ta là Nguyễn-thành-Ý vào làm Lãnh-sự ở Sài-gòn. Năm Bính-tí (1876) Pháp dựng Tòa Khâm-sứ ở Huế tốn gần một triệu quan. Trong năm này Pháp thi-hành lời ước trao cho ta 5 chiếc tàu hơi: *Scorpion, d'Estaing, Mayenne, d'Entrecasteaux, Biên-hòa.* Và 5 Sĩ-quan để xử-dụng là: Dutreuil, de Rhin, Dufourcg, Lelièvre, Hamelin. Ta đối với họ lạt-lẽo nên sau một thời-gian họ đều cáo lui.

Năm Ất-hợi (1875) có chiếc tàu Pháp lên Thượng-du Bắc-kỳ vẽ địa-đồ và tìm mỏ vàng ở núi Kim-bôi. Quan tỉnh ở đây được mật-lệnh điều-đình khéo léo để ngăn cản họ.

Năm ấy có người Ý đưa thư bàn với triều-đình ta mở cuộc giao thương ở Địa-trung-hải. Quan Thương-bạc hỏi ý-kiến của Rheinart ông này gạt đi: « Họ là người làm thuê, không rõ lai-lịch thế nào mà nói chuyện... » Vua Tự-Đức biết Pháp muốn giành độc-quyền ảnh-hưởng ở đây qua việc này nên than rằng: vì không mở rộng được ngoại-giao nên bị người ta lòe bịp, ngăn trở mọi việc. Lúc này ta đã thấy rõ ký Hòa-ước Dupré là đút đầu vào dọ. (1)

Năm sau Philastre đến Huế thay Rheinart hiểu rõ chủ-trương

(1) Việc này đáng làm cho ta ngạc-nhiên là trong Hòa-ước Giáp-tuất, khoản XX có nói Pháp được quyền đặt sứ-thần ở Huế, ngược lại ta cũng có thể đặt Đại-diện ngoại-giao ở Paris. Vậy sao triều-đình Huế đã bỏ qua việc quan-trọng này? Thật là đã thua đơn lại thua cả kép.

kiềm-chế của Pháp bằng chế-độ Bảo-hộ đã tỏ ý bất bình rằng: Việt-Nam không có cần ta giúp đỡ và bóp nghẹt một nền văn-minh cổ-cựu đến như vậy, đáng tôn kính như vậy, thật là phạm một tội lớn đối với Nhân-loại *(L'Annam, dit-il (Philastre) n'a aucun besoin de nos bons services et c'est un crime de lèse humanité que de vouloir étouffer une civilisation si antique et si vénérable.* Trích ở bài La Légation de France à Huế của A. Delvaux).

Nam-triều thấy Philastre có đầu óc khoáng-đạt hơn bọn quân-nhân khác thường tìm cách khéo léo điều-đình bỏ bớt một ít điều-khoản trong Hòa-ước như : xin giao việc Thương-chánh và việc tuần phòng duyên-hải cho ta vì sự có mặt của Thủy-quân Pháp ở các cửa biển khai-thương làm cho dân chúng lo sợ.

Ta còn phàn nàn rằng Lãnh-sự Pháp ở Bắc-kỳ có ý khuyến-khích người Công-giáo khuynh-đảo chánh-quyền để khôi-phục nhà Lê... Nhưng một mình Philastre với địa-vị ít quan-trọng của ông ta thì dầu có lòng tốt cũng chẳng giúp được việc gì lớn lao như ta mong muốn.

Năm Đinh-sửu (1877, Tự-Đức 30) nhân có cuộc Đấu-xảo ở Paris, Nguyễn-thành-Ý được cử đem thổ sản qua trưng-bầy, Tự-Đức đề-nghị với Sài-gòn cử một sứ-bộ gồm Nguyễn-tăng-Doãn, Tôn-thất-Phan, Hoàng-văn-Vận sang cảm-tạ việc Pháp-đình tặng tàu và súng, nhưng không được. Nguyên năm Kỷ-mão (1879) Rheinart lại trở ra Huế thay Philastre bởi Súy-phủ Sài-gòn cho rằng chính-sách của Philastre quá mềm rẻo với Nam-triều, việc thi hành Hòa-ước đã không được chu-đáo. Trong giai-đoạn này Rheinart lấy làm bực không được vào chầu vua Tự-Đức, mỗi khi có việc chỉ có thể giao-dịch với quan Thương-Bạc mà thôi. Lời phản-đối của ông ta không được đếm xỉa, do đó Súy-phủ Sài-gòn xin bộ Thuộc-địa can thiệp về việc này.

Rồi cuộc giao-dịch giữa Rheinart với Huế mỗi ngày một nhạt nhẽo và đi tới chỗ gay cấn ; thậm chí có lần Rheinart đi với viên thầy thuốc từ Kim-long về thành, gặp lúc Tự-Đức đang ngồi câu ở Lương-tạ lính gác không cho thuyền qua, ông ta phải lên bộ mà về.

Vào tháng 10-1879 triều-đình Huế gửi thư cho Súy-phủ Nam-kỳ ngỏ ý muốn phái một sứ-bộ qua Pháp để chào mừng ông Grévy vừa được đắc cử Thống-lĩnh nước Pháp và để điều đình sửa đổi vài khoản của Hiệp-ước Nhâm-tuất.

Vì việc ta năm trước không chịu cho Đại-diện Pháp trực-tiếp với vua ta, tháng ba năm (1880) Le Myre de Vilers mới sang Sài-gòn nhận chức Thống-đốc Nam-kỳ hồi tháng 6-1879 tin cho Nam-triều rằng như vậy họ cũng không thể cho sứ-bộ ta gặp quan Giám-quốc của họ và qua Pháp và có chuyện gì xin thương-thuyết ngay tại Việt-Nam giữa đại-diện Pháp và quan Thương-Bạc. Tình thế như vậy rõ rệt là khó thở, đã vậy lại còn thêm những vụ lôi thôi khác dưới đây:

1.— Theo khoản thứ hai của Hòa-ước Giáp-tuất nước Pháp nhận nước ta không phải thần-phục nước nào do dụng ý cắt đứt mối thân-thiện của ta với Trung-quốc mà trước sau Pháp vẫn e ngại. Nhưng trong khoản thứ ba có nói: « không thay đổi việc ngoại-giao hiện-thời (*ne rien changer ses relations diplomatiques actuelles*) thành ra có sự mâu-thuẫn. Tự-Đức nhân chỗ sơ-hở này vẫn tiếp tục việc liên-lạc với Thanh đình. Tỉ-dụ: 1) Năm Mậu-thìn (1868 Tự-Đức 21) Trần-đình-Túc sang Hương-cảng nói là để tạ ơn nước Anh (không thấy sử ghi chép vì chuyện gì).

2) Năm Nhâm-thân (1872 Tự-Đức 25) Thị-lang, Nguyễn-Chánh sang Hương-cảng nói chuyện thông-hảo do yêu-cầu của Lãnh-sự Đức ở đây.

3) Năm Mậu-dần (1878, Tự-Đức 31) Nguyễn-Hiệp sang Tiêm-La nối lại cuộc bang-giao,

4) Năm Kỷ-mão, (1879 Tự-Đức 32) nước Ý sai sứ là Đôn-man-cô-ra-mô-nê đến Huế lập thương-ước.

5) Cũng năm ấy nước Tây-ban-Nha sai sứ là Marino Fernan-

CHÚ-THÍCH: Để hiểu rõ cái không-khí khó thở giữa Huế và Sài-gòn bấy giờ, xin coi bức thư dưới đây của Tướng Lafon Thống-đốc Nam-kỳ gửi cho ông Pothuau Tổng-trưởng bộ Hải quân và Thuộc-địa đề ngày 21-3-1878: « *Việc giao-thiệp giữa Triều-đình Huế và ta không có chút gì thân mật, mỗi khi có việc thì quan Việt-Nam đều tỏ ra có ác-cảm rõ rệt. Một việc nhỏ nhen cũng thành ra một việc cãi cọ, hôm nay có sự thỏa-thuận thì mai kia lại chối bỏ . . . vậy đối với nước Nam ta không nên có một chánh-sách rộng-rãi Nam-triều có cơ-hội nào thuận lợi sẽ thẳng tay ngay đối với chúng ta, nếu ta nhường nhịn thì đó là một cử-chỉ nhu-nhược.* »

Lúc này vua Nã-phá-Luân bị hạ, nước Pháp bắt đầu dựng chế-độ Cộng-hòa nên lập chức Giám-quốc tức Tổng-Thống.

dez de Henestrosa cũng đến lập thương-ước và xin bảo-hộ giáo-sĩ. Thương-ước gồm 12 khoản. Khi sứ Tây về, ta gửi 20 thanh-niên sang Âu-châu học các kỹ-nghệ, vũ-bị, nhưng vào đến Sài-gòn thì bị Pháp ngăn cản rồi Pháp đặt ở trường Chasseloup Laubat một lớp riêng cho học-sinh của Nam-triều gọi là lớp Huế *(Cours de Huế)*. Ngoài ra còn vài việc vừa xảy ra liên-tiếp như :

6) Năm Canh-thìn (1880, Tự-Đức 33) sứ Tây-ban-Nha sang hỗ-giao thương-ước.

7) Năm Tân-tỵ (1881, Tự-Đức 34) Phạm-Bính, Thị lang bộ Lễ sang Hương-cảng đặt tàu và đem 12 học trò gửi học ở trường Anh. Cuối năm Tân-tỵ (1881, Tự-Đức 34) nước Tây sai sứ sang tặng Tự-Đức và các đại-thần Trần-tiễn-Thành, Nguyễn-văn-Tường, Phạm-phú Thứ, Hoàng-Diệu mỗi người một chiếc Khánh vàng để làm thân. Nước Anh cũng thường cho thương-thuyền lui tới.

Thấy ta tăng cường mối giao-hảo với nhiều nước Âu-châu, Pháp lo ngại tìm cách ngăn chặn việc này nên các nước tính đặt Lãnh-sự ở nước ta hoặc ký thương-ước đều không thành.

Phải chăng lúc này nước Pháp đang có nhiều uy-thế ở bên kia Đại-tây-Dương nên các nước ngoại-dương phải kiêng dè Pháp? Hay các nhà ngoại giao của ta đã thiếu tài vận-động của Tô-Tần?

Vua phái Lê-Tuấn, Nguyễn-tư-Giản và Hoàng-Tịnh sang sứ Tàu nộp cống-phẩm, năm Quí-dậu (1873) cử Phan-sĩ-Thuộc, Hà-văn-Khai và Nguyễn-Tú sang bày tỏ việc đánh bọn giặc khách ở Bắc-kỳ.

CHÚ-THÍCH : Để tỏ sự băn-khoăn của Pháp đối với các nước ngoại-dương đang giao dịch với ta thuở đó, xin coi vài việc lặt-vặt dưới đây : Năm 1882 một người Trung-hoa tên là Ang-chi-Lock đã bắn súng làm kinh hoàng nhiều người tại tỉnh lỵ Hải-dương, Quan tỉnh của ta cho bắt và đem giết. Nhưng ngoại-kiều này có quốc-tịch Anh nên Lãnh-sự Anh ở Sài-gòn khiếu-nại và đòi bồi-thường (có lẽ lúc này Anh đã công nhận chủ-quyền của Pháp ở Việt-Nam rồi). Triều-đình Huế liền trực-tiếp điều-đình với Lãnh-sự Anh ở Hương-cảng. Thấy thế, Thống-đốc Nam-kỳ Le Myre de Vilers vội trích 20.000 đồng của Sở quan-thuế trao cho Lãnh-sự Anh để rập tắt vụ này. Việc thứ hai : một thương-gia Đức cư-trú ở Hải-phòng năm 1881 xuất-cảng 20.000 bao gạo bị quan ta khám chậm trễ nên hư cả số gạo này. Ông ta khiếu lên chánh-quyền Việt-Nam để đòi bồi-thường, Thống-đốc Nam-kỳ cũng xuất luôn 5.000 đồng của quỹ thuế quan để đền người Đức nói trên cho khỏi có sự can thiệp của Lãnh-sự Đức ở Hương-cảng.

Năm Bính-tý (1876) Bùi-ân-Niên tức Bùi-Dy, Lâm-Hoằng, Lê-Cát, năm Canh-thìn (1880) Nguyễn-Thuật, Trần-khánh-Tiến, Nguyễn-Hoan cũng qua Yên-Kinh. Năm sau triều Thanh sai Đường-đình-Canh sang Huế lấy danh nghĩa Chiêu-thương-cuộc xin lãnh việc chuyên chở hàng-hóa nhưng bên trong là lấy tin tức về mọi việc ở bên ta.

Năm sau nữa Đường-đình-Canh lại qua Việt-Nam lần cùng với mấy người Tàu lấy cớ cũ là đi lo việc gia o-thương rỉ tai vua Tự-Đức rằng: Đại-sứ Tàu ở Pháp là Tăng-kỷ-Trạch cho hay Pháp có ý-định đánh chiếm Bắc-kỳ nhưng thác-từ là đuổi quân Cờ-Đen; Nghị-viện Pháp đã chuẩn-y, Việt-Nam phải đề phòng. Khi họ Đường về nước triều-đình Huế cho Nguyễn-Thuật và Nguyễn-Tá đi theo. Qua việc này ta thấy Tàu tuy nội-tình đang bê-bối mà vẫn theo rõi các biến-chuyển ở Việt-Nam, còn về phía vua quan của ta cấu-kết với Trung-quốc cũng mong giải-quyết những sự khó-khăn với Pháp sau này. Nhưng triều-đình Huế quên dứt rằng từ Nha-phiến chiến-tranh, Thanh-triều ký bao nhiêu Hòa-ước táng quyền nhục quốc, còn cứu giúp được ai?

Khó chịu về việc giao-dịch giữa ta với Thanh-đình, Pháp đã nhiều lần lên tiếng trách vua Tự-Đức. Họ còn bực tức về một vài việc khác đã xảy ra trước như: vào giữa tháng 7-1880 Tự-Đức có ban hành một Dụ nói rằng những kẻ buôn bạc giả *dầu là người Âu-châu* đều bị phạt trượng. Ông Jauréguiberry liền cho triều-đình Huế hay rằng theo Hòa-ước thì Dụ này không áp-dụng được với người Âu-châu tức là ta không có ngoại-trị pháp-quyền đối với họ. Viên Tổng-trưởng thuộc-địa này còn dọa sẽ truyền lệnh cho Thống-đốc Nam-kỳ mang hai chiến-hạm đến phong-tỏa các cửa biển Việt-Nam nếu việc trên xảy ra. Vài ngày sau, de Freycinet, Tổng-trưởng ngoại giao nói với Jauréguiberry rằng việc cảnh-sát sông Hồng-hà không hiệu-nghiệm cần phải chiếm thượng-lưu con sông này và phải dự-trù 3000 quân viễn-chinh vào công chuyện đó. Rồi ông Freycinet yêu cầu ông Jauréguiberry thảo một dự-luật để đệ lên Hội-đồng Tổng-trưởng và Thượng, Hạ Nghị-viện. Do dự-định kể trên Freycinet đã hy-sinh chức Ngoại trưởng và Jauréguiberry ngày 23-9-1880 phải giao Bộ Hải-quân và Thuộc-địa cho Đô-đốc Cloué bởi dân Pháp lúc này không tán thành những cuộc chiến-tranh xa-xôi. Ngày 5-11-1880 việc gửi quân viễn-chinh qua Việt-Nam được đưa ra Hội-đồng Tổng-trưởng để quyết-định

Ngày 10-11-1880 một việc xảy ra ngoài ý muốn của Triều-đình Việt-Nam và làm cho Pháp phải điên ruột là sự can-thiệp bất ngờ của Đại-sứ Trung-hoa ở Paris vào việc Việt-Nam. Viên Đại-sứ này nói với Ngoại-trưởng Pháp rằng Đại-Nam vẫn là nước chư-hầu của Trung-Quốc... Ý của ông ta là không muốn Pháp dùng võ-lực mà can-thiệp ở Bắc-kỳ. Ngoại-trưởng Pháp trả lời : Pháp trước sau vẫn theo đúng Hiệp-ước 1874 và cố tránh mọi sự hiểu lầm có thể xảy ra giữa Paris và Bắc-kinh. Rồi việc này cũng thành một căn-nguyên cho việc tranh-chấp bằng súng đạn trên đất Trung-hoa mãi tới lúc có việc ký-kết lần thứ nhì giữa Pháp và Trung-hoa tại Thiên-tân ngày 9-6-1885 mới chấm dứt. Chính sự thắc-mắc trên đây đã thúc đẩy thời-cuộc miền Bắc nói riêng, Việt-Nam nói chung chóng đi tới khúc quanh của lịch-sử. Tại sao ? Tại Pháp e ngại Tàu lấy lý do Việt-Nam là nước lệ-thuộc của mình mà giành lấy miền Bắc. Có lẽ sự thắc-mắc ấy đã bắt nguồn ngay từ năm Mậu-dần (1878) nhiều hơn cả vì Triều-đình Huế không dẹp nổi bọn giặc Tàu do Lý-dương-Tài nguyên Hiệp-trấn châu Tầm (Quảng-tây) bị cách đem sang Lạng-sơn cướp phá. Theo lời yêu cầu của ta, Đề-đốc Quảng-Tây là Phùng-tử-Tài mang 26 quân-doanh sang cùng quân ta hội-tiễu.

Tháng 9 năm Kỷ-mão (1879) quan quân ta mới bắt được Lý-dương-Tài ở núi Nghiêm-hậu, tỉnh Thái-nguyên đem giải về Tàu. Vì miền Bắc luôn luôn có loạn, Triều-đình phải đặt ra chức Tĩnh-biên-sứ để gìn giữ an-ninh vùng Thượng-du Bắc-kỳ. Năm sau (1880) triều-đình lập Lạng-giang-đạo và Đoan-hùng-đạo giao cho Tĩnh-biên Phó sứ là Trương-quang-Đản và Nguyễn-hữu-Độ đặt dưới quyền kiểm-soát của Phò-mã Hoàng-tá-Viêm lĩnh chức Tĩnh-biên-sứ.

Mười năm trước đây dư-đảng của *Thái-bình thiên-quốc* sau khi tan rã ở đất Tàu đã chạy qua Việt-Nam đã cướp phá lung tung khắp nơi. Tướng giặc là Ngô-Côn năm Mậu-thìn (1868) đã chiếm tỉnh Cao-bằng bắt Bố-chính Nguyễn-văn-Vĩ, ta cũng nhờ quân Tàu sang cùng đánh dẹp. Năm ấy quan quân ta bị thua. Tham-tán Nguyễn-Mại, Phó-Đề-đốc Nguyễn-viết-Thành tử-tiết. Thống-đốc Phạm-chi-Lương bị bắt. Mãi đến năm Canh-ngọ (1870) Tiễu-phủ-sứ Ông-Ích-Khiêm mới bắt được Ngô-Côn nhưng mấy bộ tướng của họ Ngô là Lưu-vĩnh-Phúc

CHÚ-THÍCH : Tài liệu này lấy trong cuốn «Livre Jaune A, chương L'Indochine française contemporaine, Politique française en Indochine, Les Expéditions»

chỉ-huy của quân Cờ Đen, Hoàng-sùng-Anh lãnh-tụ quân Cờ Vàng, Bàn-văn-Nhị và Lương-văn-Lợi đầu-mục của quân Cờ Trắng vẫn tung hoành khắp miền Thượng-du đất Bắc. Chúng thâu thuế, cướp bóc dân chúng rất là tệ-hại. Sau Cờ Đen và Cờ Vàng mâu-thuẫn với nhau. Ta lợi-dụng được tình-trạng này thu-phục được Lưu-vĩnh-Phúc cho chính-thức quản-trị đất Lào-Cai. Sau đó Tán-tương Tôn-thất-Thuyết bắt được Hoàng-sùng-Anh vào tháng 8 (1875) là năm Tự-Đức 28 năm Ất-hợi ở làng Châu-thượng phủ Vĩnh-tường, tỉnh Vĩnh-yên. Cờ Vàng tan vỡ hết từ đó. Quân Cờ Trắng bấy giờ cũng không còn nữa. Tuy Lưu-vĩnh-Phúc đã về với triều-đình, nhưng đám quân của ông ta vẫn chưa hẳn hết thói lục-lâm nên đã có lần Tán-lý quân-vụ Tuyên-quang là Trần-đình-Túc phải đề-nghị đuổi chúng về Tàu. Nhưng việc không xong vì triều-đình còn muốn lưu-dụng quân Cờ Đen làm một lực-lượng kháng Pháp, cho rằng hữu-hiệu hơn quân đội của mình vì họ thiện-chiến. Quả vậy chính nhờ có việc kết-nạp Lưu-vĩnh-Phúc mà Francis Garnier đã bỏ mạng năm Quí-dậu (1873). Pháp biết vậy nên vào năm 1875 đã hết sức phản-đối việc ta dùng quân Cờ Đen, vua Tự-Đức phải khiến quan Thương-Bạc trả lời Pháp-súy Nam-Kỳ rằng Lưu-vĩnh-Phúc là tôi con của triều-đình rồi, xin đừng nghi-ngại. Tuy vậy quân Cờ Đen vẫn quấy nhiễu các thuyền buôn của Pháp trên sông Hồng-Hà. Bọn nhà buôn và thám-hiểm Pháp đã gặp nhiều sự trở-ngại, tỉ-dụ hai kỹ-sư mỏ Pháp là Fuchs và Stadin đi tìm mạch Antimoine ở Moncay bằng thuyền máy bị quân Cờ Đen không cho lên bộ. Họ về khiếu-nại với Súy-phủ. Pháp lại gửi thư trách Nam-triều. Thị-lang Trần-thủ-Nhẫn phải vào Gia-định giảng-giải.

CHÚ-THÍCH.— Vì vấn đề Bắc-Kỳ mà ba phen Nội-các Pháp phải đổ từ 1879-1881. Nếu ta có sứ-thần ở Paris và biết dùng thủ-đoạn ngoại-giao, chính-trị chưa để nước ta đã đi sớm đến bước suy vong vào mấy năm sau.

CHƯƠNG III

THÀNH HÀ-NỘI THẤT THỦ LẦN THỨ HAI

Trận giặc ngoại-giao giữa Pháp và Nam-triều

Do hậu-quả của những vụ xích-mích đã xảy ra trên đây giữa triều-đình Huế và người Pháp lại thêm sự có mặt và nhiều hoạt-động của quân Cờ Đen ở Bắc-Kỳ, Pháp-đình ngại rằng nước Tàu hoặc nước Anh sớm muộn sẽ nhảy vào thời-cuộc Việt-Nam hoặc đã bí-mật nhúng tay vào. Bọn Thực-dân Pháp liền vận động báo-chí Pháp và chánh-giới Paris mở cuộc xâm lăng vào Bắc-Kỳ cho khỏi lỡ cơ-hội. Quần-chúng Pháp lúc này cũng nghiêng về chính-kiến của họ nên ngày 4-2-1879 Phó Thủy-sư Đô-đốc Jauréguiberry lại trở về Bộ Hải-quân và Thuộc-địa, Freycinet lại trở lại với chức Ngoại-trưởng như cũ. Và chủ-trương đánh chiếm Bắc-Kỳ còn được tăng cường thêm một phần sau này do bức điện-văn của De Vilers gửi về Pháp-đình ngày 1-11-1881 như sau : « *Trước sự bất lực của Triều-đình Huế và trước thái-độ láo-xược của quân Cờ Đen, tôi tưởng cần tăng thêm số quân của chúng ta đang đồn trú ở Hà-nội. Đến thứ năm chiếc DRAC sẽ khởi hành, sẽ không có cuộc hành-binh, tôi chỉ lo đề phòng và không cần kinh-phí...* »

Nhưng trước đó, mấy tháng sau vụ Rheinart bị sỉ-nhục ở trên dòng sông Hương, Jauréguiberry vốn nhiệt-liệt với vấn-đề dùng võ-lực đối với Huế và chủ-trương đánh chiếm hết Việt-Nam, đã viết cho Bộ trưởng ngoại-giao Freycinet, đồng-chí của ông ta : Chúng ta không thể chịu được sự lăng-nhục người đại-diện nước Pháp đến như thế, dù trong chốc lát. Theo điều-ước đã ký với triều-đình Huế. Pháp phải có địa-vị riêng và quyền lợi đặc-biệt ở xứ này... đối với Bắc-Kỳ cũng như đối với triều-đình Việt-Nam, nước Pháp phải dứt khoát cho

xong. Theo ý tôi việc bảo-hộ phải được minh-xác (1)...

Ngoài ra thấy việc khai-thác miền Bắc nói chung. việc khai-thương con sông Hồng-hà nói riêng gặp nhiều trở ngại, Hội-đồng Bộ-trưởng đã bàn việc đem 3000 lính đánh chiếm thượng-lưu con sông này. Tóm lại chính-giới Pháp luôn luôn theo rõi thời cuộc Việt Nam khi muốn đánh, khi ngần-ngại. nhưng vào tháng 9 năm 1881 Le Myre de Vilers về Pháp nghỉ dưỡng sức đã gặp Bộ-trưởng Hải-quân và bàn với nhau không dùng chiến-tranh để chinh-phục nhưng biểu-dương võ-lực để Việt-Nam khiếp sợ mà chịu khuất-phục. Rồi chủ-trương ăn cướp không tốn sức, tốn đạn có được thực-thi không ? Trong lúc này (vào cuối năm Tân-tị 1881) xảy ra việc hai người Pháp nữa là Courtin và Villeroi có đủ giấy thông-hành hợp-lệ đi thuyền lên Vân-nam khảo-cứu Vạn-vật-học tới gần Lao-cai cũng gặp trường-hợp như Fuchs và Stadin. Tên đầy tớ Mã-lai của họ còn bị bắn vào đùi khiến họ phải rút lui về Hưng-hóa. Tới đây họ lại gặp quân Cờ Đen và lại phải chạy trốn.

Sau vụ này Le Myre de Vilers gửi thư về Pháp và thay đổi ý-kiến : Viên Thống-đốc Nam-Kỳ xin dùng binh để dẹp yên xứ Bắc-Kỳ. Một mặt ông gửi cho vua Tự-Đức bức thư đại-khái như sau đề ngày 13-3-1882 :

Tâu Hoàng-thượng,

Hoàng-thượng đã biết bụng tôi đối với Ngài. Ngài hẳn rõ rằng từ hai năm nay tôi là người chủ trương gìn-giữ tình hòa-hảo giữa hai nước Việt-Pháp. Tôi nghỉ rằng như vậy là điều có lợi và cần thiết cho cả hai bên. Như vậy xin Hoàng-thượng chú ý đến những lời mà lương-tâm đã thúc bách tôi giãi bầy dưới đây :

Tâu Hoàng-thượng, người ta đã đưa hoàng-triều đến chỗ thất bại, phép vua luật nước không còn được tuân hành nữa. Chỗ nào cũng rối loạn, giặc cướp công nhiên hoạt-động, nhân-dân bị quan lại hà-hiếp, chính ra những người này có bổn phận binh-vực họ. Giờ đây sự nghèo khó lan-tràn khắp nơi, của cải trong nước bị những kẻ gian tham cướp hết. Riêng ở Bắc-Kỳ người Pháp đi du-lịch có đủ giấy tờ thông-hành mà bị bọn lính Tàu đánh mướn xúc-phạm. Quan

(1) Như vậy Pháp đã tự-thú cái trò úp mở của mình với Hòa-ước Giáp-tuất (1874).

sở-tại không đủ sức bảo-vệ cho các người đồng bang của chúng tôi. Ngay tại Huế, người đại-diện của nước Pháp cũng bị nhục-mạ nặng-nề phải mất 12 ngày và có Hoàng-thượng can-thiệp mọi sự mới được ổn-định.

Gần đây ông Champeaux, Lãnh-sự ở Hải-phòng và ông Fuchs Chánh-kỹ-sư mỏ đã bị tướng giặc Lưu-vĩnh-Phúc ngăn cản trên hành-trình của ông ở một vài địa-phương miền Bắc. Hai ông còn bị hăm-dọa nữa.

Chiều theo tình-thế, Chính-phủ Cộng-hòa Pháp không thể chịu đựng mãi sự-kiện này và tôi sẽ bất-đắc-dĩ phải dùng mọi phương pháp để gìn giữ an-ninh cho người nước tôi. Sau tôi xin nhắc Hoàng-thượng rằng nước Pháp không muốn chiến tranh và nếu phải động-binh thì đó là điều bắt buộc. Tóm lại chúng tôi tùy hành-động của các quan An-Nam ở Bắc-Kỳ mà xử-trí ».

Sau bức thư này chừng mười mấy ngày, Le Myre de Vilers sai Đại-tá Hai-quân Henri Rivière đem hai chiến-thuyền (chiếc *Drac* và *Parseval*) (1) và ba trăm lính ra Hà-nội. Việc này xảy ra vào đầu tháng hai năm Nhâm-ngọ (1882). Tuy nhiên chỉ-thị trao cho Henri Rivière là : « *Khuếch-trương và củng-cố thế-lực của nước Pháp ở Bắc-kỳ và Trung-kỳ một cách hòa-bình, khéo léo. chỉ dùng vũ-lực* » *trong trường-hợp cần-thiết tuyệt-đối mà thôi.*

Ngày 1-4-1882 chiếc *Drac* và *Parseval* tới Hải-phòng, ngày 3-4-1882 viện-binh Pháp đổ bộ lên Hà-nội vào đóng tại nhà thương Đồn-thủy. Henri Rivière tuyên bố rằng y đem quân ra Hà-nội chuyến này để đối phó với quân Cờ Đen và bảo-vệ các Pháp-kiều. Lúc này Pháp có hai đại đội thủy-quân và bộ-binh do Thiếu-tá Berthe de Villers chỉ huy đang có mặt ở đây để bảo-vệ Tòa Lãnh-sự Pháp.

Trong khi Súy-phủ Nam-Kỳ gửi quân ra Bắc, Rheinart có cho quan Thương-Bạc biết việc này và nói thêm rằng nước Pháp cương-quyết thi hành Hiệp-ước cho sát cũng như bảo-vệ quyền-lợi của các kiều-dân Pháp-Súy-phủ Nam-Kỳ yêu cầu các quan Việt-Nam ở ngoài Bắc bãi bỏ hết mọi việc sửa soạn quân-sự và thái-độ thù nghịch. Ông

(1) Pháp gửi ra Bắc trong hai chiến thuyền này hai đại đội Thủy-quân lục-chiến, một phân-đội pháo-binh và một phân-đội lính tập đặt dưới quyền Tiểu-đoàn-trưởng Chanu.

ta còn đưa ý-kiến nên gửi hai đại-diện của Nam-triều ra thảo-luận với Rivière hầu dẹp bỏ mọi việc khiêu-khích đối với Pháp.

Trần-đình-Túc và Nguyễn-hữu-Độ liền nhờ tàu *Parseval* đề ra Hà-nội. Cuộc thương-thuyết giữa hai ông được diễn ra một cách lịch-sự nhưng Tổng-đốc Nam-định và các ông Tuần-phủ Ninh-bình, Sơn-tây và Bắc-ninh nói theo huấn-lệnh của Nguyễn-văn-Tường họ chỉ chịu sự điều-khiển của Phò-mã Hoàng-tá-Viêm mà thôi. Vua Tự-Đức giận lắm cam-kết với Rheinart rằng ngài vừa cho Trần-đình-Túc thêm quyền hành buộc các quan ngoài Bắc phải theo và để đối phó cả với Hoàng-tá-Viêm. Nhưng mệnh-lệnh của nhà vua vẫn vô-hiệu, cuộc khủng-hoảng tinh-thần càng tăng thêm.

Vì lý-do gì mà lệnh của vua Tự-Đức không được tuân ? Sự thực khi Henri Rivière đem hai đại-đội Thủy-quân lục-chiến vào Hà-nội, Nguyễn-Lập có mật tâu việc này về triều khiến vua Tự-Đức phải lo rằng Pháp sẽ đánh Bắc-Kỳ rồi ngài sắc khiến các quan từ Ninh-bình trở ra phải dự-phòng kín-đáo, nhưng nếu Pháp ra tay thì phải hết sức chống lại. Bề khác nhà vua cho Thị-lang Hộ bộ Nguyễn-thành-Ý vào Gia-định bàn cãi về việc Lưu-vĩnh-Phúc và mọi vấn-đề Bắc-Kỳ. Ta có thể kết luận rằng việc Tự-Đức nói với Philastre trên đây cũng như cho Nguyễn thành-Ý vô Nam chỉ cốt cho xuôi câu chuyện với Sài-gòn mà thôi. Và về phần Súy-phủ Nam-Kỳ trước sau vẫn là có chủ-trương chiếm cho hết đất đai của Việt-Nam bằng phương-tiện hòa-bình hay chiến-tranh là tùy theo tình-thế. Việt-Nam lúc này quá suy-nhược nên có thiên mưu, bách kế cũng không tránh khỏi cái họa mất nước.

Như trên đã nói, Huế cho người vào vỗ-về Pháp ở Sài-gòn, bề khác Huế cũng được Hoàng-tá-Viêm báo động và xin đem quân ra Bắc đóng ở Sơn-tây lấy tiếng là ra giữ trật-tự biên-thùy cho Pháp khỏi nghi-ngại. Rồi Tự-Đức theo đề-nghị này gửi Nguyễn-Chánh làm Bắc-Kỳ kinh-lược, Bùi-ân-Niên, Tham-tri Hộ-bộ và Linh-mục Thơ ra Bắc hợp-tác với Hoàng cùng khiến quân Cờ Đen phải lui ra xa để đón coi tình-thế.

Theo ý-kiến của Hoàng-Diệu, vị chỉ-huy tối cao của Hà-nội, Sơn-Tây, ta có thể lợi-dụng hình-thế hiểm-trở của rừng núi Bắc-kỳ mà kháng Pháp bởi họ chỉ thạo thủy-chiến mà thôi. Nếu chiến-sự kéo dài họ sẽ thấy khó mà rút đi chăng ?

Lúc này thấy viện-binh Pháp cứ đem thêm ra Bắc và thường lưu động qua Nam-định, Ninh-bình, dân chúng có ý lo ngại. Các nhà quân sự của ta liền đem một phần quân-lực ra ngoài phòng khi hữu sự sẽ yểm-trợ cho quân trong thành.

Đặc ủy-viên Pháp tại Huế có trách triều-đình ta có sự nghi ngờ họ. Họ còn yêu-cầu ta bãi binh cho khỏi có sự gây hấn. Tự-Đức cho rằng việc phòng-bị vẫn là điều cần và triệt bỏ quân-đội sẽ là trúng kế của địch. Hoàng-tá-Viêm xin đem quân về Hà-nội nghe ngóng tình thế, Tự-Đức không chấp-thuận e lộ hình-tích chiến-tranh.

Trong giờ phút đầu H. Rivière tới Hà-nội. Tổng-đốc Hoàng-Diệu có ủy quan Tuần và quan Án ra đón tiếp ân-cần. H. Rivière cũng đến thăm Hoàng-Diệu. Thấy quân Pháp đến đông lại có kẻ thanh-ngôn sẽ vào đồn trú trong thành, Hoàng-Diệu hối-hả việc phòng-bị và lấy thêm quân lính ở các tỉnh về. Viên Tổng chỉ-huy quân đội Pháp đòi bên ta triệt-binh và bãi bỏ mọi công-tác bố-phòng, dĩ-nhiên Hoàng-Diệu không nghe. Lại có mấy sĩ-quan Pháp muốn đi dạo vào thành, lính giữ thành không cho vào. Henri Rivière liền cho lệnh Thiếu-tá hải-quân Fiaschi lấy một đại đội quân đổ bộ và Trung-úy de Montignault mang nửa đại đội Thủy-quân lục-chiến từ Hải-phòng lên Hà-nội do các pháo-hạm *La Fanfare*, *La Surprise*, *La Massue* và *La Carabine*. Còn chiếc *Le Drac*, *Le Hamelin* và *Le Parseval* vẫn ở lại Hải-phòng.

Lúc này thực-lực của Pháp có : 405 lính Thủy-quân lục-chiến, 130 Thủy-binh, 20 lính-tập ; Trọng-pháo có 6 đại-bác 40 ly và 1 khẩu 60 ly.

Ngày mồng 8 tháng ba năm Nhâm-ngọ (25-4-1882) tức là 23 ngày sau khi quân Pháp đặt chân lên Hà-nội. H. Rivière gửi cho Tổng-đốc họ Hoàng một tối-hậu-thư vào 5 giờ sáng hạn đến 8 giờ sáng mà không có việc triệt-binh, các quan văn võ Việt-Nam không đến nạp mình ở Đồn-thủy, Pháp sẽ đánh thành và sẽ sắp đặt lại mọi việc cho khỏi có sự nguy-hại đến họ.

Hoàng-Diệu cho Án-sát Tôn-thất-Bá dùng thang trèo ra ngoài thành để đi thương-lượng với Pháp nhưng đã muộn Bá vừa xuống khỏi bực thang cuối cùng thì quân Pháp đã mở cuộc tấn công. Bấy giờ là 8 giờ 15 phút. Quân Việt chỉ còn việc chống đỡ. Quân Pháp

đã được phân-phối đầy đủ vào các vị-trí xong là đại-bác ở các pháo-hạm từ ngoài sông bắn vào thành như mưa rào làm cháy nhiều nơi ở trong. Đại-úy Retrouvey cầm đầu một đại đội Thủy-quân lục-chiến có một khẩu đại-bác 120 ly do Thủy-binh điều-khiển tiến đến cửa Đông, nhưng sự thực Pháp giả vờ đánh khoảng ở đây để chia quân lực của ta cho yếu đi mà thôi. Nơi bị đánh ào-ạt nhất theo kế-hoạch là khoảng Tây-Nam thành Thăng-long do một đạo Lục-quân 50 người của Đại-úy Martin và hai Trung-úy Comte và Chenagon và một đạo 50 Thủy-quân dưới quyền Đại-úy Thesmar và Trung-úy hải quân Chapelle chỉ dùng toàn súng sáu và thang tre cao 6 thước trèo vào thành, yểm-trợ cho đạo quân này có 100 tay súng trường. Một đạo quân trừ-bị thứ nhất gồm 100 tên đi với Thiếu-tá Chanu, Thiếu-tá de Villers và Đại-úy công binh Dupommier và hai khẩu đại-bác 40 ly làm hậu-tập cho đoàn quân cận-chiến từ Đồn-thủy vòng qua Ô Yên-phụ tiến vào cửa Bắc (qua đường Cổ-ngư chăng ?). Một đạo quân trừ-bị thứ hai gồm 40 thủy-quân do Fiaschi, Thiếu-tá hải-quân chỉ-huy đi theo Đại-tá Henri Rivière. Trong đám này Lãnh-sự de Kergaradec và Thiếu-tá Hải-quân de Marolles cũng có mặt.

Ngoài pháo-đài và mé thành cửa Bắc chạy dài 500 thước bị công-phá, các dinh trại và kho tàng cũng là mục tiêu cho đại-bác của Pháp bắn vào không ngớt. Cuộc giao tranh khá kịch-liệt Trong bắn ra, ngoài bắn vô Các nhà lá của dân-chúng ở ngoài thành bị đạn cháy ngất trời, tàn lửa bay lung-tung. Địch phải đổi chỗ luôn, kéo đại-bác đi rất là vất-vả.

Viên chánh suất đội Hùng-Nhuệ đang thúc-quân ứng-chiến bị đạn ngã gục. Bố-chánh Phan-văn-Tuyền bỏ chạy vào kho thuốc súng thì kho này đang bị cháy lửa bốc lên ngùn-ngụt, tiếng nổ inh tai, khói tỏa mịt-mù. Đây là sự thành công của đội pháo-thủ do Trung-úy Deviternes chỉ-huy. Những dãy nhà cách thành vài trăm thước cũng bị vạ lây.

9 giờ 15 Tình thế của Việt-quân đã có vẻ nguy ngập. Nhiều doanh trại cũng bị nội-công của Pháp đốt. Tin dữ cáo cấp đến Tổng-đốc Hoàng-Diệu. Ông vẫn bình-tĩnh truyền lấy gấp dạn-dược lên cửa Bắc, nhưng vô-ích đại-bác của ta không chuyển-dịch dễ dàng được, lại không thay đổi được tầm bắn xa gần thành vô-dụng và vô-hiệu bởi thế không sao ngăn được địch mỗi phút xung-sát một mạnh.

Tại cửa Đông, thấy thế nguy Đề-đốc Lê-Trinh bỏ chạy. Lãnh-binh Lê-Trực ở cửa Tây cũng rút. Thế là hai mặt này bị tan vỡ rồi. Ở cửa Nam Thủy-sư Lãnh-binh Nguyễn-đình-Đường còn cố chống giữ nhưng chẳng được bao lâu. Còn riêng cửa Bắc sức kháng-chiến còn đáng kể vì Hoàng-Diệu và Phó-lãnh binh Hồ-văn-Phong *(Việt-Nam Pháp thuộc sử* chép là Hồ-văn-Lễ) chưa bỏ cuộc.

Nhờ có thang tre quân Pháp trèo lên góc Tây-Bắc, ầm-ầm kéo xuống. Họ hò reo như long trời lở đất. Hai bên hỗn chiến, gươm dáo lưỡi-lê chạm nhau nghe lạnh cả người. Quân Việt vừa đánh vừa rút biết địch đã làm chủ được chiến-trường. Hoàng-Diệu đầu đội khăn xanh, mình mặt áo the thâm, thắt lưng nhiều điều buộc múi bên sườn cưỡi voi cùng mười viên võ cử len-lỏi giữa đám tàn quân rút về phía Hành-cung. Lúc này quân ta chạy rối loạn như ong vỡ tổ. Tại đây ông truyền : « Ai muốn về kinh thì về, còn ai muốn đánh nữa thì lên Sơn-tây họp với Hoàng-tá-Viêm ». Khi mọi người đã giải tán, ông vào bên trong lạy vọng về triều cắt, ngón tay lấy máu viết mấy lời di-biểu để tạ tội như sau :

« Tôi, sức học rất thường, được dùng quá lớn. Mang ơn phó thác, trọng-trấn một phương. Giữa lúc giặc giã lung-tung ba cõi, một kẻ học trò, việc biên vốn chửa thuộc thông. 10 năm thương-ước, lòng địch lại vẫn khó tin. Từ lúc tôi vâng mệnh ra trấn-thủ Hà-nội, đến nay ba năm, vẫn lo rèn-tập giáp-binh, sửa soạn thành lũy. Không những để yên bờ cõi, lại còn phải phòng ngừa lũ hùm beo.

« Nào ngờ chim chóc còn đang lót ổ ! Muông thú đã dậy lòng tham.

Ngày tháng hai năm nay, thấy tàu nước Phú-lãng tấp nập kéo tới phần nhiều lại đậu ở đây. Binh họ đến từ phương xa, dân mình thấy mà lo ngại

« Tôi trộm nghĩ : Hà thành là đất cuống họng của xứ Bắc, tức là nơi trọng-yếu của nước ta. Nếu như một mai thành nầy chẳng may sụp đổ như núi lở, thì các tỉnh lần lượt vỡ như ngói tan. Vì thế mà tôi lo sợ khẩn cấp tư giấy đi các tỉnh lân cận, một mặt dâng sớ về triều đình cầu viện. Nhưng mà mấy lần tiếp được chiếu thư gởi ra, khi thì trách tôi lấy việc binh ra hăm dọa, khi thì quở tôi phòng quân địch không phải đường.

« Tôi tự xét không quyền chế, quan to dám đâu lìa chức ra đi ; răn mình theo đạo cổ nhân, lòng trung chỉ biết thờ vua một dạ.

« Thường ngày, tôi cùng một hai người có chức-vụ, bàn soạn công việc, có người bàn nên mở cửa thành cho họ tự do ra vào, có người khuyên phải triệt-binh để họ hết điều ngờ vực. Tôi nghĩ dù cho thịt nát xương tan cũng cam không nỡ lòng nào làm những việc như thế cho được.

« Giữa lúc ta thu xếp chưa định ra sao, thì họ đã trái lời giao-kết ngày trước. Ngày hôm mồng 7, họ đưa chiến-thư, sáng hôm sau họ tiến quân đánh thẳng.

« Quân địch bu như kiến cỏ, súng Tây nổ như sấm vang.

« Ngoài phố cháy lây, trong thành khiếp vía.

« Tôi tuy mới đau dậy, cũng cố gượng cầm binh, treo gương xông pha, trước hàng tướng sĩ. Bắn chết quân địch hơn trăm, cố giữ thành trì nửa buổi.

« Nhưng mà họ mạnh ta yếu, viện tuyệt, thế cùng, tướng võ sợ địch bỏ chạy tứ tung, quan văn thấy nguy đua nhau đào tẩu. Tấc lòng tôi đau như dao cắt, một tay mình khó nổi chống ngăn. Làm tướng vốn không phải tài, than thân sống thật vô ích.

« Mất thành mà chẳng thề cứu, nghĩ mình tội chết có thừa. Thoát lấy thân hòng chuyện báo phục mai sau, đâu dám theo gương Tào-Mạt thà rằng chết để bù trách-nhiệm hiện tại chỉ còn bắt chước Trương-Tuần.

« Nào dám khoe khoang trung nghĩa gì đâu, chẳng qua vì sự thế khiến vậy.

« Để cho đất nước mất về quân địch, luống thẹn với sĩ-phu đất Bắc ở trần gian ; thôi thì lòng riêng nguyện với thành trì, xin theo gót tiên-liệt Nguyễn-tri-Phương nơi chín suối.

« Vài hàng lệ máu, muôn dặm quân-vương, xin đem ánh sáng của mặt trời, mặt trăng soi thấu lòng son của tôi vậy ».

HOÀNG-DIỆU
Mồng 8 tháng 3
năm Tự-Đức thứ 35

Viết xong, ông ra chỗ cây táo trước Võ miếu, lấy khăn bịt đầu, thắt cổ tự vận, tuẫn-tiết.

Trong khi đó các Đề-đốc, Lãnh-binh bỏ thành chạy trốn. Đề-đốc

Lê-Trinh giả đò tự-tử để che mắt người đời, Bố-chánh Cao-hữu-Sung trốn lên phủ Hoài-đức.

Vào 10g45, Henri Rivière hạ lệnh cho trọng-pháo ngừng bắn và tất cả quân đội Pháp xông vào thành đánh giáp lá cà. Cửa Bắc bị đại-bác Pháp phá, quân ta ở trên vòng thành bị đạn té nhào rất nhiều nhưng thành chỉ bị thủng qua-loa như đem cả cái kỳ-công của triều Lý do sức cần cù của dân tộc Việt-Nam xây-dựng để đối phó với biến-cố phũ-phàng của thời-thế.

Tuần-phủ Hoàng-hữu-Xứng chạy đến Hành-cung (gần cột cờ hiện nay) tìm Tổng-đốc Hoàng-Diệu thì ông đã thắt cổ chết. Quân Pháp ập tới bắt được ông Xứng và giam giữ ông ở Hành cung. Sau này ông nhịn ăn rồi sinh bệnh. Án-sát Tôn-thất-Bá chạy đến làng Nhân-mục (Hà-đông). Người Pháp cho mời về để giao lại tỉnh-thành. Bá bàn việc này với Xứng Xứng khước đi. Bá khóc-lóc trình bầy lợi hại. Hữu-Xứng để riêng Bá nhận. Thời bấy giờ người ta nghi Bá đã thông-đồng với Pháp từ trước. Bá được Pháp cử làm quyền Tổng-đốc Hà-nội vào ngày 29-4-1882.

Tính sự thua thiệt của đôi bên thì Việt-Nam chết chừng 40 chiến sĩ, 20 người bị thương. Địch có 4 người trúng đạn trong đó có Thiếu-tá Berthe de Villers. Pháp vào trong kho thu được 17.000 đồng bạc và một số tiền đồng, thoi đồng, thau đáng giá 75.000 phật lăng, và từ khi chiếm được Hà-nội Rivère chiếm luôn cả sở Quan-thuế và tịch-thu được 102.982 đồng-bạc của sở Quan-thuế Hải-phòng. Tháng 4 năm Quí-vị (1883) y cho bán hết gạo hiện trữ ở Chiêu-thương cuộc tỉnh Hải-dương và thu thuế nha-phiến, thuế xuất nhập-cảng gạo. Do nắm quyền quản-trị quan-thuế, mỗi tháng Pháp thu được ước 10.000 đồng,

Sau khi Hà-nội thất thủ, Tự-Đức và cả triều-đình lấy làm đau xót. Vua ban cho mẹ già của Hoàng-Diệu một ngàn quan tiền và sai quan tỉnh Quảng-nam tế một lễ rất trọng-thể và cho đặt bài-vị vào nhà thờ Trung-nghĩa. Đối với các quan thất trận có nghị phạt như sau: Tuần-phủ-Hoàng hữu-xứng, Án-sát Tôn-thất-Bá bị cách chức hiệu-lực, Bố-chánh Phan-văn-Tuyển bị cách về làm dân và từ Hoàng-hữu-Xứng trở xuống hết thảy các chức văn võ đều bị giải về kinh đợi án.

CHÚ-THÍCH.— Tài liệu của Pháp chép Hoàng-Diệu thắt cổ vào một cành cây trước *Hiển-trung-từ*.

Ông Nguyễn-văn-Giai tục kêu Ba-Giai, làm bài. « *Hà-thành Chính khí ca* » kể lại trận đánh Hà-nội rất rõ ràng, có đoạn rằng:

... Không ngờ thất ý tại ta.
Rõ ràng thắng trận, thế mà thua cơ :
Nội-công phản tự bao giờ,
Thấy kho thuốc cháy ngọn cờ ngả theo !
. . . . . .
Nào ai còn giở kinh luân.
Nào ai nghĩ đến thánh quân trên đầu ?
Một cơn gió thảm mưa sầu.
Nấu nung gan sắt, dãi dầu lòng son.
Chữ trung còn chút con con
Quyết đem gởi cái tàn hồn gốc cây,
Trời cao, bể rộng, đất dày
Núi Nùng, sông Nhị chốn này làm ghi ! v. v...
Thương ôi ! trong buổi lưu-ly,
Tấc riêng ai cũng thương vì người trung.
Rủ nhau tiền góp của chung,
Đưa người ra táng ở thung học-đường
Thiết-tha nhẽ ! ngần-ngơ nhường,
Tả-tơi thành-quách, tồi tàn vật nhân.
Ngán thay cho cái phong-trần,
Tiếc thay cho kẻ phong-thần lắm thay !
. . . . . .
Vì ai nên nỗi nước này ?
Để người danh tiết biết ngày nào quên ?
Giải Nhị-hà, cối giang biên,
Trăm năm tiều cốt để nghìn người coi...

Ngoài bài thơ lục-bát lâm ly, bi-thiết trên đây, ông Ba-Giai không quên làm một bài Đường-luật để ghi vào lịch-sử tinh thần chiến-đấu của quan Đề-đốc Lê-Trinh trong vụ Hà-thành thất thủ lần thứ hai này.

Quan Đề tự-tử

Nhắc cân Thái Lĩnh với hồng mao
Nghe nói Quan Đề khảng-khái sao !

Thất cồ : tay đà vin xuống thấp,
Trầm mình : đầu lại ngồng lên cao !
Lần lưng sờ thuốc : rơi đâu mất ?
Lấy hốt làm gươm : thích chẳng vào...
« *Tứ bất tử* » *rồi ngơ ngẩn mất,*
Hỏi thăm : « quan Bố chạy đường nao ? »

Tiểu-sử của Hoàng-Diệu

Cụ Hoàng-Diệu, nguyên danh là Kim-Tích, tên chữ là Quang-Viễn, hiệu là Tĩnh-Trai.

Cụ sinh năm Minh-Mạng thứ 10 tức là năm 1829 tại làng Xuân-đài, huyện Diên-phước, phủ Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam.

Cụ vốn thuộc một giòng họ thi-lễ. Cha mẹ rất phúc-đức. Anh em được sáu người. Cha mất trước, một mình bà mẹ gây dựng sáu con đều có học-hành đỗ đạt : ba người ra làm quan. Cụ Hoàng-Diệu là người có danh vọng nhất trong số sáu anh em.

Lúc Hoàng-Diệu còn là một chàng trai trẻ cụ đã nổi tiếng là hơn người vì tài học. Do đó cụ đỗ rất sớm, 15 tuổi đã lừng danh văn hay chữ tốt, 20 tuổi đỗ Cử-nhân, 25 tuổi đỗ Phó-bảng.

Từ đây, hoạn-đồ bắt đầu. Nhưng xin bạn đọc đừng hiểu lầm với chữ hoạn-đồ thời Pháp. Người làm quan thời độc-lập trước, đều mang một nhiệm-vụ thiết-thực vì dân, vì nước mà không được màng đến lợi riêng. Đỗ Phó-bảng rồi, Hoàng-Diệu được bổ Hàn-lâm-viện kiểm-thảo, rồi làm Tri-phủ ở Bồng-sơn, Tuy-viễn, Tĩnh gia. Thời bấy giờ làm quan mà lầm-lẫn hoặc tham-nhũng là bị giáng chức ngay hoặc tù-tội ngay. Nhờ có chính-tích tốt, cụ được trọng-dụng bổ làm Tri-phủ Đa-phúc, tỉnh Lạng-giang. Sau cụ được thăng Án-sát Nam-định, rồi Bố-chánh Bắc-ninh, sau Tham-tri Bộ-Hình và Tham-tri Bộ-Lại.

Cụ Hoàng-Diệu là người rất thanh-liêm, chính-trực, khi còn ở trong bộ Lại, việc bổ dụng nhân-tài, cụ đều theo công tâm, nên nổi tiếng lúc đương thời.

Năm 1878, cụ Hoàng-Diệu ,được xung chức Khâm-sai, cầm Tiết-Việt của nhà vua về Quảng-nam, Quảng-ngãi để trông coi việc cứu nạn đói ở hai tỉnh đó.

Năm 1879, cụ giữ chức Tổng-đốc Hà-Ninh ngoài Bắc-hà.

Giữa lúc Việt-Pháp đi vào một tình-thế gay-go, trọng-nhậm ở Hà-nội quả là nhiệm-vụ khó-khăn nhất. Ba năm sau, chiến tranh xảy ra. Sức người Việt không chống lại được quân Pháp, nhưng tinh thần người Việt lại một phen nêu cao gương anh dũng. Cụ Hoàng-Diệu đã thề quyết không sống nhục. Ngày cụ mất là ngày mùng tám tháng ba âm-lịch, cụ hưởng thọ 54 tuổi.

Phản-ứng của triều-đình Tự-Đức về việc mất Hà-nội thế nào ? Giữa lúc bi-đát này, miền Nam bị chiếm hẳn, Bắc-kỳ cũng rơi vào họng sói thực-dân, triều-đình và dân-chúng đều hết sức căm giận, buồn tủi, lo sợ. Tôn-thất-Thuyết chủ-trương cổ-động toàn-quốc sống mái với giặc Pháp nhưng Tự-Đức và phần đông các quan trong Hội-đồng cơ-mật đều ngần ngại vì thấy quân-lực của địch quá mạnh. Tuy vậy triều-đình vẫn phải ra lệnh cho quan Kinh-lược, Phó-sứ Nguyễn-Chánh và Bùi-ân-Niên rút quân về Mỹ-đức (Hà-đông) để hợp với quân của Hoàng-tá-Viêm thành một đạo quân chủ-lực. Bề khác Nguyễn-văn-Tường được phái vào Gia-định nói chuyện với Pháp. Rheinart lúc này đang ở bên cạnh Thống-đốc nói rằng : « Việc chiếm thành Hà-nội không phải là ý Pháp, Pháp đã thi-hành hiệp-ước về khoản bảo-vệ Pháp-kiều, triều-đình Huế hãy cử hai vị đại-thần ra Bắc mà nhận lấy thành nhưng cấm chỉ những hành-động và thái-độ chống Pháp của quân dân ta... »

Do quyết-nghị trên, Tự-Đức liền cử Trần đình-Túc làm Khâm-sai, Nguyễn-hữu-Độ làm Phó đáp tàu *Parseval* ra Bắc. Henri Rivière chịu trả lại thành nhưng vẫn đóng một số quân ở Hành-cung. Nhưng tình-trạng giữa quan ta và Pháp vẫn khó chịu nên sau đó Nguyễn-Chánh, Bùi-ân-Niên, Hoàng-tá-Viêm lại dâng sớ về triều xin đánh, cho rằng : Pháp đã khinh rẻ và khiêu-khích ta nhiều quá. Pháp từ 10 năm nay luôn luôn cậy sức hiếp-đáp ta để sửa đổi điều-ước theo chánh-sách lấn dần như tằm ăn rỗi. Nếu ta không phòng bị về mặt quân sự thì các tỉnh sẽ lâm vào cảnh khiếp-thuận, họ sẽ cướp đất, cướp thành để dàng ; còn ta phòng-bị thì họ đến gây hấn. Xét các việc đã qua họ đem quân ra Hà-nội không phải là có ý đuổi quân Cờ-Đen mà thôi. Đánh thành rồi trả thành chỉ là một kế-hoạch uy-hiếp tinh thần chúng ta rồi yêu-sách nặng nề như nhiều lần trước. Nay nên đánh kịch-liệt rồi mới hòa được. Vậy xin cho quan Thương-bạc chiết phải trái với họ. Nếu họ

thật tâm chủ hòa thì phải rút bớt quân lính và thuyền chiến ở nha Thương-chánh Hà-nội về Nam-kỳ, nếu họ nói trên các đường đi giao-thương thiếu an-ninh, ta sẽ chước-biện cho, bồi phí cho thành Hà-nội và không được đưa điều-kiện gì khác nữa . . . »

Tự-Đức không tán thành, phán rằng : Nay Pháp chịu trả thành mà ta đánh thì lỗi ở nơi ta. Việc đánh mạnh đáng phải làm từ trước. Ngoài ra ta còn dùng Cờ-Đen thì Pháp còn đánh mãi và ta không thể phòng-bị được mãi. Vậy chỉ nên tu-chỉnh quân đội, nếu họ đòi hỏi quá nhiều ta sẽ dùng binh chế lại, như thế họ sẽ không trách ta vào đâu được.

Các quan Nội-các xin cổ-xuất quân-dân ra sức chống đánh, đình-thần thì theo ý vua. Trần-đình-Túc và Nguyễn-hữu-Độ đề-nghị cho người vào Sài-gòn phân giải việc phải trái rồi lập điều-ước rõ-ràng để giữ vững tình hòa-hảo. Tự-Đức không chịu và phán : nói chuyện với bọn Rivière là tiện hơn cả vì qua Pháp, hay qua Sài-gòn công-chuyện sẽ chậm-trễ nhiều. Nhà vua ra lệnh bảo Lưu-vĩnh-Phúc hãy rời quân lên Thái-nguyên cho Pháp khỏi nghi-ngại, việc nhận thành hãy hoãn lại lấy cớ rằng sĩ-dân đang giận, khi nào nguôi sẽ hay. Ngoài ra các quan phải đi hiểu-thị các phủ huyện để lòng người bớt hoang-mang. Còn về việc phòng-thủ ngay tại Trung-kỳ, triều-đình cũng thấy cần nên Bộ-binh cho đắp thêm đồn lũy ở cửa Thuận-an, phái thêm binh lính ra tăng-cường và cho hai chiếc thuyền đựng đầy đá lấp bến hầu cản trở tàu của địch. Đặc phái-viên Rheinart gửi thư phản đối, lời lẽ rất ngang trái. Tự-Đức than rằng : « Việc phòng bị của một nước là chuyện thường, Pháp chỉ mang chữ *Hòa* ra lừa gạt ta để khi lâm sự ta bị bó tay. »

Sau Trần-tiễn-Thành can ngăn, việc này lại bỏ đi.

Trong cuộc thương-nghị giữa Khâm-sai Trần-đình-Túc, Nguyễn-hữu-Độ và Đại tá Henri Rivière, viên Tư-lệnh quân đội viễn-chinh Pháp ở Hà-nội đưa ra bốn khoản dưới đây :

1.— *Nước Nam phải nhận nước Pháp bảo-hộ.*

2.— *Nước Nam phải nhường thành-phố Hà-nội.*

3.— *Nước Pháp được quyền đặt Sở Thương-chánh ở Bạch-hạc (Vĩnh-yên).*

4.— Nước Pháp được sửa đổi các việc về Thương-chánh và quản-trị việc này.

Hai ông Túc, Độ bàn cãi mãi, Henri Rivière không chịu, chỉ trả cho ta kho lúa mà thôi, sau đề-nghị này đệ về kinh, triều-đình cũng không chịu nốt. Lúc này triều-đình chỉ còn bàn nhau trông cậy vào quân Cờ Đen bên trong và nước Tàu bên ngoài. Ngoài Bắc quân dân ba tỉnh Sơn-tây, Bắc-ninh, Nam định nhóm họp đông ngăn sông lấp ngòi, phá đường và kêu gọi mọi tầng lớp xã-hội tham-gia chiến-cuộc. Linh-hồn của Kháng-chiến bấy giờ là Hoàng-tá-Viêm và Lưu-vĩnh-Phúc.

Tình-thế giữa ta với Pháp càng ngày càng găng. Trần-đình-Túc xin từ chức. Tự-Đức không nghe cứ bắt Túc đòi quân Pháp rút khỏi thành. Còn H. Rivière cứ đòi ta triệt-thoái quân Cờ-Đen và khai-thông đường buôn bán mới rút binh. Vua đành ra lệnh cho Hoàng-tá-Viêm thi-hành ý muốn của Pháp. Viêm cũng không chịu, tâu về triều rằng : « Pháp không thực tâm trả thành, nay họ giữ lấy Chánh, Phó Khâm-sai để yêu-sách. Nếu đuổi quân Cờ Đen, nhẹ việc đề phòng thì họ còn yêu-sách nhiều hơn nữa. Và lâm sự ta sẽ gặp nhiều sự khó khăn hơn... »

Vua quở trách. Viêm vẫn chưa tuân, sau sai Nguyễn-Chánh đem binh đến gần để thương-xác, Viêm mới chịu lui quân về Thuộc-luyện, Lưu-vĩnh-Phúc rời về Tuyên-quang và sông Đà (Sơn-tây). Còn việc điều-đình với H. Rivière kéo dài mãi không xong. Tháng 10 năm Nhâm-ngọ, triều-đình cho Trần-đình-Túc về hưu, Nguyễn-hữu-Độ ở lại Bắc-kỳ làm Hà-Ninh Tổng-đốc.

CHƯƠNG IV

VIỆT-NAM CẦU CỨU NƯỚC TÀU

Thanh-đình tái diễn trò Càn-Long trước

Chánh-phủ Bắc-kinh ngày 1-5-1882 được biết Henri Rivière đã chiếm xong thành Hà-nội. Tin này do triều-đình Huế báo cho Tổng-đốc Lưỡng-Quảng. Thanh-đình liền cho lệnh các quân-cơ nha-môn áp-dụng việc phòng giữ biên-giới. Tổng-đốc Trực-Lệ là Trương-thụ-Thanh xui Thanh-triều lấy cớ dẹp thổ-phỉ cho nước Nam đem quân sang chặn bớt bước tiến của Pháp-quân bởi nếu không hành-động Pháp sẽ lấy hết Bắc-kỳ. Họ Trương lại nhắc đến lý-luận của vua tôi Càn-Long xưa kia trong khi cho Tôn-sĩ-Nghị đem quân qua Việt-Nam tức là bề ngoài vì nghĩa mà bề trong vì lợi riêng. Vua Thanh khiến Tổng-đốc Quảng-đông là Dũ-Khoan, Tuần-phủ Quảng-tây là Nghê-văn-Úy, Tổng-đốc Vân-Quí là Lưu-trường-Hữu động binh đóng giữ các nơi ách yếu theo kế-hoạch của họ Trương. Ngoài ra vua Thanh cho Lý-Đồng phản-kháng với Đại-sứ Bourée ở Bắc-kinh về việc Pháp đánh Việt-Nam vì xứ này là một thuộc-quốc của Trung-hoa. Hành-động của Pháp đã phạm vào tình hữu-nghị của hai nước. Bourée biện-luận rằng giữa Việt-Pháp trên 10 năm nay xảy ra nhiều biến cố, sao không thấy Bắc-kinh can-thiệp, nhất là Việt-Pháp đã ký với nhau hai hiệp-ước (1862, 1874)? Nay Pháp khai-thương sông Hồng-hà là làm một điều có lợi chung, các nước đều cùng đến đây làm ăn buôn bán đã không phải đóng góp để đền bù sự thiệt-hại cho Pháp lại còn khiếu-nại...

Vào cuối năm Nhâm-ngọ (1882) sứ-thần Trung-quốc ở Nga (Saint-Pétersbourg) được cử qua Paris đệ lên Bộ ngoại-giao một quốc-thư kháng-nghị Pháp về việc xâm-nhập vào Bắc-kỳ và yêu-cầu Pháp rút quân ra khỏi như Pháp đã xử trí hồi 1873 (Trung-hoa nhắc việc đánh thành Hà-nội của Francis Garnier rồi sau lại trả thành này cho vua

Tự-Đức). Trong thư có nói việc đánh thành (Hà-nội) đã do một sĩ-quan trẻ tuổi, táo-bạo vì quá sốt sắng ham công trong khi xứ Bắc đang sống yện ổn, ngoài ra việc này lại không phát-động do một lệnh trên nào cả... Bức thư này không được trả lời. Theo *Việt-Nam Pháp-thuộc-sử*, sứ-thần Trung-quốc ở Pháp bấy giờ là Tăng-kỷ-Trạch đã hết sức biện-chiết về vấn-đề Việt-Nam. Bị đánh đổ về lý-do Việt-Nam là thuộc-quốc của Tàu từ nhiều đời bởi do Hòa-ước Giáp-tuất (1874) Tự-Đức đã nhận với Pháp Việt-Nam là một xứ độc-lập thì Pháp căn-cứ vào đó nói rằng Việt-Nam không lệ-thuộc nước Tàu nữa. Như vậy Tàu không thể can thiệp vào việc Việt, Pháp ở Bắc-kỳ. Họ Tăng liền xoay qua thế khác: Tăng nói Việt-Nam là đất giao-dịch từ nhiều thế-hệ với Tàu về các vấn-đề thương-mại kinh-tế, nước Tàu không thể ngồi yên để một cường-quốc mới dựa vào bạo-lực mà đẩy các nước bạn của Việt-Nam ra ngoài rồi áp-bức Việt-Nam.

Đôi bên tranh-đấu rất là gắt gao khiến Bộ ngoại-giao Pháp phải nhận nguyên-tắc một khu-vực trung-lập (như ý của Bourée trước đây) và định biên-giới xứ Bắc-kỳ xuống đến tỉnh Quảng-bình. Trong lúc này Lý-hồng-Chương và Tricou, vị Đại-sứ thay Bourée bị triệu hồi sau này (vì đã lập hiệp-ước không có lệnh của chánh-phủ Pháp) thảo luận dài dòng mà vô kết quả.

Bourée đã làm việc gì ?

Nguyên tháng 7 năm ấy (Nhâm-ngọ) Tổng-đốc Vân-nam sai Tạ-kính-Bưu đem ba doanh quân đến Quán-ti (thuộc huyện Trấn-an, tỉnh Hưng-hóa: quân đội Lưỡng-Quảng (Quảng-đông, Quảng-tây) và quân Vân-nam cùng đóng theo dọc biên-giới Hoa-Việt giáp Hưng-hóa, Lạng-sơn và Quảng-yên. *(Vua tôi Tự-Đức mừng lắm cho rằng Tàu vì nghĩa sang giúp mình nên khi thấy dân-chúng đồn đại Tàu sang giành Bắc-Kỳ với người Pháp, Tự-Đức liền cho thông sức để cải-chính những lời bàn tán này là của kẻ tiểu nhân, lấy bụng dạ tầm thường của mình mà xét việc của người quân-tử (1)* Tháng 9 (1882) Thanh-triều phái Hoàng-quế-Lan đem 12 doanh quân tiến vào đóng ở Lạng-sơn, Bắc-ninh, Cao-bằng, Thái-nguyên và Triệu-Ốc đem 5 doanh vào Thái-nguyên và Tuyên-quang. Tổng số quân Tàu có khoảng 2 vạn người. Đại-sứ Bourée hoảng-hốt vì thấy quân Tàu sang mỗi ngày một đông sau lại có 4000 quân của Lý-hồng-Chương là những quân tinh-nhuệ đã được rèn luyện theo lối mới, lại

có vũ-khí tốt từng đánh trận ở Cao-ly. Chiến thuyền của họ cũng nhiều và cấp chỉ-huy của họ cũng lành nghề. Bourée sợ quân-lực của Pháp không đủ đối phó với Tàu nên tự lãnh trách-nhiệm mở cuộc thương-thuyết. Sau đó Bourée cùng Lý-hồng-Chương lập một hiệp-ước đại khái nói Bắc-Kỳ là một xứ trung-lập do Tàu và Pháp bảo-đảm, phần đất từ sông Hồng-hà đến biên-giới Hoa-Việt chia ra làm 2 khu : Khu về phương Bắc do Tàu kiểm-soát, Khu Nam thuộc ảnh-hưởng của Pháp. Lào-cai được coi là một thương-cảng Tàu, nhưng người Pháp có thể ra vào buôn bán với Vân-nam.

Việc thương-thuyết và lập hiệp-ước của Bourée phải trình về Pháp để lấy ý-kiến thì trong dịp này Thanh-đình phái Đường-cảnh-Tùng xuống Quảng-đông lập một phái-bộ điều tra với quan tỉnh ở đây là Mã-phục-Bôn và Chu-bính-Lân. Phái-bộ này sang Việt-Nam nghiên-cứu rồi trở về. Vua Tự-Đức cũng lợi-dụng cơ hội này cho Khâm-sai Nguyễn-Thuật hội ý với Mã-phục-Bôn để trình bầy mọi việc với Tăng-quốc-Phiên và nhờ đạo đạt vấn-đề lên vua Thanh. Triều Thanh sau đó đòi ta gửi sứ sang Thiên-Tân để thảo-luận. Tự-Đức cử Hình-bộ Thượng-thư Phạm-thận-Duật làm Khâm-sai, Thị-lang Nguyễn-Thuật làm Phó, nhưng sứ-bộ chưa tới nơi thì Thự-lý thông thương đại-thần Lý-hồng-Chương đã đề-nghị với Thanh-triều tìm sứ-giả của Việt-Nam qua Tàu để mật xét vấn đề rồi sẽ mở cuộc điều-đình với Pháp Tháng 2 năm sau sứ-bộ Việt-Nam đến Thiên-tân được biết Pháp đã trả lời rằng căn-cứ vào Hòa-ước Giáp-tuất, Việt-Pháp đã ký với nhau nước Việt-Nam nhận mình có quyền tự chủ, vậy các nước ngoài không có quyền can thiệp đến việc của nước Nam.

Tại Pháp tuy dân chúng không được đầy đủ tin tức các biến-cố xảy ra ở Bắc-Kỳ nhưng cũng hằng theo rõi các cuộc hành-quân của Đại-tá Rivière và sẵn sàng ủng-hộ chánh-phủ về việc bành-trướng thuộc-địa. Người ta không lạ gì về những sự khó khăn của người Pháp trong các việc giao-dịch với Việt-Nam lúc này bởi Hòa-ước Giáp-tuất (1874) là một hòa-ước bảo-hộ thật sự nhưng vua Tự-Đức chỉ muốn coi hiệp-ước này như một thỏa-hiệp để giải quyết tình-trạng nguy-ngập lúc đó chớ không phải là một văn-kiện để cam-kết và để phục-tòng nước Pháp. Rồi hội-đồng Bộ-trưởng Pháp đồng ý phải cương-quyết gây áp-lực buộc vua Tự-Đức thi-hành đầy đủ các khoản trong hiệp-ước và nếu cần phải dùng vũ-lực cũng được. Hội đồng cũng nhận

thấy cần chiếm cả xứ Bắc-Kỳ nữa. Hội-đồng muốn xét lại hòa-ước 1874, và lập trên toàn cõi Việt-Nam một nền Bảo-hộ như tại Tunisie trước đấy ít lâu. Người ta liền nghĩ ra việc gửi thêm quân đội viễn-chinh để thi hành ý muốn này. Thủy-sư Đô-đốc Jauréguiberry, con người nặng đầu óc thực-dân, đế-quốc, lúc này đang làm Tổng-trưởng Bộ Thuộc-địa và Hải-quân dĩ-nhiên rất tán thành ý-kiến đó. Sau khi nghiên cứu kỹ, Jauréguiberry tuyên bố cần 6000 binh sĩ, một hạm-đội gồm 6 chiến-hạm và một ngân khoản 6 triệu quan để làm một cuộc thị-uy quân-sự tại Huế và lập các đồn-lũy ở Bắc-kỳ hầu giữ vững cuộc bảo-hộ.

Dự-án này đưa lên Tổng-thống Grévy và Hội-đồng Nội-các nhưng không được chấp-thuận và Hội-đồng cũng không muốn đưa ra Nghị-viện một đề-nghị xin ngân khoản cho một cuộc viễn-chinh. Nhưng công việc vẫn thành-tựu vì người ta lấy được tiền ở quỹ của Bộ Hải-quân nên không phải hỏi xin Thượng, Hạ nghị-viện nữa. Trong khoảng thời gian này có việc đáng chú ý dưới đây : Trong khi Hội-đồng Nội-các và Thượng, Hạ nghị-viện lủng-củng với nhau trước vấn-đề xin viện binh qua Bắc-kỳ của Sài-gòn sau khi H. Rivière đã lấy được thành Hà-nội, riêng Tổng-trưởng Hải-quân và thuộc-địa là Jauréguiberry khuyên ông Thống-đốc Nam-kỳ hãy thi-hành cuộc chinh-phục Bắc-kỳ và chịu trách nhiệm lấy, Ông de Villers không nghe vì theo ông có thể lập được cuộc bảo-hộ mà không phải hy-sinh xương máu hàng ngàn binh-sĩ và tốn hàng trăm triệu quan. » Ngày 10-11-1882 ông nhận được một điện-tín của Bộ thuộc địa cách chức ông về tội lạm quyền. Ông Thompson đến thay thế ông sau đó.

Cuối tháng 12-1882, bảy trăm lính từ Pháp qua tăng cường cho quân-số yếu ớt của Henri Rivière. Hai tháng sau Thủ-tướng Duclerc chủ-tịch Hội-đồng Bộ-trưởng đau và từ chức rồi ngày 21-2-1883 một hội-đồng khác ra đời. Lần này ông Jules Ferry làm Thủ-tướng. Ông xét việc Đông-Dương thấy Trung-Hoa mỗi ngày gây thêm trở-ngại cho Pháp ở Việt-Nam. Chỉ vì sứ-thần Pháp ở bên Trung-Hoa là ông Bourée đã dại-dột thương-thuyết với chánh-phủ Tàu chịu nhận ưu-thế chánh-trị của Tàu ở Bắc-Kỳ mà không do lệnh nào của chánh-phủ Paris Còn Tàu luôn luôn tỏ ý không chịu rút quân khỏi Bắc-Kỳ và công nhận nền Bảo-hộ của Pháp ở Việt Nam mặc dầu Pháp nắm trong tay Hiệp-ước 1874. Ông Jules Ferry liền triệu hồi ông Bourée về và cho

ông Tricou sang Bắc-Kinh làm Phái-viên bất thường về ngoại-giao.

Lúc này chương-trình xâm-chiếm Việt-Nam của Thủ-tướng Jules Ferry cũng bị nhiều nghị-viên phản-đối tưởng chừng Nội-các của ông đến lung-lay rồi vấn-đề Bắc-Kỳ sẽ bị bãi bỏ. Còn Thanh-triều bấy giờ vẫn nhiệt-thành trong việc can thiệp vào Việt-Nam nên cử Lý-hồng-Chương xuống Quảng-đông xem xét và điều-khiển mọi hoạt động của quân đội Tàu ở Bắc-Kỳ. Năm sau Bố-chánh Quảng-tây là Từ-diên-Húc đem quân vào đóng Bắc-ninh khiến không-khí chiến-tranh ở đây mỗi phút một thêm nặng-nề.

Henri Rivière đánh chiếm Hongay và Nam-định

Trong giai-đoạn có sự lôi-thôi về ngoại-giao giữa Trung-Hoa và Pháp H. Rivière như bị cô-lập ở Hà-nội và không thể hoạt-động được. Trái lại quân đội Tàu do đường Lạng-sơn, Bắc-ninh kéo ngày một nhiều xuống trung-châu Bắc-Kỳ. Quân Cờ Đen lúc này đóng cả ở Sơn-tây, Tuyên-quang. Quân của Hoàng-tá-Viêm thì kéo về đóng ở Hưng-hóa, tất cả các biến-cố này làm cho nhóm Thực-dân Pháp ở Việt-Nam hết sức lo âu, thắc-mắc.

Do việc xin viện binh mỗi ngày một vắng lặng, H. Rivière đã có viết một bức thư với những lời than phiền như sau : « *Hôm sau thành Hà-nội thất thủ, nếu ta muốn gì cũng được hết, chỉ cần cương quyết một chút là được. Tiếc thay người ta lại không quyết-định gì cả vì thế mà sau 5 tháng triều-đình Huế đã qua được cuộc khủng-hoảng tinh-thần và trở nên can-đảm như trước. Căn-nguyên là Sài-gòn cũng như Paris chẳng có toan-tính gì cả. Còn tôi, tôi bị liệt-bại và cô-lập ở đây. Rồi muốn được khỏe thêm, người Nam liền kêu gọi người Trung-Hoa ..* »

Qua bức thư này, ta thấy các chánh-khách ở Paris thường hay rất bất đồng ý kiến về vấn-đề đánh chiếm Bắc-Kỳ, *nơi chẳng, nơi chuộc*. Và Sài-gòn không dám quyết-định lấy do đó H. Rivière bị thúc-thủ ở Hà-nội. Bên kia trời Âu, Thượng, Hạ nghị-viện Pháp có khi còn muốn chôn luôn vấn đề bảo-hộ Bắc-Kỳ nữa. Trong khi H. Rivière đang bị lúng-túng thì một việc khá quan trọng xảy ra : Triều-đình Huế định khai thác mỏ than Hongay ; sự thực thì triều đình tuyên-bố như vậy nhưng làm gì có người chuyên-môn, công việc sẽ lại giao cho người Trung-Hoa. Mà Trung-Hoa cũng không đủ tài-lực khai-thác nên có thể

sẽ nhường cho một công-ty Anh nào đó. Henri Rivière hoảng-hốt bởi sợ sẽ mất nhiều quyền lợi của Pháp liền nghĩ phải kéo binh xuống Hòn-gai vào ngày 12-3-1883. Ngoài ra thấy lực-lượng của Việt-quân hùng-hậu, Henri Rivière phải gọi lấy gấp mấy chiến-hạm lên Sơn-tây, Hưng-hóa và Bạch-hạc để chuẩn-bị đối phó.

Tình trạng này kéo dài gần một năm rồi mới thấy viện-quân đến bằng tàu vận-tải Corrèze. 750 lính Pháp đổ bộ xuống Hải-phòng. Ngày 12-3-1883 (Quí-mùi) Henri Rivière vội-vã cho một toán quân xuống chiếm Hòn-gai vì vùng này có nhiều mỏ than đá rất quý (do kỹ-sư Fuchs khám phá ra) và y tính sau đánh khu Đông-Nam là một vựa lúa, như vậy nước Pháp sẽ có một thuộc-địa tốt đẹp ở đây.

Sự vội-vã của Rivière có lý-do đích-đáng ở chỗ y nghĩ rằng Hiệp-ước chia đôi Bắc-kỳ của Bourée và Lý-hồng-Chương có hiệu-lực mà theo Hiệp-ước này vùng Bắc có nhiều mỏ thuộc về Tàu nên y tự động đánh chiếm để đặt ra một chuyện đã rồi. Ngoài ra y lại nghe triều-đình Huế lúc ấy sắp giao vùng mỏ Hòn-gai cho một công-ty Tàu khai thác. Y dự đoán công-ty Tàu sẽ làm không nổi phải giao lại cho người Anh thì sẽ có nhiều phiền phức cho Pháp ngay bấy giờ.

Sau việc chiếm Hòn-gai và lúc này lực-lượng đã khá Henri Rivière liền sắp đặt việc đánh thành Nam-định. Ở đây Việt-quân thấy binh lính và tàu Pháp lần lần đến ngày một nhiều ở các tỉnh Hưng-yên, Nam-định và Ninh-bình. Tổng-đốc Võ-trọng-Bình cho lấp các đường sông nhỏ đi tới tỉnh-thành và thiết-lập các công-sự để phòng-thủ Rivière lo mất đường giao-thông ra biển và tuyệt cả đường vận chuyển lương thực nên cũng tháng ấy (tháng ba d.l.) y giao thành Hà-nội cho Thiếu-tá Berthe de Villers. Tại đây 100 lính giữ Hành-cung, 300 giữ Đồn-thủy, còn bao nhiêu mang xuôi Nam-định hết.

Ngày 25-3, 10 thuyền chiến và ba thuyền buồm chở đầy binh-sĩ Pháp tới trước Nam-định. Rivière gửi cho Tổng-đốc Võ-trọng-Bình một bức thư ra lệnh phải nộp thành và đến trình diện y dưới Tàu *Le Pluvier* (Tàu này lớn, sơn trắng dùng làm soái-hạm) vào đúng 8 giờ sáng hôm sau. Lệnh đòi hỏi dĩ-nhiên thất bại.

Ngày 26 pháo-hạm *La Surprise* và *La Hache* đến đóng tại phía Nam thành phố. Ba chiếc khác đến cập bến ở cửa Đông với đoàn

quân đổ-bộ. Pháo-hạm *La Surprise* có nhiệm-vụ kiểm-soát con sông Vị-hoàng. Pháp bắn trọn một ngày mà không lấy được thành.

Ngày 27-3 vào hồi 7 giờ sáng quân Pháp lại từ dưới sông khai hỏa vào thành. Trên vòng thành đại-bác của Việt-quân cũng trả lời gấp rút và ào-ạt. Quân Việt-Nam chia làm hai đạo : đạo cầm cự ở trong thành do chính Tổng-đốc Võ-trọng-Bình và Bố-chánh Đồng-sĩ-Vịnh phụ-trách. Đạo bên ngoài do Đề-Đốc Lê-văn-Điểm, Án-sát Hồ-bá-Ôn cầm đầu. Cuộc giao-tranh mỗi phút một kịch-liệt. Việt-quân yếu dần rồi không ngăn nổi cuộc tiến quân của Pháp vào thành. Tướng chỉ-huy của đạo tiền-phong Pháp là Trung-tá Carreau bị Việt-quân bắn tử thương. Thiếu-tá Redan cũng trọc thủng phòng-tuyến của ta ở Cửa Đông vì Đại-úy Dupommier phá được cửa thành bằng mìn. Bộ binh và thủy-binh Pháp ào vào. Việt-quân mất tinh thần bỏ chạy hết. Đến trưa thì thành mất. Bên ta Lê-văn-Điểm tử trận, Hồ-bá-Ôn bị thương Thiếu-tá Carreau được mang về Hà-nội nhưng không chữa nổi, Kinh-lược Nguyễn-Chánh lúc này đóng quân ở Đặng-xá (cách Nam-định trên 10 cây số) không dám tiếp cứu. Bát-phẩm Nguyễn-văn-Bản con của Án-sát Nguyễn-mậu-Kiến người Nam-định tự mộ binh họp với quân triều bị đạn chết trong trận này.

Rồi Pháp chiếm được thành, quân ta đã bỏ chạy hết. Pháp vào trong kho thu được một số tiền trị-giá 180 000 đồng bạc. Sau khi quét sạch được binh-đội của ta Henri Rivière để Trung-tá Badens ở lại giữ thành Nam để về Hà-nội vì thành này đang có quân ta và quân Cờ Đen kéo đông uy-hiếp vào đêm 26-3-1883 nhưng Đại-úy Retrouvez đẩy lui được. Thiếu-tá Berthe de Villers còn đuổi theo họ qua bên kia bờ sông. Các vùng Gia-quất, Gia-thụy (Gia-lâm) cũng có sự đụng độ giữa quân ta và Pháp Một đồn của quân Cờ Đen bị Pháp phá tan ở đây. Tuy vậy Pháp cũng có một số binh-sĩ bị thương. Lúc này Henri Rivière e ngại vì y mở rộng chiến-sự ở Bắc-Kỳ có điều nguy-hiểm cho Rheinart, Đặc-phái-viên ngoại-giao của Pháp ở Huế nên y phái chiếc *Parseval* vào Thuận-an để nếu cần, cho Rheinart xuống trú.

Ở Huế, tin Nam-định bị mất vào tay Pháp làm cho mọi người hoảng-hốt. Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết cổ-động đảng Văn-Thân sát hại giáo-dân và phong trào chống Pháp. Các cơ quan bảo-vệ Kinh-thành từ Thuận-an lên Huế được tăng cường khiến

Rheinart phải khó chịu và có lẽ hoảng sợ nữa. Ông ta liền hạ cờ mang hết giấy tờ và các tùy-viên vào Nam-Kỳ (30-3-1883). Trước khi lên đường, ông giao chìa khóa Tòa Khâm-sứ cho một nhân-viên sở Thương-bạc, nhưng người này không dám nhận. Ông ta liền ném xuống đất. Sau triều-đình phải bàn với Giám-mục Caspar và định rằng cứ 10 ngày một lần, Giám-mục cử giáo-sĩ Renauld cùng quan Việt-Nam đến khám các niêm-phong của Tòa Khâm một lần và đóng dấu Giáo hội trên thùng đựng chìa khóa.

Đối với các quan thất trận ở Nam-định, Tự-Đức ra lệnh giáng phạt tất cả : Nguyễn-Chánh xuống hàm Quan-lộc tự khanh, Hoàng tá-Viêm xuống Tổng-đốc, Võ-trọng-Bình, Đồng-sĩ-Vịnh, và các Quản, Lãnh, Suất-đội đều bị cách bãi hết. Riêng những người bị tử trận là Lê-văn-Điểm được tặng hàm Đô-thống dự thờ ở miếu Trung-nghĩa, Nguyễn-văn-Bản truy thọ hàm Tu-soạn thờ ở Hương-từ. Hồ-bá-Ôn được tặng 30 lạng bạc để trị bệnh, sau Ôn chết được thưởng hàm Quan-lộc tự Khanh.

Khi hay tin Henri Rivière đã lấy xong thành Nam-định Tổng trưởng Bộ Thuộc-địa lúc này là Charles Brun liền đánh điện cho Thống-đốc Nam-Kỳ như sau :

« *Ông hãy ra lệnh ngay cho Henri Rivière duy-trì hiện-trạng và giữ thêm thành Nam-định mà thôi. Không được tính-toán việc gì khác nữa, trừ khi nào rất cần cho sự an-ninh của mình...* »

Năm hôm sau, Bộ Thuộc-địa lại đánh một bức điện-tín thứ hai :

« *Tất cả Hội-đồng Tổng trưởng đều bị xúc-động hết sức. Chúng tôi không ai hiểu gì về các biện-pháp mà viên chỉ-huy Henri Rivière đã dùng vì nó đã nghịch với tất cả những chỉ thị đã ra từ tháng 4-1882. Những huấn-lệnh rõ ràng nhất đã cấm ông làm bất cứ việc gì trước khi Nghị-viện xét định. Xin nhắc ông ta nhớ mệnh-lệnh của chính-phủ.* »

Qua hai bức công-điện trên đây ta thấy chánh-giới Paris thường không am-hiểu thực-trạng của Việt-Nam nên hay đưa ra những quyết-định ngớ-ngẩn làm cho bọn quân-nhân thực-dân ở Nam-Kỳ phải bực mình. Quả vậy, chỉ có bọn dưới đây nắm vững được mọi vấn-đề ở Việt-Nam nhưng họ lại chỉ là bọn thừa-hành. Họ luôn luôn dục chánh-

phủ của họ ra tay là đúng vì lúc này nước Nam suy nhược không lấy thì nước Nam sớm muộn cũng lọt qua tay một cường-quốc khác.

Có nên nhắc rằng trước vấn-đề Việt-Nam, Pháp đã do-dự luôn trong hai mươi năm và sau này trước khi quyết tâm đánh chiếm Bắc-Kỳ, Nội-các Pháp phải ba lần thay đổi...

Sau vụ thành Nam-định bị mất, ngày 27-3-1883 quân ta với một lực-lượng rất lớn. (theo tờ trình của Henri Rivière gửi về phủ Thống-đốc Nam-Kỳ) Tổng-đốc Nam-định đã qui-tụ dưới cờ tới 15 hay 20 ngàn binh sĩ để bao vây kinh-tế Pháp và cắt đứt mọi đường giao thông của Pháp đã tấn công vào thành Nam một cách bất ngờ tính giành lại thành này ngay vào ngày 28 hay 29-3 năm ấy. Tiếc thay, việc quân-cơ thiếu sự kín đáo nên Pháp biết trước và đề phòng cẩn thận. Rồi đến 28 rạng ngày 29-3, cuộc đánh úp được khai-diễn. Thiếu-tá Berthe de Villers đã đẩy lui được quân ta, chiếm được 4 khẩu đại-bác và giết được nhiều binh sĩ. Tướng chỉ-huy Pháp lúc này ở thành Nam-định là Trung-tá Badens.

CHƯƠNG V

PHÁP QUYẾT TÂM LẬP CUỘC BẢO-HỘ

Thảm-kịch thứ hai trên đường Ô Cầu-giấy

Vào tháng giêng năm Quí-mùi theo kế-hoạch của Tổng-đốc tỉnh Bắc-ninh Trương-quang-Đản việc đánh Pháp được bố-trí như sau : Hoàng-tá-Viêm và Lưu-vĩnh-Phúc tập-trung quân đội giữ mặt Sơn-tây. Lưu-đình-Tú sung Sơn-thái tiêu-vũ-sứ chiêu-mộ một ngàn quân đóng vào khoảng đất giữa Bắc-ninh, Thái-nguyên, Nguyễn-Chánh, kinh-lược chống mặt Nam-định, Ninh-bình ; Bùi-ân-Niên, Phó-kinh-lược cùng quan quân tỉnh Hải-dương giữ mặt biển. Tiến đánh vào Hà-nội trước là việc của hai đạo quân Sơn-tây, Bắc-ninh dùng thế gọng kìm mà xiết vào giặc, còn quân các tỉnh tùy tình-thế mà ứng-viện cho quân tiền-đạo của hai họ Hoàng, Lưu.

Tháng hai năm ấy quân của Bùi-ân-Niên và Trương-quang-Đản đã có mặt ở Gia-lâm và bên bờ đê Văn-giang. Ngày 19 Đại-úy Retrouvey dẫn quân Pháp qua sông bị ta đánh lui. Hôm sau quân Pháp lại tới và đông hơn cũng bị quân ta núp bắn, họ phải rút về tuy phá được của ta một đồn. Đến chiều hôm ấy số thiệt-hại của đôi bên ngang nhau. Quân của Bùi và Trương được tăng cường do Tán-tương Lương-quí-Chánh, Thương-biện Nguyễn-Cao, Lãnh-binh Hồ-văn Phấn, quân Pháp đánh không nổi phải rút về Hà-nội.

Trong giai-đoạn này tinh-thần quân ta vững-vàng hơn-trước và quân Tàu sang càng ngày càng đông. Quân Cờ-Đen tiến dần và phủ Hoài-đức cùng quân triều bao vây thành Hà-nội như thắt một vòng đai mỗi ngày một sát thêm, không xa vị-trí Pháp quá một ngàn thước. Ban đêm quân ta nã đại-bác vào thành.

Ngày 2-4-1883 Rivière từ Nam-định về Hà-nội do lời cáo cấp của bọn Berthe de Villers và Retrouvey vì thấy tình-thế có vẻ khẩn-trương. Từ tháng 4, Tổng-trưởng Hải-quân đã phái Đô-đốc Mayer chỉ-huy Hải-quân Pháp ở bờ biển Trung-quốc đem binh thuyền vào Vịnh Hạ-long tiếp-ứng cho Rivière. Hai chiếc pháo-hạm Pháp là *Léopard* và *Carabine* đi tuần-tiễu ở Sơn-tây về đến làng Hạ-trì (Hoài-đức) bị tấn công kịch-liệt (1). Ngay trong thành Hà-nội, tòa Lãnh-sự Pháp cũng bị đạn đại-bác của ta bắn vào, nhà thờ bị tấn công và đốt phá do quân Cờ-Đen và quân cảm-tử của ta. Quân ta vây cả chỗ ở của hai giáo-sĩ Landais và Bertaud, họ phải chạy đến nhờ sự bảo-vệ của Trung-úy Hải-quân Jezequel và 5 thủy-binh do Đại-tá Rivière gửi đến.

Bọn Pháp này hạ được một ít quân Tàu nhưng sau cũng bị giết hết vì bên ta đông quá. Giáo-sĩ Bertaud vội nắm lấy một cái kèn thổi bậy khiến quân ta sợ quân tiếp-viện Pháp đến cứu vội rút hết để lại nhiều xác chết ở chân tường nhà Chung.

Ngày hôm sau 200 thủy-quân lục-chiến của Đô-đốc Mayer tới Hà-nội và ngày 16-5, Thiếu-tá Berthe de Villers đem quân qua sông Cái, số quân của y là một đại đội thủy-quân lục-chiến và hai phân-đội pháo-binh do Đại-úy hải-quân Le Pelletier des Ravinières và Chuẩn-úy Tourette chỉ-huy. Y đuổi Việt-quân tới cầu sông Đuống và gây được khá nhiều tổn thất, phá được 4 khẩu đại-bác 80 ly và xách về được 2 khẩu nhỏ hơn tìm thấy ở một làng ven sông. Tuy Pháp thắng trận nhưng tối hôm sau Việt-quân lại đánh vào Đồn-thủy bằng trọng-pháo. Rivière giận lắm vì lực-lượng của mình không hùng-hậu lắm, lại nữa ngày 14-5 quân Pháp đã bóc được nhiều bản tuyên-ngôn đánh Pháp của Lưu-vĩnh-Phúc dán ở cổng thành và ngay ở tường tòa Lãnh-sự Pháp cùng nhiều nơi trong phố-phường. Lời lẽ trong bản tuyên-ngôn này là cả một sự khiêu-khích đám quân ít có nếm mùi chiến-bại từ khi bước chân vào Việt-Nam. Xin dịch như sau :

« *Ta là Lưu-vĩnh-Phúc, đại-tướng vô địch, tuyên-bố cho bọn*

1) Lúc này có cả cánh quân Bắc-Ninh kéo sang — Cánh quân này có đại-bác do voi kéo. Đêm nào họ cũng tiến tới bờ-ngạn sông Nhị-hà để đánh sang Hà-nội.

Phú-lăng-sa các ngươi biết rằng ta coi bọn ngươi chỉ là bọn giặc cỏ tầm thường không một quốc-gia nào thèm đến xỉa tới.

« Bọn ngươi nói rằng đến đây để bảo-vệ tôn-giáo của các ngươi là điều dối láo. Bọn ngươi chỉ là bọn ngoại-quốc, bọn sài lang đói khát đến cướp phá xứ-sở của chúng ta. Bụ g dạ của bọn ngươi độc-địa không thua gì hổ báo.

« Từ khi bọn ngươi kéo nhau đến nước Nam, bọn ngươi đã cướp bao nhiêu thành và giết của chúng ta bao nhiêu quan quân, lê-thứ. Tội của bọn ngươi nhiều như tóc trên đầu không sao đếm xiết.

... « Phạm nhiều tội ác như vậy, bọn ngươi phải chết Trời đất quỷ thần nào mà dung tha được bọn ngươi ! Hôm nay ta được lệnh tiễu-trừ bọn ngươi đến cùng, quân ta đi rợp đất, cờ ta bay lòa mây, gươm súng của ta nhiều như cây cỏ trên rừng.

« Ta tính sẽ đến tận sào-huyệt của bọn ngươi để diệt-trừ một lần cho xong, nhưng nghĩ đến sinh-mạng và tài,sản dân chúng là điều trọng trên hết, do đó không muốn dùng thành Hà-nội làm bãi chiến-trường. Nay ta gửi lời đến cho bọn giặc cướp người Phú-lăng-sa các ngươi cho hay nếu coi mình là giỏi thì các ngươi hãy đến Phủ-Hoài. Quân đội của các ngươi như diều, như quạ thử đọ tài, thử sức với các chiến-sĩ của chúng ta để biết ai là kẻ can-đảm và ai sẽ chiến-thắng.

« Nếu như bọn ngươi sợ không dám tới thì kíp gửi đến quân-doanh của ta đầu tên Tư-lệnh, đầu tên Tiểu-đoàn-trưởng, đầu viên Lãnh-sự, đầu các Đại-úy pháo-binh và các võ-quan. Rồi nộp thành cho ta, nhiên-hậu ta sẽ tha cho tội chết để các người trở về Âu-châu với vợ con cho toàn vẹn. Ta hứa sẽ không đuổi bắt các ngươi.

« Còn như nếu bọn ngươi chậm-trễ, ta sẽ đến tận chốn của các ngươi. Như thế thì sẽ không kẻ nào được dung tha ! ngọn cỏ lá cây cũng sẽ không thoát.

« Các ngươi đang gần cái chết !

« Nghĩ cho kỹ !

Tự-Đức ngày mồng bốn tháng tư năm 16
Đại-tướng Hắc-kỳ-quân LƯU-VĨNH-PHÚC
(đóng dấu)

Bức thư này đối với Rivière là cả một sự sỉ-nhục, một sự láo-xược lòng tự-ái của y quá cao khiến y không dằn được. Thải dâu y không biết quân Cờ-Đen và quân ta đang rất đông quanh thành Hà-nội, ẩn-nấp ở các làng phụ-cận trên con đường đi phủ Hoài-Đức (1) sau những lũy tre xanh dày đặc ; đường đi bị đắp ụ nhiều quãng thành những chướng-ngại-vật khiến Pháp-quân không xông-xáo được dễ-dàng. Rivière điềm tĩnh tuy hăng-hái, chẳng vậy vào ngày 14-4-1883 sau khi lấy được Nam-định y đã viết cho Thống-đốc Nam-Kỳ như sau :

« Vị-trí thì tốt nhưng tiến ra ngoài nhiều mà không có viện-binh có thể nguy-hiểm. Tôi nghĩ không nên tái-diễn những sự táo-bạo của F. Garnier xưa kia, nếu không có sự bó-buộc. Nên đi chậm thì hơn và để thời-gian làm việc một phần nào ít lâu, dân-chúng (Việt-Nam) sẽ nhận rằng chính chúng ta đã đem lại cho họ sự công-bằng và an-lạc ».

Nhưng ít lâu nay người ta để ý thấy tính nết của Rivière có sự thay đổi hẳn. Xưa nay y rất thản-nhiên dầu có điều tư-lự cũng không để lộ ra cho người ngoài biết, vậy mà gần đây các sĩ-quan thường đến tụ-họp mỗi tối tại nhà khách để chuyện trò nhận thấy Rivière vào những ngày cuối cùng có vẻ chiêu-đăm, không như mọi khi y nói chuyện rất vui-vẻ và hay pha trò dí-dỏm Quả vậy, quân Việt-Nam tấn công giáo-đường, tụi Cờ-Đen đến sỉ-vả quân đội Pháp mà y không làm gì nổi, họ lại bắn đại-bác như mưa dào vào Đồn-thủy và Lãnh-sự-quán, y còn lo nếu đối-phương đông gấp 20 lần quân Pháp tấn công vào lực lượng ít ỏi của y thì cũng có thể nguy cho nên luôn luôn lòng y như bị bào bị xé. Ở xa chính-phủ Pháp quá vô tình có hay dâu rằng đã đem bọn y vào một tình-trạng bế-tắc, không lối thoát.

Tuy vậy y đã quyết-định, rồi vì quyết-định này y đã bỏ mình cùng với nhiều bạn đồng-đội trước đó và sau đó.

Ngày 18-5 vào 4 giờ chiều, y đã bí-mật ra lệnh cho các võ-

(1) R. Bonnal trong *Revue Indochinoise* dưới bài *Au Tonkin* nói Rivière đã không rõ lực-lượng của quân Cờ Đen và không tin rằng họ đông-đảo. Thực ra chính các giáo-sĩ đã cho y hay rằng lúc này quân-số của Lưu-vĩnh-Phúc tới 3000 rất có kỷ-luật, đầy đủ vũ-khí và thiện-chiến. Việt-quân cũng nhiều như vậy, nhưng chỉ có giáo, mác mà thôi Họ là lao-công hơn là lính để di phục-dịch mặt trận như chuyển vận đạn-dược, lương thực và đắp lũy, đào hào v.v... Vậy Bonnal nhầm.

quan mở cuộc hành quân vào ngày hôm sau. Quân Pháp chia làm ba đạo : Tiền đạo do Đại-úy Sentis chỉ-huy có 100 người gồm các sĩ-quan Trung-úy Bertin, Chuẩn-úy Roque Maurel, Chuẩn-úy Tourette thuộc Đại-đội 24 ở pháo-hạm *La Victorieuse* và *Villars*. Trung-đạo là quân chủ-lực do Tiểu-đoàn-trưởng Berthe de Villers coi có 240 người gồm các sĩ-quan : Đại-úy Jacquin, Trung-úy Marchand, Đại-úy Hải-quân Pissère, Chuẩn-úy Monlun, Đại úy hải-quân Le Pelletier des Ravinières, Chuẩn-úy Pichon. Nhóm binh, tướng này thuộc Đệ-tam Trung-đoàn. Đại-đội 24 và Đệ-nhị Trung-Đoàn Đại-đội 31, mang theo cả 5 xe cứu thương, 1 xe ngựa của Đại-tá, và các đồ để phá hủy. Hậu đạo do Trung-úy Carnivet cầm đầu có 60 binh sĩ lấy ở Đệ-nhị Trung-đoàn và Đại-đội 31. Trong hậu-đạo có Hamon y-sĩ đệ nhị hạng và de Corvalette phụ-tá y-sĩ.

Theo Đại-úy hải-quân Duboc, một sĩ-quan sống sót ở trận Cầu-giấy (trên đường Phủ-Hoài) thuật lại cuộc xuất quân hôm 19-5-1883 như sau :

« Ngày 19-5 vào tang-tảng sáng, khoảng 4 giờ, mỗi người chúng tôi đều đã có mặt ở trại. Trời hãy còn mờ-mờ, lệnh truyền ra nho-nhỏ. Khi mọi việc đã sắp đặt đâu vào đấy, Đại-tá Rivière truyền cho Thiếu-tá de Villers cất quân lên đường. Ít phút sau chúng tôi ra khỏi Đồn-Thủy. Hai bên cạnh và sau xe của Đại-tá có Đại-úy Hải-quân de Marolles, Thượng-sĩ Sư-đoàn. Trung-úy Clerc tùy-viên của Đại-tá, Ủy-viên Sư-đoàn Ducorps, Trung-úy de Brisis và tôi. Chúng tôi vượt qua cổng Sứ-quán, Sở Đúc-tiền, Phường Thợ khảm rồi tới Trường-Thi... ít phút sau chúng tôi ra khỏi thành.

Thành lúc này vắng teo, không một ai đi lại. Chúng tôi tiến gấp qua phía Tây thành rồi ngoẹo ra đường đi Sơn-tây thì ngừng lại. Chính trên con đường này bọn Garnier và Balny đã in bóng khi xưa ở đúng nơi hai con đê tách rời khỏi đường để rồi lại giao nhau gần chỗ Cầu giấy. Tiền-đạo được lệnh hướng-dẫn chúng tôi. Đại-úy Sentis bảo chúng tôi tạt sang bên trái đi gần tới làng Thư-Lễ là nơi Garnier đã bị bỏ mạng. Đại-úy phái qua con đê bên phải một Thượng-sĩ bộ-binh với 25 tên lính. Còn Trung-úy Bertin và Chuẩn-úy Tourette đi trước chúng tôi khoảng 400 thước trên con đường trực-chỉ Sơn-tây.

Đại-tá Rivière xuống xe khi binh-đội đã ngừng lại được một chốc ông gọi Trung-sĩ Gravot một kẻ tay chân thường cùng ông đi dạo mát ra bên ngoài thành-phố. Anh này được lệnh đi gấp lên con đường đê lớn nhòm xuống sông. Gravot nhảy lên một con ngựa-ô vụt biến vào trong bụi tre xanh.

Gần một nhà lá, người ta thấy hai cái xác người Việt bị đâm chém nhiều nhát trông phát sợ. Sau 15 phút ngừng bước, quân lại tiếp-tục đi. Thủy-binh và bộ-binh lúc này mặc quần bằng vải mầu xám, áo va-rơ xanh da trời, lục-quân thì đội mũ casque trắng, thủy quân thì đội mũ rơm chùm vải cũng mầu trắng, không có ai đeo bị.

Mỗi binh-sĩ chỉ có mang 100 viên đạn, một bữa cơm trưa trong túi-dết và một bình nước sau lưng. Mặt trời vừa lên đã có những tia nắng sáng làm cho mọi người vui-vẻ. Không bao giờ chúng tôi lại hành-quân đông-đảo như hôm ấy ở xứ Bắc-kỳ. Chúng tôi đi chậm-chậm để vừa cách khoảng đối với Tiền-đạo.

Quân đi được độ ba cây số ngàn thì Gravot phóng ngựa như bay trở lại báo-cáo công-tác. Y không xuống ngựa rồi lại phóng tới chỗ cao nhất của đường đê để ngó xuống các đồng ruộng và xóm làng, không thấy gì bất thường hoặc quân Tàu hay cờ-xí của họ. Làng thì hoang-vắng vì dân bỏ đi hết rồi.

Vào sáu giờ, chúng tôi đã cách Hà-nội 6 cây số. Những đám quân biện-vệ (đi tách ra hai bên sườn để xem xét địch) lại trở về vị-trí và đi trước cách đền Voi-phục nơi Trung-úy Balny tử trận xưa kia một trăm thước. Chúng tôi đi vòng phía trước mặt đền và đạo quân của chúng tôi lại ngừng phen nữa. Các sĩ-quan đều bước xuống đất, Đại-tá Rivière cũng rời xe và tiến lên với Tiền-đạo có các sĩ-quan Tham-mưu đi theo. Lúc này chúng tôi cách con sông bằng một con đê cao chừng tám chín thước phải bước lên chỗ cao nhất rồi đi tuốt được xuống chân cầu. Một tiền-vệ-viên đi lên chỗ mô đất cao ngó xuống không thấy gì khả nghi. Mục-tiêu của chúng tôi bấy giờ là Phủ-Hoài (tức phủ Hoài-đức, một phủ thuộc tỉnh Hà-đông ngày nay) còn cách xa bốn cây số. Tiền-đạo được lệnh tiến qua cầu cách Tiền-vệ-viên (*người lính đi trước bộ đội để nghe ngóng*) ít thước. Bất thình-lình súng nổ. Quân Cờ Đen tỏ ra có một tinh thần kỷ-luật hiếm có đã chờ chúng tôi qua cầu xong mới khai hỏa. Họ nấp trong

những nhà lá của cái chợ tọa-lạc bên kia cầu và từ đó họ tiến ra theo hàng một. Họ còn xuất phát từ một cái chùa nhỏ ở bên trái lối vào làng Hạ-yên-Quyết (làng Cót).

Lính của Trung-úy Bertin thuộc Đại-đội 24 can-đảm phóng luôn tới các nhà lá trong chợ, vượt qua sông ở bên phải cầu. nước ngập tới nách. Cùng một lúc, Đại-úy Sentis tung ra một phân-đội thủy-binh của tàu *La Victorieuse* từ chỗ cao nhất của con đê. Bọn lính Tàu từng người một chạy về Hạ-yên-quyết, nhiều kẻ chạy về phía tay phải. Chuẩn-úy Tourette cùng 20 lính vượt qua cầu. (Bọn này thuộc pháo-hạm *Villars*). Chúng tôi tấn công bằng lối giáp-chiến vào ngôi chùa. Bọn lính Tàu ở đây chống lại dũng mãnh và đã bị chết một cách can đảm. Về phía chúng tôi cũng thiệt-hại đáng kể. Quân Cờ-Đen tập-trung hỏa-lực bắn rất mạnh vào chỗ mô đất cao nhất của đường đê là nơi quân đội chủ-lực của chúng tôi đang đứng đầy cả. Một số lính bị thương ngã ngay gần chỗ Đại-tá Rivière. Đại-tá cho đặt một trọng-pháo 65 ly và một đại bác Hotchkiss trên chỗ cao nhất và dội năm sáu trái phá vào trong làng mà chúng tôi ngờ đã có đối-phương bắn ra nơi chúng tôi.

Nhưng vẫn chưa tìm ra vị-trí của địch, họ đang biệt dạng sau các đặng tre um-tùm như những cánh rừng nhỏ. Tuy nhiên mấy phát đại-bác ấy như đã làm cho địch xao-xuyến. Sentis tập hợp lính của mình lại rồi tiến lên tăng cường cho đám Tiền-đạo vừa mới chiếm được ngôi chùa làng Hạ-yên-quyết. Đại-bác tạm ngừng để Đại-úy tấn công địch-quân. Họ chống giữ từng tấc đất nhưng rồi bộ binh và thủy binh phóng lên với lưỡi lê khiến bọn Cờ Đen hốt hoảng bỏ chạy tán loạn trước sự hăng-hái của chúng tôi. Đa số lần vào làng Trung-thông ở gần đó rồi tìm chỗ ẩn nấp để bắn xả vào chúng tôi ngay.

Ở đây họ cũng đã có sẵn nhiều người của họ. Một số trốn vào một ngôi chùa khác ở vào khoảng giữa hai làng. Chúng tôi lại chiếm được ngôi chùa này bằng cận-chiến và cũng thiệt-hại khá nhiều. Lúc này quân chủ-lực, đại đội trọng-pháo, và Tiền-đạo chưa chuyển-động mạnh mà đã có nhiều kẻ bị thương, vài kẻ tử-trận khiến hàng ngũ của chúng tôi đã thấy vặng-vắng.

Bây giờ vị Tư-lệnh phải quyết-định một trong hai việc : 1) Dùng lại Hạ-yên-quyết để lấy nơi này làm đầu cầu. nã đại-pháo vào các chỗ

phỏng chừng là vị-trí địch hay các làng bị nghi là có địch ẩn nấp. sau chót mở cuộc tấn công vì các ruộng ngập nước chúng tôi không thể vòng quanh về phía tay trái được.

2) Đánh gấp để lợi-dụng sự lúng-túng của địch sau khi dốc toàn lực chiếm làng Hạ-yên-quyết.

Thảo-luận ít phút với Thiếu-tá de Villers xong, Thiếu-tá cho thi-hành kế-hoạch thứ hai. Thực ra áp-dụng kế-hoạch thứ nhất thì khôn ngoan hơn, chết nổi từ xưa đến nay chúng tôi đã quen đánh lối táo-bạo và thường thắng lợi nhờ ở uy-danh và giá-trị của các bộ đội Âu-Châu.

Mặc dầu tình thế nghiêm-trọng, Đại-tá Rivière và Thiếu-tá Tiểu-đoàn-trưởng cho rằng bọn Cờ-Đen bị ba trăm quân của chúng tôi đánh mạnh sẽ phải tháo lui như mấy lần trước đây trong cuộc đụng độ ngay ở cái làng đầu tiên. Từ lúc ấy bọn chúng tôi cứ xách lưỡi lê đuổi theo chúng đến cái thành nhỏ của Phủ-Hoài có thể lấy dễ như chơi.

Rồi số phận đã định, quân chủ-lực phóng ra gồm Đại-đội 24 có ba trọng-pháo do ngựa kéo và Đại-đội đồ bộ của chiếc-hạm *La Victorieuse*. Khi Đại-tá Rivière qua cầu, Đại-úy Sentis trao cho ông lá cờ vừa mới cướp được của quân Cờ-Đen ở trong chùa và nói : « Thưa Tư-lệnh, đây là lá cờ thứ nhất và tôi mong không phải là lá cờ cuối cùng ».

Trong khi đi qua các nhà lá của chợ, chúng tôi bị địch bắn ào-ạt. Đạn làm bay cả các mái nhà. Lúc này chúng tôi ở trên mặt đường chỉ cao hơn bờ ruộng độ vài chục phân và hết ruộng thì đến các làng. Đạn ở đâu bắn ra ? Khó mà biết được. Ở bên kia chợ thì chỉ có đường cái không mà thôi. Các hàng tre dày đặt đến không hở kẽ cho khói đạn bay ra cách chúng tôi độ 100 thước. Vội-vã chúng cho đặt trọng-pháo xuống để bắn. Ngựa sợ quá lồng lên rồi chạy xuống ruộng. Chúng tôi bắn hai ba phát vào làng Trung-Thông... Nhiều tên lính pháo-thủ chưa đầy vài phút đã bị trúng đạn của địch, té xuống hoặc bị thương nặng Trung-úy hải-quân Lebris bị một phát vào đùi trong khi ông đang ngắm khẩu Hotchkiss do ông điều-khiển. Thiếu-úy Clerc bị gãy tay phải Ducorps bị đạn bay qua mắt cá chân. Một phát đại-pháo của chúng tôi trúng vào giữa đám

Cờ-Đen làm chúng chạy tung-toé khắp nơi sau khi chúng nấp trong các nhà lá.

Đại-tá nhân lúc địch thất thần truyền cho Đại-úy Le Pelletier des Ravinières mang quân vòng quanh các làng cách đó vài bốn trăm thước. Le Pelletier tập hợp đội quân của mình xong rồi nhảy ra ngoài đường tiến qua làng thứ nhì, thứ ba. Ông ta đi cả xuống ruộng và tới chỗ dặng tre, cố vượt qua để bắt địch. Về phần riêng tôi (*Duboc*) tôi cũng họp số binh sĩ còn lại của Đại-úy để tiếp-ứng hầu có thể báo cáo sự tình cho Đại-tá về mặt trận này.

Đằng sau chúng tôi cuộc chiến đấu rất ác-liệt. Quay mặt nhìn, tôi thấy Tiểu-đoàn-trưởng de Villers bị gập đôi người lại. Ông hai tay ôm lấy bụng vì bị một phát đạn bay qua người.

Tôi tiếp-tục tiến lên. Các thủy-binh của tàu *La Victorieuse* đang phá các dặng tre như điên cuồng, tính chọc một lỗ thủng bằng cách lấy búa chặt hay đánh bật gốc tre đi. Một ít lính bạo dạn đã bị chết hay bị thương do địch đứng rất gần bắn tới. Phút đó người của chúng tôi ở ngoài bờ tre cũng bắn vào lưng địch. Giữa lúc này, tôi thấy về mạn Phủ-Hoài một đạo quân chừng một ngàn người chuyển về phía tay phải. Tôi vội báo tin cho Le Pelletier rồi lui về hậu-cứ tính trình bày để cho Đại-tá hay. Vừa đúng lúc này tôi gặp de Marolles mang lệnh của Đại-tá truyền cho chúng tôi tháo lui. Tôi lại trở lại gặp Le Pelletier. Đại-úy liền tập hợp binh sĩ lại để rút gấp. De Marolles nói vắn tắt quân chúng tôi đang rất nguy kịch ở chỗ gần cầu. Đã có gì xảy ra trong lúc chúng tôi đi đuổi địch ở các làng trên ?

Trong khi chúng tôi tiến quân, Đại-úy Sentis phải rút lui khỏi ngôi chùa thứ hai, trở lại chỗ đường cái và nộp cho Đại-tá lá cờ thứ hai mà chúng tôi đã đổ máu khá nhiều mới chiếm được. Xong việc này Đại úy lại trở về vị-trí mà Đại-úy vừa giao cho Chuẩn-úy Roque-Maurel lúc vắng mặt.

Cuộc chiến-đấu thật là gay-gắt, đại-bác bắn liên hồi, bắn thục-mạng và chưa chắc có kết-quả gì. Nhưng cho tới lúc này, do sự kiên-trí, người ta có thể hy-vọng thâu được ít nhiều thắng-lợi thì bất thình-lình ở những làng có quân Cờ-Đen ẩn núp lúc đầu còn ít, lần

này hỏa-lực tung ra mạnh quá khiến binh-sĩ của chúng tôi rối loạn và bọn pháo-binh tan rã gần hết.

Khẩu đại-pháo Villars *(pháo-hạm Villars)* lại nổ để chống lại cuộc tấn công mới này, chúng tôi vội kéo nó lùi lại để chạy thì nó bị lăn nhào xuống ruộng và thành điểm ngắm cho bọn Tàu. Trong vài giây, khẩu đại-bác này vô chủ. Bọn Tàu thấy vậy liền trùng-trùng, điệp-điệp xông ra khỏi làng được hỏa-lực bạn yểm-trợ từ các thôn xóm gần đấy.

Cùng lúc này Le Pelletier và tôi tập-trung các thủy-binh *La Victorieuse* lại, bắn lung-tung bên phải, bên trái, mỗi lúc lại có một người ngã. Chúng tôi đi bước dài. Sau chúng tôi, quân Cờ Đen chỉ còn cách 50 thước. Họ vung ba lá đại-kỳ đen có chữ trắng loé ra như sao. Họ đuổi theo chúng tôi, kẻ nào cũng có xách một ngọn mã-tấu. Về phía chúng tôi, kèn rút quân thổi lên hòa lẫn tiếng kêng của Hải-quân. Tôi thấy Trung-úy de Brisis nằm sóng-sượt trên đường, mắt còn mở thao-láo nhìn quân địch. Ông bị bề hàm, mặt nhày nhụa những máu còn do vết thương gần thái-dương nữa. Chính vì vết thương này mà ông bị chết không kịp ngáp. Bên người ông còn chiếc ống nhòm và tay ông còn cầm cuốn sổ trong đó có vạch trận-thế và đường hành-quân của đôi bên. Tôi đau lòng nghĩ đến bà mẹ già của người trẻ tuổi này đã chờ con đằng-đẵng bấy lâu sẽ phải khóc kẻ tử trận. Lòng tôi như điên, như dại nhưng tôi vẫn phải bỏ ông ta mà chạy.

Chúng tôi đến gần khẩu đại bác « Villars », vẫn nguy như thường ! Ropars, viên Đội pháo-binh thấy quân Cờ Đen đang tiến sang bên phải vội hét : « Bọn chúng đó, chỉ còn cách 100 thước ! »

Đại-úy hải-quân Pissère cũng hô : chạy súng ! Thật không còn ngờ nữa, đó là lệnh chạy gấp khẩu đại-bác. Số lính của trọng-pháo phần bị giết, phần bị thương, phần chạy trốn, nhưng dầu sao cũng phải cứu khẩu súng đang nằm lăn dưới ruộng. Chuẩn-úy Monlun nhảy tới trèo lên một cái bánh xe trong khi chính Đại-tá Rivière nâng cái chân và Pissère đỡ cái bánh bên kia. Cả ba đều gắng lôi khẩu đại-bác lên trên mặt đường. Rồi Monlun ngã vì một phát đạn vào giữa trán. Ducorps tuy cũng bị thương còn cố kéo xác của Monlun sang một bên đường hi-vọng có người mang đi. Mọi cố-gắng tiếc thay đều vô hiệu. Bọn pháo-binh Cờ Đen đã xuất hiện trước mắt chúng tôi. Giữa lúc Đại-tá hạ xong cái chân súng đại-bác xuống đất thì ông

tái mặt đi vì vừa bị trúng một phát đạn vào bên vai. Người ta đỡ xô đến đỡ ông.

— « Cám ơn, ông nói, không việc gì đâu » rồi ông đi về phía Cầu ; ở đây ông đã phái de Marolles đến ứng trực hầu yểm-trợ cho quân rút lui về chỗ con đê.

Hai khẩu đại-bác gần cầu nhất đã do Tiền-đạo di-chuyển trước khi rút lui khỏi làng Cót lúc nghe thấy tiếng kèn hồi quân đội lên. Chuẩn-úy Tourette sắp đặt người vào giữ khẩu đại-bác của tàu *La Victorieuse*.

Khẩu đại-bác của tàu *Villars* cũng chạy về hậu-cứ trong khi các pháo-binh gần tôi đang vội bắn vào địch để ngăn họ lại. Khi đi tới gần khẩu đại-bác, giữa lúc các thủy-binh quây lại chỗ để súng, bất ưng tôi nghe thấy một tiếng khô khan vào bánh xe của đại-bác rồi tôi thấy như bị một cái gậy đập mạnh vào chân trái tôi. Đó là một viên đạn, cám ơn trời đất làm sao, không tai hại lắm, viên đạn này bay vào quần tôi và làm sước tí da ở gót chân mà thôi.

Vài tên thủy-quân lục-chiến được một nhóm nhỏ thủy-binh yểm-trợ giữ nguyên vị-trí trước một hỏa-lực kinh-khủng của địch. Rồi ở một vài nơi bọn quân mã-tấu (Pháp gọi là bọn chặt đầu người) đang thi hành công việc ghê ghớm của chúng. Rivière giữa lúc nguy-ngập này càng can-đảm thêm. Ông vẫn đứng sừng-sững ở trên mặt đường, tay trái vung gậy hô : « Cố lên các em ! » Nhưng đó là tiếng hô cuối cùng của ông. Bất thình-lình ông lảo-đảo rồi gậy rời khỏi tay. Ông ngã xuống. Ducorps tiến lại gần để đỡ ông thì bị một phát đạn bay qua bàn tay. Ông ta cũng ngã nốt rồi bất tỉnh nhân-sự luôn.

Đại-úy Sentis tiến lại gần và được nghe thấy hơi thở cuối cùng của viên Tư-lệnh đã bị trúng đạn ngay tim ! Ông vội chạy về phía cầu để gọi người lấy cáng thì bị trúng đạn vào bên háng khiến ông chao hẳn người đi. Do một nghị-lực phi thường ông đứng ngay được người lên và nhờ được một thủy-binh đỡ ông tiến về chỗ cầu, thế là ông thoát.

Đại-úy Jacquin trông thấy Đại-tá Rivière té chạy lại cứu cũng bị đạn nhào nốt cách Rivière hai bước. Còn Đại-úy Tabourau ra lịnh

khiêng gấp Ducorps đi. Ducorps vẫn còn mê. Gravot ở đâu chạy lại tuy đã xuống ngựa tính lại lấy chỉ-thị của viên Tư-lệnh thấy nguy, anh ta có hai khẩu súng sáu, một tay anh giữ cương ngựa, một tay chĩa súng bắn liên hồi vào bọn lính Tàu rầm-rập xông lại. Con ngựa của anh sợ quá lồng lên, giật đứt cả cương rồi nhảy xuống ruộng lầy. Gravot bắn đến hết đạn mới rút về hậu-cứ. Lát sau anh bị một viên đạn vào đùi. Hai người lính khiêng anh ta lên trên đê. Họ lấy khăn mũi bó vết thương lại để máu ngừng chảy. Thế là hết, chúng tôi đã rút khỏi mặt trận trước cầu và để lại biết bao chiến-hữu anh dũng! Trong khoảng còn rền lên những tiếng súng cuối cùng của chúng tôi đứng trên đê cho nổ xuống. người ta được nghe thấy từng tiếng một của các mã-tấu phầm-phập chặt đầu người.

Chúng tôi lại rút một chặng nữa về chỗ đền Voi phục. Tôi tựa vào cái gậy tre để đi vào đền thì trông thấy cái xe trong đó có một sĩ-quan đang ngồi chụp đầu một mũ cói đan lợp vải trắng. Tôi tưởng là Đại-tá Rivière, tới gần mới biết là Thiếu-tá de Villers. ngoài phát đạn vào bụng mà tôi trông thấy còn bị gãy một tay giữa lúc được mang về hậu-cứ.

« . . . Đại-úy hải-quân Pissère do kỳ cựu nhất được lên thay quyền Tư lệnh, buồn rầu và thủng-thỉnh lê chân trên đường về. Trước mặt chúng tôi Thượng-sĩ Judelin đi khập-khễnh một chân, hai tay khoắc vào vai của hai người lính. Khi tới gần một cái nhà, người ta liền nhắc luôn cái cửa để làm cái cáng. Trong xe, ở hai bên Thiếu-tá de Villers, người ta để nằm hai Trung-sĩ và một người lính gãy cả tay lẫn chân. Gần người đánh xe là một thương-binh thứ năm và ghế đàng sau gần cửa có Gravot nằm sóng-sượt. Anh nhờ có hai bạn trung thành khiêng đi suốt năm cây số. Ngay cả những xe súng đại-bác cũng thành xe cứu thương cho 57 mạng.

Hai y-sĩ nhiều việc quá làm không hết phải nhờ Sentis băng bó giúp tạm cho các nạn-nhân, nhưng chính ông này cũng bị thương và có nhiều lúc muốn xỉu. Về đến Đồn-thủy, ông ta mới được băng-bó. Còn Ducorps chẳng có gì để hãm máu chảy ở bắp chân phải lấy bùn có lẫn đất thó vít bậy vào. Ông ta phải đi bộ mà về thành.

Đấy tình-trạng thê-thảm của chúng tôi kỳ xuất quân này. Buổi trưa hôm ấy chúng tôi mới về tới trại. Tính ra chỉ có trong vài tiếng đồng-hồ

mà chung tôi bị thiệt tới 1/4 quân-số, kẻ chết, kẻ bị thương. Rồi người ta đã mang đầu của Rivière đến nộp Lưu-vĩnh-Phúc, cái đầu ấy còn có con mắt và cái trán sáng ngời sự thông-minh và lòng nhân-hậu (!) Kẻ chặt đầu tàn ác kia nộp thêm cả hai cái tay thò trong tay áo có 5 vạch vàng. Phần thưởng thì tùy theo cấp bậc của người bị giết. Kẻ giết được Rivière đã lãnh 80 lạng bạc (6800 quan). Ngoài viên Tư-lệnh, chúng tôi còn mất Đại-úy Jacquin, Trung-úy Brisis, Chuẩn-úy Moulun và 26 thủy-binh lẫn lính lục-quân.

Bên ta quân Cờ-Đen đi tiên-phong, Dương-trung-Ân chết, Ngô-phụng-Điền bị thương. Chỉ-huy của Cờ-Đen trong trận này là Lưu-vĩnh-Phúc và Hoàng-thủ-Trung. Quân Cờ-Đen chặt đầu Henri Rivière và 29 người Pháp tử trận đem ướp muối bêu nhiều ngày ở các thị-trấn cho dân chúng xem rồi mới cho chôn.

Vụ Cầu giấy đến màn kết quả là hết sức bi-đát. Cũng như Garnier, Rivière đã vong thân vì táo-bạo.»

CHƯƠNG VI

ĐẠI-CHIẾN TRUNG-VIỆT-PHÁP Ở BẮC-KỲ

Pháp tăng cường bộ máy chiến-tranh

Sau cuộc bại-trận thê thảm của Henri Rivière ở Ô Cầu Giấy trên con đường Hà-nội Sơn-tây được 7 ngày thì chánh-phủ Pháp nhận được công-điện về cái bi-kịch sáng sớm hôm 19-5-1883. Lúc này Jules Ferry vừa mới lên làm Thủ-tướng. Hạ nghị-viện đang thảo-luận gắt gao về vấn-đề thuộc-địa và đặt ra việc nên hay không nên đánh chiếm Bắc-kỳ. Xin nhắc rằng việc làm thứ nhất của Jules Ferry khi vừa thành lập xong Nội-các là triệu-hồi Đặc-phái-viên Ngoại-giao Bourée ở Bắc-kinh về; ngày 13 tháng 3 năm 1883, Bộ-trưởng Ngoại-giao Challemel Lacour tuyên-bố trước Thượng nghị-viện là chánh-phủ muốn chấm dứt thái-độ ngập ngừng đã kéo dài luôn 20 năm nay của các chánh-phủ trước. Lời tuyên-bố này được hoan-nghênh nhiệt-liệt. Ngày 27-4-1883 ông trình lên Nghị-viện một bản dự-trù ngân-khoản 5 triệu rưỡi phật-lăng để chi dùng cho đạo quân 3000 người từ Pháp gửi sang Việt-Nam và 1000 lính Việt-Nam trong nhiệm-vụ chiếm hẳn Bắc-kỳ. Khi biểu-quyết, dự-án được 358 phiếu thuận và 50 phiếu nghịch. Có thể chính cái chết của Henri Rivière, Berthe de Villers và của nhiều binh-sĩ Pháp làm cho dư-luận Pháp thương cảm nên việc mang viện-quân sang đánh Bắc-kỳ được tán thành dễ dàng vì việc thôn-tính miền Bắc nước Nam đã hợp lý đối với người Pháp lại còn để phục thù cho đám tướng-sĩ viễn-chinh nữa.

Rồi người ta đưa 1600 thủy-quân bộ-binh, ước 350 thủy-quân pháo-binh sang Bắc-kỳ. Xứ *Nouvelle Calédonie* thuộc-địa Pháp ở Nam-Á *(gần Úc-châu)* gửi thêm vào số lính kể trên hai đội thủy-quân bộ binh. Nam-kỳ cũng góp như trên thêm một đội pháo-binh người Việt. Hải-quân Thiếu-tướng Courbet được cử sang coi việc thủy-chiến và

một hạm-đội có 7 tàu chiến. Việc đánh trên bộ thuộc nhiệm-vụ của Thiếu-tướng Bouët lúc này đang có mặt ở Nam-kỳ. Nhưng một văn quan giữ quyền trên hết trong việc đánh Bắc-kỳ, đó là Bác-sĩ Harmand (người đã theo Francis Garnier ra Bắc và dự các trận đánh xứ này 10 năm trước). Harmand lúc này đang là Sứ-thần ở Tiêm la nay trở lại Việt-Nam làm Tổng ủy-viên hầu sau việc đánh chiếm Bắc-kỳ sẽ kiến-thiết bộ máy bảo-hộ. Nhưng Harmand còn được Pháp-đình giao cho nhiều công-tác khác không kém phần phức-tạp, đó là sửa lại Hòa-ước Giáp-tuất (1874) có một vài khoản không rõ nghĩa lắm, tìm cách đẩy nước Tàu ra khỏi các vấn-đề Việt-Nam, lập cuộc bảo-hộ tức bá quyền của nước Pháp trên đầu trên cổ người Việt, đặt 7 viên Công-sứ để kiểm-soát mọi công việc của quan lại Việt-Nam ở phần đất này, thải hồi các phần tử chống Pháp trong giới quan-trường. Harmand được quyền đặc-biệt là từ nay có thể giao-thiệp thẳng với Nam-triều không như các tiền-liệu của ông ta là phải đi qua phủ Thống-đốc Nam-kỳ trước.

Về nội-bộ của đoàn quân viễn-chinh, quyền-hạn của Harmand với chức vụ mới quá bề-bộn không được phân định rõ-rệt lắm trong chỉ-thị chính-thức ông ta nhận được hôm 8-6-1883 : « Tổng-ủy-viên dân-sự là một chuyên viên ngoại-giao hơn là một nhà hành-chính... ông đại-diện cho mọi ý-nghĩ của chánh-phủ... ông có nhiệm-vụ nghiên-cứu những việc phải làm và những việc cần thiết... ông còn phải ngăn cản những hoạt-động quân-sự nào đi lệch-lạc hay đi ra ngoài phạm-vi đã vạch ra... » *(Theo diễn-văn của Challemel-Lacour, Bộ trưởng ngoại-giao, tại Thượng-nghị-viện ngày 10-7-1883).* Còn việc giao-dịch công vụ giữa Tổng-ủy-viên Harmand và Phó Đề-đốc Courbet cùng Trung-tướng Bouet được sắp đặt theo những chỉ-thị riêng. Harmand còn có quyền điều-khiển cả đạo quân chiếm đóng và Hạm-đội Bắc-Kỳ bấy giờ có các chiếc Thông-báo-hạm *Pluvier, Parseval, Hamelin* ; các pháo-hạm *Surprise, Fanfare, Léopard* ; các pháo-hạm nhỏ như *Eclair, Trombe, Yatagan, Hache, Carabine* và *Massue*. Tướng Bouët phải phúc trình mọi việc lên Tổng-ủy-viên và hoạt-động tùy lệnh của ông ta. Chính sự tùy-thuộc này đã gây nên nhiều sự bất hòa giữa Trung-tướng và Harmand sau đó.

Vì lý-do Pháp chính-thức đánh chiếm Bắc-Kỳ, hai chính quyền Việt-Pháp đoạn tuyệt ngoại-giao, Thống-đốc Nam-Kỳ đuổi hai Chánh-

Phó Lãnh-sự Nguyễn-thành-Ý và Trần-doãn-Khanh về Huế.

Giữa lúc Bắc-Kỳ lâm vào khói lửa nguy-ngập hơn bao giờ hết, tại Huế vua Tự-Đức thở hơi cuối cùng ôm theo mối hận đã để giang-sơn Việt-Nam rơi dần vào tay quân xâm-lược. Nhưng cũng trong thời-gian này chánh phủ Bắc-kinh thấy dư-luận Pháp quyết tâm xâm lăng toàn bộ Bắc-Kỳ, dự-định can thiệp vào miền này thì ngày 22-6 (1883) một nhân-vật bí-mật đã tìm gặp nhà cầm quyền Trung-hoa rỉ-tai rằng : « *Pháp không muốn và cũng không đủ sức đánh chiếm Bắc-Kỳ đâu !* » Chỉ vì lời nói này Pháp phải đổ biết bao xương máu của quân đội viễn-chinh trong 21 tháng ròng và còn tốn biết bao nhiêu tiền bạc nữa. Nhà cầm quyền Trung-Hoa liền huy-động quân đội.

Nhân vật bí-mật ấy là ai, người nước nào ? Mỗi sách đến nay nói một khác, chỗ nói người ấy là người Đức Detring ; chỗ nói người ấy là Campbell hay Rob Hart người Anh ; chỗ lại cho chính là Bourée, viên Công-sứ Pháp ở Bắc-kinh vừa đây. Trong tập « *Les Expéditions*, người ta đề-kết nhân vật đó là Henry Parkes người Anh. Rồi vì nhân vật bí-mật ấy mà ở Pháp Hạ-nghị-viện thình-lình đổi ý-kiến. Một phần tư Nghị-viện lại không tán thành dự-án của Nội-các Jules Ferry. Họ lại còn khuyến-khích Bắc-kinh mang quân qua Bắc-Kỳ đặng làm cho dư-luận Pháp hoảng-sợ và nhân đó lật nhào Nội-các Jules Ferry, và bãi bỏ được việc hành quân vào xứ Bắc. Tuy vậy cuộc vận động kể trên vẫn không ngăn được dự án đánh chiếm Bắc-Kỳ, vì sau một cuộc bàn luận hết sức sôi-nổi ngày 26-5-1883, Hạ-nghị-viện lại tán thành. Tức thì Chánh-phủ Pháp lấy lu ôn viện binh ở bốn Lữ-đoàn thủy quân lục chiến và các vũ-khí chuyển xuống các tàu *l'Annamite, le Mytho* và *la Saone* chở qua Việt-Nam. Rồi Phó Đề-đốc Courbet thành-lập một sư-đoàn thủy-quân mệnh-danh là sư-đoàn Bắc-Kỳ gồm các chiến-hạm *l'Atalante, le Bayard, le Chateau, Renault* và *le Kersaint* cộng thêm hai Phóng-ngư-lôi hạng nhì và hai thiết-giáp-hạm số 45 và 46 vào ngày 31-5-1883.

Tướng Bouët đổ bộ lên miền Bắc vào tháng 5 năm Quí-mùi (ngày 7-6-1883) với một số viện-binh của Nam-kỳ và muốn đủ quyền hành cần-thiết (Sắc-lệnh ngày 13-10-1863 ông ta tuyên-bố Hà-nội, Hải-phòng và Nam-định ở trong tình trạng chiến-tranh. Lời tuyên-bố này được phát ra vào ngày 9-6. Việc đầu tiên của Bouet là nắm lại

đám quân-đội hiện có đang mất ít nhiều tinh-thần và rời-rạc. Họ tính lập ra những đội quân bản-xứ và cho Georges Vlaveanos, cựu sĩ-quan của đoàn quân Dupuis mộ một tiểu-đoàn phụ-lực-quân người Việt và Tàu lấy tên là Cờ-Vàng. Hắn lập cả 3 phân đội công binh, hỗn-hợp, một hạm-đội tàu hơi và thuyền buồm để chở nhân-viên, vật-liệu, quân nhu và lương-thực. Y cho xây các lô-cốt ở quanh thành và xây nối Đồn-thủy vào tới thành. Tại bên Hồ Tây, ngay trong đền Quan-Thánh y đặt một đồn phụ-lực-quân người Việt.

Binh-đội gồm có tất cả là 3.500 người được phân phối như sau: 600 người trú đóng ở thành Hà-nội, 350 ở Nam-định, 350 ở Hải-phòng còn 2.200 người thì được dùng vào các cuộc hành-quân.

Bouët lại cho tàu và binh-sĩ đi thám-sát luôn hai tháng sáu và bảy để hiểu địa-hình, địa-vật, và tình-hình quân ta và quân Cờ-Đen. Ngày 19-6 họ gặp quân Cờ-Đen trên sông Đáy và ngày 28-7 trên sông Nhị hà. Do quân Pháp đi tuần tiễu luôn luôn quân ta và quân Cờ-Đen cũng bớt quấy phá họ hơn trước, nhất là ở Nam-định ngày 26-6 và 19-7 Trung-tá Badens đã phá được nhiều cuộc phong tỏa của binh-đội Lưu-vĩnh-Phúc.

Vua Tự-Đức mất ngày 16-6 năm Quí-mùi (17-7-1883) thọ được 54 tuổi, ở ngôi được 36 năm miếu-hiệu là Dực-tông Anh hoàng-đế. Ngài không có con, nuôi ba cháu làm con nuôi: trưởng là Dục-Đức phong Thụy-quốc-Công, thứ là Chánh-Mông phong Kiên-giang quận công, ba là Dưỡng-Thiện.

Việc phế-lập ở Huế (tiếp)

Vua Dục-Đức là con hoàng-đệ Thoại-thái-Vương được cử vào ngôi cả là do sự vận-động của bà Thái-hậu Từ-Dũ và của bà Trang-Ý mẹ nuôi vua Tự-Đức.

Vua Tự-Đức cũng biết Dục-Đức lên làm vua khó được triều-thần kính-mến vì ông có nhiều tính hư, tật xấu. Trong di-chiếu Tự-Đức có viết rằng: Dục-Đức có mục-tật, tính ham chơi, e không đương được việc lớn, nhưng vua lớn là phước cho xã-tắc *(Đản vi hữu mục tật, bí nhi bất tuyệt, cửu khủng bất minh, tính phả háo dâm, diệc đại bất thiện, vị tất năng đư ơng đại sự, quốc hữu trưởng-quân, xã-tắc chi phước, xã thử tương hà dĩ-tại...)* (Dục-Đức 31 tuổi)... chính

nhà vua ưng ông Dưỡng-Thiện (1) hơn cả, nhưng ông này lúc ấy mới có 14 tuổi. Trần-tiễn-Thành, Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết được cử làm ba quan Phụ-chính.

Riêng hai quan Phụ-chính Tường và Thuyết trong bụng không ưa việc ông Dục-Đức lên ngôi, dư-luận quanh triều-đình cho rằng vì hai ông Thuyết và Tường thấy ông Dục-Đức đã lớn tuổi khó bề khống chế. Sự thực không hẳn như vậy.

Trước hôm làm lễ tấn-tôn, Dục-Đức mời ba quan Phụ-chính vào cung xin dừng đọc đoạn di-chiếu nói nhà vua có mục-tật và hạnh-kiểm xấu. Ba ông Thành, Tường, Thuyết đã bằng lòng.

Trong khi thi-hài vua Tự-Đức còn quàn trong nội-điện để làm các thứ nghi lễ tang-chế, Dục-Đức đã có nhiều sự chênh-mảng. Ông ta tưởng đã nắm vững ấn ngọc trong tay, không ai dám thay bậc đổi ngôi của ông nên cứ để ra vào trong cung cấm những bọn người đã từng giao-du với ông trước đây mà phần nhiều đều vô tư-cách : bọn bạn cờ bạc, phù thủy, đồng bóng thày lang, tiểu-lại, nàng hầu, gái điếm. Bọn này không coi luật-lệ cung-đình ra sao, tự do ăn nói buông thả, coi các quan Phụ-chánh không ra gì hết. Ông Thuyết ngoài địa-vị Phụ-chánh đại-thần còn là Binh-bộ thượng-thư và ông Nguyễn-văn-Tường giữ bộ Tài-chính. Một hôm hai ông vào chào Dục-Đức, mấy kẻ đó đang xúm quanh vị quốc-vương tương-lai không thèm đứng dậy. Họ vẫn cười đùa nhả nhớn như không biết có hai thượng quan đứng đó. Đây cũng thêm một nguyên nhân nó thúc đẩy hai quan Phụ-chánh phế lập ông Dục-Đức giữa lúc họ đang có rất ít cảm-tình với ông.

Rồi tới ngày làm lễ tấn tôn, Nguyễn-văn-Tường giả đau không tới dự, Trần-tiễn-Thành đọc di-chiếu đến đoạn kể xấu Dục-Đức đã có ý đọc ú-ớ để không ai nghe được. Bọn ông Thuyết đàn-hặc việc này rồi cử Nguyễn-trọng-Hợp đọc lại cho rõ, sau đó người ta đình việc tấn tôn để họp bàn nên lập Dục-Đức hay bỏ, tức là phải xét lại di-chiếu. Rồi ba hôm sau người ta thiết đại-triều, Nguyễn-văn-Tường tuyên-bố phế ông Dục-Đức với những lời cáo tội dưới đây :

1) Dục-Đức đã cắt bỏ trong di-chiếu 41 chữ hoàn-toàn không tốt đẹp cho ông ; 2) Dục-Đức đã đưa vào Nội-cung một giáo-sĩ để

(1) Dục-Đức Chánh-mông, Dưỡng-thiện là nhà học của các ông hoàng con nuôi vua Tự-Đức. Do đó người ta gọi Dục-đức-đường, Chánh-mông-đường v.v... Lúc này các ông hoàng chưa được phong, người ta lấy tên nhà học mà gọi.

làm việc riêng (1). 3) Ông đã thờ-ơ với việc tang-lễ của vua Tự-Đức. Chứng cớ là ông đã cho mang vào nội cung của ông một chiếc áo lụa xanh. 4) Ông đã thông-gian với các phi-tần của tiên-đế.

Rồi người ta họp nhau kết án Dục-Đức vào tội tử-hình, thực ra chỉ có ý ngăn trừ một hậu-họa về mặt chính-trị sau này. Nhưng người ta cho Dục Đức hưởng đặc-ân là chỉ phải chịu cấm cố mà thôi (và cấm cố tại nhà riêng, nghĩa là không ra khỏi bốn bức tường). Nhà này thuộc khu các Bộ về phía Nam. Mỗi ngày người ta cho được một ít cơm nước qua một cái lỗ cửa nhỏ. Trong khi chờ đợi thợ xây cái cấm phòng người ta đưa Dục-Đức sang giam bên Dục-Đức giảng-đường, sau đưa qua Trấn-phủ, một nhà lao của các trọng-phạm đời bấy giờ.

Về việc đổi tờ di-chiếu và phế truất ông Dục-Đức triều thần ngơ ngác không ai dám nói, bởi lúc này ai ai cũng sợ hai ông Tường Thuyết, duy có quan Ngự-sử Phan-đình-Phùng can rằng: « Tự-quân chưa có tội gì mà phế lập thì sao phải lẽ ? » Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết truyền bắt giam Phan-đình-Phùng sau 12 ngày trong ngục Cẩm-y rồi cách chức đuổi về.

Sau 7 ngày giam cầm ông Dục-Đức như vậy, Tôn-thất-Thuyết sợ rằng có kẻ thương tình giúp đỡ Dục-Đức thì sẽ có điều đại-biến chăng, liền cho một viên quan tùy thuộc mang thuốc độc đến bảo Dục-Đức uống thuốc này ông sẽ khỏi mệt ngay. Ông Dục-Đức biết sự tình không chịu, đòi uống thứ thuốc không hại cơ thể và quả lúc này ông đang đau đớn hết sức vì đói khát. Viên quan hầu không nỡ tận-tình nên mang thuốc trở về và bị Thuyết mắng thảm hại. Sau ông quan này lại phải thi hành lệnh của Phụ-Chánh họ Tôn. Rồi Dục-Đức chết. Các chi tiết về vụ này không sách nào nói, điều chắc chắn người đã phải cưỡng ép ông uống, lấy vũ-lực đổ thuốc độc vào miệng ông. Ông chết vào ngày 6-10-1883 và 3 tên tù đã mang xác ông đến chôn một ngọn đồi, tên là Phước-Quả (gần núi Ngự-bình) để chôn không có áo-quan chi hết (2). Người ta cũng không đào hố nhưng sẵn cái huyệt cải táng

CHÚ-THÍCH. — (1) Giáo sĩ đó là Thơ trước là Thanh-tra thuế quan ở Hải-dương đã hai lần đi Pháp và Tây-ban-Nha. Bọn ông Tường, Thuyết cho rằng linh-mục Thơ là tay sai của Pháp và là phần tử nguy-hiểm có liên-lạc với Pháp.

(2) Sau này Pháp lập Bửu-Lân con ông Dục-Đức lên làm vua thay cho Đồng-Khánh. (Bửu-Lân là vua Thành-Thái). Bấy giờ người ta mới xây luôn mộ cho ông Dục-Đức nhưng không đụng chạm đến hài cốt.

cứ thế người ta vùi thi-hài của Dục-Đức xuống. Thân nhân của ông không ai hay chi hết. Cái chết của Dục-Đức đáng kể là một cái chết rất bi-thảm khiến chúng ta phải nghĩ rằng có đại-phúc mới sinh vào cửa Đế vương nhưng cũng có khi vì bạc phước mới đầu thai vào làm con vua cháu chúa. Nước nhà lúc này đang ở trong cảnh dầu sôi lửa bỏng, nạn vong-quốc mỗi giờ phút tiến lại một gần. Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết là hai lĩnh-tụ của phe kháng Pháp dầu có thể tiếp nhận một ông vua vô hạnh và thân Pháp trên chánh-trường Việt-Nam bấy giờ. Bảo rằng Tường, Thuyết độc tài, chuyên-chế, đó là ý-kiến của bọn có chủ-trương đầu hàng quân xâm-lược ; ý-kiến này đúng một phần nào nhưng công bằng mà xét, tình-thế nước ta lúc này nguy-ngập vô cùng, nhiều biến-cố xảy ra rồn-rập, người lĩnh trách-nhiệm lớn như hai ông Tường, Thuyết không cương-quyết không độc-đoán không xong. Sau này chính vì bọn thoái-bại mà phong-kiến nhà Nguyễn sớm đi đến chỗ cùng mạt, cũng chính vì thái-độ khiếp-nhược của họ mà nhân-dân hết tin-tưởng vào giai-cấp lãnh-đạo nên đã lỏng tay chiến-đấu. Nếu như họ đồng tâm nhất trí chống Thực-dân, ngoại-địch như các đời Trần, Lê thì quốc-dân Việt-nam đầu đã phải đi tới một khúc quanh của Lịch-sử vô cùng bi-đát cuối thế-kỷ XIX.

Tướng Bouët phá vòng vây của Cờ Đen quanh Hà-nội

Vua Dục-Đức bị phế, đa số các quan trong triều lúc nầy thuộc phe Kháng Pháp dầu muốn hay chẳng. Rồi người ta lập Văn-Lãng quốc-ông Hường-Dật là con thứ 29 của vua Thiệu-Trị bấy giờ đã 37 tuổi và là người em ít tuổi nhất của Tự-Đức. Lãng-Quốc-Công lên ngôi lấy niên hiệu là Hiệp-Hòa.

Buổi đầu ông không chịu nhận ngôi báu nhưng bà Từ-Dũ khuyên dụ mãi nên phải nghe. Ông bước lên ngai vàng vào ngày 27-6 năm Quí-mùi tức ngày 30-7-1883. Sử ta chép ngày hôm ấy và luôn mấy tuần sau mặt trời mọc chỉ có màu xanh. Nhà vua vốn mê-tín thấy triệu-chứng này có lòng lo sợ nên đem sự thắc-mắc ra bàn với các thận vương đại-thần. Họ không dám trả lời, chỉ có mở cuốn sách thiên-văn ra trước mặt để ngài coi. Theo sách này, màu xanh báo hiệu cuộc trị-vì của Ngài không được dài lâu.

Giữa khi Huế trải một cuộc khủng-hoảng khá trầm trọng, quân

của các tướng Bouët, và Courbet được lệnh rầm-rộ kéo vào xứ Bắc, khí thế rất hăng hái.

Ngày 30-7-1883 Harmand cùng hai viên tướng kể trên, sau cuộc thảo-luận tỉ-mỉ ở Hải-phòng, đã quyết định một kế-hoạch xâm-lăng như sau : Thủy-quân Pháp dưới quyền của Thủy-sư Đô-đốc Courbet kéo vào Huế, đóng quân ở cửa Thuận-an lấy uy-lực áp-đảo triều-đình Huế để thi hành Hòa-ước theo đúng ý của họ, nói cách khác bắt triều-đình Huế giữ lời cam-kết. Lục-quân Pháp theo tướng Bouët ra Bắc đánh đuổi quân ta và quân Tàu. Việc đem quân đến Thuận-an uy-hiếp Nam-triều là do ý-kiến của Khâm-sứ Rheinart trước đây nếu ta coi bức thư của ông ta gửi cho ông Thompson sau khi y bị những sự chống đối cứng cỏi của Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết ngay từ buổi y tới Huế thay Philastre. Tuy vậy y không chủ-trương gây chiến ngoài Bắc e đụng-độ với quân Tàu ắt sẽ lôi thôi to. Tóm lại Rheinart đề-nghị dùng quân đội để ủng-hộ ngoại-giao, việc thi-hành Hòa-ước giáp-tuất sẽ tốt đẹp, rồi nước Việt-Nam cũng sẽ mất hết, chỉ có chậm một chút mà thôi.

Ngày 16-6 (1883) tướng Bouët ra tới Hà-nội để chỉnh bị mọi vấn-đề cần thiết về quân-sự, nghiên-cứu kế-hoạch phòng thủ và chiến đấu với quân Cờ Đen tại các tỉnh Hà-nội, Nam-định và Hải-phòng. Vào cuối tháng 7-1883 viện-binh các loại, quân-nhu, vũ-khí bấy lâu chờ đợi từ Pháp tới Hà-nội. Kỵ-binh Pháp đến vào ngày 10-8. Ngày 16-8 Trung-tá Brionval chiếm thành Hải-dương, lấy nơi này làm đầu cầu để đổ bộ vào xứ Bắc. Quân ta chống cự rất yếu và nói rằng ta gần như không có kháng chiến để giữ thành này thì đúng hơn. Pháp vào chiếm được 150 khẩu đại-bác, nhiều thóc lúa và một số tiền đáng 400.000 quan.

Cũng trong ngày ấy một trận đánh kịch-liệt đã xảy ra giữa Pháp và quân Cờ Đen bên sông Nhuệ, cách Hà-nội tám, chín cây số, và trên con đường Phủ-hoài, cách Hà-nội 4 cây số. Quân Cờ Đen lập ở đây ba phòng-tuyến liên-tiếp : 1) Một phòng-tuyến từ Cầu-giấy và từ các làng ở hai bên bờ sông Tô-Lịch tiến tới làng Trèm (Đông-ngạc và Thụy-phương ngày nay) đi ngang qua làng Yên-thái *(Bưởi)*; 2) Một phòng-tuyến từ Phủ Hoài đức đến làng Hoàng-xá ven sông Nhị-hà đi qua làng Cổ-nhuế (tức Kẻ-noi). Tại đây quân Cờ Đen đặt ba ổ

súng đại-bác để phòng bắn các pháo-hạm của Pháp đi qua và đóng bốn đồn có đắp chướng-ngại-vật ; 3) Một phòng tuyến gồm các lũy, các làng và các đình, chùa biến thành cơ-cấu phòng-thủ và tọa-lạc sau sông Nhuệ. Sông này bề rộng khoảng 12 thước chạy thành vòng đai khuỳnh về phía Đông trông về Hà-nội. Các cầu đi vào các làng này đều bị phá-hủy ít nhiều và như thế là đi từ hướng Nam lên hướng Bắc kể từ làng Canh, làng Diễn, Tây-tựu v.v... Quân Cờ Đen đóng nghẹt trên hai con đường đi Sơn-tây và thành một chiến-tuyến dài từ 6 đến 8 cây số. Mục-đích của Pháp là đánh chiếm các phòng-tuyến của Lưu-vĩnh-Phúc và đón quân Cờ Đen ở những điểm họ lui quân để tiêu-diệt. Lệnh hành-quân ban ra vào ngày 14-8-1883 hồi chiều. Pháp chia quân ra làm 3 đạo : Tả-dực có Đại-tá Bichot, Trung-đạo có Thiếu-tá Coronnat, Hữu-dực có Trung-tá Révillon chỉ huy. Cả ba đạo gồm có các thành-phần binh-chủng như nhau : 3 đại-đội thủy quân lục chiến, 1 đại-đội lính tập, 1 đại-đội trọng-pháo có 4 đại-pháo, 1 phân-đội công-binh (tổng cộng 500 người). Chiến-thuyền có phận-sự cộng-tác với quân Tả-dực. Quân Cờ Vàng đi theo Hữu-dực. Viên Tổng Tư lệnh quân đội viễn-chinh đi theo quân Hữu-dực dẫn 1 đại-đội thủy quân lục chiến, 1 đại-đội lính tập, 1 phân đội trọng-pháo (cùng đi với đạo quân thứ ba). Trong dịp này thời-tiết xấu quá. Đoàn quân viễn-chinh phải đi vào lúc đêm trăng.

Vào 5 giờ 10 đạo quân của Bichot khai hỏa vào vị-trí của quân Cờ-Đen được trông thấy khá rõ-rệt do hàng cờ đen. Vào 7 giờ 15 tuy sự chuẩn-bị của Pháp chưa được đầy đủ, quân tiền phong của Bichot đã chiếm được 3 chiến-lũy của Cờ-Đen. Đến chiến-lũy thứ tư gần trước chùa Tiềm quân Pháp bị ngừng lại. Bấy giờ vào khoảng 9 giờ sáng.

Họ định đi qua các nhà dân ở làng Trèm để đánh vòng lại đằng sau địch nhưng không được. Thiếu-úy Rondony chỉ-huy một phân đội lính tập đã tiến đến một cái chùa ngoài đồng ở phía sau và bên phải của chiến-lũy thứ tư đánh bọc hậu quân Cờ-Đen.

Đạo Tả-Dực của Pháp trước khi tiến lên đã phải chờ tin tức của hai đạo quân bạn và phải bố-trí để ngủ đêm trên các vị-trí vừa chiếm được.

Cánh quân của Coronnat để lại ở Yên-thái một đại-đội Lục-quân và một phân-đội trọng-pháo để nhằm vào làng Noi và tiến đánh đồn

Phủ-Hoài vào hồi 6 giờ 30. Pháp và Cờ-Đen gặp nhau hồi 10 giờ 30. Hỏa-lực của đôi bên đều dữ-dội. Quân tiền-phong của Pháp ở đây là bọn lính tập đang đi lén theo ven làng Yên. Bọn này được 3 đại đội Thủy-quân lục-chiến và trọng-pháo yểm-trợ từ chùa Noi. Mười hai rưỡi, không-khí ngột-ngạt, nhiều kẻ bị say nắng,

Thiếu-tá Coronnat phải cho binh-sĩ nghỉ. Hồi 2 giờ 30 toán quân đi về phía sườn tay phải của đạo quân Révillon gặp quân Cờ-Đen. Cờ Đen bị đẩy lui. Vào 4 giờ chiều Coronnat không bắt được liên-lạc với hai đạo quân bạn đành phải nghỉ đêm quanh chùa làng Noi.

Đạo quân Révillon đến trước đồn Phủ-Hoài chậm do đại-bác khó kéo. 8 giờ 15 mới tới. Tiền-đạo tiến trên con đường đi Sơn-tây gặp Cờ-Đen ở bên tả. Họ phải đóng lại tại làng Vòng (Mai-dịch) hồi 10 giờ 30 Pháp và Cờ-Đen cách nhau bằng một cánh đồng ngập nước rộng khoản 1800 thước. Mặc dầu khó, bộ-binh và quân Cờ-Vàng của Pháp vẫn tiến về phía cực-hữu. Quân Cờ-Đen đông quá. bọn này chống không lại bỏ chạy hết về phía Cầu giấy là nơi họ đã đóng hồi 5 giờ chiều. Trời mưa như trút nước suốt đêm 15 rạng ngày 16. Đạo Tả-Dực hồi 5 giờ 30 tới chùa làng Chèm thấy vắng tanh. Bấy giờ Đại-tá Bichot mới được tin của các đạo quân bạn. Vì đê vỡ, nước lụt dâng lên cao mỗi phút, Bichot phải ngừng việc truy-kích quân Tàu đang rút lui ở nhiều nơi. Vào 9 giờ tối chùa Chèm đã đầy nước cao đến một thước. Trung-đạo của Pháp thấy nước lụt mênh mông phải lui về Yên-thái hồi 8 giờ 30 sáng rồi trở về Hà-nội.

Tóm lại chiến-cuộc ngày 15 và 16-8 chẳng đem lại kết-quả gì đặc-biệt cho Pháp về mặt tinh thần. Đạo quân của Révillon coi như thất bại ; đạo quân Coronnat không nắm được gì khả-quan. Riêng đạo quân của Bichot thi-hành được một phần nhiệm-vụ nhưng không khai thác được thắng lợi vì liên-hiệp với Trung-đạo mà mất liên-lạc nên chẳng yểm-trợ được cho nhau.

Đối với quân Cờ Đen sau trận đánh này Pháp phải nhận họ là những địch-thủ được trang-bị đầy đủ, được tổ chức đàng-hoàng, vững chãi hơn điều người ta tưởng-tượng, chớ không bê-bối như quân Việt-Nam chỉ một nhóm con con người cũng đủ xua được. (*En tout cas, les journées des 15 et 16-8 montrèrent qu'on avait affaire à un ennemi bien armé, mieux organisé, plus solide qu'on ne le pensait et n'ayant*

rien de commun avec les premières bandes annamites que di persait antérieurement une poignée d'hommes. — Theo P. Cultru và A. Delvaux). Cũng theo hai ông nầy trận đánh quanh làng Vòng kéo dài hại ba ngày liền. Quân Trung-hoa bị thiệt nặng. Họ đông tới 1500 người. số tử trận tới 1200. Họ lại mất 6 khẩu đại-bác. Tuy bại nhưng họ vẫn hăng-hái. Họ tiếp-tục đắp nhiều ổ súng, dựng lại các đồn lũy tính sống mái với quân Pháp và ngăn bước tiến của Pháp lên Sơn-tây thì nước lụt dâng lên đê vỡ, mọi cuộc bố-phòng của họ bị đình hết cho tới ngày 1 và 2-9 năm ấy. Sau này họ mất thêm ít binh-sĩ nữa, tổng cộng vào 1600 người. Còn Pháp bị tử trận 16 người, bị thương 38 người. Dầu thắng trận, Đại-tướng Bouët cũng chưa có ý mang quân tấn công Sơn-Tây, xét quân số của mình không đầy đủ. Bouët còn đánh điện về Pháp xin thêm viện-binh. Hai việc nầy làm cho Harmand bực mình. Harmand còn trách Bouët đã quá dè-dặt nên công việc trì-trệ nhờ đó mà quân Tàu kịp tới tăng cường cho quân Cờ-Đen. Theo *Boudet và Masson* trong Tạp-chí hải-quân năm 1933 trang 721-731 trận đánh kể trên không có lợi nên Harmand và Bouët có sự bực tức với nhau. Lại xét điện-văn của Bouët gửi về cho Tổng trưởng hải-quân là Thủy-sư Đô-đốc Peyron không thấy nói gì về sự thắng cả mà chỉ xin thêm quân :

« Xét quân Cờ-Đen đông trùng-trùng, điệp-điệp, vũ-khí của họ có giá-trị không thể phủ-nhận được, vị-trí của họ đóng liên tiếp nhiều cây số, cấp chỉ-huy cũng rất đầy đủ, phải có sẵn sàng một sư-đoàn đàng-hoàng mới mở được chiến-dịch tháng 10. Vậy xin gửi viện binh gấp vào thượng-tuần tháng 10 tới. Xin cho cả trọng-pháo giữ thành và đánh thành ... »

Nếu quả quân Tàu thảm-bại như sử của P. Cultru và A. Delvaux đã ghi thì họ đã chết hết rồi, Bouët cần gì phải xin gấp viện binh nữa.

Việc xin thêm viện-binh của tướng Courbet sau đó cũng gặp nhiều sự khó khăn như với Henri Rivière trước đây là do bên Âu-châu bốn nước Đức, Áo, Hung và Ý vừa ký hiệp-ước liên-minh (6-1883) nên các nhà đương-cục Pháp quan-niệm rằng hãy lo việc nhà trước đã. Ở Thượng nghị-viện, Công-tước de Broglie nêu ra ý-kiến rằng mang quân đi đánh xa sẽ làm yếu nước Pháp và quyền-lợi sinh tử của Pháp là ở Âu-châu. Trước cuộc liên-minh của 4 nước kể trên, Pháp có thể bị tấn công chưa biết lúc nào, Thủ-tướng Jules Ferry bênh-vực chủ-trương của mình : « Một nước muốn lớn thêm phải coi thường những

sự khó khăn, phải tự tin ở nơi mình, đừng để dư-luận báo-chí lừa gạt... » Sau đó chánh phủ của ông được Thượng-Hạ Nghị-viện chấp-thuận cho gửi thêm binh-sĩ và binh-phí qua Bắc-kỳ.

Được thêm 3.600 viện-binh ở Pháp đưa sang, bây giờ quân-số của Pháp lên tới 9 000. Thiếu-tướng Courbet mới lo chuyện mở rộng cuộc tấn công quân Cờ Đen vào những ngày tới.

Pháp đánh cửa Thuận-An

Biến-cố thứ ba sau vụ phế-lập ở Huế, vụ Pháp đánh Bắc kỳ kể trên, là việc Pháp tấn-công cửa Thuận-an để tiến vào Kinh-đô nhà Nguyễn giữa một giai-đoạn rối-ren nhất, nghĩa là trong triều vua tôi lủng-củng, linh-cứu của vua Tự-Đức còn quần ở điện Càn-Thành, ngoài thành giặc Pháp kéo đến tấn công tấp-nập.

Đô-đốc Courbet ngày 18-7 (1883) đứng trên Soái-hạm ngoài khơi bằng viễn-kính ngắm địa-thế cửa Thuận là con đường thủy duy nhất để tiến vào kinh-thành. Ông ta thấy quân Việt đang đánh chìm một thuyền đá xuống nước do mục-đích cản tàu chiến của Pháp vào sông Hương. Ông ta liền hạ lệnh cho 6 chiếc pháo-hạm và một tàu vận-tải kéo cờ tiến vào cửa Thuận-an. (Một phần hạm-đội đóng ở cửa Hàn). Soái hạm là chiếc *Bayard*. Harmand lúc này ở bên Courbet. Ngày hôm trước (17-8) họ đã gửi cho Nam-triều một bức thư qua tay Hậu-quân Đô-thống Lê-Sĩ là quan Trấn-thủ thành Trấn-hải đòi Nam-triều đầu hàng và nộp mọi đồn ải từ cửa Thuận trở vào. Bấy giờ ta có 7 pháo-đài và nhiều đồn nhỏ đã được phòng bị kỹ-càng.

Triều-đình rối như canh hẹ có cho vài vị đại-thần ra ngoài cửa Thuận để nghe ngóng và xem xét Pháp cử động ra sao. Trong mấy vị quan to đó có Cựu Lãnh-sự Nguyễn-thành-Ý mà Súy-phủ Nam-Kỳ mới đuổi về một tháng trước (22-6) khỏi Sài-gòn, muốn lên tàu gặp Courbet nhưng y không cho lên. Vì Courbet chỉ thấy sứ ta trả lời một cách lơ-mơ các câu hỏi của y, y bảo sứ-bộ trở về và nhắn : « Ngay chiều ngày 18-8 này, chúng tôi sẽ pháo-kích mọi đồn lũy ở Thuận-an ». Chiều hôm ấy vào 4 giờ rưỡi, quá hạn phúc thư, hạm-đội Pháp bắn lên một loạt vào các đồn. Việt-quân kháng-cự anh-dũng, cũng dùng đại-bác trả lời nhưng tiếc rằng tầm súng rất ngắn nên không tới chiến-hạm Pháp. Tuy vậy chiếc thiết-giáp-hạm *Bayard* và chiếc pháo-hạm *Vipère* của Pháp cũng bị hư hại ít nhiều nhưng vẫn chiến-đấu được. Đại-bác Pháp lần lượt phá đổ được nhiều bức thành lũy. Tối đến

hai bên ngừng bắn cả. Sáng hôm 19-8, Việt-quân phản công luôn một giờ đồng hồ, lúc này sóng to, gió lớn, việc hành quân lại phải đình lại. Pháp tính đồ bộ hôm ấy rồi lại thôi. Hôm sau hai bên tái chiến quyết-liệt. Courbet xua quân lên bờ đánh lấy đồn phía Bắc, đoạt được nhiều giàn súng đặt quanh đồn này. Thành Trấn-hải bị hãm, Việt-quân chống đánh rất can đảm, quăng trái nổ để làm thành một hàng rào lửa ngăn quân Pháp. Nhưng hỏa-lực của địch mạnh hơn. Chiếc *Vipère* và *Lyns* xông vào cửa Thuận. Quân ta bị thương, bị chết, xác đồ lung tung. Thống-chế Lê-Chuẩn bị đạn tử trận, Hậu-quân Lê-Sĩ tuy bị thương nặng vẫn ra công đánh, nhưng rồi cũng chết. Chưởng-vệ Nguyễn-Trung cũng bị hy-sinh giữa chiến cuộc, thành bị chiếm luôn sau khi kho đạn bị trúng một quả trái phá, vừa nổ vừa cháy, khói bốc mù-mịt Vào lúc gần tối, Việt-quân được lệnh rời khỏi hai bên bờ sông. Sáng hôm sau vào khoảng 9 giờ thành hoàn-toàn đổi chủ, cờ tam tài đã bay trên Kỳ-đài. Tham-tri Lâm-Hoằng, Trần-thúc-Nhẫn ôm nhau lao mình xuống sông mà chết. Giờ này bên Việt đã mất 1200 binh-sĩ chết trận và 1500 người bị thương nặng. Pháp chỉ có 10 người bị thương. Trước sự tấn công mãnh-liệt của địch, Tôn-thất-Thuyết nổi tiếng cầm quân gan dạ đành trở về kinh-đô giao cho hai tướng Hữu và Lâm tiếp-tục chiến đấu, biết rằng tình thế bất lợi đến nơi, đành về họp bàn cơ-mưu khác để cứu-vãn thời cuộc. Nhưng rồi Hữu cũng bị tử trận ở Đại-đồn, còn Lâm thấy mình cũng đi tới chỗ tuyệt-vọng đành tự-tử.

Đánh xong thành Trấn-hải, quân Pháp tiến đánh luôn mấy đồn phụ cận Tại Thái-dương-đài quân của Trương-văn-Đề bỏ chạy, chết hại khá nhiều. Tại đồn Hải-nhuận, quân của Ông-ích-Khiêm cũng đã rút lui.

Thế là cuộc giao-phong kết liễu rất bi-thảm về phía Việt-Nam.

Giặc đã ùa vào thành, Nam-triều chỉ còn cách xin hàng Ngày tối 21-8, quan Thương-bạc Nguyễn-trọng-Hợp được cử ra Cửa Thuận xin đình chiến và mở cuộc giảng-hòa. Trong việc này Giám-mục Gaspar do lời yêu cầu của Nam-triều đã can thiệp với Harmand lúc này đang nằm nghỉ ở đồn phía Nam. Y nói việc ký hòa-ước sẽ làm tại Huế và chỉ cho đình-chiến 48 tiếng đồng hồ theo điều-kiện dưới đây :

— Nam-triều phải triệt-binh và phá hủy hết đạn-dược, lương-thực trong mọi đồn giữa Thuận-an và kinh-thành.

— Phải bỏ hết chông, cừ cắm ở lòng sông.

— Trả lại hai tàu chiến *Scorpion* và *l'Entrecasteau* Pháp đã tặng Tự-Đức sau Hòa-ước 1874. Nguyễn-trọng-Hợp chịu ngay và các điều bó buộc cũng được thi-hành luôn. Ngày 22-8 Harmand cùng Champeaux, viên Khâm-sứ tại Huế sau này, ngồi trên chiếc sà-lúp của chiến-hạm *Bayard* cùng một số sĩ-quan Tham-mưu tiến vào sông Hương rồi lên nghỉ tại Sứ-quán Pháp đã vắng chủ từ năm tháng nay. Sau đó Tổng-ủy-viên Pháp đưa ra cho quan Thương-bạc một tối-hậu-thư khá dài để kể tội Nam triều như sau :

1) Nam-triều đã gây ra những cuộc phiến-loạn liên-miên ở Nam-Kỳ.

2) Không chịu phân-định ranh giới chung giữa đất thuộc Pháp (Nam-Kỳ) và đất của Nam-triều.

3) Làm ngừng-trệ các cuộc lưu-thông trên sông Hồng-hà.

4) Kêu gọi và nuôi dưỡng quân Cờ-Đen ở Bắc-Kỳ.

5) Nhục-mạ Lãnh-sự và kiều dân Pháp ở Bắc-Kỳ.

6) Vận-động Vương-quốc Tiêm-La nhất là với Thanh-triều để làm hại quyền-lợi của người Pháp.

Câu cuối cùng của bức tối-hậu-thư này là : « *Các ông chỉ có hai điều để quyết-định :* hòa *hay* chiến. *Nếu các ông lựa chiến-tranh thì chiến-tranh sẽ đưa các ông đến chỗ đổ vỡ hoàn-toàn. Còn các ông muốn hòa-bình thì chúng tôi sẵn lòng hiến các ông rộng-rãi theo những điều-kiện chính này. Chúng tôi không muốn chiếm-cứ nước các ông, nhưng các ông phải nhận cuộc bảo-hộ của chúng tôi. Cuộc bảo-hộ này sẽ bảo-đảm an-ninh, hòa-bình và thịnh-vượng cho dân tộc Việt-Nam và sự-kiện đó cũng đem lại cái may độc nhất để triều đình các ông có thể tồn tại được.*

« *Đây các điều-kiện chánh của chúng tôi : Nhượng Bình-thuận cho Nam-kỳ để trả-nợ cũ của các ông.*

« *Chúng tôi phải được quyền để các Pháp-kiều lưu-trú trong các thị-trấn Bắc-Kỳ, vô luận nơi nào, xét ra cần thiết. Nước Pháp sẽ kiểm-soát lợi-tức cửa sở Thương-Chánh và thâu thuế các loại* ».

Kèm theo bức tối hậu-thư là bản dự-thảo một Hòa-ước gồm 27 khoản. Harmand hạn cho Nam-triều 24 giờ phải trả lời thuận hay không thuận. Ngày 23-8-1883 sau khi được lệnh của vua Hiệp-Hòa, hai ông Trần-đình-Túc Hiệp-tá Trị sự làm Toàn-quyền, Nguyễn-trọng-Hợp làm Phó Toàn quyền, hội-nghị cùng Pháp suốt ngày 24-8-1883 rồi thỏa-thuận ký vào hôm sau cùng Harmand, Tổng-ủy-viên *dân sự* Pháp, Champeaux, Khâm-sứ Pháp bên Nam-triều các khoản dưới đây :

1°) Nước Nam nhận và chịu sự bảo-hộ của nước Pháp. Nước Pháp chủ-trương hết thảy những việc giao-thiệp của nước Nam với các nước ngoài kể cả nước Tàu.

2°) Tỉnh Bình-Thuận từ nay sát-nhập vào xứ Nam-Kỳ thuộc Pháp.

3°) Nước Pháp được quyền đặt đồn binh Pháp ở dãy núi Đèo Ngang, từ nơi này ra tới mũi Vũng chùa ; Quân đội Pháp cũng được đồn-trú thường-xuyên từ cửa Thuận-an vào tới Kinh thành Huế dọc theo bờ sông Hương.

4°) Nam-Triều phải gọi hết quân đội đã đem ra Bắc-Kỳ để thực hiện Hòa-bình.

5°) Nam-triều phải ra lệnh cho các quan-lại ở Bắc-Kỳ trở về ly-sở, bổ quan vào chỗ khuyết và lâm-thời công-nhận những sự bổ-nhiệm của nhà cầm quyền Pháp sau khi hai bên đã thoả-hiệp.

6°) Chánh-quyền Đại-Nam từ ranh-giới tỉnh Bình-thuận đến ranh-giới Bắc-kỳ lấy Đèo ngang làm giới hạn sẽ cai trị lấy như xưa, không có sự kiểm-soát của nước Pháp trừ việc Thương-chánh, công-chánh, và đại-để những việc cần một sự chủ-trương hợp nhất và tư-năng của những kỹ-thuật-gia Âu-châu.

7°) Trong giới-hạn trên đây, Nam-triều sẽ mở cho các nước đến buôn bán ngoài cửa Qui-nhơn, Đà-nẵng, Xuân-đài. Sau này nếu cần sẽ mở thêm các thương-cảng khác để có lợi cho cả hai nước ; và cũng sẽ định giới-hạn cho những đất nhường cho người Pháp ở những cửa đã mở.

8°) Nước Pháp có thể dựng một hải-đăng ở mũi đất Varella hoặc ở mũi đất Padaran hay Poulo-Cécir tùy theo ý-kiến của các sĩ-quan và Kỹ-sư Pháp.

9°) Hai chánh-phủ Việt-Pháp sẽ Thỏa-hiệp và chịu chung phí

tồn để sửa con đường lớn từ Hà-nội tới Sài-gòn để đủ các loại xe cộ đi lại được. Nước Pháp sẽ cấp các Kỹ-sư để làm cầu, cống và các hầm cho xe đi qua.

10°) Trên đại-lộ này sẽ đặt một đường giây điện-báo do nhân-viên Pháp khai-trương. Một phần thuế sẽ giao cho chánh-phủ nước Nam do sự nhượng đất đai để làm cái trạm-xá.

11°) Tại Huế sẽ có một vị Khâm-sứ là Đại-diện chánh phủ bảo hộ hầu trông nom việc thi hành Hiệp ước và giao-dịch với Nam-triều. Ông này thuộc một cấp bậc tối cao dưới quyền quan Giám-quốc chính-phủ Cộng Hòa Pháp, ông sẽ không có can-thiệp vào nội-trị của kinh-thành Huế. Quan Giám-quốc Pháp chủ-trương việc ngoại-giao của nước Nam và có thể ủy giao uy-quyền hoặc một phần uy-quyền, hoặc hết cả cho quan Khâm-sứ Pháp ở Huế.

Quan Khâm-sứ Pháp có quyền diện-yết đức Vua nước Nam Nếu có duyên cớ có giá trị thì đức vua không thể không tiếp được.

12°) Ở Bắc-kỳ sẽ có một quan Trú-sứ đóng tại Hà-nội (sau này gọi quan Thống-sứ), một quan ở Hải-phòng, một quan ở mỗi thành-phố gần biển sẽ lập ngay sau và một quan ở mỗi tỉnh lỵ tỉnh lớn, Sau này nếu xét cần, ở mỗi tỉnh nhỏ cũng sẽ đặt những viên quan Pháp thuộc quyền quan Trú-sứ tỉnh lớn mà tỉnh nhỏ ấy phụ thuộc, theo khu vực hành-chính trong nước.

13°) Các quan Trú-sứ và Phó Trú-sứ sẽ có một số công-sự viên cần thiết cho họ và một toán lính hoặc Pháp hoặc bản-xứ để gìn giữ về mặt an-ninh.

14°) Các quan Trú-sứ sẽ không dự vào chi-tiết các việc nội-trị các tỉnh nhưng có quyền kiểm-soát các quan Việt-Nam các hạng và có thể thuyên chuyển những ai có những thái-độ hay hành-động không tốt với quan Pháp.

15°) Các quan-lại, các viên chức Pháp thuộc các sở như Bưu-điện, Công-khố, Thương-chánh, Công chánh, Học-chánh nếu cần giao-dịch về công-vụ với các nhà cầm-quyền Việt-Nam phải do các quan Trú-sứ chuyển đạt.

16°) Các quan Trú-sứ có quyền xử các vụ kiện cáo về dân-sự, về hình và hộ của người Âu-châu tương tranh với người Á-châu ngoại-

quốc hưởng sự bảo-hộ của nước Pháp. Nếu họ muốn kháng án thì đệ đơn khiếu-nại về Sài-gòn.

17°) Ở các nơi qui-tụ thành phố, các quan Trú-sứ kiểm soát việc tuần phòng của quan An-nam và thành phố mở rộng đến đâu thì quyền kiểm-soát sẽ nới ra đến đó.

18°) Các quan Trú-sứ có quan Bố giúp để thông qui thuế khóa, săn sóc việc thu-hoạch và sử-dụng.

19°) Việc Thương chính phải sắp đặt lại và thuộc hoàn toàn các quan cai trị Pháp. Nếu việc thương-chính do các quan binh ở Bắc-Kỳ ấn-định phương-pháp thì không được kêu nài gì hết.

20°) Các công-dân Pháp hay những người có quốc-tịch Pháp đều có quyền đi lại, cư-trú và có tài-sản trên đất nước của Hoàng-đế nước Nam, những người ngoại-quốc xin hưởng sự bảo-hộ vĩnh-viễn hoặc tạm thời của người Pháp cũng được đãi như vậy.

21°) Những người vì cớ thuộc khoa-học, hoặc cớ khác muốn du-lịch trong nước Nam chỉ được phép do quan Trú-sứ Pháp ở Huế, quan Thống-đốc Nam-Kỳ hay quan Tổng-ủy-viên của Chánh-phủ Pháp ở Bắc-Kỳ làm môi-giới xin cho mà thôi. Khi họ được giấy phép thì phải trình lên chính-phủ An-nam kiểm-nhận.

22°) Nước Pháp sẽ lập các đồn binh theo dọc sông Hồng-hà trong suốt thời-gian xét cần có sự đề phòng cho sự lưu-thông tự-do trên con sông ấy. Nước Pháp cũng có thể lập đồn lũy vĩnh-viễn ở những nơi nào xét ra cần thiết.

23°) Từ nay về sau, nước Pháp phải bảo-đảm cho sự toàn-vẹn của quốc-gia Việt-Nam, gìn giữ các xứ Việt-Nam (Trung, Nam, Bắc) khỏi mọi cuộc ngoại-xâm bên ngoài và cách-mạng bên trong.

Nước Pháp tự đảm-đương lấy việc đánh đuổi quân Cờ-Đen và bảo-vệ an-ninh trên sông Hồng-hà.

Vua nước Nam tiếp tục cai-trị nước Nam như xưa trừ những hạn chế do Hiệp-ước này nêu ra.

24°) Nước Pháp chịu cung cấp cho vua nước Nam những huấn luyện-viên, các kỹ-sư, các nhà bác-học, các sĩ-quan v. v. . . mà nhà vua sẽ cần đến.

25°) Nước Pháp sẽ coi người Việt-Nam ở khắp nơi như là những kẻ được bảo-hộ chân-chính của mình.

26°) Món nợ nước Nam mắc với Pháp được coi như đã trả xong do việc đã nhượng tỉnh Bình-thuận cho nước Pháp.

27°) Sẽ có những cuộc thảo-luận để trình số tiền giao cho chính-phủ nước Nam trong số quan-thuế, điện-tín v. v. . . quan-thuế ở Bắc-kỳ và thuế về những cuộc chuyển-mại độc quyền, cuộc kỹ-nghệ sẽ cho phép thiết-lập. Số tiền trích giao ở số thuế thu được ấy không được dưới hai triệu quan đồng bạc hoa-xòe (piastre mexicaine) và tiền tệ bằng bạc của xứ Nam-kỳ sẽ cùng tiền-tệ nước Nam được cưỡng bách lưu-hành khắp nước cùng thời.

Hòa-ước này được mệnh danh là Hòa-ước Harmand hay Hòa-ước Quí-mùi. Do Hòa-ước này Trung, Bắc lưỡng-kỳ từ nay là hai xứ bảo-hộ của nước Pháp. Champeaux về Gia-định gửi tờ Hòa-ước qua Paris để xin phê-chuẩn rồi trở về Huế làm Đặc-phái-viên. Còn Harmand ra Bắc sắp đặt mọi việc cai trị theo chương-trình bình-định mà y thiết-lập bằng súng đạn và xương máu của đoàn quân viễn chinh. Đến giai-đoạn thực-thi Hòa-ước này, Pháp gặp khá nhiều sự khó khăn. Vì Hòa-ước này là Hòa-ước dâng nước của những kẻ chiến bại, nó được cấu-tạo nên do sự cực-chẳng-đã của đám vua quan bất lực. Mọi tầng lớp nhân dân đều nhìn nó bằng con mắt bất-bình, hằn-học và người Việt-Nam nào có chút liêm-sỉ cũng muốn đánh đổ nó. Bắt đầu là đa số các quan trong triều đã không có thiện-cảm với chế-độ mới do Hòa-ước Quí-mùi xây-dựng lên. Ở ngoài Bắc các tướng-lãnh ít kẻ về Huế chịu lệnh của triều-đình là giải-giáp theo Pháp làm bề tôi Pháp để hưởng « *Thái bình, thịnh-trị* » Pháp ban cho. Họ ở lại hợp sức với quân Tàu một mặt một còn với kẻ địch. Đề-đốc Tạ-Hiện, Tán-tương Nguyễn-thiện-Thuật lãnh chức tước của Tàu đem quân về đóng ở Hải-dương, chiêu mộ quân nghĩa-dũng Các tướng khác đang sung quân-thứ là Nguyễn-đức-Nhuận, Nguyễn-văn-Giáp, Án-sát Nam-định, Phạm-vũ-Mẫn, Tri-phủ Kiến-xương là Phạm-văn-Hòe, tỉnh-thần Hưng-hóa là Nguyễn quang-Bình kẻ nhập hàng ngũ quân đội nhà Thanh, kẻ bỏ quan về quê quán ẩn-dật Riêng Tổng-thống quân-vụ Hoàng-tá-Viêm trong tay còn bảy, tám ngàn sĩ-tử vẫn tiếp tục đánh Pháp ở Sơn-tây, và hạ-sát những kẻ chạy theo kẻ địch.

Tóm lại, triều-đình Huế sau khi lập Hòa-ước Quí-mùi phải cử Lại-bộ thượng-thư Nguyễn-trọng-Hợp làm Khâm-sai đại-thần, quan Công-bộ Thượng-thư Trần-văn-Chuẩn và quan Lại-bộ Tham-tri Hồng-Phi làm Phó Khâm-sai ra Bắc cùng với Toàn quyền Harmand di hiểu dụ dân thứ và quân đội ở các nơi để thực-hiện cuộc hòa-bình (*Harmand bây giờ được thăng Toàn-quyền*). Công việc này không mang lại kết quả gì hết. Vua Hiệp-hòa rất than-phiền về sự cứng-cỏi của vị Phò-mã họ Hoàng. Và phe kháng-chiến, để giữ vững tinh-thần kháng Pháp của nhân dân tuyên-truyền rằng Hòa-ước Quí-mùi chỉ là một thủ-đoạn chánh-trị, một chánh-sách giai-đoạn của triều-đình đối với Pháp, chớ không phải là một cuộc đầu hàng thật sự.

Ngày 11-9-1883 Nam-triều được tin viện.binh Pháp tới Bắc-kỳ, ông Thuyết liền ra lệnh cho Hoàng-tá-Viêm mở cuộc tấn công mạnh vào quân Pháp. Ông còn cho hai chiếc tàu hơi mua được ở Hương-cảng trước đây ra Hà-cối (Pakoi) để liên-lạc với các nhà chức trách Trung-hoa xin viện-binh nhưng tàu này ra cửa Thuận-an thì bị chiến hạm *Atalante* của Pháp giữ lại. Nam-triều giận lắm yêu-cầu Đặc-ủy-viên Pháp triệt đám quân này đi, dĩ-nhiên Pháp không chịu. Đám quân này có 550 người và tại tòa Khâm-sứ có 150 người và một chiếc sà-lúp có trọng-pháo.

Trong đêm 12-11-1883 quân Tàu cũng được lệnh đánh vào thành Bắc-ninh. Hai quân Pháp-Hoa chống nhau kịch-liệt, nhưng rút cuộc quân Trung-hoa không hạ nổi thành Hải-dương phải rút lui. Nhưng trước khi rời khỏi, họ đốt hết nhà cửa ở châu-thành. Rồi không nản chí 5 bữa sau họ kéo trở lại quyết sống chết lấy cho được. Nhưng lần này quân Pháp nhờ có hai chiến-hạm «*La Carabine*» và «*Le Lynx*» pháo-kích dữ-dội mới đẩy được quân Trung-hoa sau 9 giờ chiến-đấu rất là gan dạ.

Ở Paris, Đại-sứ Tàu là Tăng-kỷ-Trạch công-nhiên phản-đối Hòa-ước Quý-Mùi và đòi nước Pháp cắt Bắc-Kỳ chia xẻ cho nước Tàu. Ý-kiến của họ Tăng không khỏi là ý-kiến của Thanh-Triều.

Tăng còn công-khai tuyên-bố : « *Quân đội Trung-hoa quyết tâm ủng-hộ quân Cờ-Đen và quân của Hoàng-tá-Viêm...* » Hai đạo quân này đang hợp nhất đã có thể có tới 14.000 người không kể binh-sĩ Trung-hoa do Thanh-đình chánh-thức gửi qua là 20.000 trong đó có

6000 kẻ rất thiện-chiến có đủ khí-giới tối tân. 14.000 khác đóng ở biên-giới và chuyển dần xuống mặt trận Việt Pháp mỗi khi cần. Lúc này quân Tàu đã đóng đồn ở các tỉnh Sơn-tây, Bắc-ninh, Hưng-hóa. Còn quân đội của Việt-Nam cũng tung-ra khắp các vùng đồng bãi, gây cuộc rối-loạn khiến Pháp gặp nhiều khó khăn trong công-cuộc bình-định xứ Bắc.

CHƯƠNG VII

MỘT CUỘC CÁCH-MẠNG TRIỀU-ĐÌNH

Vua Hiệp-Hòa bị truất. Vua Kiến-Phúc lên thay.

Ở Huế de Champeaux cũng lúng-túng trước thái-độ của triều-đình Việt-Nam tuy đã lập xong Hòa-ước Quý-mùi. Hết thảy các quan ta đều chỉ nhận chế-độ bảo-hộ một cách bất-đắc-dĩ. De Champeaux xin vào yết-kiến vua Hiệp-Hòa nhiều lần mà không được. Ông ta một thời mất liên lạc với các nhà cầm-quyền Sài-gòn và Hà-nội đã lấy làm mệt lòng lại được mật báo Nam-triều có chủ-trương tổng-phản-công từ Nam ra Bắc và tính rời đô ra Cam-lộ thuộc tỉnh Quảng-trị. Tôn-thất-Thuyết sai Hầu Chuyên và Phò-mã Cát đi mộ binh ở các làng lân-cận tỉnh Thừa-thiên để nhập vào đảng « *Đoạn-Kiết* » là một lực-lượng tâm-phúc và ái-quốc của ông Thuyết. Công việc sắp đặt như vậy tạm kể là chu-đáo thì vua Hiệp-Hòa bỗng đưng sinh ý phản-động. Buổi đầu nhà vua được Tôn-thất-Thuyết ủng-hộ cho lên ngôi có ý cám ơn Thuyết. Nhưng sau thấy hai quan Phụ-chính Nguyễn-văn-Tường và Tôn-thất-Thuyết có nhiều hành-động chuyên-chế, ông sinh khó chịu. Vua ngại nhất ông Thuyết nên đã hội ý với một số thân vương, tôn-thất tìm cách hạ bớt uy-thế của Thuyết. Do việc này Thuyết không được giữ bộ Binh mà qua bộ Lại ; Tường được vua giao cho bộ Binh. Đã có lần hai hoàng thân là Hồng-Phì, Tham-Tri bộ Lại, con của Hoàng thúc Tùng-thiện-Vương và Hồng-Sâm, Sung biện các vụ, con thứ 6 của Tuy-lý-Vương dâng mật-sớ lên vua Hiệp-Hòa xin giết Thuyết và Tường. Thuyết và Tường được tin này đã lo ngại lại thất-vọng về tư-cách của vua Hiệp-Hòa nhưng chưa tiện ra tay. Đã có lần vào giữa tháng 7-1883 Tường lớn tiếng mắng vua Hiệp-Hòa giữa triều và không có quỳ tâu như thường lệ chỉ vì một đạo Sắc-dụ trong đó Hiệp-Hòa quở-trách quan-lại các nơi hay làm chuyện vu-hãm

người Công-giáo. Tường cho rằng nhà vua đã chuyền-hướng và có ý dựa vào Công-giáo để đi tới chỗ thân Pháp thì mọi kế-hoạch kháng Pháp của bọn ông sẽ chịu ảnh-hưởng tai-hại.

Nói cho phải, vua Hiệp-Hòa cũng không hơn gì ông Dục-Đức, nghĩa là nhà vua chỉ muốn được ngồi yên để hưởng phú quý. Nhà vua thấy thời-thế rối-ren, sợ địa-vị và tương-lai của mình khó tốt đẹp lâu dài nên đã làm hai việc chứng tỏ rằng ông vua này không phải là người của tình thế. Vừa mới lên ngôi được ít ngày nhà vua đã lạm-dụng của kho sắm vàng bạc cho vợ con rất nhiều phòng sau này bị rời ra khỏi ngôi cửu-ngũ sẽ có dồi-dào tiền của cho gia-đình. Khi cửa Thuận-an thất thủ, triều-đình phải ký Hòa-ước Quý-mùi thì ông ta bắt đầu ngả về phía tòa Khâm. Bao nhiêu lâu nhà vua không chịu tiếp Đặc phái-viên de Champeaux (do áp-lực của các quan triều-thần) thì nay thấy ván cờ quốc-sự quá rõ-rệt liền cho Hoàng-thúc Tuy-Lý-vương tìm đo Champeaux vào hội-kiến bí-mật ở điện Văn-minh ngày 29-10 không cho triều-đình hay gì cả.

Nhưng trong cuộc gặp gỡ này, vua Hiệp-Hòa chưa thố-lộ hết tâm sự của mình không ngoài việc tỏ lòng thân Pháp và nhờ tay Pháp hạ hai quan Phụ-chánh đang có lập-trường chánh-trị ngược với mình. Nhà vua liền viết một bức thư giao cho Hồng-Sâm vừa là Bí-thư vừa là anh em thúc bá của mình để mang qua tòa Khâm. Chẳng may việc này bị tên Nội-giám Đạt biết mách với Tường. Thư còn để trong chiếc hộp sơn lại có đóng dấu của vua. Tường đến bắt được quả-tang.

Ngay trưa hôm ấy (29-11-1883) sau khi truyền lệnh đóng hết bốn cửa Hoàng-thành lại, triều-đình nhóm họp hạch tội vua Hiệp-Hòa qua ba điểm :

1.— Thâm lạm công-nhu.

2.— Không chịu nghe lời khuyến-cáo của các quan phụ-chính.

3.— Tư thông với đại-diện của Pháp.

Vua Hiệp-Hòa không cãi vào đâu được, triều-đình buộc ông phải thoái-vị.

Trong tờ chiếu thoái-vị, Hiệp-Hòa đã phải viết như sau : *Tự xét bất tài, bất-lực, dốt-nát, thiếu đạo-đức và can-đảm lại phạm tội bán nước cho Pháp, quả-nhân xin từ ngôi báu để Mệ-Mến là nghĩa-tử của tiên-đế lên kế-vị.*

Sau khi ký tên và đóng dấu son vào tờ tuyên-ngôn, vua Hiệp-Hòa không được nói một lời nào nữa. Trong khi ông trở về Nội-cung thì bản án tử-hình của ông đã được quyết-định (1). Chừng một giờ sau, nghĩa là vào khoảng ba bốn giờ chiều, Ông-ích-Khiêm, vị võ-tướng đang có mặt tại trào, được cử ra thi hành bản án. Rồi ông Khiêm tiến vào cửa Hiền-Nhân đòi vua Hiệp-Hòa rời khỏi Hoàng-cung về nhà riêng. Nhà vua tưởng thế là xong việc, có ý mừng, vội thu xếp một vài quý vật ríu ríu bước ra. Tới cổng, Ích-Khiêm không nói năng gì hết đưa ra một thanh gươm, một giải lụa xanh dài 3 thước và chén thuốc phiện hòa dấm, đó là « *Tam ban triều-điển* ». Ông vua xấu số do-dự một lát rồi chọn chén độc-dược. Vào khoảng 4 giờ người ta khiêng ông về đến tư-thất. Lúc này ông đã mê man, thở hồn hển rồi trút hơi tàn vào khoảng mặt trời lặn (29-11-1883).

Xin lưu-ý: Người ta lợi dụng lúc này là lúc de Champeaux ra cửa Thuận để giết luôn vua Hiệp-Hòa. Như vậy ta thấy rõ bọn Tường, Thuyết muốn đặt de Champeaux trước một việc đã rồi, nếu việc này để chậm rất có thể tòa Khâm đem quân đến giải-cứu ông vua thân Pháp và họ can-thiệp tất Nam-triều phải chịu.

Còn Hồng-Sâm cũng là một kẻ tử-thù của hai ông Tường. Thuyết bị xử chém vào sáng hôm sau (30-11-1883) về tội đồng-lõa với vua Hiệp-Hòa để bán nước. Trần-tiễn-Thành bấy lâu không đồng chánh-kiến với bọn ông Thuyết đã xin từ chức và không chịu ký vào tờ phế truất vua Hiệp-Hòa bị ông Thuyết cho lính *Thần-nghĩa* đến tận nhà đâm chết. Cuộc khủng-hoảng chính-trị lúc này đã làm cho các kẻ trong phe thân Pháp và chủ hòa run sợ và mất tinh-thần. Làn không-khí khủng bố bao trùm khắp kinh-thành Thuận-hóa.

Trước tình-thế đầy đe-dọa, Tuy-lý-Vương và gia-quyến chạy ra cửa Thuận nương nhờ Picard Destelan, chỉ-huy tàu *Vipère* của Pháp cũng bị bắt trả lại và bị đày vào miền Nam Trung-kỳ. Nội đêm hôm 30 người ta lo thu xếp việc kế vị vua Hiệp-Hòa. Hai ông Tường, Thuyết vào tâu bà Từ-Dũ Thái-hậu xin lập ông Dưỡng-Thiện tức Mệ-Mến là con nuôi thứ ba của vua Dực-Tông. Việc lựa Mệ-Mến lên làm vua một phần là bởi Mệ-Mến ít tuổi hơn cả và là con rể ông Tường. Hai ông Tường, Thuyết cho rằng chỉ cần có một ông

(1) Vua Hiệp-Hòa làm vua được non 4 tháng. Sử gọi là Phế-đế.

vua để tiện ra hiệu lệnh cho các văn-thần, võ-tướng trong ngoài mà thôi, Ngoài ra hai ông cam-đảm lĩnh hết mọi trách-nhiệm. Thực ra nếu cần một ông vua lớn tuổi hơn thì phải lấy Mệ-Tríu (tức vua Đồng-Khánh sau này). Mệ-Tríu lớn hơn Mệ-Mến 4 tuổi nhưng bị gạt bỏ vì Tường, Thuyết lấy cớ rằng Mệ-Tríu chất-phác quá và lại ít thông-thạo Hán-tự. Ngày 7-10 Quí-mùi (1-11-1883) hoàng-tử Ưng-Đăng tức Dưỡng-Thiện lên ngôi đặt niên-hiệu là Kiến-Phúc (1). Bấy giờ nhà vua mới 15 tuổi. Mọi việc từ nay đều do hai ông Tường, Thuyết sắp đặt và quyết-định.

Vua Kiến-Phúc bước lên ngai vàng vào 5 giờ sáng, việc này sắp đặt rất vội-vã Để phòng Pháp can-thiệp vào việc tôn lập vua Kiến-Phúc và khỏi biết mọi việc đang khai-diễn trong nội-thành, từ 5 giờ sáng quân lính của ta bao vây tư-thất của Giám-mục Caspar và Tu-viện Thợ-Đúc. Hai ba giờ sau tòa Khâm mới hay. De Champeaux tức lắm, cực-lực phản đối Nam-triều vi-phạm Hòa-ước Quí-mùi và giận cả chỗ không được mời đến dự lễ tấn tôn vua mới. Riêng hai ông Tường, Thuyết cho rằng vua Hiệp-Hòa là người ký Hòa-ước Quí-mùi chết rồi thì Nam-triều không phải giữ điều cam-kết gì với Pháp nữa. Hai ông không nói ra như vậy, nhưng làm vậy cũng là tỏ ý nghĩ trên đây cho Pháp biết.

Rồi sau ngày 30-11, Tôn-Thất-Thuyết xử vua Hiệp-hòa xong, liền cho mật-lệnh đi nhiều địa-phương hạ sát giáo-dân xét nhiều nơi giáo-dân đã đi lính cho Pháp, tiếp-tế cho Pháp và làm cả gián-điệp cho Pháp. Nhiều giáo-sĩ Pháp và linh-mục Việt-Nam cũng đóng nhiều vai trò tham-mưu và cố-vấn trong hàng-ngũ quân đội viễn-chinh. Phe kháng-chiến cho rằng trừ tiệt giáo-dân là trừ được tay chân của Pháp đang có nhiều hoạt động. Thuyết phát cho mỗi tên quân *Đoạn-kiết*, một vũ khí và sáu quan tiền hẹn hôm sau vào 5 giờ sáng khi có đại bác ở kinh-thành nổ làm hiệu thì bắt đầu mở cuộc khủng-bố. Tường thấy công việc chưa được đầy đủ can Thuyết rằng hậu-quả về việc tàn sát giáo-dân sẽ lớn lao, vì ta chưa đủ sức đối phó, hãy chờ ít lâu. Rồi súng hiệu không nổ, những lệnh không thâu lại kịp nên nhiều làng ở Nam Thừa-thiên và Thanh-hóa đã bị nhuộm máu thê-thảm.

Đó là các làng Truồi, Cao Hai, Nước ngọt, Châu-mới và Buồng tằm. Số giáo-dân bị giết tới 354 người trong đó có Linh-mục Vĩnh là đạo-trưởng xứ Nước ngọt. Tại Thanh-hóa và miền phụ cận Ai-Lao chưa đầy 2 tuần lễ số giáo-sĩ Pháp bị hạ sát tới 7 người, 63 thầy

(1) Vua Kiến-Phúc là con rể của Nguyễn-văn-Tường và Phò-mã Đặng-huy-Cát.

giảng người Bắc và khoảng 200 tín-đồ. Ngoài ra các giáo-đường và tu-viện đều bị đốt phá sạch. Khi xảy ra các vụ này Giám-mục Caspar báo tin ngay cho de Champeaux biết. Tường giải-thích cho Sứ-quán Pháp hay việc này xảy ra là do một số lính Khố xanh Sài-gòn đào ngũ ra ngoài khởi dân chúng loạn.

Đặc phái viên Champeaux cũng hoảng sợ ngay cho ông ta và phải nhờ Lejard chỉ-huy-trưởng quân Pháp đang đóng ở Cửa Thuận gửi lên một số binh đến bảo-vệ Sứ-quán. Nhiều giáo-sĩ Pháp cũng về đây tị-nạn. Súy-phủ Nam-kỳ cũng cho tàu và thêm bộ đội ra Huế để gìn giữ an-ninh cho de Champeaux: Một câu hỏi: Có phải đây là lần đầu Nam-triều mở cuộc khủng-bố giáo-dân chăng? Không!

Xin hiểu cho rằng các làng Công-giáo bị khủng-bố khắp nơi lần này chẳng phải lần đầu. Thực ra sau vụ loạn năm Giáp-tuất (1874 tức là sau khi Philastre ra trả thành Hà-nội và 4 tỉnh Bắc-kỳ do Francis Garnier đánh chiếm, máu người Công-giáo đã đổ ra rất nhiều rồi ở nhiều làng Trung-châu xứ Bắc.

Mặc dầu có binh-sĩ đến tăng-cường cho Sứ-quán, tình-trạng của de Champeaux vẫn có vẻ nguy-ngập nếu ngày 17-12-1883 thành Sơn-tây của ta không bị hạ và Hoàng-tá-Viêm không bại trận. Nhưng khi tin này đến Huế bọn ông Tường mới bớt hung-hăng và trở lại thái-độ hòa-dịu đến nước phải lập Tòa án xử Hầu-Chuyên là một trong mấy người cầm đầu quân Đoạn-kiết vào tội tử-hình ít ngày sau khi de Champeaux tới Huế (7-2 1884), nhưng triều-đình không chịu bồi thường cho những gia-đình giáo-dân bị hại (1).

Xét ra phe kháng Pháp đã làm một việc thất sách là đưa đẩy các Giáo-dân sang chiến-tuyến của kẻ địch, đáng lẽ họ phải vỗ về, dụ-dỗ và ngoại-dịch, chẳng giải-thích điều hay lẽ dở. Kẻ thù đồng-chủng có khi còn nguy hại hơn vậy gần đây trong cuộc Trung-Nhật chiến-tranh, Tổng-thống Trung-hoa dân quốc là Tưởng-giới-Thạch đã nói: « *Nước Tàu không sợ người Nhật bằng sợ Hán-gian...* » Đó là một kinh-nghiệm mà người làm chính-trị của thế-hệ chúng ta không nên coi thường. Từ giai-đoạn này trở đi mỗi ngày sự chia rẽ càng mạnh triều-đình năm bè bảy mối, ngoài nhân-dân lương, giáo tự động đâm chém nhau, hàng ngũ của

(1) Hầu-Chuyên tức là Ưng-Chuyên.

phong-kiến tan rã. Có nhìn vào các hiện tượng này mới thấy cuộc cách mạng của hai ông Tường, Thuyết đã diễn ra một cách quá vụng-về bồng-bột, thiếu phương-pháp tổ-chức, thiếu sự hiểu biết về tâm-lý do đó hai ông đã làm hư đại-cuộc sau này. Nếu ta có thể rộng xét cho mấy vị lĩnh-tụ kháng-chiến thuở đó là vì họ có lòng nhiệt-thành với nước và một số đã hy-sinh vô bờ bến cho xứ sở. Đứng đầu đám người này là ông Tôn-thất-Thuyết và các con trong giai-đoạn lịch-sử thử thời...

Bàn về cuộc Cách-mạng triều-đình năm Quí-Mùi (28-8-1883), chúng ta thấy nó là một sự việc không sao tránh được. Bấy giờ giữa các nhà cầm quyền ở Huế đã chia rõ rệt làm hai phe : Phe vua Hiệp Hòa có nhiều thân vương, quốc thích và một ít triều-thần đối với thời cuộc chỉ có óc cầu hòa, cầu an với bất cứ giá nào cho xong ; phe Tường và Thuyết chủ chiến vì thấy nhận cuộc bảo-hộ của Pháp là mất nước và là tự-sát. Tất-nhiên giữa hai phe lập-trường chống nhau, còn có một số người mạnh đâu theo đấy. Trước một tình thế quá nguy-ngập hai bên đều thấy phải gấp rút ra tay, như vậy phe nào mạnh tất nhiên phải thắng. Họ thắng thì kẻ bại-trận phải chết. Cả hai phe trước khi đặt tay vào những việc bạo-liệt đều đã bị một cuộc khủng-hoảng tinh-thần, nhất là sau vụ Pháp-quân đánh cửa Thuận-an, Vua tôi phải cúi đầu ký 27 khoản của Hòa-ước Quí-mùi Pháp đưa ra, không cho bàn cãi lấy một lời. Trước Hòa-ước này, ai mà còn không trông thấy cái họa vong quốc đã sờ-sờ trước mắt ? Những kẻ thật tâm yêu nước phải điên đầu ; dĩ-nhiên họ nhìn Pháp là kẻ thù số một và những kẻ thân Pháp là loài vong bản. Rồi máu phải đổ, cuộc cách-mạng nào cũng phải sinh ra những bi-kịch ấy ! Các kẻ đứng trong vòng đối-lập với nhau đều hăng hái ăn gan, uống tiết nhau. Họ mất hết bình tĩnh. Kẻ vì lòng yêu nòi, sót giống cho rằng mình giết kẻ theo giặc là chánh đáng nên không do-dự, kẻ mãi quốc cầu vinh cũng phải quyết-liệt để bảo vệ cái đầu cái cổ của họ. Trong dịp này riêng phe thân Pháp trong triều và trong hoàng-tộc thành nạn-nhân bất đắc kỳ-tử của Thuyết và Tường tới bốn chục người không kể những giáo-dân ở khắp nơi gần xa.

Để ghi lại các biến-cố rồn-rập trong vòng bốn tháng tại vùng sông Hương núi Ngự nhân-sĩ Thuận-hóa có hai câu :

Nhất giang lưỡng quốc nan phân Thuyết,
Tứ nguyệt tam vương triệu bất Tường.

Dịch : cách một con sông mà chia thành hai nước thì thật là khó nói.

Bốn tháng thay vua tới ba lần là điềm chẳng lành cho đất nước.

Trận đánh đồn Phùng

Sau việc đánh cửa Thuận-an và chung quanh thành Hà-nội về phía sông Nhuệ và làng Vòng, Đại-tướng Bouët lại mở một trận khác vào đầu tháng sau (1-9-1883). Lúc này quân Cờ-Đen chuyển qua phía sông Hát (Đáy). Bouët muốn tỏ cho dân chúng Bắc-kỳ thấy rằng Cờ-Đen vừa đây thua về mặt chiến-thuật chớ không phải vì nước lụt như họ đã thanh-ngôn. Y cho hạm-đội đi dọ thám các vị-trí của Cờ-Đen về mạn cầu Phùng và Sáu, Giá là những địa-điểm trên hữu-ngạn sông Đáy.

Bảy giờ sáng hôm 1-9, Pháp-quân chia làm hai cánh : một cánh gọi là Hữu-vệ gồm Đại-đội 2 có lính tập và phụ-lực-quân người Bắc lần theo một con đường ruộng mà tiến. Còn một cánh (quân chủ-lực) đi theo đường đê, có quân tiền-phong dẫn đầu gồm có một đại-đội lính-tập, một phân-đội công binh, hai đại-đội Thủy-quân lục-chiến và một phân-đội trọng-pháo. Những toán đi sau (hậu-vệ) gồm 2 tiểu-đoàn hỗn-hợp của Trung đoàn 2 và 4 thủy-quân lục-chiến ; đệ-nhất tiểu-đoàn, đại-đội 26 và 27 của Trung-đoàn 2 và 2 đại đội lính tập đặt dưới quyền Tiểu-đoàn-trưởng Roux theo sau có 6 khẩu đại-bác, một phân-đội công-binh, một đội cứu-thương, tổng-số là 3 đại-đội lính bản-xứ, 5 đại-đội lính Âu-châu, 1 đại-đội pháo-binh (1200 người và 600 lính Cờ-Vàng).

Quân Pháp và Quân Cờ-Đen gặp nhau hồi 8 giờ 30. Hai bên cùng khai hỏa trên đường đê. Cờ-Đen bố-trí quân-đội ở ven các làng Sáu, Giá (tức là Dương-liễu và Yên-sở ngày nay) về phía tả của Pháp quân. Trung-quân của họ đóng ở ven làng Phùng và họ có một tiền đạo nấp ở chỗ con đê cũ đi từ làng Thượng-mỗ và nối vào con đê lớn bằng một giãy đình chùa ở phía Bắc làng Phùng. Hữu-Dực của họ mai phục ở trong hai làng Cổ-Nhuế (thượng và hạ) dày đặc tre xanh lần sau con đê về phía Bắc, gần làng Cổ-Nhuế hạ. Cờ-Đen đặt một cái đồn nhỏ bằng đất ở trên đê theo chiều cao của làng Cổ-Nhuế thượng. Tại đây họ cũng đắp một lũy đất dài để hở từng quãng ngắn họ nấp sau mà bắn. Lũy này như một hành-lang cho quân-đội chạy đi chạy lại mỗi

khi cần. Họ đặt đại-bác ở giữa và ở phía tay trái để bắn chéo lại mục-đích ngăn quân Pháp sử-dụng con đê làm lối tiến lên.

Đây là một phòng-tuyến và là một tiền-tuyến ăn vòng về đàng trước. Sau phòng-tuyến này họ còn nhiều điểm tựa khác không rõ-rệt lắm, và sau nữa là những ruộng đang ngập nước.

Dĩ-nhiên Pháp phải tấn công Cờ-Đen vào khoảng giữa và về phía tả để quân có thể tiến theo dọc đường đê. Vào 9 giờ, đại-đội 2 lính tập đi về phía Tây, ven làng Thượng-mỗ. Quân Cờ-Vàng đánh địa điểm này về phía tay trái và có đại-đội 25 của đệ tứ Trung-đoàn yểm trợ.

Thiếu-tá Berger được lệnh chiếm ngôi chùa ở khoảng giữa trên con đê lớn cũng cao bằng làng Thượng-mỗ và ở đây họ tung ra đại-đội 26 của Trung đoàn 2 thủy-quân lục-chiến về phía tay phải. Nếu chiếm được phần lớn diện-tích của con đê này ở vào khu giữa lành Cồ-Nhuế-hạ và cái chùa Bụt (1), Pháp-quân sẽ nắm vững thế thắng. Ở đây họ được đại-đội 27 của Trung-đoàn 2 thủy-quân lục-chiến yểm-trợ. Trước việc bố-trí này, Cờ-Đen bắt đầu rút khỏi con đê cũ và lại phục-kích ở làng Phùng. Việt và Hoa-quân bị quân Cờ-Vàng đẩy lui nhưng quân Pháp bị nước ngập không tiến được dễ dàng. Có nơi quân Pháp phải dơ cao súng lên đầu để súng khỏi bị ướt. Còn cách Cồ-Nhuế hạ 150 thước, Thiếu-tá Berger phải xin thêm quân để chiếm cho xong địa-điểm này của quân ta. Tức thì Bộ chỉ-huy Pháp gửi ngay đại-đội 26 của Trung-đoàn 4 có trọng-pháo theo sát đến chỗ ngoẹo của con đê cách ven làng chừng 100 thước. Quân Cờ-Đen kháng cự mạnh và bị chết nhiều. Sau đó vùng này mất vào tay Pháp. Vì binh-sĩ mệt-lả, đánh đá khổ lại còn bị nắng đốt như thiêu quân Pháp phải ngừng lại hết cả đêm. Mưa đổ xuống như thác cho tới sáng.

Ngày hôm sau quân Cờ-Đen đã rút và quân Pháp vì nước to cũng không sao đuổi được. Ngày 3-9, quân Pháp qua Ba-giang bằng tàu chiến để về Hà-nội. Tại Ba-giang, Pháp đặt một đồn quân. Cũng như trận trước, quân Cờ-Đen được công-nhận là rất anh dũng, họ giữ các vị-trí của họ rất là vững nhưng họ bị thiệt thòi ở chỗ không có nhiều đại-bác. Nếu Pháp không đồi-dào phương-tiện, quân đội và trí

(1) Pháp gọi là Pagode «Bouddha»

kiên-nhẫn thì chưa dễ thắng được họ. Trước tình trạng này tướng Bouët phải đánh điện yêu cầu Tổng-ủy-viên nhắc lại lời xin viện-binh và quân-nhu về Pháp, sau trận đánh ngày 15 và 16-8. Nhưng Bouët và Harmand bất đồng ý-kiến với nhau về việc này. Theo A. Delvaux, tướng Bouët bất hòa với Harmand ngay sau trận đánh ở đồn Phùng vì Harmand không tán thành cho Bouët ngừng cuộc hành-binh (1) rồi Harmand vận-động đuổi khéo Bouët về Pháp bằng cách giao cho Bouët nhiệm-vụ về báo-cáo cho chánh-phủ Pháp biết tình-hình Việt-Nam. Bouët xuống tàu đi Hương-cảng vào ngày 18-9 sau khi giao toàn thể quân-đội của y cho Đại-tá Bichot.

Một việc đáng chú ý là sau trận đánh ở đồn Phùng, quân Cờ Vàng bị sa-thải vì đã giết tróc, hãm-hiếp dân chúng hai làng Thượng-mỗ Hạ-mỗ quá dã-man. Một ít ở lại Hà-nội, còn đa số lại nhập vào hàng ngũ quân Cờ Đen chống Pháp ở các tỉnh Sơn-tây, Hưng-hóa và Tuyên-quang sau này.

Cuối tháng 9-1883, tình thế của Pháp không lấy gì làm sáng-sủa. Mấy ông đại-thần mà Nam-triều gửi ra Bắc với Tổng-ủy-viên Harmand không đủ tỏ ra sốt sắng trong việc hiểu-dụ quân dân Bắc-kỳ tuân hành Hòa-ước Quí-Mùi. Thực ra họ cũng không thể làm hơn được vì người Việt-Nam ái-quốc nào có thể nhắm mắt theo Pháp và quên ngay được cái nhục mất nước còn đang nóng hổi lúc này ? Tổng-thống quân-vụ Hoàng tá-Viêm, linh hồn của kháng-chiến Việt-Nam về phía quân-sự đang hợp sức với quân Cờ-Đen ở Sơn-tây và quân chính-quy của nhà Thanh đã đến nỗi nào phải bỏ cuộc quá sớm trong khi sĩ-dân Bắc-kỳ còn đặt những hy-vọng cuối cùng vào ông. Ông không theo lệnh Nam-triều và không công-nhận Hòa-ước Quí-Mùi là hợp-lý. Về phía Thanh-triều cũng ra mặt phủ-nhận Hòa-ước Quí-Mùi cũng như thẩm-quyền của nước Nam kỳ thắng Hòa-ước với người Pháp trong khi liên lạc ngoại-giao Hoa-Việt giờ phút đó vẫn chưa đoạn-tuyệt. Rồi Thanh-triều tiếp-tục gửi viện-binh qua bên này biên-giới để cung-cấp cho mặt trận Hoa-Việt-Pháp tại Sơn-tây, Bắc-ninh và Hưng-hóa. Đêm ngày quân đội Việt-Hoa vẫn tích-cực đột-kích vào các vị-trí của Pháp làm cho họ mất ăn, mất ngủ. Tuy vậy quân đội viễn-chinh cũng vẫn phải tỏ rõ họ quyết tâm chiếm-cứ xứ này và làm mọi việc

(1) Theo chỉ-thị của chánh-phủ Pháp, Harmand có bổn phận kìm bớt sự hăng hái của bọn quân-nhân vì chánh-phủ Paris sợ họ đi quá trớn. Ý của Paris là vừa đánh vừa nghe ngóng.

cần thiết trong công cuộc bình-định : các pháo-thuyền vẫn phải tuần-tiễu các sông ngòi, đánh dẹp giặc cướp, kiểm-soát tỉnh Quảng-yên và các kho quân nhu, vũ-khí ở Hải-phòng. (Pháp đã bị ta đốt một kho hàng tại Hải-phòng trong dịp này). Trung-tá Badens đánh tỉnh Ninh-bình và thiết-lập một đồn binh ở đây.

Ngày 27-10-1883 theo lệnh của Chánh-phủ Pháp, phó Đề-đốc Courbet lên làm Tổng tư-lệnh cả Lục quân và Thủy quân. Ông được ủy mọi quyền hành rõ ràng hơn vị tiền bối và được giao thiệp thẳng với Tổng-trưởng thuộc-địa. Tới Hà-nội ông cho thiết quân-luật ngay. Theo ông có 600 thủy-binh của các đại-đội đồ bộ và viên Tham-mưu-trưởng là Trung-tá de Maigret và hai Tùy-viên quân sự Đại-úy Ravel và de Jonquières. Lúc này ở Bắc-kỳ giặc đã như ong. Nhiều làng Công-giáo bị đốt phá và giết tróc, những làng này chẳng xa Hải-phòng là bao nhiêu. Mùa màng thường bị bỏ. Ở Hải-dương vừa đặt chức Công-sứ thì Nam-định gửi 30 tên lính khố xanh đến bảo vệ bị luôn một số người võ trang gươm, dáo giết sạch. Ngày 13-11-1883 có khoảng năm sáu trăm lính Tàu và Việt đóng ở Bắc-ninh ào vào tỉnh Hải-dương để cướp phá do lệnh của tướng Tàu Hoàng-quế-Lan. Trước khi rút lui họ đốt phá được một phần thành phố. Đại-tướng Lan giữ cánh hữu quân và tiền phong dưới quyền của Đại-tướng Đường cảnh-Tùng đã đến trấn đóng tại Bắc-ninh. Người Pháp nghi quan tỉnh có tư-thông với quân ấy nên bắt các quan đày đi Côn-đảo ; quan Bố-chánh Võ-Túc uất lên mà chết, quan Tổng-đốc Hà-văn-Quảng bị Pháp kết án tử hình sau đổi sang án khổ-sai cũng bị đày qua Côn-đảo. Sau này ông Paul Bert đến làm Toàn-quyền, Nam-triều có lời xin, ông Quảng mới được về. Trước đó Pháp đến huyện An-Dương (tỉnh Hải-dương) bắt Tri-huyện là Trần-Đôn giam dưới tàu. Ông Đôn nhảy xuống sông tự tử. Chiếc sà lúp số 7 của Pháp phái từ Hải-phòng đi Hải-dương để xem-xét tình-hình chưa ra khỏi tỉnh này quá 45 phút đường bộ đã bị một số người có tới một ngàn cầm cờ đỏ tấn công. Hai thuyền buồm của họ ngăn chiếc sà-lúp lại. Chỗ nào Pháp cũng bị chặn đón, phục kích và do quân Cờ-Đen từng thắng ở đây, nên mấy phen họ ngang-nhiên xông vào tỉnh Hải-dương để phá-phách lung-tung từ 4 giờ sáng đến 5 giờ chiều, lần sau chót là ngày 17-11-1883. Họ đã tới với một lực lượng 1500 người trong khi một lực-lượng khác cũng lớn như vậy bố-trí các nơi trong thành phố để ngăn mọi sự liên-lạc giữa hai

đồn binh Pháp đang đóng bên ngoài với quân-lực Pháp trong thành. Tại đây Pháp có 82 binh-sĩ thuộc một phân-đội thủy-quân lục-chiến, một phân-đội phụ-lực quân Bắc-kỳ, một đại-đội lính tập do Thượng-sĩ thủy-quân lục-chiến Gesghwind chỉ-huy. Vì quân ta và quân Tàu đông quá, họ phải rút vào đồn. Sáng ra Pháp thấy treo quanh thành và trên cổng thành cùng ở bên trong trên 150 cái cờ đen, với các cờ đỏ và một lá cờ trắng có thêu chữ Tàu. Đại-úy Bert in mặc dầu có hai pháo-hạm *Lynx* và *Carabine* giúp sức cố gắng lắm mới cứu được đội quân Pháp ở trong thành. Ngày 19-11 viện binh của Đại-tá Beaumont tới vừa đến để tiếp cứu vừa để trấn giữ thành này sau khi quân ta và Tàu rút khỏi. Trong trận đánh Hải-dương hỏa-tiễn của ta làm cho quân Pháp sợ lắm. Thứ khí-giới này vừa để đốt phá vừa để giết người vì đầu nhọn bằng sắt có tẩm thuốc độc. Họ đặt chiếc hỏa-tiễn vào đầu nòng súng rồi đốt cái bấc tức thì mũi tên được bắn đi khá xa...

Trong khi chờ đợi viện-binh của Pháp-đình, Courbet trong bản phúc-trình đề ngày 1-11-1883 có viết mấy lời đáng chú-ý để ta hiểu thêm chánh-trường Pháp trước vấn-đề đánh Bắc-kỳ: *Ba tháng do dự và dằng co giữa các vị dân chính và quân-nhân đã giúp cho đồn Sơn-tây và Bắc ninh kịp thời giờ nhận của Trung-hoa những viện-trợ cần thiết như quân-sĩ, thuốc đạn, đại-bác. Trong mùa này nếu có vài pháo-thuyền là chúng ta đủ ngăn chặn được sự tiếp-viện kia rất dễ-dàng...*» Rồi Bộ Thuộc-địa chấp thuận lời xin viện-binh.

Vào cuối tháng 11-1883, Tổng ủy-viên Harmand xin về Pháp và trao hết mọi quyền hành cho phó Đề-đốc Courbet vào ngày 1-12-1883. Ông Silvestre cũng được phái đến Việt-Nam trông nom các việc cai-trị dưới quyền của viên tân Tổng-tư-lệnh quân đội viễn-chinh Pháp.

Trận đánh thành Sơn-Tây

Viện-binh ở Pháp sang được 3600 người vào ngày 3-12-1883, cộng với số quân của Thiếu-tướng Courbet đang có ở Việt-Nam là 9.000.

Trong số viện-binh này có một Tiểu-đoàn thủy-quân lục-chiến và một Trung-đoàn bộ-binh của Quân-đoàn 19 (2 Tiểu-đoàn lính Algérie và một Tiểu-đoàn Lê-dương) đổ bộ xuống vịnh Hạ-long và nhập với 2 Đại-đội thủy-quân lục-chiến tới Nam-kỳ trước đó vài ngày. Hai Đại-đội này thuộc Tiểu-đoàn-trưởng Berteaux Levillain. Tuy vậy Courbet vẫn điện về Paris xin ông

Tổng-trưởng Bộ Thuộc-địa và Hải-quân gửi thêm quân đội nữa.

Courbet cho lấy tin-tức về quân Cờ-Đen ở Sơn-tây. Tin tức xác thực hơn cả là của các pháo-hạm, thấy đều nói rằng vị-trí này được bố-trí rất cẩn-thận lại có nhiều trọng-pháo yểm-trợ. Vòng ngoài thành có tới mười ngàn quân của tướng Lưu-vĩnh-Phúc (lúc này đã được phong Đề-đốc) và của Thanh-đình rất thiện-chiến. Còn trong thành là quân-đội của Thống-đốc quân vụ Hoàng-tá-Viêm. Bên ta có nhờ một số kỹ-sư công-binh Âu-châu đặt một chiến-lũy tại Phù-xá. Nơi này cách Sơn-tây chừng 2 cây số. (Theo P. Cultru, sau khi chiếm được thành Sơn-tây, Pháp cho điều-tra và nhận rằng việc này có thực). Trên thực-tế Liên-quân Việt-Hoa có hai thứ chiến-lũy: một thứ có tính cách vĩnh-cửu và thường-xuyên, một thứ có tính-cách lâm-thời để sử-dụng vào chiến-cuộc. Trong thành có một cái chòi quan-sát cao tới 18 thước. Một vòng đai bao quanh lấy thành phố theo hình ngũ-giác. Bên ngoài có hào đầy nước và có trồng tre, đã vậy bên ngoài nữa cũng còn nhiều công-sự khác nữa. Quân Cờ-Đen lập đồn lũy nhiều nhất ở Phù-xá và trên các con đê từ phía đông chạy lại. Courbet liền chia quân ra hai đạo: một đạo thứ nhất là hữu-quân do Trung-tá Belin chỉ huy gồm Trung-đoàn bộ-binh của Quân-đoàn 19, hai Tiểu-đoàn lính Algérie do các sĩ-quan Jouneau và Le Tellier điều-khiển, và một Tiểu-đoàn Lê-dương (Donnier chỉ-huy), một Tiểu-đoàn của Trung-đoàn 4 Thủy-quân lục-chiến (Roux chỉ-huy), một Đại-đội lính tập Việt-Nam và 700 phụ-lực quân Bắc-kỳ (Berteaux-Levillain chỉ-huy), ba Đại-đội trọng-pháo và 2 phân đội công-binh (Đại-úy Dupommier chỉ-huy). Tổng-số là 3.300, đồ-đạc thì do các chiến-hạm vận-tải.

Tả-quân do Đại-tá Bichot cầm đầu gồm: một Trung-đoàn thủy-quân lục-chiến, một Tiểu-đoàn của Đệ-nhất Trung-đoàn (Chevalier chỉ-huy), một Tiểu-đoàn của Đệ-nhị Trung-đoàn (Dulieu chỉ-huy), và một Tiểu-đoàn của Đệ tam Trung-đoàn (Reygasse chỉ huy), một Tiểu-đoàn pháo-binh thủy-quân (Đại-tá Laguerre chỉ-huy); ba đại-đội lính tập (cứ mỗi Tiểu-đoàn thủy-quân lục chiến lại có kèm một đại-đội lính tập), hai Đại-đội trọng pháo hải-quân đẩy bằng tay; hai Đại đội trọng-pháo 65 ly, các Đại đội công-binh và truyền tin v.v... tất cả là 2.600 người.

Hữu quân của Pháp theo đường bộ đi Sơn-tây hồi 6 giờ ngày 11-12 (883). Cùng ngày ấy, một giờ sau Tả-quân dùng chiến-thuyền

theo đường sông ngược lên và 3 giờ 30 họ đổ bộ tại chỗ cửa sông Đáy cách 500 thước. Courbet và bộ Tham-mưu đặt Tổng-hành-dinh ở bên sông. Toàn thể binh-sĩ Pháp đến Phùng không bị trở ngại gì hết rồi họ đóng đồn để ngủ lại ở đây. Trong ngày 12-12 họ chỉ có việc vượt qua sông Đáy và ngày 13 họ lập vị-trí cách tiền đồn của ta khoảng 5 hay 6 cây số.

Ngày 14 Hữu-quân tiến trên con đê lớn và Tả quân theo con đường giữa đê và sông. Tiểu-đoàn Dulieu là cánh quân tiền phong của Tả-quân cho một đại-đội lính tập đi trước hồi 9g30 tiến vào Phù-xá. Khoảng 11 giờ, quân Pháp chiếm đóng dễ dàng làng Linh-chiêu và Thanh-chiêu. Đại-đội Bauche hồi 11 giờ 30 vội xông vào tấn công làng Phù-xá bị quân Cờ-Đen ở gần đây bắn ra làm cho quân Pháp phải lùi về con đê phía Nam. Ở đây Pháp đã đào được một ít hố để nấp, tuy vậy trong cuộc gặp gỡ mới rồi họ đã bị chết mất một số người. Cũng vào giờ này các Tiểu-đoàn của Roux và Chevalier tới cách chiến-lũy Phù-xá của ta độ bốn hay năm trăm thước. Vào một giờ trưa, sáu đại bác đặt ở phía Tây làng Linh-chiêu và ở trên đê khai hỏa, cùng một lúc các pháo-hạm ở ngoài bến bắn vào làm cho trọng-pháo Việt-Hoa dần dần ngớt tiếng rồi im-lặng.

Trong lúc này một đại-đội của Tiểu-đoàn Reygasse cũng vừa nối vào Đại-đội Bauche đang ngừng lại trên đê và chiếm được 2 ngôi chùa ở phía Tây ven làng Thiên-xuân, hai Đại-đội khác của Tiểu-đoàn Dulieu cũng lại đóng cùng chỗ chỉ cách chiến-lũy của quân Cờ-Đen độ 400 thước. Hoa-quân bắt đầu hoạt-động ở phía hữu và đằng sau phòng-tuyến Pháp. Quân của họ từ cửa Đông trong thành kéo ra trên con đường đi về Phúc-thọ. Quân ta và Pháp chạm trán đánh nhau rất hăng vào 2 giờ 30. Tiểu-đoàn Jouneau đến đóng ở ngã Bắc của con đê và con sông về phía tay phải của các Tiểu-đoàn Chevalier và Roux. Khoảng 4 giờ 15, Trung-tá Belin cũng chiếm một chỗ ở ngả Bắc con đê và Trung-tá de Maussion giữ ngả Nam cùng bàn nhau giáp chiến với quân ta. Đại-úy Doucet bị tử trận mặc dầu quân Cờ-Đen bắn hơi cao, vậy mà một số chiến-lũy của Pháp cũng bị đạn của quân Cờ-Đen rớt xuống. Rồi quân Pháp cũng ùa tới chỗ giao-điểm của hai con đê và các đồn lũy của Phù-xá bị chiếm trừ chiến-lũy lớn nhất. Pháp cố đánh chiếm không nổi, do các đại-đội Godinet và Guny. Tối đến, quân Pháp nghỉ và sắp đặt lại các vị-trí vừa nắm được. Nhân lúc

tối trời quân Cờ-Đen lại đến quấy nên quân Pháp không dám nghỉ ngơi. Điều chắc là quân Cờ-Đen cũng tấn công mãnh-liệt đến thế nào cho nên quân Pháp đã phải gọi đêm hôm ấy là «*Đêm kinh-khủng*». Nhưng các cuộc phản-công của Cờ-Đen rút cục ít kết-quả nên sau đó họ phải rút khỏi các phòng-tuyến ngoài thành.

Ngày 15, hồi 7 giờ sáng Đại-úy Dupommier chỉ-huy trưởng Công binh lại sử-dụng luôn các đồn-lũy của địch bỏ lại tại Phú-xá, và từ đây quân Pháp đánh thẳng vào thành Sơn. Tiểu-đoàn Lê-dương xung-phong. Đạo quân này bị các chướng ngại-vật cản lại nên phí mất một ngày chẳng thâu lượm được gì. Đến tối ta thấy tình-trạng của Pháp như sau : Về phía cực-hữu trong đồn Phú-xá có Tiểu-đoàn Reygasse, hai Đại-đội trọng-pháo và phụ-lực quân Bắc-kỳ. Bên cạnh về phía Tây có Tiểu-đoàn Chevalier. Đàng trước phố Khách đi từ cửa Bắc ra đến bờ sông có Tiểu-đoàn pháo-binh Hải-quân. Sau tiểu-đoàn này và trong cái làng ở giữa đê và sông có Tiểu-đoàn Roux, số pháo-binh còn lại và Tổng-hành-dinh. Ngoài phía Tây xa hơn nữa, trên đê có Tiểu-đoàn Dulieu và Tiểu-đoàn Le Tellier đóng tại làng Ngoi. Làng này liên-hệ với làng Phú-nhi. Về cực-tả có, Tiểu-đoàn lính Lê-dương, mà bên tả có điểm tựa ngăn con đê với làng Phú-nhi. Cuối cùng là Tiểu-đoàn Jouneau đóng ở cái làng làm đồ gốm ; còn hạm-đội và đội quân hộ-tống thì đóng gần Tổng-hành-dinh. Đêm 15 và 16-12-1883 có thể nói là có sự yên-tĩnh tương-đối.

Tang-tảng sáng, quân Lê-dương đánh luôn làng Phú-Nhi và mở rộng việc kiểm-soát ra vùng kế-cận. Hồi 9 giờ hai quân Hoa-Pháp gặp nhau Cờ-Đen tính đánh mạnh vào tả-dực của Pháp nhưng bị hai đại-đội của Tiểu-đoàn Jouneau chặn được.

Sau một cuộc thám-sát đích thân, Thiếu-tướng Courbet quyết định đúng 11 giờ tấn công mạnh vào cửa Tây thành Sơn-tây. Tiểu-đoàn Chevalier do trọng-pháo của Tiểu-đoàn Reygasse yểm-trợ tiến vào phố Khách và đánh thẳng vào cửa Bắc. Tiểu-đoàn Roux ở lại giữ Phù-xá. Tiểu-đoàn Dulieu từ ngôi chùa gần Hạ-trang tiếp tục tiến lên chùa Hội-đồng. Tiểu-đoàn Lê-dương vượt qua Tiểu-đoàn Le Tellier đi theo để tiếp-ứng. Tiểu-đoàn Jouneau và Tiểu-đoàn thủy quân lục chiến hợp thành chiến-tuyến thứ hai tại Phú-nhi chạy theo dọc sông Nhị-hà. Trong khi đôi bên xung đột mạnh, đại-bác của Pháp trên bộ và dưới chiến-hạm trợ lực cho quân của họ rất đều hòa. Tuy

vậy quân Cờ-Đen đánh cũng rất hay và rất mạnh do đó mà quân Pháp tiến rất chậm. Năm giờ chiều, quân Pháp mới tới được nơi để giáp chiến. Lúc này Thiếu-tướng Courbet, các Đại-tá Bichot, Belin và Révillon đã tụ tập từ hồi 4 giờ tại ngôi chùa lớn chung quanh có nhiều cây cổ-thụ giữa Hạ-trang và Phú-nhi.

Bất thình lình kèn hiệu nổi lên do lệnh của Bộ chỉ huy. Tức thì quân Lê-dương, thủy-quân lục chiến xông ào-ạt vào cửa Tây hạ được ba lá hắc-kỳ và thay bằng một lá cờ tam tài của Pháp. Quân Cờ-Đen sau khi bắn đại bác xuống từ trên vòng thành bỏ chạy qua các phố phường rồi rút ra khỏi men theo đường núi từ Bạch-hạc đến Hưng-hóa. Nhưng Pháp không hàm đuổi e bị phục binh vì đêm đã xuống. Công binh liền dọn dẹp ngay các chướng-ngại-vật ở cửa Tây và cửa Bắc. Viên Tổng tư-lệnh Pháp đặt luôn Đại-tá Laguerre làm Quân-vụ trưởng tại thành này. Trung-tá Maussion làm Phó.

Ngày hôm sau, Pháp thấy thực-phẩm, quân-nhu của ta bỏ lại rất nhiều : 6000 thước khối gạo và muối, 400 cân thuốc nổ và năm chục khẩu đại-bác bằng đồng, ba mươi chín khẩu bằng gang cùng các thư-tín của tướng Lưu-vĩnh-Phúc giao-dịch với Tổng-đốc Vân-Nam và Lưỡng-Quảng. Đối với Pháp, đây là bằng cớ cụ-thể tỏ rằng quân chính-quy của Thanh-đình đã dự vào chiến-cuộc ở Bắc-kỳ.

Quân Cờ-Đen chết khá nhiều kể cả số bị thương thì tới con số ngàn. Riêng trong thành người ta đếm được 873 xác chết Lưu-vĩnh-Phúc bị thương nhẹ. Còn quân Pháp chết độ tám mươi ba người và số bị thương là ba trăm mười chín người.

Thua ở Sơn-tây, quân Cờ-Đen và quân Thanh lên đóng ở Hưng-hóa. Lúc này Hoàng-tá-Viêm chuyển quân về Thuộc-Luyện. Còn quân Pháp không tiến được toàn đội đuổi theo được vì lòng sông Hồng-hà không đủ sâu cho các chiến-hạm Pháp ngược lên. Nhưng tướng Courbet cũng đưa một đạo Lê-dương lên đánh Bắc-ninh vào ít ngày sau là đầu năm 1884. Tại Sơn-tây y để 1800 quân giữ thành và xây đắp lại những quãng thành bị vỡ lở vừa qua.

Như trên đã nói, do việc bại trận của quân Cờ-Đen và quân Thanh ở Sơn-tây, triều-đình Huế trở nên dịu hòa với Pháp, việc giết đạo ngừng lại trừ việc tàn sát tại vùng Nam thành phố Huế và miền Tây-Nam Thanh-hóa đã xảy ra không kịp ngăn lại.

Cuối năm Quí-mùi (1883) quân viễn-chinh Pháp được phân-phối đi nhiều tỉnh Bắc-kỳ để làm hai nhiệm-vụ : chiếm đóng và dánh dẹp lặt-vặt theo chương-trình bình-định, nhưng phần lớn dành vào việc chiến-đấu với quân đội Cờ-Đen, quân Thanh và chủ-lực-quân của Hoàng-tá-Viêm trực-tiếp dưới quyền điều-khiển của Trung-tướng Courbet.

Tại Hà-nội và Bát-tràng là hữu-ngạn sông Nhị-hà (1) có Tiểu-đoàn Thủy-quân lục-chiến Chevalier (Đại-đội 25-28 và 29 cùng Đại-đội Thủy-binh 3). Tiểu đoàn Roux (Đại-đội 26 và 27 Thủy-binh), Đại-đội 1 và 2 lính tập); Tiểu-đoàn pháo-binh thủy-quân (4 Đại-đội); Đệ-nhất Tiểu-đoàn lính Algérie thuộc Quân-đoàn 19, và một Tiểu-đoàn Lê-dương gồm 4 đại-đội, 4 đại-đội trọng-pháo và 500 phụ-lực-quân.

Tại Sơn-Tây có Tiểu-đoàn Dulieu (4 đại-đội) và Tiểu-đoàn Reygasse (3 đại-đội), Tiểu-đoàn 2 (lính Algérie) gồm 4 Đại-đội, hai Đại-đội lính tập, quân đồ bộ có một đại-đội, trọng-pháo có 2 đại-đội và 800 phụ-lực-quân.

Tại Nam-định có 6 đại-đội (đại-đội 26, 27 và 33 thuộc Trung-đoàn hải-quân ; Đại-đội 21 thuộc Trung-đoàn 3 ; Đại-đội 26 và 29 thuộc Trung-đoàn 4) một phân đội trọng-pháo và 200 phụ-lực-quân.

Tại Hải-phòng có 4 đại-đội (đại-đội 29 và 31 thuộc Trung-đoàn 2 Hải-quân, đại-đội 34 thuộc Trung-đoàn 3 và đại-đội 31 thuộc Trung đoàn 4).

Tại Hải-dương có 3 đại-đội quân đồ-bộ. Tổng cộng tại Bắc-kỳ số quân Pháp giải đi các tỉnh có 48 đại-đội thủy-quân các ngành và 7 đại-đội trọng-pháo.

Sau khi Hòa-ước Quý-mùi ra đời, không-khí giữa Nam-triều và tòa Khâm rất là khó chịu. Đặc ủy-viên de Champeaux không làm được việc gì nên đã đệ đơn về Sài-gòn xin từ chức.

Lúc này de Champeaux còn có ý giận dữ đối với phủ Thống-đốc Nam-kỳ, y cho rằng viên Thống-đốc không ủng-hộ y nên đó cũng là một lý-do để y xin từ chức. Phủ Thống-đốc không chịu chấp thuận đơn xin nghỉ của de Champeaux thì có Công-sứ Pháp ở Tàu là Tricou đi ngang qua Sài-gòn. Súy-phủ Nam-kỳ liền cử ông ta ra Huế vào ngày

(1) Nhị-hà hay Hồng-hà cũng là tên một con sông. Trên bản đồ Pháp ghi là *Fleuve rouge*.

28-12-1883, để sửa đổi lại vài khoản trong Hòa-ước Quý-Mùi. Mấy ngày đầu Tricou bị thất vọng vì không được gặp quan ta. Đến khi nghe thành Sơn-tây thất-thủ, triều-đình mới chịu tiếp. Ngày 1-1-1884 sau cuộc thương thuyết không có gì gay-go, hai bên thỏa-thuận việc sửa đổi vào ngày 5-1-1884 rồi Tricou được yết-kiến vua Kiến-Phúc.

Nhân dịp này Nam-triều nêu ra những điều-khoản nặng-nề của Hòa-ước và hành-vi ngang trái của một số quan Trú-sứ mà Harmand đã bổ-nhậm. Nam-triều cho rằng chánh-phủ Pháp nên sửa lại Hòa-ước cho rộng-rãi thêm, sĩ-dân trong nước mới bớt sự công-phẫn, việc bình-định mới có bề dễ-dàng. Tricou trả lời rằng về việc sửa đổi một số điều-khoản trong Hòa-ước, y sẽ làm đề-nghị về Paris, còn đối với các Trú-sứ khi y ra Bắc sẽ có sự thương-thảo để chấm dứt các điều lộn-xộn. Về phần y, y cũng yêu cầu Nam-triều hạ lệnh ngăn cấm các việc giết hại giáo-dân, đốt phá nhà thờ, trừng trị các kẻ cầm đầu. Các ông Tường, Thuyết cũng ậm-ừ cho xong chuyện vì những việc kể trên đã xảy ra do chỉ-thị của các ông, tuy vậy hai ông đã bắt đắc dĩ đem Hầu Chuyên ra xử-tử để lấy lòng Pháp. Trong khi Tricou giao-dịch với Nam-triều, de Champeaux cho rằng Tricou đã lấn quyền mình nên lại đệ đơn xin từ chức phen nữa. Súy-phủ phải cử Lejard vị chỉ-huy quân Pháp ở Cửa Thuận đến thay de Champeaux ít lâu, sau đó Đại-úy hải quân Parreau, nguyên thư-ký của Harmand đến làm Đặc-ủy viên tại Huế. Parreau ở đây tới ngày Hòa-ước Giáp-thân ra đời (1884). Còn các quan Khâm-sai Nguyễn-trọng-Hợp, Trần-văn-Chuẩn trước đây được cử ra Bắc để dụ-dỗ quân dân bãi binh chiếu theo Hòa-ước Quí-mùi không thành công phải về kinh xin chịu tội. Lúc này có thể coi rằng triều-đình Huế hay là phong-kiến nhà Nguyễn mất hết uy-tín trước quốc-dân rồi. Lệnh của Nam-triều không thấu tới Bắc-kỳ nữa. Bắt đầu từ giai-đoạn này, mạnh ai người nấy làm, hai phong trào được hoạt-động cùng một lúc : một bọn quan-lại chạy ngầm theo chủ mới, một bọn công khai động-viên khả-năng chiến đấu của nhân-dân ngang-nhiên ly-khai với triều-đình để mở một cuộc tổng phản-công vào Đế quốc xâm-lược cho tới khi Phong kiến Việt Nam rãy chết, bọn Thực-dân tư bản toàn thắng.

Sau vụ thất-thủ thành Sơn-tây các quan tỉnh của ta bỏ chạy hết ra ngoài, tướng Courbet phải thu xếp với Tổng-đốc Hà-nội là Nguyễn hữu-Độ xin đặt lớp quan-lại khác. Độ liền cử Trực-học-sĩ Nguyễn-

Khuyến quyền Tổng-đốc, Thị-độc Thành-ngọc-Uẩn quyền Bố-chánh nhưng hai ông đều từ khước và không đến lĩnh chức. Tú-tài Nguyễn-Văn và nguyên quản-lý sở Thương-chánh Nguyễn-Hậu được quyền sung. Sau Cơ-mật-viện tâu vua thảo luận với Đặc phái-viên de Champeaux bãi bỏ việc này.

Để mở chiến-dịch khác, Thiếu-tướng Courbet cho chiến thuyền và quân tình-báo đi thám-sát tình-hình nhiều tỉnh Bắc-kỳ trước khi hoạch-định kế-sách tổng-tấn-công. Trung-úy hải-quân Harbert dùng tàu *Lynx* ngày 16-11 tiến sang sông Cầu. Trung úy Fortin bằng tàu *Mousqueton* đi xét vùng Phủ Bình-giang ngày 23-11 ; Trung-úy Guichamans dùng tàu *Léopard* đi quan sát vùng sông Đuống ngày 25-11, sông Kinh-tây ngày 31-12-1883 và sông Thái-bình. Chiến-thuyền *Carabine* với Đại-đội 35, Trung-đoàn 3 hải-quân đến do thám vùng Núi Voi phục gần Hải-phòng ; Trung-tá Brional với hai đại-đội và hai khẩu đại-bác dùng tàu *l'Eclair* đi nghiên-cứu các vùng phụ-cận Nam-định.

Tại Paris do cuộc đại thắng của Thiếu-tướng Courbet, ngày 18-12-1883 Hạ-nghị-viện Pháp đã hứng chí cho vay thêm 3 triệu sau khi đã bỏ thăm cấp 17 triệu quan để gấp thực hiện cuộc Bảo-hộ ở Việt-Nam. Số binh-lính gửi thêm là 7000. Nhưng lúc này đột-nhiên có việc điều-đình giữa Pháp và Trung-hoa nên chánh-phủ Paris tuy gửi viện-binh qua Bắc-kỳ mà vẫn ra lệnh cho quân đội viễn-chinh chỉ được đánh thêm Bắc-ninh và Hưng-hóa mà thôi vì đánh lên mạn ngược sẽ đụng-độ với quân Tàu, việc hòa-giải sẽ tan vỡ. Để phòng xa sự quá tận tâm và hăng-hái của viên Tổng tư-lệnh Courbet, người ta cho Trung-tướng Millot sang thay để có sự thi-hành chắc-chắn hơn những mệnh-lệnh của Paris.

Trước khi viện-binh rời quân-cảng Toulon, Bộ thuộc-địa đã báo tin cho Phó Đề-đốc Courbet biết viện-binh đã khởi hành từ 23-12-1883 bằng tàu *Vĩnh-long* trên có Trung-tướng Millot, các Thiếu-tướng Bière de l'Isle và de Négrier, ba sĩ-quan cấp tá, Đệ-nhị tiểu-đoàn lính Phi-châu và một số quân bổ để sung cho Đệ-nhất tiểu-đoàn Algérie Tàu *l'Européen* chở Đại đội Lê-dương 4 và số quân để bổ sung cho đạo quân Lê-dương và đạo pháo-binh Algérie đang có mặt ở Bắc-kỳ. Tàu *Cormorin* chở một Tiểu-đoàn pháo-binh Algérie.

Chuyến thứ hai rời bến ngày 10-1-1884 gồm bốn chiếc tàu vận tải : *l'Annamite, le St Germain, le Poitou* và *la Sarthe* mang hai tiểu-đoàn rưỡi, hai đại-đội trọng-pháo 80 ly và các vật-liệu, một đại-đội y-tế, hiến-binh, một đại-đội công-binh, một phân-đội vô-tuyến-viên. Ngoài ra tàu *Shamrock* chở hai đại-đội và vài tiểu-đội thủy-binh. Sau khi nhận được của Bộ Thuộc-địa công-điện báo tin viện-binh đã xuống tàu, Thiếu-tướng Courbet yêu-cầu Tổng-trưởng hải-quân cho biết « địa-vị của ông ra sao khi Trung-tướng Millot đến Bắc-kỳ Do công điện ngày 12-1, Bộ trả lời : « *Thiếu-tướng cứ trao hết quyền Tư-lệnh quân-đội viễn-chinh cho Trung-tướng Millot còn Thiếu tướng chỉ giữ việc điều-khiển Hải-quân. Sẽ có chỉ-thị gửi tới sau. Không nên coi đây là một việc thất sủng. Chánh-phủ rất tán thành mọi hành-động của Thiếu-tướng và hoan-nghênh các công-tác của Thiếu-tướng.* »

Rồi trong khi viện-binh của tướng Millot sắp tới, tình-trạng Bắc kỳ được ghi chép như sau : Ở Hà-nội giặc cướp đã dẹp được yên, quanh tỉnh-lỵ Hải-phòng, Quảng-yên dân-chúng được làm ăn dễ chịu nhưng ở các vùng xa vẫn thiếu trật tự, an-ninh. Tại Hải-dương không có gì rối ren như trước, Quân Tàu và quân Việt không có trở lại đánh thành nữa. Ngày 28-11-1883 họ đã bị 2 đại-đội quân đồ bộ của Pháp do pháo-hạm *Lynx* và *Léopard* đánh lui, quân Tàu và Việt đã rút về phủ Thuận-thành (Bắc-ninh) với một quân-số khá lớn. Tại Nam-định và Ninh-bình, quân chính-quy Pháp và quân phụ-lực của họ đã truy-kích quân ta suốt một tháng. Quân ta có tới bốn năm ngàn người phần nhiều là nghĩa-dũng-quân được sự ủng-hộ của các văn-thân và của các nhà giầu. Ở đây nghĩa-quân chủ-trương giết các giáo-dân trước rồi đánh thành sau ; Nếu thất bại thì đốt hết, phá hết để chống lại việc Pháp đặt Bảo-hộ ở Bắc-kỳ. Cầm đầu kháng-chiến tại vùng duyên hải và miền Nam Trung-châu bấy giờ là Tán-tương Nguyễn-thiện-Thuật, Tổng-đốc Trương-quang-Đản, Đề-đốc Tạ-Hiện, Đề-đốc Ngô tất-Ninh, Lê-văn-Hồ, Nguyễn-văn-Chư, Tán-Lý Lương-quí-Chí hầu hết đã từ chối lệnh về kinh theo điều đã qui định trong Hòa-ước Quí-mùi (25-8-1883). Các lĩnh-tụ kháng-chiến này ra mặt cộng-tác với quân-đội Tàu, nhận chức tước của Tàu và dứt liên-lạc với Nam-triều. Sự thực Nam-triều khi ấy đã do các ông, Tường, Thuyết nắm chặt, họ chỉ chống lại cái chánh-quyền thân Pháp mà thôi. Ngoài ra nên lưu-ý tháng 11

năm Quí-mùi, Nam-triều cử Tổng-đốc Lạng-Bằng *(Lạng-sơn, Cao-bằng)* là Lã-xuân-Oai làm chánh-sứ, Án-sát Hoàng-xuân-Phong làm Phó-sứ đi công-cán qua Tàu. Pháp phản-đối kịch-liệt nên việc này phải bỏ. Do chuyện này ta rõ Pháp đã đặt được nội-tuyến trong gan ruột của cái triều-đình bên sông Hương núi Ngự rồi, chẳng vậy việc lấy hai ông quan ở nơi biên-viễn đi liên-lạc với chánh-phủ Bắc-kinh mà cũng đến tai Pháp.

Trong việc thi-hành Hòa-ước Quí-mùi, Pháp gặp nhiều sự khó khăn nên sau này dĩ-nhiên Pháp phải tận diệt đầu não của kháng-chiến ở giữa thành Thuận-hóa và điều-đình riêng với Bắc-kinh mới lập xong cuộc Bảo-hộ.

DANH SÁCH CÁC THỐNG-ĐỐC DÂN CHÍNH NAM-KỲ

Le Myre de Vilers nhậm-chức từ 7-7-1879 đến 4-3-1881 và từ 1-11-1881 đến 12-1-1883; Tướng de Trentiniom, từ 5-3-1881 đến 31-10-1881;

Charcles Thomson từ 13-1-1883 đến 27-7-1885; Tướng Bégin từ 28-7-1885 đến 19-6-1886;

Filippini từ 20-6-1886 đến 22-10-1887; Pardon từ 23-10-1887 đến 3-11-1887.

Xin nhắc rằng chủ-trương của Chánh-phủ Pháp bấy giờ là đặt văn quan làm Thống-đốc Nam-kỳ để gây một không khí êm-dịu, nhưng rồi đôi khi cũng phải đặt võ-quan bởi Nam-kỳ cho tới 1887 vẫn thỉnh-thoảng có nghĩa-quân nổi lên chống Pháp từng vùng.

CHƯƠNG VIII

PHÁP ĐÁNH BẮC-NINH, THÁI-NGUYÊN HƯNG-HÓA VÀ TUYÊN-QUANG

Từ Hòa-ước Thiên-Tân đến Hòa-ước Giáp-Thân

Ngày 12 tháng 2-1884 Courbet nay thăng Trung-tướng và Đô-đốc trao lại quyền Tổng-tư lệnh quân đội viễn-chinh Pháp cho Lục-quân Trung-tướng Millot. Ông ta từ nay chỉ coi riêng Hải-quân để phòng giữ mặt biển. Số quân của Pháp bấy giờ nhiều hơn bao giờ hết; họ được 16.000 binh-sĩ và 470 sĩ-quan. Ngoài ra họ có 6000 lao-công dùng vào việc khuân vác lĩnh mỗi tháng 6 đồng. Hàng ngày quân Pháp dùng khinh-khí-cầu dọ thám quân-tình của ta nên hiểu rõ trận thế Bắc-ninh.

Ngày 12-2-1884 viện-binh của Pháp tới Bắc-kỳ. Từ khi thua ở Sơn-tây, quân ta hiệp với quân Trung-Hoa quyết lòng phòng-thủ thành trì kỹ càng hơn khi ở Sơn-tây. Hoàng-tá-Viêm thương-lượng với Đường-cảnh-Tùng đem 4 doanh quân đến đóng ở Bắc-ninh để tiện việc liên-lạc với lực-lượng Cao-Bắc-Lạng, phái Vĩnh-Thanh đem quân về giữ Hưng-hóa. Vĩnh-Phúc đem quân Cờ-Đen về đóng ở Lâm-triệu, Vĩnh-tường. Các quantỉnh Sơn-tây cũng lo đốc thúc binh-lương.

Trương-quang-Đản, Tỉnh-biên phó-sứ vừa ra tới Bắc-ninh thấy quân Pháp sửa-soạn đánh thành này vội dâng sớ về kinh xin phép mộ thêm quân để tăng-cường việc phòng-thủ địa-phương này. Bề khác ông gửi thư cho Đại-tướng Hoàng-quế-Lan, Tổng-tư-lệnh quân-đội Trung hoa yêu cầu gửi thêm hai đạo binh đến giữ thành Bắc-ninh. Họ Hoàng nhận lời và chuyền quân xuống Lạng-giang (tức Phủ-lạng-thương sau này). Đạo quân của Hoàng chia làm hai: một cánh do Đại-tá Trương-cố-Quận cầm đầu đến đóng ở Yên-dũng; một cánh do Trung-tá Duy-phượng-Tường chỉ-huy giữ tả-ngạn sông Đáp-cầu có bổn phận chặn

quân Pháp không cho tiến đánh Bắc-ninh bằng đường thủy ; một cánh do Thiếu-tá Vương-hậu-Lý điều-khiển đóng ở Hùng-lâm. Hoàng còn tính cho hai đội quân đang đồn trú ở Cao-bằng và Lạng-sơn xuống giữ hai con sông Nguyệt-đức và Thiên-đức phòng quân Pháp theo sông Nguyệt-đức đánh vào Bắc-ninh. Hai con sông này chạy qua hai bên thành. Tướng Hoàng muốn dùng hai con sông này ngăn địch không cho lại gần thành, còn về mặt bộ ông ta không có phòng-bị gì hết. Theo ý ông quân đội của Tổng-đốc Quảng-tây sẽ tới và lo việc này. Dù sao đến giờ phút chót, quân đội ta và Tàu cũng khá đầy đủ để giữ thành Bắc-ninh. Sáu mươi phân đội chia nhau bảo-vệ bốn mặt thành. Quân Cờ-Đen lập một phòng-tuyến dài từ Đáp-cầu đến Yên-dũng. Tướng Châu-Phú cũng đóng bên ngoài thành. Đại-tướng Hoàng-quế-Lan đóng bên trong chỉ-huy tất cả binh-sĩ của Liên-quân. Cờ Đại-thanh bay phất-phơ trên nóc dinh Tổng-đốc và trên kỳ-đài thành này.

Tháng hai năm Giáp-thân (1884). Trung-tướng Millot đem hai đạo quân và một hạm-đội sang đánh Bắc-ninh : một đạo do Thiếu-tướng Négrier dùng đường thủy đánh vào theo các sông Nghĩa-trụ, Lục-đầu, Thiên-đức, Nguyệt-đức ; một đạo do Thiếu-tướng Brière de l'Isle dẫn theo đường bộ tiến qua các hạt Siêu-loại, Quế-dương, Gia lâm, Thuận-thành. Các pháo-hạm thì có Đại-úy Morel Beaulieu chỉ-huy ; ba đại-đội Thủy-quân lục-chiến chuyên về đồ-bộ có Đại-úy de Beaumont lĩnh-đạo. Hai đạo-quân Pháp đều có hỏa-lực mạnh. (Đạo thứ nhất của Brière de l'Isle có lính Phi-châu và 6 giàn trọng-pháo ; đạo thứ nhì của Négrier gồm toàn lính Pháp có 3 giàn).

Tổng-đốc Trương-quang Đản tuân theo Dụ đóng quân tại huyện Tiên-du và đứng trung-lập, nhưng chỉ trung-lập bề ngoài mà thôi. Bề trong Trương vẫn đi ngầm với kháng-chiến và là quan-sát-viên của Nam-triều lúc này tại các mặt trận đang có nhiều hoạt-động.

Quân Pháp dò xét phía Tây-nam phủ Từ-sơn, thấy quân Trung hoa bố-trí đầy đủ nên đánh vòng phía sau thành Bắc-ninh về phía Nam và Đông-nam phòng chặn đường tiếp viện của Tàu từ Lạng-sơn xuống Bắc-ninh. Rồi chiến-tranh khai diễn như sau :

Sáng sớm ngày 7-3-1884 một đạo quân Pháp kéo qua sông Hồng hà. Chiều tối một đạo thứ nhì do đường thủy qua sông Cầu để bảo-vệ cánh tả của đạo Lục-quân. Đạo thứ ba là thủy-quân lục-chiến đổ bộ tại Phủ-lạng-Thương. Chiều hôm sau đạo-quân thứ nhất kéo đến núi Voi-phục (gần Hải-phòng). Đạo thứ nhì gặp quân Hoa-Việt ở

Mỹ-kiến, hai bên đánh nhau kịch-liệt. Đạo quân Pháp đổ bộ ở Phủ-lạng-Thương vượt núi Kiến sang đánh đồn Naou của quân Tàu. Bọn này thua chạy về Yên-đình. Tại đây quân Trung-Hoa có đặt một giàn súng đại-bác. Quân Pháp ở chiến-hạm nã trọng-pháo vào căn-cứ của Trung-hoa làm họ rối loạn bỏ chạy về Thái-yên. Tại Đồ-sơn quân Tàu cũng bị pháo-kích mạnh phải rút về Dũng-khuyết. Trong trận này Thiếu-úy Duchez tử trận. Đêm hôm ấy Pháp quân tạm đóng ở Yên-đình và Đồ-sơn. Ngày 10-3 pháo-hạm *Carabine* đến Chi-nê bắn phá vào phòng-tuyến của ta ở đây, sau khi đi do-thám tình-hình của ta suốt ngày hôm trước. Ngày 11-3 Trung-tá Cuvellier còn ngồi trên khinh-khí-cầu để quan sát thêm việc phòng-thủ của thành Bắc.

Lưu-vĩnh-Phúc cũng đem quân từ Hưng-hóa đến tham-chiến. Quân Pháp vây thành và đánh gắt-gao quá nên quân Thanh bị tan vỡ vào 13-3-1884 phải bỏ Bắc-ninh chạy về Thái-nguyên (vì Pháp chặn mất đường về Lạng-sơn) bỏ lại nhiều súng ống và đạn-dược cùng ước 100 khẩu đại-bác. Quan lại trong thành là Bố-chánh Nguyễn-Tú, Án-sát Nguyễn-ngọc-Chánh và các tỉnh-thuộc chạy hết ra ngoài thành. Quân Pháp vào chiếm thành. Họ chỉ chết có 8 người và bị thương 40 người. Tổng-đốc Trương-quang-Đản nghe tin toan mang binh vào đóng trong thành thì thấy Pháp đã tới đành đến cắm trại ở huyện An-phong. Sau vụ này triều-đình cho gọi Trương-quang-Đản về kinh, cử Nguyễn-Tú làm quyền Tổng-đốc Bắc-ninh. Bấy giờ trong các vùng kế-cận tỉnh này nhiều người nhóm họp để làm các việc bạo-động. các quan ở các phủ, huyện không thiết-lập nổi trật-tự. Quan Tổng-đốc cũng phải đi tuần luôn luôn để thúc đẩy các lại-thuộc.

Lấy xong Bắc-ninh, hai tướng Négrier và Brière de l'Isle chia quân ra truy-kích quân Thanh. Brière de l'Isle phá được các đồn trại ở Nhã-nam, chiếm được 21 khẩu đại-bác rồi tiến đánh luôn tỉnh-lỵ Thái-nguyên. Tướng Thanh là Trần-đức-Triều coi 5 quân-doanh ở đây chống không nổi phải chạy về Hưng-hóa. Thủ-úy Nguyễn-quang-Khoan bị tử trận. Các quan tỉnh ở đây cũng chạy ra ngoài dân hết. Ngày 19-3-1886 quân Pháp vào thành phá ba cửa và đốt các văn thư. thu các đồ đồng, đồ vàng bạc rồi đem về Bắc-ninh, lại chiếm được 37 khẩu đại-bác và nhiều đạn-dược. Đám quân bại trận của Tàu tản-mác ra ngoài các làng mạc cướp phá khiến dân tình đau-khổ hết chỗ nói. Đến tháng 5 quân Pháp mới đặt các đồn, ải để gìn giữ trật-tự. Triều-đình

cử nguyên Án-sát Hà-tĩnh là Dương-như-Lập đến quyền Tuần-phủ ở Thái-Nguyên và đòi Tuần-phủ cũ là Trương-quang-Huấn đang tránh vào Thanh-hóa về kinh đợi lệnh.

Quân Pháp hạ xong thành Bắc-ninh và Thái-nguyên thì dồn hết lực-lượng về tấn công thành Hưng-hóa vào tháng sau. Nên hiểu rằng sau khi Sơn-tây mất về tay Pháp thì chủ-lực quân Hoa-Việt đều tụ tập cả ở Hưng-hóa. Quân Pháp lại vượt sông Hồng-hà để tiến đánh Hưng-hóa và trước khi tới Hưng-hóa họ phải đi ngang qua thành Sơn. Thiếu-tướng Brière de l'Isle huy-động cả một lữ-đoàn, dàn trận ở bên này sông Đà-giang. Thiếu-tướng Négrier cũng mang quân đội của mình đến góp sức. Trận đánh khai diễn vào ngày 11-4-1884 từ sáng đến 2 giờ chiều rồi quân Pháp sang được sông, lập được đầu cầu ở một địa-điểm duyên-giang thuộc huyện Bất-bạt (Sơn-tây), Chín giờ sáng hôm sau, lữ-đoàn (1) của Négrier cũng đến hợp thành một lực-lượng rất mạnh khiến quân Cờ-Đen chống không lại phải bỏ chạy. Họ đốt hết phố-xá, doanh-trại trong thành rồi theo đường thượng-đạo phủ Lâm-triệu kéo lên Thượng-du. Riêng Hoàng-tá-Viêm men theo đường núi rút về kinh. Quân Pháp vào thành ngày 12-4-1884 rồi Thiếu tá Coronnat đem một toán quân lên đánh đồn Vàng cách tỉnh-lỵ Hưng-hóa 20 cây số. Các căn-cứ quân-sự ở Thục-luyện của Hoàng-tá-Viêm cũng bị giặc phá hủy hết. Tuần-phủ Hưng-hóa là Nguyễn-quang-Bích nạp bỏ ấn qua Tàu rồi chết ở trong một vùng rừng núi. Triều-đình cử quyền Tuần-Ninh-bình Nguyễn văn-Thí đến tạm giữ việc cai trị tỉnh này.

Tháng năm năm Giáp-thân (1-6-1884) Trung-tướng Millot sai Trung-tá Duchesne và 5 chiếc pháo-hạm lên đánh Tuyên-quang. Tại đây Cờ-Đen có một lực-lượng đáng kể vì sau khi bại trận ở Hưng-hóa, Lãnh-binh đoàn quân Lưu vĩnh-Phúc là Hoàng-thủ-Trung đem 2000 binh-sĩ về đóng ở Tuyên. Viên Lãnh-binh này chừng thấy cơ đồ của quân Tàu đến giai-đoạn tuyệt-vọng nên dở thói lục-lâm. Y bắt luôn Tuần-phủ Hoàng-tướng-Hiệp đem đi an-trí một nơi, cho quân vét hết kho tàng, đoạt các sổ sách và bắn chết Thông phán Nguyễn-Trung. Án-sát Nghiêm-Niệm giả ốm, Bố-chánh Lê-văn-Duyên lén về Hà-nội. Trung-tá Ducheshe đóng ở Việt-Trì khởi hành từ mồng ba

(1) Quân-số của mỗi Lữ-đoàn có 6.000 người. Hai Lữ-đoàn thành một Sư-đoàn.

tháng 5 và đến Tuyên-quang chỉ xô-xát với quân Tàu có một tiếng đồng hồ là thủ thắng (1) Lấy xong Tuyên-quang, Pháp cho mời Văn-Duyên, Nghiêm-Niệm về phục chức. Quân Cờ-Đen tan rã ở đây cũng thành tai nạn cho các dân làng kế cận và chúng đi cướp phá cả các đường thủy, bộ. Đáng thương Tuần-phủ Hoàng-tướng-Hiệp bị Hoàng-thủ-Trung đem qua Long-châu rồi chết ở đấy.

Triều-đình Huế được tin quân đội của hai tướng Hoàng-tá-Viêm và Lưu-vĩnh-Phúc đại bại rất là bối rối lo âu, nhưng vẫn tích-cực tuyển-mộ quân lính, tăng-cường phòng-thủ kinh thành, trường thi Vạn Xuân và thành Tân-sở.

Lúc này ta có thể nói rằng quân Pháp đã làm chủ được từ Trung-du xuống Trung-châu Bắc-kỳ. Tướng Négrier tính thừa thắng đánh luôn lên Lạng-sơn thì được lệnh ngừng lại sau khi vừa chiếm xong thành Hưng-hóa để chánh-phủ Paris điều đình với Bắc-kinh. Lệnh đó đến tai Négrier vào ngày 14-4-1884. Thật là một sự bất ngờ và nếu ta theo dõi thì thấy những cuộc bại trận trên đây đã gây một xúc-động khá mạnh vào Thanh-triều nên vào ngày 12-4-1885, triều Mãn ra hai Sắc-dụ hạch tội Tổng-đốc Vân-nam và Quảng-tây đã làm mất thành Sơn-tây và Bắc-ninh. Triều Mãn còn cho bắt hai viên thượng-quan của địa-phương này về kinh trị tội, các tướng tá bại trận cũng bị xử tử trước quân-đội. Tin này đã làm cho mọi người nghĩ rằng như vậy khó mà có cuộc điều-đình giữa Tàu và Pháp, phái chủ chiến của triều Mãn sẽ có nhiều ưu-thế và chiến cuộc Trung-Pháp sẽ gây go nhiều hơn. Vào tháng sau trong khi Pháp-quân án-binh bất-động từ Tuyên-quang, Thái-nguyên xuống tới miền đồng bằng Bắc-Kỳ thì chính-phủ Paris và Bắc-Kinh mở cuộc hòa-giải với nhau. Trước đó tại Paris, chính-giới Pháp nhìn Sứ-thần Trung-hoa Tăng-kỷ-Trạch bằng con mắt lạnh-lùng, Công-sứ Pháp Tricou ở Bắc-kinh cũng không được đối xử đằm-thắm (2). Nhưng một sự tình cờ đã đưa Bắc-kinh tới

(1) *Việt-Nam sử lược nói* : Quân Pháp đi từ mồng 3 đến 8 mới đến Tuyên-quang. Có lẽ sách này đã lầm vì đi đường thủy hay bộ từ Việt-trì tới Tuyên-quang chỉ hai ngày là cùng nhất là không có cuộc xô-xát nào cả. Việt Trì cách Tuyên-quang độ 50 cây số mà thôi.

(2) Theo Nguyễn-kỳ-Nam tác-giả cuốn «*Tám mươi ba năm Việt-Pháp đã ký với nhau mấy lần hiệp-ước ?*» việc này xảy ra sau khi Hoàng-tá-Viêm và Lưu-vĩnh-Phúc thua nhiều trận ở Bắc-kỳ.

gần Paris. Nguyên có hai người Âu-châu ở Tàu, một là Fournier Trung-tá Hải-quân Pháp, thuyền trưởng tàu *Le Volta* thuộc hạm-đội Trung-quốc-hải, một là công dân Đức tên là Détring đang làm Ủy-viên quan-thuế *(của chánh-phủ Đức)* ở Quảng-đông. Hai người nói chuyện với nhau về thời-cuộc Việt-Nam và sự can-thiệp của chánh-phủ Bắc-kinh vào việc nước ta.

Détring liền có sáng-kiến đứng ra làm trung-gian hòa giải về sự bất hòa Trung-Pháp. Y nói rằng y quen thân Tổng-đốc Quảng-đông có thể nhờ viên quan Tàu này đệ lên Lý-hồng-Chương đề-nghị bãi-chiến. (1) Việc này được họ Lý chấp thuận, hẳn là vì những ngày gần đây quân Cờ-Đen và quân của Thanh-triều bị thua quá nhiều, chính-phủ Bắc-kinh lại đang bị lúng túng về vài vụ loạn nội-bộ. Có lẽ lúc này chính Thanh-triều còn muốn hòa hơn là Pháp nhưng hòa thì bẽ mặt với các nước mà tiếp tục đánh thì chỉ có thua. Do đó đề-nghị của Trung-tá Fournier đưa ra rất hợp thời và Tàu được dịp thoát khỏi cái ngõ bí. Chẳng bao lâu Lý-hồng-Chương liền điện cho Thiếu-tướng Lespès chỉ huy-trưởng Hạm-đội Pháp ở Trung-quốc mời Lespès lên Thiên-tân thảo-luận. Về phần Pháp-đình cũng mừng để có thể chấm dứt chiến tranh ở Việt-Nam, vừa đỡ hao người tốn của mà vẫn có thể nắm được nhiều quyền lợi thực dân, đế-quốc như thường Pháp biết rằng lúc này Tàu không mong gì hơn là rút mình ra khỏi vấn đề Việt-Nam, dĩ-nhiên là phải rút một cách êm đẹp, không mất danh-dự. Rồi đây ta coi trong Hiệp-ước Fournier *(Tức hiệp-ước Thiên-tân)* người ta đo đắn từng chữ thế nào cho khỏi mất thể-diện của « *Thiên-triều* » nhưng rồi cũng tai hại thay, vì một sự vụng về của mấy ông trùm thực dân Pháp ở Việt-Nam và Thanh-đình cũng lại có sự thay đổi ý-kiến, cuộc chiến tranh Hoa-Pháp lại tái diễn hơn một năm nữa làm đổ ra khá nhiều xương máu lũ dân đen...

Chánh-phủ Paris cử, Thiếu-tướng Lespès thương-thuyết với chánh-phủ Bắc-kinh nhưng vì Fournier đã nghiên cứu kỹ vấn đề hơn

---

CHÚ-THÍCH.— Ngày, tháng trong các sự việc thường sai nhau vì mỗi cuốn sử chép một khác, trừ niên-hạn thì bao giờ cũng đúng với nhau.

(1) Theo *Việt-Nam sử-lược*. Détring vốn thân với quan Tổng-đốc Trực-lệ là Lý-hồng-Chương. Nếu chúng tôi không lầm Lý-hồng-Chương lúc này là đại-thần triều Mãn, với cấp bậc Tổng-đốc Trực-lệ không thôi họ Lý không thể đứng ra giải-quyết việc này. Trong nhiều việc giao-thiệp với Liệt-cường Tây-phương từ Nha-phiến chiến-tranh, ta đều thấy Lý-hồng-Chương ra tay chèo chống về mặt ngoại-giao, trọng sự. Vậy có thể *Việt-Nam sử-lược* đã lầm.

ai hết nên Lespès cho viên Trung-tá này đi nói chuyện với các chính khách Tàu.

Sau hai ngày thảo-luận Hải-quân Trung-tá Fournier và Lãnh sự Pháp ở Thiên-tân là Flandin cùng Lý-hồng-Chương đại-diện chánh-phủ Bắc-kinh ký một hiệp-ước gồm 5 khoản chính-yếu dưới đây vào ngày 18-4 năm Giáp-thân tức 11-5-1884 :

1.— Nước Pháp cam kết kính nể và bảo hộ biên-thùy phía Nam của Trung-quốc, chống với mọi sự xâm lăng bất-kỳ lúc nào.

2.— Do nước Pháp bảo-đảm chắc chắc tình hòa-hiếu lân bang, sự vẹn toàn và sự yên ổn bờ cõi của Trung-quốc nên Thiên-quốc chịu : a) Rút quân ra khỏi Bắc-kỳ b) Kính nể các hiệp-ước đã ký và sẽ ký giữa nước Pháp và Việt-Nam từ ngày nay trở đi.

3.— Để đền đáp thái-độ thuần-nhã của Chánh phủ thiên-triều và tấm lòng ái quốc cùng sự khôn ngoan của ông Lý-hồng-Chương nước Pháp không đòi binh-phí. Bù lại người Tàu chịu để nước Nam và nước Pháp trao đổi hàng hóa với nước Tàu trên các vùng giáp giới nước Tàu về mạn Bắc-kỳ. Sự giao-thương sẽ có lập hiệp-ước để qui-định thể-lệ giữa đôi bên theo tinh thần hữu-nghị và theo các điều-kiện có thể có ích cho việc thương-mãi Pháp được bao nhiêu hay bấy nhiêu.

4.— Hòa-ước này sẽ hủy bỏ các hiệp-ước đã có ký-kết giữa hai nước Trung-Việt về việc Bắc-kỳ. Nước Pháp cam kết sẽ không dùng một danh từ nào có thể tổn hại đến thể-diện của Thiên-triều.

5.— Sau khi ký xong Hiệp-ước này ba tháng, hai chánh-phủ sẽ cử những nhà ngoại-giao họp nhau lại nghiên-cứu một hòa-ước vĩnh viễn lấy bốn điều chính trên đây làm căn-bản.

Ý chánh của Hòa-ước Thiên-tân như ta thấy chỉ có mục-đích về phần Trung-quốc là được rời khỏi chiến trường mà không mang tiếng là kẻ chiến bại, về phía Pháp chỉ cốt trục-xuất quân đội của nhà Thanh ra khỏi Bắc-kỳ và buộc Thanh-triều từ nay cắt hết mọi liên-lạc với nước Việt-Nam. Tóm lại Pháp đã thắng cả trận giặc ngoại-giao nữa đối với ta cũng như đối với Tàu. Sức mạnh của quân-đội, phải chăng là điều-kiện chính-yếu cho việc ngoại-giao ?

Nếu Hòa-ước Fournier là một bước tiến của Pháp đối với Tàu thì nó cũng là những nhát búa cuối cùng vào nền độc lập của người

Việt. Bên kia trời Âu chánh-phủ Pháp liền nhân cơ-hội Việt-Nam mất chỗ dựa và đang mệt nhoài sau mấy năm chiến tranh liền cho sửa lại Hòa-ước Harmand (Hòa-ước Quí-mùi ký ngày 23-7) Các nhà chánh-trị ở Paris trước đây đã tiếp nhận được lời kêu nài của Nam-triều rằng Hòa-ước Harmand quá nặng-nề, Nam-triều chịu không nổi. Quả vậy theo Hòa-ước này Nam-triều chỉ còn làm chủ và làm một thứ chủ ông chết đói của mấy tỉnh nghèo nàn xương-xẩu ở phần giữa giải Hoành-sơn : về phía Nam, Thực-dân Pháp cắt mất Bình-thuận, vậy chỉ còn đất từ Khánh-hòa đổ ra ; phía Bắc Trung-kỳ bị xén mất ba tỉnh Thanh-hóa, Nghệ-an và Hà-tĩnh. Mất hết phần huyết-mạch mầu mỡ, Nam-triều có thể sẽ sài-đẹn mà chết mòn dần. Pháp nghĩ rằng muốn sao thì toàn cõi Việt-Nam từ nay cũng thuộc chủ-quyền Pháp cần gì phải hẹp-hòi trên mặt giấy tờ ? Nước Việt-Nam mất chính-quyền Việt-Nam là bọn nô-lệ, bọn bù-nhìn, sự sống chết của toàn dân họ ở trong tay mình, kéo dài sự bất hòa chỉ có bất lợi mà thôi và sẽ làm trì-trệ công cuộc bình-định. Nay đã hòa với Tàu rồi thì chấm dứt ngay chiến-tranh ở Việt-Nam cho xong. Xét ra Tàu giàu lòng tự-ái mà Việt cố nài thêm vài tỉnh do bọn Harmand già tay nặn bóp cũng mong ít thương tổn lòng tự-ái thì có nhượng bộ trên văn-từ đế-quốc Pháp vẫn không mất gì trên thực-tế. Ngoài ra trước cuộc điều-đình Trung-Pháp vài tháng đã xảy ra một chuyện đáng buồn cho Việt Nam như sau :

Các nhà chánh-trị của Thuận-hóa đã phái ông Phạm-thận-Duật Thượng-thư Bộ-hình qua Quảng-đông van nài Bắc-kinh nghĩ đến tình xưa nghĩa cũ (1) mà giúp đỡ nước Nam. Hình như lần này Thuận-hóa chỉ xin giúp vũ-khí mà thôi.

Ông Duật đi sứ chuyến này là một chuyến đi lén, do Chiêu-thương-cuộc mang đi *(Chiêu-thương-cuộc là một cơ-quan thương-mại của Tàu có trụ-sở ở Thuận-an và Gia-hội tức là tại kinh thành Huế)* Trước nhất Phó-vương Quảng-Đông bắt bẻ triều-đình Huế tôn lập vua Kiến-Phúc mà không bẩm mệnh Bắc-kinh, ngoài ra còn nhạo báng và chê trách sứ ta ăn mặc luộm-thuộm (1) rồi hạ lệnh giam ông Duật mấy ngày. Sau ông Duật được tha và đi nhờ một chiếc tàu buôn của Đức mà về nước. Tàu này cập bến Qui-nhơn.

(1) Xin nhắc rằng vì ông Duật đi lén Pháp nên không dám mặc triều-phục đàng-hoàng.

Thế của Nam-triều bấy giờ quá suy-nhược, việc chống Pháp mỗi ngày càng trở nên vô vọng, vua tôi nhà Nguyễn đành nhắm mắt ký Hiệp-ước mới vào ngày mồng 6 tháng 6 cho xong.

Thủ-tướng Jules Ferry trước đây đã chấp-thuận đề-nghị của công sứ Tricou sau khi ông này được cử đến Huế gặp vua Kiến-Phúc và điều-đình sửa đổi vài điều của Hòa-ước Harmand. Nay nhân có Patenôtre Công-sứ Pháp ở Tàu ghé qua Sài-gòn, Jules Ferry phái ông ta đến Huế báo cho Nam triều biết, Paris bằng lòng thỏa mãn mấy lời yêu cầu sửa đổi Hòa-ước Harmand của Nam-triều. Trước đó ít ngày, Jules Ferry đã trình bày lên Thượng, hạ nghị-viện rằng: « Việc sát-nhập tỉnh Bình thuận vào Nam-kỳ chỉ có ích-lợi bấp-bệnh cho thuộc địa này mà thôi (*xin nhớ Nam-kỳ đã nhường hẳn cho Pháp do Hòa-ước Giáp-tuất 1874*), về kinh-tế và quân-sự tỉnh này cũng không cần thiết lắm. Xét nên nghĩ đến ích lợi mà cuộc bảo-hộ sẽ đem lại cho nước Pháp và giúp cho cuộc kinh-doanh của nước Pháp được tiến-triển, nước Nam không thể là điều có bóng mà không có hình, là một cái hư-không, phần đất còn lại của Việt-Nam phải thành một nước có đủ của cải để mà sống cho khỏi phiền-lụy đến nước Pháp. Vậy ba tỉnh Thanh-hóa, Nghệ-an, Hà-tĩnh cũng nên trả lại cho nước Nam. Xét ra ba tỉnh này có liện-hệ địa-dư, lịch-sử với Huế hơn là với Hà-nội; mỗi tỉnh là nơi phát-tích của một dòng vua, nếu đoạn-tuyệt các dây ràng buộc cổ-truyền sẽ gây thêm nhiều chuyện khó khăn về tương-lai... »

Rồi vào tháng năm, năm Giáp-thân tức Kiến-phúc nguyên-niên Patenôtre và Rheinart đến Huế, với Hộ-bộ Thượng-thư Phạm-thận-Duật và Tham-tri Công-bộ Tôn-thất-Phan làm Chánh, phó Toàn quyền lập một hiệp-ước khác. Dĩ-nhiên Hiệp-ước này phải công nhận ưu-thế của Pháp tới chỗ tuyệt-đối nếu so-sánh với nội-dung của ba hòa-ước trước (Hòa-ước nhâm-tuất, Giáp-tuất và Quí-mùi) Với hòa-ước sắp ký đây giữa bọn ông Duật với Patenôtre, nước Pháp đi xa hơn bao giờ hết trong chủ-trương nô-lệ-hóa dân tộc Việt-Nam.

Hai bên Sứ-bộ Việt-Pháp đã giành nhau nhiều hơn cả về chữ « *bảo-hộ* ». Ông Nguyễn-văn-Tường muốn đổi chữ « *bảo-hộ* » ra « *bảo-trợ* », Ông cho rằng nếu mất tỉnh Bình-thuận mà khỏi phải dùng chữ « *bảo-hộ* » vẫn còn hơn (theo lời Rheinart). Patenôtre phải đánh

diện về Paris xin ý-kiến sau Paris thuận để chữ bảo trợ (1) cho êm. Khoản Pháp đòi cho Tổng trú-sứ và lính hầu đóng ở Mang-cá cũng bàn cãi mãi mới xong. Rồi ngày 13 tháng năm Giáp-thân (6-6-1884) hòa-ước lập xong gồm 19 khoản dưới đây và được mệnh danh là Hòa-ước Patenôtre. Hiệp-ước này là hiệp-ước cuối cùng giữa Pháp và Việt-Nam đồng thời cũng là keo vật chót giữa hai dân-tộc vào cuối thế-kỷ XIX.

1.— Nước Nam nhận và chịu nước Pháp bảo-trợ; nước Pháp đại diện cho nước Nam trong các việc giao-dịch với các nước ngoài và bảo-trợ người nước Nam ở trong nước cũng như ở ngoài nước.

2.— Bộ đội Pháp được đóng thường-xuyên ở cửa Thuận-an. Nam-triều phải triệt-để hủy bỏ mọi đồn lũy phòng-thủ từ cửa Thuận-an vào kinh-đô.

3.— Nam-triều vẫn cho quan lại giữ việc cai-trị như cũ từ các tỉnh giáp-giới tỉnh Biên-hòa của Nam-kỳ cho đến phần đất giáp tỉnh Ninh-bình của Bắc-kỳ (2) trừ việc công-chánh, Thương-chánh và các việc thường mà cần sự chủ-trương duy-nhất hoặc cần kỹ-sư hay người Âu-châu.

4.— Ở các tỉnh đã qui-định trong điều 3 trên đây trừ các cửa biển Thị-Nại đã khai-thương rồi, các cửa Đà-nẵng (Quảng-nam) *Xuân-đài, Vũng lấm* (Phú-yên) *nay cũng được khai thương. Sau này nếu cần khai thương thêm để khai thác lợi ích thì hai nước sẽ hợp ý để thi hành. Nước Pháp sẽ đặt quan viên ở đây do quan Tổng-trú-sứ (Khâm-sứ) bổ-nhiệm.*

5.— Quan Tổng-trú-sứ tại kinh-đô thay mặt Chánh-phủ Cộng-hòa Pháp giữ việc ngoại-giao của nước Nam, thi-hành việc bảo-trợ cho được đứng đắn mà không can-thiệp vào nội-chánh của nước Nam qua các tỉnh đã giới-hạn trong điều 3. Quan Tổng-trú-sứ ở trong kinh thành được quyền đặt một số lính hộ-vệ. Ông được ra vào yết-kiến Vua nước Nam.

6.— Ở Bắc-kỳ, Chánh-phủ Cộng-hòa Pháp sẽ đặt các quan

---

(1) Sau này Pháp lại chính-thức tung ra chữ *bảo-hộ* khi bọn ông Tường và Thuyết đã bị loại ra ngoài vòng tranh chấp Việt-Pháp.

(2) Như vậy Bắc-kỳ cũng được coi như thuộc Pháp vì triều-đình Huế cho cai-quản dân chúng từ Thanh-hóa vào tới Bình-thuận mà thôi. Chữ bảo-trợ hay bảo-hộ với Pháp sau này không khác gì chữ thuộc-địa bởi Pháp nắm hết chủ quyền từ Nam ra Bắc.

Trú-sứ và Phó Trú-sứ (sau gọi là Chánh phó-sứ) ở các tỉnh lỵ nào xét cần. Các ông này sẽ tùy thuộc quan Tổng-trú-sứ Pháp ở Kinh. Các ông được cư-ngụ ngay bên dinh của các quan tỉnh và có một toán lính Pháp hay Nam bảo vệ.

7.— Các quan Trú-sứ Pháp ở các tỉnh Bắc-kỳ không được dự vào các chi-tiết các việc dân-chính, chỉ được quyền kiểm-soát còn việc cai-trị phải dành cho các quan Việt-Nam. Nhưng quan Trú-sứ Pháp có quyền xin cách chức viên nào thì triều-đình phải chịu (1)

8.— Các quan viên Pháp có liên hệ công-vụ với các quan Nam phải do quan Trú-sứ đề-đạt.

9.— Nước Pháp đặt dây điện-báo từ Sài-gòn ra Hà-nội. Một phần tiền thuê sẽ trích giao cho Nam-triều. Để bù lại, nước Nam phải nhượng đất là trạm xá cho sở điện-báo.

10 — Những ngoại-nhân cư-trú ở nước Nam (2) và xứ Bắc-kỳ đều thuộc Tòa-án Pháp xử ? Công-dân Việt-Nam có việc kiện-tụng với người ngoại-quốc cũng phải theo như trên.

11.— Trong các tỉnh nước Nam (Trung-kỳ) chỉ có quan Bố-chánh coi việc thu thuế cho triều-đình. Tại Bắc-kỳ quan Bố-chánh hiệp với quan Trú-sứ xem xét các việc thuế, phân-định các hạng và lo liệu việc chi thu và xử-dụng ; Quan Pháp và quan Nam sẽ lập một Hội-đồng để qui định việc chi tiêu hàng năm cho các cơ-sở nhà-nước còn bao nhiêu nộp lại cho triều-đình.

12.— Trong khắp nước Nam, việc quan-thuế sẽ hoàn-toàn giao cho quan cai-trị Pháp : sở quan-thuế sẽ đặt ở nơi gần bờ biển hay vùng biên-giới, còn về phương-pháp mà các vô quan Pháp đã áp-dụng trong việc quan-thuế thì nay nước Nam không được sửa đổi nữa

Trong các sở quan-thuế ở nước Nam và ở Bắc-kỳ, các điều-lệ và ngạch-thuế (thuế chính-ngạch và ngoại-ngạch), điều lệ cấm thuyền vào bến khi có dịch-khí phải theo như các sở quan-thuế Nam-kỳ.

13.— Trong các cửa biển đã khai thương ở nước Nam và ở Bắc

---

(1) Sau này vào thực-tế, Công sứ cách chức các quan người Nam chỉ cần gửi đề-nghị về phủ Thống-sứ Bắc-kỳ mà thôi, Triều-đình Huế không được can-thiệp và dự biết.

(2) Nước Nam đây tức là xứ Trung-kỳ.

kỳ dân Pháp hay dân có Pháp-tịch được quyền tự-do đi lại, mua bán động sản và bất động-sản và xử-dụng.

14.— Hoàng-đế nước Nam xác-nhận chắc chắn việc đảm-bảo cho các giáo-sĩ, giáo-dân theo các điều đã ghi trong hòa ước ngày 15-3-1874. Người ngoại-quốc muốn lưu thông trong nước Nam phải có giấy phép của quan Tổng-trú-sứ ở Kinh hay của quan Thống-đốc Nam-kỳ. Giấy thông-hành này phải trình quan Nam chiếu-khán.

15.— Nước Pháp cam-kết giữ toàn vẹn lĩnh-thổ Việt-Nam trong dẹp yên các mối loạn, ngoài trừ xâm-lăng. Như vậy nước Pháp được quyền đóng quân đội ở bất cứ nơi nào trên nước Nam và Bắc-kỳ xét cần để thi hành việc bảo-trợ.

16.— Ngoài các sự hạn chế do Hòa-ước này nêu ra, Hoàng-đế nước Nam tiếp-tục quản trị nước mình như cũ.

17.— Về món nợ nước Nam còn thiếu của nước Pháp, sẽ xét định cách thức trả lại sau. Ngoài ra nếu Chánh-phủ Pháp không bằng lòng thì Hoàng-đế nước Nam không được vay mượn nước ngoài.

18.— Các đại diện Việt-Pháp sẽ hội-nghị để định giới-hạn các cửa biển khai thương và đất đai nhường cho Pháp ở mỗi nơi ấy, sẽ định nơi đặt hải-đăng bên bờ biển nước Nam và xứ Bắc-kỳ, chế-độ khai thác các mỏ, chế độ tiền-tệ, số tiền trích-giao cho Nam-triều trong số quan-thuế thu-hoạch được hàng năm, thuế điện-báo và các món thu khác ngoài khoảng 11 của Hòa-ước này.

Hòa-ước này sẽ đệ lên Chánh-phủ Cộng-hòa Pháp và Chánh-phủ Việt-Nam phê duyệt rồi hỗ-giao liền.

19.— Hòa-ước này thay các điều-ước đã lập ngày 15-3 và ngày 31-8 năm 1874. Nếu có bên nào khiếu-nại về nghĩa-lý thì lấy bản chữ Pháp làm gốc để thảo-luận.

Việc ký-kết Hòa-ước Patenôtre xong-xuôi, việc bảo-trợ nước Nam do Pháp như vậy là đã thành hình về pháp-lý. Thực-dân Pháp tuyên-bố ngay rằng từ nay Việt-Nam không còn lệ-thuộc nước Tàu nữa. Như vậy Nam-triều cần nộp lại cho chánh-pnủ Pháp cái ấn phong vương của nhà Thanh. (cái ấn này bằng bạc mạ vàng vuông mỗi bề 11 phân tây, nặng 5ký 900. trên có tay nắm có hình con Kỳ-lân trong khắc 6 chữ « *Việt-Nan quốc vương chi ấn* », Chiếc ấn này có từ đời

Gia-long lên ngôi do nhà Thanh trao cho nhà vua vào năm 1803. Việc thu cái ấn này do bọn thông-ngôn ở bên Bộ ngoại-giao Pháp nêu ra theo ý nước Nam không còn thần-thuộc nước Tàu thì phải hủy bỏ mọi dấu hiệu của sự liên-hệ với Bắc-triều.

Trước khi các đại-diện Việt, Pháp hạ bút ký ở phòng khách trên lầu tòa Khâm, người ta cho đặt cái bể thợ rào nấu chảy ra thành một cục bạc sau khi đóng mấy bản cuối cùng cất đi làm kỷ-niệm ; việc ký Hòa-ước Giáp-thân và hủy ấn được thi hành công-khai và long-trọng. Rồi nhân dịp này các đại-diện trao tặng-phẩm của mỗi nước. Pháp tặng Nam-triều đồ thêu, lụa, dạ, kính đeo mắt, máy hát, rượu vang v.v... Vua ta tặng lụa, bội-tinh vàng và bạc, ngà voi, đồ khảm, gươm và thêm vào một số thoi bạc trị giá 2000 quan để cho quân lính và bò, heo dê, gà, vịt. Rheinart ở lại Huế làm Khâm-sứ (Tổng-Trú sứ).

Để phê-bình nội-dung và sự thực-thi Hòa-ước Patenôtre, tác-giả *Việt-Nam Pháp thuộc sử* viết : Hòa-ước bảo-hộ được thi hành cho tới 1945. Xem lại, chúng ta thấy rằng ta mới chỉ mất quyền ngoại-giao mà thôi, còn quyền nội-trị, quyền binh-bị vẫn còn nguyên vẹn. Thế mà sau đó một thời gian, đặt một chức Lý-trưởng cũng phải do quan Sứ ưng-thuận và cấp bằng, binh lính thì để kéo xe hay hầu hạ các quan và nhiều kẻ chưa hề biết khẩu súng là gì. Như vậy thì « *người* » hệ-trọng hơn Hòa-ước và đó là một bài học rất quý báu cho chúng ta ngày nay...

« Hiệp-ước Fournier tách nước Tàu ra khỏi vòng quan-hệ với nước Nam, Hòa-ước này công-nhận rõ ràng nước Pháp là chủ-nhân ông duy nhất ở nước ta, không còn chối cãi gì được nữa... »

Việt-Nam sử-lược bình-luận Hòa-ước Patenôtre như sau : Hòa-ước ký năm Giáp-thân (1884) là Hòa-ước của triều-đình Huế ký với nước Pháp công-nhận cuộc bảo-hộ của Pháp và chia nước ta làm hai khu-vực là Trung-kỳ và Bắc-kỳ. Tuy hai kỳ cũng thuộc quyền bảo-hộ của nước Pháp, nhưng mỗi nơi có một cách cai-trị khác. Về sau dần dần Hòa-ước năm 1884 cũng mất cả ý nghĩa và thực-quyền về chánh-phủ bảo-hộ hết cả. Triều-đình ở Huế chỉ giữ cái hư-vị mà thôi. Nước Việt-Nam trước kia, từ Nam chí Bắc là một, có cái tính cách duy-nhất hơn cả các nước. Văn-hóa, lịch-sử, phong-tục, ngôn ngữ đều là một cả mà nay thành ra ba xứ Nam-kỳ, Trung-kỳ và Bắc-kỳ mỗi kỳ có

một chánh-sách riêng, luật-lệ riêng như ba nước vậy : Thậm chí lúc đầu người kỳ này đi sang kỳ kia phải xin giấy thông-hành đi mới được. Kỳ nghĩa là xứ, là khu trong một nước, chứ không có nghĩa là nước. Một nước mà tam phân ngũ liệt ra như thế là một mối đau lòng cho người Việt-Nam là dân đã có một lịch-sử vẻ-vang hàng mấy ngàn năm.

Về phần chúng tôi Hiệp-ước 6-6-1884 nên được gọi thẳng là một hàng ước vì xét nội-dung của nó ta thấy các điều này, khoản nọ hoàn-toàn là những mệnh-lệnh của kẻ cả, của một thắng-quốc đối với một nước chiến-bại. Do hàng-ước này Pháp nắm hết chủ quyền của Việt-Nam từ trong ra ngoài, từ chánh-trị đến kinh-tế, văn-hóa, xã-hội v. v. . . Với hàng-ước này từ nay vận-mệnh tương-lai của dân ta hoàn-toàn ở trong tay Pháp.

Về văn-từ của Hiệp-ước Giáp-thân chúng ta nên khen chánh-phủ thực-dân Pháp đã rất khôn ngoan bởi khéo khai-thác điểm tâm-lý trong đầu óc người Việt-Nam qua chữ « *bảo-trợ* » ở đây cũng như ở Tunisie đã thành thuộc-quốc của Pháp trước đó không lâu.

Họ biết rằng nếu tuyên-bố toàn-bộ Việt-Nam từ nay là thuộc-địa của Pháp thì người Việt-Nam bị đẩy đến chỗ tuyệt-vọng hoàn-toàn, việc nô-lệ-hóa dân ta sẽ áp-dụng đến chỗ tuyệt-đối thì một dân-tộc có ngót bốn ngàn năm lịch-sử đã tranh đấu chống ngoại-xâm cả trăm ngàn lần đầu chịu buông gươm hạ dáo ngay được. Vậy lấy dứt một phần ba (xứ Nam-kỳ) mà còn để lại cho Nam-triều hai phần ba thì việc giải-hòa mới dễ thành-tựu Chữ « *bảo-trợ* » nghe nhẹ-nhàng và lại có vẻ nhân nghĩa là nước lớn bảo-vệ nước nhỏ thì không làm cho người Việt quá sợ và quá thất-vọng, nhiên-hậu lập-trường chánh-trị của đôi bên dễ đi đến cho dung-hợp được với nhau. Chữ bảo-trợ đưa lại một viễn-ảnh độc-lập, tự-trị là một chất đường để làm người ta quên cái cay đắng của liều độc-dược, do đó mà người Việt dễ bị lầm, những người ở trong phe kháng-chiến cũng như phe chủ-hòa hay những người còn đang dè-dặt, đã đành một số lĩnh-tụ đời bấy giờ cương-quyết chống-dịch tới cùng vì đã hiểu rõ Pháp thực-dân xảo-trá trăm đường và trò vè gì của Pháp cũng không ngoài sự lừa gạt. Phải nên nhận rằng lối chơi chữ trong hòa-ước Patenôtre cũng đã thu lượm được khá nhiều kết-quả cho Pháp cũng như giúp cho bọn tay sai của họ tuyên-truyền được dễ dàng để dịu-lòng công phẫn của nhân-dân ta. Rồi khi khói lửa đã yên, kháng-

chiến Việt-Nam tan rã. Pháp bố-trí quân-đội khắp mọi nơi xong thì hai chữ « *bảo-trợ* » hay « *bảo-hộ* » hay « *thuộc-địa* » trên thực-tế có khác gì nhau ? Tóm lại trước Hòa-ước này người Việt-Nam dù vẫn tỉnh-táo, nhưng vì trên hai chục năm chiến tranh dòng-dã bị quá kiệt-quệ (1859-1884) nên đành phải ngậm bồ-hòn làm ngọt nhưng vẫn không bao giờ bỏ qua những cơ-hội thuận tiện để vùng vẫy khỏi ách đế-quốc và nuôi dưỡng chí-khí, nhờ vậy sau này năm mười năm thường lại có những cuộc đấu tranh lẻ-tẻ, những cuộc cách-mạng chống đế-quốc thực-dân Pháp dưới nhiều hình-thức, cho tới khi người Pháp phải cuốn gói lên đường hẳn (1954).

Sau việc ký-kết giữa Fournier và Lý-hồng-Chương ta thấy có bức công-điện dưới đây của Trung-tá Fournier gửi cho Trung-tướng Millot và Đô-đốc Courbet ở Bắc-kỳ bấy giờ như sau :

Thiên-Tân, ngày 17-5-1884

« *Sau một thời-hạn hai chục ngày, tức là vào ngày 6-6 quý-vị có thể đem quân đến chiếm đóng Lạng-sơn, Thất-khê, và tất cả mọi căn-cứ miền Bắc giáp-giới biên-thùy Quảng-Đông và Quảng-Tây. Cũng vào thời hạn này, quý-vị có thể đặt các vị-trí Hải-quân ở khắp bờ biển Bắc-kỳ.*

Sau một thời hạn bốn chục ngày, tức là vào 26-6, quý-vị có thể đến đóng ở Lao cai và các vị-trí của Bắc-kỳ giáp-giới Vân-nam. Tôi đã cáo-tri cho Tổng-đốc Vân-nam rằng nếu quá hạn đó quý-vị có thể trục-xuất nhẹ-nhàng các đạo-binh Tàu nào còn trì-trệ trên lãnh thổ Bắc-kỳ.

Fournier

Mặc dầu việc ký Hiệp-ước Thiên-tân đã xong từ ngày 11-5-1884 (tức là ngày 17-4 Quang-Tự năm thứ 10 Giáp-thân) và Hiệp-ước này là Hiệp-ước thứ nhất để giải hòa cuộc xung-đột Hoa-Pháp trên đất Việt, chánh-phủ Paris nhường vẫn chưa yên lòng lắm nếu ta coi lời báo cáo ngày 20-5-1884 của Thủ-tướng Jules Ferry trước Thượng Hạ nghị-viện về Hiệp-ước Thiên-tân : « Quý-vị vừa giải tán thì quân ta vừa chiếm xong thành Hưng-hóa, chấm dứt được chiến-dịch Sơn-tây và Bắc-ninh. Từ nay chiến-dịch này ghi mãi mãi những kỷ-niệm oai-hùng của bộ-đội viễn-chinh. Các cuộc hành quân của chúng ta như thế là kết-liễu : giờ phút này có thể nói rằng chúng ta là chủ xứ Bắc-kỳ.

Tuy vậy về phương-diện ngoại-giao, tình-thế còn tối mò. Những

việc giao-thiệp với Bắc-kinh trên đất Tàu còn thưa-thớt và chưa hết gay-go. Tại Paris từ ngày Sứ-thần Tăng-kỷ-Trạch qua Anh cũng không có hoạt-động gì về việc này tuy chưa có sự chính-thức đình-chỉ. Tại Bắc-kinh đang có sự bất đồng và tranh giành giữa hai phe chủ hòa và chủ chiến (*Pháp gọi phe chủ-chiến là bọn ưa phiêu-lưu*). Phe chủ-chiến có thể thắng đấy.

Ngày 29-4 Đô-đốc Lespès tới Thượng-hải với hạm-đội của ông được báo cáo rằng viên Tổng-đốc Trực-lệ (Lý-hồng-Chương) vừa vận-động được việc triệu-hồi Bá-tước Tăng-kỷ-Trạch về nước để đem lại sự hài lòng đầu tiên cho nước Pháp sau khi đã ký Hiệp-ước. Họ Lý đã mời Trung-tá Fournier lên Thiên-tân. Đôi bên là chỗ cố-tri, họ đã thảo-luận với nhau về tình hình Bắc-kỳ và đã đặt xong nền móng cho một Sơ-ước gồm 5 điều như ta đã thấy. Trung-tá Fournier đã xin cho đầy đủ thẩm-quyền để lập cuộc hòa-giải. Tàu đã nhượng bộ cho chúng ta một cách khả-quan chỉ cầu sao cho khỏi phải nộp bồi-khoản chiến-tranh. Giờ đây chúng tôi đã cho Trung-tá Fournier đầy đủ quyền hành miễn sao đoạn chắc lấy được sự phê chuẩn của Chánh-phủ Tàu trước hết đã... »

Chúng ta có thể tin chắc chắn rằng lời báo-cáo của Thủ-tướng Jules Ferry đã làm cho toàn thể chánh-phủ và nhân-dân Pháp vui lòng nhưng rồi Hiệp-ước Fournier thất bại, Bắc-kinh và Paris lại xô nhau ra chiến-trường một giai đoạn nữa cho tới lần ký Hiệp-ước Thiên-Tân thứ hai mới yên. Vì đâu ?

Về việc chánh-phủ Bắc-kinh đã ký Hòa-ước rồi lại trở dáo có nhiều mối dư-luận khác nhau. Như trên ta thấy rõ Bắc-kinh đâu vì thương-xót nước chư-hầu Việt-Nam mà tiếp-tục chiến-tranh. Nước Tàu đổ máu ở Việt-Nam thực ra chỉ là do sự tranh giành một miếng mồi ngon và một phần do vấn-đề danh-dự của xứ-sở họ bởi đâu sao Quốc-tế bấy giờ đều hiểu Việt-Nam là một xứ lệ-thuộc của Trung-quốc. Nay để một nước xa-xôi đến giật miếng mồi này chẳng là một sự nhục-nhã cho « Thiên-quốc » lắm ru ?.. Nhân đây ta nên thử xét rộng ra nữa. lúc đó Việt-Nam đã quá suy bại, nếu Tàu chia xẻ hay giành hết được Trung, Bắc-kỳ lần này thì chế-độ chánh-trị có còn như cũ chăng? Họ có tái-lập chánh-sách Minh-thuộc, Hán-thuộc v. v... xưa kia không ? Theo chúng tôi điều này sẽ như vậy...

Một việc khác nữa không hay đã xảy cũng làm cho phe chủ-chiến

tại Thanh-đình thêm lý-do tái-chiến với Pháp dù là một lý-do nhỏ, đó là việc người Pháp phá-hủy cái ấn phong vương của nhà Thanh cấp cho vua Việt-Nam trước khi ký Hòa-ước Patenôtre tại Huế. Tin này đến tai Tổng-lý nha-môn làm cho Thanh-đình uất-ức vô cùng cho rằng Pháp đã cam-kết trong Hiệp-ước Thiên-Tân là xin giữ gìn thể-diện cho « Thiên-quốc » *(Empire céleste)* mà lại có cử-chỉ trái ngược như vậy. Thanh-đình liền đánh điện tố cáo Pháp với các đại-diện ngoại-giao của Liệt-cường ở Bắc-kinh và ra lệnh cho các tướng lãnh của mình ở Bắc-kỳ tiếp-tục đánh Pháp.

Vì việc này hết sức quan-trọng đối với chánh-phủ Tàu nên tuy Lý-hồng-Chương lĩnh-tụ phe chủ-hòa đã ký xong Hòa-ước Thiên-tân mà tới khi Hiệp-ước đệ lên triều-đình và Tây thái-hậu đề phê-chuẩn một chuyện bất ngờ đã xảy ra : người ta lại cương quyết đánh đổ Hiệp-ước vừa ráo mực đó. Xin nhắc rằng vào đầu tháng 4-1884 trong khi Lý đại-thần và Fournier đang mở cuộc điều-đình thì giữa Thanh-đình phe chủ-hòa và phe chủ chiến đã vật lộn với nhau rất là kịch-liệt. Viên tổng-lý nha môn, Hoàng-thân *Kong* giữ nhiệm-vụ ngoại-giao bị lật, Hoàng-thân *Li* lên thay. Rồi người ta thấy chánh-phủ Paris vội-vã nhận sơ-ước 11-5-1884 cho rằng đó là một điểm yếu của Paris, lại nữa một Điều-ước do một sĩ-quan cấp nhỏ như cấp của Fournier (Trung-tá) một nhân-vật ngoại-giao ngẫu-nhiên cũng chẳng có nghĩa-lý là bao nhiêu, đã thế nội-dung của Điều-ước lại dịch ra vội-vã và không sát ý, luận điệu về phía chánh-phủ Tàu lại có phần mập-mờ. Rồi về phía Fournier, ông này đánh điện cho Trung-tướng Millot chia quân đi tiếp thu miền Việt-Bắc, còn Bắc-kinh lại không hạ lệnh cho quân đội rút lui, có chỉ-thị gì chăng và chỉ-thị ấy thế nào ai mà biết được trừ phi ta tìm thấy giấy tờ gì ở văn-khố của Tàu ở Bắc-kinh để có một ý-niệm về trách nhiệm của Tàu. Đó là ý-kiến của Taboulet, tác-giả cuốn *La geste française en Indochine*. Còn tướng Millot tưởng Bắc-kinh thi hành Điều-ước một cách chân thành theo hạn-định nên chỉ phái một bộ đội ít ỏi do Trung-tá Dugenne dẫn đầu theo đường quan-lộ tiến lên Lạng-sơn.

Đạo quân của Dugenne gồm có 2 đại-đội Thủy-quân lục chiến, một đại-đội khinh-binh da-đen, ba đại-đội lính tập, 150 phụ-lực quân thuộc đại-đội pháo-thủ 11 và 12, một phân-đội truyền-tin, một phân-đội công-binh và 1000 phu vận-tải. Viên chỉ-huy-trưởng (Dugenne) mới bị thương cách đó ba tháng vừa khỏi, tay còn phải buộc đeo lên vai.

CHƯƠNG IX

HÒA-ƯỚC THIÊN-TÂN THẤT-BẠI HOA-PHÁP TÁI-CHIẾN

Pháp quân đại-bại ở Bắc-lệ

Bấy giờ từ Bắc-giang lên tới Lạng-sơn tàn quân của Tàu và của ta ở các tỉnh Hưng-hóa, Tuyên-quang, Sơn-tây đã rút về đang đóng đầy. Quân ta và Tàu lúc này còn ở trong vòng nghe ngóng vì có lệnh của Thanh-đình phải lặng im để coi việc nghị-hòa ra sao. Một vài sự-kiện đáng lưu-ý lúc này là :

Sau vụ thất bại ở Bắc-kỳ, Thanh-đình đã trị tội các tướng tá của mình và sai Phan-đình-Tân đương-kim Tuần-phủ Quảng-tây chỉ-huy cuộc chiến-đấu. Tháng tư năm Giáp-Thân, Tàu kéo quân ra cửa quan họp với Tổng-đốc Vân-Quí là Sầm-dục-Anh rồi phái Bố-chánh Vương-đức-Bảng, Phương-hữu-Thăng, Huỳnh-nguyện-Xuân đem 17 doanh-quân đóng ở Nam-quan, Lạng-quan và Quan-âm liên-lạc với các quan của ta là nguyên Tuần-phủ Lạng-sơn Lã-xuân-Oai, nguyên Tán-tướng Nguyễn-thiện-Thuật, Đề-đốc Tạ-Hiện, Ngự-sử Phạm-huy-Quang đang có mặt ở Lạng-sơn để cùng kháng Pháp.

Tiền-đồn của Pháp khi ấy là Phủ-lạng-Thương trên con đường đi Lạng-sơn. Quân của Dugenne đã mất hai ngày mới tới được tỉnh này, dưới ánh nắng gay-gắt của mặt trời mùa hạ xứ Bắc. Thấy quân lính mỏi-mệt quá, Dugenne phải cho nghỉ 4 ngày rồi mới tiến lên thành Lạng. Họ lên đường vào 12-6 mang theo 45 ngày lương. Ngày đầu họ đi không quá được 8 cây số qua những khúc đường mà chưa hề có ai qua lại bao giờ. Chỗ nào cũng ngập nước và bùn lên tới đầu gối, cây cỏ che kín đầu người.

...Ngày 19-6 họ lại đi từ 3 giờ rưỡi sáng. Đến 8 giờ trời nóng

quá không thể lê bước được phải ghé vào làng Bắc-lệ. Mưa lại đổ xuống luôn mấy ngày khi họ tới Cao-sơn. Liền trong 3 ngày quân Pháp phải ngừng trước một khúc của con sông Thương. Ngày 23-6 họ phải lội qua sông, nước lên tới ngang thắt lưng. Nhưng vừa đặt chân được lên bờ bên kia thì cách 250 thước, trên một ngọn đồi quân ta và Tàu bắn vào họ. Đến 9 giờ thì một nhân viên ngoại-giao của bên Tàu mặc áo xanh, không đem võ-khí nhưng mang một bức thư buộc trên đầu một cành tre đến gặp Pháp Rồi người ta dẫn phái-viên đó đến trước Dugenne. Một nho-sinh đi theo quân đội để làm thông-ngôn bập-bẹ đọc, rút cục phải thú nhận chẳng hiểu gì cả. Một tên phu đứng gần đây nói có thể đọc được giấy của quan Tàu cũng được coi bức thư rồi cũng chẳng dịch được ra thế nào hết. Sau viên nho-sinh cho rằng người Tàu có ý-chí hòa-bình họ đã biết có việc ký kết ở Thiên-Tân nhưng họ cần 10 ngày để rút quân. Lại một phái-viên tự xưng là của Tổng-đốc Quảng-tây tới yêu cầu Pháp khoan hạn cho 10 tiếng đồng hồ để thương-thảo với tướng Pháp. Y còn nói sẽ đưa viên tư-lệnh quân-đội Tàu tới bản-doanh Pháp nhưng vì viên tư-lệnh đang đóng ở xa phải mất 4 tiếng mới tới được. Đề nghị này cũng được Dugenne bằng lòng. Vào hồi 2 giờ rưỡi lính Pháp thấy hai kỵ-sĩ mặc y-phục bằng lụa xanh rất đẹp phóng tới và cả viên Tư-lệnh. Hai người này muốn tới bản-doanh Pháp nhưng viên Tư-lệnh Tàu đứng lùi lại tuyên-bố rằng y không thể bước qua ranh-giới tỉnh Lạng-sơn. Rồi bọn họ từ quan đến lính bàn tán ồn ào về vấn-đề này ; Người thông-ngôn không còn nghe ra thế nào nữa. Sau đó phái-viên của Tổng-đốc Quảng-tây nói : Tư-lệnh chịu tới gặp tướng Pháp nhưng phải về thay quần áo cho hợp thể-thức. Mấy phút sau cả bọn rút và từ đó không trở lại nữa.

Lúc này Pháp cần có một sự dứt khoát bởi tối đến nơi nơi, dĩ-nhiên họ không thể đóng quân trên bờ sông e bị tấn công, mà lùi lại cũng hết sức khó khăn. Vậy dù muốn hay không Pháp-quân phải tiến lên đóng ở một vị-trí nào. Rồi phái-viên Tàu đến từ buổi sáng và đợi ở nơi đồn trú của Pháp được Dugenne sai mang bức thư cho viên Tư-lệnh Tàu để báo tin sau đó một giờ Pháp sẽ tiến quân. . .

Trong khi chờ đợi, tiền-đạo của Pháp kéo lên một nơi gần khe núi thì bị quân Tàu bắn ra từ các lùm cây rậm-rạp, cỏ cao ngập đầu. Đám lính tập bỏ chạy — Dugenne cố tập hợp quân-đội tìm cách đối phó. Vào

khoảng 5 giờ rưỡi đạn của Tàu bắn ra như mưa rào gây khủng-hoảng dữ dội trong đám lao-công... Vị-trí của Tàu lại rất vững chãi, kín đáo. Quân Pháp cố gắng rút về bên kia sông Thương. Đêm tối, súng im bặt. Pháp phải đào hố và đặt trạm cứu thương. Vào 11 giờ, mưa to lại đổ xuống, cho tới sáng mặt trận được yên tĩnh.

Ngày hôm sau (26-6) tình-trạng của Pháp quân bi-đát hơn. Tám ngàn quân Tàu vây kín quân Pháp. Đại tá Dugenne thấy nguy quá ra lệnh chiến đấu mãnh liệt hơn nhưng rồi phải hô mở một đường máu để rút lui. Quân Tàu nấp trên các hang, các khe, các bụi rậm bắn xuống đoàn quân Pháp đang ôm đầu chạy không rồi. Đến 5 giờ chiều họ mới vượt sông về tới Bắc-lệ. Sau trận này Pháp bị thiệt: 28 sĩ-quan và lính tử-trận, 46 tên bị-thương, phu-phen hoặc bỏ mạng trên chiến trường hoặc vùi xác dưới lòng sông, ngựa lừa thất tán không biết bao nhiêu mà kể. Ở Bắc-Kỳ lúc này Tán-tướng Huỳnh-đình-Kinh (Người Nam lĩnh bằng cấp của Tàu) cũng cầm quân nghĩa dũng đánh vào Pháp-quân giết được hai sĩ-quan và nhiều binh sĩ.

Tin Pháp bị đại bại ở Bắc-lệ làm cho Paris rất tức giận. Thủ-tướng Jules Ferry đánh điện cho Công-sứ Patenôtre ở Bắc-kinh đòi Chánh-phủ Tàu bồi-thường 250 triệu tiền chiến-phí và rút quân về nước. Dĩ-nhiên lời kháng-nghị của Pháp chẳng đem lại kết-quả nào bởi Thanh-đình vẫn tiếp-tục chiến tranh.

Pháp - quân đánh Phúc - châu, Đài-loan và Bành-hồ

Ngày 22-8-1884 Trung-tướng Đô-đốc Courbet nhận được điện-văn của Paris cho đánh vào đất Tàu. Từ một tháng nay ông ta nóng ruột chờ đợi lệnh này. Bấy giờ hạm đội của Pháp gồm chiếc *Volta* là Soái-hạm, *Dugay Trouin*, *Villiers*, *d'Estaing*, *Lynx* đến đậu ở Phúc-châu và Cơ-long. Xin nhắc từ đầu 1884 Đô-đốc Courbet có phận sự tuần tiễu ngoài Nam-hải phòng ngoại-quốc tiếp-tế vũ-khí, đạn-dược cho chánh-quyền Việt-Nam ngoài việc mở cuộc hành-quân trong nội-địa để tiêu-diệt quân-lực của Hoàng-tá-Viêm và Lưu-vĩnh-Phúc. Nhưng sau trận Bắc-lệ, y được chỉ-thị đánh vào đất Tàu do đó các hạm-đội của y được tăng-cường để kéo lên miền Bắc. Hạm-đội này gồm có 40 tàu chiến vừa lớn vừa nhỏ trong có 4 thiết-giáp hạm, 14 tuần-dương hạm, 7 pháo-hạm, 4 phóng-ngư-lôi hạm, 3 tàu vận-tải, hai tàu chở than. Để ủng-hộ điều yêu-sách của Paris, y cho hạm-đội ngược con sông Mận

(Phúc-kiến) hai chục ngàn hải-lý và ngày 17-7 tới đóng tại chỗ ngoẹo của con sông này. cách tỉnh-lỵ Phúc-châu 15 cây số trước mặt 3 hạm đội của Tàu. Các hạm-đội này được đậu ở đây để bảo-vệ hải-quân công xưởng và các đơn-vị trọng-pháo Krupp của Phúc-châu gồm 11 chiến-hạm và 12 thuyền buồm lớn, 17 xuồng máy phóng ngư-lôi và một số ống phóng hỏa. Quân-đội Tàu cứ để hạm-đội Pháp vào sông Mân tự do nghĩ rằng Pháp vào thì sống nhưng ra thì chết. Courbet ở đây 5 tuần liền, nóng lòng sốt ruột vô kể nhất là y được thấy quân Tàu xốn xang tăng-cường các vị-trí. Rồi chánh-phủ Tàu khước từ các yêu-sách của Paris và Nghị-viện Pháp ngày 15 và 16-8-1884 đã biểu-quyết chấp thuận ngân-khoản mở rộng chiến-tranh để ép buộc Tàu tôn trọng Điều-ước Thiên-Tân. Ngay sau việc này Paris ra lệnh vào ngày 19-8 cho Courbet chuẩn-bị hoạt-động. Ngày 22-8, Pháp bắt đầu tấn công. Chiếc *Chateau Renaud* và *La Saône* ngược lên bến Kim-bài ngăn quân Tàu thả thủy-lôi và đánh dằm vài chục thuyền đá để ngăn lối đi của hạm-đội Pháp. Phó lãnh-sự Pháp ở Phúc-châu tìm báo cho Tổng-đốc Phúc-châu và thông tri cho các Lĩnh-sự ngoại-quốc biết sắp động-binh. Vào 1 giờ 45 phút các phóng-ngư-lôi-hạm 45 và 46 của Pháp ào đánh chiến thuyền *Fou-Po* và *Yang-Ou* của Tàu có trọng-pháo của chiếc *Volta* yểm-trợ. Cùng một lúc ba chiếc pháo-hạm *Aspic, Vipère, Lynx* xung-xát với ba chiếc pháo-hạm và thông-báo-hạm trước hải-quân công-xưởng Tàu. Chiếc *Duguay Trouin, Villiers, d'Estaning* bắn đại-bác vào các thuyền chiến cùng các ổ trọng-pháo dọc bờ sông. Thủy-quân của Tàu cũng trả lời ngay khi các hạm-đội Pháp đồng loạt khai hỏa. Đạn bay như mưa réo qua không khí liên hồi, khói bay mù-mịt. Chiếc *Yang-Ou* bị chiếc phóng ngư-lôi 46 bắn nhào cùng lúc với nhiều chiến-thuyền khác. Chiếc *Fou-Po* cũng bị đạn của chiếc phóng-ngư lôi 45 nhưng còn cố cầm-cự. Ba chiếc *Fey Yune, Tsi-Ngane, Tchen Ouët* bị bốc cháy rồi trôi theo dòng nước Chiếc *Yang Pao* và *Y-Sing* bỏ chạy thoát, nhưng cũng bị hư-hại nhiều. Tiêu-diệt xong hầu hết các chiến-thuyền của Tàu, (22 chiếc trong 25 chiếc của hạm-đội Phúc-châu) Pháp phá nốt công-binh-xưởng và các cơ-quan phòng-thủ của Bắc-Kinh tại đây vào hôm sau. Nhưng đêm 23 rạng 24-8 Pháp phải đề phòng ráo-riết, chiến thuyền Pháp phải đổi chỗ ba bốn lần để tránh các hỏa-pháo bắn tới hoặc thủy-lôi từ đầu dòng sông trôi xuống. Ngày 24 Pháp còn phải hủy nốt các thuyền buồm hay các mảnh xác tàu từ

lạch sở quan-thuế băng tới. Tổng kết : việc đánh Phúc-châu đến trưa 30-8 mới kết-liễu. Về phía Pháp số người chết là 10, số bị thương 48 trong có 8 sĩ quan. Còn quân Thanh thiệt-hại khoảng hai hay ba ngàn người.

Pháp vây đánh Đài-Loan

Ngày 1-10-1884 hồi 6 giờ sáng, đệ nhất tiểu-đoàn Pháp rời tàu *Nice* đổ bộ lên đảo Cơ-long. Hạm-đội nã trọng-pháo mãnh-liệt lên các chỏm núi chạy quanh đảo này trong phạm-vi eo biển Đài-loan. Pháp-quân phải đánh bọc hậu tức là luồn lại phía sau đảo để tránh đạn của Tàu do các đồn ở quanh sườn núi xả xuống ở đây không có đường đi, chỗ nào cũng có đá mọc lởm-chởm và cây cỏ um-tùm. Quân lính nhắm mắt mà đi dưới trời nắng, đeo vác đã nặng mà lại không nước uống. Tới buổi trưa, tức là sau 4 giờ đi liên-tiếp không ngừng, đại đội tiền-phong mới tiến tới đồn của Tàu. Chiến cuộc dai-dẳng, hai tiếng đồng hồ sau đó quân Tàu bỏ chạy. Phòng-tuyến của Tàu kéo dài 6 cây số ngàn, quân-số của Pháp có phần hơi ít. Vào 15-10 gió Đông-Bắc thổi rồi mùa đông giá lạnh mưa đổ xuống như thác. Quân Pháp mỏi-mệt, đau ốm nhiều nên một số đông chết về bệnh thời-khí, ngoài ra họ chỉ có lương khô, đồ hộp để ăn tạm trong khi phải xây đồn đắp lũy vô cùng vất-vả. Chỗ ở cũng hết sức thảm hại vì người ta phải lấy đất đắp thành tường, mái nhà làm bằng vật-liệu sơ-sài không đủ tránh mưa nắng. Nhiều binh-sĩ đã bỏ mạng vì bệnh kiết-lỵ, thổ-tả, bệnh sốt rét. Ngày 2-11 người ta phải chôn Đại-úy Marty và trong một tháng Pháp-quân ở đây mất 1/3 quân số. Nguyên nhân tổng quát là vất-vả, khổ sở quá nhiều, thiếu chất tươi và thuốc men. Đêm nào quân Tàu cũng tới quấy phá, đột-kích vào các tiền-đồn, đào xác chết của Pháp chặt lấy đầu để lĩnh thưởng (mỗi đầu là 50 lượng bạc trị-giá 350 quan bây giờ). Tuy vậy quân Pháp vẫn cố gắng thắt chặt vòng vây vào Đài-loan. Nhưng trong vụ gió mùa Đông-Bắc, sóng lớn ngăn cản việc phong-tỏa rất nhiều nên quân Tàu vẫn ra vào trong đảo được, lại nữa quân Pháp ít quá. Pháp-quân lúc này chỉ còn độ 600 người ở đây mà không hoàn-toàn khỏe-mạnh, Đô-đốc Courbet phải kêu xin viện-binh ầm-ĩ về Pháp. Vào đầu tháng chạp Paris cho hai tiểu-đoàn thuộc Quân-đoàn 19 một gồm khinh-binh Phi-châu, một gồm lính Lê-Dương. Nhờ có viện-quân đến, quân Tàu bị rẫn bớt ra xa, nhưng thời-tiết xấu quá nên cuộc hành-quân của Pháp bị trở

ngại quá nhiều. Rút cục Pháp thắng ở Phúc-châu vì Phúc-châu xa Bắc-kinh nên chẳng có ảnh-hưởng gì tốt đẹp, việc bao vây Đài-loan cũng vô hiệu vì thực lực quá đơn chiếc. Trong dịp này Courbet cho đánh luôn cả quần đảo Bành-hồ để lập thành một vị-trí chiến lược cho hải-quân. Ngày 26-3-1885 tàu *l'Annamite* chở quân Pháp đến đánh phá các đồn của đảo Mã-cương trong quần-đảo Bành-hồ vào 3 hôm sau. Chiều hôm thứ ba quân Pháp đổ bộ được lên đảo quét sạch mọi cơ-sở của Tàu ở đây, sau hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Nay tính ra thì việc chiếm đóng đảo Cơ-long chẳng có ích-lợi gì nhất là để dự liệu những công cuộc về tương-lai, nhưng việc lấy quần-đảo Bành-hồ thì rất tốt do đó Đô-đốc Courbet quyết định đóng quân vĩnh-viễn ở đây, y cho các sĩ-quan nghiên-cứu việc xây dựng và việc bảo-vệ quần-đảo này. Nhưng vào tháng sau Courbet chết ở Đài-loan giữa khi y đang hăng hái gỡ nước cờ bí cho nước Pháp lúc này ở Viễn-đông.

Pháp bị vây ở Tuyên, rút ở Lạng

Ngày 8-9-1884 Trung-tướng Millot bị đau và xin nghỉ. Tướng Brière de l'Isle lên thay. Quyền chánh-trị tại Trung, Bắc-kỳ bấy giờ ở tay Lemaire được bổ-nhậm vào chức-vụ Khâm-sứ tại Huế để kế tiếp Rheinart do công điện ngày 30-8-1884. (*Lemaire trước đó làm Tổng Lãnh-sự ở Thượng hải*).

Vào đầu tháng 10-1884 Thanh-đình ra lệnh cho một đạo quân từ Quảng-tây kéo sang miền Đông-Bắc Việt-Nam. Ngày 8-10-1884, quân Tàu bị đẩy lui và tan vỡ ở Kép (Bắc-giang) do quân của Tướng Négrier và họ thua cả ở Chũ (cũng thuộc Bắc-giang) ngày 11-10 do quân của Đại-tá Dominé. Một đạo quân Tàu khác từ Vân-nam chuyển xuống bằng đường sông Nhị-hà tới phong-tỏa thành Tuyên-quang đã do quân Pháp chiếm được từ ggày 31-5 năm ấy. Thành Tuyên bị vây từ ngày 16-10 được giải-tỏa một lần vào ngày 20-11 do Đại-tá Duchesne. Sau việc giải-tỏa này Duchesne rút lui để Đại-tá Dominé và 600 binh-sĩ ở lại giữ vị-trí. Nhưng ngày 13-2-1885, Tuyên-quang lại bị 15.000 quân Cờ-Đen vây hãm rất nguy-ngập. Tướng Brière de l'Isle phải biệt phái đạo-quân của Tướng Giovanninelli qua giải-cứu. Tại đây Đại-tá Dominé đóng quân từ 20-12-1884 và bị quân Tàu phong-tỏa ráo-riết từ 20-1-1885. Viện-binh của Pháp tới đây là hai đại-đội lính Lê-dương một đại-đội lính-tập, 30 pháo-binh và 7 tên lính chữa lửa của Trung-sĩ Bobillot. Pháp chống đỡ rất hăng. Trước khi quân cứu-viện đến đôi

bên giành nhau từng tấc đất. Quân Tàu dội đại-bác như trời long đất lở vào thành. Pháp-quân đẩy lui được 7 cuộc tấn công liên tiếp sau khi nhiều quãng thành bị đổ. Tình thế đã có vẻ nguy-ngập thì quân của Giovanninelli tới kịp đổi thế bại ra thế thắng vào ngày 3-3-1885 vì quân Tàu bị trong đánh ra ngoài đánh vào. Địa-điểm giao-tranh của Hoa-Pháp bấy giờ là Hóa-mộc. Ta thấy trong suốt thời gian bị quân Tàu vây khốn, cuộc chiến-đấu của quân Pháp rất là cực nhọc, gian nan bởi quân-số thì quân Tàu trội quá nhiều. Nhưng tuy thường đông gấp năm, gấp mười quân Tàu vẫn thua bởi họ chỉ là những đạo-quân ô-hợp, tuyển-mộ vội-vã, thiếu huấn-luyện và vũ-khí tối-tân so với Pháp. Đôi khi cũng có những toán quân thiện-chiến, được trang bị theo quân đội Âu-châu, lại có tinh thần hăng-hái đã làm cho quân đội xâm-lăng lao-đao hết chỗ nói. Chính nhiều tướng-lĩnh Pháp đã từng phải thú nhận như vậy. Tại Tuyên-quang sau cuộc chống trả kể trên Pháp đã thiệt 1/3 quân số. Nhiều sĩ-quan và binh-lính Pháp ngã gục vì ống phun lửa, vì mìn và trái phá của quân Tàu, rồi thành Tuyên bị trọc thủng ở ba nơi. Về phần quân Tàu xác chết cũng chất có cả đống tại chỗ. Cuối năm 1884 tại Pháp lại có cuộc xung đột chánh-kiến về vấn-đề Bắc-kỳ, Trung-tướng Campenon Tổng-trưởng Bộ chiến-tranh *(Pháp mới lập Bộ này)* vì chủ-trương chỉ chiếm-hữu Trung-châu Bắc-kỳ mà thôi đã phải rời địa-vị này cho tướng Lewal thuộc phái đối-lập đòi gửi thêm viện-binh, và thôn tính toàn-thể xứ Bắc ; cùng một lúc Nha hành-quân chuyển từ Bộ hải-quân qua Bộ chiến-tranh...

Đầu tháng hai vào 13-2-1885 Tướng Négrier kéo vài ngàn tay súng từ Chũ lên Lạng-sơn rồi quân Pháp mở cuộc tấn-công dưới mưa phùn gió bấc qua những vùng rừng núi.

Đáng lẽ cuộc tấn-công của Pháp tại Lạng-sơn có thêm đạo quân của tướng Giovanninelli nhưng đạo quân này phải đi giải vây cho Tuyên quang nên Négrier chỉ có một mình để đối phó với đám quân Tàu từ Quảng-tây tiến sang như trên đã nói. Paris ra lệnh cho Pháp-quân đánh mạnh, đánh mau ở Bắc-kỳ để gây áp-lực tốt cho cuộc điều-đình với Tàu đang khai diễn lúc này. Brière de l'Isle không mong gì hơn vì bản-tính của y rất hăng-hái. Quân sĩ của y đã mệnh danh y là «*Ông Tướng mau-mau*» và Négrier là «*Ông Tướng mau lên*».

Ngày 23-2-1885, Négrier lấy được Đồng-đăng, một vị-trí của

Tàu cách Lạng-sơn 9 cây số về phía Bắc. Sau một tháng nghỉ để dưỡng sức, tuy chỉ có thể xuất-phát được 2300 binh-sĩ, Négrier đã dám kéo quân vào đất Tàu. Nhưng vào ngày 24-3 quân Pháp thất bại ở phía Bắc Ải Nam-quan, (Bằng-Bộ) nơi này đang có chủ-lực-quân của Tàu đóng và rất đông-đảo. Négrier phải rút lui về Kỳ-lừa (giáp tỉnh-lỵ Lạng-sơn, bên kia sông Kỳ-cùng) Viện-binh-đến, quân-số Négrier lên được 4000. Ngày 28-3 quân Tàu kéo đến Kỳ-lừa trùng-trùng, điệp-điệp đánh sát vào đồn trại của Pháp. Họ bị Pháp dùng súng liên-thanh bắn ra như mưa khiến 1200 lính Tàu đã tử trận nhưng vào khoảng quá trưa hồi 3 giờ rưỡi Pháp-quân tính mở cuộc tổng-phản-công thì tướng Négrier vừa ra khỏi cửa Tây để đi sang phía tay phải của phòng-tuyến bị một viên đạn bắn vào ngực ăn sâu vào bên tả tới 5 phân và xuyên-qua bên trái tới 10 phân; vết thương chạy dài tới hai mươi phân. Négrier đau quá không nói được gặp viên Trung-úy Berge cũng bị đạn vào đầu, máu chảy tràn trề xuống mặt. Y dơ tay làm hiệu vĩnh-biệt trước khi ngã gục. Quân-đội khiêng y về bên thành Lạng. Y cho gọi Trung-tá Herbinger là sĩ-quan cao cấp nhất trong đạo quân của y lên thay quyền chỉ-huy.

Sau cơn khủng-khoảng này, Herbinger lên cầm quyền tư-lệnh liền bãi việc tổng-phản-công, giữ nguyên vị-trí cho tới đêm trên những đỉnh đồi ở phía Đông rồi rút dần về bên Lạng-sơn từng toán một. Xét ra Herbinger không am tường chiến-trường Việt-Nam lắm còn Négrier tuy bị đau vẫn cố ra chỉ-thị cho Herbinger phải giữ con đường Phố Vỵ và Thanh-mọi vào các nơi ách-yếu, chỉ để lại Kỳ-lừa đạo-quân tiền phong mà thôi, bao nhiêu binh-sĩ về đóng hết bên Hữu-ngạn sông Kỳ-cùng, trên các đồi núi cho quân Tàu e-ngại... Nhưng các chỉ-thị này không ảnh-hưởng đến đầu óc của Đại-tá Herbinger (được thăng cấp để thay quyền lúc này) vì y không quan-niệm rằng ở đây, người ta có thể đi một mạch tới Lạng-sơn mà không cần phải bố-trí cẩn-thận các đường giao-thông và các cơ-quan hậu-cứ. Theo y, đạo quân để ở Lạng-sơn thì xa quá không tiện đi tiếp cứu và y đã công-kích trước các sĩ-quan các việc đã sắp đặt từ trước, sau đó y quyết-định lui quân về đồn Chũ căn-cứ vào điểm đang thiếu lương-thực và quân-nhu. Y lại tin cả vào những lời chỉ về của dân chúng là quân Tàu đang uy-hiếp các đường giao-thông.

Quân Pháp phải nhịn đói từ sáng, bị cấm không được đun nấu cho quân địch khỏi để ý tới. Một số tiền là 130.000 bạc, một trọng-pháo, nhiều súng ống và bột phải đổ xuống sông do những mệnh-lệnh hấp-tấp coi như tình thế vô cùng nghiêm-trọng. Rồi quân Pháp phải vội tập-trung vào 10 giờ đêm và bỏ thành Lạng-sơn vào 11 giờ 15, sau khi cưa đổ cột cờ đã nêu cao mầu tam-tài vừa đây. Việc này làm cho quân đội phải bỡ ngỡ bởi dù sao họ mới thắng trận bên Kỳ-lừa. Đến cả viên Tổng-tư-lệnh quân đội viễn-chinh Pháp cũng phải ngạc-nhiên nên đã đánh điện chất-vấn Herbinger cùng tỏ ý bất-bình vì tinh-thần quân đội đang cao, quân Tàu không mở cuộc truy-kích mà lui binh là cả một sự vô-lý... Tuy vậy Brière de l'Isle vẫn phải hạ lệnh cho Herbinger giữ lấy Thanh-mọi...

Đáng buồn cười là khi quân Pháp hấp-tấp triệt-thoái thì quân Tàu cũng vội-vã rời khỏi thành Lạng. Đến Thanh-mọi Herbinger lại đánh điện cho Brière de l'Isle rằng quân đội của y đang bị quân Tàu vây khốn ở Chũ và ở Đông-sông. Tướng Tổng tư-lệnh trả lời : chỉ rút lui khi nào cần nhất. Nhận được điện văn này y cho quân sửa soạn gấp để lên đường luôn không một phút do-dự, sau khi cho đốt sổ sách, phá hủy máy truyền tin bằng súng sáu, bỏ lại cả các hành lý của các sĩ-quan và lương thực các thứ. Ngày 31 việc triệt thoái được thi hành từng đợt kéo dài tới 10 cây số : 3000 quân Pháp đã phải trốn lần trước 40 tên lính Tàu, đó lời than chua chát của sử-gia G. Taboulet.

Ngày 1-4 vào buổi sớm kỵ-binh đi tuần-tiễu được lệnh đến Phố Cam trở về báo không có bóng quân Tàu nào chỉ có cả một vùng đồng-bằng ở đây, việc chuyển quân không có gì cản-trở. Vậy mà Herbinger vẫn cho binh-sĩ lên đường một cách rất dè-dặt. Cuối cùng Lữ-đoàn của Herbinger phải trao lại cho Đại-tá Borgnis Desbordes với tính-cách tạm quyền. Cuộc rút lui khỏi Lạng-sơn của Pháp đáng kể là thảm hại và đáng buồn cười bởi quân Pháp phải trở về nơi khởi-điểm sau 5 tháng sửa soạn rất công phu và chiến-đấu tốn nhiều xương máu.

Trung-Pháp bãi chiến

Ngày 28-3-1885 hồi 11 giờ 30 tối và ngày 1-4 tướng Tổng-tư-lệnh quân đội viễn-chinh Pháp Brière de l'Isle đánh điện về Pháp cho Bộ-trưởng chiến-tranh nói về việc tướng Négrier

bị trọng thương và việc rút lui thảm-bại của Pháp-quân khỏi Lạng-sơn. Y xin thêm viện-binh, khí-giới đạn dược và lừa ngựa. Theo điện văn này quân Pháp đã quá mỏi mệt và đang thiếu thốn đủ thứ nhất là tinh thần chiến đấu do nơi người chỉ huy kém cỏi sau khi Négrier nằm bệnh, quân Tầu quá đông lại được rèn luyện theo lối Âu-Châu khiến quân Pháp phải bỏ chạy ném cả trọng pháo, tiền bạc, lương thực xuống sông. Brière de l'Isle lại nói rõ ràng rằng giữa lúc điện văn này gửi đi thì quân Pháp đang lùi xuống vùng Đồng-sông và Thanh-mọi, quân Tàu trở lại chiếm đóng các vị trí cũ và y đang thân đi điều-tra vụ lui binh nhục-nhã nầy để đưa Herbinger ra trước một Hội-đồng kỷ-luật.

Nhận được điện văn này, Chánh-phủ Pháp và Thượng, Hạ Nghị-viện như điên cuồng đến cực-độ khiến một chánh-khách bấy giờ là Waldeck-Rousseau phải rên lên rằng : « *Tôi nghĩ rằng đến ngay trận Waterloo xưa kia cũng khó có thể gây ra một cuộc triệt-binh thảm hại đến thế!* ». Buổi tối hôm sau (30-3) Nghị-viện Pháp họp để thảo luận việc Bắc-kỳ sau khi nhận được công-điện của tướng Brière de l'Isle. Taboulet chép rằng phiên họp ngày 30-3 là một phiên nhóm bi-đát vào bậc nhất trong lịch-sử Quốc-hội Pháp, ít khi có việc thảm-hại đến nước ấy. Hai nhóm Cộng-hòa ôn-hòa hợp thành đa số trong chánh-phủ là *Liên-hiệp Cộng-hòa* và *Hữu phái Cộng-hòa* đã nhóm ngay sáng hôm ấy và cùng tuyên bố bất-tín-nhiệm Nội-các Jules Ferry. Do việc này Jules Ferry thấy mình bị cô-lập không còn dám mong Nội-các của mình tồn-tại nữa mà chỉ tính xin ngân-khoản để phục-hưng tình-thế quân Pháp ở Bắc-kỳ lúc này mà thôi. Nghị-sĩ Clémenceau phát ngôn-viên của phái *Cấp tiến cực-hữu* vốn chẳng ưa Jules Ferry liền nhảy lên diễn-đàn với một dọng hậm-hực, hồn-hển tung ra những lời chỉ-trích Jules Ferry như những lằn roi da liên-hồi quất vào mặt ông ta. Sau đó đến Ribot nói chậm-dãi, êm-đềm nhưng rất mánh lới cũng như giáng những nhát búa tạ vào cái Nội-các đang lung-lay đến nền tảng. Dưới đây là bài tường-thuật buổi họp tối 30-3-1885 tại Quốc-hội Pháp :

Thủ-tướng Jules Ferry :... *Chúng tôi đã ra những mệnh-lệnh cần thiết để gửi ngay sang Bắc-kỳ, sang Nam-kỳ và Huế nhiều tiểu-đoàn và các đơn-vị trọng-pháo mới. Đô-đốc Courbet cũng đã được chỉ-thị*

tổ-chức ngay cuộc bao vây vịnh Trực-lệ (Tàu). Nhưng các biện-pháp này chưa đủ, ta còn phải sửa chữa, phải báo thù vụ Lạng-sơn. Việc này cần lắm không những đối với việc đánh chiếm Bắc-kỳ mà còn cần cho sự an-ninh về tương-lai các nhượng-địa Đông-dương, cho danh-dự của chúng ta ở toàn thể Thế-giới (các ghế giữa vỗ tay, các ghế tả, hữu la-ó).

Ông Georges Périn : *Nhưng ai làm thương-tổn danh-dự chúng ta mới được chứ ?...*

Thủ-tướng Jules Ferry : ... *Chúng tôi xin biểu-quyết cho cuộc chiến tranh trên đất Tàu một ngân-khoản bất-thường 200 triệu-quan* (các ghế bên tả có tiếng la-ó).

Ông Clémenceau : *Nhưng ai có thể tin ngài được ?*

Jules Ferry : *Cuộc thảo-luận hôm nay có tính cách hoàn-toàn ái-quốc và quốc-gia* (bên tả : không thảo-luận gì với chánh-phủ này !) *Xin các ngài bỏ hết các ý-kiến dị-đồng, xin chỉ đặt thanh danh của xứ-sở và danh-dự của quốc-kỳ, chúng tôi lại xin tuyên-bố rằng chúng tôi không coi việc biểu-quyết ngân khoản hôm nay là biểu-quyết tín-nhiệm* (có tiếng gào thét ầm-ĩ ở nhiều ghế bên tả và bên hữu).

Ông George Périn : *Xin ngài Thủ-tướng đừng khai-thác mất danh-dự của quốc-kỳ ! Các ngài sống về quốc-kỳ quá lâu rồi, xin thôi đi !...*

Jules Ferry : ... *và nếu các ngài tán thành chánh-sách cương-quyết chúng tôi nêu ra thì các ngài sẽ quyết-định giao-việc thi hành cho ai, đó là tùy ý các ngài theo sự tín-nhiệm* (nhiều tiếng la-ó để ngắt lời diễn giả ở các ghế cực-hữu)...

Ông Clémenceau : *Thưa các ngài, tôi lên đây không phải để trả lời Thủ-tướng chánh-phủ. Lúc này tôi nghĩ rằng không còn gì phải thảo luận giữa Nội-các mà ông Jules Ferry cầm đầu với một đảng viên cộng hòa trong Quốc-hội. Chúng tôi không muốn nghe ngài Thủ-tướng nói nữa ; chúng tôi không muốn bàn bạc gì với ngài về những quyền-lợi cao cả của Tổ-quốc* (hay lắm ! hay lắm! và có tiếng vỗ tay bên phía cực-hữu). *Chúng tôi không biết ngài nữa và cũng không muốn biết đến ngài nữa... Về những gì ngài nói, ngài làm, chúng tôi muốn quên hết* (không! không!... bên phải) *Xin quý-vị cho phép tôi nói. Giờ đây không có ai là Thủ-tướng, là Tổng-trưởng trước mặt chúng ta nữa mà chỉ có những can-nhân...* (lại có tiếng vỗ tay ở các ghế cực hữu và ở phía tả, ở các ghế giữa có tiếng cãi lại).

Nhiều nghị-sĩ quay về phía các Tổng-trưởng: *Các ông ra khỏi các ghế Tổng-trưởng đi chứ!*

Bá-tước de Mun: *Thưa Thủ-tướng, người ta không cười ở Bắc-kỳ đâu nhé! Cả nước Pháp cần phải biết ngài vừa mới cười...*

Ông Clémenceau: *Đó là những kẻ bị-cáo phản-quốc và nếu nước Pháp có một nguyên-tắc về trách-nhiệm và công-lý thì bàn tay của luật-pháp phải gấp nắm lấy cổ họ* (Tiếng vỗ tay ở bên cực-tả và ở bên cực-hữu).

Ông Gaillard: *Ông Jules Ferry vẫn còn cười.*

Ông Clémenceau: *Chuyện ông Jules Ferry coi như là xong thưa các ngài giờ đây ta phải lo đến vấn-đề quyền lợi tối-cao của Tổ-quốc... Hiện quân đội của ta ở Bắc-Kỳ đang phải chiến đấu với quân địch đông hơn ta nhiều lại có sự dũng-cảm ta phải phục... Họ đang kêu ta đến tiếp cứu... Họ phải được tiếp cứu... Còn vấn-đề bộ đội viễn-chinh sẽ ra sao, họ sẽ được dẫn dắt thế nào và bộ đội viễn-chinh sẽ đưa ta đi đến đâu, vấn-đề này ta chưa thể giải-quyết được nếu ta chưa có một chánh-phủ chịu trách-nhiệm, một thủ tướng chưa hề lừa gạt ta và ta có thể tin lời... Mở một ngân-khoản 200 triệu tức là, theo tôi tưởng-tượng, gửi đi một bộ đội viễn-chinh 50 ngàn người. Đưa họ đi đâu?... Lúc nào người ta đến trình-bày với chúng ta sự thật... chúng tôi sẽ sẵn sàng cùng các ngài quyết-định và chúng tôi sẽ hành-diện — tôi xin nói lớn — là được công-tác với các ngài để cùng bảo-vệ quyền-lợi của quốc-gia »* (vỗ tay vang lừng ở các ghế bên tả và bên cực-hữu).

Ông Ribot: *Thưa các ngài, trong tình thế khó khăn ngày nay như diễn-giả đã nói trước tôi trên diễn-đàn, ta phải can-đảm chú-mục vào những gì mà quyền lợi quốc-gia đòi hỏi. Chúng ta không thể bỏ được những gì ta chiếm được ở Bắc-kỳ bằng xương máu của quân đội ta. Bỏ Bắc-Kỳ là một sự yếu hèn mà xứ sở sẽ không tha thứ cho bọn chúng ta, bỏ Bắc-Kỳ là bỏ danh-dự cùng sự an-ninh của Nam-Kỳ nữa. Chúng ta phải hy-sinh nếu cần. chúng ta sẽ hy-sinh theo lời yêu cầu của Nội-các nào lãnh trách nhiệm nặng nề nay mai.. Nhưng nỗ-lực cần-thiết này, cái Nội-các đang ở trên các ghế đây không còn kêu xin được nữa, tôi không nói là sau khi nó đã phạm quá nhiều lầm-lỗi, mà sau những lời đã vừa phát-biểu trên diễn-đàn. Họ không còn xin gì được của Viện mà cũng không xin được của Quốc-dân. Đây là lần đầu một Chánh-phủ ở trong một*

tình-trạng nghiêm-trọng đã đến nói với Quốc-hội : « Chúng tôi xin biểu-quyết cho chúng tôi 200 triệu...» *và đồng thời lại nói :* « Chúng tôi không xin Quốc-hội tín-nhiệm... » *mà nghe được.*

Jules Ferry : *Ông không hiểu gì cả.*

Ông Ribot : *Này, Thủ-tướng, dầu sao chúng tôi cũng sẵn lòng quên hết tội lỗi của ngài, chúng tôi sẽ chấp thuận ngân khoản, nhưng ngài còn làm gì được lúc này ? Ngài còn uy-quyền gì nữa đâu, không nói là để điều-đình với Trung-quốc, việc đó không còn thành vấn-đề nữa mà để nói với Quốc-dân ?... Ngài cũng thấy rằng những tội lỗi mà ngài chồng chất từ mấy tháng nay đã buộc ngài phải để người khác sửa chữa chứ ? Bây giờ ngài chỉ còn nước là rút lui thôi... Ngài phải thu xếp với Quốc-hội mà ngài đã lôi kéo theo ngài bấy lâu mà ngài không thành thực cho hay ngài đã đưa quốc-dân đi đâu. Ngài phải thu xếp cả với nền Cộng-hòa mà ngài vừa làm ô-nhục, ngài phải thu xếp như vậy với nước Pháp, nhất là nước Pháp đã sẵn sàng khứng-chịu các sự hy-sinh, nhưng với nước Pháp lúc này ngài không còn thẩm-quyền gì để ăn nói... Nay nhân danh một số người trong bọn chúng tôi, tôi xin Quốc-hội biểu-quyết chương-trình nghị-sự hôm nay là : « Quốc hội đã quyết định chịu đủ các hy-sinh để bảo-vệ trọn vẹn danh-dự Quốc-gia, thống-trách các lỗi-lầm đã phạm phải, rất tiếc không được biết sự thực cho đến ngày nay, và xin mở cuộc thảo-luận...»*

Rồi Ribot cho Jules Ferry hay bọn ông ta không còn muốn cộng-tác với ông nữa. Trong đám đông nghị-sĩ từ 18 tháng đã nhiệt-liệt ủng-hộ Nội-các không ai đứng lên biện-hộ lấy một lời để cứu giúp bị-can. Xin nhắc rằng chánh-sách mở rộng đất đai ở hải-ngoại và nhất là việc kinh-doanh ở Bắc-kỳ vào dịp này không được dân chúng Pháp hoan-nghênh nhiều nữa. Suốt thời gian lập Nội-các lần thứ hai nghĩa là từ tháng 11-1883 đến cuối tháng 3-1885 là lúc Nội-các này đổ, Thủ-tướng Jules Ferry đã phải lên diễn đàn Nghị-viện tới 12 lần để trả lời bao nhiêu cuộc chất-vấn gay-go, nảy lửa. Mỗi ngày Nội-các mất thêm cảm-tình của Thượng, Hạ-nghị-viện. Ngay từ tháng chạp 1884, tướng Campenon rút lui khỏi Bộ chiến tranh đã suýt làm Nội-các của Jules Ferry phải nghiêng ngửa. Phần vì chiến-cuộc ở Bắc-kỳ luôn luôn đổ vỡ, lúng-túng, phần cá-nhân của Jules Ferry cũng ít người ưa. Người ta còn ghét ông ta ở chỗ độc-đoán, ăn nói phũ-phàng, chính-sách đối

ngoại còn cái tội nữa là thân thiện với Đức để gây áp-lực đối với Anh ở Ai-cập. Phái Công-giáo cũng thù Jules Ferry về nhiều vấn-đề của đoàn thể họ...

Đến khi bỏ phiếu để xin ưu- tiên thảo-luận vấn-đề ngân-khoản cho chiến tranh ở Viễn-đông, Nội-các chỉ được 149 phiếu thuận và bị 306 phiếu nghịch. Tức thì Jules Ferry và các bạn đồng-liêu của ông ta phải đứng ngay dậy tuyên-bố sẽ đệ đơn xin giải-tán Nội-các lên Tổng-thống. Ngoài hàng rào sắt của điện Bourbons, công-chúng do báo-chí khích-động la-ó rầm trời dơ chân, dơ tay hăm dọa xỉ-vả : *Quân khốn-nạn, cút ngay đi! Treo cổ nó lên, xử tử nó đi! Quăng thằng Bắc-kỳ, thằng thân Đức xuống nước! (1)*. Thế là tiêu sự-nghiệp. Bọn Jules Ferry phải dùng một lối đi bí-mật để ra về trong lòng đầy cay đắng nhưng cố mà chịu đựng những lời chưởi bới của dân chúng. Thực ra tuy việc chiến-tranh ở Bắc-kỳ còn đang là chuyện lúng-túng nhưng Jules Ferry đã cho mở cuộc điều-đình trở lại với chánh-phủ Tàu để ngừng chiến. Đại-cương của Thỏa-ước giữa đôi bên đã được chấp thuận. Nhưng việc này còn phải giữ bí-mật, chưa thể tiết lộ được. Jules Ferry đã phải hứa như vậy. Ngay hôm Nghị-viện nhóm họp, Robert Hart đã nhờ James Duncan cho biết đại-diện chánh-phủ Bắc-kinh đã nhận gần hết mọi điều quan trọng với Pháp ; kết-quả như vậy là khả-quan, đáng lẽ Jules Ferry mang việc này ra để báo cáo cho Thượng, Hạ nghị-viện biết thì đã tránh được bao nhiêu đòn vọt nặng nề do nơi những kẻ thù-nghịch Nội-các của ông ta.

Cuộc điều-đình với Tàu thế nào ?

Ngay từ mồng 6 tháng 2-1885 James Duncan Campbell, Ủy-viên quan thuế hoàng-gia Tàu đại-diện ở Luân-Đôn đã được Robert Hart, Tổng thanh-tra thương-chính Tàu *(người Anh)* cử đến Paris từ ngày 10-4-1885 lấy cớ đòi một thương thuyền do Đô-đốc Courbet tịch-thu của Tàu tại eo biển Đài-loan để dò dẫm ý-kiến Chánh-phủ Pháp. Nhân viên Tàu-Anh này đã cùng đại-diện ngoại-giao Pháp hàng ngày bí-mật nói chuyện với nhau kể từ tháng ba năm ấy. Lúc này chánh-phủ Tàu cũng như chánh-phủ Pháp đều có tâm-sự giống nhau : Thủ-tướng chánh-phủ Pháp luôn luôn bị báo-chí và một số đông

(1) Vì Jules Ferry thân Đức và thiết tha đánh chiếm Bắc-kỳ nên dân Pháp mới đặt cho ông cái tên này.

nghị-sĩ dày-vò, day-dứt cũng muốn kết-liễu cuộc tranh-chấp ở Bắc-Kỳ cho xong. Cuộc chiến-tranh này kéo dài ở một phần đất xa xôi đã làm hao tổn quá nhiều xương máu và tiền bạc khiến dư-luận trong nước rất là bực dọc. Nước Tàu còn bị mỏi mệt hơn thế ; chánh-phủ Bắc-kinh lúc này đang lo ngại việc Cao-ly mỗi ngày một khẩn-trương thêm ; ngoài ra Bắc-kinh phải đối-phó với vụ nổi loạn ở Tân-cương nữa ; từ ngày xảy ra nhiều vụ lộn-xộn kể trên, việc kinh-tế thương-mại của Tàu bị đình-đốn rất nhiều, nên tài-chính thì rất là kiệt-quệ, vì thế cuối tháng hai 1885 Bắc-kinh phải cử Tùy-viên quân-lực của mình ở Bá-linh là Đại-tá Tcheng-Ki-Tong mở cuộc thảo-luận với Thiếu-tá Sancy hầu trở lại thỏa-hiệp Thiên-tân năm trước. Hai đối thủ vội vàng giải-quyết cùng nhau việc này. Thêm vào đó đối với các đề-nghị đã đưa ra ở Paris ngày 1-3 do Duncan Campbell, bộ Ngoại-giao Pháp chỉ đòi sửa đổi chút ít. Đại-diện Tàu thuận ngay và Tổng-lý nha-môn cũng tán-thành vào ngày 30-3. Hai bên đều đồng ý rằng cứ áp-dụng Hiệp-ước Fournier — Lý-hồng-Chương là đủ và mọi biến-cố quân-sự đã xảy ra trước đây ở Lạng-sơn, hai bên cùng nhận cần gác bỏ hết ra ngoài cuộc đàm-phán cho mọi sự được dễ-dàng.

Lúc này tân Nội-các Pháp đang thành lập (Nội-các Jules Ferry đã đổ) và nước Tàu muốn gấp kết-liễu cuộc xung đột Trung-Pháp, Nội các Brisson vào 6-4 mới ra mắt nên viên Giám-đốc chánh-trị tại bến d'Orsay (bộ Ngoại-giao) là Billot vào ngày 4-4-1885 được Tổng-thống Giévy ủy-quyền nhân danh nước Pháp cùng ký với Duncan Campbell người đại-diện của Bắc-kinh một hiệp-ước hòa-bình lấy Hòa-ước Thiên-tân trước đây làm căn-bản sau đó Thỏa-hiệp Billot-Campbell ngày 9-6-1885 được Patenôtre và Lý-hồng-Chương mở rộng ra 10 khoản cho có nhiều chi-tiết rõ-rệt để trở nên vĩnh-viễn. Quốc-hội Pháp phê chuẩn luôn Hiệp-ước này vào 6-7-1885.

— HẾT TẬP THƯỢNG —

ĐÍNH - CHÍNH

Nhiều bạn đã ngộ nhận từ vài năm nay tôi là chủ nhà xuất-bản và nhà in Phạm-văn-Sơn tại đường Nguyễn-thái-Học (Sài-gòn). Nay xin bá cáo cùng các bạn tôi chỉ là tác-giả một số sách sử-học loại biên-khảo. Hai cơ-quan kể trên thuộc một vị đã ngẫu-nhiên trùng danh, trùng tính với tôi mà thôi.

Phạm-văn-Sơn
Tác-giả Việt-sử Tân biên
Việt-sử toàn-thư v. v...

Các tác-giả được tham-khảo

SÁCH

Alberti (B) — *L'Indochine d'hier et d'aujourd'hui*

Anh (Đào-duy) — *Trung hoa sử-cương. Việt-Nam lịch-sử giáo-trình.*

Baille — *Souvenirs d'Annam.*

Bonifacy — *Le début du Christianisme en Annam au commencement du XVIII siècle (Hanoi-1930)*

Bonnal (René) — *Notes et souvenirs au Tonkin (1873-1876)*

Cadière (L.) — *Croyances et pratiques religieuses des pays Annamites.*

— *Les missions catholiques.*

— *Résumé d'Histoire d'Annam.*

Caillaut — *Essai sur les origines du Christianisme au Tonkin et dans les autres pays annamites (Paris - 1915).*

Cảnh (Lê-thanh) — *Notes pour servir à l'histoire de l'établissement du Protectorat français en Annam (B. A. V. H. Année 1928).*

Chaigneau (Michel Đức) : — *Souvenirs de Huế.*

Chesnaux (Jean) — *Contribution à l'histoire de la Nation Vietnamienne.*

Chú (Phan-huy) — *Đại-Nam chính-biên liệt-truyện.*
— *Lịch-triều hiến-chương loại-chí.*
Chúc (Phan-Trần) — *Bùi-Viện với chính-phủ Mỹ (Hànội - 1915)*
Cultru (Paul) — *Histoire de la Cochinchine française — des origines à 1883 (Paris - 1910).*
— *Histoire militaire de l'Indochine — de 1864 à nos jours.*
Delvaux — *Quelques précisions sur une période troublée de l'histoire d'Annam (B. A. V. H. 1941).*
Devillers (Philippe) — *Histoire du Việt-Nam — de 1940 à 1952 (Paris).*
Đại-Việt — *Lịch-sử đạo Thiên-chúa ở Việt-Nam (Huế-1941).*
Dục (Cao-Xuân) — *Quốc-triều sử toát yếu.*
Dupuis (Jean) — *Les origines du Tonkin.*
Doumer (Paul) — *L'Indochine — Souvenirs.*
Hầu (Nguyễn văn) — *Cuộc khởi-nghĩa Bảy-Thưa.*
Huard (P.) — *Connaissances du Việt-Nam.*
Huồn (Phan phát) — *Việt-Nam Giáo-sử — I.*
Khoang (Phan) — *Trung-Quốc sử-lược.*
— *Việt-Nam Pháp-Thuộc sử. (Sàigòn-1960)*
Kim (Trần-trọng) — *Việt-Nam Sử-lược.*
Ký (Trương vĩnh) — *Chuyến đi Bắc năm Ất-Hợi (1876) (B. S. E. I. 1929).*
Lân (Bàng bá) — *Việt-văn bình-giảng (Saigon - 1962)*
Lân (Nguyễn) — *Nguyễn Trường-Tộ (Hànội-1942)*
Launay (A.) — *Histoire de la mission en Cochinchine 1858 - 1823.*
— *Histoire de la mission au Tonkin.*
— *Histoire ancienne et moderne du pays d'Annam.*
Liên (Ngô sĩ) — *Đại-Việt sử-ký toàn-thư (bản dịch của Mạc-Bảo-Thần — Tân Việt 1945)*

Liệu (Trần huy) — *Lịch sử 80 năm chống Pháp (Hanoi - 1957).*

Louvet — *La Cochinchine religieuse (Paris-1885)*

Luro — *Au pays d'Annam (Leroux - 1897).*

Masson — *Souvenirs d'Annam et du Tonkin.*

Maybon (Charles) — *L'Indochine (Paris 1931)*

— *Histoire moderne du pays d'Annam (1592-1829)*

Maybon et Russier — *Notion d'histoire d'Annam*

Nam (Nguyễn Kỳ) — *Tám mươi ba năm mấy lần Việt-Pháp ký hòa-ước ?*

Nhất (Đào-Trinh) — *Phan-đình-Phùng*

— *Việt-Nam Tây-thuộc-sử.*

Quế (Nguyễn văn) — *Histoire des pays de l'Union Indochinoise (Saigon 1932)*

Quốc-sử-quán triều Nguyễn — *Đại-Nam thực-lục,*

— *Minh-Mệnh chính yếu*

Richard (A) — *Histoire naturelle, civile et politique du Tonkin*

Rieunier — *La question de la Cochinchine au point de vue des intérêts français.*

Rivière (Henri) — *Correspondances.*

Sáu (Lê văn) — *Đông-Á trên trường chính-trị quốc-tế 1840-1950 (Paris-1951)*

Schreiner — *Abrégé de l'histoire d'Annam (Saigon 1906)*

— *Les Institutions annamites en Basse Cochinchine.*

Silvestre (Jean) — *L'Insurrection de Gia-định (Revue Indochinoise — Juillet-Août 1915)*

Taboulet (Georges) — *La geste française en Indochine (Paris 1955)*

— *L'Annam d'autrefois. Essai sur la constitution de l'Annam avant l'intervention française.*

Thomazi (A.) — *La conquête de l'Indochine.*
Thứ (Phạm Phú) — *Chá Viên toàn-tập — Tây phù nhật-ký.*
Trọng (Nguyễn-hữu) — *Le Clergé Viêtnamien (Saigon-1959).*
Veuillet (Eugène) — *La Cochinchine et le Tonkin.*
Vial (Paulin) — *Nos premières années au Tonkin (Voiron-1889)*
Xèn (Vương-Hồng) — *Saigon năm xưa (Saigon-1961)*

BÁO-CHÍ

Bách - Khoa *1960*
Bulletin des amis du Vieux Huế
Đại-Học *1960 - 1961*
Minh - Tân *1960*
Phổ - Thông *1960 - 1961*
Văn-Hóa nguyệt-san *1960 - 1962*
Tạp-chí nghiên-cứu lịch-sử *(Hanoi — 1957 - 1961)*
Tập-san nghiên-cứu Văn-Sử-Địa *(Hanoi — 1957 - 1961)*
Revue indochinoise. *1915 - 1924*
Bulletin des Etudes indochinoises.

Đô-đốc Dupré

Đô-đốc Charner

Đô-đốc De la Grandière

Đô-đốc Roze

Toàn-quyền Harmand

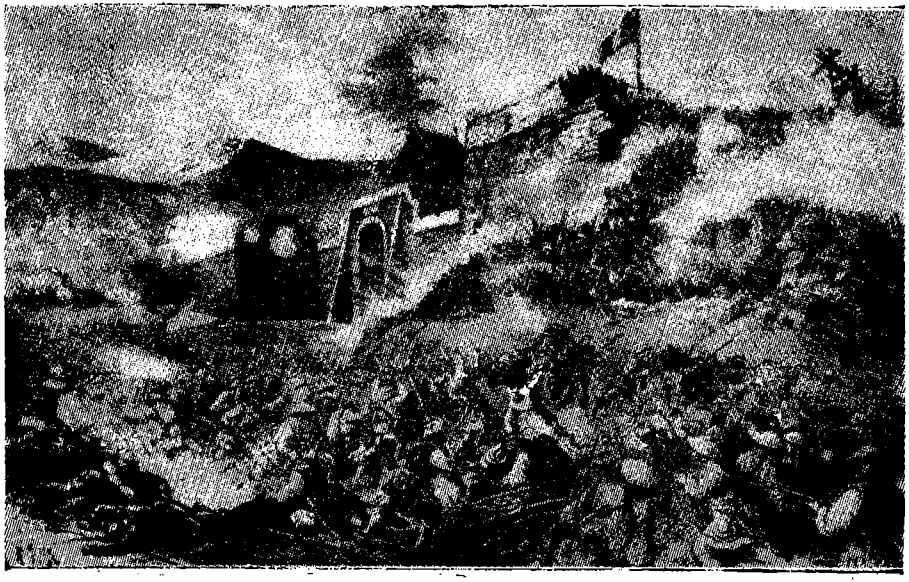

Thành Tuyên-quang bị Pháp tấn-công

Pháp-quân xâm-nhập thành Hưng-hóa ngày 13-4-1884

Đô-đốc
Jauréguiberry.

Tổng-đốc
Đỗ hữu-Phương

Hầu-tước
Chasseloup Laubat, thượng-thư bộ Hải - quân và thuộc - địa

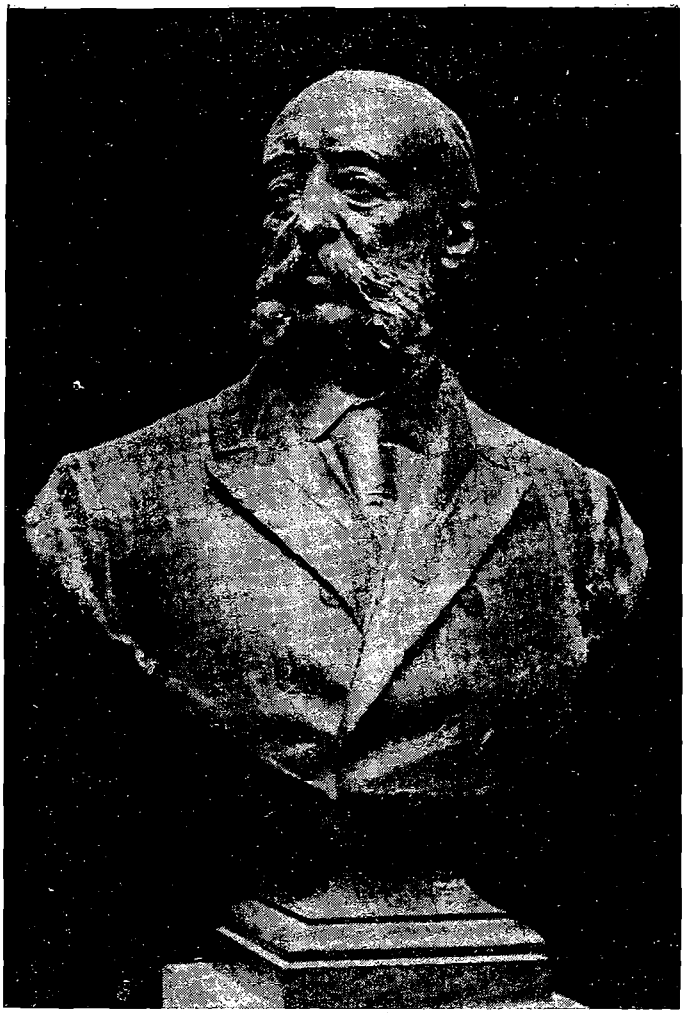

Thủ-tướng Pháp Jules Ferry
người luôn luôn chủ-trương
phải đánh chiếm Bắc-kỳ

Một tên lính Cờ Đen

Đại-úy Francis Garnier

Đại-tá Henri Rivière

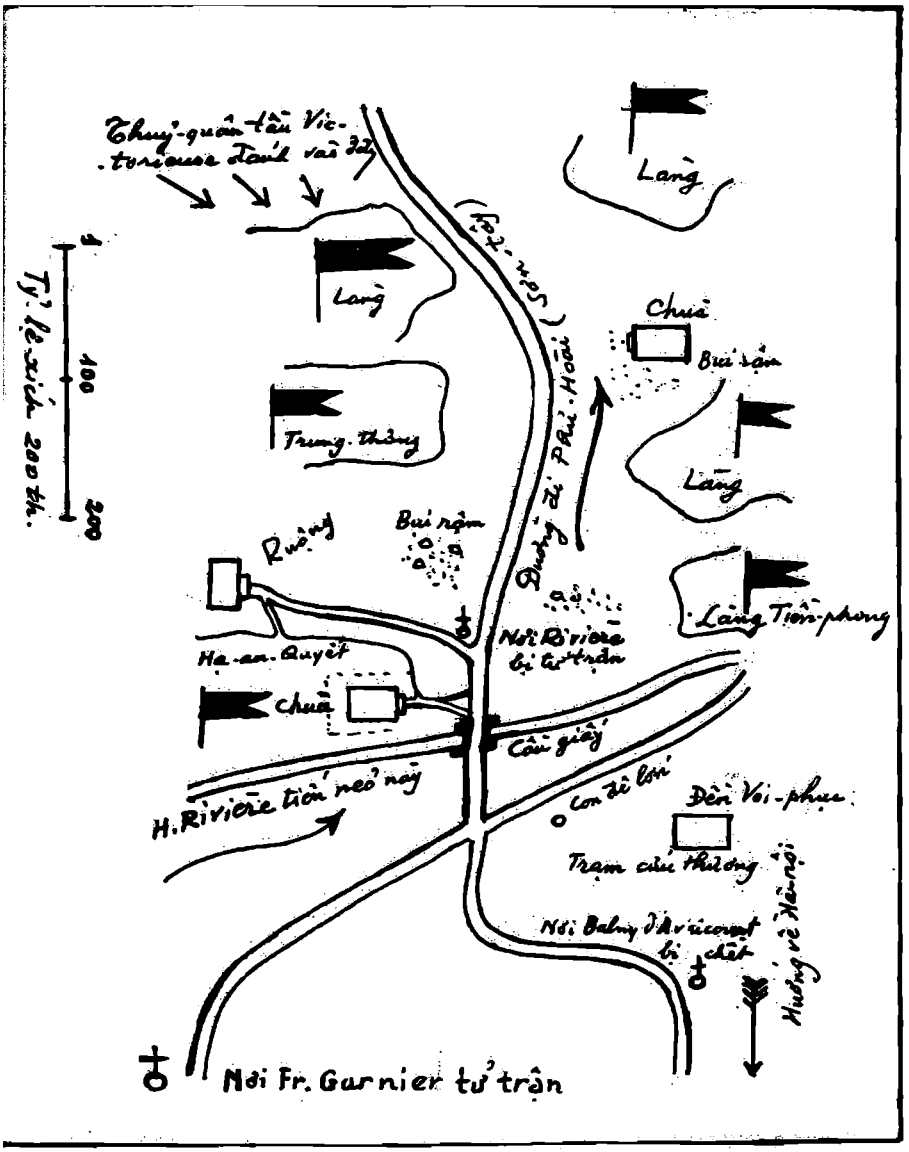

Ô Cầu giấy, nơi mệnh vong của Francis Garnier và Henri Rivière

Ô Cầu giấy (1883)

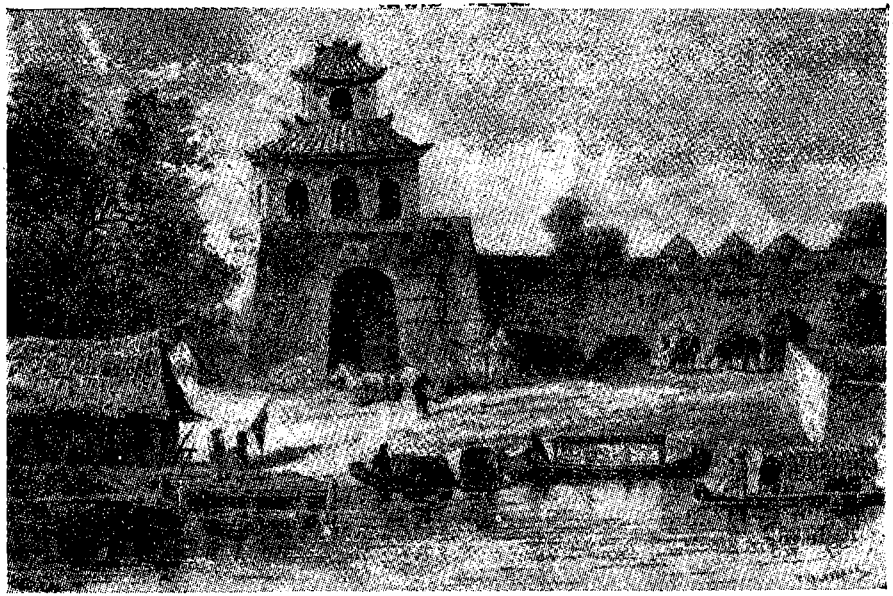

Thành Huế

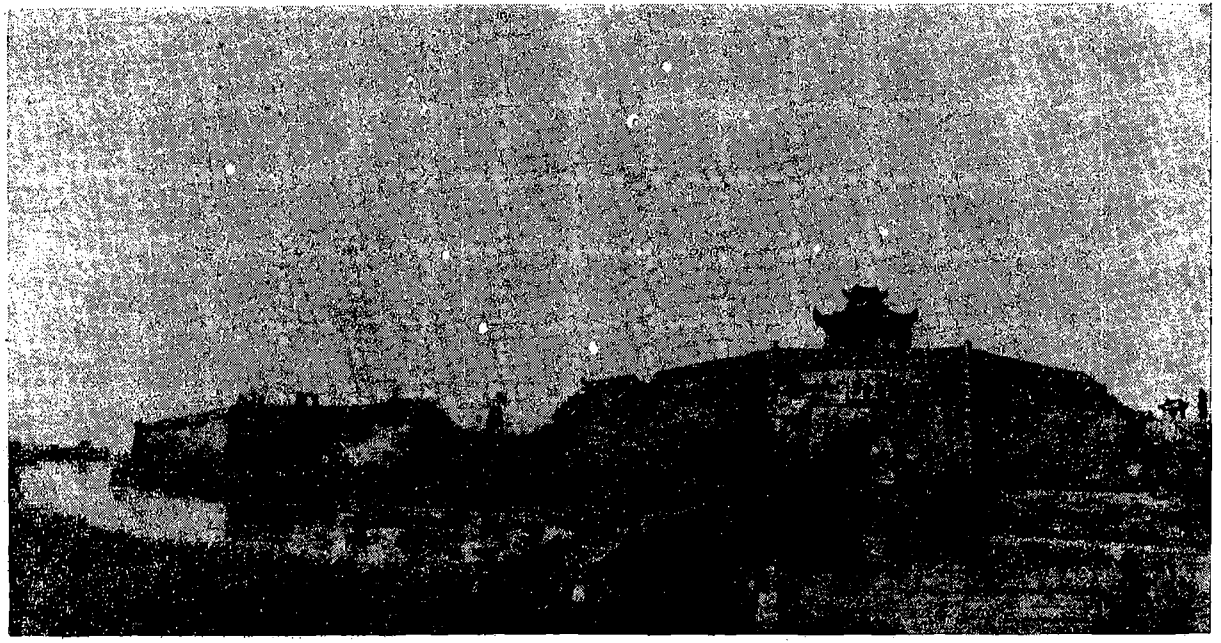

Cửa Đông-Nam thành Hà-nội bị tàn phá năm 1882

Mục lục

LA, August 17, 2017

PHẦN THỨ NHẤT

TRIỀU TỰ-ĐỨC (1847 - 1883)

Tựa 7 — 9

CHƯƠNG I **Những âm-mưu lật đổ ngai vàng của vua Tự-Đức :**
Vụ Hồng-Bảo, Vụ giặc chày vôi . . 13 — 28

CHƯƠNG II **Xã-hội Việt-Nam dưới đời Tự-Đức :**
Hoạt-động của Tây-phương ở Á-Đông. Nguyên-nhân của mọi sự suy-bại. Triều-đình Tự-Đức trước việc canh tân quốc-gia. Quần chúng Việt-Nam. . . . 29 — 43

CHƯƠNG III **Vài nét về thực-lực quân đội Việt-Nam dưới đời Tự-Đức :**
Những cuộc thao-luyện tượng-binh. Việc phòng thủ duyên hải . . . 44 — 59

CHƯƠNG IV **Thái-độ của Vua Tự-Đức đối với Công giáo :**
Những chỉ-dụ cấm đạo, giết đạo . . 60 — 63

CHƯƠNG V **Pháp gây hấn ở Việt-Nam :**
Sứ-mạng của de Montigny . . 64 — 71

CHƯƠNG VI **Liên-quân Pháp-Tây sang đánh Việt-Nam.**
Cửa Hàn chính-thức bị đánh lần thứ nhất (1858-1859) . . . . . 72 — 79

CHƯƠNG VII **Rigault de Genouilly đánh Gia-định :**
Thảm-cảnh từ Vũng-tàu vào Saigon . 80 — 82

PHỤ LỤC : **Tình - trạng Tàu - Nhật đối chiếu với thời Tự-Đức**
Nha-phiến chiến-tranh. Tình-thế Nhật-Bản giữa thế-kỷ thứ XIX. Một buổi chầu vua dưới đời Tự-Đức. Pháp đánh Vũng-tàu và cửa Cần-giờ thế nào ?. . . . 93 — 121

PHẦN THỨ HAI

PHÁP ĐÁNH CHIẾM BA TỈNH MIỀN ĐÔNG NAM - KỲ

CHƯƠNG I Thành Kỳ-hòa thất thủ. Định-tường đổi-chủ. Sự lúng-túng của triều-đình Huế. Mặt trận Biên-hòa và các vùng kế-cận . 125—144

CHƯƠNG II **Những cuộc nổi dậy ở Trung-Bắc-kỳ trước và sau Hòa-ước 1862 :**
Vụ Tạ văn-Phụng. Vụ công-tử Hồng-Tập. Vụ loạn Châu-chấu. . . . 145—161

CHƯƠNG III **Hòa-ước Nhâm tuất (5-6-1862)**
Triều đình Tự-dức thảo-luận về hòa-ước 1862. Hậu-quả của Hòa - ước Nhâm-tuất. . . . . 163—180

PHỤ LỤC : **Côn-lôn ngày xưa và tỉnh Côn-sơn ngày nay.**

CHƯƠNG IV **Việc xin chuộc lại ba tỉnh miền Đông :**
Quan-điểm của đám quân-nhân thực-dân đã thắng . . . . . 181 — 189

CHƯƠNG V **Cuộc quật khởi của sĩ-dân miền Nam :**
Các phong-trào cứu-quốc — Trương-Định — Nguyễn-trung-Trực — Nguyễn-hữu-Huân — Võ-duy-Dương — Trần-văn-Thành — Trần-bá-Lộc — Đỗ-hữu-Phương — Lê-phát-Đạt. . . . . 190— 218

CHƯƠNG VI **Pháp cưỡng chiếm ba tỉnh miền Tây.**

Keo vật cuối cùng của Pháp và ta ở Nam-kỳ. 21

CHƯƠNG VII **Pháp giành xứ Cao-Mên sau Hòa-ước Nhâm-tuất 1862**
Hòa-ước Pháp-Mên. . . . . 227 — 23

CHƯƠNG IIX **Văn-thân trí-thức miền Nam**
Phan-thanh-Giản — Nguyễn-đình-Chiểu Tôn-thọ-Tường — Phan-văn-Trị — Trương-vĩnh-Ký. . . . . 233 — 26

PHỤ-LỤC : **Chương-trình canh-tân quốc-gia của Nguyễn-trường-Tộ.** . . . 263 — 272

CHƯƠNG IX **Những sự thay đổi đầu tiên của Nam-kỳ thuộc Pháp :**
Các tổ-chức chánh-trị và kinh-tế. Những nhân-vật mới của Nam-kỳ — Sài-gòn cũ và Sài-gòn mới. Danh sách các tư-lệnh quân-đội viễn-chinh Pháp. 273 — 291

PHẦN THỨ BA

PHÁP GÂY SỰ Ở BẮC-KỲ

CHƯƠNG I Từ việc thám-sát sông Cửu-long đến việc khai-thương sông Hồng-hà. Francis Garnier đánh thành Hà-nội. Francis Garnier tử-trận, Philastre ra Hà-nội. Hòa-ước Giáp-Tuất (1874). Một vài ý-kiến về Hòa-ước Giáp-Tuất. Phụ-ước của Hòa-ước Giáp-Tuất. 298 — 336

CHƯƠNG II **Henri Rivière ra đánh Bắc-kỳ :**
Những biến-cố sau Hòa-ước Giáp-Tuất . . 337 — 344

CHƯƠNG III **Thành Hà-nội thất thủ lần thứ hai :**
Trận giặc ngoại-giao giữa Pháp và Nam-triều . . . . . 345 — 358
Tiểu-sử của Tổng-đốc Hoàng-Diệu.

CHƯƠNG IV **Việt-Nam cầu cứu nước Tàu :**
Thanh-đình tái-diễn trò Càn-long trước Henri Rivière đánh chiếm Hòn-gay và Nam-định. . 359 — 367

CHƯƠNG V **Pháp quyết tâm lập cuộc bảo-hộ :**
Thảm-kịch thứ hai trên đường Ô Cầu giấy . . . . . 368 — 380

CHƯƠNG VI **Đại - chiến Hoa - Việt — Pháp ở Bắc-Kỳ :**
Pháp tăng cường bộ máy chiến-tranh. Việc phế lập ở Huế. Tướng Bouët phá vòng vây của quân Cờ đen quanh Hà-nội. Pháp đánh cửa Thuận-an. Hòa-ước Quí-Mùi ra đời . 381 — 400

CHƯƠNG VII **Một cuộc cách-mạng triều-đình :**
Vua Hiệp-hòa bị truất. Trận đánh đồn Phùng. Trận đánh thành Sơn-Tây. Danh sách các Thống-đốc dân - chính Nam-kỳ. . . . . 401 — 420

CHƯƠNG VIII **Pháp đánh Bắc-ninh, Thái-nguyên, Hưng-hóa và Tuyên-quang :**
Từ Hòa-ước Thiên-tân đến Hòa-ước Giáp-thân . : 421 — 437

CHƯƠNG IX **Hòa-ước Thiên-tân thất-bại. Hoa-Pháp tái chiến :**
Pháp-quân đại-bại ở Bắc-lệ. Pháp-quân đánh Phúc-châu, Đài-loan và Bành-hồ. Pháp bị vây ở Tuyên, rút ở Lạng. Hoa-Pháp bãi chiến. . . . 438 — 452

✶ **Các tác-giả và báo chí được tham-khảo** 453 — 456

✶ Đính-chính . . 457 — 459

✶ Mục-lục . . . 460 — 465

✶ Tranh ảnh . . . . . 34 trang

Đính Chính

Trang	Dòng	IN NHẦM	XIN ĐỌC LÀ
17	12	đến năm Bính-Dần (1886)	Bính-dần (1866)
28	20	bị đuổi về nhà chồng	... về nhà *mình*
32	20	Chỉ tham cái bút	tham *vì* cái bút
36	7	Năm Kỷ-mão (1897)	năm Kỷ-mão *(1879)*
39	26	nằm dưới hệ-thống kẻ trên	...hệ thống *kẻ* trên
42	1	chú ruột là Túy-lý-vương	.. là *Tuy-lý-vương*
48	12	Quang cảnh rõ như ngày	... *giống* như ngày
50	20	đánh cướp đảo Hấp-dứ	... đảo *La*-dứ
58	25	thỏi vùng Hương-giang	*khỏi* vùng Hương-giang
	26	...Khanh-Giản	...*Thanh-Giản*
	32	...rong Đại-Nội	...trong Đại-Nội
86	17	Phan-huy-Vinh	Phan-huy-*Vịnh*
95	21	nhà buôn Ân-châu	...*Âu*-châu
99	26	12.000 lại quân	12.000 *lục* quân
102	7	và phát nguyên	và phát *sinh*
103	4	..hay phạm lỗi gì hay...	... hay phạm lỗi gì *thường*
106	25	hợ tác	*hợp* tác
115	1	uy-thế cho Thiên-hoàng	uy-thế *của* Thiên-hoàng
115	23	Regault de Genouil	Rigault de *Genouilly*
115	25	trong đoạn này	trong *giai*-đoạn này
117	23	và Hữu-du	và Hữu-*vu*
119	1	đáng lẽ ngoài	đáng lẽ *ngài*
131	24	thị dốc học-sĩ	thị *độc* học-sĩ
145	1	Chương IV	*Chương II*
151	11	hai kẻ a-lòng	hai kẻ *a-tòng*
156	27	làng Phú-thuy	làng Phú-*thị*
158	1	nhiều điều chịu ở với	nhiều điều *khó* chịu với
160	9	Gõ dịp đọc câu	Gõ dịp *lấy* đọc câu
160	21	(in thiếu)	...*Bôn lưu đảo hải bất phục hồi*...
160	25	đọ với chân thân cũng hệt	đọ với chân thân *thì* cũng hệt

Trang	Dòng	IN NHẦM	XIN ĐỌC LÀ
161	cuối	bởi Nùng sông Nhị	bởi *núi* Nùng sông Nhị
163	16	hại cuộc chinh phục	*lại* cuộc chinh phục
165	14	miền họ chịu	*miễn* họ chịu
178	31	khi ccốc thuê	khi *cuốc* thuê
185	32	trung tá Aubaret	*Đại-tá* Aubaret
195			
201	11	các vùng ráp ranh	các vùng *giáp* ranh
202	17	năm Giáp-tuất (15-5-1874)	...(15-3-1874)
	29	diệt tương bất tựu	...*diệc* tương bất tựu
213	32	1 - 7 - 18 7	1-7-1867
225	18-19	Đình thần thì chỉ đôi chiến tỏ ra có tinh thần quả-cảm	Đình-thần thì chỉ *đòi* chiến *để* tỏ ra có tinh thần quả cảm.
231	23	hỗ-giao hiệp-ước	hỗ-giao hiệp-ước *ra đời*
234	12	tổ trên thuộc Trung-quốc	tổ tiên *là người* Trung-quốc
235	5	ham rùng ruồi	ham *rong* ruổi
236	21	họ sẽ đỗ nết	họ sẽ dỗ *hết*
238	25	gánh nặng nối đường xa	gánh nặng *ruổi* đường xa
239	28	Tự-Đức không cho biết	Tự-Đức *thừa* biết
241	6	lại dục bỏ tên	lại *đục* bỏ tên
244	3	thuận mời	thuận *lời*.
244	27	Thuâ Khánh	*Thuận* Khánh
244	28	rất nhiều và	rất nhiều *cũng như*
246	20	tuy có mất tuy vậy	tuy có mất *nhưng*
246	32	ngờ-ngệt	ngờ-*nghệch*
247	19	khâ khới	*khấp*-khởi
250	24	trau-ria	trau-*tria*
250	27	nhắn nhủ	nhắn *với*
251	18	xuất-sử	xuất-*xử*
255	2	râu đen	râu *hoe*
256	cuối	cỏ cây còi	*cụm* cây còi
260	25	18 4	*1884*
262	2	du ngủ	*ru* ngủ
286	32	biên gió	biên *giới*
300	14	đem lại Saigon	đem lại *cho* Sàigòn

Trang	Dòng	IN NHẦM	XIN ĐỌC LÀ
301	1	bời vì nước Tàu	*bởi* nước Tàu
311	8	chân hào	*thân* hào
332	4	tướng Kantz	tướng *Krantz*
335	12	huyền buôn	*thuyền* buôn
336	11	cùng làm ễ	cùng làm *lễ*
339	5	crime de lèse humanit	crime de lèse *humanité*
399	22	quân Tàu cũng được lệnh dành vào thành Bắc-Ninh	quân Tàu và quân ta đóng ở Bắc - Ninh tiến đánh thành Hải-dương
414	17	làng Ngoi	làng *Noi*
418	32	và một số quân bộ để sung cho	và một số quân *để bổ* sung cho
424	22	quyền Tuần	quyền Tuần-*phủ*
424	cuối	Trung tá Ducheshe	Trung-tá Duchesne
428	7	chủ ông	chủ *nhân* ông

XIN CHÚ Ý : Trong vòng 195, kể từ dòng 6 có thiếu một đoạn chú-thích như sau :

Pu-cam-Bo là tên nhà lãnh-tụ Cao-mên theo sử của P. Cultru, nhưng theo tài-liệu trong *Annuaire 1865* thì sách này chép là Po-Kum-Sao. Ông này đã kế tiếp *A-Sao* là người Khmer phất cờ chống Pháp trước hết ở Cam.odge khi vua Norodom xin lệ-thuộc Pháp. Trong giai-đoạn này bên Việt-Nam ta có Trương-Huệ là con ông Trương-Định đã cộng-tác với Po-kum-Sao (lúc này đã 51 tuổi) để cùng đánh Pháp. Cũng *Annuaire 1865 và Les Premières années de la Cochinchine* do P. Vial chép, vị lĩnh-tụ Việt-Nam này tên là Trương-Quyền. Có lẽ Trương-Quyền hay Trương-Huệ chỉ là một mà thôi. Xét họ đều hoạt-động vào năm 1864 — 1866 do đó mà Súy-phủ Sài-gòn luôn luôn khiếu nại với triều-đình Huế. Phan-thanh-Giản luôn luôn chối cãi về vụ này, nói rằng triều-đình không can-dự vào các nghĩa-cử của Liên-quân Việt-Miên.

VIỆT-SỬ TÂN-BIÊN QUYỂN V
In lần đầu tại Thư Lâm Ấn Thư Quán số 231, Phạm Ngũ-Lão — Sài-gòn, gồm 4.500 cuốn, mỗi cuốn giày 500 trang trong có 34 trang hình khắc bằng điện-tử. Sách này in xong ngày 20 tháng 8-1962, và có dành 200 cuốn đặc-biệt in bằng giấy Blanc fin.
KD số 1114/XB ngày 4-6-1962 của U.B.K.D.T.Ư